

H.T THÍCH THANH TỪ

DUYÊN KHỞI LĂNG - GIÀ TÂM ẨN

LỜI NGƯỜI DỊCH

Chúng tôi phiên dịch bộ kinh Lăng-già Tâm Ấn này với mục đích cho tăng, ni học tại thiền viện chúng tôi. Tuy nhiên trước chúng tôi đã có Sư bà Diệu Không dịch, ấn hành vào năm 1970 và 1971 rồi, song bản dịch ấy vì lược nhiều quá khiến chúng tôi không hài lòng, bắt buộc phải dịch lại.

Ở đây chúng tôi dịch trung thực với thiền sư Hàm Thị không dám tăng giảm trong phần số giải. Nếu có giảm, chỉ đôi chút thôi. Bởi chúng tôi thấy, ngài Hàm Thị quả thật là một thiền sư ngộ đạo trong môn đình Tào Động, cho nên lời số giải của Ngài rất phù hợp với tâm tông. Trên phần chánh văn kinh, chúng tôi dịch nguyên âm những danh từ, không nhằm làm sáng tỏ ý nghĩa, độc giả cần đọc qua phần số giải sẽ hiểu rõ. Vì chánh văn vừa tối nghĩa lại cô đọng khúc chiết, nếu không nhờ phần số giải, chúng ta không tài nào lãnh hội được.

Bản kinh ngài Hàm Thị số giải đây, nguyên tên là Lăng-già A-bạt-đa-la Bảo kinh (Lankavatārasūtra), do ngài Cầu-na-bạt-đà-la (Gunabhadra) dịch Phạm Hán, có bốn quyển. Bởi tổ Bồ-đề-đạt-ma sau khi truyền pháp cho tổ Huệ Khả còn bảo: “Xứ này có bốn quyển kinh Lăng-già có thể dùng ấn tâm...”, nên ngài Hàm Thị số giải để thêm hai chữ Tâm Ấn. Tâm Ấn có nghĩa là toàn bộ kinh Lăng-già cốt làm sáng tỏ bản tâm. Người đọc khéo lãnh hội sẽ thấy rõ bản tâm mình, bao nhiêu lời Phật nói trong kinh dường như Phật đem tâm Ngài in qua tâm mình. Cộng thêm lời giải của ngài Hàm Thị càng làm cho chúng ta thấy rõ bản lai diện mục của chính mình, hiện sờ sờ dưới bóng mặt trời trí tuệ của Ngài. Vì thế, hai chữ Tâm Ấn thật là xứng đáng. Do đó ngoài bìa chúng tôi chỉ đề năm chữ Kinh Lăng-già Tâm Ấn.

Về phẩm loại thì bản dịch đời Ngụy chia mười tám phẩm, bản dịch đời Đường chia mười phẩm, chỉ riêng bản này gồm chung lại một phẩm để tên là Nhất Thiết Phật Ngữ Tâm, có bốn phần. Câu Nhất Thiết Phật Ngữ Tâm đã nói lên chẳng những đức Phật Thích-ca nói kinh Lăng-già này chỉ thẳng bản tâm, ngoài tâm không có một pháp, mà tất cả chư Phật có nói ra cũng đều chỉ bản tâm. Như thế, để thấy Phật Phật giáo hóa không khác, pháp pháp đều hiện bày bản tâm.

Trong phần đầu trước khi giải kinh, ngài Hàm Thị có làm bài Tổng luận mà không đề tên Tổng luận, lại đề phẩm Nhất Thiết Phật Ngữ Tâm phần một khiến độc giả dễ lầm là văn kinh. Đó là Ngài muốn nêu lên cho chúng ta thấy lời bàn luận của Ngài ở đây do góp nhặt những yếu điểm trong kinh, chỗ tất cả chư Phật nói về tâm, chớ không có ý kiến nào riêng của Ngài. Vì thế, trong bài Tổng luận này thật cô đọng có thể gom hết toàn ý bộ kinh. Độc giả thông được bài Tổng luận coi như nắm được yếu chỉ bộ kinh Lăng-già.

Bốn quyển kinh Lăng-già, ngài Hàm Thị giải thành tám quyển. Đến phần cuối kinh, độc giả sẽ ngạc nhiên tại sao không có câu: “Phật nói kinh này rồi, tỳ-kheo, tỳ-kheo ni... đều rất vui mừng, tin nhận vâng làm, lễ bái lui đi” (Phật thuyết thử kinh dĩ, tỳ-kheo, tỳ-kheo ni... giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành, tác lễ nhi khứ). Bởi vì toàn bộ kinh Lăng-già rất nhiều, các vị học giả Ấn Độ mang sang Trung Hoa phần nào thôi, nên phiên dịch chưa đến phần chót.

Chúng tôi mong độc giả đọc bộ kinh Lăng-già này thấy được bản tâm, để khỏi cô phụ công ơn đức Phật dùng mọi cách chỉ dạy và khởi uổng công ngài Hàm Thị đã nhọc nhằn giải thích cho chúng ta.

Kính ghi,

Tu viện Chơn Không

Đầu Xuân 1975

THÍCH THANH TỪ



DUYÊN KHỞI LĂNG - GIÀ TÂM AN

Người sở kinh này là Lôi Phong lão nhân, vốn là móng vuốt trong tông môn, vào được hang ổ của tách tướng. Ngài thương sự hoang rậm của nghĩa học và xót chỗ hỗn độn của thiền môn, nên từ năm Quý Tỵ (1653) lui về ẩn nơi Khuông Phụ, treo bầu ở Kim Tĩnh, dựng gậy tại Ngọc Uyên. Hỏi về chỗ khế chứng thì Ngài tâm lặng biển trong, ngựa nhìn thối đẹp thì thân như ngọn núi cao trơ trọi. Như Địa Tạng Sâm cày ruộng nuôi sống, như Thê Hiền Thực tụng tập tu hành. Lò tàn bếp lạnh, chỉ toàn nêu đại pháp. Cước từng lẫn lộn tơ rối bông bong, nương nơi trí bén mà cắt đứt trăm mối. Ngài đối với cỏ nhân thật không hổ thẹn.

Đến năm Mậu Tuất (1658), Ngài trở về Lãnh Nam. Kim Vô tội năm sau từ Ngọc Môn tìm đến, khoảng năm Nhâm Dần (1662) và Quý Mão (1663) cùng chư đệ Thạch Giám v.v... thưa hỏi về Duy thức. Ngài bảo: “Kinh Lăng-già chỉ minh sơ thần ngã chẳng cùng tách châu mà lạm nhận, nương lông rùa dầu cát mà chóng giác vọng tình tự mất”. Nhân Ngài nêu bày chỉ yếu, chúng tôi bèn thỉnh sở giải.

Ngài khéo hiệp với tâm tông, lại toàn thông danh tướng. Chẳng những giữa mài cây trụ cuồng thiền cũng gồm kích dương nơi giảng tịch. Tượng tâm cao vót dầm nghĩa hải nơi nguồn sâu, thần cơ sâu lặng phá các nạn vắn trong nửa bài kệ. Nhọc nhằn mệt mỏi, nhóm họp sưu tầm liền thấy đại nghĩa hiện bày sáng rõ, mừng lời diệu mà không mắc kẹt. Giáo để giúp tông, chỉ truyền riêng bốn quyển. Thức tức là tàng, trợ đại tâm để lần át nhị thừa. Đây thật là vận dụng tâm tối thượng, trông xa thấy thời tộ mà làm ấy vậy. Trong lời sở có nhập lý thâm đàm mà vẫn khít khao với văn kinh. Chính nơi văn nghĩa mà thấy tông thừa, hội tông thừa mà tiêu dung văn nghĩa. Dám thắm nêu lên để chỉ cho kẻ hậu học. Bốn sông đều chảy vào biển, một hòn bọt cũng chẳng còn. Ấy tại xem văn lóng trong mắt tuệ.

Thời vua Khang Hy năm giáp Thìn (1664) ngày mùng 10 tháng 8, đệ tử nổi pháp Kim Vô cú đầu kính thuật.



LĂNG-GIÀ A-BẠT-ĐA-LA BẢO KINH TÂM AN

Lăng-già (Lanka) là tên núi, núi này do sản xuất châu Lăng-già nên lấy tên châu mà gọi tên núi. Núi nằm tại biển Nam là chỗ ở của Dạ-xoa. Bởi vua Dạ-xoa thỉnh Phật thuyết pháp trên núi, nên lấy tên núi đặt tên kinh.

Đại sĩ Táo Bá nói: “Kinh này nói trên núi Lăng-già ở trong biển Nam. Như Lai nói kinh dưới núi, vua Dạ-xoa La-bà-na và Bồ-tát Ma-đế ngồi cung điện hoa đến thỉnh Như Lai vào núi thuyết pháp. Núi này cao vót nhìn xuống biển cả, chung quanh không lối vào. Người được thần thông mới có thể lên được, để tiêu biểu pháp môn tâm địa, người không tu không chứng mới hay lên được. Nhìn xuống biển cả, để tiêu biểu biển tâm thanh tịnh, do gió cảnh thổi, nên sóng thức nổi dậy. Người đạt được ngoại cảnh vốn không thì biển tâm tự vắng lặng. Tâm cảnh đều lặng thì việc gì cũng sáng tỏ, ví như biển cả lặng gió thì mặt trời mặt trăng và vạn vật hiện hình rõ ràng. Kinh này Phật vì hàng Bồ-tát căn cơ đã thuần thực, liền nói chủng tử nghiệp thức là Như Lai tàng; khác với Nhị thừa do diệt thức tiến đến không tịch; cũng khác với Bát-nhã bởi Bồ-tát quán không rồi thích cái Không tăng trưởng. Đây chỉ thẳng thức thể bản tánh toàn chân, liền thành trí dụng, như biển cả kia lặng gió thì cảnh tượng đều hiện bày. Biển tâm chẳng động thì gió cảnh chẳng khác. Chỉ người khéo hiểu được tánh chân, liền nơi thức biến thành trí”. Táo Bá rất thâm hiểu tông thú kinh Lăng-già vậy.

Kinh này dịch lần đầu do ngài Cầu-na-bạt-đà-la (Gunabhadra) đời Lưu Tống (424-454), dịch thành bốn quyển để tên là Lăng-già A-bạt-đà-la Bảo kinh. Đến đời Nguyên Ngụy (500-516), ngài Bồ-đề-lưu-chi (Bodhiruci) dịch thành mười quyển tên là Nhập Lăng-già. Đời Đường thời Võ Tắc Thiên (684-705), ngài Thật-xoa-nan-đà (Sikshànanda) cùng với ông Phục Lễ v.v... dịch thành bảy quyển tên là Đại thừa Nhập Lăng-già.

Bản dịch đời Đường rất đơn giản, không bằng bản dịch đời Tống rất cao sâu. Cho nên từ xưa đến nay những nhà nghiên cứu hầu hết đều theo bản dịch ban đầu (đời Tống).

Thời vua Lương Võ Đế, đại sư Đạt-ma đi đường biển đến Trung Hoa rồi sang nước Ngụy, ở tại chùa Thiếu Lâm chín năm ngồi xoay mặt vào vách. Sau Ngài truyền pháp cho tổ Huệ Khả nói: “Xứ này chỉ có bốn quyển kinh Lăng-già có thể dùng ấn tâm, trọn trao cho ngươi”. Từ đây kinh Lăng-già bèn thành vật bí mật trong Tông môn (Thiền

tông). Thiền giả thời nay đã bỏ qua (kinh Lăng-già) cho đến suốt đời chưa từng giờ ra xem, thật đáng buồn thay! Về nhóm Nghĩa học (học kinh), chỉ có đầu niên hiệu Hồng Võ (1368) có ông Tông Lặc, Như Khỉ vâng chiếu chung nhau sớ. Đến cuối niên hiệu Vạn Lịch (1620) có ngài Đức Thanh bút ký. Đến khoảng giữa niên hiệu Sùng Trinh (1628-1643) có ngài Trí Húc nghĩa sớ. Ngoài những sớ giải trên, không còn thấy chỗ nào khác.

Tổ Đạt-ma thường bảo rằng: “Kinh này sau năm trăm năm trở thành môn học danh tướng”. Xét kỹ lời nói này càng thêm lo sợ. Tổ nói tông của ta thất truyền đâu phải do người hay việc nào khác!

Hàm Thị tôi, từ niên hiệu Thuận Trị nhằm năm Tân Sửu (1661), trước thì Hoa Thủ thị tịch, năm sau Đại Nhật tiếp tục tạ thế. Hai năm qua lạc thú nhân sanh đối với tôi đã hết sạch. Tôi bèn rút lui về ở núi Lô Phong, quanh quẩn trong am tranh, nương chí đời trước, cùng đáp những câu hỏi của thiền gia, dùng để tự vui, chưa dám chỉ dạy người. Chỉ nghĩ đến đạo pháp nảy mầm lộn lạo, nói rằng kiến tánh mà đồng với thần ngã; một con đường thấu thoát (tu thiền) mà không khác với minh sơ. Như câu “Chẳng tự sanh, chẳng phải chẳng sanh”, lời Thánh nói vẫn đầy đủ, mà có người chẳng đạt lý duyên khởi, rớt cuộc rơi vào bác không, mặc tình phá hoại Phật pháp. Xét ra do họ mắc kẹt trên danh tướng, nên công và tội chẳng đồng vậy.

Kinh này chỉ thẳng chúng tử nghiệp thức là Như Lai tàng, thật có mê ngộ. Chẳng thế, thì lấy thức lưu chú làm tự tâm, trở lại thành lỗi tâm sanh thức. Trong lời sớ giải thâm thiết rõ ràng, chỉ trước dẫn ra cho có huyết mạch. Có dẫn kinh luận chỉ lấy chỗ gần là nhập lý để phát minh lẫn nhau. Đến như những lời nói của thiền gia cốt ở chỗ thận trọng giữ mình. Phàm thiền gia dùng có lời để tháo chốt. Còn kinh điển cốt dẫn người trở về không lời. Chính vì chỗ bàn sâu nên không từ phá dẹp, luống dùng lời để cắt đứt, đâu khỏi lẫn lộn chân thuyên (lời nói bày chân lý). Lâm lẫn danh ngôn nên chữ Ô [] chữ Yên [] thành chữ Mã []. Thiền bệnh thời nay là do chân giả khôn phân. Tổ của ta ban đầu lập không lời, cùng truyền bốn quyển kinh, đã thắm bày ẩn ý vậy. Hàm Thị tôi xin tất cả người đời sau nên noi theo ý chỉ của đấng Đại Từ đã chỉ dạy.



PHẨM NHẤT THIẾT PHẬT NGŨ TÂM

Tánh của pháp giới vốn không có ngộ mê, các loài hàm thức tự phân chân vọng. Chân vọng vốn nơi một tâm, mê ngộ bày ra muôn pháp. Pháp không có pháp khác mà dường như các pháp hiện tiền. Tâm không có tâm khác mà rõ ràng thành thức tương tục. Nguyên nhân chỗ tốt chân mà bất giác, vọng động nên tướng sanh. Đạt vọng vốn chân, biết chân thì tướng diệt. Thế nên mười hai loài chúng sanh vốn là Phật mà đối thấy có lưu chuyển. Ba mươi hai tướng hiện sẵn trong tướng phàm phu mà trở thành điên đảo. Cho nên, Thế Tôn đại giác của chúng ta mới cởi chiếc áo quý báu, mà mặc chiếc áo như rách. Chỉ nơi chân tế (mé thật) là vô minh, nói như huyễn là hư ngụy. Căn thân và khí giới đều tùy tình lượng mà phân chia. Cõi Phật và ứng thân đều y nơi trí chiếu mà có sai biệt. Như gương sáng tùy vật mà hiện hình đẹp xấu. Cái rỗng sáng vô tướng vốn là lặng lẽ. Ví như mặt trăng tùy người mà có đi lại, chỉ người tự thấy, ánh sáng vằng vặc treo giữa hư không vẫn không khuyết. Đến hình đẹp xấu để bàn về ánh sáng của gương, căn cứ nơi người đi lại để xem thể mặt trăng, thấy đều do con mắt bệnh. Đây là chỗ thánh trí không cho im lặng vậy.

Cái rỗng sáng vô tướng đâu cho nói bàn, chỉ nói chẳng phải đẹp chẳng phải xấu. Ánh sáng vằng vặc treo giữa hư không, không cần chỉ bày, chỉ nói không phải đi không phải đến. Mong chạm mắt để ngộ tâm, chỉ sợ bỏ mặt trăng mà nhìn ngón tay. Nhân xấu mà chỉ ra đẹp, tức nơi đến mà nói đi. Xét tốt ánh sáng gương tìm không ra tướng xấu thì tướng đẹp làm sao có đối đãi? Tìm cùng cái thể của mặt trăng không có dấu đến thì đi làm gì có? Đẹp xấu đều là vọng, thể gương vốn không, đến đi thấy đối, chất mặt trăng vẫn sáng.

Vì thế, một trăm lẻ tám câu bật dứt nói năng, ngay đó để phát minh nghĩa gì? Tám thứ thức xét cùng là sanh diệt, từ vô thủy nó là hư dối không phải nhân. Chân trí vốn không phân biệt bèn trở thành tâm bất giác. Vì cái bản tịch chẳng giữ linh nguyên mà biến thành thức vọng động. Tâm chẳng sanh thức, hằng Niết-bàn mà ở trong lưu chú (thức lưu chú). Thức chẳng lìa tâm, luồng sanh tử mà ở trong thường trụ (Niết-bàn). Một phen con mắt bệnh thì ngàn hoa đốm rối loạn trong hư không. Một phen vọng che tâm thì

các tình lượng đóng cửa trí. Bệnh hết con mắt vẫn còn, hoa đóm sạch hư không vẫn trong. Vọng sạch thì tâm tròn, tình mất thì trí sáng.

Nếu như trí bị bít trong cửa tình thì toàn trí đều là tình. Tâm mờ mịt trong biển thức tức toàn tâm là thức. Sức huân biến không thể nghĩ bàn, mé thật sanh tử thật khó biết. Nếu các thứ hư vọng mà có nhân để nương thì sự tương tục của căn và thức đâu có thể dừng. Nếu chẳng chuyển lại cái chân thức kia, ắt sanh chấp lầm là sanh nhân. Thức lưu chú bởi mê nên có nhãn thức, sắc trần, ánh sáng chung hợp. Nếu chấp tánh thắng diệu cho là thức, có khác gì kẻ ngu tìm lông rùa, ép cát lấy dầu. Vọng chấp có không nhân quả thành rỗng. Thấy do chẳng rõ được hiện tiền bèn cho là riêng có. Cũng bởi chưa từng thấy chỗ tốt cùng mới lầm chấp là minh sơ.

Do tâm không có mé trước, phạm có hiện ra đều bởi mê mà sanh. Thức không có duyên sau, chỉ rõ được tướng ban đầu thì thấy đồng huyễn hóa. Chán sanh ưa lặng, diệt các thứ nhiếp thọ, liền thấy chỗ chung cục của cảnh giới. Bỏ vọng chứng chân, đã thành đối trị, cũng chưa rõ đầu mối sanh diệt. Bởi lẽ ngộ không có sai biệt, mà mê có cạn sâu. Tâm không có đồng khác mà thức có ranh vực. Thế nên biển tàng thức khó lường, giác tâm thì thường trụ. Sanh tử và Niết-bàn không có người tạo, dựng lập phạm thánh chỉ là cái bóng rỗng. Chỗ hiện của vọng tướng, chỗ hành của thánh trí, căn trần tâm thức đều chẳng lìa nhất chân, mà bờ mé mê ngộ thường xa. Trên tánh chân như tình tượng mỗi cái có khác, ấy là lý do thăng trầm trong sáu thú. Trong pháp vô vi trí và hạnh có nhiều đường, nhân đó mà tứ thánh có cao thấp.

Thức thứ tám chỉ có lỗi mê, nên sóng mồi nổi dậy, song tánh ướt trong biển vẫn thường còn. Bảy chuyển thức vốn không có nhân chân thật, tuy lóng trong yên lặng mà dòng tinh trạm (thức thứ tám) sức nó chưa dừng. Cho nên cái tinh trạm hợp chẳng lìa mé thức, đây càng thấy rõ bởi do xúc mà sanh thọ. Toàn sóng là nước, vì chỉ cho kẻ ngu nên dùng môn bất nhị. Lý chân thật thì lìa ngôn ngữ, chính là chỗ tự ngộ của người tiến tu. Tốt cùng bi trí tròn đầy ba tướng (giải thoát, ly, diệt) nơi nguồn giác. Trừ sạch thức hiện lưu vượt khỏi ngũ pháp (danh, tướng, phân biệt, chánh trí, như như) ra ngoài chỗ nghĩ bàn.

Kẻ bỏ tự tông (tâm) này liền rơi vào tà kiến. Chẳng rõ tự tâm hiện ra, dối nói có sanh nhân (có cái đầu mối sanh ra). Người xét biết muôn pháp về không, lại rơi vào đoạn

diệt. Tìm cùng lý do của sừng thỏ, chia chẻ tốt chi tiết của sừng trâu, mới biết đối đãi nhau, cuối cùng thuộc vô nhân (không có nguyên nhân). Nương nơi không nên có sắc, nương nơi sắc nên có không, phân biệt rõ ràng.

Bỏ sắc để thấy không, bỏ không để tìm sắc thì lấy bỏ đành đành. Đâu biết đồng thời liền hiện, cảnh trong mộng đâu có trước sau. Hai tướng không khác, sau khi giác ngộ ai còn thấy kia đây?

Ngộ thì hoàn toàn ngộ, biết rõ vọng thì đâu cần phá trừ. Mê mà không biết mê, nhân căn cơ bèn có đốn tiệm. Lìa âm, giới, nhập được diệt môn giải thoát. Bày thí, giới, nhẫn hiển đạo ba-la-mật. Phá cái phàm tình chấp ám này, dẹp cái dị thuyết chấp vô nhân kia. Chỉ rõ duyên khởi không tánh, do vọng mà có tướng sanh. Nêu rành vọng tướng từ nơi mê, nên tình lượng không có thật thể. Dẫn trở về tự giác, chóng vào lý quên lời. Bỏ cái tâm phan duyên theo năng và sở, rõ cái tướng tốt cùng sai biệt. Nói có chia báo thân, hóa thân, mà thừa thì không hai không ba. Thanh văn biết như thật nên chỉ khác với hàng ngoại đạo. Bồ-tát chẳng quên bản nguyện, vẫn còn ngại ưa vắng lặng. Về đệ nhất nghĩa để còn chẳng phải cảnh giới của Nhị thừa. Huống là “tánh thường” chẳng thể nghĩ bàn thì đâu đồng với tướng nhân của ngoại đạo. Tự giác cái chân nhân thì thật có tự tánh, vô thường tướng khác chỉ rơi vào chỗ nghĩ bàn. Tánh bản trụ không thuộc về thấy nghe, do dính với cảnh sở tri bèn đem cái giác biến thành cảnh. Thánh trí vượt ngoài phân biệt, chỉ chớ mê niệm hiện tại, mới thấy rõ lý tâm không thể nói năng.

Bởi không giác ngộ tự tâm, nên tùy sự tu tập mà sanh ra các thừa, mỗi thừa tự thành chủng tánh. Chẳng phải không có Phật tánh, Phật thừa thần lực nhiếp hóa chúng xiển-đề, ắt cũng có nhân duyên. Cho nên biết mê ngộ đồng duyên mà tâm biết mỗi người có khác. Thánh và phàm đồng một chân thật, bởi giác và tướng mà có phân chia. Như đồng âm, giới, nhập mà một bên thấy là ta là người, một bên thấy là vô ngã, nghĩa thật do đó mà cách xa. Như tâm, ý, thức có pháp cho là tức ngã, có pháp cho là ly ngã, mà thể giác chưa từng biến đổi. Bởi phá chấp trở về chân thật, nên lập tánh có ba (biến kế, y tha, viên thành). Nhân nơi ngã chỉ bày là không, nên thành có hai trí (nhân không, pháp không). Thấu rõ thật tướng các pháp thì nơi danh, tướng tức là như như. Khéo biết tự tánh chân không thì vọng tướng biến thành chánh trí.

Bồ-tát như tự tánh vọng tưởng, y duyên khởi mà đối hiện sắc thân. Vào chỗ chư pháp như huyễn mà không rơi vào có và không, khắp đạo các cõi nước. Rộng độ chúng sanh mà không có chúng sanh được diệt độ. Hiện bày huyễn nghĩa đâu rơi vào nói năng. Vì đối trị tâm phân biệt nên nói không có cảnh giới. Dẹp trừ cái tướng vô ngã, vì nói môn Như Lai tàng. Chớ kẹt vào cái khéo phương tiện, chỉ nên chúng pháp ở trong. Cái lý “không không” sâu xa chẳng phải do ngôn ngữ có thể bày hiện. Người tăng tiến bậc thượng thượng sẽ được chỗ sở hành của tự giác. Là tứ cú (có, không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không), vượt ngoài tam chi (tông, nhân, dụng), hiện trong bóng sáng trắng nước, ra ngoài kiến lập và phi báng.

Thiền-na bày bốn (sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền), về thánh lạc chỉ có ba. Không, vô tướng, vô nguyện đối với thật đế rất là phù hợp. Thọ, tịch tịnh, giác tri trong thân chỉ nên thâm hợp. Làm tiêu băng tâm ý thức sanh tử, trở về nước Như Lai tạng Niết-bàn. Tự tánh không việc, chẳng phải đoạn chẳng phải thường. Hoa giác như huyễn chẳng hoại cũng chẳng tử. Cho nên ngoài tự tánh vọng thấy có Niết-bàn, đều thuộc về nhân duyên thì chỉ có nói năng. Pháp như huyễn hằng ở trong sanh tử đồng với hoặc loạn, mà ngay đó là vô sanh. Vì không tánh nên nói vô sanh. Vì vô sanh nên nói như huyễn. Pháp như huyễn chẳng rời cảnh giới Văn Thù và Phổ Hiền, nên không thể nói năng. Lý vô sanh tánh nó là ly, nên không phải chỗ biết của ngoại đạo và Tiểu thừa, nên dứt nghĩ bàn.

Tứ quả chẳng ngoài tâm lượng, nhị giác đều do chọn lựa Niết-bàn. Là thức lại-da không có tánh chứa đựng. Là cái bất giác thì không có lại-da. Bảy chuyển thức vốn là vô sanh, luống phân biệt nên tăng thêm bất giác. Bởi bất giác nên duyên khởi vọng có tướng sanh, giác được cái vọng do mê thì tánh Viên thành tự hiện.

Mười phương ba đời đồng là nhất thừa, thể và xuất thể gian vốn không có hai cái ngã. Thấu được cái chân truyền, vọng tưởng không tánh, suốt yếu chỉ tự giác, không do nơi người. Mới biết tâm chẳng sanh duyên, duyên chẳng sanh tâm. Tâm và duyên cả hai đều bật thì tịch chiếu khắp hà sa. Sự và lý dung thông nhau, không và hữu, bóng hiện trong hải ấn. Một địa (địa vị Bồ-tát từ sơ địa đến thập địa) là tất cả địa, tất cả địa là một địa. Rõ thấu pháp vốn vô sanh thì dung hội được hình bóng trong gương và nước. Thuận tánh khởi dụng thì xếp đặt các chủng loại ở chốn không minh. Đoạn ngoại sắc của La-hán,

hại hữu tâm của giác thân. Phật không có tự và tha, pháp đồng xưa và nay. Cứu kính trọn không có một chữ, tùy loài bèn có ba thân.

Nếu chấp có, trở lại kẹt nơi vô nhân. Nếu nhận không bèn thành hoại pháp. Pháp giới vốn tự vô sanh, do vọng nên theo duyên khởi. Tánh tướng vắng lặng, đâu cho có tâm chấp hữu. Nhân quả rõ ràng, khó khỏi cái nghiệp vô tác. Có không đều chẳng chấp mới vào được tự tông (tâm tông). Phương tiện tùy cơ không thể chẳng nói. Nhân nơi tông (tâm) khởi lời nói, do lời nói đạt được tông (tâm). Các thứ chẳng thật tức là cái đệ nhất như thật tự tánh vốn không. Chỗ vọng tưởng phát sanh, tức là vọng tưởng chẳng sanh, tùy duyên đâu có khác. Một sanh một chẳng sanh, do vọng thấy mà thành tà kiến. Tứ tướng (ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả) và tứ bình đẳng (từ, bi, hỷ, xả) trong chân giác không có hai. Do nơi ngữ mà thể nhập nghĩa, nên kinh điển hiển bày nguồn tâm. Biện được thức rõ được trí, ở bậc Như Lai chỉ duyên mà tự được. Tất cả các pháp, tâm làm tự tánh, an trụ trong tâm thì không có tướng chuyển biến. Tất cả cái tương tục, giác là liễu nhân, trở về bản giác mới là biết như thật.

Vì ngăn vọng chấp nên nói pháp không. Vì lia khủng bố nên nói tánh hữu. Như thế đều chẳng phải lời nói chỉ đến chỗ tột cùng. Chẳng qua, tùy phương tiện để chỉ bày vậy. Không lập tông thì tự tướng các pháp mới sáng tỏ. Chẳng phải vô trí, vì vọng tưởng và vô tri mà tự khác. Giáo liễu nghĩa diệu chỉ ở trước lời nói. Người tu hành đạt được tông thú, giác ngộ vượt ngoài chánh lý. Ý lời nói mà nhận nghĩa là bị danh ngôn đối gạt. Đạt lối rẽ của pháp mới dẹp trừ được thế luận. Chỉ biết lia văn cú mà chẳng phải lặng thinh. Lại biết tột các duyên tâm mà chẳng thành đoạn diệt. Thế thì cái chân vọng đối đãi liền được dung thông. Đây là lối đối trị năng và sở đều dứt. Pháp giải thoát như thật duy tự chứng biết. Niết-bàn vô trụ là pháp bình đẳng, chẳng phải nhân chẳng phải quả. Tri giác của Như Lai có tự mà không tha, tức nơi sắc thân là pháp thân, chư Phật khéo ứng hiện đâu phải không, vô nghĩa.

Vô tánh là phi vô, dị danh là phi hữu. Phi vô là pháp không sanh, chẳng theo duyên diệt. Phi hữu là pháp chẳng diệt, đâu đợi duyên sanh. Chẳng theo duyên diệt, mà vì chúng sanh nói là chẳng sanh. Không đợi duyên sanh, mà vì chúng sanh nói là chẳng diệt. Tạm mượn phương tiện lập bày để xây dựng chương cú đại thừa. Vì thế giới nghĩa mới gọi là đa văn. Dụ xem ngón tay là quở trách kẻ ngu. Tướng vô kiến là tánh thật của vọng

tướng. Lìa vòng xúc xích của mười hai nhân duyên tức là phân biệt tuệ không. Hai thứ ác kiến (thường, đoạn) nhân mê các pháp mới sanh. Ba cõi nầy sanh do tâm, chỉ y trong tự giác mà trụ. Phi thường và vô thường quyết định không có tánh. Có nhiếp thọ và không nhiếp thọ, sự sai biệt đều do người. Giác ngộ pháp có tướng khác, vẫn thuộc về thiền định của nhị thừa. Bồ-tát nhớ nghĩ đến bản nguyện, còn đợi đến bát địa giác ngộ mới giữ gìn. Mộng qua sông đã tỉnh, thì ánh sáng của ngọn lửa mạnh mới khắp.

Các bậc trụ không có, cứu kính khác gì sơ tâm. Phật địa trang nghiêm được nhanh, thủy giác tức là tối thắng. Nếu chấp tự giác thánh trí thường không sanh thì có lỗi, vì nó khác với hư không kia. Bởi dùng phương tiện tu hành chứng được, nên chẳng đồng với nhân tác của ngoại đạo. Tự tánh không như, bất giác mà thành cái nhân các thú. Bấy chuyển thức nhiếp trì, tuy vô ngã mà vẫn còn cái lỗi của tập khí thừa. Như Lai tàng tánh vốn không sanh diệt, do khách trần mà in tuồng có trọc có thanh. Từ tục vào chân phải nương nơi năm pháp. Do trí đến tịnh chỉ rõ được nhất tâm. Chư Phật ba đời vượt hẳn mọi sự tôn trọng của thế gian, vì dựng lập tự tâm thông suốt, không phải như hoa ưu-đàm-bát. Tập khí vô lậu không phải là nghĩa sát-na, nếu an trụ chánh pháp thì xem nó như thành Càn-thát-bà. Lục độ cũng chia có quyền thật. Ba Phật (pháp, báo, hoá) lẫn nhau phát minh. Thúc đẩy Nhị thừa đến chỗ cứu kính, khuyên chúng sanh trong ba cõi tu hành trong sạch, thấy thuộc về quyền lập, đều là Phật hóa thân nói. Nếu bàn về bốn trụ (pháp thân) trọn không có ngữ ngôn, chỉ nói phi thừa khiến người tự khế ngộ. Bản giác thanh tịnh chẳng nhờ công huân tập. Tự tánh đã trang nghiêm đâu cho ô nhiễm. Nên nói “căn bản trí sáng, sai biệt tuệ đầy, trước sau gốc ngọn hội tột chỗ vô ngôn” ấy vậy.

Tóm lại, đại đạo không dấu vết, chỉ ở trước mắt. Chỗ chí lý bật nghĩ lường, chẳng bàn kiếp ngoại. Do đó, đức Thế Tôn đóng cửa thất nơi nước Ma-kiệt (Magadha), ngài Duy Ma Cật lặng thính trong thành Tỳ-da (Vaisali). Chẳng nói mà nói, phôi bày sum la vạn tượng; chẳng nghe mà nghe, gom ngàn căn cơ về nơi vắng lặng. Vừa dính tình lượng đã rơi vào hiện giờ. Chỉ cần trở về, đâu cần phô bày hình tướng. Thế nên, đêm ấy thành Phật, đêm ấy Niết-bàn, khoảng giữa chẳng nói một chữ. Bản tế sanh tử, bản tế Niết-bàn, tùy thuận đâu có hai dòng. Diệu tại chẳng biết, lỗi cũng tại chẳng biết. Mê phi cú này, tức ngộ cũng phi cú này. Toàn thân trong mộng, khi thức cũng chẳng rời khỏi gói mền. Trong cái tướng sai biệt, xoay lại không ngoài việc xem gương. Như nước ngậm trăng,

trong ngoài đều loãng. Như gương soi không, rỗng sáng xen nhau. Từ cổ đến kim, từ sáng đến tối đâu do có người mà thêm đẹp đẽ. Nào bởi không kiếp mà giảm bớt hư minh. Người mất đó cũng đồng tâm biết này. Người được đó chẳng đổi nghe thấy. Cần phải biết có, đâu dùng lại không. Ngọc ma-ni đâu phân làm năm sắc. Toàn thân con voi đâu giấu với nhóm người mù. Giữ chân bỏ vọng, khó tránh khỏi sự chê “nổi dòng chim le dứt dòng chim cò”. Mở cái tối bít cái sáng, không khỏi người cười “dời núi lấp rãnh”.

Bởi vì tám thức vốn rỗng, năm pháp đều giả. Hai cái ngã (nhân và pháp) đối tự gìn giữ. Ba tánh lầm nương nhau mà lập. Ngàn sai muôn khác chẳng qua một cái mê. Tột trước cùng sau cứu kính trở về niệm hiện tiền. Tin pháp môn thẳng tắt không do đâu, hội được pháp tổng trì mới chung cục. Cái bắt giác trước, cái bắt giác sau, như sữa trong nước thật là khó phân. Thánh rửa tình phàm, phàm che kiến thánh, mảnh than trong tối dễ nhận. Đâu biết tình mất trí hiệp, tưởng hết thể tròn. Cho nên nói: “Đại đạo chỉ tại trước mắt, chỗ chí lý đâu bàn kiếp ngoại”.



I-PHẦN TỰ:

A-DUYÊN KHỞI CỦA KINH:

Tôi nghe như vậy, một hôm Phật ở trên đỉnh núi Lãng-già tại bờ biển Nam, dùng các thứ hoa báu trang nghiêm, cùng với các vị đại tỳ-kheo tăng và chúng đại Bồ-tát câu hội. Chúng đại Bồ-tát ấy ở các cõi Phật khác đến. Các ngài có sức tự tại vô lượng chánh định và thần thông du hý, đại Bồ-tát Đại Huệ làm thượng thủ. Các ngài đã được tất cả chư Phật làm phép quán đánh, và khéo hiểu nghĩa cảnh giới tự tâm hiện, các loại chúng sanh, các thứ tâm sắc, vô lượng độ môn, tùy loại khắp hiện. Đối với năm pháp, ba tự tánh, tám thức và hai thứ vô ngã, các ngài đã thông đạt cứu kính.

Trên hội Niết-bàn, ngài A-nan hỏi Phật: Khi kết tập các kinh, lấy câu nào để đầu? Phật dạy: Phải dùng câu “Tôi nghe như vậy, một hôm Phật ở...” làm thông lệ cho các kinh. Kinh này Phật chỉ thẳng cho chúng sanh căn thân khí giới hiện tiền đều duy tâm hiện, như mộng như huyễn chẳng phải có chẳng phải không. Một niệm bất giác muôn pháp này đồng hiện. Chính nơi đó mà phát minh thì chỉ một tâm không có gì khác. Đây là cảnh giới bất tư nghì của chư Phật, Bồ-tát, không phải chỗ biết của hàng nhị thừa và ngoại đạo. Cho nên những vị đương cơ cùng chư đại Bồ-tát đồng đến trong hội, đều được chánh định tự tại và thần thông du hý, khéo hiểu tất cả cảnh giới tự tâm hiện. Các ngài tùy các thứ tâm sắc của chúng sanh lập bày phương tiện để độ thoát, và thông đạt cứu kính năm pháp, ba tự tánh, tám thức, hai vô ngã. Các ngài đủ khả năng thọ nhận đệ nhất liễu nghĩa của Như Lai, không rơi vào lưới nghi, không bị tất cả ngoại đạo, Nhị thừa làm hoặc loạn. Những vị đại tỳ-kheo chung hợp trong hội này đều là hàng Nhất thừa hóa hiện, không đồng với hàng định tánh Thanh văn, chẳng kham phát tâm Đại thừa. Cho nên phần duyên khởi này cùng với yếu chỉ Duy tâm của bản kinh phù hợp nhau hiển bày.

B- ĐƯƠNG CƠ KỆ TÁN

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ cùng Bồ-tát Ma-đế hợp nhau dạo tất cả cõi nước chư Phật, nương thần lực của Phật từ tòa đứng dậy, bày vai áo mặt, quỳ gối mặt xuống đất, chấp tay cung kính dùng kệ tán thán Phật:

Cõi nước chư Phật tức là cõi nước chúng sanh. Những vị Bồ-tát này hay chính chỗ nhật dụng của chúng sanh mà thông đạt cảnh giới Phật. Bảo rằng “Thấy tất cả sắc

đều là sắc Phật, nghe tất cả tiếng đều là tiếng Phật, dạo tất cả cõi nước đều là cõi nước chư Phật”. Do đó các Ngài trên nương thần lực chư Phật, dưới vì trong hội chúng phát lời tán thán. Những lời tán thán Phật đều hàm súc ý nghĩa kinh, không có chỉ thú riêng.

Thế gian lia sanh diệt
Ví như hoa hu không,
Trí chẳng thấy có, không
Mà khởi tâm đại bi.
Tất cả pháp như huyễn
Xa lia nơi tâm thức,
Trí chẳng thấy có, không
Mà khởi tâm đại bi.
Xa lia chấp đoạn thường
Thế gian hằng như mộng,
Trí chẳng thấy có, không
Mà khởi tâm đại bi.

“Thế gian như không hoa, tất cả pháp như huyễn, thế gian hằng như mộng”, những câu này là tức nơi nhật dụng của chúng sanh liền thấy cảnh giới bất tư nghì của Như Lai, chẳng phải do dụng công quán chiếu của trí khiến nó thành có hay thành không. Như Lai thương xót các chúng sanh này không thể tự giác, luống theo tâm thức vọng chấp đoạn, thường. Ngài khởi đại bi lập bày phương tiện để độ thoát. Bồ-tát thâm hiểu được ý này, cho nên trong lời tán Phật riêng bày chỉ thú toàn kinh. Đây là “khéo hiểu nghĩa cảnh giới tùy tâm hiện” ấy vậy.

Biết nhân pháp vô ngã
Phiền não và sở tri (nhĩ diệm)
Thường thanh tịnh không tướng
Mà khởi tâm đại bi.

Phàm phu chấp trong thân ngũ ấm là ngã nên phiền não y đó mà khởi. Nhị thừa quán ngũ ấm vô ngã mà cái sở tri chưa quên. Cả hai đều thuộc về mê, không phải có cạn sâu vậy. Ở đây nói “nhân pháp vô ngã, phiền não sở tri thường tự thanh tịnh” đều là lời tán Phật. Song cũng chỉ rõ phàm phu Nhị thừa ngay đó toàn không, bởi do bất giác vọng

thấy lưu chuyển. Như Lai biết rõ nên khởi đại bi độ thoát. Tuy không có chúng sanh được diệt độ, mà mười câu vô tận bản nguyện sâu rộng vậy. Xét theo Tam tế:

Y bất giác tâm động gọi là Nghiệp tướng.

Y tâm động khởi năng kiến gọi là Chuyển tướng.

Y năng kiến mà cảnh giới vọng hiện gọi là Hiện tướng.

Ba thứ này, thuộc về thức thứ tám, là cái tập khí hư vọng từ vô thủy. Sau y Hiện tướng đối cảnh phân biệt thành Lục thô.

Trí tướng tức pháp chấp câu sanh.

Y trí khởi niệm chẳng dứt gọi Tương tục tướng là pháp chấp phân biệt. Hai cái pháp ngã (chấp) này, tuy thuộc thức thứ bảy, song cội gốc nó thật khó thấy. Vì nó y bất giác mà khởi nên rất vi tế. Đến hàng Thập nhất địa (Đẳng giác) vẫn có hai phần sở tri ngu, cho nên không phải chỗ Nhị thừa thấy được. Chử sở tri tức là nhĩ diệm vậy.

Y niệm khởi chấp gọi Chấp thủ tướng, là nhân chấp câu sanh.

Y chấp khởi kế (tính toán) gọi Kế danh tự tướng, là nhân chấp phân biệt. Hai cái nhân ngã (chấp) này, khởi ra tất cả cội gốc phiền não, cũng thuộc về thức thứ bảy. Song vì y cảnh phân biệt làm chỗ chấp giữ, nên hàng Nhị thừa quán nhân vô ngã cũng hay đoạn được mà pháp ngã của thức thứ bảy chẳng đoạn. Ngài Huyền Trang cho phân biệt thuộc thức thứ sáu, câu sanh thuộc thức thứ bảy. Song ở đây xét về nguyên do sanh khởi nên nói chung là thức thứ bảy.

Y hoặc tạo nghiệp gọi Khởi nghiệp tướng.

Y nghiệp chiêu báo gọi Khổ hệ tướng.

Hai phần này thuộc về trời người. Nhưng tóm kết Tam tế và Lục thô thấy đều do bất giác. Nếu giác thì hoàn toàn không, nên nói “thường thanh tịnh không tướng”.

Tất cả không Niết-bàn

Không Niết-bàn của Phật

Không có Phật Niết-bàn

Xa lìa giác, sở giác

Hoặc có hoặc không có

Cả hai thấy đều lìa.

Bốn bài kệ trước nói chỗ nhật dụng của chúng sanh thấy là cảnh giới của Như Lai. Bài kệ này nói Như Lai Niết-bàn chẳng khác với chúng sanh sanh tử, nên nói “tất cả không Niết-bàn”. Nếu có Niết-bàn thì đâu không sanh tử; đã có sanh tử tức có chúng sanh sanh tử và có chúng sanh vào sanh tử. Có chúng sanh sanh tử tức là có Phật Niết-bàn. Có chúng sanh vào sanh tử tức có Phật vào Niết-bàn. Thế là cái năng giác và sở giác rõ ràng thành đối đãi. Đâu biết rằng tất cả chúng sanh đã vào Niết-bàn, chẳng cần lại Niết-bàn. Như Lai thấy rõ nên hay tùy thuận bản tế, sanh tử Niết-bàn đều như mộng huyễn. Đã tuyệt tâm năng, sở thì không rơi vào cái thấy có, không. Bậc Vô thượng chánh chân không thể đem trọn sự suy xét so lường đến được.

Quán Mâu-ni tịch tĩnh

Thế là xa lìa sanh

Ấy gọi là chẳng thủ

Đời này đời sau tịnh.

Pháp thân không tánh không sanh, chẳng phải tâm chẳng phải thức, đây là Mâu-ni tịch tĩnh, chóng lìa tất cả kiến, tướng sanh diệt. Nếu khởi cái quán này, trong một sát-na các chấp đều đoạn. Liên đó mắt mình mở rộng thẳng đến vị lai tự nhiên tịnh niệm tương tục. Đó là chỗ Lục tổ nói “niệm trước chẳng sanh, niệm sau chẳng diệt” vậy. Nhân lời tán Phật này để chỉ cho người phải để mắt nơi đây.

II - PHẦN CHÁNH TÔNG.

A- Chỉ pháp môn đệ nhất nghĩa rộng lớn vi diệu lìa nói bất chứng

-Hỏi một trăm lẻ tám câu.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ nói kệ tán Phật rồi, tự trình danh tánh, con tên là Đại Huệ thông đạt được đại thừa, nay đem một trăm lẻ tám câu thưa hỏi bậc Tôn tối thượng (Phật). Bồ-tát tự nói thông đạt đại thừa, vì muốn người đương thời và kẻ hậu thế biết nghĩa hỏi ở đây đều là chỗ thiết yếu của nhất thừa, chẳng phải nghĩa sai biệt của các thừa.

Bậc Thế gian giải (Phật) nghe kệ kia rồi, quán sát tất cả chúng, bảo các Phật tử rằng: “Phật tử các ông! Nay cho mặc tình hỏi, ta sẽ vì các ông nói cảnh giới tự giác”.

Cảnh giới tự giác là chỗ chứng của chư Phật trong mười phương và ba đời. Trong bốn quyển lập đi lập lại xét rõ trọn không ngoài ý này, nên trước vì nêu bày ra.

Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Huệ nhân lời Phật đã nói, đánh lễ dưới chân Phật, chấp tay cung kính dùng kệ hỏi rằng:

Thế nào tịnh niệm kia?

Thế nào niệm tăng trưởng?

Thế nào thấy si hoặc,

Thế nào hoặc tăng trưởng?

Thế nào hóa tướng cõi

Và các chúng ngoại đạo?

Cớ sao không thọ thứ,

Vì sao gọi vô thọ?

Niệm là vọng giác. Si hoặc là bất giác. Chân như không tánh bất giác vọng động, kiến hoặc vừa sanh liền có vọng giác. Muốn sạch vọng giác thì phải tìm tốt chỗ khởi vọng giác. Muốn ngộ bất giác thì cần xét cùng chỗ sanh bất giác. Chừng ấy mới biết chân như không tánh là mật chỉ của chư Phật, nên phải hỏi trước. Cõi tức là cõi nước. Hóa tướng là tất cả tướng biến hóa trong lục đạo. Trước nói ngoại đạo, sau đề ra Vô thọ, đó là muốn biện sự sai biệt của tà chánh. Vô thọ là Mâu-ni tịch tĩnh, chẳng thọ một pháp, lia các tướng trạng. Thứ là thứ lớp các địa. Kinh Kim Cang nói “do pháp vô vi mà có sai biệt”.

Cớ sao gọi phật tử ?

Giải thoát đến chỗ nào,

Ai phược ai giải thoát?

Những gì cảnh giới thiên?

Tại sao có ba thừa?

Cúi mong vì giải nói.

Duyên khởi chỗ nào sanh?

Thế nào tác, sở tác?

Thế nào đồng dị thuyết?

Thế nào là tăng trưởng?

Thế nào vô sắc định

Và cùng diệt chánh thọ

Thế nào là tướng diệt?
Vì sao từ định giác,
Thế nào tạo tác sanh,
Tiến đi và giữ thân?
Thế nào hiện phân biệt?
Thế nào sanh các địa?

Câu “giải thoát đến chỗ nào” là muốn hiển bày Mâu-ni tịch tĩnh, không có phược và thoát; nên nói tiếp “ai phược ai giải”. Nói không có giải có phược là, bởi mê ngộ vọng thấy mà thôi. Cảnh giới thiền là chỉ các thiền định của phàm thánh. Duyên khởi là pháp do nhân duyên sanh ra. Tác, sở tác là nghiệp quả năng tác và sở tác. Đồng dị thuyết là chỉ ngoại đạo tà thuyết. Tăng trưởng là nhân gì tăng trưởng nhân quả trong tam giới? Vô sắc định là tứ không. Diệt chánh thọ là diệt tận định. Tướng diệt là vô tướng định. Từ định giác là hỏi Như Lai vì sao từ định mà giác (ra) khởi các tác dụng, thị hiện thân có đi có đứng. Hiện phân biệt là, hiện nói các thứ pháp sai biệt. Sanh các địa là, kiến lập hành tướng các địa.

Ai người phá ba cõi
Ở đâu, thân thế nào,
Vãng sanh đến chỗ nào?
Thế nào Tới thắng tử?
Nhân gì được thần thông
Và tự tại tam-muội?
Thế nào tâm tam-muội?
Tới thắng vì con nói.

Phá ba cõi là, chỉ chung cho hàng Tam thừa ra khỏi tam giới. Đã ra khỏi tam giới, trụ ở chỗ nào, thọ những thân gì, vãng sanh đến chỗ nào. Nói thánh nhân tam thừa đồng ra khỏi tam giới, song thân và cõi chẳng đồng, ứng và hóa mỗi vị có khác. Tới thắng tử là chỉ chư Bồ-tát. Thần thông là sáu pháp thần thông. Tam-muội dịch là chánh thọ (chánh định). Tâm tam-muội là tâm trụ trong chánh định, cùng với pháp chánh định đồng hay khác.

Thế nào gọi là tàng

Thế nào ý và thức?
Thế nào sanh cùng diệt
Thế nào thấy rồi hoàn?
Thế nào là chủng tánh
Phi chủng và tâm lượng?
Thế nào kiến lập tướng
Và cùng nghĩa phi ngã,
Thế nào không chúng sanh
Thế nào thế tục thuyết?

Tàng là tàng thức. Ý là thức thứ bảy. Thức là thức thứ sáu và năm thức trước. Sanh diệt là các căn thức hiện ra sanh diệt. Thấy là thấy được cái sanh diệt. Hoàn là trở lại cái không thấy. Đồng một tâm này mà có riêng biệt là tàng, ý và thức. Rồi có khác là thấy sanh diệt và thấy chẳng sanh diệt. Cái mê ngộ hư vọng này thấy đều không thể có. Chủng tánh là tam thừa chủng tánh. Phi chủng là không có chủng tánh, chỉ cho ngoại đạo và chúng xiển-đề. Tâm lượng là đồng một tâm mà mỗi cái có chừng lượng vậy. Kiến lập tướng là tướng ngã. Nghĩa phi ngã là tướng vô ngã. Chúng sanh là nói khác của tướng ngã. Tức là đối với ngã và pháp vốn không có chúng sanh, mà đối với thế tục nói có đó là sao?

Thế nào là đoạn kiến
Và thường kiến chẳng sanh?
Tại sao Phật, ngoại đạo
Tướng đó chẳng trái nhau?
Thế nào đời sau này
Có các thứ bộ khác?
Thế nào không, tại sao?
Thế nào hoại sát-na?

Đoạn và thường đều là tà kiến của ngoại đạo. Kiến chẳng sanh là chẳng sanh hai kiến chấp này, tức là chánh pháp Như Lai. Phật cùng ngoại đạo tướng chẳng trái nhau là, gồm vào một tâm bình đẳng mà nói vậy. Bộ khác là, sau khi Phật diệt độ đệ tử kiết tập kinh bộ mỗi phần có khác. Nói một tâm bình đẳng, Phật cùng ngoại đạo không khác, mà

đệ tử trong pháp của Phật trở lại thấy có khác, là sao? Không là các pháp tánh không. Hiện thấy các pháp mà nói không đó là sao? Sát-na là niệm rất vi tế. Niệm niệm chẳng dừng, sát-na chẳng trụ, không phải chỗ biết của người vô trí.

Thế nào thai tàng sanh?

Thế nào thế bất động?

Nhân gì như huyễn mộng

Và thành càn-thát-bà

Thế gian thấy sóng nắng

Cùng bóng trăng đáy nước?

Bởi đâu nói giác chi

Và cùng bò-đề phân?

Thế nào quốc độ loạn?

Thế nào khởi thấy có?

Thai tàng sanh là thân phần đoạn sanh tử của chúng sanh. Thế bất động là cõi nước hằng dời đổi mà chân tánh vẫn thường trụ. Huyền, mộng, thành càn-thát-bà, sóng nắng, trăng đáy nước, thấy đều dụ cho chúng sanh cùng thế giới không thật. Nhân gì như, ấy là chúng sanh sanh tử thế giới dời đổi, rõ ràng hiện tiền, mà nói như mộng huyễn... ai sẽ giác biết? Giác chi, bò-đề đều chỉ cho chánh trí, tức là giác ngộ thế gian mộng huyễn. Quốc độ loạn là quốc độ dời đổi. Khởi thấy có là, quốc độ dời đổi mà chúng sanh vô trí vọng thấy thật có. Sao mà giác mê xa nhau lắm vậy?

Thế nào chẳng sanh diệt

Thế như hoa trong không?

Thế nào giác thế gian?

Thế nào nói lìa tự (văn tự)?

Lìa vọng tưởng là ai?

Thế nào ví hư không?

Có mấy thứ như thật?

Mấy tâm ba-la-mật?

Nhân đâu qua các địa?

Ai đến không chỗ thọ?

Chẳng sanh diệt, hoa trong không, đều chỉ thế gian mà nói. Thế gian vốn chẳng sanh diệt mà dối thấy sanh diệt. Vốn như hoa trong không mà dối thấy thật có. Thế là phải đợi đến khi giác ngộ mới thấy. Giác thế gian là giác thế gian này chẳng sanh diệt như hoa trong không. Đã giác thế gian liền rõ như huyễn, chẳng rơi vào có không, không phải nói năng có thể đến, nên nói lia vắn tự. Nói năng đã lia thì phân biệt liền dứt. Tất cả pháp ví như hư không, thấy cội gốc thật tướng được đến bờ kia. Trải khắp các địa đến nơi vô thọ. Đây có thể thứ lớp chứng biết, mà vì muốn Thế Tôn hiển bày rành rẽ. Có mấy thứ như thật là, chứng được chân như hàng tam thừa có mấy hạng sai biệt. Mấy tâm ba-la-mật là, được qua sanh tử cũng phân có tam thừa.

Những gì hai vô ngã?

Thế nào tịnh sở tri?

Các trí có mấy thứ?

Mấy thứ giới chúng sanh?

Ai sanh các tánh báu,

Chân châu ma-ni thủy?

Ai sanh các ngữ ngôn?

Chúng sanh các thứ tánh?

Trong hai thứ vô ngã, pháp vô ngã rất vi tế, nên lặp lại nói sở tri. Sở tri là sở tri chương, thuộc về pháp chấp. Trí có căn bản trí, sai biệt trí. Giới có giới Tỳ-kheo, giới Bồ-tát. Ma-ni là tánh báu thuộc khí thế gian (thế giới). Ngữ ngôn là chủng tánh thuộc về chúng sanh thế gian (chúng sanh). Trong lời hỏi, hoặc hỏi khí thế gian, hoặc hỏi chúng sanh thế gian, hoặc hỏi xuất thế gian, hoặc Phật, hoặc đệ tử Phật, hoặc ngu, hoặc ngoại đạo, trước sau không nhất định, một lúc lẫn lộn chẳng cần chia loại, chỉ tùy lời nói nhận được nghĩa thôi. Cần biết thấy từ một chân pháp giới, vọng thấy có sai biệt, như huyễn không thể nghĩ bàn.

Minh xứ và kỹ thuật.

Người nào đã hiển bày?

Già-dà có mấy thứ,

Trường tụng và đoản cú?

Có mấy thứ lý luận,

Thế nào gọi là luận?
Tại sao sanh ăn uống?
Và sanh các ái dục?
Thế nào gọi là vua
Chuyên luân và tiểu vương?
Thế nào thủ hộ quốc
Chư thiên có mấy thứ?
Thế nào gọi đại địa
Tinh tú và nhật nguyệt?
Người tu hành giải thoát
Mỗi bậc có mấy thứ?
Đệ tử có mấy thứ?
Sao là A-xà-lê?
Phật lại có mấy bậc,
Lại có mấy bản sanh?

Minh xứ là ngũ minh: 1) Thanh Minh, 2) Công xảo minh, 3) Y phương minh, 4) Nhân minh là khảo đính tà chánh, 5) Nội minh nói rành rẽ về năm thừa. Ba minh trước là ngoại luận. Hai minh sau thuộc nội luận (nội điển). Già-đà dịch là kệ. Trường tụng đoán cú đều là kinh nói. Lý là lý nói ra. Luận là riêng giải thích nội điển và ngoại điển. Đây là hỏi nói pháp phải có bao nhiêu thứ. Ăn uống, ái dục, vua, chư thiên, đại địa, tinh tú, nhật, nguyệt, tổng hỏi về danh tướng hai thứ thế gian chúng sanh và thế giới. Tu hành, đệ tử, Xà-lê, Phật, bản sanh là danh tướng sai biệt của xuất thế gian. Tu hành là thông tam thừa. Đệ tử là gồm Bồ-tát và Thanh văn. Xà-lê dịch là quỳ phạm (mẫu mực). Có năm thứ quỳ phạm. Bản sanh là Như Lai nhiều đời tu hành cho đến thành Phật, những việc hiện sanh.

Ma và các ngoại đạo
Kia mỗi loại mấy thứ?
Tự tánh và cùng tâm
Mỗi cái bao nhiêu thứ?
Thế nào thi thiết lượng?
Cúi mong Tối thắng nói

Thế nào không, gió, mây?
Thế nào niệm thông minh?
Thế nào là rừng cây,
Thế nào là cỏ rậm?
Thế nào voi, ngựa, nai,
Thế nào là bắt lấy?
Thế nào là thấp hèn,
Nhân gì mà thấp hèn,
Thế nào nhiếp lục tiết?
Thế nào nhất-xiển-đề?
Nam nữ và hoàng môn
Đây đều nhân đâu sanh?

Tánh cùng tâm đều chỉ cho căn dục của chúng sanh. Thi thiết lượng là tâm tánh chùng lượng giả vì thi thiết. Niệm thông minh là thế trí biện thông. Nhiếp lục tiết là ở Tây vức cho hai tháng làm một tiết, một năm phân làm sáu tiết. Nhất-xiển dịch là tín. Đề dịch là bất cụ. Nghĩa là lòng tin chẳng đủ. Đây cũng là hỏi danh tướng sai biệt của chúng sanh và khí thể gian.

Thế nào tu hành thối?
Thế nào tu hành sanh?
Thiền sư dùng pháp gì,
Kiến lập những người nào?
Chúng sanh sanh các cõi
Tướng gì và loại gì?

Tu hành có tiến có thối. Sanh tức là tiến. Pháp của thiền có đôn tiệm chẳng đồng. Bởi căn cơ người lớn nhỏ chẳng phải một. Đây là sự sai biệt của xuất thế gian. Các cõi là sáu đạo và bốn sanh. Tướng loại là tướng loại của các cõi. Chúng sanh thế gian huyễn vọng tự chia nhiều lỗi.

Thế nào là tài phú,
Nhân gì được tài phú?
Thế nào là Thích chủng,

Nhân gì có Thích chúng,
Thế nào dòng Cam Giá?
Vô thượng tôn xin nói.
Thế nào trường khổ tiên,
Kia dạy bảo những gì?
Như Lai tại vì sao,
Hiện tất cả thời, cõi,
Các thứ loại danh sắc,
Tối thắng tử vây quanh?
Tại sao chẳng ăn thịt,
Tại sao cấm ăn thịt,
Ăn thịt bao chủng loại,
Nhân gì nên ăn thịt?

Đây vẫn hỏi sự sai biệt của thế và xuất thế gian. Thích chúng, dòng Cam Giá, bởi quá khứ rất xa, khi ấy có một Bồ-tát làm thái tử trong nước, nhường ngôi cho em đi tu, theo học với Cù-đàm Bà-la-môn liền đổi họ làm Cù-đàm. Sau trở về ngoài thành ở tinh xá tại vườn Cam Giá, bị nạn giặc bắt làm thương tổn, máu chảy đầy đất. Đại Cù-đàm dùng thiên nhãn xem thấy, dùng thần túc đến vườn Cam Giá, lấy máu đựng trong hai cái bình để bên phải bên trái. Chúc rằng: Đạo sĩ này nếu tâm chí thành sẽ khiến máu biến thành người. Mười tháng sau, hai cái bình đựng máu một biến thành người nam, một biến thành nữ, bèn thành dòng Cam Giá. Về sau thứ phi vua Ý Ma sanh bốn con được chánh hậu khen ngợi. Vua đuổi bốn con ra khỏi nước ở trên núi Tuyết trong rừng Trục thọ. Mẹ bốn vị ấy tìm đến, vì mỗi người lập gia đình cho đều được xong xuôi. Vua nghe tin này rất vui vẻ, nói rằng: Đây thật là Thích tử, khéo tự lập tự tồn, nhân đó gọi là Thích. Thích dịch là năng, nghĩa là có tài năng. Người con thứ tư tên Trang Nghiêm tức là tổ tiên vua Bạch Tịnh. Tất cả thời cõi là tất cả thời, tất cả cõi, tùy loại khắp hiện.

Thế nào hình nhật nguyệt,
Tu-di và Liên Hoa,
Cõi Sư tử thắng tướng,
Thế giới nghiêng, đứng, úp,

Như lưới trời Đế Thích,
Hoặc thủy đều trên bảo,
Như đàn, trống lưng eo,
Dáng tợ các loại hoa,
Hoặc lia sáng nhật nguyệt.
Như thế thủy vô lượng?

Tu-di là núi Diệu cao, trùm bốn thiên hạ làm một thế giới. Liên hoa là thế giới Liên hoa tạng. Sư tử là thế giới đẹp nhất trong các thế giới. Thế giới có cái nghiêng, có cái úp, gồm các thế giới đẹp và xấu như lưới trời Đế Thích. Vì lưới trời Đế Thích có một ngàn hạt châu, mỗi hạt châu chiếu sáng xen nhau, ý nói vô tận. Nhật nguyệt, cây đàn, trống lưng eo, hoa trái đều là diễn tả hình tướng của thế giới. Trên bảo là có thế giới do trên bảo làm thành. Lia sáng nhật nguyệt là thế giới Vô Cấu Quang Minh, chẳng nhờ ánh sáng nhật, nguyệt.

Thế nào là hóa Phật?
Thế nào báo sanh Phật?
Thế nào như như Phật?
Thế nào trí tuệ Phật?
Tại sao ở Dục giới ,
Chẳng thành Đẳng Chánh Giác?
Vì sao Sắc cứu kính,
Lìa dục được bờ-đề?
Thiện thế vào Niết-bàn
Ai người giữ chánh pháp?
Thầy trời trụ bao lâu?
Chánh pháp trụ chừng nào?
Tất-đàn cùng với kiến
Mỗi loại bao nhiêu thứ?
Phản Tỳ-ni Tỳ-kheo
Thế nào nhân duyên gì?
Các Tội thặng tử kia

Duyên Giác và Thanh văn

Nhân gì trăm biến dịch?

Thế nào trăm vô thọ?

Hoá Phật là hóa thân trăm ngàn muôn ức, đây là tùy loại hóa hiện. Đại hóa là thân ngàn trượng Lô-xá-na vì hàng Bồ-tát thập địa mà hiện, cũng gọi là tha báo thân. Như như, trí tuệ đều chỉ cho pháp thân. Như như là bản giác, trí tuệ là thủy giác. Đây là tự báo, vì thủy giác bản giác hiệp một, lý và trí cả hai đều dung thông. Lô-xá-na trên cõi trời Sắc cứu kính được đạo bồ-đề, chớ không ở Dục giới. Đó là vì thị hiện lia dục được thanh tịnh. Ai người giữ chánh pháp là những căn dục nào mới kham truyền giữ chánh pháp. Chư Phật ở đời, chánh pháp ở đời mỗi phần đều có nhân duyên gần xa và tự tha. Tất là khắp. Đản là thí. Kiến là chỉ căn cơ bị giáo hóa. Nghĩa là Như Lai đem giáo pháp khắp thí cho các căn cơ chúng sanh kia, cộng lại có bốn thứ:

Thế giới tất-đàn là được lợi ích hoan hỷ.

Đối trị tất-đàn là được lợi ích diệt ác.

3- Vị nhân tất-đàn là được lợi ích sanh các pháp lành.

4- Đệ nhất nghĩa tất-đàn là được lợi ích ngộ lý.

Tỳ-ni dịch là luật, Tỳ-kheo là người trì luật. Nhân duyên là nhân duyên kết giới. Trăm biến dịch, trăm vô thọ, đây là nói sự sai biệt của Bồ-tát, Duyên giác và Thanh văn. Biến dịch là biến dịch sanh tử, vì chưa đến quả vị Phật vẫn còn ở phương tiện đổi thân thô thành thân diệu. Vô thọ là Vô dư Niết-bàn, người hàng Tam thừa đều chứng.

Thế nào là thế tục thông?

Thế nào xuất thế gian?

Thế nào là thất địa?

Cúi mong vì diễn nói.

Tăng già có mấy loại?

Thế nào là hoại tăng?

Thế nào luận y phương,

Ấy lại nhân duyên gì?

Bậc Bồ-tát Ngũ địa vào thế tục lợi sanh gọi là thế gian thông. Đến hàng Thất địa nhân sanh đều hết mới gọi là xuất thế. Tăng có Đại thừa và Nhị thừa. Hoại tăng là phá

luật phá kiến vậy. Phật dụ lương y, để nói Như Lai tùy duyên hóa hiện, hợp bệnh cho thuốc, như lương y thể gian.

Cớ gì đại Mâu-ni

Nói lên như thế này:

Ca-diếp, Câu-lưu-tôn

Câu-na-hàm là ta?

Cớ sao nói đoạn thường

Và cùng ngã vô ngã?

Sao không tắt cả thời

Diễn nói nghĩa chân thật

Mà lại vì chúng sanh

Phân biệt nói tâm lượng?

Nhân đâu rùng nam nữ

Ha-lê, A-ma-lặc,

Kê-la và Thiết Vi,

Kim Cang thấy các núi

Vô lượng bảo trang nghiêm

Tiên Đạt-bà đầy đầy?

Ca-diếp, Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm là ta, nghĩa là xưa nay tự tha không có tướng một hai, đó là lời nói chân thật. Mà lại nói thường nói đoạn, nói ngã nói vô ngã, rộng vì chúng sanh phân biệt nói tâm lượng, đều vì căn có đại tiểu, pháp có tà chánh. Đoạn, thường, ngã đều chỉ cho ngoại đạo. Vô ngã chỉ cho Nhị thừa. Rùng nam nữ tức là rùng Thi-đà, rùng này cây sanh trái dáng giống như nam nữ. Ha-lê, A-ma-lặc là tên hai thứ trái cây. Đây tức là cây trái hiện tiền. Suy ra đến các núi Kê-la, Thiết Vi, Kim Cang có vô lượng trang nghiêm, tắt cả tiên thần đều đầy đầy trong ấy. Tột trong chỗ thấy nghe và ngoài chỗ thấy nghe do nhân gì mà có, trọn gọi là gì? Chỗ này không thể dùng tâm ý mà hiểu được. Mới biết một trăm lẻ tám câu cùng tột thể gian và xuất thế. Song chẳng ngoài năm pháp, ba tự tánh, tám thức và hai vô ngã. Bỗng nhiên gõ thẳng cửa chân. Bất chợt chỉ điềm tục để dường như không thứ lớp, đều tự tâm hiện ra. Cảnh giới như huyền bất tư nghì không có cạn sâu thì đâu phân khó dễ, chỉ chứng mới biết.

1 - ĐÁP CHỈ THĂNG PHI CÚ.

a -Lặp lại:

Bậc Vô Thượng Thế Gian Giải (Phật) nghe Bồ-tát Đại Huệ nói kệ hỏi, Đại thừa các độ môn, chư Phật tâm là bậc nhất, liền khen: Lành thay, lành thay! Đại Huệ khéo lắng nghe, nay ta sẽ thứ lớp như lời ông đã hỏi mà đáp.

Tựa kinh dùng một trăm lẻ tám câu hỏi là Đại thừa độ môn, là Phật tâm bậc nhất, nghĩa là cảnh giới tự giác của chư Phật chẳng ngoài tự tâm hiện ra. Thế gian và xuất thế tất cả các pháp mê là danh tướng, ngộ thì như như. Cho nên chỗ hỏi đã đầy đủ ý đáp, do thấy cơ cảm cấu hợp, không còn có ý chỉ khác. Từ đây về sau lặp lại lời hỏi, nhiên hậu mới hiển bày kiến lập. Chỉ có lời lặp lại lược có đổi thay để thâm bày mật chỉ, không thể chẳng xét kỹ.

Sanh và cùng chẳng sanh, Niết-bàn, không sát-na, tiến đến không tự tánh.

Đây là đôi lời hỏi, trước lấy hai pháp sanh cùng chẳng sanh, gồm hết ý hỏi, bèn kèm thêm rằng cứu kính không có tự tánh, chính đã thâm bày mật chỉ vậy. Niết-bàn thuộc nghĩa chẳng sanh; sát-na là nói thức lưu chú vi tế, thuộc nghĩa sanh. Mà nói “không sát-na” chính chỉ thức này niệm niệm chẳng dừng tiếp nối dường như sanh mà chẳng phải thật có sanh. Chẳng sanh là đối sanh mà nói. Nếu không có nghĩa sanh thì chẳng sanh không do đâu hiển bày. Cho nên Niết-bàn sát-na xét tốt không tự tánh. Văn sau lặp lại lời hỏi, mỗi đoạn có chỗ hỏi, trước sau lẫn lộn. Hoặc lặp lại hoặc lược bớt, không có nhất định.

Phật, các ba-la-mật, phật tử cùng Thanh văn, Duyên giác các ngoại đạo và cùng hành Vô sắc, các việc như thế.

Đoạn này hỏi thế nào tên vô thọ, mấy tâm ba-la-mật, có sao gọi phật tử, thế nào có ba thừa, thế nào đồng ngoại đạo, thế nào định Vô sắc.

Tu-di, bể cả, núi lớn, châu, đảo, cõi nước, quả đất. Tinh tú và nhật nguyệt, ngoại đạo, trời, A-tu-la; giải thoát, tự tại thông, lục, thiên, tam-ma-đề và định, như ý túc, giác chi và đạo phẩm.

Hai câu Tu-di... là hỏi Tu-di và Liên Hoa Tạng, thuộc về danh tướng tất cả cõi nước. Hai câu tinh tú... là ba câu hỏi chư Thiên có mấy thứ. Bốn câu giải thoát... là hỏi nhân gì được thần thông và tự tại tam-muội, nhân gì nói giác chi và bồ-đề phần. Lược là

ngũ lực. Tam-ma-đề là tam-muội. Như ý tức là tứ như ý tức. Giác chi là thất giác chi. Đạo phẩm là ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

Các thiên định vô lượng, các ám thân qua lại, chánh thọ và diệt tận định, tam-muội khởi tâm mà nói. Tâm ý và các thức, vô ngã, pháp có năm, tự tánh năng tướng và sở tướng, cùng hiện hai thứ kiến.

Ám thân qua lại là hỏi chúng sanh trong các cõi. Các thiên, diệt tận và tam-muội khởi là hỏi thế nào Vô sắc định cả thấy bốn câu. Tâm ý bốn câu, gồm hỏi năm pháp, ba tự tánh, tám thức và hai vô ngã. Trong đoạn hỏi tuy không có câu năm pháp, ba tự tánh, song liệt bày chúng sanh thế gian, khí thế gian đều là danh, tướng và vọng tướng trong năm pháp. Tất cả các thiên giải thoát thuộc về chánh trí, như như. Lại câu duyên khởi ly tướng chân thật tức là ba tự tánh. Nói ý thì đủ mà lời lẫn lộn.

Thừa và các chủng tánh, vàng bạc ma-ni v.v... nhất-xiển-đề và đại chúng, hoang loạn và nhất Phật, trí, sở tri, đắc hướng, có hay không có.

Thừa và các chủng tánh là lặp lại câu hỏi chủng tánh Tam thừa. Vàng bạc ma-ni v.v... là hỏi cái gì sanh các tánh báu. Nhất-xiển-đề là hỏi thế nào là nhất-xiển-đề, kèm nói đại chúng do ngoại đạo chấp đại chúng là sanh nhân. Hoang loạn tức là quốc độ loạn. Nhất Phật là hỏi Phật Ca-diếp, Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm là ta. Trí, sở tri là hỏi thế nào sở tri tịnh. Đắc hướng là hỏi người tu hành giải thoát. Chúng sanh có hay không có, là hỏi về đoạn kiến và thường kiến.

Voi ngựa và các cầm thú, làm sao mà bắt lấy, vì sao thí dụ thành tất-đàn, cùng với năng tác sở tác.

Hai câu voi ngựa là hỏi thế nào là voi ngựa nai, làm sao mà bắt lấy. Vì sao thí dụ thành tất-đàn là hỏi tất-đàn cùng với kiến. Nghĩa là Như Lai nói pháp chẳng phải ngôn ngữ đến được, phần nhiều dùng thí dụ để thông hiểu. Chỗ thí dụ mà được ngộ tức là tương ưng, bèn thành cơ cảm, nên nói là kiến. Năng tác và sở tác là hỏi thế nào năng tác sở tác.

Tùng lâm mê hoặc và thông, tâm lượng chẳng hiện hữu, các địa không đến nhau, trăm biến dịch trăm vô thọ, luận y phương, công xảo, kỹ thuật các minh xứ, các núi, Tu-di, quả đất, biên cả lượng nhật nguyệt, chúng sanh bậc thượng, trung, hạ thân mỗi người có bao nhiêu vi trần.

Tùng lâm là đến chỗ thấy lúc ấy, đại khái dụ các pháp ở trước mắt. Mê hoặc là chỉ chỗ nhật dụng của bách tánh. Đây là gồm cả hữu tình vô tình đồng ở trong nhất chân pháp giới, mà nơi tâm lượng không có chỗ hiển bày. Hai câu này trong phần hỏi thì không, song vì kèm hai câu dưới nên phải lấy phạm để lệ thánh. Các địa không đến nhau, trong câu hỏi là nhân gì qua các địa. Trăm biến dịch, trăm vô thọ, ì trong câu hỏi là thế nào trăm biến dịch, thế nào trăm vô thọ. Nếu hay giác tự tâm lượng thì mỗi địa vốn không đến nhau, hành bố, viên dung đều không có pháp thật. Nên nói trăm biến dịch trăm vô thọ vẫn là chừng hạn của tâm lượng còn chưa tốt tình mê. Hai câu y phương... là hỏi minh xứ và kỹ thuật. Các núi tu-di quả đất cho đến bao nhiêu lỗ chân lông, lông mày là chỗ hỏi của Đại Huệ không đến. Thế Tôn suy ra mà nêu lên. Lượng là số đo lường. Thượng trung hạ là chỉ chung cho chúng sanh ở trong thập giới. Nghĩa là các chúng sanh hiệp bao nhiêu vi trần thành một thân lượng.

Mỗi sát có bao nhiêu vi trần, cung số có bao nhiêu, khuỷu tay, bước, câu-lô-xá (Krosa), nửa do-diên, do-diên (Yojana).

Xét theo cụ chú sát là sát độ, đại thiên thế giới là một sát độ. Hai thước làm một khuỷu tay, bốn khuỷu tay làm một cung, năm trăm cung làm một câu-lô-xá, mười câu-lô-xá làm một do-diên. Do-diên tức là do-tuần.

Thổ hào, song trần, rệp (con mạt), dương mao, khoáng mạch trần, bát-tha bao khoáng mạch, a-la mấy khoáng mạch, độc-long na-khur-lê, lặc-xoa và cử-lợi, cho đến tần-bà-la, mỗi thứ ấy số bao nhiêu.

Cổ chú rằng: bảy vi trần thành song trần, bảy song trần thành một thổ mao đầu trần, bảy thổ mao đầu trần thành một dương mao đầu trần, bảy dương mao đầu trần thành một ngưu mao đầu trần, bảy ngưu mao đầu trần thành một con rệp (con mạt), bảy con rệp thành con rận (chấy), bảy con rận thành một hạt cải, bảy hạt cải thành một hạt bắp. Khoáng tức là đại mạch. Bát-tha là một thặng. A-la là một đấu. Độc-long là một hộc. Na-khur-lê là mười hộc. Lặc-xoa là một vạn. Cử-lợi là một ức. Tần-bà-la là một triệu.

Có mấy a-nâu (trần) gọi xa-lê-sa-bà (hạt cải), bao nhiêu xa-lê-sa-bà gọi là một lại-đề (hạt cỏ). Mấy lại-đề thành ma-xa (hạt đậu), mấy ma-xa thành đà-na (thù). Lại bao nhiêu đà-na-la thành một ca-lê-sa-na (lượng). Bao nhiêu ca-lê-sa-na làm thành một ba-la

(cân). Những tướng tích tụ này bao nhiêu ba-la-di-lâu. Những thứ này là chỗ nên hỏi sao lại hỏi việc khác?

Bản này dịch âm Phạn ngữ, bản đời Đường dịch thành tiếng Trung Hoa có thể đối chiếu rõ. Ba đoạn trước sau thấy đều nêu lên số bụi khó biết. Phần cổ chú trước y theo sự đo lường của Ấn Độ chưa có thể dùng theo Trung Hoa mà đồng nhất vậy.

Thanh văn và Bích Chi Phật, Phật và hàng Bồ-tát, thân mỗi vị có bao nhiêu số, tại sao không hỏi chỗ này? Núi lửa mấy a-nâu (trần). Phong luân lại mấy a-nâu. Mỗi căn bao nhiêu a-nâu. Bao nhiêu lỗ chân lông và lông mày?

Bậc thánh trong tam thừa chánh báo và y báo mỗi vị có lớn nhỏ, mà hỏi căn mỗi vị có bao nhiêu trần (vi trần), bao nhiêu lỗ chân lông và lông mày, suy ra đến núi lửa, phong luân tất cả cảnh giới tột cùng số lượng, nếu không phải bậc Nhất thiết trí ắt không thể biết hết được. Song cốt yếu trách Đại Huệ không hỏi, bởi vì muốn tột chỗ không biết kia để hiển bày lý duy thức. Nghĩa là tất cả căn thân khí giới đều duy nội thức, in tuồng có hiện tiền, mà không phải do nhiều vật chứa nhóm. So đó thì biết hành tướng tam thừa, các thiền tam-muội, sắc cùng vô sắc, ngoại đạo thiên tiên, tứ sanh tam đồ thấy đều duy thức biến, vốn không phải thật có, đây là ý của Phật vậy. Nếu dùng diệu trí của Phật quả thì tất cả sai biệt, tự nhiên không phải là cảnh giới của các hàng Bồ-tát. Đọc văn trước văn sau trở lại nêu ý nói của Phật thì mới nhận được chỉ thú của kinh này.

Hộ tài vua Tỳ Tại, vua Chuyển luân thánh đế, thế nào vua thủ hộ? Thế nào là giải thoát? Nói rộng và nói hẹp, như chỗ ông đã hỏi, chúng sanh các thứ dục, cùng các thứ uống ăn.

Từ đây về sau lại hỏi điều hỏi trước. Hộ tài vua Tỳ Tại ba câu là hỏi thế nào gọi là vua ba câu. Nói rộng nói hẹp là hỏi già-đà, trường, đoản cú. Chúng sanh các thứ dục hai câu, là hỏi thế nào sanh ăn uống hai câu.

Thế nào là rừng nam nữ, núi Kim Cang kiên cố, thế nào như huyễn mộng thí dụ như nai đồng khát nước thấy ánh nắng. Thế nào núi, thiên, tiên, càn-thát-bà trang nghiêm, giải thoát đến chỗ nào, ai phược ai giải thoát, thế nào cảnh giới thiên, biến hóa và ngoại đạo, thế nào vô nhân tác, thế nào hữu nhân tác, hữu nhân vô nhân tác và phi hữu nhân phi vô nhân tác, thế nào hiện đã diệt, thế nào tịnh các giác, thế nào các giác chuyển, và chuyển các sở tác. Thế nào đoạn các tướng, thế nào tam-muội khởi, phá tam hữu là ai, ở

đâu và thân gì. Thế nào không chúng sanh mà nói có ta người. Thế nào nói thế tục, cúi mong rộng phân biệt. Tướng đã hỏi thế nào và chỗ hỏi phi ngã. Thế nào là thai tạng và các thứ thân khác.

Thế nào rừng nam nữ... sáu câu là hỏi nhân đâu rừng nam nữ... sáu câu. Trong ấy kèm thế nào như huyền mộng thí dụ như nai đồng khát nước thấy ánh nắng, là chính khi thấy cây rừng hiện tiền đều là bóng của thức tâm hiện, như huyền mộng không thể có, như nai đồng thấy ánh nắng chạy đi tìm bởi do khát nước làm mê hoặc. Biến hóa và ngoại đạo, là hỏi thế nào là hóa tướng cõi nước và các ngoại đạo. Thế nào vô nhân tác... bốn câu, là hỏi đồng dị thuyết (ngoại đạo) vô nhân hữu nhân tức là hai kiến có và không, phi hữu phi vô chẳng ngoài bốn câu vậy. Hiện đã diệt, là hỏi hiện rồi diệt. Tịnh giác... ba câu, là hỏi tịnh niệm kia, niệm được tăng trưởng. Thế nào đoạn các tướng... hai câu là hỏi lặp lại thế nào là tướng diệt nhân đâu từ định giác (dậy). Thế nào không chúng sanh... sáu câu là hỏi chung thế nào kiến lập tướng... bốn câu trước sau xen lộn. Thai tạng là hỏi thai tạng sanh, các thứ thân khác, ý hỏi nhiều loại sắc tướng.

Thế nào đoạn thường kiến, thế nào tâm được định, lời nói và các trí, chủng tánh giới phật tử, thế nào luận lý và luận. Thế nào thầy đệ tử, thầy các loại chúng sanh, cả thầy đây lại thế nào. Thế nào là ăn uống, thông minh, ma, thi thiết. Thế nào cây, dây sắn, chỗ hỏi của Tối thắng tử. Thế nào các loại cõi, tiên nhân trường khổ hạnh. Thế nào là dòng họ, từ đâu sư thọ học. Thế nào là quê mùa, thế nào người tu hành, Dục giới sao chẳng giác, cõi A-ca-ni-tra mới thành.

Tâm được định là, hỏi thế nào tâm tam-muội. Lời nói và các trí... hai câu, là hỏi ai sanh các lời nói và các trí có bao nhiêu thứ, bao nhiêu giới tánh chúng sanh. Thế nào luận lý và luận là, hỏi lý luận có bao nhiêu thứ, thế nào gọi là luận. Thế nào là thầy đệ tử là, hỏi đệ tử có bao nhiêu thứ. Thế nào A-xà-lê, các loại chúng sanh... hai câu là, hỏi nam nữ và hoàng môn. Thế nào là ăn uống là, hỏi thế nào sanh ăn uống. Thông minh, ma, thi thiết là, hỏi thế nào niệm thông minh cùng ma và các ngoại đạo. Cây, dây sắn là, hỏi rừng, cỏ rậm. Các thứ cõi là, hỏi thế nào hình nhật nguyệt, cho đến như thế v.v... vô lượng. Trường khổ hạnh là, hỏi thế nào trường khổ tiên. Dòng họ là hỏi Thích chủng và Cam Giá chủng. Từ đâu thầy thọ học là, hỏi dựng lập cho những người nào. Quê mùa là hỏi

thấp hèn. Tu hành là, hỏi tu hành tiến thối vậy. Dục giới sao chẳng giác... hai câu là, hỏi Dục giới không chánh giác... bốn câu. A-ca-nị-tra dịch là Sắc cứu kính.

Thế nào tục thần thông, thế nào là tỳ-kheo, thế nào là hóa Phật, thế nào là báo Phật, thế nào là như như Phật, bình đẳng trí tuệ Phật, thế nào là chúng tăng. Phật tử hỏi như thế, đàn, trống lừng eo và hoa, cõi nước lìa ánh sáng.

Tục thần thông là, hỏi thế tục thông. Tỳ-kheo là, hỏi phần tỳ ni, tỳ-kheo. Hóa Phật là, hỏi thế nào là hóa Phật... bốn câu. Chúng tăng là, hỏi chúng tăng có bao nhiêu thứ. Cây đàn... hai câu là, đồng hỏi ý rằng vô lượng cõi nước khác hình như nhật nguyệt.

Tâm địa đó có bảy, chỗ hỏi đều như thật, đây và các thứ khác rất nhiều, phật tử cần nên hỏi. Mỗi mỗi tương tương ứng, xa lìa các thấy lầm. Tất-đàn lìa lời nói, nay ta sẽ hiển bày, thứ lớp dựng lập câu, phật tử khéo lắng nghe.

Tâm địa có bảy là, hỏi thất địa. Nói chung rất nhiều chỗ hỏi đều đúng lý thật. Bởi vì nói “lời thô và tiếng tế đều trở về đệ nhất nghĩa”. Cho nên nói mỗi mỗi tương tương ứng, xa lìa các thấy lầm. Đây là dụng ý trước ước định để sau chỉ thẳng. Nếu không khế hội bản tánh vô ngôn thì chẳng những thế để lưu bố, chính đệ nhất nghĩa để là như thật mà vẫn thuộc về danh ngôn. Do đó ly ngôn để hiển bày. Thế Tôn thiết tha răn bảo, nhiên hậu mới kiến lập, văn sau tự rõ. Chỗ hỏi riêng dùng Thất địa làm chung cục, là vì Thất địa về tư hoặc đã hết, tuệ tâm hiển bày, cùng vô gián tất-đàn này lẫn nhau minh chứng, cũng không phải chẳng lý do vậy.

b - Đáp:

Từ trên đến đây một trăm lẻ tám (108) câu, như chư Phật đã nói: Câu bất sanh là câu sanh, câu thường là vô thường, câu tướng là vô tướng, câu trụ dị là phi trụ dị, câu sát-na là phi sát-na, câu tự tánh là ly tự tánh, câu không là bất không, câu đoạn là bất đoạn.

Như chư Phật đã nói, nghĩa là chỗ đáp của Thế Tôn cùng với chư Phật ba đời không khác, chư Phật đồng một bí mật. Xét lời đáp này chỉ có bốn chữ: bất, vô, phi, ly. Đây là lời chỉ thẳng vậy. Chỉ ngăn cái quấy kia mà chẳng nói cái phải kia. Nếu có chỗ phải thì nào khác với quấy. Như vàng làm đồ trang sức, nghĩa là vàng không phải bình, không phải bàn, không phải thoa, không phải xuyên, khiến cho người ngay đó thấu suốt. Không phải, nghĩa là không phải bình, không phải bàn, không phải thoa, không phải

xuyến, để rõ nó là vàng vậy. Toàn Như Lai tàng tức là thức, nghĩa là Như Lai tàng không tự tánh, không thể tự giữ, vọng có sở giác. Biết nó là vọng thì không có năng giác sở giác. Nên nói toàn thức tức là Như Lai tàng. Không có năng tàng thì ai biết là tàng? Nói là thức bởi nơi cảnh giới của nó mà không thể lặng yên tự dứt, do phân biệt liền phát sanh. Ngộ là ngộ được nó vọng sanh phân biệt, phân biệt cảnh của mình và phân biệt cảnh khác, đều nhiếp về phân biệt, tức rõ nó là vàng làm ra vậy. Cho nên phàm có nói năng đều do phân biệt. Phàm có phân biệt đều là thế đế. Ba cõi hai mươi lăm loài đều là thế đế. Phải quấy, thiện ác, nam nữ, thân của, dựng lập đều là thế đế. Cho đến ba thừa, mười hai bộ, nội điển ngoại điển, nhân quả, tiến thoái, chứng hưởng thay đều là thế đế. Phàm thế đế thì không thể nói là đệ nhất nghĩa đế. Đệ nhất nghĩa đế không phải phân biệt mà được, không phải ngôn thuyết mà trình bày được. Nếu phân biệt ngôn thuyết về đệ nhất nghĩa đế, ấy là phân biệt ngôn thuyết, không phải đệ nhất nghĩa đế. Nếu lìa phân biệt ngôn thuyết tức là đệ nhất nghĩa đế, liền đó thấu suốt, thì ba thừa mười hai bộ đều là đệ nhất nghĩa đế. Nội điển ngoại điển, nhân quả, tiến thoái, chứng hưởng đều là đệ nhất nghĩa đế. Cho đến ba cõi hai mươi lăm loài, phải quấy, thiện ác, nam nữ, thân của, dựng lập, rừng cây, mây gió, tinh tú, xe cộ, y phục, nhà cửa, sản nghiệp, tà chánh, cúi ngược, co duỗi, ngày đêm, ngủ thức thay là đệ nhất nghĩa đế. Kinh Pháp Hoa nói: “Chẳng phải tam giới mà thấy tướng tam giới, Như Lai thấy rõ không có sai lầm”. Cho nên biết đệ nhất nghĩa đế lìa phân biệt, bật ngôn thuyết, tự tri tự chứng mà thôi. Nên nói là lời chỉ thẳng vậy. Thế nên vẫn dùng chữ bất, chữ vô, chữ ly, chữ phi mà chẳng nói nó là thị (phải). Chư Phật ba đời đồng một bí mật. Câu bất sanh là câu sanh, bản dịch đời Đường là câu sanh là phi sanh, tức là người nói là sanh mà chỉ nó chẳng phải. Phi là lý vô sanh, tức là ở trong cái sanh vậy. Thường là cái thường trong vô thường chấp là thường. Tướng là gồm sự tướng, lý tướng. Trụ dị là hai tướng trong bốn tướng: sanh, trụ, dị, diệt.

Câu biên phi biên, câu trung phi trung, câu thường phi thường, câu duyên phi duyên, câu nhân phi nhân, câu phiền não phi phiền não, câu ái phi ái, câu phương tiện phi phương tiện, câu xảo phi xảo, câu tịnh phi tịnh, câu thành phi thành, câu thí (dụ) phi thí (dụ), câu đệ tử phi đệ tử, câu sư phi sư.

Biên là hữu biên và vô biên, đây là tà kiến của ngoại đạo. Trung là đối với ngã, pháp được nghĩa trung đạo. Hai câu này trong lời hỏi trước không có, song “biên” tức

nhiep vào đồng và dị, “trung” tức nhiep vào thường kiến chẳng sanh. Văn sau phần nhiều đủ ý hỏi mà lời thì không, nên phỏng theo đây mà biết. Văn trước nói thường là thể gian vô thường chấp là thường. Ở đây nói thường là ngoại đạo chấp có tánh thường. Phương tiện là tất cả thánh giáo và thế giáo tạo ra phương tiện. Xảo là nghĩa xảo hợp, cũng nhiep thuộc phương tiện.

Câu chủng tánh phi chủng tánh, câu tam thừa phi tam thừa, câu sở hữu phi sở hữu, câu nguyện phi nguyện, câu tam luân phi tam luân, câu tướng phi tướng, câu hữu phẩm phi hữu phẩm, câu chung phi chung.

Câu sở hữu là câu tịch tịnh như thật đã có. Nguyện là chỗ tự nguyện mà nguyện, thuộc về câu Bồ-tát. Tam luân là thân luân, khẩu luân và ý luân. Nói rằng tam luân nghiệp không vậy. Tướng là kiến lập pháp tướng.

Câu duyên tự thánh trí hiện pháp lạc phi hiện pháp lạc, câu cõi nước phi cõi nước, câu a-nâu phi a-nâu, câu nước phi nước, câu cung phi cung, câu thật phi thật, câu số phi số, câu số phi số, câu minh phi minh, câu hư không phi hư không.

Duyên tự thánh trí pháp lạc là chứng tự thánh trí được pháp lạc. Câu thật là ngoại đạo cho bốn đại chủng là có thật tánh hay sanh các pháp. Câu số trước là bổ túc cho pháp số ba mươi hai. Câu số sau là chỉ số lượng. Minh là cái minh của tam minh, tức là nghĩa tam minh lục thông. Hư không là vọng thấy như hư không.

Câu mây phi mây, câu công xảo kỹ thuật minh xứ phi công xảo kỹ thuật minh xứ, câu phong phi phong, câu địa phi địa, câu tâm phi tâm, câu thi thiết phi thi thiết, câu tự tánh phi tự tánh, câu âm phi âm, câu chúng sanh phi chúng sanh, câu tuệ phi tuệ, câu Niết-bàn phi Niết-bàn, câu sở tri phi sở tri, câu ngoại đạo phi ngoại đạo, câu hoang loạn phi hoang loạn, câu huyễn phi huyễn, câu mộng phi mộng, câu diệm phi diệm, câu tượng phi tượng, câu luân phi luân, câu Càn-thát-bà phi Càn-thát-bà, câu thiên phi thiên, câu ăn uống phi ăn uống, câu dâm dục phi dâm dục, câu kiến phi kiến, câu ba-la-mật phi ba-la-mật, câu giới phi giới, câu nhật nguyệt tinh tú phi nhật nguyệt tinh tú, câu đế phi đế, câu quả phi quả, câu diệt khởi phi diệt khởi, câu trị phi trị, câu tướng phi tướng, câu chi phi chi, câu xảo minh xứ phi xảo minh xứ, câu thiên phi thiên, câu mê phi mê, câu hiện phi hiện, câu hộ phi hộ, câu tộc phi tộc.

Luân là hỏa luân. Trị là trị của đối trị, nghĩa là Như Lai theo bệnh cho thuốc, như lương y ở thế gian. Tướng có ba lỗi đáp: 1) Tất cả sự lý đều không có thể tướng. 2) Kiến lập pháp tướng. 3) Hình tướng là chúng sanh sanh các cõi tướng gì, dáng loài gì. Chi là chi phần, tức là hình thể từng phần từng đoạn. Mê là mê hoặc. Hiện là hiện nhị kiến. Hộ là thủ hộ nước. Tộc là chủng tộc.

Câu tiên phi tiên, câu vương phi vương, câu nhiếp thọ phi nhiếp thọ, câu bảo phi bảo, câu ký phi ký, câu nhất-xiển-đề phi nhất-xiển-đề, câu nam nữ hoàng môn phi nam nữ hoàng môn, câu vị phi vị, câu sự phi sự, câu thân phi thân, câu giác phi giác, câu động phi động, câu căn phi căn, câu hữu vi phi hữu vi, câu vô vi phi vô vi, câu nhân quả phi nhân quả, câu Sắc cứu kính phi Sắc cứu kính, câu tiết phi tiết, câu rừng cây bìm sắn phi rừng cây bìm sắn.

Nhiếp thọ là bị nhiếp thọ và hay nhiếp thọ, pháp thế gian và xuất thế đều có nghĩa nhiếp thọ. Ký là ký luận. Vị là vị của nghĩa vị, nghĩa là nghĩa vị của cái bị nói. Sự là việc làm ra của thế và xuất thế. Giác là giác tri tức nhân cảnh sanh tâm phân biệt. Động là đối tĩnh mà nói. Căn là căn thân.

Câu tạp phi tạp, câu thuyết phi thuyết, câu tỳ-ni phi tỳ-ni, câu tỳ-kheo phi tỳ-kheo, câu xử phi xử, câu tự phi tự. Đại Huệ! Đó là một trăm lẻ tám câu (108) Phật trước đã nói, ông và những đại Bồ-tát phải nên tu học.

Tạp là rất nhiều ngôn thuyết. Xử là chỗ ở, có nghĩa trụ mà trì ấy vậy. Thế gian và xuất thế đều có nghĩa trụ trì, là gánh vác trụ trì. Lại nói Phật trước đã nói, nghĩa là Phật pháp thế pháp tất cả sự lý nhân quả này, đều là liền đó lia tách phân biệt đường ngôn ngữ bật dứt. Chư Phật ba đời đồng một bí mật, thâm thiết dạy bảo trước sau không hai.

2 - BÀY NGÔN THUYẾT ĐỂ VÀO ĐỆ NHẤT NGHĨA BIỂN THỨC THƯỜNG TRỤ, DÙNG HIỆN DUY TÂM.

- Nói nhân quả tà chánh của tám thức để hiển thánh trí tự giác.

a - Lược nói nhân quả tà chánh của tám thức để biểu thị lìa vọng mà chứng.

- CHỈ CÁC THỨC SANH DIỆT KHÓ BIẾT.

Khi ấy Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Các thức có mấy thứ sanh, trụ, diệt? Phật bảo Đại Huệ: Các thức có hai thứ sanh, trụ, diệt, chẳng phải suy nghĩ biết được.

Các thức có hai thứ sanh, nghĩa là lưu chú sanh và tướng sanh. Có hai thứ trụ, nghĩa là lưu chú trụ và tướng trụ. Có hai thứ diệt, nghĩa là lưu chú diệt và tướng diệt.

Ba cõi duy tâm, vạn pháp duy thức. Bốn quyển kinh Lăng-già trước sau gốc ngọn, chỉ có một râu kết trọn vẹn. Thế và xuất thế gian không có tướng một hai, không có tướng ngôn thuyết, hiện tại toàn chân thì đâu cho nghĩ bàn. Do đó Như Lai chung một trăm lẻ tám (108) câu chỉ đáp khái quát bằng một chữ “Phi”. Vì không thể nói bày, nên dùng lời nói ngăn để cho người thâm ngộ vậy. Ngộ rồi mà lại thưa hỏi về thức, vì lý duy thức không cùng thì lượng duy tâm chẳng hiện. Các thức là tám thứ thức. Thức thứ tám là Như Lai tàng, cũng gọi là tàng thức, cũng gọi là hiện thức. Thức này là nguồn mê ngộ của chúng sanh và Phật. Kinh Giải Thâm Mật vì hàng Bồ-tát thủy giáo không thể kham nhận thức thứ tám, riêng lập thức thứ chín, tức là chỉ cái chân tướng của thức này. Trong Khởi Tín Luận lập nghiệp tướng, chuyển tướng, hiện tướng. Nghĩa là Như Lai tàng chuyển làm tàng thức là y theo mê mà nói. Thức này toàn vọng là toàn chân vốn không có hai thể. Chỉ đến mê ngộ dường như có dụng khác. Nghĩa là sanh diệt cùng chẳng sanh diệt hòa hợp. Chẳng phải có hai tâm, cũng chỉ điểm khi mê, tướng không sanh diệt vẫn rõ ràng. Thức thứ bảy tên là ý, tiếng Phạn gọi là mạn-na. Thứ sáu là ý thức. Năm thức trước là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức, chung lại gọi là phân biệt sự thức. Chung lại là tám thứ thức. Hỏi các thức mà trước gạn sanh trụ diệt là tốt cái tình trạng của các thức vậy. Đáp sanh trụ diệt mà trước nói chẳng phải suy nghĩ mà biết được. Nghĩa là trong sanh diệt đã sẵn có cảnh giới của Văn Thù, Phổ Hiền, chỉ người chứng mới biết, chẳng phải Thanh văn, Duyên giác đến được. Lưu chú là chân pháp không tánh chẳng hay tự giữ nên có nghĩa thiên lưu. Đây là lấy bất giác vọng động làm sanh. Một phen đi không trở lại là trụ. Vô tướng, ngủ say và chết ngất là tạm diệt. Diệt rồi lại sanh không có cùng tận. Nếu bàn về quả chứng phải do trí lực quán sát, đến Kim Cang địa về sau dị thực mới không. Nhưng trong kinh Hoa Nghiêm hàng Thập trụ sơ tâm thấy rõ Phật tánh cũng hay liền đó biết trở về, cùng Phật không khác. Nên nói nhân quả suốt nhau. Tướng là nghiệp dụng của các thức, ở văn sau nói các thứ hư vọng chẳng thật và tất cả tướng căn thức v.v... Tướng này khi chưa che đậy chân tánh, do có lưu chú, niệm niệm chẳng dừng, chính khi sanh đã có diệt, chưa dễ vì người ngu mà nói.

-LƯỢC NÓI THỨC TƯỚNG Y NƠI CHÂN DO MÊ PHÁT KHỞI.

Đại Huệ! Các thức có ba thứ tướng. Nghĩa là chuyển tướng, nghiệp tướng và chân tướng.

Chuyển là nghĩa chẳng trụ, là các thức niệm niệm chẳng trụ. Nghiệp là nghiệp của tam tế, trong Luận Khởi Tín nói. Luận Khởi Tín riêng chỉ tướng ban đầu của tám thức, ở đây nói các thức đều nhân bất giác vọng động. Tuy bất giác vọng động mà niệm niệm chẳng dừng hiện tại toàn không. Tuy bất giác vọng động niệm niệm chẳng dừng mà toàn thể đều chân, không riêng có chuyển tướng, nghiệp tướng. Lưu chú và tướng vẫn chỉ trong mê sanh diệt. Đây là đến nơi chuyển tướng nghiệp tướng chỉ ra chân tướng, trong chỗ sanh diệt ấy đầy đủ hành xứ của Như Lai. Duy phải chứng mới biết không thể dùng ý nghĩ được. Bồ-tát Thiên Thân làm luận nói: “Hành xứ của chư Phật Như Lai duy có chân thức, không thể phân biệt quán sát như thế, vào nơi thức không”. Thế nên y nơi thức nhập nhất thiết pháp vô ngã, chẳng phải bảo một bề chê chân thức vậy.

Này Đại Huệ! Nói lược có ba thứ thức, nói rộng có tám tướng. Những gì là ba? Nghĩa là chân thức, hiện thức và phân biệt sự thức. Đại Huệ! Ví như gương sáng gìn giữ các sắc tượng, hiện thức ở trong ấy mà hiện cũng lại như thế.

Ba thứ là tổng nhiếp tướng của tám thức. Hiện là chỉ cho thức thứ tám. Phân biệt là chỉ bảy thức trước. Chân là tổng nhiếp hai thức. Chân thí dụ như gương. Hiện dụ như ánh sáng của gương. Vì ánh sáng của gương hay hiện nên gọi là hiện thức. Cái bị hiện trong ánh sáng của gương các hình tướng rành rõ, nên gọi là phân biệt sự thức. Về thức thể thì phàm thánh không hai, mà tác dụng mê ngộ vẫn phân. Phật tánh dường như bị lưu chuyển, tựa thuyền đi thấy bờ chạy, đều không có sự thật.

Đại Huệ! Hiện thức và phân biệt sự thức, hai thức này tướng hoại và chẳng hoại lẫn lượt làm nhân nhau.

Hiện thức và phân biệt thức đều có hai tướng hoại và chẳng hoại. Chẳng phải riêng hiện thức là chẳng hoại, mà cho phân biệt thức là hoại. Cái tướng hoại của hiện thức, là các thứ không thật, các thứ hư vọng ấy vậy. Cái tướng hoại của phân biệt thức là tất cả căn thức. Tướng sai biệt của hai thức này do đó nói là hoại. Song trong chỗ sai biệt vốn có chân tướng không sai biệt. Do bất giác từ vô thủy nên không sai biệt ẩn, mà sai biệt hiện. Sai biệt đã hiện thì không sai biệt càng ẩn, nên nói lẫn lượt làm nhân nhau. Nếu riêng cho hiện thức là chẳng hoại thì thức lưu chú giả dối lẫn nhận là nhân chân thật.

Nếu riêng nhận thức phân biệt là hoại thì khi căn trần hội hợp cái gì làm đối hiện. Thế mới biết, khi mê thì nhân tướng của hai cái hoại đành rành. Khi ngộ thì lặng lẽ của nhất chân tỏ rõ. Nếu rõ nguyên do tàng thức, chuyển thức, mới tin trở lại chân thì vọng diệt.

Đại Huệ! Về bất tư nghi huân và bất tư nghi biến là nhân của hiện thức.

Hiện thức tức là nhất chân thức. Chân như không tánh niệm niệm bất giác huân thành vô minh. Do đây tam tế đồng thời biến hiện. Đây là nhân tướng huân biến không thể nghĩ bàn. Như trùng đục cây bỗng nhiên thành chữ, vốn chẳng có thật tánh.

Đại Huệ! Nhận lấy các trần cảnh và vọng tưởng huân tập từ vô thủy là nhân của phân biệt sự thức.

Phân biệt sự thức cũng là nhất chân thức. Do sáu trần bên ngoài dẫn phát chủng tử tập khí kiến phần bên trong, cho bảy thức trước là thật ngã, thành nhân tướng của phân biệt sự thức. Đâu biết do mê chân tâm mà làm vọng tưởng, biến nội thức dường như hiện tiền. Lại chấp nhận cái hiện tiền ấy mà phát huy hư vọng, nên kinh Lăng Nghiêm nói: “Tự tâm thủ tự tâm, phi huyễn thành huyễn pháp”.

- CHỈ NGỘ CHÂN CHẴNG DIỆT.

Đại Huệ! Nếu trở lại chân thức thì các thứ chẳng thật, các thứ hư vọng ấy diệt, tức là tất cả căn thức diệt, thế thì danh tướng diệt.

Tự mê chân thức làm hiện thức, chân như Phật tánh, bởi bất giác mà khởi ra kiến phần tướng phần các thứ hư vọng chẳng thật. Do đây căn thức lưu chuyển hằng không tự giác. Bỗng nhiên biết trở về thì các thứ hư vọng như nước sôi chế trên băng, căn trần thức tâm đồng thời tiêu sạch. Đến đây chỉ có chân thức lại không còn thức nào khác. Các thứ hư vọng chẳng thật là chỉ tướng của tám thức. Căn thức là thức tướng của bảy thức trước. Sanh là thức lưu chú sanh trước. Diệt là các tướng diệt trước. Trong lúc trở về chân liền đó được tròn khắp, lại không có thứ lớp. Song đốn ngộ và tiệm trừ căn và dục không phải là một, chẳng ngại cũng còn hành bố (tiệm tu).

Đại Huệ! Thức tương tục diệt, bởi nhân tương tục diệt thì thức tương tục mới diệt. Do chỗ theo diệt và duyên diệt nên thức tương tục diệt. Đại Huệ! Bởi tại sao? Vì là chỗ nương theo của nó. Chỗ nương theo của nó là vọng tưởng từ vô thủy huân tập. Duyên, là kiến v.v... thức cảnh vọng tưởng của tự tâm.

Tương tục tức là lưu chú. Lưu chú do các thứ tướng hư vọng chẳng thật làm nhân, đây là vọng tưởng từ vô thủy huân tập. Lấy tướng tất cả căn thức làm duyên, đây tức là kiến v.v... thức cảnh vọng tưởng của tự tâm. Nhân diệt thì lưu chú tự diệt. Nhân của chỗ theo diệt nên duyên cũng diệt. Nhân duyên thấy diệt nên lưu chú tự diệt. Tóm lại, mê thì chân biến thành lưu chú. Bởi vì Như Lai tàng chẳng giữ tự tánh, không thể tự trở lại. Tánh lưu chú này động liền sanh kiến, tướng gọi là hư vọng, lại lấy cái hư vọng làm chỗ nương. Thức tánh mênh mang mà không chỗ tựa nương. Bèn lấy kiến, tướng vọng động của chính mình làm chỗ dựa nhờ, nên gọi là nhân nương. Nương theo hư vọng này biến in tuồng có căn thức, lại lấy căn thức làm duyên, thức tánh mênh mang không có chỗ dẫn phát. Bèn lấy căn thức của mình biến hiện làm chỗ dạo chơi, nên gọi là duyên hiện. Mới biết hai tướng nhân duyên nuôi lớn thức lưu chú. Hai tướng có thể hoại mà chân tướng của thức lưu chú chẳng hoại, chỉ tại trong mê không thể tự giữ. Vì thế, chỉ gọi là lưu chú chẳng gọi là chân, nên có khác là trở lại và không trở lại. Cho nên ngộ thì lưu chú liền chân, bỗng nhiên biết đường trở về, chóng quên chỗ nương tựa. Do đó Bồ-tát có ra đời chẳng nhờ duyên mà hiện. Nên nói tướng diệt mà lưu chú đến đây mới cứu kính diệt. Bởi vì mê thì hai tướng hoại và chẳng hoại lần lượt làm nhân. Ngộ thì lưu chú cùng với tướng lẫn nhau giải thoát. Song cốt tại mê ngộ vọng phân, chớ chân tánh không khác. Chỗ này là lý do khiến người trí đương nhiên tự hợp.

Này Đại Huệ! Ví như khối đất với vi trần chẳng khác, chẳng phải chẳng khác, vàng và các món đồ trang sức cũng lại như vậy. Đại Huệ! Nếu khối đất và vi trần khác thì không phải do vi trần làm thành, mà thật do vi trần làm thành, thế nên chẳng phải khác. Nếu chẳng khác thì khối đất và vi trần nên không sai khác.

Đây là dụ chân tướng của tàng thức cùng chuyển thức chẳng phải một chẳng phải khác, để rõ chuyển thức diệt mà chân tướng của tàng thức chẳng diệt. Ngoại đạo chấp đoạn kiến chỉ vì không biết nhân sanh của thức lưu chú. Cho nên, giữ chân thì cùng vọng đồng thu, bỏ vọng thì gồm chân cùng bỏ. Khi mê ngộ chưa phân, lúc ấy một, khác khó nói vậy.

Như thế, Đại Huệ! Chuyển thức và chân tướng của tàng thức nếu khác thì tàng thức không phải là nhân. Nếu chẳng khác thì chuyển thức diệt tàng thức cũng phải diệt, mà chân tướng của nó thật chẳng diệt. Thế nên, Đại Huệ! Chẳng phải tự chân tướng thức

diệt, chỉ nghiệp tướng diệt. Nếu tự chân tướng thức diệt thì tàng thức ắt diệt. Đại Huệ! Nếu tàng thức diệt thì chẳng khác với ngoại đạo luận chấp đoạn kiến.

Trước nói hiện thức tức ở đây tàng thức, trước phân biệt sự thức ở đây là chuyển thức. Tàng thức vốn cùng với chuyển làm nhân sanh khởi, nên chẳng phải khác. Song chân tướng tàng thức chẳng cùng chuyển thức đồng diệt, nên chẳng phải chẳng khác. Khi mê thì chân biến làm tàng, chân tướng hằng ở trong nghiệp tướng. Lúc ngộ thì tàng vốn chân, nghiệp tướng liền tiêu dung trong tự chân. Cho nên nghiệp nhân mê mà có, tàng do ngộ mà dẹp trừ. Khi dị thực không thì tàng thức cũng diệt, mà tự chân tướng chẳng diệt. Luận nói: “Nói là diệt chỉ tâm tướng diệt, chẳng phải tâm thể diệt”. Lại nói: “Chỉ vì si diệt nên tâm tướng theo diệt”.

-CHỈ RA TÀ KIẾN ĐOẠN KIẾN DỊ NHÂN.

Đại Huệ! Các ngoại đạo kia khởi luận thế này: “Cảnh giới nhiếp thọ diệt, thức lưu chú cũng diệt”. Nếu thức lưu chú diệt thì lưu chú từ vô thủy lẽ ưng cũng đoạn. Đại Huệ! Ngoại đạo nói lưu chú làm sanh nhân, chẳng phải do nhãn thức, sắc, ánh sáng nhóm họp mà sanh, lại có dị nhân. Đại Huệ! Về nhân kia, họ nói hoặc là thắng diệu, hoặc là sĩ phu, hoặc tự tại, hoặc thời, hoặc vi trần.

Cảnh giới nhiếp thọ là các thứ thu góp các trần tướng. Khi tướng này diệt, thức lưu chú vẫn tiềm phục. Người lầm không biết vọng thấy không lặng, bèn cho là đoạn. Họ không biết tướng mê của lưu chú từ vô thủy có thể trừ, mà tự chân tướng không đoạn. Bởi vì chân thức huân biến mà không hay tự giữ, theo duyên lập bày. Duyên trước đã dứt, duyên sau tiếp khởi, chân thức ở trong ấy thâm tự vượt qua. Nên nói: “Nghiệp thức mệnh mang không có gốc để nương tựa”, tức là lưu chú này vậy. Lưu chú vốn chân, bởi mê mới có nhãn thức, sắc trần, ánh sáng, cùng nhau sanh trụ, ngoại đạo lầm cho là thắng diệu thành ra dị nhân (nhân khác). Đậu, bấp chẳng phân, quả nhiên đồng với sanh diệt. Nhân chẳng phải nhân chân, rốt cuộc trở về đoạn kiến. Xét về Số luận sư chấp hai mươi lăm để phân làm chín vị, do trước kia tiên nhân Hoàng Xích chuyên tu thiền định có sức thần thông, biết được việc trong tám muôn kiếp. Tám muôn kiếp về trước mờ mịt không biết, lầm cho là minh sơ tự tánh, nên vị thứ nhất gọi là Minh sơ cũng gọi là Thắng tánh. Vị thứ hai là Trí đại cũng gọi là Giác đại. Mé minh sơ có giác tri tăng trưởng, nên nói từ minh sanh giác. Ba là Ngã tâm, cũng gọi là Ngã chấp ngã mạn. Đây do giác mà có, nên nói từ

giác sanh ngã tâm. Bốn là Ngũ duy lượng, cũng gọi là Ngũ vi, tức là sắc thanh hương vị xúc. Bởi sắc v.v... do ngã chấp tâm hiện, nên nói từ ngã tâm sanh ngũ duy. Năm là Ngũ đại, tức là đất, nước, gió, lửa, không. Năm thứ này khắp tất cả chỗ nên gọi là đại. Do cực vi sanh nên nói từ ngũ duy sanh ngũ đại. Sáu là Ngũ tri căn, tức là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân. Nhân năm đại mà thành nên nói từ năm đại sanh. Bảy là Tác nghiệp căn, tức là miệng, tay, chân và đại, tiểu tiện. Năm cái này đều là dụng tạo nghiệp, cũng nhân năm đại mà thành. Tám là Tâm bình đẳng căn, chỉ quả tim hay ý căn. Bình đẳng vì căn này hay duyên khắp căn cảnh, cũng do ngũ đại làm thành, cùng với ngũ tri, ngũ tác nghiệp thành mười một căn. Chín là Thần ngã, chính là thức thứ tám. Ngoại đạo không biết thức thứ tám chấp làm thần ngã, hay sanh các pháp thường trụ chẳng hoại, thần ngã này tức là thắng diệu vậy.

Thắng luận sư chấp lục cú làm sanh nhân. Nghĩa là thật, đức, nghiệp, đại hữu, đồng dị, hòa hợp. Lại từ trong câu thật chấp có chín pháp là đất, nước, lửa, gió, không, thời, phương, ngã, ý. Thời Tán ngoại đạo thì chấp tất cả pháp đều từ thời sanh. Họ thấy cỏ cây do thời gian nở rụng tươi khô, chấp thời gian là thường là một, là nhân của vạn vật, là nhân của Niết-bàn. Thuận thế sư thì chấp tất cả sắc tâm v.v... Các pháp đều dùng cái cực vi của tứ đại làm nhân. Song trong tứ đại có cái rất tinh linh hay có duyên lực tức là tâm pháp. Cực vi này tức là vi trần. Ngoại đạo Đồ Khôi chấp trời Đại Tự Tại thể là thật, biến, thường hay sanh các pháp. Minh luận sư chấp Đại phạm, thời, phương, bản tế, tự nhiên, hư không, ngã, bảy pháp này là thường trụ, hay sanh tất cả pháp. Đại phạm này tức là sĩ phu vậy. Chỗ chấp của ngoại đạo tuy nhiều không ngoài thường kiến và đoạn kiến. Không phải thường chấp là thường cũng chung thành một đoạn kiến.

Lại nữa, Đại Huệ! Có bảy chủng tánh tự tánh. Nghĩa là tập tánh tự tánh, tánh tự tánh, tướng tự tánh, đại chủng tánh tự tánh, nhân tánh tự tánh, duyên tánh tự tánh, thành tánh tự tánh.

Trước nói ngoại đạo dị nhân, đây nói rõ trong dị nhân có bảy thứ lập giáo, trọn chẳng ngoài tứ cú. Nghĩa là tự sanh, tha sanh, cộng sanh và vô nhân sanh. Nhân tánh tự tánh tức là tự sanh. Đại chủng tánh tự tánh, duyên tánh tự tánh tức là tha sanh. Tập tánh tự tánh, tướng tánh tự tánh, thành tánh tự tánh tức là cộng sanh. Tánh tự tánh tức là vô nhân sanh. Luận nói: “Vả lại Số luận chấp ngã là tư, thọ dụng, tát-đỏa, thích-xà, đáp-ma

làm thành đại v.v... hai mươi ba pháp”. Tát-đỏa dịch là hữu tình, cũng dịch đồng mãnh. Thích-xà dịch là vi, lại dịch là ngu mao đầu trần v.v... Đáp-ma dịch là ám (tối). Các nhà tân dịch đều dịch là tham sân si. Do tự tánh này, hiệp ba việc hay sanh các pháp, nên gọi tập tánh tự tánh. Lại trong hai mươi lăm đế, thần ngã làm chủ hay sanh các pháp, thường trụ chẳng hoại, nên nói là tánh tự tánh. Tướng tánh tự tánh là sáu câu của Thắng luận sư. Bởi thật, đức, nghiệp, đại hữu, đồng dị, hòa hợp làm nhân sanh khởi các pháp có tướng. Song trong sáu câu, câu hòa hợp là thành tánh tự tánh, đây là chấp các pháp hòa hợp làm tác dụng. Về đại chủng tánh tự tánh, Thuận thế sư nói tứ đại là thường, hay sanh các pháp. Về nhân tánh tự tánh, duyên tánh tự tánh thì Thanh luận sư chấp có hai: Một là đơi duyên sanh, cho rằng tiếng là nhân sanh các pháp; hai là đơi duyên hiển, cho rằng duyên sanh tiếng làm nhân. Như Lai xét tột cùng chỗ chấp của ngoại đạo, để chứng thành dị nhân. Sau đó mới chỉ ra pháp chánh của Ngài là đệ nhất nghĩa tâm. Do đó mới biện biệt người và ta vậy.

-CHỈ CHÁNH NHÂN ĐỀ BIỆN BIỆT TÀ VỌNG.

Lại nữa, Đại Huệ! Có bảy thứ đệ nhất nghĩa. Tức là tâm cảnh giới, tuệ cảnh giới, trí cảnh giới, kiến cảnh giới, siêu nhị kiến cảnh giới, siêu tử địa cảnh giới, Như Lai tự đạo cảnh giới. Đại Huệ! Đây là tánh tự tánh đệ nhất nghĩa tâm của chư Như Lai ứng cúng đấng chánh giác ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Do tánh tự tánh đệ nhất nghĩa tâm mà thành tựu được pháp thế gian, xuất thế gian và xuất thế gian thượng thượng của Như Lai. Bởi Thánh tuệ nhãn vào tự tướng cộng tướng dựng lập như, nên chỗ dựng lập không đồng với luận ác kiến của ngoại đạo.

Chân nhân của chánh pháp cũng có bảy thứ sai biệt. Song các thứ cảnh giới đều là đệ nhất nghĩa cảnh giới, không có cái khác của phàm thánh cạn sâu. Như Lai trong ba đời dùng Thánh tuệ nhãn vào tự tướng cộng tướng chỗ dựng lập đều là như. Như tức là bảy thứ thật tướng không có phàm thánh cạn sâu, thủy đồng một vị. Nếu không phải Thánh tuệ nhãn thì đâu thể chứng biết. Tâm cảnh giới, tức là Như Lai tàng chuyển thành tàng thức, cùng với bảy các căn thức trước tất cả tâm vương tâm sở đều là cảnh giới của tâm sở hành. Tuệ cảnh giới chỉ cho văn, tư, tu và các thiền định tam-muội. Trí là căn bản trí. Do căn bản trí phát sanh, nhiên hậu mới thông đạt được Không Như Lai tàng và Bất Không Như Lai tàng. Tri kiến như thật là nói cảnh giới nhị kiến. Siêu, tức là siêu nhị kiến

này. Bồ-tát đến Thập nhất địa (Đẳng giác) còn có hai cái ngu, qua được nhân vị này mới hết. Như Lai tự đáo cảnh giới, tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mới nói là duy tâm, quên nhân tốt quả. Ngoại đạo không biết cảnh giới tự tâm hiện, ban đầu do bất giác huân biến thành thức, vốn không có thật thể, vọng cho là thật rồi chấp làm tự tánh. Nhị thừa chẳng đạt được pháp không, nên kẹt nơi quyền tiêu. Cả thầy trọn ngày ở trong đệ nhất nghĩa mà quên chân theo vọng. Như Lai thương xót những kẻ ngu si này rộng dạy pháp yếu. Tức là đến nơi phạm thánh duy thức sai biệt, chỉ ra tự tánh đệ nhất nghĩa tâm của Như Lai. Mở bày cho kẻ phạm ngu thì dùng pháp quyền là tốt bầy trở về một, chỉ cho kẻ đại trí thì dùng pháp thật tức bầy tức một. Do đây mà thành tự pháp thế gian, xuất thế gian thượng thượng. Tất cả Như Lai tự thọ dụng và tha thọ dụng đều do đây dựng lập. Cho nên tuy có tự tướng cộng tướng trọn chẳng ngoài chân nghĩa như thật. Bởi thế, nên cùng với ác kiến của ngoại đạo có khác.

Đại Huệ! Thế nào đồng với ác kiến luận của ngoại đạo? Nghĩa là chẳng thông tự cảnh giới, vọng tưởng kiến chấp, chẳng hiểu biết chừng ngần tự tâm hiện ra. Đại Huệ! Phạm phu ngu si đối với tánh, vô tánh, tự tánh, đệ nhất nghĩa mà khởi bàn luận nhị kiến.

Ác kiến của ngoại đạo đều do vọng tưởng, chẳng biết tự tâm hiện. Cho nên, trọn ngày ở trong đệ nhất nghĩa luống tạo nhị kiến có, không, đây là chỗ không đồng với chánh pháp. Tánh Như Lai tàng thuần nhất chẳng tạp, không có người, pháp nên nói vô tánh. Tánh của vô tánh gọi là tâm đệ nhất nghĩa. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Chẳng biết đệ nhất nghĩa đế, nên gọi là vô minh”. Ở trong vô minh thấy pháp có chừng ngần, không biết tâm hiện nên chấp có chấp không, lại tăng thêm vọng tưởng. Cho nên nói “tự cảnh giới”. Tự kiến chẳng trừ vọng chấp thành luận. Vì thế vẫn sau lại chỉ ra lỗi ấy.

- BÁC TÀ ĐOẠN CÓ, KHÔNG CỦA NGOẠI ĐẠO.

Lại nữa, Đại Huệ ! Vọng tưởng ba cõi khổ được diệt thì vô minh, ái, nghiệp duyên liền diệt. Lúc ấy cảnh huyễn do tự tâm hiện ra theo đó mà thấy. Nay sẽ nói.

Sắp chỉ ra lỗi vọng chấp có, không, bèn lo cho người mê sâu khó biết; nên bảo hoặc nghiệp khổ hết, mới tin tự tâm hiện ra đều như cảnh huyễn. Chính là nói tập khí thấy sai kia khó trừ, nên cảnh giới như huyễn chưa dễ gì thấy được. Ba cõi là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Khổ là quả vậy. Khổ quả trong ba cõi là từ vọng tưởng mà sanh, nên nói “vọng tưởng ba cõi khổ”. Vô minh là căn bản vô minh. Ái là tham dục tức là

nhuận sanh vô minh. Hai thứ vô minh này hay kết nghiệp nhân trong ba cõi nên nói là hoặc. Do hai thứ hoặc này tạo nghiệp trói buộc sanh tử, nên nói là nghiệp duyên. Ba thứ hoặc, nghiệp, khổ đều duy tâm hiện ra, mà ngoại đạo không thông cảnh giới như huyễn, chấp cho là thật có rồi vọng sanh phân biệt. Hoặc lại khởi hoặc, khổ càng thêm khổ, mắc sâu trong hư vọng không thể tạm bỏ. Vì thế Như Lai trình trọng nói đó, rồi sau mới chỉ ra, ý rất là thâm thiết.

Đại Huệ! Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn muốn khiến vô chủng, hữu chủng nhân quả hiện, và sự do thời mà trụ, hoặc duyên âm, giới, nhập sanh cho là trụ, hoặc nói sanh rồi diệt.

Sa-môn dịch là cần tức, chỉ cho người xuất gia học đạo gồm cả người theo chánh pháp và tà đạo. Bà-la-môn dịch là Tịnh hạnh, ở Ấn Độ người tại gia hành đạo, tức xứ này là Nho gia vậy. Vô chủng, là không biết chân tướng của tàng thức, chấp bướng vô minh phát nghiệp cho là xưa không nay có. Như chấp minh sơ cho là sanh nhân, thành đại v.v... hai mươi ba quả, có hiện ra như thế. Hữu chủng, là chẳng biết thức lưu chú và tướng đều duy thức hiện, vốn không thật tánh, vọng chấp tứ đại, vi trần v.v... cho là sanh nhân, thành tất cả quả, có hiện ra như thế. Và chấp sự sanh ra này y nơi thời gian mà trụ, như Tán Thời sư chấp thời là thường là nhất là nhân sanh vạn vật. Hoặc nói duyên âm, giới, nhập sanh cho là trụ, đây là chấp ngũ uẩn thật ngã thật pháp, đồng với hữu chủng. Hoặc nói sanh rồi lại diệt, đồng với vô chủng.

Đại Huệ! Kia hoặc chấp tương tục, hoặc sự, hoặc sanh, hoặc hữu, hoặc Niết-bàn, hoặc đạo, hoặc nghiệp, hoặc quả, hoặc đế, đều là luận phá hoại đoạn diệt. Vì có sao? Vì lời chấp này hiện tiền không thể được, và sẽ vô phân đối với chỗ thấy cứu kính. Đại Huệ! Thí như cái bình bể không thể làm được việc của cái bình, cũng như hạt giống bị cháy không thể làm được việc này mầm.

Tương tục tức là lưu chú. Sự tức là tướng. Nhân duyên hòa hợp gọi là sanh, nhân duyên chia lìa gọi là diệt. Nhân quả hiện tại gọi là hữu. Sanh diệt đã diệt gọi là Niết-bàn. Siêu tình tuyệt trí gọi là đạo. Y lý thành hạnh gọi là nghiệp. Việc làm đã xong gọi là quả. Đệ nhất nghĩa được thành gọi là đế. Từ tương tục đến hữu thuộc về pháp thế gian. Từ Niết-bàn đến đế thuộc về pháp xuất thế gian. Ngoại đạo không biết tự tâm hiện ra, huyễn vọng không thật, mà lấy huyễn vọng hiện tiền chấp là nhân tướng, hoặc là quả tướng.

Không những pháp thể gian sanh diệt, mà pháp xuất thể gian vô sanh diệt, vọng chấp là có, vọng chấp là không, trọn trở về chỗ tiêu diệt. Nên nói “không thể được”. Không đạt được sanh tướng của vô minh, nên tự thể của chân như chẳng phải chỗ thấy của họ. Nên nói “vô phần đối với chỗ thấy cứu kính”. Bởi mê bản giác nên sanh diệt rõ ràng, chẳng liễu được việc trước mắt nên có, không đều vọng. Thế nên, Thế Tôn chỉ họ là phá hoại đoạn diệt. Dụ như bình bể chẳng làm được việc cái bình, hạt giống cháy không làm được việc nảy mầm. Nghĩa là không phải nhân chân, ắt không có quả chân.

Như thế, Đại Huệ! Nếu tánh âm, giới, nhập đã diệt, hiện diệt và sẽ diệt thì, tự tâm vọng tưởng thấy vô nhân, kia không thứ lớp sanh.

Đây quả là luận đoạn diệt, vì chẳng biết lưu chú sanh nhân. Thứ lớp là lưu chú tương tục. Âm, giới, nhập tuy diệt mà vẫn còn tương tục. Cái sanh nhân tương tục này là do mê chân nên khởi, căn trần theo đó mà hiện. Căn trần tuy diệt mà tương tục chẳng diệt. Tương tục lại diệt mà thể tương tục chẳng diệt. Nghĩa là chỉ nghiệp tướng diệt mà tự chân tướng chẳng diệt. Nay ngoại đạo bảo tánh âm, giới, nhập đã diệt, hiện diệt và sẽ diệt, chính là tự vọng tưởng chấp cho là âm, giới, nhập chẳng phải từ mê mà có, luống thấy nó tự sanh tự diệt, bèn thành vô nhân. Cho nên biết, chẳng rõ lưu chú sanh nhân thì, chẳng những thấy sanh nghi là thật sanh, thấy diệt cũng nghi là thật diệt. Nghi thật sanh thì không thông cái gốc mê chân như mà khởi. Nghi thật diệt thì chẳng rõ cái thể tự tánh vô sanh. Hai cái chấp có, không này đều là đoạn diệt.

Đại Huệ! Nếu lại nói vô chủng hữu chủng, thức do ba duyên hợp mà sanh thì, rùa ung sanh lông, cát nên ép ra dầu. Tông họ ắt phải hoại, vì trái với nghĩa quyết định. Về thuyết hữu chủng vô chủng có lỗi như thế. Nếu có tạo sự nghiệp gì thấy đều không, vô nghĩa.

Vọng chấp ba duyên hợp mà sanh vẫn mê yếu chỉ nội thức biến, in tuồng như có. Tất cả căn trần đều do nội thức biến dường như hiện tiền, duyên hợp chẳng phải không, do mê khởi chẳng phải có, vốn là lý vô sanh, lầm chấp là nhân tướng. Ấy là rùa không có nhân lông mà sanh lông, cát không có nhân dầu mà sanh dầu. Trái với nghĩa quyết định, tông kia có lỗi như thế. Đâu có không nhân mà hay có quả. Thế là tạo tác sự nghiệp thấy đều không, vô nghĩa.

Đại Huệ! Các ngoại đạo kia nói có ba duyên hợp lại mà sanh, tạo ra phương tiện tự tướng nhân quả, quá khứ, hiện tại, vị lai tướng hữu chủng vô chủng từ xưa đến nay thành việc truyền thừa nhau. Thành tập khí giác tướng chuyển tự thấy sai, nên nói như thế. Thế nên, Đại Huệ! Phạm phu ngu si bị ác kiến nuốt sống, tà khúc làm mê say, không trí đối xung nhất thiết trí.

Ba duyên hợp mà sanh, Thế Tôn cũng thường bảo nhân quả thế gian có tự tướng phương tiện như thế. Đây do tự mê chân mà nói, không nên chấp nó làm nhân tướng quyết định có hay không. Ngoại đạo vọng chấp có, không, tột tám muôn kiếp là không biết, bèn chấp ba duyên sanh tạm hiện. Làm cái nhân mê mà khởi trong ba đời, thành cái tập khí giác tướng thấy sai. Từ trước đến nay thành việc truyền thừa nhau, người đời không biết lầm cho là người trí nói. Vì thế, đức Thế Tôn lại bài xích đó, để chỉ bày cho thiên hạ muôn đời vậy. Phương tiện, là phương tiện duyên sanh. Phương tiện tạo ra, trông vào vô minh cho là quả tướng, trông vào nghiệp hệ cho là nhân tướng. Nhân quả thế gian do mê mà sanh, chấp mê mà khởi kiến, bám vào đó làm định luận, làm nghi ngờ kẻ mới học gây tai hại không phải nhỏ.

- CHỈ BÀY LIA VỌNG ĐƯỢC CHỨNG.

Đại Huệ! Nếu các Sa-môn và Bà-la-môn thấy (các pháp) lìa chấp tự tánh, như mây nổi, vòng lửa, thành Càn-thát-bà, không sanh, huyễn, sóng nắng, trăng đáy nước và mộng, trong ngoài đều do tâm hiện. Vọng tưởng hư ngụy từ vô thủy chẳng lìa tự tâm. Nhân duyên vọng tưởng diệt hết thì lìa vọng tưởng năng thuyết sở thuyết, năng quán sở quán, thọ dụng, kiến lập thân đều là tàng thức. Nơi cảnh giới thức thì năng nhiếp thọ và sở nhiếp thọ đều chẳng tương ưng. Cảnh giới không thật có, lìa sanh, trụ, diệt, tự tâm sanh khởi theo, vào chỗ phân biệt.

Đại Huệ! Bồ-tát kia chẳng bao lâu sẽ được xem thấy sanh tử và Niết-bàn là bình đẳng, được đại bi xảo phương tiện và vô khai phát phương tiện. Đại Huệ! Kia đối với tất cả chúng sanh giới thấy đều xem như huyễn chẳng cần nhân duyên, xa lìa cảnh giới trong ngoài, ngoài tâm không còn thấy gì khác, thứ lớp tùy vào chỗ vô tướng, thứ lớp tùy vào từ địa này đến địa kia, cảnh giới tam-muội.

Chẳng đạt được do mê khởi nên vọng thấy có pháp sanh. Đạt được vọng vốn là hư dối thì xem đồng với huyễn hóa. Nếu cái sai biệt bất giác liền không thì, trí bi thuận tánh

vô ngại. Đây là lập bày chánh kiến tu hành, sở dĩ khác với ngoại đạo tà chấp. Nghĩa là Sa-môn Bà-la-môn nếu hay đối mê thành ngộ thấy tất cả pháp đều không tự tánh, như mây nổi v.v... không có sanh diệt, đã có tất cả tâm tướng trong ngoài chỉ bởi bất giác hư vọng từ vô thủy, toàn thể đều là tâm, không có phân biệt. Khởi quán như thế rồi thì tất cả tâm cảnh phân biệt liền dứt, tất cả ngôn thuyết phân biệt cũng dứt. Quán căn thân khí giới hiện tiền đều là tàng thức biến hiện. Liên đó cùng với năng thủ sở thủ cả hai đều không tương ưng, không còn tất cả cảnh giới sanh diệt. Về sau mới từ tự tâm hiện lượng mà khởi các phân biệt. Do đó Bồ-tát này chẳng bao lâu được sanh tử Niết-bàn cả hai đều bình đẳng, có lập ra phương tiện đều là vô công dụng. Quán chúng sanh giới duyên khởi là vô sanh, xa lìa tâm cảnh trong ngoài, không thấy có pháp gì ngoài tâm. Vào được Sơ địa vô phân biệt trí, do đây từ một địa đến một địa, các thứ thiên tam-muội thứ lớp được chúng nhập.

Hiểu tam giới như huyễn, phân biệt quán sát sẽ được như huyễn tam-muội. Qua tự tâm hiện không chỗ có, được trụ Bát-nhã ba-la-mật. Xả bỏ sanh kia tạo ra phương tiện vào Kim Cang dụ tam-ma-đề (chánh định), tùy vào thân Như Lai, tùy vào như như có biến hóa, thân thông tự tại, từ bi phương tiện đầy đủ trang nghiêm. Bình đẳng vào tất cả cõi Phật, vào chỗ ngoại đạo, lìa tâm, ý và ý thức. Bồ-tát này thứ lớp chuyển thân liền được thân Như Lai.

Đây là tướng từ Bát địa đến Thập địa. Bát địa đoạn câu sanh ngã chấp hết, chúng vô công dụng đạo, việc làm đều dứt. Mười phương chư Phật đồng thanh khuyến phát, mới dùng như huyễn quán mà quán tam giới như huyễn, được như huyễn tam-muội. Qua được tự tâm hiện không chỗ có. Tự tâm hiện không chỗ có tức là vô công dụng đạo, chính là hành tướng của Bát địa, đến đây mới được vượt qua. Đến Cửu địa mới hay thuyết pháp lợi sanh. Đến Thập địa mới hay phân thân mười phương kính thờ chư Phật. Nói là được vô ngại Bát-nhã ba-la-mật. “Sanh kia” là chỉ cho sanh tướng vô minh. Từ Thập địa về sau dùng trí lực phương tiện của Kim Cang dụ định mà đoạn sanh tướng vô minh, chúng pháp thân Như Lai chân như thường trụ, tự nhiên có bất tư nghì nghiệp dụng, đầy đủ phương tiện, đầy đủ trang nghiêm, vào khắp tất cả cõi Phật và vào chỗ ngoại đạo. Nên nói “trên cùng mười phương chư Phật đồng một từ lực, dưới cùng lục đạo chúng sanh đồng một bi ngưng”. Đến đây mới gọi lìa tâm, ý, thức được quả phương tiện nhị

chuyển y. Bồ-tát này chóng ngộ được tự lý, trừ sạch nghiệp lưu cả hai đều thù thắng. Cho nên nói “thứ lớp được”.

Đại Huệ! Thế nên muốn được thân tùy nhập của Như Lai phải xa lìa ám, giới, nhập, tâm nhân duyên, tạo ra phương tiện, sanh trụ diệt vọng tưởng hư dối. Chỉ có tâm thẳng tiến, quán sát lỗi hư nguy từ vô thủy, nhân tập khí vọng tưởng. Suy nghĩ ba cõi không thật có, được Phật địa vô sanh, đến tự giác thánh thú, tự tâm tự tại, đến vô khai phát hạnh, như hạt châu ma-ni tùy theo các sắc. Tùy nhập tâm vi tế của chúng sanh dùng hóa thân tùy tâm lượng mà độ. Các địa thứ lớp tiếp nối dựng lập. Thế nên, Đại Huệ! Tự tất-đàn là thiện phải nên tu học.

Đây là kết luận chỉ lại phương tiện tu hành. Câu tâm nhân duyên, tâm là thức tâm, nhân duyên là các thức hai loại sanh. Nghĩa là ám giới nhập các tâm nhân duyên, khởi ra phương tiện, tất cả sanh diệt phân biệt hư dối, nên phải xa lìa. Đã xa lìa rồi phải trụ nơi duy tâm, lại không có lỗi tẽ. Thẳng tiến là nói không có lỗi tẽ. Tức là dùng tâm này quán sát lỗi vô minh phát nghiệp, cùng phân biệt nhân, pháp, tất cả tập khí, khởi ra nhân tướng. Suy xét tam giới như huyễn, đạt đến Phật địa vô sanh, đến tự giác thánh trí, được tâm tự tại, vô công dụng hạnh. Như hạt châu ma-ni tùy các sắc, tùy nhập tâm chúng sanh dùng hóa thân tùy chỗ thọ nhận của tâm lượng chúng sanh mà vì họ hóa độ, y các địa phương tiện dựng lập. Tự tất-đàn này phải nên tu học. Tất-đàn là pháp thí. Tóm đó, phương tiện tu hành trước phải phát minh hai thứ sanh diệt đều do bất giác từ vô thủy, bèn thành hư dối, trụ nơi duy tâm, liền trừ được tập khí đã khởi và hai cái chương nhân pháp, mới biết ba cõi vốn là không, liền đó được vô sanh chẳng do công dụng.

b-Nói rộng bờ mé cứu kính của tám thức để phân biệt thức và trí.

- Đại Huệ thưa hỏi :

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn nói tướng tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, việc sở hành của tất cả chư Phật, Bồ-tát cảnh giới sở duyên chẳng hòa hợp do tự tâm hiện v.v... Hiện bày tất cả (Phật) thuyết thành tướng chân thật, tất cả Phật nói tâm. Vì các đại Bồ-tát ở trên núi Ma-la-da nằm trong biển thuộc nước Lăng-già nói “Như Lai khen ngợi biển sóng tàng thức cảnh giới pháp thân”.

Ở trước đã phát minh tàng thức và chuyển thức y nơi bất giác chẳng đồng với dị nhân của ngoại đạo, vì tất cả Bồ-tát dựng lập lý duy tâm để khởi phương tiện tu hành.

Đây lại hỏi tâm, ý, thức, năm pháp, tự tánh là ý ở chỗ nói rộng về sanh nhân của tám thức, để hiển bày một tâm chuyển biến thành tướng khác và chẳng khác, thành tựu biến sóng tàng thức cảnh giới pháp thân. Câu tất cả chư Phật nói v.v... nghĩa là sở hành thánh trí của chư Phật Bồ-tát lia tất cả tâm cảnh hiển bày chân thật, đây là chư Phật dạy tâm vậy. Biến sóng tàng thức cảnh giới pháp thân, là hiện lượng của tự tâm toàn vọng toàn chân, chẳng phải chỗ suy nghĩ biết được. Năm pháp là danh, tướng, vọng tưởng, chánh trí, như như. Ba tự tánh là biến kế chấp, y tha khởi, viên thành thật. Năm pháp, ba tự tánh này ở trong tâm, ý, ý thức y theo mê ngộ mà chuyển biến. Mê thì chánh trí trở thành vọng tưởng, như như chuyển làm danh tướng, viên thành làm làm biến kế và y tha. Ngộ thì danh tướng tức là như như, vọng tưởng lại thành chánh trí, biến kế, y tha chuyển hiện viên thành. Trong khoảng sát-na chân vọng lẫn hiện, danh khác mà thể đồng.

- PHÂN BIỆT NHÂN DUYÊN BẤT GIÁC CỦA TÁM THỨC.

Khi ấy, Thế Tôn bảo Bồ-tát Đại Huệ: Vì có bốn nhân duyên nên nhãn thức chuyển. Thế nào là bốn? Nghĩa là: 1) Tự tâm hiện nhiếp thọ bất giác, 2) Lỗi hư ngụy từ vô thủy do tập khí chấp trước sắc, 3) Thức tánh tự tánh, 4) Muốn thấy các thứ sắc tướng. Nay Đại Huệ! Đó gọi là bốn thứ nhân duyên, dòng nước tàng thức và sóng chuyển thức sanh.

Đây là nói chung sanh nhân của tám thức thức. Bốn thứ nhân duyên chung làm cho tám thức sanh khởi. Song nhân thứ nhất riêng chỉ bất giác làm nghĩa nhân duyên của tàng thức để rõ thức chẳng rời tâm. Chỉ vì bất giác liền thành thức tướng, nên nói dòng nước tàng thức và sóng chuyển thức sanh. Nước là dụ cho tâm. Dòng nước sóng mồi dụ cho tàng thức, chuyển thức. Tự tâm là Như Lai tàng tâm. Như Lai tàng tâm bởi bất giác nên hiện nhiếp thọ. Nhiếp thọ là kiến phần và tướng phần. Kiến phần là năng nhiếp, tướng phần là sở nhiếp. Nếu chẳng phải bất giác, thì tâm có lỗi sanh ra thức. Hư ngụy từ vô thủy tức là cái sở hiện của bất giác. Do bất giác hiện nên biến giống như trần cảnh bèn thành tập khí sắc v.v... Thức có công năng liễu biệt sự vật, sẵn có tánh phân biệt nên gọi là tự tánh của thức. Muốn thấy tức là tác ý. Nên nói: “Phù căn tứ trần giống ruồi theo sắc”.

Nay Đại Huệ! Như nhãn thức sanh, tất cả các căn, vi trần, lỗ chân lông đồng sanh. Theo thứ lớp cảnh giới sanh, cũng lại như thế. Thí như gương sáng hiện hình các sắc. Đại Huệ! Ví như gió lớn thổi nước biển cả.

Đây là nói tám thức chóng sanh và thứ lớp sanh. Đồng sanh là chóng sanh. Thứ lớp là thứ lớp sanh. Các căn, lỗ chân lông thuộc về căn. Vi trần thuộc về trần. Như nhãn thức là lấy nhãn thức lệ cho các thức. Các thức mỗi cái chia ra chóng và thứ lớp đều y căn trần mà có thức hiện, nên nói “cũng lại như thế”. Xét trực tiếp hai thí dụ ở dưới, tự biết ý chỉ của dụ. Chóng, như một thức chóng duyên nhiều cảnh, hoặc các cảnh đồng đủ các thức chóng sanh. Thứ lớp, như một thức lần lượt duyên các cảnh, hoặc các cảnh trước sau, các thức lần lượt sanh. Lại năm thức trước có thể nói năm trần đồng đủ đồng thời chóng sanh. Nếu về ý thức năm trần đối hiện chỉ có theo thứ lớp mà duyên. Năm thức trước gồm chóng và thứ lớp, còn ý thức chỉ thứ lớp không có chóng. Song nói chung lại đều y căn trần dẫn phát, thức thể tùy đó mà hiện. Thức thể là chân tướng của tàng thức. Cho nên, dùng gương và biển dụ cho thức thể, sắc và gió dụ cho căn trần. Sắc và gió vốn tự không biết, gương và biển y nhiên trong sáng. Chỉ vì bất giác bèn thấy sai biệt. Mới biết hiện lượng của năm thức cùng thức thứ tám đồng công năng. Tuy hiện lúc giao tiếp với căn trần mà không có phân biệt chia chẻ, sẵn vậy không thiếu. Chỉ tại khi mê trong khoảng sát-na trôi vào đất ý, chớp mắt làm qua liền không còn hiện lượng.

Gió cảnh giới bên ngoài trôi giạt biển tâm, sóng thức không dừng. Nhân và tướng sở tác có khác cùng chẳng khác. Hiệp với nghiệp sanh tướng vào sâu trong chấp trước, không thể rõ biết tự tánh sắc v.v... nên năm thức thân theo đó mà chuyển. Nay Đại Huệ! Liền đó ý thức cùng năm thức thân chung khởi. Do biết tướng phân đoạn sai biệt, chính là nhân của ý thức.

Đây nói tám thức lại lẫn nhau làm nhân. Chẳng phải một chẳng phải khác, đều do phát nghiệp mà có sai biệt. Biển tâm là tàng thức. Gió cảnh giới bên ngoài chỉ cho sáu trần. Sóng thức là bảy thức. Do gió cảnh sáu trần trôi giạt biển tâm khiến sóng môi bảy thức không dừng, mà nhân và tướng sở tác chẳng phải khác chẳng phải chẳng khác. Nhân là chỉ chân thức. Tướng sở tác tức chỉ tàng thức và chuyển thức. Nghĩa là đồng một chân tánh nên chẳng phải khác. Mỗi thức có cảnh riêng của nó nên chẳng phải chẳng khác. Song đều do bất giác phát nghiệp, một lúc các thức hiệp với phát nghiệp sanh tướng này vào sâu trong chấp trước, không thể rõ biết tự tánh sắc v.v... nên năm thức thân chuyển. Tự tánh sắc v.v... là do nội thức biến hiện làm tánh sắc v.v... dường như có hiện tiền, mà thật không có vậy. Ý thức cùng năm thức thân chung khởi, là khi năm thức khởi đồng

thời ý thức chung khởi. Nhân phần đoạn sai biệt nên sanh phân biệt, ý thức này lại lấy năm thức làm nhân. Mới biết do bất giác Như Lai tàng nên vọng động thành nghiệp mà khởi ra kiến phần tướng phần. Kiến và tướng phần ấy là sanh tướng của nghiệp. Nhân kiến nên hiện tướng mà thành căn và cảnh. Lại do căn cảnh sanh thức mà khởi ra phân chia. Biển và sóng vốn đồng, gió cảnh nào khác, chỉ rõ được bất giác thì nghiệp tướng tự dừng, trọn không còn gì chỉ bày vậy.

Thân kia chuyển, kia chẳng khởi nghĩ là ta lần lượt làm nhân nhau. Tự tâm hiện vọng tướng chấp trước chuyển, mà mỗi mỗi hoại tướng kia đều chuyển. Phân biệt cảnh giới phần đoạn sai biệt, gọi kia chuyển.

Đoạn này nói tám thứ thức liền đó vô sanh, bất biến mà tùy duyên, tùy duyên mà bất biến. Thân kia, là chỉ chung cho tám thứ thức. Tám thứ thức này lần lượt làm nhân nhau mà chẳng khởi nghĩ, là nói nó không tự tánh. Bởi không tự tánh nên tuy vọng khởi chấp trước mỗi thức liễu biệt cảnh của nó, mà tâm chẳng biết nghiệp, nghiệp chẳng biết tâm, thể hiện thời lặng lẽ, tướng sai biệt liền hết. Nên nói “tự tâm hiện vọng tướng chấp trước chuyển, mà mỗi mỗi hoại tướng kia đều chuyển”. Bản đời Đường dịch hoại tướng là vô sai biệt tướng. Chính do tướng sai biệt, ngay nơi đó mà phát sanh, rồi theo nơi đó mà diệt hết, nên vô sai biệt tướng cũng luôn luôn hiện tiền. Chỉ vì bất giác nên đối với phần đoạn sai biệt mỗi thức vẫn liễu biệt cảnh của nó.

- TỌT TÀNG THỨC LÀ BỜ MÉ CỨU KÍNH.

Như người tu hành nhập thiền tam-muội, tập khí vi tế chuyển mà không hiểu biết, lại khởi nghĩ rằng: Thức diệt nhiên hậu nhập thiền chánh định. Song thật thức chẳng phải diệt mà nhập chánh định vì chúng tử tập khí chẳng diệt nên chẳng diệt. Bởi cảnh giới chuyển nhiếp thọ chẳng đủ nên diệt. Đại Huệ! Như thế là tàng thức vi tế đến bờ mé cứu kính. Trừ chư Phật và hàng Bồ-tát trụ địa, các bậc Thanh văn, Duyên giác và ngoại đạo tu hành được sức trí tuệ tam-muội, tất cả không thể tính lường rành rõ.

Về lưu chú sanh diệt của tám thức không phải hàng diệt thọ định mà hay rành rõ. Cảnh giới vốn là rộng thì nhiếp thọ cũng đối. Định cùng với loạn, động cùng với lặng đều thuộc phân biệt trở về bờ mé của thức. Nên nói “chẳng biết sanh nhân của thức lưu chú, bỏ sanh tìm diệt thấy đều ở trong mê”.

- HIỆN HIỆN LƯỢNG CỦA TỰ TÂM LÀ VỌNG CHÂN THẬT.

Tướng các địa trí tuệ thiện xảo phương tiện phân biệt quyết đoán cú nghĩa, thiện căn tối thắng vô biên đã thành thực, lia vọng tưởng hư nguy của tự tâm hiện, ngồi yên nơi rừng núi tu bậc hạ trung thượng hay thấy vọng tưởng lưu chú của tự tâm. Ở trong vô lượng cõi nước chư Phật được quán đảnh, được sức tự tại thần thông tam-muội, các thiện tri thức phật tử làm quyến thuộc. Những vị ấy tâm, ý, ý thức, tự tánh cảnh giới, tưởng hư vọng do tự tâm hiện ra, biến hữu sanh tử nghiệp ái và vô tri, những nhân như thế đều đã vượt qua. Thế nên, Đại Huệ! Những người tu hành nên phải gần gũi hàng tri thức tối thắng.

Đây nói muốn cùng tột bờ mé của tàng thức thì phải đạt được tự tâm. Dùng sức trí tuệ của tự tâm phương tiện rõ biết tất cả nghĩa cú. Cho nên hay lia vọng tưởng hư nguy của tự tâm hiện ra. Hay lia vọng tưởng hư nguy mới biết lưu chú của tự tâm đều do bất giác. Nếu thấu rõ được bất giác thì giác được tự tâm. Chẳng theo cảnh giới dời đổi của mê tình thì tự nhiên an trụ biển tâm. Lặng lẽ thâm thông được Phật nhiếp thọ đồng với phật tử (Bồ-tát) trụ, lẽ ấy như thế. Những vị ấy tâm, ý, ý thức, tự tánh cảnh giới, tưởng hư vọng do tự tâm hiện ra, nghĩa là tưởng hư vọng do tâm hiện ra đều là tự tánh cảnh giới, liễu đạt tự tánh thấy không sai biệt, thì tất cả nghiệp hoặc sanh tử, khi mê đường như cảnh mộng hiện, khi giác đồng cảnh mộng mất, chẳng cần chuyển biến, bỗng nhiên siêu việt. Cho nên biết bậc đại Bồ-tát chẳng thấy có một pháp là thân hay là nghiệp và cùng chủ hay lia, mà cũng có lia. Chẳng đồng với Nhị thừa thấy thật có nghiệp hoặc sanh tử là tướng nên lia. Lại chẳng đồng tà ngoại cho là tất cả không thật có, mà chẳng cần lia. Đây là không phải hàng tri thức tối thắng thì không thể thấu suốt. Là yếu chỉ duy có chân thức lại không có các thức khác, nên Phật dạy phải nên gần gũi. Biến hữu sanh tử, nghĩa là nghiệp khổ sanh tử. Nghiệp ái và vô tri, chữ nghiệp là phát nghiệp tức căn bản vô minh; ái là ái dục tức chi nhuận vô minh; vô tri là vô minh.

- TỤNG PHÂN BIỆT TÁM THỨC ĐỂ KHỞI TỰ NGỘ.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên nghĩa này, nói kệ rằng:

Ví như sóng biển cả

Đây do gió mạnh thổi

Sóng to vỗ biển rộng

Không có khi đoạn dứt

Biển tàng thức thường trụ

Gió cảnh giới nổi dậy
Lớp lớp các sóng thức
Ào ạt mà chuyển sanh.

Đây là tụng chung nhân duyên của tàng thức và chuyển thức. Dùng biển cả để dụ cho tàng thức, gió mạnh dụ cho cảnh giới lục trần, sóng mòi dụ cho chuyển thức. Tàng thức là nhân, trần cảnh làm duyên, mà bảy thức thân chuyển.

Các thứ sắc xanh đỏ
Kha, sữa và đường phèn
Vị lạt, các hoa quả
Nhật, nguyệt cùng ánh sáng.
Chẳng khác không chẳng khác
Nước biển nổi sóng mòi
Bảy thức cũng như vậy
Tâm cùng hòa hợp sanh.

Đoạn tụng này lại dùng năm trần sắc v.v... chẳng khác chẳng phải chẳng khác, một lần nữa để nói chuyển thức cũng chẳng khác chẳng phải chẳng khác. Xanh đỏ thuộc về sắc trần. Kha bổi thuộc thanh trần. Sữa, đường, muối, vị lạt thuộc vị trần. Hoa thuộc hương trần. Quả thuộc xúc trần. Năm trần này đều do nội thức hiện ra. Như nhật nguyệt cùng ánh sáng chẳng khác, chẳng phải chẳng khác, để dụ chuyển thức với tàng thức. Lại như nước biển cùng sóng mòi chẳng khác chẳng phải chẳng khác.

Ví như nước biển đời
Lớp lớp sóng mòi chuyển.
Bảy thức cũng như vậy
Tâm cùng hòa hợp sanh.
Là chỗ tàng thức kia
Bao nhiêu các thức chuyển
Là do ý thức kia
Suy nghĩ nghĩ các tướng.
Tướng chẳng hoại có tám
Vô tướng cũng vô tướng

Ví như biển sóng mòi
Thế là không sai biệt.
Các thức tâm như thế
Khác cũng không thể được.

Đoạn tụng này, bốn câu đầu lặp lại dụ nước biển và sóng mòi để dụ cho tàng thức và chuyển thức hợp lại sanh. Dẫn khởi hai câu dưới trở về gốc tàng thức có bao nhiêu các thức chuyển. Tám câu sau nói cũng không có tướng của các thức chuyển có thể được, chỉ do ý thức suy nghĩ chẳng hoại giả danh bèn có tám. Chương sanh diệt trước nói “hiện thức và phân biệt sự thức hai tướng hoại và chẳng hoại lần lượt làm nhân”. Bởi vì tàng thức, chuyển thức đều có hai tướng hoại và chẳng hoại. Nghĩa là chỉ nghiệp tướng hoại mà tự chân tướng chẳng hoại. Đoạn văn trường hàng của chương này nói “mỗi mỗi hoại tướng kia đồng chuyển”. Trong bài tụng nói “tướng chẳng hoại có tám” là chỉ chung các thức khi mê chân mà chuyển, cả thể toàn chân. Toàn thể không sai biệt nên nói “chẳng hoại”. Vì mê chân sai biệt khởi nên nói “hoại”. Người xét thấu chỗ hỗ dụng này thì có thể khởi ngộ. Đã mê chân mà khởi sai biệt, ví như con mắt nhìn lâu thấy hoa đốm, ở trong đó cũng không có tướng năng tướng sở, cho nên nói “không tướng cũng không tướng”. Lại dùng nước biển cùng sóng mòi đồng một tánh nước, không có sai biệt, để thấu rõ các thức đồng một tánh chân, cũng không có đồng và khác. Mê thì chạy theo tướng thức, ngộ thì thấu suốt được thể vọng.

Tâm tên gom góp nghiệp
Ý tên rộng gom góp
Các thức, thức sở thức
Cảnh hiện thấy nói năm.

Đây lại đến tám thứ thức, mỗi thức rõ tự cảnh để thấy đồng thể không khác, chỉ có tên khác thôi. Thức thứ tám tên tâm, vì hay chịu huân tập, hay chứa các chủng tử, nên nói “gom góp nghiệp”. Thức thứ bảy hằng xét nét suy nghĩ nhân pháp ở bên trong của nó, gọi là ý; gìn giữ hai cái chấp này rộng tạo nghiệp nhân, lại huân tàng thức, chẳng được thanh tịnh, nên nói “rộng gom góp”. Sáu thức sau đều gọi là thức, do phân biệt năm trần quá khứ hiện tại, thông cả ba lượng nên gọi ý thức; đối cảnh hiện tiền hay hiện năm trần gọi là năm thức.

Bồ-tát Đại Huệ dùng kệ hỏi Phật:

Xanh đỏ các sắc tượng

Chúng sanh phát các thức

Các thứ pháp như sóng

Thế nào cúi xin nói?

Ngài Đại Huệ sợ e chúng sanh chẳng rõ được trần cảnh hiện tiền là nội thức biến hiện chẳng phải có, bầy chuyển thức vì mê tàng thức mà sanh chẳng phải không. Cho nên dùng sắc hiện có năng phát, như xanh đỏ v.v... thức hiện có sở phát, như biển, sóng v.v... thì năng, sở mỗi thứ khác, mà nói chẳng khác chẳng phải chẳng khác, vô tướng cũng vô tướng đó là sao? Bởi Ngài muốn Thế Tôn phát minh năng sở đều duy thức hiện, không riêng có vậy.

Thế Tôn dùng kệ đáp rằng:

Xanh đỏ các tạp sắc

Sóng mòi đều không có

Gom góp nghiệp nói tâm

Khai ngộ các phàm phu

Nghiệp kia thấy không có

Tự tâm sở nhiếp ly.

Sở nhiếp không sở nhiếp

Cùng sóng mòi kia đồng.

Thọ dụng kiến lập thân

Là hiện thức chúng sanh.

Nơi kia hiện các nghiệp

Thí như nước, sóng mòi.

Đoạn tụng này nói năng, sở, tâm, cảnh đều duy thức hiện. Xanh đỏ dụ tất cả sắc, sóng mòi dụ tất cả thức; đều không, chẳng thật có. Chẳng thật có mà nói “gom góp nghiệp nói tâm”, là muốn khiến phàm phu biết tất cả nghiệp quả duy tâm tạo ra. Cho nên nói “gom góp nghiệp nói tâm” là để khai ngộ các phàm phu. Song nghiệp gom góp cũng không thể được, nên nói “nghiệp kia thấy không có”. Do tự tâm bất giác vọng có cảnh sở nhiếp, như con mắt bệnh thấy hoa đốm trong hư không. Hoa này cùng con mắt vốn chẳng

đến nhau nên nói “tự tâm sở nhiếp ly”. Không hoa sở nhiếp đã ly thì con mắt bệnh năng nhiếp cũng vốn không có, như sóng mồi kia, toàn sóng là nước, nên nói “sở nhiếp không sở nhiếp, cùng sóng mồi kia đồng”. Hiện tiền thân căn và khí giới đều duy thức hiện. Thức năng hiện cùng thân căn khí giới sở hiện vẫn như sóng với nước không có một, hai.

Bồ-tát Đại Huệ lại nói kệ hỏi:

Tánh biển cả sóng mồi
Nổi dậy khá phân biệt
Tàng cùng nghiệp như thế
Cớ sao chẳng hiểu biết?

Bài tụng này nói biển cùng sóng mồi thì phân biệt có thể thấy, mà dụ cho tàng thức cùng nghiệp khó có thể hiểu biết. Chữ nghiệp là chuyển thức.

Thế Tôn dùng kệ đáp:

Phàm phu không trí tuệ
Tàng thức như biển cả
Nghiệp tương ví sóng mồi
Y dụ kia so hiểu.

Phàm phu vô trí không thể nói thẳng, nên thí dụ tàng và chuyển, mong họ tự giác, đây không thể chỉ ra cái chân thật. Thế nên văn sau có câu hỏi, sao chẳng nói thật.

Bồ-tát Đại Huệ lại nói kệ hỏi:

Mặt trời sáng đồng chiếu
Chúng sanh hạ trung thượng
Như Lai chiếu thế gian
Vì ngu nói chân thật
Đã phân bộ các pháp
Cớ sao chẳng nói thật?

Đây nói Như Lai vì chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật mà xuất hiện trong đời, chẳng chịu chỉ thẳng chân thật, chỉ phân bộ các pháp, ấy là ý chỉ gì? Phân bộ là phân chín bộ, mười hai bộ. Đâu biết rằng Như Lai nói ra ba thừa năm thừa đều vì đệ nhất nghĩa đế. Chúng sanh vô trí không thể chỉ thẳng mà chỉ quanh co, vốn không có ý chỉ khác, cần đợi thời tiết vậy. Văn sau đặc biệt nói ý này.

Thế Tôn dùng kệ đáp:
Nếu nói chân thật đó
Tâm kia không chân thật
Thí như biển sóng mòi
Bóng trong gương và mộng
Tất cả đồng thời hiện
Tâm cảnh giới cũng thế.
Vì cảnh giới chẳng đủ
Thứ lớp nghiệp chuyển sanh
Thức ấy thức, sở thức
Ý ấy ý vị nhiên.
Năm thức do hiển hiện
Không có định thứ lớp
Thí như ông thợ vẽ
Và học trò thợ vẽ.
Vải, màu vẽ các hình
Ta nói cũng như thế,
Màu sắc vốn không nét
Chẳng viết cũng chẳng lụa
Vì vui chúng sanh nên
Hòa lẫn vẽ các hình.

Như Lai chẳng nói chân thật, bởi tâm chúng sanh chẳng chân thật. Nghĩa là có mà chẳng thấy tức đồng với không. Nếu muốn chỉ điểm hiện lượng trước mắt thì chẳng phải tâm chẳng phải thức, như đem năm màu chỉ cho những người mù. Vì thế, Như Lai nơi phi tâm mà chỉ là tâm, nên thí dụ biển, gương; nơi phi thức mà chỉ là thức, nên thí dụ sóng mòi của biển, hình bóng của gương, cùng việc trong mộng. Nghĩa là thức thứ tám chuyển sanh các thức đồng thời chóng hiện. Bày chuyển thức nương cảnh mới hiện, cảnh giới chẳng đủ thì thứ lớp hiện. Thức thứ sáu phân biệt, thức thứ bảy tác ý, năm thức trước đối với trần, đều thứ lớp hiện, không nhất định trước sau. Đây Như Lai vẫn không thể chỉ thẳng cái chân thật mà dùng lời nói phương tiện dẫn đường cho chúng sanh. Nên nói như

ông thợ vẽ dùng vải màu mà vẽ thành hình vậy. Hoặc cho là tâm mà đợi giác, hoặc cho là thức mà đợi không. Đây là chỗ siêu tình bật ngôn ngữ há cho bậc đại trí để tâm ư. Có ngộ có mê là chỗ ưa thấy của phàm ngu, nên nói màu sắc vốn không nét, chẳng phải bút chẳng phải lụa, vì vui chúng sanh không thể chẳng vẽ ra.

Nói năng riêng lập bày

Chân thật lia danh tự

Phân biệt hợp nghiệp đầu

Tu hành bày chân thật.

Chân thật chỗ tự ngộ

Giác tướng sở giác lia

Đây vì phật tử nói.

Nói năng là vì chân thật mà lập bày. Đến chỗ chân thật chỉ có thàm hợp. Như người uống nước lạnh, nóng tự biết, chỗ tự biết không phải danh tướng trình bày ra được. Trông vào ngôn thuyết là khác vậy. Chân thật tự ngộ, hiện lượng mà được, năng giác sở giác đều chẳng phải cảnh giới, ấy là vì phật tử (Bồ-tát) nói, chưa dễ gì vì người sơ cơ mà nói.

Người ngu rộng phân biệt

Các thứ đều như huyễn

Tuy hiện không chân thật

Như thế nói các thứ.

Tùy sự riêng lập bày

Nói ra không phải hợp

Nơi kia là chẳng nói

Cả thầy người bệnh kia

Thầy thuốc tùy dùng thuốc.

Như Lai vì chúng sanh

Tùy tâm hợp lượng nói

Phi cảnh giới vọng tưởng

Thanh văn chẳng có phần.

Người ai mãi nói ra

Cảnh giới của tự giác.

Như Lai vì người ngu rộng phân biệt nói, cho nên các thứ đều như huyễn. Tuy hiện không thật, song trọn không thể chẳng nói các thứ. Tùy sự lập bày thật là bất đắc dĩ. Nếu căn cứ lời chân thật thì nơi kia là chẳng hợp. Thầy thuốc với người bệnh, dụ Như Lai tùy tâm chúng sanh hợp với lượng sở tri. Vọng tưởng là chỉ cho phàm phu. Như Lai thương xót chúng sanh nên xưng là người ai mãi, tùy tâm hợp lượng. Cảnh giới tự giác của người ai mãi chẳng phải phàm phu và Nhị thừa có phần.

-CHỈ THĂNG BA TƯỚNG TỰ GIÁC THÁNH TRÍ.

Lại nữa, Đại Huệ! Nếu đại Bồ-tát muốn biết hiện lượng của tự tâm nhiếp thọ và người nhiếp thọ, cảnh giới vọng tưởng, phải lìa chỗ ồn náo, những tập tục ngủ say, đầu hôm giữa đêm và gần sáng thường phải giác ngộ. Phương tiện tu hành, phải lìa ác kiến kinh luận ngôn thuyết và hành tướng các thừa Thanh Văn Duyên giác, phải thông đạt tướng vọng tưởng tự tâm hiện.

Đoạn này là khuyên như lời dạy mà tu hành. Bởi vì tất cả cảnh giới vọng tưởng năng thủ sở thủ từ hiện lượng của tự tâm bất giác mà khởi. Tuy ở trong tất cả cảnh giới mà cái hiện lượng này chưa từng dời đổi. Chỉ tại ở trong mê không thể hiểu biết, cho nên nói “muốn biết hiện lượng của tự tâm nhiếp thọ và người nhiếp thọ cảnh giới vọng tưởng, phải lìa chỗ ồn náo, ngủ say, đầu hôm giữa đêm và gần sáng thường tự giác ngộ”, tức là giác ngộ tự tâm vậy. Hiện lượng của tự tâm ở chỗ vắng để giác. Ngoại đạo thì ác kiến, Nhị thừa thì ngu pháp, tăng trưởng vọng tưởng trái ngược với tự tâm, cả hai đều phải lìa. Mới biết tướng của tất cả vọng tưởng do tự tâm hiện ra, như thế mà khởi, như thế mà diệt. Phương tiện tu hành đây là lối thẳng vậy.

Lại nữa, Đại Huệ! Đại Bồ-tát dựng lập tướng trí tuệ, trụ rồi ở trên ba tướng thánh trí phải siêng tu học.

Trí tuệ là đối bất giác mà nói. Bất giác tự tâm ắt hằng ngày ở trong hiện lượng mà không thể trụ. Đã giác an trụ vẫn có ba tướng thánh trí, nương ngộ cùng tiêu, bi nguyện sẽ viên mãn. Văn sau tự dụ vậy.

Những gì là ba tướng thánh trí phải siêng tu học? Nghĩa là tướng vô sở hữu, tướng chỗ tất cả chư Phật tự nguyện, tướng tự giác thánh trí cứu kính. Tu hành được đây rồi hay xả tướng tâm trí tuệ lừa què, được địa thứ tám của bậc Tối thắng tử, ở trên ba tướng kia

do tu hành mà sanh. Đại Huệ! Tướng vô sở hữu ấy, là tướng của Thanh Văn, Duyên giác và ngoại đạo, kia do tu tập mà sanh. Đại Huệ! Tướng chỗ tự nguyện ấy, là chỗ chư Phật trước tự nguyện tu sanh. Đại Huệ! Tướng tự giác thánh trí cứu kính ấy, là tất cả pháp tướng không có chỗ chấp trước được thân như huyễn tam-muội, chỗ chư Phật địa tiến thú tu hành mà sanh. Đại Huệ! Đây gọi là ba tướng thánh trí. Nếu người thành tựu ba tướng thánh trí này hay đến cảnh giới tự giác thánh trí cứu kính. Thế nên, Đại Huệ! Ba tướng thánh trí phải siêng tu học.

Thất địa đoạn ngã chấp đã hết, tất cả tâm dứt không còn khởi lại tương tự với Nhị thừa, nên nói trí lừa què, vào Bát địa rồi sau mới xả. Tướng vô sở hữu là, quán không của Nhị thừa. Bồ-tát trụ tướng trí tuệ mà vẫn dùng thiền tịch của Nhị thừa để trừ sạch pháp chấp vi tế. Đây là chẳng bỏ phương tiện mà chẳng chấp là thật pháp. Tướng Phật trước tự nguyện, kinh Anh Lạc nói: “Chưa qua khổ để khiến qua khổ để, chưa hiểu tập để khiến hiểu tập để, chưa an đạo để khiến an đạo để, chưa được diệt để khiến được diệt để”. Đây là tứ hoảng thệ, y nơi giáo biệt, viên đều duyên hai thứ tứ thánh đế hữu tác và vô tác. Đây là tướng Phật trước tự nguyện, Bồ-tát phát tâm không đồng với Nhị thừa. Tướng tự giác thánh trí cứu kính, là ở tất cả chỗ chứng được cảnh giới tự tâm hiện lượng, đạt tất cả pháp không ngăn ngại, được thân như huyễn viên mãn Phật địa. Đây là sai biệt trí vậy. Chẳng nói sai biệt mà nói thánh trí cứu kính, là do sai biệt cứu kính là căn bản. Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử trải qua một trăm mười thành học đạo Bồ-tát, rốt sau đến chỗ Di Lạc lại khiến trở lại yết kiến Văn Thù. Bảo: “Ông trước được gặp các thiện tri thức, nghe hạnh Bồ-tát, vào môn giải thoát, đầy đủ đại nguyện, đều là sức oai thần của Văn Thù. Văn Thù Sư Lợi ở tất cả chỗ đều được cứu kính”. Cho nên biết, trước trụ tướng trí tuệ về sau siêng tu ba tướng. Ba tướng thành tựu cũng chỉ nói, hay đến cảnh giới tự giác thánh trí cứu kính. Bởi vì căn bản trí sáng thì tột các sai biệt, cũng cứu kính không khác vậy.

B- Chỉ năm pháp, tự tánh, vô ngã, giản biệt nhị thừa ngoại đạo, để rõ nhân quả của chánh pháp.

a- Nói năm pháp

- ĐẠI HUỆ HỎI:

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ biết chỗ tâm nghĩ của chúng đại Bồ-tát, tên kinh Thánh Trí Sự Phân Biệt Tự Tánh, nương sức oai thần của tất cả Phật, bạch Phật rằng: Thế Tôn! Cúi xin vì nói kinh Thánh Trí Sự Phân Biệt Tự Tánh là chỗ nương của một trăm lẻ tám câu. Như Lai ứng cúng đấng chánh giác y đây phân biệt nói đại Bồ-tát vào tự tướng, cộng tướng, tự tánh vọng tướng. Do phân biệt nói tự tánh vọng tướng thì hay khéo biết khắp quán sát nhân pháp vô ngã, trừ sạch vọng tướng, soi sáng các địa, siêu việt tất cả Thanh Văn, Duyên giác và những cái vui thiên định của ngoại đạo. Quán sát cảnh giới sở hành bất khả tư nghì của Như Lai, quả quyết lìa bỏ năm pháp tự tánh. Pháp thân trí tuệ của chư Phật Như Lai khéo tự trang nghiêm. Khởi cảnh giới huyễn, lên tất cả cõi Phật, Thiên cung Đâu Suất cho đến thiên cung Sắc Cứu Kính, liền được pháp thân thường trụ của Như Lai.

Đây là hỏi tự tánh vọng tướng, để hiển thánh trí, để phân biệt chấp tà. Bởi do mê tự tánh mà thành vọng tướng, tức ở chỗ vốn không tự tha, một lúc liền có tự tướng cộng tướng nhanh chóng hiện bày. Như nhãn thức ban đầu thấy sắc liền được tự tướng nhãn thức, vừa rơi vào phân biệt liền thành cộng tướng. Đây đều là cảnh giới bất giác vọng tướng. Tất cả Bồ-tát vào đây mà thị hiện các thứ sai biệt đã có ở thế và xuất thế gian để kiến lập thành một trăm lẻ tám câu. Nếu giác vọng tướng không khác tự tánh, đây là việc thánh trí, liền đạt tự tướng cộng tướng không thể được. Tất cả Bồ-tát cũng không bỏ các thứ sai biệt đã có ở thế và xuất thế gian mà được chỗ thâm bày của phi một trăm lẻ tám câu. Đó là lý do Như Lai phân biệt nói tự tánh vọng tướng. Bởi phân biệt vọng tướng này không riêng có tự tánh. Thế mới biết, tự tánh vốn tự không nhân, tự tánh vốn tự không pháp. Không nhân không pháp nên hay trừ sạch vọng tướng mà chẳng cần dụng công. Soi sáng các địa mà không ngại viên dung, vượt khỏi cái vui thiên định của phàm phu ngoại đạo, vào chỗ sở hành của Như Lai, danh tướng, vọng tướng, y tha, biến kế liền đó chóng không, chánh trí, như như, viên thành cũng không thật có. Pháp thân trí tuệ chư Phật Như Lai này từ tự tánh vọng tướng mà phát minh tâm lượng. Có sự trang nghiêm đều là trang nghiêm tự tâm, liền chuyển cảnh giới vọng tướng của tự tâm hiện ra. Hiện cõi nước như huyễn lên thiên cung như huyễn. Chẳng lìa tự tâm được pháp thân cứu kính thường trụ Như Lai.

- PHÁP NGOẠI ĐẠO VỌNG CHẤP CÓ, KHÔNG.

Phật bảo Đại Huệ: Có một thứ ngoại đạo khởi vọng tưởng chấp trước có không, nhân giác tri hết, tưởng như thỏ không sừng. Như thỏ không sừng, tất cả pháp cũng lại như vậy. Đại Huệ! Lại có ngoại đạo thấy chủng, cầu-na, cực vi, đà-la-phiêu, hình xứ, hoành pháp mỗi mỗi sai biệt. Thấy rồi, chấp trước thỏ không sừng hoành pháp, khởi tưởng trâu có sừng. Đại Huệ! Kia rơi vào hai kiến chấp, chẳng hiểu tâm lượng. Cảnh giới tự tâm vọng tưởng tăng trưởng, thân thọ dụng kiến lập vọng tưởng căn lượng. Đại Huệ! Tất cả pháp tánh cũng lại như thế, lìa có, không, chẳng nên khởi tưởng. Đại Huệ! Nếu lại lìa có, không mà khởi tưởng thỏ không sừng, ấy gọi là tưởng tà, vì kia quán nhân đối đãi. Thỏ không sừng chẳng nên khởi tưởng, cho đến vi trần, tánh phân biệt sự, thấy đều không thể được. Đại Huệ! Cảnh giới thánh ly, không nên khởi tưởng trâu có sừng.

Đây là chỉ rõ không đạt được tự tánh vọng tưởng, nên có ngoại đạo tà chấp. Vọng tưởng từ bất giác tâm lượng mà khởi. Tâm không phải tướng động do bất giác vọng sanh. Vọng sanh chẳng phải có, vọng diệt chẳng phải không. Có, không cả hai đều vọng, luống tăng thêm bất giác, chẳng phải cái gốc tâm lượng. Thế nên chẳng rõ tướng sanh, mới kẹt nơi vô minh, lầm chấp căn thân khí giới ắt rơi vào nhân thường. Dù có quán nhân hết, lại trôi vào đoạn diệt. Đây là thỏ không sừng cùng với trâu có sừng, bởi vì đối đãi mà tướng sanh. Tuy ở trong chánh pháp vẫn chưa dễ gì liền đó chóng lìa. Bởi tâm lượng bản hữu chưa tròn thì mê tình bất giác khó hết. Biết rõ hiện tiền chẳng phải có, rỗng lặng chẳng phải không, mà đương niệm chưa tạm thấy, tưởng lặng lẽ vẫn thâm lớn. Nên nói “lìa có, không mà lại khởi tưởng thỏ không sừng”. Tóm lại quán không bởi vì kẹt hữu. Đã tin rõ huyễn thì đâu cần lại không, có chẳng thể được thì không từ đâu đối đãi. Nên nói “cảnh giới thánh ly, cứu kính không nên khởi tưởng trâu có sừng”. Nhân giác tri hết, như Số luận sư tốt tám muôn kiếp mờ mịt không biết. Xét biết các pháp trước mắt rốt cùng trở về hết sạch, đồng với sừng thỏ. Chũr chủng là bốn đại chủng. Cầu-na dịch là y. Đà-la-phiêu dịch là trần. Hoành pháp là các pháp sắp bày. Như Thuận thế sư thấy tứ đại chủng y cực vi trần làm sanh nhân, bởi có các pháp sắp bày, mỗi mỗi sai biệt, cho nên chấp thỏ không sừng, mà khởi tưởng trâu có sừng.

Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Người được không vọng tưởng thấy tướng chẳng sanh rồi tùy đó suy nghĩ quán sát, chẳng sanh vọng tưởng nói là không chẳng?

Người thấy tướng chẳng sanh, nghĩa là thấy sừng trâu không có thật, chẳng sanh tướng có, do đây so sánh chẳng khởi vọng tưởng. Đây là tội nhân chấp không của ngoại đạo, muốn Thế Tôn nói rõ đó.

Phật bảo Đại Huệ: Chẳng phải quán sát chẳng sanh vọng tưởng nói không. Vì có sao? Vì vọng tưởng nhân đó mà sanh. Y sừng kia sanh vọng tưởng, do y sừng sanh vọng tưởng, thế nên nói là y nhân. Vì lìa khác và chẳng khác, chẳng phải quán sát chẳng sanh vọng tưởng nói là không sừng.

Việc ngoài thánh trí thấy có, thấy không đều là nhân vọng tưởng, nên phải lìa. Vọng tưởng y nơi sừng mà chấp có không, đây do phân biệt có không làm nhân, nó không phải chánh nhân, khác cùng chẳng khác đều là hý luận. Y nơi sừng khởi vọng tưởng có là chẳng khác, y nơi sừng khởi vọng tưởng không là khác, đều là nhân vọng tưởng cả hai đều không thật. Thế nên người được thánh trí ít không quán sát chẳng sanh vọng tưởng, nói không sừng vậy.

Đại Huệ! Nếu vọng tưởng khác với sừng thì không nhân sừng sanh. Nếu chẳng khác thì nhân sừng sanh. Cho đến vi trần phân tích tìm cầu trọn không thể được. Vì không khác với sừng, kia cũng không tánh. Cả hai đều không tánh thì pháp gì? Có sao nói là không? Đại Huệ! Nếu là không thì không sừng. Quán là có nên nói thỏ không sừng, không nên khởi tưởng. Đại Huệ! Vì chẳng phải chánh nhân mà nói là có, không, cả hai đều chẳng thành.

Đây là nhằm vào người chấp không, y nơi sừng làm sanh nhân. Nhiên hậu tìm cùng thì nhân chẳng thật, chỗ chấp thành rỗng, nên chẳng ưng khởi tưởng. Ý nói vọng tưởng đã khác với sừng thì lý ưng chẳng nhân nơi sừng vậy, nếu chẳng khác với sừng tức là nhân nơi sừng. Nay chính nơi sừng phân tích đến vi trần không thể được thì chẳng khác với sừng này mà có tánh vẫn không thể định. Có đã phi tánh thì, cái không kia cũng phi tánh, cả hai đều vô tánh thì thế gian vật gì, pháp gì mà có thể nói không. Thấy không mà nói không sừng, thấy có không phải thật mà nói không sừng, đây là có, không y nhân, chẳng nên khởi tưởng. Không phải chánh nhân là, không được thật tướng của các pháp, hai thuyết có không đều thành hý luận.

Đại Huệ! Lại có các ngoại đạo chấp, chấp trước việc sắc, không, hình xứ, hoành pháp, không thể khéo biết chùng ngăn của hư không. Nói sắc lìa hư không, khởi kiến chấp vọng tưởng chùng ngăn.

Đây là kèm phá ngoại đạo chấp có, bèn gồm nói không nhân có đối đãi, nên phải lìa hết. Chấp trước sắc khác với không, nghĩa là tứ đại chủng và vi trần hay sanh tất cả pháp. Do không khéo biết chùng ngăn sắc cùng hư không nên khởi tất cả vọng tưởng.

Đại Huệ! Hư không là sắc, theo vào sắc chủng. Đại Huệ! Sắc là hư không, chỗ năng trì sở trì mà dựng lập tánh. Việc sắc không phân biệt nên biết. Đại Huệ! Khi tứ đại chủng sanh tự tướng mỗi thứ đều khác, cũng chẳng trụ nơi hư không, chẳng phải nó không hư không.

Theo vào sắc chủng, là thế gian không có một pháp nào lìa hư không mà chẳng bị hư không chen vào. Năng trì là hư không năng trì. Sở trì là sắc sở trì. Thế gian cũng không có một pháp chẳng được hư không sở trì. Đây là kiến lập tự tánh sắc không, nên như thế mà biết. Nếu y sắc nên không, y không nên sắc, chỉ là kẻ phàm phu và ngoại đạo vọng kiến vậy. Nguyên nghĩa sắc không, do mê chân thành thức, đồng thời liền hiện, không có trước sau, cũng không kia đây. Kinh Lăng nghiêm nói: “Hồi muội làm không, kết không làm sắc”. Lại nói “Hư không sanh trong đại giác, như biển sanh hòn bọt, cõi nước vi trần hữu lậu, đều y không sanh ra”. Nay chấp sắc chấp không đều là chùng ngăn trong mê, chẳng lìa vọng tưởng. Giác ngộ tự tâm hiện, mới biết cảnh giới hiện ra đều đồng việc trong mộng. Hư không, căn thân, khí giới trong mộng bỗng nhiên hiện tiền, là sắc là không y nhiên phân biệt. Giác rồi sau mới biết là thức tướng sanh ra, chẳng thể có không vậy. Tự tướng tứ đại chủng mỗi thứ khác nhau, tuy chẳng trụ hư không mà sở nhập và sở trì không thể phân biệt được. Đây bởi chấp tứ đại vi trần là sanh nhân của các pháp, nên lại bày lời để hiểu đó vậy.

Như thế, Đại Huệ! Quán trâu có sừng nên tỏ không sừng. Đại Huệ! Lại sừng trâu phân tích làm vi trần, lại phân biệt vi trần trong sát-na không dừng. Kia quán cái gì mà nói không ư? Nếu nói quán các vật khác đó, pháp kia cũng vậy.

Trọn nói chấp không, cũng nhân chấp có đối đãi mà thành, chẳng phải tướng thật có thật không. Nếu chẳng phải nhân có chấp không, thì phân tích sừng trâu thành vi trần, lại phân tích vi trần cho đến sát-na chẳng dừng, sừng này đã không thì lấy cái gì so sánh

quán để hiển tướng không. Cho nên, chấp tướng có mà tướng có không trụ thì nhân tướng có chấp tướng không, tướng có đã chẳng trụ thì, tướng không đâu có chỗ hiển bày, cũng không năng trụ. Có không chẳng trụ liền đó là cảnh giới gì? Quán các vật khác, là từ sừng trâu mà suy ra vậy.

Thế Tôn bảo Bồ-tát Đại Huệ: Phải lìa dị kiến vọng tưởng sừng thỏ, sừng trâu, hư không, hình sắc. Đại Bồ-tát các ông, phải suy nghĩ tự tâm hiện vọng tưởng. Tùy vào tất cả cõi nước vì hàng Tối thắng tử dùng tự tâm hiện phương tiện mà dạy bảo họ.

Đây kết nói phải lìa chấp vọng tưởng hai thứ có, không, mà quán thẳng duy tâm. Bồ-tát nếu hay quán sát tự tâm hiện lượng, thấy tất cả cảnh giới vọng tưởng do tự tâm hiện ra, vì mê tâm làm thức nên đồng thời liền hiện, đều như huyền hóa. Liền đó chóng lìa tướng hữu vô sắc không v.v... nhiên hậu dùng thân như huyền vào cõi nước như huyền, vì tất cả phật tử lấy phương tiện như huyền, nói tự tâm hiện lượng mà dạy bảo họ.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nói kệ rằng:

Sắc thấy và tâm không
Sắc thấy nuôi lớn tâm
Thân thọ dụng an lập
Tàng thức hiện chúng sanh
Tâm, ý cùng với thức
Tự tánh pháp có năm
Vô ngã hai thứ tịnh
Nói rộng nói thế này:
Dài, ngắn, có, không thấy
Lần lượt lẫn nhau sanh
Bởi không nên thành có
Do có nên thành không
Vi trần việc phân biệt
Chẳng khởi vọng tưởng sắc
Tâm lượng chỗ an lập
Ác kiến là chẳng ưa.
Phi cảnh giới giác tướng

Thanh Văn cũng như thế

Chỗ nói của Cứu thế

Cảnh giới của tự giác.

Bài tụng này nói sắc v.v... nơi tâm vốn không có. Tâm nương sắc... nuôi dưỡng mà sanh. Song tâm đã không, sắc v.v... từ đâu mà có, căn thân khí giới hiện tiền làm chỗ cho tâm y? Bởi vì mê chân làm tàng thức, mới hiện ra tất cả kiến chấp của chúng sanh. Đã nhân mê mà hiện, nên Như Lai rộng nói tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, hai thứ vô ngã, cũng là đến trong mê kia mà chỉ bày danh tướng, khiến biết chọn lựa. Chính như kiến chấp sắc v.v... dài, ngắn, có, không đối đãi nhau dựng lập, y không thấy có, y có thấy không, đều là việc trong mê, thấy đều không có tự tánh. Nếu đối với tất cả cảnh giới phân biệt mà chẳng khởi tất cả phân biệt, chỉ trụ tự tâm hiện lượng. Đây là cảnh giới tự giác, Như Lai cứu thế nói ra. Ấc kiến chẳng ưa là, chẳng phải cảnh giới của phàm phu và Thanh văn.

- CHỈ TRỪ SẠCH ĐỐN HAY TIỆM.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Huệ vì trừ sạch tự tâm hiện lưu, lại hỏi Như Lai, bạch Phật rằng: Thế Tôn! Làm sao trừ sạch tự tâm hiện lưu của tất cả chúng sanh, là đốn hay là tiệm?

Tự tâm hiện lưu, hiện là hiện hạnh, lưu là lưu chú, là tám thức hiện hạnh và lưu chú. Trước đã rõ cảnh giới vọng tưởng tự tâm hiện ra. Ở đây nói người đạt tự tâm hiện, có những hiện hạnh lưu chú làm phương tiện gì dạy khiến trừ sạch là đốn hay là tiệm. Đây là nói ra chánh trí trong năm pháp.

Phật bảo Đại Huệ: Tiệm tịnh chẳng phải đốn. Như trái yêm-la, tiệm chín chẳng phải đốn; Như Lai trừ sạch tự tâm hiện lưu của tất cả chúng sanh cũng lại như thế, tiệm tịnh chẳng phải đốn. Thí như thợ gốm làm các món đồ tiệm thành chẳng phải đốn. Như Lai trừ sạch tự tâm hiện lưu của tất cả chúng sanh cũng lại như thế, tiệm tịnh chẳng phải đốn. Thí như đại địa tiệm sanh muôn vật, chẳng phải đốn sanh. Như Lai trừ sạch tự tâm hiện lưu của tất cả chúng sanh cũng lại như thế, tiệm tịnh chẳng phải đốn. Thí như người học âm nhạc, hội họa, các thứ kỹ thuật tiệm thành chẳng phải đốn; Như Lai trừ sạch tự tâm hiện lưu của tất cả chúng sanh cũng lại như thế, tiệm tịnh chẳng phải đốn. Thí như gương sáng đốn hiện tất cả sắc tượng vô tướng, Như Lai trừ sạch tự tâm hiện lưu của tất cả chúng sanh cũng lại như thế, đốn hiện vô tướng không có cảnh giới thanh tịnh thật.

Như vàng nhật nguyệt đốn chiếu hiển bày tất cả sắc tượng; Như Lai vì lia tập khí lỗi lầm tự tâm hiện của chúng sanh cũng như thế, đốn vì hiển bày cảnh giới trí tối thắng bất khả tư nghì. Thí như tàng thức đốn phân biệt biết tự tâm hiện và cảnh giới thân an lập thọ dụng; những Y Phật kia cũng lại như thế, đốn thành thực cảnh giới chỗ ở của chúng sanh, đem người tu hành để yên nơi cõi trời Sắc Cứu Kỉnh. Thí như Pháp thân Phật hiện ra Y Phật (Báo Phật) hào quang sáng suốt, tự giác thánh thú cũng lại như thế, kia đối với pháp tướng có tánh, không tánh, ác kiến, vọng tưởng chiếu soi khiến trừ diệt.

Đốn, nhằm vào lý đốn ngộ đốn tu. Gồm đốn gồm tiệm nhằm chung Phật và chúng sanh. Trước mê chân thức, các tướng hư vọng, toàn thể đồng hiện chẳng theo thứ lớp. Thế nên, ngộ vọng không có nhân, đốn thấy chân như tự tánh không có tướng khởi diệt, các tâm hư vọng một lúc liền hết, cũng không có cấp bậc, đây là lý đốn ngộ đốn trừ. Kinh Hoa nghiêm về Thập trụ ở vị đầu dùng vô tác tam-muội tự thể ứng chân khách trần phiền não toàn không thể tánh. Chỉ có chân thể dụng, không tham sân si, hồn nhiên là Phật, có thể gọi là đốn ngộ đốn tu vậy. Song hạnh, hướng, địa giai cấp rõ ràng, kinh Viên Giác hai mươi lăm luân mở rộng phương tiện, mà nói rằng: “Chỉ trừ người đốn giác, cùng pháp chẳng tùy thuận”. Cho nên biết lý viên đốn Như Lai thấy rõ, căn dục của chúng sanh Như Lai cũng thấy rõ. Vì thế mà quyền thật gồm nêu, ba đời Như Lai đồng một pháp thức. Nhưng xét về bản hoài của Phật chỉ đốn chớ không tiệm, cũng y cứ tự tâm hiện lượng không có các pháp giả dối, pháp nhĩ như thế. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Giác mê thì mê diệt, giác chẳng sanh mê”. Kinh Pháp Hoa nói: “Chỉ có đạo Nhất thừa, phân biệt nói thành ba”. Đây là ý chỉ nhất định vậy. Như thí dụ gương sáng cùng vàng nhật nguyệt đốn hiển sắc tượng không tướng. Bởi gương cùng nhật nguyệt có hai nghĩa không và minh, dụ Như Lai đốn chỉ bày trí tướng thanh tịnh bất tư nghì không thật có khiến chúng sanh biết tự tâm hiện lượng vốn tự không và minh, vốn không ô nhiễm, đồng thời đốn lia tập khí lỗi lầm, chẳng do tiệm dẹp vậy. Liền dùng tàng thức đốn phân biệt biết căn thân khí giới do tự tâm hiện ra để ví dụ. Đây tức là nhật dụng của chúng sanh tâm biết hiện ra, vốn tự có trí dụng thanh tịnh như thế, một lúc chiếu liễu không có trước sau. Cho nên y Phật Như Lai ở cõi trời Sắc Cứu Kỉnh đốn vì tất cả chúng sanh căn cơ thuần thực chẳng phiền dùng phương tiện. Lại lấy Pháp thân Phật hiện ra Y Phật (báo thân) làm dụ, đây là đến nghiệp dụng bất tư nghì của Như Lai, hào quang chiếu sáng. Khiến chúng tự giác thánh

trí, là biết tự pháp thể hào quang chiếu sáng, đốn lia tất cả ác kiến có, không, cũng không có sai biệt. Tóm lại, tánh thể thì sáng suốt, dụng có phân mê ngộ. Mê thì căn thân (chúng sanh) khí giới (thể giới) bỗng nhiên hiện tiền, không có cấp bậc. Ngộ thì Pháp thân, Báo thân, Hóa thân, cõi nước rất là đẹp đẽ, há nhờ tu ư? Chuyển mê làm ngộ thật có nhiều môn. Tức ngộ tức mê trọn không nói dạy. Do tiệt vào đốn cũng là việc bất đắc dĩ của Như Lai.

- CHỈ BA PHẬT NÓI TRÍ, NHƯ SAI BIỆT.

Này Đại Huệ! Pháp, Y Phật nói tất cả pháp vào tự tướng cộng tướng là nhân tập khí tự tâm hiện, là nhân vọng tưởng tự tánh chấp trước tương tục, các thứ chẳng thật như huyễn, các thứ chấp trước không thể được.

Hiện tiền các pháp tự tướng, cộng tướng đều nhân tập khí chủng tử của tự tâm hiện ra, hay khởi hiện hạnh vọng tưởng tương tục chấp trước. Y tha chủng tử hiện ra các thứ như huyễn, vọng chấp hiện hạnh sở chấp các thứ không thể được. Đây là duyên khởi vô sanh, do mê được giác ngộ. Làm thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sanh là những lời dạy của Y Phật (Báo thân). Phạm Pháp Phật là tự tánh thanh tịnh giác. Tự tánh thanh tịnh giác này chúng sanh cùng Phật đều có đủ, mê thì toàn mê, ngộ thì toàn ngộ, chẳng do tri kiến chẳng nhờ công huân, tự tánh thiên nhiên vậy. Y Phật tức là Bát-nhã do Pháp thân lưu xuất. Vốn từ tự tánh sanh, lại chiếu nơi tự tánh, trang nghiêm thân độ gọi là Báo thân. Hóa Phật là tùy loại ứng hóa, khắp vào tất cả chỗ. Tự tánh thường tịch quang độ, là tự thọ dụng, chẳng phải chỗ người khác biết được. Báo Phật tha thọ dụng độ, cùng Bồ-tát Thập địa chung. Thánh phàm đồng cư tức là Hóa Phật độ, tùy loại đều nhập, chỗ thấy mỗi loài đều khác. Pháp thân Phật nói ra là tự tánh không nương. Y Phật (Báo Phật) nói ra là duyên khởi vô tánh. Hóa Phật tùy chỗ muốn, xem xét căn cơ, nói không có nhất định. Song cũng ước lược lý nên lẫn thông, Pháp cùng Báo, Hóa chẳng phải ba chẳng phải một. Thân, độ lẽ như vậy, thuyết pháp cũng như thế. Về nhân quả cõi trời cõi người cũng có lý vô thượng chánh chân. Kinh Niết-bàn nói: “Có khi Như Lai nói về thế đế, mà người cho là đệ nhất nghĩa đế, có khi Như Lai nói đệ nhất nghĩa đế mà người cho là thế đế”. Lại tứ đế, tam thừa chung quán, đều không có nhất định.

Lại nữa, Đại Huệ! Chấp trước duyên khởi tự tánh, sanh tướng vọng tưởng tự tánh. Đại Huệ! Thí như các nhà huyễn thuật nương cỏ cây ngói gạch tạo ra các thứ huyễn hóa.

Khởi tất cả chúng sanh, bao nhiêu hình sắc, khởi các thứ vọng tưởng. Các vọng tưởng kia cũng không chân thật.

Y duyên khởi tự tánh, khởi vọng tưởng tự tánh. Như nhà huyễn thuật y cỏ cây ngói gạch v.v... hóa ra các hình sắc. Khởi các vọng tưởng, duyên khởi đã huyễn thì vọng tưởng thành dối.

Như thế, Đại Huệ! Y duyên khởi tự tánh, khởi vọng tưởng tự tánh, các thứ tâm vọng tưởng, các thứ tướng hành sự và tướng vọng tưởng, chấp trước tập khí vọng tưởng, ấy là tướng vọng tưởng tự tánh sanh. Đại Huệ! Ấy gọi là Y Phật thuyết pháp.

Y duyên khởi này mà tánh vọng chấp hiện. Đây là chỉ lý do sanh vọng tưởng ở trước mắt. Song xét về ban đầu, trước y tập khí từ vô thủy, duyên khởi hiện ra. Nên nói là “các thứ tâm vọng tưởng, các thứ tướng hành sự, tướng vọng tưởng”. Duyên khởi đã hiện lại hay dẫn phát tập khí, vọng tưởng tiếp nối. Cho nên nói “chấp trước tập khí vọng tưởng”. Đâu biết tập khí thấy do bất giác, duyên khởi này liền đó vô sanh. Rõ cảnh duy tâm, vọng tưởng không chỗ gá, từ Báo Phật nói.

Đại Huệ! Pháp Phật lìa tướng tâm tự tánh, tự giác cảnh giới sở duyên của thánh, dựng lập tạo tác.

Lìa tướng tâm tự tánh, là lìa tự tâm tương ưng với pháp tướng. Tướng tâm đã lìa thì giác thể liền hiện, không chủ, không y, chẳng phải tâm chẳng phải cảnh. Chỗ ngôn ngữ suy nghĩ dứt bật, chỉ người chứng mới biết, đây là Pháp Phật nói vậy.

Đại Huệ! Hóa Phật nói thí, giới, nhẫn, tinh tấn, thiền định và tâm trí tuệ, lìa ám giới nhập, giải thoát thức tướng, phân biệt quán sát dựng lập, vượt hẳn kiến chấp ngoại đạo và kiến chấp Vô sắc.

Sáu pháp ba-la-mật dạy bảo Bồ-tát, lìa ám giới nhập được môn giải thoát, ấy là nói chung của tam thừa, đều phân biệt thức tướng, dựng lập tự thông, chẳng đồng với ngoại đạo nhận thức làm tâm, khởi chấp Vô sắc giới về thức tướng.

Đại Huệ! Lại Pháp thân Phật, lìa phan duyên, phan duyên lìa, tất cả tướng căn lượng sở tác diệt, chẳng phải các phàm phu Thanh văn, Duyên giác và ngoại đạo chấp trước ngã tướng và cảnh giới sở chấp. Tự giác thánh cứu kính sai biệt tướng dựng lập. Thế nên, Đại Huệ! Tự giác thánh cứu kính sai biệt tướng, phải siêng tu học, tự tâm hiện kiến chấp nên phải trừ diệt.

Lìa phan duyên, là lìa sở phan duyên; phan duyên lìa, là không có người lìa phan duyên. Năng sở đã lìa, thì tất cả căn lượng sở tác thầy diệt. Đây là tướng tự tâm hiện lượng cứu kính, chẳng đồng với phàm ngu ngoại đạo cảnh giới ngã tướng chấp trước. Tự tâm hiện kiến, là tướng tự tâm hiện ra, dùng tâm kiến tâm thì giác biến thành cảnh. Đây là tướng ngã, nên nói sai biệt cần phải trừ diệt. Lại bảo Pháp thân Phật nói, tự thể hợp chân, chẳng phải cảnh giới của Báo thân, Hóa thân Phật vậy.

- BIỆT VỀ NHỊ THỪA TỰ GIÁC THÁNH SAI BIỆT.

Lại nữa, Đại Huệ! Có hai hạng Thanh văn thừa chung phân biệt tướng. Nghĩa là được tướng tự giác thánh sai biệt, và tướng tánh vọng tướng tự tánh chấp trước. Thế nào là Thanh văn được tướng tự giác thánh sai biệt? Nghĩa là đối cảnh giới vô thường, khổ, không, vô ngã được chân đế lìa dục tịch diệt, dứt ám, giới, nhập, tự tướng, cộng tướng, không hoại tướng bên ngoài mà biết như thật. Tâm được dừng lặng, tâm dừng lặng rồi được thiền định, giải thoát, tam-muội đạo quả chánh thọ giải thoát chẳng lìa tập khí bất tư nghì biến dịch tử, được tự giác thánh lạc trụ Thanh văn. Ấy gọi là được tướng tự giác thánh sai biệt Thanh văn.

Đây là phân biệt hai hạng Thanh văn. Một, nhân chỗ sở đắc mà tiến lên; hai, chỉ pháp chấp kia mà chuyển, thầy vì Bồ-tát răn dạy. Sở đắc là được tự giác thánh trí. Hàng Thanh văn này ban đầu quán khổ, không, vô ngã, trụ nơi chân đế, do sức lìa dục vắng lặng hay dứt ám, giới, nhập, tự tướng, cộng tướng, chẳng hoại tướng bên ngoài mà biết như thật. Chẳng hoại tướng là, chân như thật tướng của tất cả pháp. Biết như thật là, như thật tướng mà biết, không có thấy nghe khác, nên nói là chân đế. Do tâm này được dừng lặng nên trụ cái vui thiền định giải thoát, bèn thành sai biệt. Tập khí là, tập khí từ vô thủy. Tập khí này chưa lìa thì không thể liền đó đảm đang được tám thức. Vẫn nhờ thiền tịch mà đổi thô thành diệu, ngoài tâm còn pháp chưa quên. Nhị thừa không thấy Phật tánh. Bồ-tát Thập trụ thấy Phật tánh một ít phần. Nghĩa là Nhị thừa định nhiều tuệ ít, tuy được tự giác thánh trí mà không biết trí thể vốn lặng, vọng thấy cái vui lặng lẽ. Bị cái lặng lẽ làm chướng, nên nói chẳng thấy. Bồ-tát Thập trụ tuệ nhiều định ít, bởi ban đầu thấy tự giác thánh trí, trí tướng minh liễu, nơi trí thể vốn lặng lẽ chưa được tròn suốt, nên nói thấy ít phần. Chẳng phải nói ngoài thánh trí, lại phải nhờ thiền tịch dùng để quân bình. Song đây là thông hay biệt? Nếu đứng về Hoa Nghiêm Viên tông thì vị đầu trong Thập

trụ, cùng Phật không khác, nên lý ung thấy rõ ràng. Đây là chỗ sai biệt vi tế phải nên xét kỹ. Văn sau thiết tha răn Bồ-tát chớ trụ cái vui tự giác thánh trí của Thanh văn, chính nói ý này vậy.

Đại Huệ! Đại Bồ-tát được tự giác thánh sai biệt lạc trụ, chẳng phải diệt môn lạc. Chính khi thọ lạc vẫn đoái hoài thương xót chúng sanh và nhớ bản nguyện, không khởi chúng. Đại Huệ! Ấy gọi là Thanh văn được tự giác thánh sai biệt tướng lạc, đại Bồ-tát đối với kia được tự giác thánh sai biệt tướng lạc, chẳng nên tu học.

Đây là Thanh văn tự giác sai biệt tướng tất cả tịch lạc, Bồ-tát cũng có, song do bản nguyện phát khởi mà không thủ chúng. Phật răn Bồ-tát chẳng nên tu học, là vì Bồ-tát nhập tự giác sai biệt tướng lạc, dễ bị chìm lịm nơi ấy.

Đại Huệ! Thế nào là Thanh văn tướng tánh vọng tướng tự tánh chấp trước? Nghĩa là đại chủng xanh vàng đỏ trắng, cứng ướt ấm động, chẳng phải tạo tác mà sanh, tự tướng, cộng tướng, Tiên Thắng (Phật) khéo nói. Thấy rồi, nơi kia khởi tự tánh vọng tướng. Đại Bồ-tát đối với kia nên biết nên xả, tùy nhập pháp vô ngã tướng, diệt nhân vô ngã tướng và kiến, thứ lớp các địa tiếp nối dựng lập. Ấy gọi là các Thanh văn tướng tánh vọng tướng tự tánh chấp trước.

Tánh vọng tướng tự tánh chấp trước là, chấp có pháp tự tánh mà khởi chấp trước. Thanh văn tuy biết đại chủng xanh vàng đỏ trắng các pháp, chẳng phải có tác giả, không đồng với ngoại đạo tà kiến. Nhưng thấy Phật trước phân biệt các pháp tự tướng cộng tướng, tất cả kinh điển nói cho là thật có, bèn thành pháp chấp. Cho nên Bồ-tát đối chỗ này phải lìa nhân vô ngã tướng vào pháp vô ngã, thứ lớp tiến lên các địa.

-BIỆN ĐẠT ĐƯỢC THÁNH TRÍ THƯỜNG BẤT TƯ NGHÌ.

Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật : Thế Tôn! Thế Tôn nói cảnh giới thường bất tư nghĩ tự giác thánh thú và cảnh giới đệ nhất nghĩa. Thế Tôn! Chẳng phải các ngoại đạo nói nhân duyên thường bất tư nghĩ ư?

Đây là đem tự giác thánh thú đệ nhất nghĩa thường bất tư nghĩ, cùng với ngoại đạo thường bất tư nghĩ có tác giả, muốn Phật giải thích sự sai biệt của hai bên.

Phật bảo Đại Huệ: Chẳng phải ngoại đạo có nhân duyên mà được thường bất tư nghĩ. Vì có sao? Vì ngoại đạo thường bất tư nghĩ không nhân tự tướng thành. Nếu thường bất tư nghĩ không nhân tự tướng thành thì nhân đâu hiển bày thường bất tư nghĩ? Lại nữa,

Đại Huệ! Bất tư nghi nếu nhân tự tướng thành thì tất phải thường. Bởi vì tác giả làm nhân tướng nên thường bất tư nghi chẳng thành.

Như Lai bất tư nghi nhân tự tướng thành, cho nên thường. Tự tướng là tự tâm hiện lượng. Tự tâm hiện lượng này, tuy ở vị mê mà vẫn chẳng đoạn, chỉ vì khách trần che lấp, tạm thời bất giác, nếu giác tức là thường trụ. Chẳng đồng tác giả do vọng chấp mà có. Đây là không phải do thật nhân không có chỗ hiển bày, cho nên thường bất tư nghi chẳng thành.

Đại Huệ! Đệ nhất nghĩa thường bất tư nghi của ta, đệ nhất nghĩa nhân tướng thành, lìa tánh phi tánh, được tự giác tướng, nên có tướng. Đệ nhất nghĩa trí nhân, nên có nhân. Vì lìa tánh phi tánh, thí như vô tác hư không, Niết-bàn, diệt tận, nên thường. Như thế, Đại Huệ! Chẳng đồng với luận thường bất tư nghi của ngoại đạo. Như thế, Đại Huệ! Thường bất tư nghi này chư Như Lai tự giác thánh trí nhận được. Như thế, nên thường bất tư nghi tự giác thánh trí nhận được, nên phải tu học.

Đây là hiển bày đệ nhất nghĩa nhân tướng để thấy khác với ngoại đạo. Lìa tánh phi tánh là, lìa tướng có và không. Được tự giác tướng, tự giác là bản giác, tướng là thể tướng. Cho nên có tướng là, bản giác này thật có thể tướng, chẳng phải là hư vọng. Đệ nhất nghĩa trí, tức là trí thủy giác. Do bản giác có thủy giác, do thủy giác biết bản giác, bản giác và thủy giác hiệp một, che trùm tương ưng, lấy đó làm nhân, là đệ nhất nghĩa trí nhân, lìa tất cả lỗi có, không... Như ba thứ vô vi là pháp chân tịch diệt, không có hý luận, nên lấy đó làm thí dụ. Thường bất tư nghi này chẳng đồng với ngoại đạo. Chư Như Lai tự giác thánh trí nhận được, nên phải tu học.

Lại nữa, Đại Huệ! Thường bất tư nghi của ngoại đạo là vô thường tánh, vì dị tướng nhân; chẳng phải sức tự tác nhân tướng, nên thường. Lại nữa, Đại Huệ! Thường bất tư nghi của các ngoại đạo, đối sở tác tánh phi tánh vô thường, thấy rồi suy nghĩ chấp là thường.

Đây nói ra thường bất tư nghi của ngoại đạo là vọng tưởng chấp. Nghĩa là thường bất tư nghi của ngoại đạo là vô thường dị tướng mà chấp là thường, chẳng phải thật có tự tánh nói là thường. Sao nói vô thường dị tướng chấp là thường? Bởi vì ngoại đạo thấy tất cả việc làm ra thuộc hai tướng có, không vô thường rồi, liền nơi đây tạo ra cảnh giới bất tư nghi suy nghĩ chấp là thường. Đây là vọng tưởng nhân, chẳng phải chân nhân.

Đại Huệ! Ta cũng dùng nhân duyên như thế, việc làm ra tánh phi tánh vô thường, thấy rồi tự giác cảnh giới thánh, nói kia thường không nhân. Đại Huệ! Nếu các ngoại đạo nhân tướng thành thường bất tư nghì, nhân tự tướng là tánh phi tánh đồng với sùng thỏ. Thường bất tư nghì này chỉ là ngôn thuyết vọng tưởng. Các bọn ngoại đạo có lỗi như thế. Vì có sao? Vì chỉ có ngôn thuyết vọng tưởng đồng với sùng thỏ, tự nhân tướng chẳng có phần.

Như Lai cũng đối với việc làm ra hai tướng có, không, thấy vô thường rồi, nhưng chẳng ở nơi đây khởi chấp thường bất tư nghì. Vì có tự giác cảnh giới thánh, vượt ngoài suy nghĩ ngôn thuyết, nên nói kia thường vô nhân. Ngoại đạo chấp thường tự tướng chẳng thật, đồng với sùng thỏ, chỉ có ngôn thuyết, nên nói tự nhân tướng chẳng có phần. Nghĩa là Như Lai tự giác nhân tướng, chẳng phải họ có phần.

Đại Huệ! Thường bất tư nghì của ta vì nhân tự giác được tướng, lìa tánh sở tác và phi tánh, nên thường; chẳng phải ngoại đạo tánh phi tánh vô thường suy nghĩ chấp là thường. Đại Huệ! Nếu ngoại đạo tánh phi tánh vô thường mà suy nghĩ chấp là thường, họ không biết được tướng thường bất tư nghì tự nhân. Họ cùng cảnh giới tự giác thánh trí cách xa nhau, nên không ưng nói.

Đây lại nói rõ Như Lai thường bất tư nghì do tự giác thánh trí làm nhân, chẳng phải dùng việc làm ra bên ngoài hai tướng có không vô thường chấp thường làm nhân. Ngoại đạo chẳng biết nhân tướng tự giác, nên chẳng ngay nơi nhân tướng tự giác ở trong tự chứng nhận, mà chấp trước nhân bên ngoài, đây là lý do cách nhau rất xa.

- BIỆN NHỊ THỪA BỎ VỌNG CẦU CHÂN.

Lại nữa, Đại Huệ! Các Thanh văn sợ sanh tử vọng tưởng khổ mà cầu Niết-bàn. Chẳng biết sanh tử Niết-bàn sai biệt tất cả tánh, vọng tưởng phi tánh. Sau rồi cảnh giới các căn thôi dứt, khởi tướng Niết-bàn. Chẳng phải nơi tự giác thánh trí thú, tàng thức chuyển. Thế nên phàm ngu nói có ba thừa, nói tâm lượng thú hướng không thật có. Thế nên, Đại Huệ! Kia chẳng biết quá khứ vị lai hiện tại đều là cảnh giới tự tâm hiện của chư Như Lai, chấp trước cảnh giới ngoài tâm hiện, vòng sanh tử thường xoay.

Đây lại do Thanh văn chấp có Niết-bàn, để rõ những cái thấy ngoài tâm đều là vọng tưởng. Thanh văn sợ sanh tử vọng tưởng mà cầu Niết-bàn, chẳng biết sanh tử Niết-bàn tánh nó không hai. Thấy có sai biệt, đều là vọng tưởng chấp, chẳng phải thật tánh.

Nghĩa là rõ tam giới sanh nhân, căn cảnh vị lai thôi dứt, khởi tướng Niết-bàn. Chẳng phải chứng đến chỗ tự giác thánh trí, chuyên tàng thức làm Niết-bàn. Đây là phàm ngu chỉ nói ba thừa mà chẳng nói duy tâm tịch diệt. Chẳng biết quá khứ vị lai hiện tại đều là Như Lai tự tâm hiện ra, cho là có cảnh giới ngoài tâm, vọng sanh thủ xả, vẫn thuộc luân chuyển sanh tử.

Lại nữa, Đại Huệ! Tất cả pháp chẳng sanh, là quá khứ vị lai hiện tại chư Phật nói ra. Vì có sao? Vì tự tâm hiện tánh phi tánh, lìa hữu phi hữu mà sanh. Đại Huệ! Tất cả tánh chẳng sanh, tất cả pháp như sừng thỏ, ngựa v.v... vì phàm phu ngu si chẳng giác tự tánh vọng tướng nên vọng tưởng. Đại Huệ! Tất cả pháp chẳng sanh, cảnh giới tự giác thánh trí thú, tất cả tánh tự tánh tướng chẳng sanh. Chẳng phải hai cảnh giới vọng tướng của ngu phu kia, tự tánh thân tài dựng lập thú tự tánh tướng. Đại Huệ! Tàng thức tướng năng nhiếp sở nhiếp chuyển. Ngu phu rơi vào hai kiến chấp sanh, trụ, diệt, hy vọng tất cả tánh sanh, hữu và phi hữu vọng tướng sanh, chẳng phải thánh hiền... Đại Huệ! Đối với kia nên phải tu học.

Lại nêu lên tất cả pháp chẳng sanh để chỉ bày yếu chỉ tự giác cùng tột. Đây là ba đời chư Phật nói ra. Pháp do tâm hiện nên pháp không tự tánh. Pháp không tự tánh thì không rơi vào có, không. Chẳng rơi vào có, không thì sanh tánh trước mắt ví như sừng thỏ. Chỉ theo vọng tướng nên tất cả tánh có. Nếu theo tự giác thì tất cả pháp không. Y nơi căn thân (chúng sanh) khí giới (thể giới) mà khởi hy vọng năng sở hữu vô, đều là ngu si chấp, chẳng phải thánh hiền. Mới biết theo tàng thức trôi lăn thì có không trong mộng rõ ràng. Đạt cảnh giới thánh trí thì năng sở trong gương liền không. Cởi chúng mê nơi tự giác, hội muôn pháp về một tâm. Cho nên hay lìa được tự tánh lông rùa, dứt sanh nhân của sừng thỏ. Đây là chỗ phàm thánh phân chia, do giác mê mà khu biệt.

- CHỈ RA CHÚNG TÁNH VỌNG TƯỚNG TRÍ, NHƯ SAI BIỆT.

Lại nữa, Đại Huệ! Có năm vô gián chủng tánh. Thế nào là năm? Nghĩa là Thanh văn thừa vô gián chủng tánh, Duyên giác thừa vô gián chủng tánh, Như Lai thừa vô gián chủng tánh, bất định chủng tánh, các biệt chủng tánh.

Dựng lập chủng tánh để tột chỗ sai biệt của thánh trí, đều có thể chuyển làm cứu kính. Vô gián là pháp tánh không gián đoạn, mà chúng tử và hiện hạnh mỗi loại có khác. Do chúng tử vô thủy luân cùng hiện hạnh tạo tập mà thành chủng tánh. Chúng là chúng

loại, một loại có đồng và biệt. Tánh là giúp cho tánh, y nơi chủng mà trụ, nên nói “tập dữ tánh thành”. Năm chủng tuy khác mà đồng một pháp tánh. Kinh Niết-bàn nói “Xiển-đề đều có Phật tánh, nếu hay phát lòng tin thì không gọi là xiển-đề”.

Thế nào là biết Thanh văn thừa vô gián chủng tánh? Nếu khi nghe nói được âm giới nhập tự tánh cộng tướng đoạn liền biết, toàn thân lông dựng lên, an ổn vui mừng và ưa tu tướng trí, chẳng tu tướng duyên khởi phát ngộ, ấy gọi là Thanh văn thừa vô gián chủng tánh. Thanh văn vô gián thấy đệ bát địa, khởi phiền não đã dứt, còn tập phiền não chưa dứt, không qua khỏi được bất tư nghì biến dịch tử, đã qua phần đoạn tử. Khi ấy như sư tử rống nói “Ta sanh đã hết, phạm hạnh đã xong, chẳng thọ thân sau, biết như thật, tu tập nhân vô ngã, cho đến được giác, nhập Niết-bàn”.

Đoạn liền biết là, đoạn âm giới nhập tự tướng cộng tướng liền được chứng biết. Ưa tu tập tướng trí là, nơi tướng thế gian tu trí giải thoát, nơi tướng xuất thế gian tu trí thiền định. Duyên khởi phát ngộ là, quán duyên khởi vô sanh mà ngộ. Vô gián Thanh văn thấy đệ bát địa, kinh Hoa Nghiêm nói “Bát địa chứng ngã không chân như, chẳng khởi diệt định, mười phương Như Lai đồng âm khuyến phát, bảo : Tam-muội của ông Nhị thừa cũng được”. Cho nên vô gián Thanh văn thấy chỗ chứng của mình đồng với đây vậy. Khởi phiền não là, hiện hạnh. Tập phiền não là, chủng tử. Nhị thừa đoạn hiện hạnh mà chẳng đoạn chủng tử. Qua phần đoạn tử, chưa qua biến dịch tử. Nhân vô ngã là, nhân tướng của Nhị thừa. Nhập Niết-bàn là, quả tướng của Nhị thừa.

Đại Huệ! Các biệt vô gián là, ngã nhân chúng sanh thọ mạng trường dưỡng sĩ phu. Các chúng sanh kia khởi giác như thế cầu vào Niết-bàn. Lại có ngoại đạo khác nói thầy do tác giả, thấy tất cả tánh rồi, nói đây là vào Niết-bàn. Khởi giác như thế, đối với pháp vô ngã thấy họ vô phần, họ không có giải thoát. Đại Huệ! Đây là chư Thanh văn thừa vô gián ngoại đạo chủng tánh, chẳng xuất mà tưởng là xuất. Vì chuyển ác kiến cho những người này nên phải tu học.

Các biệt này tức ở sau nói nhất-xiển-đề. Hiểu biết ngã nhân thọ mạng v.v... là, nhận tướng ngã trong năm uẩn. Tác giả là, riêng có tác giả làm sanh nhân, tức là dị nhân. Ngoại đạo này chẳng biết duy tâm, vọng cho có cảnh bị biết. Phàm ngoài tâm mà thấy có Niết-bàn thì cùng chánh pháp xa nhau, đều gọi là xiển-đề, đối với pháp vô ngã họ không phần. Thế nên biết, Thanh văn cùng ngoại đạo đều chẳng phải giải thoát mà khởi tưởng

giải thoát. Cho nên nói chẳng xuất mà tưởng là xuất. Cần chuyển tà kiến kia nên phải tu học.

Đại Huệ! Duyên giác thừa vô gián chủng tánh, nếu nghe nói mỗi cái duyên khác vô gián, toàn thân lông dựng lên, roi lệ dầm dề, duyên chẳng gần nhau, có chỗ chẳng chấp các thứ tự thân, các thứ thần thông, hoặc ly hoặc hiệp, các thứ biến hóa. Khi nghe nói lời ấy, tâm họ tùy nhập. Nếu biết họ là Duyên giác thừa vô gián chủng tánh rồi, tùy thuận vì họ nói Duyên giác thừa. Ấy gọi là tướng Duyên giác thừa vô gián chủng tánh.

Duyên giác quán mười hai nhân duyên mà được đạo. Mười hai nhân duyên ba đời xoay quanh, nên nói vô gián. Duyên chẳng gần nhau có chỗ chẳng chấp, đây nói họ tin chắc rất thâm thiết. Duyên giác độ sanh phần nhiều dùng sức thần thông, chẳng dùng lời nói. Đây là đối trị cảnh giới chúng sanh, mà chẳng phải chính là cảnh giới chúng sanh, lấy làm cảnh giới bất tư nghi, đó là lý do cùng đại thừa sai biệt.

Đại Huệ! Như Lai thừa vô gián chủng tánh kia có bốn thứ: 1) Tự tánh pháp vô gián chủng tánh, 2) Ly tự tánh pháp vô gián chủng tánh, 3) Đắc tự giác thánh vô gián chủng tánh, 4) Ngoại sát thù thắng vô gián chủng tánh. Đại Huệ! Nếu người nghe bốn việc này, khi nói mỗi thứ, và khi nói tự tâm hiện thân tài kiến lập cảnh giới bất tư nghi, tâm không kinh sợ, ấy gọi là tướng Như Lai thừa vô gián chủng tánh.

Tự tánh pháp là, pháp thân Như Lai. Ly tự tánh pháp là, giải thoát Như Lai. Tự giác tánh là, Bát-nhã trí Như Lai. Ngoại sát thù thắng là, hóa thân; có đại hóa và tùy loại hóa, mỗi thứ có hiện cõi nước. Như Lai tự giác thánh trí chúng được, thấy tự tâm hiện ra tất cả chúng sanh thế giới, lia ngôn ngữ và suy nghĩ, bất khả tư nghi, nghe lời này mà chẳng sanh kinh sợ thì biết kẻ ấy là pháp khí Phật thừa.

Đại Huệ! Bất định chủng tánh là, khi nói ba chủng tánh kia, tùy nghe nói mà vào, tùy kia mà thành. Đại Huệ! Đây là sơ trị địa, là chủng tánh kiến lập, vì tiến lên vào vô sở hữu địa, tạo ra kiến lập ấy. Kia tự giác tàng, tự phiền não tập sạch, thấy pháp vô ngã, được tam-muội ưa trụ Thanh văn, sẽ được thân tối thắng Như Lai.

Bất định là, trước kia không có chủng tập các thừa, cho nên hay tùy nói mà vào. Nói chủng tánh sai biệt vốn vì người mới vào Bồ-tát địa, khuyên họ tiến lên cứu kính, chẳng để họ rơi vào quyền tiểu, mà lại khuyên dụ quyền tiểu phát tâm đại thừa. Chẳng phải bảo chủng tánh quyết không thể dời đổi vậy. Tàng tức là tàng thức. Nghĩa là hay

chúng biết thức thứ tám là Như Lai tàng thì, khi phiền não tập kia được sạch tự nhiên thấy được pháp vô ngã, tuy ưa trụ tam-muội của Thanh văn, đều có thể được thân tối thắng Như Lai.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nói kệ:

Quả Tu-đà-bàn-na

Vãng lai và Bất hoàn

Đến được A-la-hán

Ấy thấy tâm hoặc loạn.

Tu-đà-bàn-na dịch là nhập lưu, sơ quả mới vào dòng thánh. Vãng lai là nhị quả, tu hoặc chưa hết lại phải một phen qua cõi trời, một lần trở lại nhân gian mới vào Niết-bàn. Bất hoàn là tam quả, chín phẩm tu hoặc đã hết, lại chẳng trở lại Dục giới. A-la-hán dịch là Vô học, là quả thứ tư, bốn trí đã tròn không còn pháp gì phải học. Những vị này đều sợ sanh tử khổ mà cầu Niết-bàn, ái tập chưa hết nên nói là hoặc loạn.

Tam thừa cùng Nhất thừa

Phi thừa ta đã nói

Ngu phu ít trí tuệ

Chư thánh xa lìa tịch.

Tam thừa là, Thanh văn, Duyên giác, bất định. Nhất thừa là, Như Lai thừa. Phi thừa là, các biệt, thấy vì ngu phu ít trí. Chư thánh lìa tịch muốn kia chóng xả sai biệt vậy.

Pháp môn đệ nhất nghĩa

Xa lìa nơi nhị giáo

Trụ nơi vô sở hữu

Sao dựng lập ba thừa.

Pháp đệ nhất nghĩa, duy một chân thật không có hai và ba. Tức nơi tự tánh không sự, nên nói trụ nơi vô sở hữu.

Chư thiên vô lượng thấy

Vô sắc tam-ma-đề

Thọ tướng đều tịch diệt

Cũng không có tâm lượng.

Chư thiên là tứ thiên. Vô lượng là tứ vô lượng tâm. Vô sắc là Vô sắc định. Tam-ma-đề là đẳng trì tam-muội. Diệt thọ tưởng là Vô tưởng cùng Diệt tận định. Đây riêng bày duy tâm, nên nói tất cả đều không.

- CHỈ VỌNG TƯỚNG, TRÍ, NHƯ BÌNH ĐẲNG ĐỂ HIỆN BÀY XIÊN-ĐỀ PHẬT TÁNH CHẲNG ĐOẠN.

Đại Huệ! Nhất-xiển-đề kia, phi nhất-xiển-đề, thế gian giải thoát ai chuyển? Đại Huệ! Nhất-xiển-đề có hai thứ:

1) Bỏ tất cả thiện căn và nơi vô thủy chúng sanh phát nguyện. Thế nào bỏ tất cả thiện căn? Nghĩa là chê bai Bồ-tát tạng và nói lời ác “Đây không phải nói theo kinh điển giải thoát” vì bỏ tất cả thiện căn nên không được vào Niết-bàn.

Xiển-đề này tức là các biệt chủng tánh ở trước. Nói xiển-đề mà kèm nói Bồ-tát phương tiện, là khiến biết Bồ-tát thương xót chúng sanh tùy loại mà hiện để nhiếp hóa người đồng sự. Thế gian giải thoát ai chuyển, là không có Niết-bàn. Đây là chỉ chung cho hai thứ, căn cứ theo duy tâm mà nói, nên đều có thể nói: Phi nhất-xiển-đề. Nếu phân biệt hai thứ thì bỏ tất cả thiện căn là không tin tự tâm. Chê bai Bồ-tát tạng là trái với thành Niết-bàn. Thương xót chúng sanh phát nguyện chẳng nhập, là vì thâm đạt tự tâm chớ không phải không tánh Niết-bàn, chẳng khá nói lẫn lộn.

2) Bồ-tát vì tự nguyện phương tiện xưa, chẳng phải chẳng vào Niết-bàn, vì tất cả chúng sanh mà vào Niết-bàn. Đại Huệ! Kia vào Niết-bàn, ấy gọi là chẳng vào pháp tướng Niết-bàn. Đây cũng đến cõi nhất-xiển-đề.

Đây là thương xót chúng sanh chẳng vào Niết-bàn, vì tự nguyện phương tiện. Chẳng phải chẳng vào Niết-bàn, là thấy chúng sanh đã vào Niết-bàn, vì không giác biết luồng chịu luân chuyển. Vì thương xót họ mà chẳng khởi chúng, ấy cũng đến cõi nhất-xiển-đề.

Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Trong đây vì sao cứu kính chẳng vào Niết-bàn? Phật bảo Đại Huệ: Bồ-tát nhất-xiển-đề, biết tất cả pháp xưa nay đã vào Niết-bàn cứu kính chẳng vào Niết-bàn, mà chẳng phải như nhất-xiển-đề bỏ tất cả thiện căn. Đại Huệ! Nhất-xiển-đề bỏ tất cả thiện căn, lại nhờ thần lực Như Lai, có khi thiện căn sanh. Vì có sao? Vì Như Lai chẳng bỏ tất cả chúng sanh. Vì lẽ đó, Bồ-tát nhất-xiển-đề chẳng vào Niết-bàn.

Tất cả pháp xưa nay đã Niết-bàn cứu kính chẳng vào Niết-bàn là, các pháp như như, không có tướng mình người, không có tướng ngôn thuyết. Chứng tự giác thánh thú là, thấy tự tâm hiện ra thân tài kiến lập, thấy là cảnh giới bất khả tư nghì. Nhưng cảnh giới này mỗi người đầy đủ, chỉ do bất giác không thể chứng biết, bèn thành thể để lưu bố. Cho nên nhất-xiển-đề bỏ tất cả thiện căn, do thần lực Như Lai có khi thiện căn sanh. Đây tuy là bốn nguyện của Như Lai, cũng do Phật tánh chẳng dứt, trong ngoài huân phát, thật có nhân duyên. Bồ-tát xiển-đề do đó chẳng vào Niết-bàn.

b-Nói về ba tự tánh.

Lại nữa, Đại Huệ! Đại Bồ-tát phải rành về ba tự tánh. Thế nào là ba tự tánh? Nghĩa là vọng tưởng tự tánh, duyên khởi tự tánh, thành tự tánh.

Đây là đáp câu hỏi về ba tự tánh. Tự tánh cũng nói là thể tánh. Khéo biết ba thứ thể tánh, liền hay từ duyên khởi đạt được biến kế, trở về viên thành, chỉ một sát-na.

Đại Huệ! Vọng tưởng tự tánh từ tướng sanh. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Tại sao vọng tưởng tự tánh từ tướng sanh? Phật bảo Đại Huệ: Tướng duyên khởi tự tánh sự tướng, tướng hành hiển hiện sự tướng, chấp trước có hai thứ vọng tưởng tự tánh. Như Lai ứng cúng đấng chánh giác kiến lập: Danh tướng chấp trước tướng, sự tướng chấp trước tướng. Danh tướng chấp trước tướng là, nói chấp trước các pháp trong ngoài. Sự tướng chấp trước tướng tức là, kia chấp trước tự tướng cộng tướng trong ngoài như thế. Ấy gọi là hai thứ tướng vọng tưởng tự tánh. Hoặc y hoặc duyên sanh, ấy là duyên khởi.

Vọng tưởng tự tánh từ tướng sanh. Tướng này là hai thứ tướng duyên khởi, tức là danh tướng của năm pháp. Tự tánh sự là danh. Hành hiển sự là tướng. Như nhân bình được tên bình, nhân trong bình trống chứa nước được tướng cái bình. Do đây khởi chấp trước tên bình tướng bình, hai thứ vọng tưởng. Ấy gọi là hai thứ vọng tưởng tự tánh tướng. Pháp trong ngoài, tức là trong uẩn và ngoài uẩn tất cả căn trần, nên nói chấp danh. Pháp tự tướng cộng tướng trong ngoài, gọi là chấp tướng. Đâu biết chấp trước chưa sanh, danh tướng do ai lập? Suy hai tướng duyên khởi không nhân, ngộ tự tánh vọng tưởng là do chấp thì đạt được như như, thành tựu trí viên thành nào đợi gì khác.

Thế nào là thành tự tánh? Nghĩa là lìa vọng tưởng danh, tướng và sự tướng, thánh trí đã được và tự giác thánh trí thú cảnh giới sở hành. Ấy gọi là thành tự tánh Như Lai tàng tâm.

Đây nói thành tự tánh, cũng chẳng vượt ngoài đạt được danh tướng là như như, rõ vọng tướng là chánh trí. Thánh trí đã được là chánh trí. Tự giác thánh trí thú cảnh giới sở hành là như như. Nghĩa là lìa danh tướng vọng tướng, do trí nhập như, bản giác thủy giác hiệp một, ấy gọi là thành tự tánh Như Lai tàng tâm.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nói kệ rằng:

Danh tướng giác tướng

Tự tánh hai tướng

Chánh trí như như

Ấy là thành tướng.

Đại Huệ! Ấy gọi là kinh Quán Sát Ngũ Pháp Tự Tánh Tướng, tự giác thánh trí đến cảnh giới sở hành. Các ông những đại Bồ-tát nên phải tu học.

Nhân quán sát năm pháp mà được cảnh giới thật tướng của ba tự tánh. Đây phi tự giác thánh trí không thể chứng biết, viên thành hạnh kia. Đây là chỗ thánh lạc hạnh. Bồ-tát phải nên tu học.

c- Nói về hai vô ngã.

- NÓI VỀ NHÂN VÔ NGÃ.

Lại nữa, Đại Huệ! Đại Bồ-tát phải khéo quán hai thứ tướng vô ngã. Thế nào là hai tướng vô ngã? Là nhân vô ngã và pháp vô ngã. Thế nào là nhân vô ngã? Là lìa ngã và ngã sở, ám giới nhập hợp, vô minh nghiệp ái sanh. Nhãn sắc v.v... nhiếp thọ chấp trước sanh thức, tất cả các căn tự tâm hiện. Thế giới chúng sanh là tướng tự vọng tướng của tàng thức thành lập hiển bày. Như dòng sông, như chùng tử, như đèn, như gió, như mây, sát-na lần lượt hoại. Tho động như khí vượn, ưa chỗ bất tịnh như ruồi lằng, không nhàm chán như gió thổi lửa. Nhân tập khí hư nguy từ vô thủy như bánh xe đạp nước. Sanh tử lăn lộn trong các cõi, thọ các thứ thân sắc. Như huyền thuật, thần chú, máy động hình đi. Khéo biết tướng kia gọi là trí nhân vô ngã.

Đây là đáp câu hỏi về nhân vô ngã. Bởi chấp ám giới nhập hợp thật có ngã sở, thành tướng nhân ngã. Nếu lìa ngã và ngã sở thì ám giới nhập liền đó không nhân (người). Vô minh nghiệp ái sanh, đây là nói chỗ sanh khởi ban đầu của ám giới nhập. Bèn có nhãn v.v... các thức, nhiếp thọ tất cả sắc v.v... Song tất cả chúng sanh thế giới đều tự tâm hiện, do tàng thức hư vọng lập bày, chẳng có thật thể. Dòng sông v.v... năm dụ để nói sát-na

biến hoại. Khi vượn v.v... ba dụ để nói mê lầm cuồng vọng. Do cái hư ngụy từ vô thủy này mà luân chuyển sanh tử, như bánh xe đạp nước xoay vùn chằng dừng. Lại nói thân sắc như huyền thuật, thần chú, máy động hình đi, là nói trong thân năm uẩn thật không có chủ thể. Nhị thừa tuy biết lìa ngã ngã sở chứng nhân vô ngã, mà chẳng biết do tàng thức lập bày, đều là tự tâm hiện, nên không thể ngay đây mà phát minh cảnh giới bất tư nghì. Nhân vô ngã này chính là đệ nhất nghĩa trí nhận được.

- NÓI VỀ PHÁP VÔ NGÃ.

Thế nào là pháp vô ngã trí? Nghĩa là giác âm giới nhập tướng vọng tướng tự tánh. Như âm giới nhập lìa ngã và ngã sở. Âm giới nhập chứa nhóm, nhân nghiệp ái ràng buộc, lần lượt duyên nhau sanh, không điều động, các pháp cũng vậy. Lìa tướng vọng tướng, sức vọng tướng tự tướng cộng tướng chằng thật. Đây là phàm phu sanh, chẳng phải thánh hiện. Vì tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh lìa. Đại Huệ! Đại Bồ-tát phải khéo phân biệt tất cả pháp vô ngã.

Pháp âm giới nhập vốn không tự tánh, do tướng vọng tướng mà làm tự tánh. Chính nơi đây giác biết liền lìa ngã sở. Đã có vô minh phát nghiệp, ái thủ tiếp nối, lần lượt duyên sanh mà lý bản trụ (chân tánh) vẫn không điều động. Mới biết tất cả các pháp tự tướng cộng tướng đều lìa. Bởi do vọng tướng hư ngụy vọng thấy có tướng làm tăng trưởng sức vọng, phàm phu mê chấp chẳng đạt được nguồn cội pháp. Chân như không tánh, tâm pháp đồng nguồn, bờ cõi vọng phân không thể gạn cùng. Nếu đạt vọng tướng do nơi bắt giác, mới rõ muôn pháp cứu kính như như. Tâm, ý, ý thức bắt giác như không hoa đầu cần trừ dẹp. Năm pháp ba tánh như như, thể lặng lẽ nào nhọc chuyển biến. Phàm phu vọng có, Nhị thừa phân tích thành không, đều thành pháp chướng. Đây vẫn chẳng nói không âm giới nhập, mà nói như âm giới nhập. Về tự tâm hiện lượng không thể dùng trí mà biết.

Khéo rành pháp vô ngã, đại Bồ-tát chẳng bao lâu sẽ được sơ địa. Bồ-tát vô sở hữu quán tướng địa, quán sát khai giác Hoan Hỷ, thứ lớp tiến lên vượt đến tướng cửu địa, được Pháp Vân địa. Nơi kia dựng lập vô lượng bảo trang nghiêm, hoa sen báu lớn, voi chúa, cung điện báu lớn, cảnh giới huyền tự tánh do tu tập sanh. Ngồi nơi kia đồng một loại với các vị Tối thắng tử, quyền thuộc vây quanh. Từ tất cả cõi Phật đến, Phật lấy tay làm phép quán đánh, như thái tử con vua Chuyển luân làm phép quán đánh. Vượt địa vị

phật tử, đến tự giác thánh trí pháp thú, sẽ được pháp thân tự tại Như Lai, vì thấy pháp vô ngã. Ấy gọi là tướng pháp vô ngã, đại Bồ-tát các ông phải nên tu học.

Vô sở hữu cùng Hoan Hỷ đều là tướng sơ địa. Pháp Vân là thập địa. Từ địa này hiện ra cõi nước đều là cảnh giới tự tánh huyễn, do vì tu sanh. Đến vượt Phật tử địa mới đến tự giác thánh thú. Nếu đạt tự tâm hiện thấy thân tài dựng lập đều là cảnh giới bất tu nghi. Chóng vào tự giác thánh thú liền vượt lên các địa, trong sát-na chứng biết chẳng do thứ lớp, mới biết pháp chân vô ngã.

-CHỈ THIỆN PHÁP VÔ NGÃ.

+ LÀ DỰNG LẬP PHỈ BÁNG.

Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Tướng dựng lập phỉ báng, cúi mong Thế Tôn nói, khiến con và chư đại Bồ-tát lià ác kiến hai bên dựng lập và phỉ báng, chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Giác rồi, lià kiến chấp thường là kiến lập, đoạn là phỉ báng, để không chê bai chánh pháp.

Dựng lập và phỉ báng là hai kiến chấp có và không. Duy chánh pháp mới hay lià nó. Song Nhị thừa thấy ngoài tâm có pháp vẫn phải phá trừ. Ngoài uẩn biết chân, còn chẳng khỏi xu hướng, hướng là ngoại đạo. Do đó, tự giác thánh trí xa lià hai bên dạy bảo Bồ-tát, đây là nhân chân thật của bồ-đề.

Thế Tôn nhận lời Bồ-tát Đại Huệ thỉnh rồi vì nói kệ:

Dựng lập và phỉ báng

Không có tâm lượng kia

Thân thọ dựng dựng lập

Và tâm không thể biết.

Ngu si không trí tuệ

Dựng lập và phỉ báng.

Hai kiến chấp có không là ngoài tâm vọng chấp. Không có tâm lượng kia là, có không chẳng phải chỗ tốt, cấu thành tâm lượng. Muôn pháp như mộng, một phen mê sanh ra. Trong mộng chúng sanh và thế giới chẳng phải chỗ biết của tâm. Muôn đem sai biệt của việc mộng, toan nói thật về giác tâm thì nào khác vẽ hình dáng hư không, chỉ thêm ngu si.

Thế Tôn nói nghĩa của kệ này, muốn lặp lại cho rõ ràng, bảo Đại Huệ: Có bốn thứ chẳng phải có, mà có dựng lập. Thế nào là bốn? Nghĩa là: Chẳng có tướng dựng lập, chẳng có kiến dựng lập, chẳng có nhân dựng lập, chẳng có tánh dựng lập, ấy gọi là bốn thứ dựng lập. Lại phi báng là, đối với sở lập kia không có chỗ được, quán sát không nhận được, bèn khởi phi báng. Ấy gọi là tướng dựng lập phi báng.

Tự tâm hiện lượng vốn không tướng mà dựng lập tướng, vốn không kiến mà dựng lập kiến, vốn không nhân mà dựng lập nhân, vốn không tánh mà dựng lập tánh. Đây đều không biết tự tâm hiện lượng, cho nên chỗ dựng lập đều không có nghĩa thật. Bởi không có nghĩa thật bèn sanh phi báng thì không khác với dựng lập. Hai lối chấp này đối với tự tâm hiện lượng cách nhau quá xa.

Lại nữa, Đại Huệ! Thế nào chẳng có tướng dựng lập tướng? Nghĩa là: âm giới nhập chẳng có tự tướng cộng tướng mà khởi chấp trước, đây như thế, đây chẳng khác. Ấy gọi là chẳng có tướng dựng lập tướng. Chẳng có tướng mà dựng lập, đây là do lỗi vọng tưởng hư nguy từ vô thủy, các thứ tập khí chấp trước mà sanh.

Từ đây về sau bày rõ vốn không tướng v.v... mà khởi chấp trước tướng v.v... Âm giới nhập vốn không tự tướng cộng tướng mà khởi chấp trước tự tướng cộng tướng. Nên bảo “pháp ngã chấp cứng không buông”, do đó chánh văn nói “đây như thế, đây chẳng khác”. Song đều do mê Như Lai tàng mà có nghiệp tướng chuyển tướng các thứ hư nguy. Lại chạy theo căn thức dẫn khởi các thứ tập khí. Đây là suy nguyên bởi do chấp trước mà sanh.

Đại Huệ! Chẳng có kiến dựng lập tướng là, âm giới nhập kia như thế chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng, trưởng dưỡng, sĩ phu dựng lập. Ấy gọi là chẳng phải có kiến dựng lập tướng. Đại Huệ! Chẳng có nhân dựng lập tướng là, thức ban đầu không nhân sanh, sau chẳng thật như huyễn vốn chẳng sanh nhãn, sắc, minh, giới, niệm, trước sanh, sanh rồi, thật có rồi trở lại hoại. Ấy gọi là chẳng có nhân dựng lập tướng.

Kiến tức là ngã kiến nơi âm giới nhập, nên gọi là nhân ngã. Thức ban đầu không nhân sanh là, mê tàng làm thức, do đó có nghiệp tướng chuyển tướng, đều là việc trong mê, in tuồng sanh mà chẳng có nhân sanh. Đã in tuồng sanh tức chẳng thật như huyễn, là vốn chẳng sanh. Do nhãn, thức, sắc, minh in tuồng sanh tiếp nối, nối rồi lại dứt. Nói tóm lại, vốn chẳng có nhân vọng chấp làm nhân, mà khởi ra dựng lập.

Đại Huệ! Chẳng có tánh dựng lập tướng là, hư không, diệt tận, bát Niết-bàn, chẳng phải làm ra, chấp trước tánh dựng lập. Những thứ này là tánh phi tánh. Tất cả pháp như sừng thỏ, ngựa v.v... như thấy tóc rù, là có và chẳng phải có. Ấy gọi là chẳng có tánh dựng lập tướng. Dựng lập và phi báng là ngu phu vọng tưởng, chẳng khéo quán sát tự tâm hiện lượng, không phải thánh hiền. Thế nên là ác kiến dựng lập phi báng, nên phải tu học.

Hư không, diệt tận, Niết-bàn chẳng phải tánh làm ra, vọng chấp tánh làm ra, ấy là chẳng có tánh dựng lập. Là tánh phi tánh là, là có và không. Đã chẳng phải tánh làm ra tức là là có; không cũng do đối đãi với có, nên là có tức là là chẳng phải có (không). Xét kỹ mà nói thì tất cả pháp đều là có và không, như sừng thỏ, ngựa, như thấy tóc rù. Cho nên biết, dựng lập phi báng đều là vọng chấp của ngu phu. Chẳng phải người khéo quán sát tự tâm hiện lượng, không thể thâm đạt được thật tướng, nên cần phải tu học.

+ TIỀN ĐẾN CỨU KÍNH ĐỘ THOÁT.

Lại nữa, Đại Huệ! Đại Bồ-tát khéo biết tướng tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, hai vô ngã, tiến đến cứu kính. Vì an chúng sanh nên hiện các thứ hình loại, như chỗ vọng tưởng tự tánh, y nơi duyên khởi. Thí như các sắc hiện trong bảo châu như ý, (Bồ-tát) khắp hiện ở tất cả cõi nước chư Phật, tất cả Như Lai có đại chúng nhóm họp, thấy đều ở trong ấy nghe nhận Phật pháp. Nên nói tất cả pháp như huyễn, như mộng, bóng trong nắng, trăng đáy nước, nơi tất cả pháp là sanh, diệt, đoạn, thường và là pháp Thanh văn, Duyên giác, được trăm ngàn tam-muội, cho đến trăm ngàn ức na-do-tha tam-muội. Được tam-muội rồi, dạo đi đến cõi nước chư Phật, cúng dường chư Phật, sanh trong các thiên cung để tuyên dương Tam bảo. Thị hiện thân Phật có Thanh văn, Bồ-tát, đại chúng vây quanh, dùng tự tâm hiện lượng độ thoát chúng sanh, phân biệt diễn nói ngoại tánh là không tánh, thấy khiến xa lìa kiến chấp có, không v.v...

Đây là tổng kết Bồ-tát phải khéo biết tướng tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, hai vô ngã. Vì khéo biết tướng này nên hay trụ tự tâm hiện lượng, tiến đến chỗ cứu kính. Nghĩa là cứu kính hiện lượng, chẳng bị kiến chấp phàm thánh làm hạn lượng, mới có thể tùy thời xuất hiện tự tại vô ngại. Nhiên hậu vì an chúng sanh, thị hiện các thứ hình loại như huyễn, hiện các thứ cõi nước như huyễn, được các thứ tam-muội như huyễn, dạo các cõi Phật như huyễn, làm các thứ cúng dường như huyễn, sanh trên các cung trời như

huyễn, hiện các thứ thân Phật như huyễn, hợp các thứ Bồ-tát, Thanh văn đại chúng như huyễn, nói các thứ pháp như huyễn, độ các thứ chúng sanh như huyễn, đều do tự tâm hiện lượng, xa lìa kiến chấp có, không v.v... tiến đến cứu kính. Tự tâm hiện lượng này ở trong vị mê, y nơi duyên khởi mà khởi các vọng tưởng, cũng mỗi thứ như huyễn, như mộng, như bóng trong nắng, như trăng đáy nước, lìa các thứ có không, cũng lìa pháp Thanh văn Duyên giác v.v... Chỉ do bất giác không thể chúng biết. Người giác được tự tâm hiện lượng hay tạo ra hiện ra. Chính ở trên nói “như chỗ vọng tưởng tự tánh, y nơi duyên khởi”, là cứu kính hiện lượng vậy.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nói kệ rằng:

Tâm lượng thế gian

Phật tử quán sát

Các thân chủng loại

Lìa hành sở tác

Được sức thần thông

Thành tựu tự tại.

Kệ nói tâm lượng thế gian và các chủng loại thân tướng đều lìa tánh tạo tác. Bồ-tát quán nơi đây liền hay ở bên trong phát lực thông, thành tựu tự tại. Đây vẫn là đạt tự tánh vọng tưởng, y nơi duyên khởi, trong khoảng sát-na, thức trí chuyển biến, thể đồng mà dụng khác.

- CHỈ THIỆN PHÁP VÔ NGÃ ĐƯỢC BỐN TƯỞNG PHÁP VÔ NGÃ.

+ TƯỞNG PHÁP KHÔNG.

Khi ấy đại Bồ-tát Đại Huệ thỉnh hỏi Phật: Cúi mong Thế Tôn vì chúng con nói tất cả pháp không, vô sanh, không hai, lìa tướng tự tánh. Các con và chúng Bồ-tát khác giác ngộ pháp không, vô sanh, không hai, lìa tướng tự tánh rồi thì sẽ lìa vọng tưởng có và không, chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế Tôn bảo Bồ-tát Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, nay sẽ vì ông rộng phân biệt nói. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn, lành thay! Xin vâng thọ giáo.

Không, vô sanh, không hai, lìa tướng tự tánh, Thế Tôn thường lấy diệu chỉ này để hiển bày tự tánh, chẳng rơi vào có không. Văn sau phân biệt bốn câu (tứ cú), mà trước chỉ

cho người do chẳng lìa vọng tưởng mà được chỗ tự chứng. Nhiên hậu biết kinh điển do ngữ mà nhập nghĩa, chẳng phải chân thật ở chỗ ngôn thuyết.

Phật bảo Đại Huệ: Không không tức là chỗ tự tánh vọng tưởng. Đại Huệ! Người chấp trước tự tánh vọng tưởng nói không, vô sanh, không hai, lìa tướng tự tánh. Đại Huệ! Kia lược nói bảy thứ không, nghĩa là: Tướng không, tánh tự tánh không, hành không, vô hành không, nhất thiết pháp ly ngôn thuyết không, đệ nhất nghĩa thánh trí đại không, bi bi không.

Đây tức nơi tự tánh vọng tưởng chỉ ra chân không. Chân không chẳng không, nên nói không không. Không không tức là chỗ tự tánh vọng tưởng, chỉ có chứng biết không thể nói bày. Bởi vì chúng sanh không biết tự tánh vọng tưởng là chân không, vọng khởi chấp trước, nên nói không, nói vô sanh, nói không hai, nói lìa tướng tự tánh, khiến ngộ chỗ hành thánh lạc ngay trong vọng tưởng, chỉ cần lìa chấp trước, liền đó chứng biết, lại không riêng có. Trước bày ra bảy tướng không. Vô sanh, không hai, lìa tánh, so đồng với nghĩa không, đều chẳng phải bỏ vọng tưởng riêng có các nghĩa.

Thế nào là tướng không? Nghĩa là tất cả tánh tự tướng cộng tướng đều không. Vì quán sát sự triển chuyển chứa nhóm, phân biệt không tánh, tự tướng cộng tướng chẳng sanh, tánh tự, tha, câu (chung) đều không tánh, cho nên tướng chẳng trụ. Thế nên nói tất cả tánh tướng không, gọi là tướng không vậy.

Tất cả pháp tánh không tự tướng cộng tướng, vọng thấy có tự tướng nên có cộng tướng, vọng thấy cộng tướng nên có tự tướng. Triển chuyển đối đãi nhau, chứa nhóm mà thành, đều do phân biệt vậy. Tánh phân biệt đã rồi thì tướng tự tha cũng đối, tức là tướng mà không tướng, cho nên nói tướng không.

Thế nào tánh tự tánh không? Nghĩa là tánh chính mình; tự tánh chẳng sanh. Ấy gọi là tất cả pháp tánh tự tánh không, nên nói tánh tự tánh không.

Tất cả pháp tánh vọng thấy có không, không phải tất cả pháp thật có tánh chính nó. Pháp thiện không có tự tánh thiện, pháp ác không có tự tánh ác. Tất cả pháp không có tự tánh tất cả pháp. Cho nên tánh tự tánh không, chẳng phải không tánh nói là không.

Thế nào là hành không? Nghĩa là ám lìa ngã và ngã sở. Nhân sở thành nên sở tạo nghiệp phương tiện sanh, ấy gọi là hành không.

Nhân sở thành là chủng tử, sở tạo nghiệp là hiện hạnh. Đây là sở do các ấm sanh khởi. Mê tâm làm thức thì chủng tử hiện hạnh lần huân, tâm vương tâm sở xen nhau vọng khởi, không ngã ngã sở nên không.

Đại Huệ! Tức cái hành không như thế ấy triển chuyển duyên khởi, tự tánh không tánh, ấy gọi là vô hành không.

Các ấm hành xứ đương thể toàn không, tức là Niết-bàn. Nhân nơi không mà nói ấm, nhân nơi ấm mà nói không, triển chuyển duyên khởi, đều không có tự tánh. Không ấm không không, nên nói không hành không.

Thế nào là nhất thiết pháp ly ngôn thuyết không? Nghĩa là tự tánh vọng tưởng vì không có ngôn thuyết, nên tất cả pháp lìa ngôn thuyết. Ấy gọi là nhất thiết pháp ly ngôn thuyết không.

Tự tánh vọng tưởng tức chẳng phải tự tánh vọng tưởng, chẳng phải ngoài tự tánh vọng tưởng lại có ngôn thuyết. Cho nên biết tất cả pháp đều lìa ngôn thuyết.

Thế nào nhất thiết pháp đệ nhất nghĩa thánh trí đại không? Nghĩa là người được tự giác thánh trí thì tất cả lỗi tập khí kiến chấp không, ấy gọi là nhất thiết pháp đệ nhất nghĩa thánh trí đại không.

Tự giác thánh trí vốn lìa các kiến chấp lỗi lầm về có và không. Nơi đây chúng biết thì tất cả chỗ tất cả thời tất cả việc thành đệ nhất nghĩa, ấy là đệ nhất nghĩa đại không.

Thế nào là bỉ bỉ không? Nghĩa là đối với kia không cái không kia, ấy gọi là bỉ bỉ không. Đại Huệ! Thí như nhà của Lộc tử mẫu không có voi ngựa trâu dê v.v..., chẳng phải không chúng tỳ-kheo, mà nói kia không. Chẳng phải nhà nhà tánh không, cũng chẳng phải tỳ-kheo tỳ-kheo tánh không, chẳng phải chỗ khác không voi ngựa. Ấy gọi là tất cả pháp tự tướng. Kia nơi kia không kia, ấy gọi là bỉ bỉ không. Đây gọi là bảy thứ không. Cái bỉ bỉ không là cái không rất thô, ông phải xa lìa.

Nơi kia không đây, nơi đây không kia, nên nói bỉ bỉ không. Như nhà Lộc tử mẫu không voi ngựa trâu dê, chẳng phải không chúng tỳ-kheo, mà nói kia không, đây là nghĩa bỉ bỉ không. Song nhà Lộc tử mẫu tuy không voi ngựa trâu dê mà chẳng phải không chúng Tỳ-kheo. Như nhà chẳng phải không tự tánh nhà, Tỳ-kheo chẳng phải không tự tánh Tỳ-kheo. Nhà Lộc tử mẫu không voi ngựa, cũng chẳng phải chỗ khác không voi ngựa. Đây là tất cả pháp không tha tướng chẳng phải không tự tướng. Cho nên bỉ bỉ

không rất thô vô nghĩa, nên phải xa lìa. Nghĩa là ngoại đạo chấp không, chẳng giống chánh pháp của ta có sáu nghĩa không. Ngay nơi đó liền lìa tất cả tập khí kiến chấp có không, là không có không tha tánh, mà chẳng phải không tự tánh.

+ TƯỚNG VÔ SANH.

Đại Huệ! Chẳng tự sanh chẳng phải chẳng sanh. Trừ người trụ tam-muội, ấy gọi là vô sanh.

Chẳng tự sanh là, tự thể vốn vô sanh tánh. Chẳng phải chẳng sanh là, nhân duyên hội ngộ in tuồng sanh tương tục, mê tình chưa hết không thể nói không, thể vọng vốn rỗng thì sanh cũng chẳng phải có. Nên nói “pháp nhân duyên sanh ra, ta nói tức là không”. Đây tên vô sanh, chẳng phải trụ tam-muội mà nói vô sanh.

+ LÌA TƯỚNG TỰ TÁNH.

Lìa tự tánh tức là vô sanh. Lìa tự tánh thì sát-na tương tục lưu chú và dị tánh hiện. Tất cả tánh lìa tự tánh, thế nên tất cả tánh ly tự tánh.

Lìa tự tánh là mật chỉ vô sanh, cho nên lại nói tức là vô sanh. Chỉ không tự tánh thì chính khi sanh là chẳng sanh. Tuy tương tục lưu chú mà sát-na chẳng dừng, tướng biến dị hiện, nên biết tất cả tánh lìa tự tánh.

+ KHÔNG HAI TƯỚNG.

Thế nào là không hai? Nghĩa là tất cả pháp như lạnh nóng dài ngắn đen trắng. Đại Huệ! Tất cả cả pháp không hai, chẳng phải đây Niết-bàn kia sanh tử, chẳng phải đây sanh tử kia Niết-bàn, vì tướng khác nhân khác mà có tánh, ấy gọi là không hai. Như Niết-bàn sanh tử, tất cả pháp cũng thế. Thế nên không, vô sanh, không hai, lìa tướng tự tánh, nên phải tu học.

Nói là hai, như lạnh cùng nóng khác, dài cùng ngắn khác, đen cùng trắng khác, nên nói tướng khác nhân khác. Song tướng chẳng phải hai tướng, nhân chẳng phải hai nhân, ấy gọi là không hai. Cho nên biết ngoài Niết-bàn không sanh tử, ngoài sanh tử không Niết-bàn. Sanh tử Niết-bàn tướng khác, sanh tử Niết-bàn nhân khác. Nhưng tướng chẳng hai tướng, nhân chẳng hai nhân, nên nói nhân khác tướng khác là có tánh. Mê giác là nhân, chân vọng thành tướng. Mê này giác này chân này vọng này dường như có thấy khác, mà không hai thế. Tất cả pháp cũng lại như thế.

+ KẾT BỐN TƯỚNG VÀO TẤT CẢ KINH ĐIỂN.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nói kệ rằng:
Ta thường nói pháp không
Xa lìa nơi đoạn thường.
Sanh tử như huyễn mộng
Mà nghiệp kia chẳng hoại.
Hư không và Niết-bàn
Diệt định hai cũng thế.
Ngu phu khởi vọng tưởng
Chư thánh lìa có không.

Như Lai nói ra pháp không là nói tự tánh vọng tưởng chân không. Tự tánh vọng tưởng chân không siêu việt đoạn thường, ở trong sanh tử trọn như mộng huyễn. Trong mộng huyễn không có tướng hoại cùng với chẳng hoại. Nói có nghiệp hoại, vẫn thuộc về kiến chấp có không. Tự tánh chân không như ba thứ vô vi, chóng lìa có không, chẳng có các lỗi lầm. Cho nên chẳng đồng với ngu phu chạy theo vọng tưởng bất giác chấp trước.

Thế Tôn lại bảo đại Bồ-tát Đại Huệ rằng: Này Đại Huệ! Không, vô sanh, không hai, lìa tướng tự tánh, khắp vào tất cả kinh điển chư Phật. Phàm có kinh đều nói nghĩa này. Vì các kinh điển tùy theo tâm hy vọng của chúng sanh, vì họ phân biệt nói hiển bày nghĩa ấy, mà không phải chân thật tại ngôn thuyết. Ví như một con nai khát nước tưởng nước, rồi làm mê lầm cả bày nai. Nai ở nơi tướng kia chấp trước thật nước, mà nơi kia không nước. Như thế, tất cả kinh điển nói ra các pháp vì khiến kẻ ngu phát hoan hỷ, chẳng phải thật thánh trí ở nơi ngôn thuyết. Thế nên phải y nơi nghĩa chớ chấp ngôn thuyết.

Đây lại kết nói vì tự tánh vọng tưởng, chấp trước nên nói không, vô sanh, không hai, lìa tướng tự tánh. Nếu hay chứng biết tự tánh vọng tưởng, liền lìa chấp trước, ngay nơi đó lặng lẽ. Thế mới biết, không, vô sanh, không hai, lìa tự tánh vẫn là tốt chỉ ra chủ yếu, mà chẳng phải hiển thẳng đệ nhất nghĩa. Cho nên nói, các kinh điển tùy tâm hy vọng của chúng sanh, hiển bày nghĩa kia, mà chẳng phải chân thật ở nơi ngôn thuyết. Hiển bày nghĩa kia là do ngữ mà vào nghĩa, như ngọn đèn soi sự vật, mà chẳng phải chân thật ở lời nói. Cho nên không thể y ngữ mà nhận nghĩa. Đây là nói phải y nơi nghĩa chớ y nơi ngôn thuyết.

C- Chỉ như lai tàng siêu quá vọng tướng ngôn thuyết của phàm ngu và ngoại đạo thành tựu các địa cứu kính quả hải.

1- CHỈ NHƯ LAI TÀNG CHẴNG ĐỒNG THẦN NGÃ CỦA NGOẠI ĐẠO.

Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trong kinh Phật nói Như Lai tàng tự tánh thanh tịnh, chuyển ba mươi hai tướng vào trong thân tất cả chúng sanh, như hạt châu rất quý cột trong chéo áo nhơ, Như Lai tàng thường trụ không biến đổi cũng lại như thế, cột trong chiếc áo nhơ giới ám nhập và tham dục, sân, si, vọng tưởng chẳng thật, các thứ trần lao làm ô uế. Đây là lời diễn nói của tất cả chư Phật. Tại sao Thế Tôn đồng với ngoại đạo nói có ngã, nói có Như Lai tàng? Bạch Thế Tôn! Ngoại đạo cũng nói có tác giả thường còn, lìa ngoài cầu-na khắp giáp chẳng diệt. Bạch Thế Tôn ! Ấy là ngoại đạo nói có ngã.

Đây là muốn Thế Tôn phát minh Như Lai tàng chẳng đồng thần ngã của ngoại đạo. Thần ngã của ngoại đạo chấp tâm phân biệt trong ngũ uẩn. Tánh Như Lai tàng là chỉ cho thể thường trụ bất biến. Thể không chân vọng mà có giác mê. Mê thì tâm phân biệt sanh mà không phải là chân trí. Tâm phân biệt diệt mà chẳng phải là chân tịch. Mê trí cho là sanh, mê tịch cho là diệt, thấy đều do phân biệt cho nên vô thường. Nếu giác thì phân biệt liền dứt, thấy xưa không sanh thì nay cũng không diệt. Chỗ không sanh diệt bản tánh thường trụ. Vì trừ cái phân biệt nên nói là vô ngã, mà chẳng phải không có cái ngã Như Lai tàng thường trụ bất biến. Vì dẹp vô ngã nên nói chân ngã, mà chẳng đồng với cái ngã phân biệt của ngũ uẩn. Nên nói “chuyển ba mươi hai tướng vào thân chúng sanh, mà bị buộc trong chiếc áo nhơ ám giới nhập và tham sân si vọng tưởng chẳng thật, các thứ trần làm ô uế”. Khi hiện ở trong mê thì trí tịch ẩn, sanh diệt hiện tiền. Phàm có chỗ chấp đều thuộc về phân biệt. Đây là lý do ngoại đạo vọng chấp tác giả. Cầu-na tức là trần duyên.

Phật bảo Đại Huệ: Ta nói Như Lai tàng chẳng đồng cái ngã của ngoại đạo nói. Đại Huệ! Có khi nói không, vô tướng, vô nguyện, như thật tế, pháp tánh, pháp thân, Niết-bàn, ly tự tánh, bất sanh bất diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn, những câu như thế đều nói Như Lai tàng. Như Lai ứng cúng đấng chánh giác vì đoạn cái sợ vô ngã của ngu phu, nên nói lìa vọng tưởng cảnh giới vô sở hữu có Như Lai tàng. Nay Đại Huệ! Đại Bồ-tát vị lai hiện tại không nên khởi chấp về ngã kiến.

Nói pháp thân như thật mà trước nói là không, vô tướng, vô nguyện. Nói tự tánh Niết-bàn mà trước nói lìa tự tánh, bất sanh bất diệt, xưa nay là tịch tĩnh. Đây là Thế Tôn vì nói cảnh giới vô sở hữu, môn Như Lai tàng vậy. Như Lai ban đầu vì chúng sanh chấp ngũ uẩn là ngã nên nói vô ngã. Sau lại vì Thanh văn chấp pháp vô ngã mê lầm tự tánh, nên nói chân ngã. Kinh Niết-bàn nói : “Các ông nên biết, trước đã tu tập vô thường, khổ, không, vô ngã, chẳng phải là pháp chân thật, ví như mùa xuân có những người tắm trong hồ lớn, ngồi thuyền dạo chơi bỗng làm rơi hạt châu lưu ly chìm tận đáy nước. Khi ấy mọi người thấy đều lặn xuống nước mò tìm hạt châu, giành nhau nắm lấy ngói đá cỏ cây sạn sỏi, mỗi người tự bảo được châu lưu ly, vui vẻ đem lên, mới biết chẳng phải châu. Lúc ấy bảo châu vẫn còn ở trong nước, vì thế lực của châu nên nước được lóng trong. Bấy giờ toàn thể đồng thấy hạt châu vẫn còn dưới nước, ví như ngược xem mặt trăng trong hư không. Trong chúng có một người trí dùng sức phương tiện, nhẹ nhàng chậm rãi lặn xuống nước liền lấy được hạt châu. Tỳ-kheo các ông! Chẳng nên tu tập vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh v.v... như thế, cho là nghĩa thật. Như những người kia mỗi người lượm ngói gạch cỏ cây sạn sỏi mà cho là bảo châu. Các ông phải khéo học phương tiện ở khắp mọi nơi thường tu tưởng ngã, tưởng thường, lạc, tịnh. Như người trí kia khéo lượm được hạt châu, là nói tưởng ngã, tưởng thường, lạc, tịnh”. Thế mới biết, khi Như Lai nói vô ngã là ý ở chỗ chân ngã, chỉ vì đối trị phàm phu ngoại đạo. Cho nên chỗ làm của nhị thừa là chỗ sợ của phàm phu đâu biết lìa vọng chính vì hiển chân. Cảnh giới vô sở hữu Như Lai tàng môn này chẳng đồng với ngoại đạo cho thức là ngã, chấp tướng tác giả.

Thí như người thợ gốm nơi một đồng đất dùng phương tiện nhân công, nước, cây, bánh xe quay mà làm thành các món đồ. Như Lai cũng lại như thế, nói pháp vô ngã lìa tất cả tướng vọng tưởng dùng các thứ trí tuệ phương tiện khéo léo, hoặc nói Như Lai tàng, hoặc nói vô ngã. Bởi nhân duyên ấy nên nói Như Lai tàng chẳng đồng cái ngã của ngoại đạo nói, ấy gọi là nói Như Lai tàng. Vì khai dẫn cái chấp ngã của ngoại đạo nên nói Như Lai tàng khiến họ lìa vọng tưởng ngã kiến chẳng thật vào cảnh giới tam giải thoát môn, hy vọng chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế nên Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác khởi nói Như Lai tàng như thế.

Nếu không như vậy, ắt đồng với ngoại đạo. Thế nên Đại Huệ! Vì lìa kiến chấp của ngoại đạo nên y Như Lai tàng vô ngã.

Đây lại bày rõ Như Lai dùng các thứ trí tuệ phương tiện khéo léo, hoặc nói vô ngã, hoặc nói Như Lai tàng là để lẫn nhau phát minh ngã tướng thanh tịnh Như Lai. Vì khai dẫn ngoại đạo chấp ngã khiến lìa ngã kiến chẳng thật. Thế nên rốt sau nói “Phải y nơi Như Lai tàng vô ngã ấy là nghĩa quyết định vậy”. Kinh Niết-bàn vì lập ví dụ thầy thuốc mới và thầy thuốc cũ, mà lại vì trong chúng xướng lời rằng: Tỳ-kheo phải biết, các ngoại đạo nói là ngã đó, ví như trùng ăn cây ngẫu nhiên thành chữ. Thế nên, Như Lai ở trong Phật pháp nói là vô ngã, vì điều phục chúng sanh, vì biết thời nên nói là vô ngã. Cho nên có nhân duyên cũng nói có ngã. Như ông thầy thuốc giỏi kia khéo biết sữa là thuốc, hay chẳng phải thuốc, không phải như phàm phu chấp ngô ngã vậy.

Khi ấy Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nói kệ rằng:

Người, âm, tương tục

Duyên cùng vi trần

Thắng, Tự tại tạo

Tâm lượng vọng tưởng.

Người tức là cái ngã trong thân ngũ âm. Tương tục là cái ngã này lưu chú sanh diệt. Âm là ngũ âm. Ngoại đạo chấp có duyên khác cùng vi trần, thắng tánh, Tự Tại thiên hòa hợp chung nhau tạo. Đây là tự tâm vọng tưởng chấp vậy. Duyên khác là tát-đòa, thích-xà, đáp-ma của Số luận sư. Vì Số luận sư chấp ngã, tự, duyên, ba việc này hợp lại làm thành ấy vậy.

2- CHỈ NHƯ LAI TÀNG PHƯƠNG TIỆN HIỆN BÀY.

- CHỈ CHUNG PHƯƠNG TIỆN CÓ BỐN PHÁP.

Khi ấy đại Bồ-tát Đại Huệ quán chúng sanh vị lai, lại thỉnh Thế Tôn: Cúi xin vì nói tu hành không gián đoạn, như các vị đại Bồ-tát tu hành đại phương tiện.

Đây là hỏi về phương tiện tu hành. Không gián đoạn là, không gián đoạn nơi tự tánh, thuận tánh khởi tu, chẳng phải tạo nhân duyên bên ngoài.

Phật bảo Đại Huệ: Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp được tu hành đại phương tiện. Thế nào là bốn? Nghĩa là khéo phân biệt tự tâm hiện, quán ngoại tánh phi tánh,

lìa kiến chấp sanh trụ diệt, được tự giác thánh trí thiện lạc. Ấy gọi là đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp, được tu hành đại phương tiện.

Khéo phân biệt tự tâm hiện là, biết tam giới đều duy thức hiện, chẳng phải bởi duyên khác. Quán ngoại tánh phi tánh là, tất cả tánh bên ngoài thấy như mộng huyễn không có tự tánh, lìa kiến chấp sanh trụ diệt là, đã biết tất cả tánh vô tánh đều chỉ là tự tâm thì, các thức chẳng khởi đối với pháp sở tri không khởi nhiếp thọ. Tự giác thánh trí thiện lạc là, đã biết tam giới duy thức, tất cả tánh không tự tánh, các thức chẳng sanh thì, tự giác thánh trí như mặt trời ở trong hư không, tự nhiên được tự tại pháp lạc. Ngoại đạo chẳng biết tam giới đều duy thức hiện cho là có nhân khác, đã có nhân khác thì tất cả tánh thật có tự sanh tánh có thể được. Nhị thừa tuy biết không có nhân khác, song về thức hiện hành diệt mà chúng tử chẳng diệt, đối với pháp trong ngoài không thể chóng không. Đây đều do thức minh làm ngại, đối giác tánh chính mình, mình chẳng viên diệu. Thế nên, với bốn thứ này, Bồ-tát tu hành phương tiện vượt khỏi phàm ngu và ngoại đạo. Nếu người có chí với tâm tông nên phải xét rõ.

- KHÉO PHÂN BIỆT TỰ TÂM HIỆN.

Thế nào đại Bồ-tát khéo phân biệt tự tâm hiện? Nghĩa là quán tam giới duy tâm chùng ngăn như thế, lìa ngã và ngã sở, không dao động, lìa đi lại, do tập khí hư vọng huân tập từ vô thủy, các thứ sắc hành trong tam giới trói buộc thân tài (căn) liền dựng lập, vọng tưởng tùy nhập hiện. Ấy gọi là đại Bồ-tát khéo phân biệt tự tâm hiện.

Chùng ngăn là nói phần lượng. Đây nói duy tâm tức là duy thức. Mê tâm làm thức, thức tức là tâm. Cho nên nói duy tâm. Quán tam giới này đều do tự tâm bất giác vọng sanh chùng ngăn, trong khoảng giữa thật không có người nhiếp thọ và pháp bị nhiếp thọ. Thế nên, tuy tạo tác mà không có sở tác; tuy hiện đi lại mà không có đi lại. Tập khí hư vọng huân tập từ vô thủy là, chỉ cho nghiệp chủng của tàng thức, tức là bất giác vọng động vậy. Đã vọng động làm nghiệp liền do kiến (chủ thể) khởi tướng (khách thể), biến ra dường như căn trần, thành các thứ sắc, hành (nghiệp) trong tam giới, bèn có danh tướng dài, ngắn, co, duỗi nhất định, hay sanh trói buộc. Chính hiện tại căn thân thọ dụng những nhu cầu trong thế giới, rồi khởi các thứ vọng

tướng. Tâm cảnh nhập nhau hòa hợp mà hiện, nên nói là “tự tâm hiện”. Nếu hay quán sát cái sở hiện của tự tâm thì biết tất cả sắc, hành (nghiệp) danh tướng trong tam giới, tự thân thọ dụng tất cả vọng tưởng đều do mê Như Lai tàng tánh từ vô thủy làm chủng thức, vọng sanh chùng ngăn. Tâm cảnh bị hiện đều không thể được, không chủ, không chỗ nương, liền đó chóng liễu ngộ.

- QUÁN NGOẠI TÁNH PHI TÁNH.

Thế nào đại Bồ-tát khéo quán ngoại tánh phi tánh? Nghĩa là tất cả tánh như nắng, mộng v.v... do vọng tưởng hư ngụy từ vô thủy huân tập làm nhân, mà quán tự tánh của tất cả tánh. Đại Bồ-tát khéo khởi quán ngoại tánh phi tánh như thế, gọi là đại Bồ-tát khéo quán ngoại tánh phi tánh.

Nắng, mộng v.v... là tất cả pháp như sóng nắng, như mộng huyễn đều do nội thức biến dường như có hiện trước, mà không có tự tánh liền đó vô sanh. Thế nên biết không có tự tánh. “Tất cả pháp chẳng sanh” là lời nói của chư Phật trong ba đời, nên phải tôn trọng. Nhân là, tất cả tánh này nhân nơi thức chủng hư ngụy làm tự tánh. Quán tất cả tánh lấy thức này làm tự tánh thì, tất cả tánh không tự tánh, nên nói “Khéo quán ngoại tánh phi tánh”.

- LÌA KIẾN CHẤP SANH TRỤ DIỆT.

Thế nào đại Bồ-tát lìa kiến chấp sanh trụ diệt? Nghĩa là tất cả tánh như huyễn mộng, tánh tự, tha và chung chẳng sanh, tùy vào chùng ngăn của tự tâm, nên thấy ngoại tánh phi tánh. Thấy thức chẳng sanh và duyên không tích tụ, bởi thấy vọng tưởng duyên sanh. Nơi tam giới tất cả pháp trong ngoài đều không thể được. Thấy lìa tự tánh thì chấp sanh ắt dứt. Biết tự tánh các pháp như huyễn v.v... được vô sanh pháp nhẫn. Được vô sanh pháp nhẫn rồi, lìa kiến chấp sanh trụ diệt, gọi là đại Bồ-tát khéo phân biệt lìa kiến chấp sanh trụ diệt.

Tánh tự tha chung chẳng sanh, trong Trung Luận nói: “Các pháp chẳng tự sanh, cũng chẳng từ tha sanh, chẳng chung, chẳng không nhân, thế nên nói vô sanh”. Xét theo đây thì biết tất cả ngoại tánh như mộng v.v... đều do tự tâm bất giác vọng sanh chùng ngăn (giới hạn). Bởi bất giác vọng sanh, thật không có tánh sanh, nên nói “thấy ngoại tánh phi tánh”. Vì bất giác vọng sanh, thật không có thức sanh nên nói “thấy thức chẳng sanh”. Đã không có tánh sanh và thức sanh, mà vẫn thấy dường như sanh tương tục, thấy

do bất giác đồng thời liền hiện, chẳng phải duyên nhiều thứ tích tụ. Chẳng biết liền hiện, mà cho là duyên sanh là vọng tưởng vậy. Thấy vọng tưởng duyên sanh, mới biết tất cả pháp trong tam giới không có tự tánh thì, cái kiến chấp sanh liền diệt. Sự vật hiện tiền thấy như mộng huyễn, chỉ rõ bất giác liền trụ duy tâm. Thế nên nói “vô sanh pháp nhãn khéo lìa kiến chấp sanh trụ diệt”.

- TỰ GIÁC THÁNH TRÍ THIỆN LẠC.

Thế nào đại Bồ-tát được tự giác thánh trí thiện lạc? Nghĩa là được vô sanh pháp nhãn, trụ đệ bát địa của Bồ-tát, được lìa tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, hai tướng vô ngã, được ý sanh thân.

Biết pháp trong tam giới duy nội thức biến, không có tánh tự sanh. Thức nhân mê mà có, giác được mê thì mê diệt, bản tâm hiện tiền. Đây là tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, hai tướng vô ngã ngay đó liền lìa. Duy thức tụng rằng: “Trước địa Bất động vừa xả tàng”. Thế nên nói được quả nhị chuyển y, như ý sanh thân, vẫn sau tự rõ.

Thế Tôn! Ý sanh thân là nhân duyên gì? Phật bảo Đại Huệ: Ý sanh thân, ví như nghĩ nhanh chóng vô ngại, nên gọi là ý sanh. Thí như ý đi qua vách đá vô ngại, nơi phương khác cách xa vô lượng do-diên, nhân ngày trước đã thấy nhớ nghĩ chẳng quên, tự tâm lưu chú chẳng dứt, nơi thân không chướng ngại sanh. Đại Huệ! Ý sanh thân như thế được đồng thời sanh. Ý sanh thân của đại Bồ-tát do sức tam muội như huyễn tự tại thần thông diệu tướng trang nghiêm, thân chủng loại thánh, đồng thời liền sanh. Ví như ý sanh không có chướng ngại, tùy chỗ nhớ nghĩ cảnh giới nguyện xưa, vì thành tựu chúng sanh được tự giác thánh trí thiện lạc. Đại Bồ-tát được vô sanh pháp nhãn như thế, trụ đệ bát địa của Bồ-tát, chuyển xả thân tâm, ý, ý thức, năm pháp, ba tự tánh, hai tướng vô ngã và được ý sanh thân, được tự giác thánh trí thiện lạc. Đó gọi là đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp được tu hành đại phương tiện, phải học như thế.

Đây nói chúng tự giác thánh trí, chuyển hai sở y dùng sức tam muội như huyễn, tự tại thần thông, tự nhiên được thân chủng loại thánh. Vì chúng sanh một lúc đối hiện, ví như ý sanh.

3- CHỈ NHƯ LAI TẠNG LÀ CÁC NHÂN DUYÊN.

Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Huệ lại thỉnh Thế Tôn: Cúi xin vì nói tướng nhân duyên của tất cả các pháp. Do giác được tướng nhân duyên, con và các Bồ-tát lìa tất

cả tánh có, không vọng chấp, không có vọng tưởng kiến chấp tiệm thứ và đồng thời sanh?

Pháp nhân duyên sanh đều do vọng tưởng của chính mình thấy, mà kẻ ngu phu không biết chấp là thứ lớp sanh hay đồng thời sanh. Liễu đạt nghĩa này lìa các thứ có, không, thứ lớp hay đồng thời sanh, hiển bày vô sanh. Cho nên nói “tất cả pháp chẳng sanh”.

Phật bảo Đại Huệ: Tất cả pháp có hai thứ duyên tướng, là ngoại và nội. Ngoại duyên là, hòn đất, cây cọc, bánh xe, nước, gỗ, nhân công, các thứ phương tiện, làm thành cái bình. Như cái bình đất, tơ lụa, lát chiếu, giống mầm, tô lạc v.v... phương tiện làm thành cũng lại như thế. Đó gọi là ngoại duyên trước sau chuyển sanh.

Pháp nội ngoại hai thứ duyên, một là thế gian vọng kiến, một là ngu phu vọng kiến. Thế nên nói trừ thức khởi, tự phân biệt thấy thì tất cả là vô sanh. Ngoại duyên, thế gian hiện thấy như bình cùng tô lạc v.v... chẳng phải không phương tiện trước sau sanh khởi. Cho nên lập pháp ngoại duyên.

Thế nào là nội duyên? Nghĩa là pháp vô minh, ái nghiệp v.v... được tên là duyên. Từ đó sanh pháp âm, giới, nhập, được tên là sở duyên. Nó không có cái biệt mà ngu phu vọng tưởng, ấy gọi là pháp nội duyên.

Vô minh là Như Lai tàng bất giác thành thức. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Chẳng rõ đệ nhất nghĩa để nên gọi là vô minh”. Trong mười hai chi vô minh là nhân duyên quá khứ, ái là nghiệp duyên hiện tại, nghiệp là thủ và hữu, lại làm duyên sanh lão bệnh tử ở đời sau. Pháp âm, giới, nhập vốn từ ba đời duyên khởi, mà thật do vô minh bất giác, ở trên tự tâm không có tánh sanh. Kẻ ngu phu vọng cho là thật, nên nói: “Nó không có cái biệt”.

Đại Huệ! Nhân kia có sáu thứ. Nghĩa là: Đương hữu nhân, tương tục nhân, tướng nhân, tác nhân, hiển thị nhân, đãi nhân. Đương hữu nhân là, tạo nhân rồi pháp trong ngoài sanh. Tương tục nhân là, tạo phan duyên rồi pháp trong ngoài sanh, âm chủng tử v.v... Tướng nhân là, tạo tướng không gián đoạn tương tục sanh. Tác nhân là, làm việc tăng thượng như Chuyển luân vương. Hiển thị nhân là, việc vọng tưởng sanh rồi tướng hiện năng tác sở tác, như ngọn đèn soi hình sắc v.v... Đãi nhân là, khi diệt tạo đoạn tương tục, tánh chẳng vọng tưởng sanh.

Sáu thứ nhân tức là trong hai cái duyên có nhân tướng hay chiêu quả sai biệt. Đương hữu nhân là, hiện tại căn trần tạo ra hay chiêu quả đời sau, nó tương đương với nhân duyên. Tương tục nhân là, nhân căn cảnh trong ngoài mà sanh ái, thủ, lại khởi chủng tử sau này chẳng dứt, nó tương đương với sở duyên duyên. Tướng nhân là, làm ra không gián đoạn nhân quả tương tục, nó tương đương đẳng vô gián duyên. Tác nhân là, ở trên quả tạo nhân, như Chuyển luân vương được thắng quả rồi lại tạo thắng nhân, nó tương đương với tăng thượng duyên. Hiện thị nhân là, nhân năng tác cùng quả sở tác đồng thời cùng hiện, như ngọn đèn soi hình sắc, cũng nhiếp thuộc nghĩa nhân duyên. Đãi nhân là, đối cảnh tướng khi diệt chẳng thấy tướng lưu chú sanh, làm cho cái tương tục đoạn, thành tự tánh chẳng vọng tưởng. Chẳng vọng tưởng cùng với vọng tưởng đối đãi nhau, là nhân tướng của ngoại đạo phàm ngu chấp.

Đại Huệ! Ngu phu kia tự tướng vọng tưởng chẳng thứ lớp sanh, chẳng đồng thời sanh. Vì có sao? Nếu là đồng thời sanh thì năng tác sở tác không phân biệt, chẳng được tướng nhân. Nếu thứ lớp sanh thì chẳng được tướng ngã. Thứ lớp sanh thì chẳng sanh, như chẳng sanh con thì không tên cha mẹ.

Thứ lớp sanh hay đồng thời sanh là chỗ chấp của ngu phu. Do chẳng biết tự tâm hiện ra, đối với pháp in tuồng sanh, tương tục vọng thấy là nhân duyên, rồi chấp là thứ lớp hay đồng thời. Cho nên Như Lai đặc biệt nói chẳng thứ lớp sanh, chẳng đồng thời sanh. Nếu đồng thời sanh thì không năng sở, chẳng được tướng nhân. Nếu thứ lớp sanh lại không tự tánh có thể được. Tướng ngã là tự tánh vậy. Đã không tự tánh thì liền đó vô sanh, như chẳng sanh con thì không tên cha mẹ.

Đại Huệ! Thứ lớp sanh phương tiện tương tục. Chẳng phải vậy, chỉ do vọng tưởng mà thôi. Vì nhân, phan duyên, thứ đệ duyên, tăng thượng duyên v.v... làm năng sanh và sở sanh. Đại Huệ! Thứ lớp sanh chẳng sanh, vì tướng chấp trước vọng tưởng tự tánh. Thứ lớp và đồng thời sanh đều chẳng sanh, vì tự tâm hiện thọ dụng, tự tướng, cộng tướng, ngoại tánh phi tánh. Đại Huệ! Thứ lớp và đồng thời sanh đều chẳng sanh, trừ tự tâm hiện, bất giác vọng tưởng nên có tướng sanh. Thế nên, nhân duyên tạo sự tướng phương tiện phải lìa kiến chấp thứ lớp và đồng thời sanh.

Tiếp trước thứ lớp và đồng thời chẳng sanh, để hiển ngoại đạo và ngu phu chẳng biết tự tâm hiện ra, nên vọng tưởng chấp trước, mà thật chẳng có pháp sanh. Tiết này riêng chú trọng về thứ lớp sanh, chỉ kèm nói đồng thời sanh, để biết ngoại đạo ngu phu chấp bốn duyên sanh, chỉ thuộc về nghĩa thứ lớp. Cho nên chỉ rõ đó, khiến biết các pháp trong ngoài ở trước mắt đều do thức biến, không có tự tánh. Tuy có tướng nhân duyên tạo tác phương tiện, thấy do bất giác vọng chấp mà thành. Giác thì duy tâm, kiến, tướng toàn dứt. Nhân tức là nhân duyên là, thân cận hay sanh khởi. Phan duyên tức là sở duyên duyên là, y ngoại sắc v.v... mà sanh. Thứ đệ tức là vô gián duyên là, pháp trong ngoài lại lẫn nhau chuyển sanh tương tục không gián đoạn. Tăng thượng duyên là, tâm cùng cảnh làm tăng thượng duyên. Bốn thứ này trong chánh pháp thường nói. Song vì mê chân nên giả lập bày là có, mà chẳng phải thật có thể tánh. Cho nên nói thứ lớp sanh chẳng sanh. Bởi vọng tưởng chấp trước, mà thật thứ lớp và đồng thời thấy đều chẳng sanh. Nghĩa là tự tâm hiện thân căn khí giới tự tướng cộng tướng đều không tự tánh. Trừ bất giác tự tâm hiện, vọng tưởng chấp nên có tướng. Thế nên, nhân duyên tạo ra phương tiện, phải lìa kiến chấp thứ lớp và đồng thời sanh.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên nghĩa này nên nói kệ rằng:

Tất cả trọn không sanh
Cũng không nhân duyên diệt
Ở trong sanh diệt kia
Mà khởi tướng nhân duyên.
Chẳng ngăn diệt và sanh
Tiếp nối nhân duyên khởi
Chỉ vì đoạn phàm ngu
Duyên vọng tưởng si hoặc
Pháp duyên khởi có không
Thấy đều không có sanh
Bởi tập khí mê chuyển
Từ đây ba cõi hiện
Chân thật không duyên sanh

Cũng lại không có diệt
Quán tất cả hữu vi
Ví như hoa trong không.
Năng nhiếp và sở nhiếp
Lìa bỏ kiến hoặc loạn
Chẳng đã sanh sẽ sanh
Cũng lại không nhân duyên
Tất cả vô sở hữu
Đây đều là ngôn thuyết.

Tất cả pháp nhân duyên sanh diệt có không, đều không có tự tánh. Liền đó là vô sanh. Chỉ vì phàm ngu si hoặc nên vọng thấy có ba cõi. Thế nên Như Lai chỉ ngăn si hoặc, mà chẳng ngăn các nhân duyên. Nghĩa là các nhân duyên như huyễn như sóng nắng chẳng thể có không. Tất cả pháp hữu vi đối với cái chân thật xưa nay xem như hoa đóm trong hư không. Chỉ lìa các kiến chấp hoặc loạn năng sở, nhân duyên sanh diệt trọn không có thật nghĩa, chỉ có thể luận mà thôi. Ba bài kệ trên lặp đi lặp lại nói đoạn si hoặc. Ba bài kệ dưới nói chân thật không sanh diệt. Chân thật tức là xưa nay chân thật, là Như Lai tàng tâm vậy.

4- CHỈ NHƯ' LAI TÀNG ĐỆ NHẤT NGHĨA LÀ NGÔN THUYẾT VỌNG TƯỚNG.

Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Cúi xin vì nói tâm kinh tướng ngôn thuyết vọng tưởng. Thế Tôn! Con và các vị đại Bồ-tát nếu khéo biết tâm kinh tướng ngôn thuyết vọng tưởng thì hay thông đạt hai nghĩa ngôn thuyết và sở thuyết, chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đem hai thứ ngôn thuyết và sở thuyết làm thanh tịnh tất cả chúng sanh.

Ngôn thuyết là do lời nói phô bày tất cả cảnh giới. Vọng tưởng là cảnh giới phân biệt của lời nói phô bày, chỗ chủ trương. Liều đạt hai nghĩa thì biết tất cả cảnh giới thấy do vọng tưởng phân biệt nhân lời nói mà có phô bày, lìa các phân biệt ngôn thuyết thì không tất cả tướng cảnh giới. Cho nên đệ nhất nghĩa là tự giác thánh trí sở đắc. Do ngôn thuyết vào được, chẳng phải cảnh giới ngôn thuyết phân biệt. Tất cả chúng sanh chẳng biết đệ nhất nghĩa tâm, chỉ y ngôn thuyết phô bày khởi các vọng

giác, mà chẳng phải chân thật tự thông. Rừng rậm ác kiến do đó chẳng sạch, đây là chỗ thỉnh hỏi của Đại Huệ.

Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn, lành thay! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Có bốn thứ tướng ngôn thuyết, vọng tưởng. Nghĩa là tướng ngôn thuyết, mộng ngôn thuyết, quá vọng tưởng kể trước ngôn thuyết, vô thủy vọng tưởng ngôn thuyết. Tướng ngôn thuyết là, từ vọng tưởng sắc tướng chấp trước sanh. Mộng ngôn thuyết là, cảnh trước đã trải qua tùy nhớ nghĩ mà sanh. Từ khi giác rời cảnh giới không tánh sanh. Quá vọng tưởng kể trước ngôn thuyết là, trước oán tạo ra nghiệp tùy nhớ nghĩ sanh. Vô thủy vọng tưởng ngôn thuyết là, lỗi hư ngụy chấp trước từ vô thủy, tự chủng tập khí sanh. Đây gọi là bốn thứ tướng ngôn thuyết vọng tưởng.

Tướng ngôn thuyết là, do vọng tưởng chấp trước sắc tướng mà sanh. Nghĩa là y nơi cảnh thật hiện tiền mà khởi phân biệt nên có ngôn thuyết. Mộng ngôn thuyết là, do cảnh giới quá khứ, từ nhớ nghĩ vọng tưởng sanh. Giác rời cảnh giới vô tánh là, cảnh chẳng thật, như khi mộng thức rồi thấy cảnh giới không tánh, như độc ảnh cảnh. Quá vọng tưởng chấp trước ngôn thuyết là, nhớ nghĩ nghiệp đã làm trước rồi sanh hối hận, nên có ngôn thuyết. Vô thủy vọng tưởng ngôn thuyết là, do chủng tử tập khí hư ngụy từ vô thủy, nên có phân biệt đều là vô minh vọng giác, chẳng y nơi thật nghĩa, do đây chấp trước mà sanh ngôn thuyết. Do bốn thứ ngôn thuyết này bao gồm tất cả vọng tưởng, nếu hay liễu đạt thì hay xa lìa cảnh giới vọng tưởng, được tự giác thánh trí thú rồi, nếu có ngôn thuyết đều do tự giác hiển bày.

Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Huệ lại do nghĩa này khuyến thỉnh Thế Tôn: Cúi xin lại nói cảnh giới do ngôn thuyết vọng tưởng hiện ra? Thế Tôn! Chỗ nào? Có gì? Tại sao? Vì sao? Chúng sanh vọng tưởng ngôn thuyết sanh? Phật bảo Đại Huệ: Do đâu, ngược, cổ họng, mũi, môi, lưỡi, nướu răng hòa hợp mà phát ra âm thanh. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Ngôn thuyết vọng tưởng là khác hay chẳng khác? Phật bảo Đại Huệ: Ngôn thuyết vọng tưởng chẳng khác chẳng phải chẳng khác. Vì có sao? Nghĩa là vì kia là nhân sanh ra tướng. Đại Huệ! Nếu ngôn thuyết, vọng tưởng khác thì vọng tưởng chẳng ưng là nhân. Nếu chẳng khác thì lời nói chẳng hiển được nghĩa, mà thật có hiển bày. Thế nên, chẳng khác chẳng phải chẳng khác.

Ngôn thuyết, vọng tưởng chẳng khác chẳng phải chẳng khác. Khác thì vọng tưởng chẳng phải nhân của ngôn thuyết. Chẳng khác thì nói chẳng hiển nghĩa, để chỉ ra vấn đề sau ngôn thuyết cùng đệ nhất nghĩa là khác hay chẳng khác. Chẳng biết cảnh giới vọng tưởng giác, hư vọng chẳng thật, cho nên ngôn thuyết có thể phô bày. Đệ nhất nghĩa tự giác thánh trí sở đắc, phi ngôn thuyết đến được, đây không thể đồng thời nói.

Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Là ngôn thuyết tức đệ nhất nghĩa hay sở thuyết là đệ nhất nghĩa? Phật bảo Đại Huệ: Phi ngôn thuyết là đệ nhất nghĩa, cũng phi sở thuyết là đệ nhất nghĩa. Vì có sao? Nghĩa là đệ nhất nghĩa thánh lạc, do ngôn thuyết được vào, ấy là đệ nhất nghĩa. Chẳng phải ngôn thuyết là đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa là, thánh trí tự giác đã được. Chẳng phải cảnh giới ngôn thuyết vọng tưởng giác. Thế nên, ngôn thuyết vọng tưởng không hiển bày đệ nhất nghĩa. Ngôn thuyết là sanh diệt dao động, lần lượt do nhân duyên khởi. Nếu lần lượt nhân duyên khởi thì nó không hiển bày đệ nhất nghĩa. Đại Huệ! Vì tướng tự tha không tánh, nên tướng ngôn thuyết chẳng hiển bày đệ nhất nghĩa. Lại nữa, Đại Huệ! Vì tùy nhập tự tâm hiện lượng, các thứ tướng bên ngoài tánh phi tánh. Ngôn thuyết vọng tưởng chẳng hiển bày đệ nhất nghĩa. Thế nên, Đại Huệ! Phải lìa tướng ngôn thuyết các thứ vọng tưởng.

Phân chia ngôn thuyết và sở thuyết, cùng tốt cảnh thú của ngôn thuyết, hiển đệ nhất nghĩa chẳng phải ngôn thuyết đến được. Ngôn thuyết này là riêng chỉ danh, cú, văn, thân. Sở thuyết là chỗ hiển bày của ngôn thuyết, gồm có vọng tưởng và tướng so sánh biết. Nên nói là cảnh giới ngôn thuyết vọng tưởng giác, chẳng phải thật đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa là chỗ thánh lạc do ngôn thuyết mà vào, như lấy tay chỉ mặt trăng, chẳng phải ngón tay là mặt trăng. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nhu người lấy tay chỉ trăng cho người, người kia nhận ngón tay nên phải thấy mặt trăng. Nếu chỉ thấy ngón tay cho là thể mặt trăng thì, người này đâu những quên mất vàng mặt trăng, cũng quên luôn ngón tay kia. Vì có sao? Vì nhận ngón tay nên kia làm mặt trăng sáng, đâu những quên ngón tay mà cũng chẳng biết sáng cùng với tối. Vì có sao? Vì cho thể ngón tay là mặt trăng sáng thì, tướng sáng tối không rành rõ”. Phạm đệ nhất nghĩa tự giác thánh trí đã được, chẳng phải cảnh giới ngôn thuyết vọng

tướng giác. Thể ngón tay, thể mặt trăng, sáng tối rõ vậy. Cho nên nói ngôn thuyết vọng tướng chẳng hiển bày đệ nhất nghĩa. Sanh diệt dao động tức là đầu, ngực ... tám việc, lần lượt hòa hợp. Nghĩa là nhân duyên lần lượt hòa hợp này, không hay hiển bày đệ nhất nghĩa là chỉ ngôn thuyết vậy. Tướng tự tha tức là chỉ sở thuyết. Nghĩa là cảnh tự tha sở thuyết là y nơi vọng tướng phân biệt, như hoa trong gương không có thật tánh, đây là tướng ngôn thuyết. Cho nên nói “tướng ngôn thuyết không hiển bày đệ nhất nghĩa”. Người thật hay nhập tự tâm hiện lượng thấy các thứ tướng bên ngoài, đều không tự tánh, đều do ngôn thuyết vọng tướng dựng lập. Nếu lìa ngôn thuyết vọng tướng tức không có tướng tất cả cảnh giới. Chính ngay lúc này chỉ có thể chứng biết, không cho có nói năng. Cho nên chỉ nói “ngôn thuyết vọng tướng không hiển bày đệ nhất nghĩa” mà thôi. Chỗ ngôn ngữ suy tư dứt bật là chỗ thánh lạc tiến đến. Mù tan thì mặt trời hiện, như con gặp mẹ, thời tiết nếu đến lý kia tự bày. Cho nên rốt sau nói “phải lìa tướng ngôn thuyết vọng tướng”.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên nghĩa này nên nói kệ rằng:

Các tánh không tự tánh
Lại cũng không ngôn thuyết
Nghĩa thậm thâm không không
Kẻ ngu không thể hiểu
Tất cả tánh tự tánh
Pháp ngôn thuyết như bóng
Còn Tự Giác Thánh Trí
Thật tế ta đã nói.

Tất cả các pháp không có tự tánh, không thể nói bày, đây là nghĩa thậm thâm không không. Sanh tử không, Niết-bàn không. Chỗ đất tự giác thánh trí thật tế, chẳng phải kẻ ngu hay hiểu. Cho nên trong kinh đều là ngôn thuyết tự tánh, pháp như bóng, vang, vì phương tiện chỉ chỗ trở về. Tông Cảnh nói: “Ngôn thuyết là từ giác quán sanh, là cộng tướng hòa hợp mà khởi. Phân biệt là nhân ý thức sanh, là suy tính so lường mà khởi. Tóm lại mà nói, đều nhân bất giác, giáo quán tùy sanh. Nếu không có tâm bất giác thì tất cả các pháp thấy không có tự tướng có thể nói, chỉ trừ môn phương tiện mà vì mở bày, đạo tột cùng trở về là vô ngôn”.

5- CHỈ NHƯ LẠI TÀNG TỰ GIÁC THÁNH TRÍ LÀ BỐN CÂU CÓ KHÔNG.

Đại Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Cúi xin vì nói lìa một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường chỗ chẳng hành của tất cả ngoại đạo, là chỗ hành của tự giác thánh trí. Lìa vọng tưởng tự tướng cộng tướng vào nghĩa đệ nhất chân thật. Các địa tiếp nối thứ lớp tiến lên được tướng thanh tịnh, tùy vào địa tướng của Như Lai, bản nguyện không khai phát. Ví như châu ma-ni có các hình sắc, cảnh giới vô biên tướng hạnh, tướng tự tâm hiện thứ bộ phận, tất cả các pháp. Con và các vị đại Bồ-tát lìa kiến chấp vọng tưởng tự tánh, tự tướng, cộng tướng như thế v.v..., chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khiến tất cả chúng sanh được tất cả an lạc đầy đủ sung mãn.

Ở Tây Vực có chín mươi sáu thứ ngoại đạo đều do bốn câu có, không v.v... khởi ra sáu mươi hai lưới kiến chấp. Luận Bảo Tánh nói: “Bồ-tát loạn ý về không đối với chân không diệu hữu này vẫn có ba cái nghi. Một là nghi không để diệt sắc, chấp cái không đoạn diệt. Hai nghi không khác với sắc, chấp ngoài sắc có không. Ba nghi không là vật, chấp không làm hữu”. Bồ-tát còn vậy, huống là phàm ngu ngoại đạo ư? Đại Trí Độ Luận kệ nói: “Có không hai kiến diệt chẳng còn, các pháp thật tướng Phật đã nói”. Chư pháp thật tướng là nói chỗ hành của tự giác thánh trí. Thiên Dẫn Tuyệt Vô Ý Quán nói: “Nghĩa là chân không này không thể nói tức sắc chẳng tức sắc, không thể nói tức không chẳng tức không, tất cả đều không thể nói, không thể nói cũng không thể nói. Lời này cũng chẳng thọ, vượt xa không còn chỗ gá, chẳng phải chỗ lời nói đến, chẳng phải chỗ hiểu được, ấy gọi là hạnh cảnh. Vì có sao? Vì sanh tâm động niệm liền trái pháp thể, liền mất chánh niệm. Cho đến, nếu tiền giải không rộng suốt thì không do đâu tiếp tục tu hành. Nếu chẳng giải hạnh pháp này, dứt cái tiền giải không do đâu thành chánh giải kia. Nếu giữ cái giải chẳng bỏ thì không do đâu vào chánh hạnh này. Thế nên hạnh do giải thành, hạnh khởi giải tuyệt”. Nghĩa đệ nhất chân thật y cứ vào Sơ địa kiến đạo tự nhận được thật tướng các pháp. Kinh Hoa Nghiêm thì chỉ Thập trụ sơ tâm thấy rõ Phật tánh cùng Phật không khác. Trải qua các vị, một vị tức là tất cả vị, hành bố (tiệm thứ) viên dung (đốn ngộ) thuần dùng vô công dụng đạo nhậm vận tiến đến Phật. Vào cõi nước vô biên khắp

hiện sắc thân, đều chẳng ngoài sai biệt do tự tâm hiện ra. Bốn câu là, câu một, câu khác, câu cũng một cũng khác, câu chẳng phải một chẳng phải khác. Câu một là nhiếp thuộc về hữu và thường. Câu khác là nhiếp thuộc về vô và vô thường. Ba cái này đều có bốn câu. Pháp của ta cũng có nghĩa phá bốn câu. Văn Niết-bàn Luận nói: “Còn mà chẳng phải là hữu, để phá chấp thường của Thanh văn. Mất mà chẳng phải là vô, để phá chấp đoạn của Thanh văn. Mất mà chẳng phải là vô, tuy vô mà là hữu. Còn mà chẳng phải là hữu, tuy hữu mà là vô”. Đây là song phá hữu vô, hiển bày cũng hữu cũng vô. Tuy hữu mà vô nên nói phi hữu. Tuy vô mà hữu nên nói phi vô. Đây là phá cũng hữu cũng vô, hiển bày phi hữu phi vô. Thấy đều lẫn nhau phá trừ để hiển trung đạo là chỗ Phật sở hành.

Phật bảo Đại Huệ: Lành thay, lành thay! Ông hay hỏi ta nghĩa như thế được nhiều an lạc, được nhiều lợi ích, thương xót tất cả chư thiên và người đời. Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông phân biệt giải nói. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn, lành thay! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Phạm phu ngu si chẳng biết tâm lượng, chấp tánh trong ngoài, y nơi một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, tự tánh là tập nhân chấp trước vọng tưởng.

Chẳng biết tự tâm hiện lượng thì toàn thể là thức, tự nhiên chẳng biết lý do các tánh trong ngoài, lầm ở trước mắt vọng sanh phân biệt. Đây là sở do sanh tứ cú. Tập nhân là chỉ cho chủng thức. Chẳng biết tâm lượng tức thành tập nhân, cố nhiên sanh chấp trước vậy.

Ví như bày nai bị khát bức ngặt thấy sóng nắng trong mùa xuân mà khởi tưởng là nước, mê loạn chạy tìm, không biết chẳng có nước. Như thế, người ngu hư vọng vọng tưởng huân tập từ vô thủy, ba độc đốt tâm ưa cảnh giới sắc, thấy sanh trụ diệt, chấp tánh trong ngoài, rơi nơi tưởng một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường vọng kiến nhiếp thọ.

Trước nói các kiến chấp khởi lên là do mê tự tâm lượng, mà thành chủng thức, thấy có trong ngoài, sanh bốn thứ tà kiến. Đây nói hiện hạnh và chủng tử cùng nhau sanh, lẫn nhau hoặc loạn, đối với cứu kính không, thành cứu kính có.

Như thành Càn-thát-bà, phàm ngu không trí khởi tướng là thành, tập khí chấp trước tướng từ vô thủy hiện. Kia chẳng phải có thành, chẳng phải không thành. Như thế, ngoại đạo hư ngụy tập khí chấp trước từ vô thủy, y nơi cái thấy một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường không thể rõ biết tự tâm hiện lượng.

Tập khí chấp trước tướng từ vô thủy hiện, kia chẳng phải chẳng thành chẳng phải không thành, đây là nói rất rõ tâm sắc tất cả cảnh giới hiện tiền đều duy thức biến, chẳng thật có không, nên nói như huyền bất khả tư nghì. Ngoại đạo không trí lầm là thật có, luống thêm tà kiến.

Thí như có người mộng thấy nam nữ, voi ngựa, xe cộ, thành ấp, vườn rừng, núi sông, ao hồ các thứ trang nghiêm, tự thân vào trong ấy, khi thức rồi chỉ còn nghĩ nhớ. Đại Huệ! Ý ông nghĩ sao? Kẻ kia như thế, đối với việc mộng trước nhớ nghĩ chẳng bỏ, là người thông minh chăng? Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Chẳng thông minh. Phật bảo Đại Huệ: Phàm phu như thế bị ác kiến nhai, ngoại đạo trí tuệ mà chẳng biết tự tâm hiện tánh như mộng, y nơi kiến chấp một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường.

Đây lấy việc thấy trong mộng so sánh cho dễ biết. Đến khi thức rồi nhớ nghĩ chẳng bỏ, gồm dụ cho người ngu, biết rõ các pháp chẳng có nhân khác, mà chấp pháp trong ngoài vẫn cố chẳng quên.

Thí như tượng vẽ chẳng cao thấp, mà phàm ngu kia khởi tướng cao thấp. Như thế đời sau ngoại đạo ác kiến tập khí đầy đầy y nơi kiến chấp một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường tự hoại và hoại người. Còn luận lìa có không vô sanh cũng là ngôn thuyết không, kiến chấp bài bác nhân quả, nhổ gốc thiện căn, hoại nhân thanh tịnh. Người thắng cầu phải xa lìa đó. Khởi nói như thế là họ rơi nơi kiến chấp tự, tha, đồng, là vọng tướng có không rồi, chìm nơi kiến lập (có) và phi bác (không), do ác kiến ấy sẽ đọa vào địa ngục.

Thế Tôn nơi đây thâm trách ngoại đạo ác kiến, dựng lập tự tông phi bác chánh pháp, lưu truyền đời sau, tự hoại và hoại người sẽ đọa địa ngục.

Thí như con mắt bệnh thấy có tóc rử, liền bảo mọi người rằng các ông xem đây, mà thật tóc rử cứu kính phi tánh phi vô tánh, vì thấy và chẳng thấy. Như thế,

ngoại đạo vọng kiến hy vọng y nơi kiến chấp một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, mà phi báng chánh pháp tự đọa và làm người đọa.

Cứu kính phi tánh phi vô tánh, vì thấy và chẳng thấy là, tất cả pháp thấy như tóc rử, chẳng phải tánh có không, do người thấy cùng chẳng thấy, đây là chỉ thẳng duy thức. Lặp lại nói phi báng chánh pháp, tự đọa và làm người đọa, là lòng thương xót thiết tha của Như Lai, đại khái có thể thấy vậy.

Thí như vòng lửa chẳng phải vòng, người ngu tưởng là vòng, chẳng phải là người có trí. Như thế, ngoại đạo ác kiến hy vọng y nơi một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, tưởng tất cả tánh sanh.

Bản dịch đời Ngụy không có đoạn này, cũng khắp dụ không có nghĩa riêng cho nên lược.

Thí như bong bóng nước giống như châu ma-ni, đứa bé ngu không trí khởi tưởng ma-ni, chấp trước tìm cầu. Song bong bóng nước kia không phải ma-ni, chẳng phải phi ma-ni. Vì chấp và chẳng chấp. Như thế, ngoại đạo ác kiến vọng tưởng tập khí huân tập, đối với vô sở hữu nói là có sanh, duyên nơi có sanh nói là diệt.

Bong bóng nước là một, vì có người chấp người chẳng chấp, chẳng phải thật có sanh diệt. Phạm phu ngoại đạo đối với bong bóng nước vô sở hữu mà chấp cho là hữu. Kẻ ngu duyên nơi bong bóng nước có, chẳng chấp cho là diệt. Kinh Ương-quật-ma-la bài kệ nói: “Thí như có kẻ ngu, thấy bọt sanh vọng tưởng, cho là châu lưu ly, lấy rồi đem trở về, để nó ở trong bình, gìn giữ như chân bảo, chẳng lâu thấy tiêu dung, tưởng không lặn yên đứng, nơi chân lưu ly khác, cũng lại khởi tưởng không. Văn Thù cũng như thế, tu hành tốt không tịch, thường khởi suy nghĩ không, phá hoại tất cả pháp. Giải thoát thật chẳng không, mà khởi tưởng tốt không, ví như thấy bọt tiêu, lạm hoại các chân bảo. Người nay cũng như thế, lạm khởi tưởng tốt không, thấy được pháp không rồi, chẳng không cũng nói không.”

Lại nữa, Đại Huệ! Có ba thứ lượng, năm phần luận, mỗi thứ dựng lập rồi, được thánh trí tự giác, lìa việc hai tự tánh, mà khởi hữu tánh vọng tưởng chấp trước.

Ba thứ lượng là, hiện lượng, tỷ lượng, thánh ngôn lượng. Hiện lượng là, thật cảnh hiện tiền, chẳng rơi vào ý ngôn, thân được pháp thể không có lầm lẫn, như tự giác thánh trí tương ứng với chứng biết. Tỷ lượng là, so sánh mà biết, như nhân cảnh mộng mà biết là tự tâm hiện, tuy chẳng phải thân chứng, mà so sánh biết không dối. Thánh ngôn lượng là, như Pháp thân Phật nói, Báo thân Phật nói, Hóa thân Phật nói, nhất định làm mô phạm. Ba chi là, tông, nhân, dụ. Như đối với giáo pháp của ta lập lượng rằng: “Như Lai tàng đệ nhất nghĩa tâm là Tông. Nhân nói, vì tự tâm hiện lượng. Dụ nói, như hoa trong gương, trăng đáy nước và cảnh trong mộng”. Như đối với ngoại đạo lập lượng rằng: Kia do thần ngã thẳng tánh là Tông. Nhân nói, vì tập khí hư nguy từ vô thủy và tác giả có không. Dụ nói, như lông rùa, dầu cát, bình bễ v.v... Ba chi này cũng gọi là ba chi tỷ lượng, cùng với Hợp, Kết thành năm. Ba lượng và năm phần đều là Như Lai nói ra, để hiển bày thánh trí tự giác, lìa kiến chấp có và không. Song họ chẳng dựng lập thánh trí tự giác, lại khởi có tánh phân biệt, đây là phá nội ngu ngã tướng.

Đại Huệ! Tâm, ý, ý thức thân tâm chuyển biến, tự tâm hiện năng nhiếp sở nhiếp các vọng tướng dứt. Như Lai địa tự giác thánh trí, người tu hành không đối với kia khởi tướng tánh và phi tánh. Nếu người tu hành kia nơi cảnh giới như thế, tánh (có) phi tánh (không) nhiếp thủ tướng sanh thì kia chấp tướng dưỡng và chấp ngã nhân.

Tâm, ý, ý thức thân tâm chuyển biến, tự tâm hiện năng nhiếp sở nhiếp vọng tướng dứt là, đã chuyển tâm, ý, ý thức thì tự tâm hiện ra năng thủ và sở thủ các vọng tướng liền đoạn. Cho nên lại nói: Như Lai tự giác thánh trí chẳng nên nơi kia lại khởi thấy có không. Nếu người tu thánh hạnh đối cảnh giới tự giác lìa pháp có không, mà khởi chấp có tánh tướng, tức là rơi vào ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Đây là nương văn trước là khởi chấp trước có tánh lại thêm một phen cạo gạt. Kinh Viên Giác nói: “Tâm ấy cho đến chúng cứu kính Như Lai rõ biết Niết-bàn thanh tịnh đều là ngã tướng”. Lại nói: “Ngộ rồi vượt hơn tất cả chúng, thấy là nhân tướng”. Lại nói: “Liễu chúng liễu ngộ đều là ngã nhân, mà tướng ngã nhân chẳng kịp, còn có sở liễu gọi là chúng sanh tướng”. Lại nói: “Tâm chiếu thanh tịnh giác được sở liễu, tất cả nghiệp trí trọn không tự thấy vẫn như mạng căn”. Lại nói: “Như nước sôi làm tiêu

băng, không riêng có băng, biết băng tiêu vẫn còn ngã để giác ngã, cũng lại như thế”. Cho nên biết được tự giác thánh trí, lìa việc hai tự tánh (có, không) mà còn khởi hữu tánh vọng tưởng chấp trước, đều chẳng lìa bốn tướng này.

Đại Huệ! Nếu nói tánh kia tự tánh, tự tướng, cộng tướng, tất cả đều là Hóa Phật nói ra, chẳng phải Pháp Phật nói. Lại, các ngôn thuyết, thấy do ngu phu hy vọng kiến chấp mà sanh. Chẳng vì riêng dựng lập đến pháp tự tánh. Người được thánh trí tự giác tam-muội lạc trụ, mới phân biệt hiển bày.

Đây lại nói Như Lai có khi nói tánh, nói tướng, các thứ tự và tha, đều là Hóa Phật nói. Bởi vì ngu phu hy vọng có sở đắc, vì chỉ hóa thành, mà chẳng thật có kiến lập tiến đến pháp tự tánh. Vì người được thánh trí tự giác tam-muội lạc trụ phân biệt hiển bày. Nhật dụng của chúng sanh thật chẳng phải vô thường. Vì trừ chấp thường nói tướng vô thường, cho đến cũng phi vô lạc, ngã, tịnh. Vì trừ chấp lạc, ngã, tịnh nên nói tướng vô lạc, ngã, tịnh. Thánh trí tự giác cũng không đắc quả đắc thiền, vì thuận theo hy vọng nói quả tướng, nói thiền tướng. Nếu không hy vọng, ắt Như Lai trước sau chẳng nói. Cho nên biết hy vọng tình kiến muốn đoạt gấp trong lời Phật nói, mà thánh trí thâm hợp, phải mở đường tỏ ngộ ngoài lời nói. Như Lai vẫn có nói ra ở đây, mà chỉ thú lại ở kia. Đem chỗ này để rõ ngôn thuyết trọn chẳng đến, tức dùng dẫn dụ lìa lời nói tự đến. Trong nước chẳng phải mặt trăng, mà mặt trăng sáng hiện rõ ràng. Trong gương chẳng phải hình tượng, mà vạn tượng sum la đều lập. Chỗ chí lý chưa bày, mà thánh ý ẩn hiển vậy. Xem văn sau Hóa Phật nói ra, như bóng hình v.v... mới biết chỗ mê của ngu phu ngoại đạo, là chỗ thông của người trí, không có hai đường vậy.

Thí như trong nước có bóng cây hiện, nó chẳng phải bóng phi chẳng phải bóng, chẳng phải hình cây phi chẳng phải hình cây. Như thế, ngoại đạo do kiến tập huân, vọng tưởng chấp trước, y nơi tướng một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường mà không thể hiểu tự tâm hiện lượng. Ví như gương sáng tùy duyên hiển hiện tất cả sắc tượng, mà không vọng tưởng. Kia chẳng phải tượng phi chẳng phải tượng, mà thấy tượng, chẳng phải tượng. Ngu phu vọng tưởng mà khởi tướng là tượng. Như thế, ngoại đạo ác kiến nơi tự tâm tượng hiện, vọng tưởng chấp trước, y nơi kiến chấp một, khác, đồng, chẳng đồng, có,

không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường. Thí như gió và nước hòa hợp phát ra tiếng. Kia chẳng phải tánh, phi chẳng phải tánh. Như thế, ngoại đạo ác kiến vọng tưởng y nơi kiến chấp một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường. Ví như quả đất chỗ không có cỏ cây, do sức nắng nóng thấy như suối chảy, sóng dậy, mây tụ, kia chẳng phải tánh, phi chẳng phải tánh, vì tham và không tham. Như thế, ngu phu hư ngụy tập khí huân tập từ vô thủy, vọng tưởng chấp trước y nơi sanh trụ diệt, một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, duyên môn tự trụ sự, cũng như nắng nóng, sóng mồi. Ví như có người dùng chú thuật máy phát động, chẳng phải trong số chúng sanh, do quỷ Tì-xá-xà phương tiện hiệp thành, dao động, lãng xăng, phàm phu vọng tưởng chấp trước cho là có qua lại. Như thế ngoại đạo ác kiến hy vọng, y nơi kiến chấp một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, hí luận chấp trước, chẳng thật kiến lập. Đại Huệ! Thế nên muốn được việc tự giác thánh trí phải lìa sanh trụ diệt, một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường v.v... ác kiến vọng tưởng.

Đây nêu ra do Hóa Phật nói để chỉ quyền, thật gồm bày. Bởi do tự tâm hiện lượng không mình không người, tùy duyên cảm đến ứng vật hiện hình, mặc các hữu tình phân biệt thấy khác. Bóng cây trong nước chẳng thuộc có không. Gương sáng hiện hình vốn không tâm chiếu. Gió nước phát tiếng chẳng phải nhân chẳng phải duyên. Do sức nắng nóng thấy như suối chảy, sóng dậy, mây tụ, tham cùng không tham đều chẳng phải sanh diệt. Bởi chú thuật nên tử thi đi, máy động, tượng dậy, trọn không có sự thật, mà đi đến rõ ràng. Đây đều là tự tâm hiện ra chẳng phải chân chẳng phải vọng, chẳng kia chẳng đây, chẳng hòa chẳng hợp, chẳng giác chẳng tri. Như Lai lấy mộng huyễn trăng đá nước thuận theo căn dục kia, mà dùng toàn cơ đại dụng, ngộ đây tu hành. Ngu phu và ngoại đạo chẳng biết ở trong pháp thánh trí tự chứng, vọng khởi tà kiến, có kiến lập ra đều thành hí luận.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nói kệ rằng:

Huyễn, mộng, bóng cây nước

Tóc rủ, nắng mùa nóng

Như thế xem ba cõi
Cứu kính được giải thoát.

Bài kệ này nói các pháp trong ba cõi, không thể có không, thấy đều như việc
mộng huyễn v.v... Khởi quán như thế liền đó được giải thoát.

Ví như nai khát tưởng
Động chuyển tâm mê loạn
Nai tưởng cho là nước
Mà thật không có nước.
Như thế chúng tử thức
Động chuyển thấy cảnh giới
Người ngu vọng tưởng sanh
Như mắt nhắm bị che
Nơi sanh tử vô thủy
Chấp trước tánh nhiếp thọ
Như ngược chột tháo chột
Xả lìa tham nhiếp thọ.
Như huyễn chú máy động
Mây nổi mộng điện chớp
Quán thế được giải thoát
Hằng đoạn ba tương tục.
Nơi kia không người tạo
Ví như nắng trong không
Như thế biết các pháp
Tức là không chỗ biết.

Năm bài kệ này nói ba cõi như mộng huyễn vốn không sự thật. Do chúng tử
thức vọng thấy cảnh giới, như mắt bệnh thấy hoa đốm, làm cho hoa từ con mắt sanh,
chấp con mắt thấy hoa là tánh nhiếp thọ. Đây chính là căn bản sanh tử từ vô thủy,
vọng tâm phân biệt. Nếu hay tức cái phân biệt này biết là vọng phân biệt, như tháo
chột ra. Mới biết máy động, chú đứng dậy, mây nổi, mộng, điện chớp, ngay đó

không người, liền được xa lìa tam độc nhiếp thọ, mà không có người xa lìa. Nên nói dùng trí vô tác quán tất cả pháp, mà không phải cảnh giới giác tướng.

Ngôn giáo chỉ giả danh
Kia cũng không có tướng
Nơi kia khởi vọng tưởng
Ấm hành như tóc rử
Như vẽ, tóc rử, huyễn
Mộng, thành Càn-thát-bà
Vòng lửa, sóng nắng nóng
Không mà hiện chúng sanh.
Thường, vô thường, một, khác
Đồng, chẳng đồng cũng vậy,
Lỗi vô thủy tiếp nối
Kẻ ngu si vọng tưởng.
Gương sáng, nước trong, mắt.
Ma-ni diệu bảo châu
Trong ấy hiện các sắc
Mà thật không thể có
Tất cả tánh hiển hiện
Như vẽ sóng nắng nóng
Các thứ sắc hiện bày
Như mộng không thể có.

Năm bài kệ này nói Như Lai thuyết pháp cũng vì chúng sanh giả lập danh ngôn. Nhân kia phân biệt vọng kiến, nên bảo họ rằng: “Năm ấm các hành như tóc rử v.v... Ở trong cái vô sanh mà hiện việc sanh”. Cho đến bốn câu tà chấp cũng lại như thế, đều là hư vọng từ vô thủy. Kẻ ngu không biết vọng sanh phân biệt. Hai bài kệ sau, lại nói tất cả ngôn giáo đều tùy theo căn dục của chúng sanh có bày hiện ra mà chẳng phải pháp thật. Đây là chỗ gốc kẻ ngu nhân lời nói sanh hiểu biết. Như Lai dẫn đường từ quyền về thật, ý rất thâm thiết.

Lại nữa, Đại Huệ! Như Lai nói pháp lìa bốn câu như thế. Nghĩa là một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường. Lìa nơi có không kiến lập và phi báng phân biệt, kiết tập chân đế duyên khởi đạo, diệt, giải thoát. Như Lai nói pháp lấy đó làm đầu, chẳng phải tánh, chẳng phải Tự Tại thiên, chẳng phải vô nhân, chẳng phải vi trần, chẳng phải thời, chẳng phải tự tánh tương tục, mà vì nói pháp. Lại nữa, Đại Huệ! Vì sạch phiền não và sở tri chướng, ví như thương chủ dẫn đường thứ lớp dựng lập một trăm lẻ tám câu vô sở hữu, khéo phân biệt các thừa và tướng các địa.

Đây là tổng kết Như Lai nói pháp là lìa tứ cú có không phân biệt, để kiết tập chân đế. Chân đế là tự giác thánh trí đệ nhất nghĩa đế, đây chẳng phải tứ đế của Nhị thừa, mà có thể so sánh. Thấy tự giác đệ nhất chân đế, mới hay thâm đạt lý duyên khởi. Tùy thuận tu đạo chứng nơi tịch diệt mà được giải thoát. Đây là lý do cùng với luận của ngoại đạo nào là thắng tánh, tự tại v.v... khác vậy. Đoạn hai thứ chướng cũng tức là việc tu đạo chứng diệt. Song đều kiết tập nơi tự giác chân đế. Nên nói dựng lập một trăm lẻ tám câu ở vô sở hữu. Vô sở hữu tức chỉ chân đế, không tất cả kiến chấp hữu vô. Tức thế gian tức phi thế gian, tức xuất thế gian, tức phi xuất thế gian, câu ấy rõ ràng trong sáng, thuần nhất không tạp. Cho nên biết vô sở hữu, là kho tàng bí mật của Như Lai, trong sạch không nhơ. Được trụ đây rồi tự hay khéo phân biệt biết các tướng thừa, địa. Đây vẫn là thuận tánh khởi dụng, khéo dùng các phương tiện để tự trang nghiêm, mà chẳng phải riêng có. Như Lai thuyết pháp khắp vì các Bồ-tát thành tựu tự giác, như thương chủ dẫn đường, đến nơi Bảo sở, lại không có pháp thật.

6- CHỈ BỐN THỨ THIÊN ĐỀ HIỆN NHƯ LAI THANH TỊNH CHẲNG ĐỒNG NHỊ THỪA.

Lại nữa, Đại Huệ! Có bốn thứ thiên. Thế nào là bốn? Nghĩa là ngu phu sở hành thiên, quán sát nghĩa thiên, phan duyên như thiên, Như Lai thiên. Thế nào là ngu phu sở hành thiên? Nghĩa là Thanh văn, Duyên giác, ngoại đạo tu hành, quán tánh nhân vô ngã, tự tướng, cộng tướng, các lóng xương, vô thường, khổ, tướng bất tịnh, chấp trước làm đầu. Tướng như thế chẳng quán khác, trước sau chuyển tiền, tướng chẳng trừ diệt. Ấy gọi là ngu phu sở hành thiên.

Bốn thứ thiên, chỉ ngu phu sở hành thiên là chỗ tu của nhị thừa ngoại đạo. Quán sát thiên, duyên như thiên là hành tướng của các địa. Như Lai thiên là tướng cứu kính của tự giác thánh trí. Nhị thừa quán khổ, không, vô ngã, bất tịnh, tu tập tứ đế. Nghĩa là biết khổ, đoạn tập, tu đạo, chứng diệt. Đây là đối trị thế gian vô thường chấp là thường, vô lạc chấp là lạc, vô ngã chấp là ngã, bất tịnh chấp là tịnh. Tu quán vô ngã, quán thành tựu rồi, đến chỗ ái hết được Niết-bàn, mà pháp tướng trong ngoài trọn chẳng trừ diệt. Do chẳng biết pháp trong ngoài tự tâm hiện ra, cho là thật có chỗ diệt, thật có chỗ chứng. Đây tuy là chánh pháp mà đồng với ngoại đạo. Cho nên Thế Tôn của ta ở trên hội Niết-bàn, đặc biệt vì nhị thừa nói bốn thật đế. Gọi Bồ-tát Văn Thù nói: “Có khổ có đế có thật, có tập có đế có thật, có diệt có đế có thật, có đạo có đế có thật. Như Lai phi khổ phi đế là thật. Hư không phi khổ phi đế là thật. Phật tánh phi khổ phi đế là thật”. Đây nói khổ, là tướng vô thường, là tướng nên đoạn, ấy là chân đế. Tánh của Như Lai phi khổ phi vô thường, chẳng phải tướng nên đoạn, thế nên là thật. Nói là tập, hay khiến năm ấm hòa hợp mà sanh, cũng gọi là khổ, cũng gọi là vô thường, ấy là tướng nên đoạn. Tánh Như Lai chẳng phải tánh tập, chẳng phải là nhân ấm, chẳng phải là tướng nên đoạn, thế nên là thật. Nói là diệt, gọi là phiền não diệt, cũng có thường vô thường, là sở đắc của nhị thừa, gọi là vô thường. Sở đắc của chư Phật ấy gọi là thường, cũng gọi là chứng pháp, ấy là thật đế. Tánh của Như Lai chẳng gọi là diệt, mà hay diệt phiền não, chẳng phải có thường và vô thường, chẳng gọi là chứng biết mà thường trụ không biến, thế nên là thật. Đạo là hay đoạn phiền não, cũng có thường vô thường, là pháp nên tu, ấy gọi là thật đế. Như Lai chẳng phải đạo, mà hay đoạn phiền não, chẳng phải có thường và vô thường, chẳng phải pháp nên tu, thường trụ chẳng biến đổi, thế nên là thật. Lại nói: “Các ngoại đạo v.v... có khổ tập đế, không diệt đạo đế. Đối với cái chẳng phải diệt mà sanh tướng diệt, đối với cái chẳng phải đạo mà sanh tướng đạo, đối trong cái chẳng phải quả mà sanh tướng quả, đối trong chẳng phải nhân mà sanh tướng nhân. Bởi do nghĩa này nên kia không có một đạo thanh tịnh”. Kinh này nói: “Trước sau chuyển tiến, tướng chẳng trừ diệt”, chính chỉ có tướng nên đoạn, có tướng nên tu, pháp bị chứng biết. Nên nói chẳng phải quả mà sanh tướng quả, chẳng phải nhân mà sanh tướng nhân.

Thế nào là quán sát nghĩa thiên? Nghĩa là nhân vô ngã, tự tướng, cộng tướng và ngoại đạo tự, tha, đồng, không tánh rồi, quán pháp vô ngã, nghĩa tướng địa kia thứ lớp tăng tiến, ấy gọi là quán sát nghĩa thiên.

Đây là quán pháp vô ngã, mới vào duy thức. Bồ-tát chứng duy thức đạt tất cả pháp không, gọi là phần kiến đạo, ấy là Sơ địa. Do nghĩa tướng các địa ấy thứ lớp tăng tiến.

Thế nào là phan duyên như thiên? Nghĩa là vọng tưởng về hai vô ngã vẫn là vọng tưởng, chỗ như thật chẳng sanh vọng tưởng, ấy gọi là phan duyên như thiên.

Vào đất chân như thật tế, đã thấy pháp tướng hai vô ngã thanh tịnh, còn không hiện tiền. Nếu tướng này hiện tiền, vẫn gọi là vọng tưởng, chẳng gọi là như thật chứng biết.

Thế nào là Như Lai thiên? Nghĩa là vào đất Như Lai được tướng tự giác thánh trí, ba thứ lạc trụ, thành tựu việc bất khả tư nghì cho chúng sanh, ấy gọi là Như Lai thiên.

Ba thứ lạc trụ là nói ba tam-muội: Không tam-muội, vô tướng tam-muội, vô tác tam-muội. Không là đối hai mươi lăm cõi chẳng thấy có một pháp thật. Vô tác là đối hai mươi lăm cõi chẳng khởi nguyện cầu. Vô tướng là không có mười tướng: Sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, sanh tướng, trụ tướng, diệt tướng, nam tướng, nữ tướng. Thật tướng cũng có ba thứ vui: Một thọ vui, hai vắng lặng vui, ba giác tri vui. Như Lai thường trụ không có đổi dời, gọi là thật tướng.

Khi ấy Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nói kệ rằng:

Phàm phu sở hành thiên,
Quán sát tướng nghĩa thiên
Phan duyên như thật thiên,
Như Lai thanh tịnh thiên.
Thí như hình nhật nguyệt
Bát-đầu-ma, lặng sâu
Như hư không, lửa hết,
Người tu hành quán sát.
Như thế các thứ tướng

Ngoại đạo nói thông thiên
Cũng rơi vào Thanh văn
Và cảnh giới Duyên giác.
Bỏ lia tất cả kia
Tức là vô sở hữu
Chư Phật tất cả cõi
Dùng tay bắt tư nghì,
Một lúc rờ đánh kia
Tùy thuận vào tướng như.

Bát-đầu-ma dịch là hoa sen hồng. Hình nhật nguyệt, hoa sen hồng, tướng biển lặng sâu, hư không lửa hết đều là cảnh giới sai biệt của thiên định. Ngoại đạo, nhị thừa vì chấp trước nên thành tà kiến. Nếu tất cả bỏ lia, liền đó tự giác tức là chỗ vô sở hữu. Liên được chư Phật gia hộ tùy vào Như Lai địa chân như thật tướng.

7- CHỈ NHƯ LAI TẠNG TỰ TÁNH NIẾT-BÀN CHẲNG ĐỒNG NHỊ THỪA.

Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Vào Niết-bàn, nói những pháp gì gọi là Niết-bàn? Phật bảo Đại Huệ: Tất cả tự tánh, tập khí, tạng, ý, ý thức, kiến, tập chuyển biến gọi là Niết-bàn. Chư Phật và Niết-bàn của ta là cảnh giới tự tánh không sự.

Tự tánh tập khí tàng là thức thứ tám. Ý là thức thứ bảy. Ý thức là thức thứ sáu. Tức là tâm, ý, ý thức. Kiến tập chuyển biến, thức thứ tám là Như Lai tàng không có chuyển biến, bị chuyển biến chỉ là kiến và tập. Như Lai tàng bất giác vọng động khởi kiến phần, do đó nhân, pháp huân biến thành tập khí. Nếu hay phát minh thức tức là tánh, liền lìa kiến tập, ấy gọi là Niết-bàn. Niết-bàn gọi là tàng bí mật, như chữ y (o0o) ba điểm. Kinh Niết-bàn nói: “Pháp giải thoát cũng chẳng phải Niết-bàn, thân Như Lai cũng chẳng phải Niết-bàn, ma-ha Bát-nhã cũng chẳng phải Niết-bàn. Ba pháp mỗi thứ khác cũng chẳng phải Niết-bàn”. Đây là pháp thân Như Lai, trí tuệ, giải thoát viên mãn không thiếu, chẳng phải dọc chẳng phải ngang, nên gọi là tự tánh không sự. Lại nói: “Tu đại Niết-bàn thấy biết pháp giới, hiểu rõ thật tướng, không vô sở hữu, không có tướng hòa hợp hiểu biết”.

Lại nữa, Đại Huệ! Niết-bàn là cảnh giới thánh trí tự giác, lìa đoạn thường, vọng tưởng tánh, phi tánh. Thế nào là phi thường? Nghĩa là tự tướng, cộng tướng, vọng tưởng dứt nên phi thường. Thế nào là phi đoạn? Nghĩa là tất cả thánh quá khứ vị lai hiện tại được tự giác nên phi đoạn.

Kinh Niết-bàn nói: “Niết-bàn không nhân mà thể là quả. Vì có sao? Vì không sanh diệt, vì chẳng làm ra, vì chẳng phải hữu vi, vì là vô vi, vì thường chẳng đổi, vì không chỗ nơi, vì không thủy chung. Thiện nam tử! Nếu Niết-bàn có nhân thì không được gọi là Niết-bàn. Vì không nhân nên chẳng rơi vào thường, vì thể tự giác thánh trí nên chẳng rơi vào đoạn. Lại Niết-bàn vô ngã, mà có tám thứ tự tại gọi là đại ngã: Một là hay thị hiện một thân làm vi trần thân. Hai là hay thị hiện một trần thân đầy cả đại thiên giới. Ba hay dùng thân đầy cả đại thiên giới nhẹ nhàng bay trong không. Bốn hay làm một việc mà khiến chúng sanh mỗi mỗi xong xuôi, hoặc ở một cõi mà khiến cõi khác đều thấy. Năm hay sáu căn hỗ dụng. Sáu hay được tất cả pháp mà không sờ đấ. Bảy nói tự tại. Tám đầy khắp tất cả chỗ tự tại. Đây là cảnh giới đại bát Niết-bàn tự giác của ba đời Như Lai”.

Đại Huệ! Niết-bàn chẳng hoại chẳng tử. Nếu Niết-bàn tử, lại phải thọ sanh tương tục. Nếu hoại lẽ ung rơi vào tướng hữu vi. Thế nên, Niết-bàn lìa hoại, lìa tử. Vì thế nên là chỗ nương về của người tu hành.

Thế Tôn thường bảo Ca-diếp rằng: “Người không nên khởi nghĩ tưởng này, bảo Như Lai tánh là diệt tận. Ca-diếp! Diệt phiền não chẳng gọi là vật, vì hằng cứu kính thể nên gọi là thường”. Lại nói: “Thí như thánh vương nghỉ ở hậu cung, hoặc khi dạo chơi ở sau vườn, vua tuy chẳng ở trong các thể nữ, không thể nói thánh vương mạng chung. Như Lai cũng vậy, tuy không hiện trong cõi Diêm-phù-đề, vào trong Niết-bàn, mà chẳng gọi vô thường. Như Lai ra khỏi vô lượng phiền não vào nơi Niết-bàn an lạc, dạo vườn hoa giác, hoan hỉ thọ vui”. Lại nói: “Nay ta sẽ khiến tất cả chúng sanh và đem bốn bộ chúng con ta thấy đều an trú trong kho bí mật. Ta cũng an trú trong ấy vào nơi Niết-bàn” (Những đoạn này đều dẫn trong kinh Niết-bàn).

Lại nữa, Đại Huệ! Niết-bàn chẳng phải xả, chẳng phải đắc, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường, chẳng phải một nghĩa, chẳng phải nhiều nghĩa, ấy gọi là Niết-bàn.

Kinh Niết-bàn nói: “Giải thoát gọi là không có chỗ khác. Thí như có người chỉ ở trong cái nhà thanh tịnh thượng diệu, lại không có chỗ khác”. Phàm không có chỗ khác là chẳng phải xả vậy. Lại nói: “Giải thoát gọi là không thể thủ. Như trái a-ma-lặc người có thể nắm giữ, giải thoát không như vậy, không thể nắm giữ. Phàm không thể nắm giữ là chẳng phải đắc”. Lại nói: “Giải thoát gọi là đoạn tất cả pháp hữu vi, xuất sanh tất cả pháp vô lậu. Phàm đoạn hữu vi là chẳng phải thường, sanh vô lậu thì chẳng phải đoạn”. Lại nói: “Giải thoát gọi là không thể lường, thí như biển cả không thể tính lường. Lại giải thoát gọi là một vị, như sữa chỉ có một vị, giải thoát cũng vậy, chỉ có một vị. Phàm không thể lường thì chẳng phải một nghĩa, chỉ có một vị thì chẳng phải nhiều nghĩa”.

Đại Huệ! Niết-bàn của Thanh văn, Duyên giác là giác được tự tướng cộng tướng, cảnh giới chẳng tập cận, chẳng kiến điên đảo, vọng tưởng chẳng sanh những vị kia đối trong kia khởi tướng Niết-bàn.

Thanh văn, Duyên giác đối với bốn điên đảo khởi thấy chẳng điên đảo, tướng là Niết-bàn. Sao gọi là bốn điên đảo? Nghĩa là chẳng biết Như Lai thường lạc ngã tịnh, cho nên đối trong thường tướng vô thường, đối trong lạc sanh tướng khổ, đối trong ngã sanh tướng vô ngã, đối trong tịnh sanh tướng bất tịnh, ấy gọi là bốn đảo. Do bốn điên đảo cho là chẳng điên đảo, nên có tu tập đều là tác nhân, mà chẳng phải liễu nhân, nên không phải chân Niết-bàn.

Đại Huệ! Hai thứ tướng tự tánh. Thế nào là hai? Nghĩa là ngôn thuyết tự tánh tướng chấp trước, sự tự tánh tướng chấp trước. Ngôn thuyết tự tánh tướng chấp trước là, từ vô thủy ngôn thuyết hư ngụy tập khí chấp trước sanh. Sự tự tánh tướng chấp trước là, từ bất giác tự tâm hiện chùng ngăn sanh.

Ngôn thuyết tập khí chấp trước là, như áo màu trắng nói là trắng, áo màu đen nói là đen, cũng có cõi khác chẳng nói trắng đen. Cho nên biết đều là từ vô thủy truyền tập cho là quyết định trắng, quyết định đen. Sự tự tánh chấp trước là như sắc tâm v.v... sanh diệt hiện tiền, hoặc chấp có nhân hoặc chấp không nhân, đều do

chẳng biết tự tâm hiện ra vọng khởi tính xét. Hai tướng tự tánh này chính là sở do pháp chấp của phàm phu và ngoại đạo, nên nói lặp lại vậy.

8- CHỈ THẦN LỰC DỰNG LẬP CHẴNG RƠI VÀO CÓ KHÔNG.

Lại nữa, Đại Huệ! Như Lai dùng hai thứ thần lực kiến lập, đại Bồ-tát đánh lễ chư Phật nghe nhận hỏi nghĩa. Thế nào là hai thứ thần lực kiến lập? Nghĩa là thần lực trong tam-muội chánh thọ vì hiện tất cả thân mặt ngôn thuyết và thần lực tay quán đánh.

Đây là Như Lai kiến lập hai thứ thần lực, gia trì người tu hành trước sau hộ niệm, chẳng rơi vào lỗi tể. Trong thiền định hiện thân mặt ngôn thuyết, đây là Sơ địa trụ. Tay quán đánh là đầy đủ thập địa được quán đánh trao ngôi vị. Nếu không có hai thứ thần lực, quyết định chẳng thành tựu.

Đại Huệ! Đại Bồ-tát khi được Sơ địa Bồ-tát trụ thần lực Phật, nên nói nhập Bồ-tát đại thừa Chiếu minh tam-muội. Nhập tam-muội này rồi mười phương thế giới tất cả chư Phật dùng sức thần thông vì hiện tất cả thân mặt ngôn thuyết, như đại Bồ-tát Kim Cang Tạng và các Bồ-tát khác, tướng công đức như thế thành tựu đại Bồ-tát. Đại Huệ! Ấy gọi là Sơ địa Bồ-tát.

Chiếu minh tam-muội là, định Quang minh. Bồ-tát được nhập định này do trụ thần lực. Bồ-tát Kim Cang Tạng trên hội Hoa Nghiêm nương sức gia trì của Phật, cử một lệ nhiều vậy.

Đại Bồ-tát được Bồ-tát tam-muội chánh thọ thần lực, ở trăm ngàn kiếp chứa nhóm thiện căn được thành tựu tướng thứ lớp các địa đối trị và sở trị thông đạt cứu kính, đến Pháp vân địa trụ nơi cung điện Đại Liên hoa vi diệu, ngôi tòa sư tử báu Đại Liên hoa, đồng hàng đại Bồ-tát quyền thuộc vây quanh, các thứ báu anh lạc trang nghiêm thân, như huỳnh kim, chiêm-bạc, nhật nguyệt quang minh. Các bậc Tối thắng tử từ mười phương đến, đến ngôi trên tòa trong cung điện Đại Liên hoa mà quán đánh kia. Thí như Chuyển luân thánh vương Tự Tại và thái tử của trời Đế-thích quán đánh (rót nước trên đầu để truyền ngôi), ấy gọi là Bồ-tát tay quán đánh thần lực. Đại Huệ! Đây gọi là đại Bồ-tát hai thứ thần lực. Nếu đại Bồ-tát trụ hai thứ thần lực này, diện kiến chư Phật Như Lai. Nếu chẳng như thế thì không thể thấy.

Đây nương Sơ địa, kể đến các địa nhãn đến Thập địa quán đánh, đều là trụ thần lực của Phật.

Lại nữa, Đại Huệ! Đại Bồ-tát phàm có phân biệt hạnh các pháp tam-muội thần túc, những vị ấy tất cả đều trụ hai thứ thần lực của Như Lai. Đại Huệ! Nếu đại Bồ-tát lìa thần lực của Phật hay biện thuyết thì tất cả phàm phu cũng ưng biện thuyết. Vì có sao? Vì không trụ thần lực. Đại Huệ! Núi đá cây cối và các thứ nhạc khí thành quách cung điện, do sức oai thần của Như Lai khi nhập thành đều tự nhiên phát ra tiếng âm nhạc, huông là hữu tâm, mù điếc câm ngọng các khổ vô lượng đều được giải thoát. Như Lai có vô lượng thần lực như thế... làm lợi ích an lạc chúng sanh.

Nói phàm phu ắt không thể biện thuyết, thấy Bồ-tát có nhạo biện (nhạo thuyết biện tài) đều do trụ thần lực của Phật. Lại đề ra vô tình dẫn đến hữu tình thần lực rộng lớn bất khả tư nghì, song cũng là tự tâm hiện ra. Một thể tròn khắp các loài hàm thức do tình sanh trí cách.

Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Do nhân duyên gì Như Lai ứng cúng đấng chánh giác, đại Bồ-tát khi trụ tam-muội chánh thọ và khi thắng tiến địa quán đánh, Phật gia trì thần lực kia? Phật bảo Đại Huệ: Vì lìa ma nghiệp phiền não và chẳng rơi vào thiền Thanh văn địa, vì được Như Lai tự giác địa và vì tăng tiến pháp sở đắc. Thế nên, Như Lai ứng cúng đấng chánh giác gồm dùng thần lực kiến lập các vị đại Bồ-tát. Nếu không dùng thần lực kiến lập ắt rơi vào ngoại đạo ác kiến vọng tưởng và các Thanh văn chỗ hy vọng của chúng ma, không được Vô thượng Chánh đấng Chánh giác. Vì lẽ ấy, chư Phật Như Lai đều dùng thần lực nhiếp thọ chư đại Bồ-tát. Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nói kệ rằng:

Thần lực Nhân trung tôn
Đại nguyện thầy thanh tịnh
Tam-ma-đề quán đánh
Sơ địa và Thập địa.

Như Lai gia trì cho người tu hành trước sau quá đủ, mà ngu phu ngoại đạo không biết, tình chấp khó phá, trọn rơi vào đường tà, cũng nên lẫn nhau răn nhắc.

9- CHỈ CÁC PHÁP DUYÊN KHỞI ĐỀ HIỆN BÀY NGHĨA NHƯ LAI TẠNG PHI NHÂN DUYÊN.

Bấy giờ đại Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Phật nói duyên khởi tức là nói nhân duyên, chẳng tự nói đạo. Thế Tôn! Ngoại đạo cũng nói nhân duyên. Nghĩa là thắng, tự tại, thời, vi trần sanh, như thế các tánh sanh. Nhưng, Thế Tôn! Bảo là ngôn thuyết nhân duyên sanh các tánh, hữu gián tất-đàn và vô gián tất-đàn (pháp thí).

Mười hai nhân duyên từ vô minh khởi hành, vô minh là nhân, các hành là quả. Hành là nhân thức là quả, đây là nhân duyên sanh pháp. Ngoại đạo cũng nói từ nơi thắng tánh, tự tại, thời, vi trần v.v... là nhân sanh tất cả pháp, nên nghi tất-đàn vô gián. Gián là khác. Chẳng biết mười hai nhân duyên từ vô minh bất giác, chẳng phải tác giả sanh, cũng chẳng phải tự thể sanh, mà ngoại đạo vọng chấp là thắng tánh, nói là tác giả hay sanh các pháp. Chẳng biết kia mê tự thể, bèn lấy tự thể sở mê làm nhân các pháp, toàn thể đều là thức, thức tánh hư vọng cũng tức là không nhân.

Thế Tôn! Ngoại đạo cũng nói có, không là nhân có sanh, Thế Tôn cũng nói không nhân có sanh, sanh rồi diệt. Như Thế Tôn đã nói, vô minh duyên hành, cho đến lão tử. Đây là Thế Tôn nói không nhân chẳng phải nói có nhân. Thế Tôn kiến lập khởi nói như vậy: “Đây có nên kia có”, chẳng phải kiến lập thứ lớp sanh. Xét ngoại đạo nói là thắng, chẳng phải Như Lai. Vì có sao? Thế Tôn! Ngoại đạo nói nhân chẳng theo duyên sanh mà có chỗ sanh. Thế Tôn nói quán nhân có quả, quán quả có nhân, như thế nhân duyên tạp loạn, như thế lần lượt không cùng.

Ngoại đạo cho tác giả là sanh nhân, tức là vô nhân, bèn nghi Thế Tôn nói bất giác vọng khởi, khởi rồi lại diệt cũng là vô nhân. Đây có nên kia có, nghĩa là đây có vô minh nên kia có các hành, lại nghi Thế Tôn chẳng kiến lập sanh nhân thứ lớp mà khởi. Kia đây sanh nhau thì nhân duyên tạp loạn. Trái lại chẳng bằng ngoại đạo nói tác giả rất thắng. Chẳng biết thủy do bất giác dường như có sanh khởi, nhân thành ra quả, quả lại khởi nhân, đều do vọng kiến thật không có nghĩa sanh.

Phật bảo Đại Huệ: Ta không phải nói vô nhân và nói nhân duyên tạp loạn. Đây có nên kia có là năng nhiếp sở nhiếp phi tánh, giác tự tâm hiện lượng. Đại Huệ! Nếu chấp trước năng nhiếp sở nhiếp, không giác tự tâm hiện lượng, cảnh giới bên

ngoài là tánh phi tánh, kia có lỗi như thế, chớ chẳng phải ta nói duyên khởi. Ta thường nói rằng nhân duyên hòa hợp mà sanh các pháp chẳng phải vô nhân sanh.

Giác tự tâm hiện lượng mới biết năng thủ sở thủ đều do bất giác, vọng thấy có không, chẳng phải cảnh giới bên ngoài thật có tự tánh. Ngoại đạo chẳng giác tự tâm hiện ra mà đối với ngoại cảnh chấp tánh cùng phi tánh, vọng sanh chấp trước, do đó mà có lỗi. Đến như thế gian nhân duyên, đã có nghiệp nhân thì khó trốn khổ hệ. Tình mê chưa hết mà nói tất cả vô ngại ắt không thể được. Nên nói “Không ngã, không tạo tác, không người thọ mà nghiệp thiện ác trọn không mất”. Nói chẳng tự sanh mà chẳng phải chẳng sanh, chẳng phải vô nhân sanh.

Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Chẳng phải ngôn thuyết có tánh mà có tất cả tánh ư? Thế Tôn! Nếu không tánh thì ngôn thuyết chẳng sanh. Thế nên ngôn thuyết có tánh có tất cả tánh.

Đây nhân ngu phu và ngoại đạo y nơi danh tướng mà sanh vọng tưởng, cho là thật có các pháp. Nếu không có các pháp thì ngôn thuyết không có chỗ y khởi. Chẳng biết tất cả cảnh giới đều do tự tâm bất giác vọng hiện. Lại nhân vọng hiện mà sanh chấp thủ, vọng chấp danh tự. Đã có ngôn thuyết thấy đều thuộc về việc mê, không có nghĩa thật.

Phật bảo Đại Huệ: không tánh mà có ngôn thuyết, nghĩa là như sừng thỏ lông rùa v.v... Thế gian hiện ngôn thuyết. Đại Huệ! Phi tánh, chẳng phải phi tánh, chỉ có ngôn thuyết mà thôi. Như lời ông nói ngôn thuyết có tánh có tất cả tánh thì lý luận của ông ắt hoại.

Lông rùa sừng thỏ dụ không pháp mà có ngôn thuyết, để lệ cho tất cả pháp do bất giác mà vọng hiện. Ở nơi tự giác thánh trí cũng ví như sừng thỏ lông rùa, không mà có ngôn thuyết.

Đại Huệ! Chẳng phải tất cả cõi nước có ngôn thuyết. Ngôn thuyết là tạo tác vậy. Hoặc có cõi Phật nhìn xem mà hiển bày pháp, hoặc có cõi Phật làm ra hình tướng, hoặc có cõi nước nương mây, hoặc có cõi nước chớp mắt, hoặc cười, hoặc ngáp, hoặc tăng hắng, hoặc cõi nước suy nghĩ, hoặc dao động. Đại Huệ! Như thế giới Chiêm Thị và Hương Tích, cõi nước Phổ Hiền, Như Lai chỉ dùng nhìn xem khiến các Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn và các tam-muội thù thắng. Thế nên chẳng

phải ngôn thuyết có tánh (pháp) có tất cả tánh. Đại Huệ! Thấy ở thế giới này ruồi lằng trùng kiến các chúng sanh ấy không có ngôn thuyết mà mỗi loài đều làm việc xong xuôi.

Ngôn thuyết là tạo tác, nghĩa là do tâm tạo ra. Đã do tâm tạo thì ngôn thuyết và sở thuyết thấy duy tự tâm, cho đến tạo hình tướng, nhưng mà đều là tự tâm, đều không có thể của tất cả pháp. Điều không có thể của pháp mà mỗi pháp có hiển bày. Mỗi pháp có hiển bày, chỉ nêu bày tự tâm. Ở nơi ngu si là vọng chấp, ở nơi thánh trí là chỉ mê, đều hiển bày duy nhất tự tâm. Chẳng phải ngôn thuyết có tánh, có tất cả tánh. Ruồi lằng trùng kiến là nêu vật hiện tiền để thấy đều dùng để rõ ngôn thuyết vô tánh.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nên nói kệ rằng:

Như hư không sừng thỏ
Và cùng bàn đại tử (con thạch nữ)
Không, mà có ngôn thuyết
Như thế tánh vọng tưởng
Nhân duyên hòa hợp pháp
Phàm ngu khởi vọng tưởng
Không thể biết như thật
Luân hồi nhà tam giới.

Tất cả thế gian vốn không các pháp mà có ngôn thuyết đều do vọng chấp. Tất cả xuất thế cũng không các pháp mà có ngôn thuyết, chỉ vì phá trừ. Vọng chấp vốn rỗng thì phá trừ cũng chẳng thật, nên nói như hư không v.v... Phàm ngu chẳng biết các pháp tự tướng như thật, mà đối với nhân duyên hòa hợp kiến lập (chấp có) phi báng (chấp không), luống trái với pháp thể. Do vọng phân biệt tự nhận lưu chuyển, thật đáng thương thay!

10- CHỈ CÁC PHÁP THƯỜNG TRỤ NHƯ HUYỄN ĐỂ HIỂN NHƯ LAI TÀNG TỰ TÁNH VÔ SANH.

- HIỂN HOẶC LOẠN THƯỜNG.

Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Tiếng thường ấy là nói việc gì? Phật bảo Đại Huệ: Vì hoặc loạn, bởi hoặc loạn kia chư thánh cũng hiện mà

chẳng phải điên đảo. Đại Huệ! Như nắng mùa xuân, vòng lửa, tóc rử, thành Càn-thát-bà, huyễn, mộng, bóng trong gương, là thể gian điên đảo chẳng phải minh trí, song chẳng phải không hiện. Đại Huệ! Hoặc loạn kia có các thứ hiện. Chẳng phải hoặc loạn có vô thường. Vì có sao? Vì lìa tánh và phi tánh.

Tất cả các pháp thấy không tự tánh, như nắng mùa xuân, vòng lửa không thể có không, đây là lý do Như Lai nói thường. Chấp có không hoặc loạn là tướng điên đảo. Điên đảo có thể diệt còn pháp tánh thường trụ. Kinh Pháp Hoa nói:

Vô thượng Lương túc tôn
Biết pháp thường vô tánh
Phật chủng từ duyên khởi
Thế nên nói nhất thừa
Các pháp trụ pháp vị
Tướng thể gian thường trụ.

Kinh Niết-bàn cũng nói: “Ta cũng chẳng nói lục nhập trong ngoài và lục ý thức thường, chính ta tuyên nói diệt lục nhập trong ngoài, sanh ra sáu thức, gọi đó là thường. Phạm trong ngoài duy tâm thánh phạm đồng hiện. Hoặc loạn là do thức, mê ngộ phân chia. Nên nói phạm phu có hai thứ tướng: Một là thể lưu bố tướng, hai là trước tướng. Tất cả thánh nhân chỉ có thể lưu bố tướng (tướng phổ thông trong nhân gian), không có trước tướng (tướng chấp trước). Cho nên biết trước tướng nếu diệt thì lìa tánh có không, nắng mùa xuân, vòng lửa, pháp nhĩ thường vậy.

Đại Huệ! Thế nào là lìa hoặc loạn tánh (pháp) phi tánh (không pháp)? Nghĩa là các thứ cảnh giới của tất cả ngu phu. Như nước sông Hằng kia ngạ quỷ thấy và chẳng thấy, không có tánh hoặc loạn thì hiện nơi kẻ khác, chẳng phải nó không tánh. Hoặc loạn như thế, các thánh lìa điên đảo và chẳng điên đảo. Thế nên hoặc loạn thường, vì tướng tướng chẳng hoại. Đại Huệ! Chẳng phải các thứ tướng hoặc loạn, tướng vọng tướng hoại, thế nên hoặc loạn thường.

Một nước sông Hằng mà ngạ quỷ chẳng thấy, không thể nói có; các chúng sanh khác thấy thì không thể nói không. Không tánh có không mà chẳng phải không nước. Nên nói chẳng hoại tướng thể gian, mà thành pháp xuất thế. Tất cả pháp do vọng tướng phân biệt, mà pháp không có phân biệt. Pháp không có phân biệt, ấy gọi

là thường trụ. Điên đảo thuộc pháp phàm phu, chẳng điên đảo thuộc pháp nhị thừa. Điên đảo cùng chẳng điên đảo đều là phân biệt, chẳng phải pháp thật tướng. Cho nên các thánh đều lìa.

Đại Huệ! Thế nào hoặc loạn là chân thật? Nếu là nhân duyên thì chư thánh đối với hoặc loạn này chẳng khởi giác điên đảo và giác chẳng phải chẳng điên đảo. Đại Huệ! Trừ ngoài chư thánh, đối với hoặc loạn này có ít phần tướng là chẳng phải tướng của thánh trí sự. Đại Huệ! Phàm có đó là ngu phu vọng thuyết, chẳng phải thánh ngôn thuyết.

Đây lại nói việc thánh trí, đối với pháp hoặc loạn không có ít phần tướng. Phàm phu ngoại đạo đối trên pháp như huyễn vô thường chấp là thường, cho đến vô ngã lạc tịnh mà chấp là ngã lạc tịnh. Đây là việc làm điên đảo của phàm phu ngoại đạo. Nhị thừa ở trên pháp như huyễn, thường chấp là vô thường cho đến ngã, lạc, tịnh mà chấp là vô ngã, vô lạc, bất tịnh. Đây là nhị thừa đối trị phàm phu ngoại đạo mà tự cho là chẳng điên đảo. Không biết điên đảo cùng chẳng điên đảo đều là bị giác tướng chuyển, mà đối với tự tướng chân thật của hoặc loạn chẳng được tương ưng. Cho nên biết có ít phần tướng tức không thể vào việc thánh trí.

- CHỈ HOẶC LOẠN KHỞI HAI THỨ TÁNH ĐỂ HIỆN BÀY CHÂN NHƯ BÌNH ĐẲNG.

+ CHỈ HOẶC LOẠN KHỞI HAI CHỦNG TÁNH.

Hoặc loạn kia có vọng tưởng đảo và chẳng đảo, khởi hai thứ chủng tánh. Nghĩa là thánh chủng tánh và ngu phu chủng tánh. Thánh chủng tánh là ba thứ phân biệt. Nghĩa là Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Phật thừa. Thế nào là ngu phu vọng tưởng khởi Thanh văn thừa chủng tánh? Nghĩa là chấp trước tự tướng cộng tướng khởi Thanh văn thừa chủng tánh, ấy gọi là vọng tưởng khởi Thanh văn thừa chủng tánh. Đại Huệ! Tức hoặc loạn vọng tưởng kia khởi Duyên giác thừa chủng tánh. Nghĩa là tức nơi hoặc loạn kia tự tướng cộng tướng chẳng thân chấp trước, khởi Duyên giác thừa chủng tánh. Thế nào người trí tức nơi hoặc loạn kia khởi Phật thừa chủng tánh? Nghĩa là giác tự tâm hiện lượng, ngoại tánh phi tánh, chẳng có tướng vọng tưởng, khởi Phật thừa chủng tánh, ấy gọi là tức hoặc loạn kia khởi Phật thừa chủng tánh. Lại các thứ sự tánh, phàm phu lầm tưởng khởi ngu phu chủng tánh.

Đây tức nơi hoặc loạn hiển bày khởi hai chủng tánh, để rõ pháp hoặc loạn vốn tự bình đẳng, chỉ hay lìa các phân biệt liền gọi là chân như. Chấp trước tự tướng cộng tướng là, Thanh văn quán âm giới nhập là không, khởi tướng vô ngã, chứng nhân vô ngã, mà tự tướng cộng tướng chẳng diệt, nên không được pháp vô ngã. Tự tướng cộng tướng chẳng thân chấp trước là, Duyên-giác đối với tự tướng cộng tướng chấp nơi duyên khởi, chẳng ưa chỗ ồn náo, mà đối với pháp ngã vẫn chưa liền quên. Tức hoặc loạn kia khởi Phật thừa chủng tánh là, tức nơi hoặc loạn mà tức phi hoặc loạn, liền đó tướng hết, tức là như như Phật. Đây là giác tự tâm hiện lượng, thấy tất cả pháp không có pháp thể, nên vọng tướng chẳng sanh. Tất cả phàm phu ngoại đạo chấp các thứ sự vật hiện tiền cho là thật có, ấy là ngu phu chủng tánh. Nên nói chẳng phải thường tướng là thường, chẳng phải lạc, ngã, tịnh, khởi tướng lạc, ngã, tịnh.

+ CHỈ LÀ VỌNG BÌNH ĐẲNG CHÂN NHƯ.

Kia chẳng phải có sự chẳng phải không sự, ấy gọi là nghĩa chủng tánh. Đại Huệ! Tức hoặc loạn kia chẳng vọng tướng. Chư thánh đối với tâm, ý, ý thức lỗi tập khí tự tánh, pháp chuyển biến tánh, ấy gọi là như. Thế nên nói như lìa tâm, ta nói câu này hiển bày lìa tướng, tức nói lìa tất cả tướng.

Nương trước đối với pháp hoặc loạn khởi ra các chủng tánh, pháp hoặc loạn kia chẳng phải có sự thật, chẳng phải không sự thật, do y vọng tướng mà có phân biệt. Các bậc thánh trí quán hoặc loạn kia lìa các phân biệt, chỉ hay chuyển tâm, ý, ý thức tất cả vọng tướng tập khí, trở về gốc tự tánh. Được thấy pháp tánh gọi là chân như, nên nói “như lìa tâm”. Lìa tất cả tâm phân biệt, chân như pháp tánh tự nhiên hiển bày. Câu này là chân như pháp tánh. Chân như pháp tánh hiển bày pháp môn lìa phân biệt, lìa tất cả phân biệt lại không có nghĩa nào khác. Cho nên biết tất cả hoặc loạn, pháp chẳng phải phân biệt, tất cả vọng tướng, tánh chẳng phải phân biệt. Thấy do bất giác bên trong khởi vọng tâm, bên ngoài thấy vọng pháp, trong ngoài hoặc loạn đều không có sự thật. Chỉ ở trong mê cũng chẳng phải không sự.

- CHỈ HOẶC LOẠN KHÔNG PHÁP.

+ CHỈ HOẶC LOẠN KHÔNG PHÁP NHƯ HUYỀN.

Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Hoặc loạn là có hay là không? Phật bảo Đại Huệ: Như huyễn không có tướng chấp trước. Nếu hoặc loạn có tướng chấp trước thì tánh chấp trước không thể diệt. Duyên khởi nên như ngoại đạo nói nhân duyên sanh pháp.

Đây hỏi pháp hoặc loạn là có hay không là, nhân chấp ở trước nói nghĩa hoặc loạn là thường. Chẳng biết nói thường là diệt lục nhập trong và ngoài sanh ra lục thức gọi là thường. Chẳng phải thật có pháp thường. Trong ngoài sanh ra sáu thức đã diệt thì pháp không có tự tánh, không thể có hay không, nói nó như huyễn thì tướng chấp trước không có chỗ nương để sanh. Nếu như huyễn vẫn có tướng chấp trước thì pháp chấp trước ắt không thể diệt, như ngoại đạo nói. Ngoại đạo đối mười hai nhân duyên chấp từ nhân sanh. Đây do chẳng biết tự tâm hiện ra vọng thấy thật có vậy.

Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Nếu hoặc loạn như huyễn, lại sẽ cùng các hoặc khác làm nhân? Phật bảo Đại Huệ: Chẳng phải huyễn làm nhân cho hoặc, vì chẳng khởi lỗi. Đại Huệ! Huyền chẳng khởi lỗi, vì không có vọng tưởng. Đại Huệ! Huyền là từ minh chú sanh, chẳng phải từ lỗi vọng tưởng chỗ tập khí sanh. Thế nên chẳng khởi lỗi. Đại Huệ! Đây là ngu phu tâm hoặc chấp trước, chẳng phải thánh hiền.

Hoặc loạn như huyễn lại sẽ cùng các hoặc khác làm nhân là, pháp hoặc loạn này tuy là như huyễn, nếu người vẫn ở đây khởi vọng chấp, thì huyễn không thể dừng hoặc, lại sẽ vì hoặc làm nhân. Đây là đề phòng người bác không, chẳng thể thâm đạt như huyễn, ắt mê tình chưa hết, trước tướng vẫn còn, mượn miệng nói không hoa, trở lại thành điên đảo. Chẳng biết ở Tây Vực huyễn pháp từ minh chú mà sanh khởi. Dụ pháp như huyễn từ tự tâm bất giác vọng có hiện ra, không có chủ, không có giác biết. Nên nói “huyễn chẳng khởi lỗi, không có vọng tưởng”. Chẳng phải từ lỗi vọng tưởng chỗ tập khí sanh là, vọng tưởng do chẳng đạt tự tâm hiện ra, tất cả các pháp thấy đồng huyễn khởi, tùy thuận tập khí vọng chấp có không, bèn là lỗi lầm. Đạt pháp như huyễn vọng chấp liền dừng, nên nói huyễn chẳng phải là nhân của hoặc. Mê sanh hoặc loạn, ngộ đồng huyễn hóa, tâm vọng tưởng không còn chỗ gá, tức cấu tạo nhân duyên rỗng vậy. Thánh hiền xưa nay thật không có hai chỉ thú.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Thánh chẳng thấy hoặc loạn

Khoảng giữa cũng không thật
Khoảng giữa nếu chân thật
Hoặc loạn tức chân thật.
Lìa bỏ tất cả hoặc
Nếu có tướng sanh đó
Ấy cũng là hoặc loạn
Không sạch ví như che.

Thánh chẳng thấy hoặc loạn là, hoặc loạn tức chân thật. Không thể ở khoảng giữa hoặc loạn lại có cái chẳng hoặc loạn cho là chân thật. Cho nên nói: “Trong khoảng giữa nếu chân thật, hoặc loạn tức chân thật”. Biết vọng tức chân, liền lìa tướng, kiến trong ngoài. Đây giác tự tâm hiện đến vô sở hữu, ví như lưu ly không có các che ngại. Bồ-tát trụ Cửu địa thấy pháp có tánh, vẫn nói “chẳng thấy Phật tánh”. Nghĩa là thấy Phật tánh thì chẳng còn thấy tất cả pháp có tánh. Kinh Niết-bàn nói: “Đại Bồ-tát thật không có chỗ thấy”. Không có chỗ thấy, tức vô sở hữu. Vô sở hữu tức tất cả pháp, nên nói “hoặc loạn tức chân thật”.

+ LẠI CHỈ NHƯ HUYỄN KHÔNG LỖI.

Lại nữa, Đại Huệ! Nếu chẳng phải huyền thì không có gì tương tự, thấy tất cả pháp như huyền. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Vì các thứ huyền tướng chấp trước nên nói tất cả pháp như huyền? Hay vì tướng khác chấp trước? Nếu vì các thứ huyền tướng chấp trước nên nói tất cả tánh như huyền thì, Thế Tôn, có tánh chẳng như huyền. Vì có sao? Nghĩa là các thứ tướng sắc chẳng phải nhân. Thế Tôn! Không có nhân các thứ tướng sắc hiện như huyền. Thế Tôn! Thế nên không có các thứ huyền tướng chấp trước tương tự tánh như huyền.

Tất cả pháp không có chủ, không có giác tri, nếu không phải huyền thì không lấy gì để làm dụ được. Cho nên, Thế Tôn nói lặp lại đó, mà chẳng phải do các thứ chấp trước tướng nói như huyền. Nếu do các thứ chấp trước tướng nói như huyền thì, sắc tướng hiện tiền chẳng do chấp trước mà vẫn hiện ra. “Có tánh chẳng như huyền”, bèn chẳng phải không nhân. Bởi muốn hiển bày tất cả pháp do mê tự tâm nên chẳng đồng với nhân tướng tác giả. Cho nên nói: “Không có nhân các thứ tướng hiện như huyền”. Lại rốt sau nói: “Không các thứ huyền tướng chấp trước tương tự tánh như

huyền”. Thế là, Thế Tôn nói tất cả pháp như huyền chỉ thú tự rõ ràng. Cho nên biết ngoại đạo nhân khác thấy do chẳng biết sắc tướng hiện tiền đều tự tâm hiện. Các tánh có không đều không thể được. Tất cả pháp chẳng sanh, tất cả pháp như huyền. Đây là yếu chỉ bí mật của Như Lai, Đại Huệ thâm nhận pháp yếu mà dùng như huyền chẳng phải tướng chấp trước, gọi là thẳng bày pháp tánh vậy.

Phật bảo Đại Huệ: Chẳng phải các thứ huyền tướng tương tự tất cả pháp như huyền. Đại Huệ! Song các pháp chẳng thật chóng diệt như điện, ấy là như huyền. Đại Huệ! Thí như điện chớp hiện trong khoảng sát-na, hiện rồi liền diệt, chẳng phải như cảnh giới ngu phu hiện. Như thế, quán sát tất cả tánh tự vọng tướng tự tướng cộng tướng không tánh chẳng hiện, do chấp trước sắc tướng.

Đây nói chẳng phải nhân chấp trước các tướng mà nói tất cả pháp như huyền. Nghĩa là tất cả pháp chóng diệt như điện, nên nói như huyền. Tất cả các pháp như làn chớp hiện, không thể nói có hay không. Kẻ ngu chẳng đạt thật tướng các pháp vọng khởi phân biệt, cho là thật có tự tướng cộng tướng hiện, mà chẳng biết vọng hiện phi tánh. Chỉ do chấp trước sắc tướng liền đó vô sanh. Ngang dọc xoay quanh đều không chỗ dùng.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Chẳng huyền không có thí
Thuyết pháp tánh như huyền
Chẳng thật chóng như điện
Thế nên nói như huyền.

Pháp không tự tánh chính khi sanh mà chẳng sanh, chẳng sanh nói không, sanh mà không sanh, nên nói như huyền. Đây là người được pháp thật tướng bày hiện.

- CHỈ THẲNG VÔ SANH NHƯ HUYỄN KHIẾN LÀ HY VỌNG.

Đại Huệ lại bạch Phật: Như Thế Tôn đã nói tất cả tánh vô sanh và như huyền, đâu chẳng phải Thế Tôn trước sau nói ra tự trái nhau ư? Vì nói vô sanh tánh như huyền.

Tất cả pháp chẳng sanh, tất cả pháp như huyền, đây là yếu chỉ chính khi sanh mà chẳng sanh. Vì tánh mà không tự tánh nên nói vô sanh, là vô mà chẳng phải vô.

Như hoa đốm trong hư không nên nói như huyễn, là có mà chẳng phải có. Bí mật của Như Lai chẳng phải chỗ trí hiểu đến. Lời nạn trước sau trái nhau, bởi muốn nói rõ ý này vậy.

Phật bảo Đại Huệ: Chẳng phải ta nói tánh vô sanh như huyễn, có lỗi trước sau trái nhau. Vì có sao? Vì sanh mà vô sanh. Giác tự tâm hiện lượng, có mà chẳng phải có. Ngoại tánh mà chẳng phải tánh thì lý vô sanh hiện. Đại Huệ! Chẳng phải ta nói có lỗi trước sau trái nhau. Song vì phá ngoại đạo chấp nhân sanh, nên ta nói tất cả tánh vô sanh. Đại Huệ! Ngoại đạo quá si muốn khiến cái có và không là có sanh, chẳng phải duyên tự vọng tưởng các thứ chấp trước. Đại Huệ! Ta chẳng phải có và không là có sanh, thế nên ta dùng thuyết vô sanh mà nói.

Sanh mà chẳng sanh, đây là yếu chỉ quyết định của Như Lai. Vì người giác tự tâm hiện lượng nói bí mật này. Vì tự tâm hiện ra, nên chẳng phải không tánh. Vì hiện chỉ nơi tự tâm nên chẳng phải có tánh. Vì tất cả ngoại tánh chẳng phải tánh thì vô sanh hiện tiền. Nói có nhân sanh, nói không nhân sanh đều tự vọng tưởng chấp trước vậy.

Đại Huệ! Nói có tánh đó, vì nhiếp thọ sanh tử, vì hoại kiến chấp không và kiến chấp đoạn, vì đệ tử ta nhiếp thọ các thứ nghiệp có chỗ thọ sanh, dùng tánh âm thanh nói để nhiếp thọ sanh tử.

Chữ tánh là pháp vậy. Phật nói có pháp đó, vì khiến đệ tử biết cái nhân sanh tử nhiếp thọ, vì phá chấp đoạn kiến vô nhân vậy. Kinh Niết-bàn nói: “Hành nghiệp của chúng sanh chẳng thường chẳng đoạn mà được quả báo. Tuy niệm niệm diệt mà không thể mất. Tuy không có người làm mà có tạo nghiệp. Tuy không người thọ mà có quả báo. Người thọ tuy diệt mà quả chẳng hư mất. Không có nghĩ biết, hòa hợp mà có. Tất cả chúng sanh tuy cùng mười hai nhân duyên cùng đi mà chẳng thấy biết. Vì chẳng thấy biết nên không có trước sau. Đây là lý do Phật nói tánh nhân duyên. Âm thanh là danh, cú. Nghĩa là có pháp nhiếp thọ, cũng không mà có ngôn thuyết. Bởi căn chỉ hành nghiệp kia nhân nơi mê, giác thì liền đó tánh lìa. Kinh Niết-bàn vì chúng sanh mà nói, chẳng phải vì người giác. Đây không thể cùng người chưa hết mê tình mà nói.

Đại Huệ! Nói huyễn tánh và tướng tự tánh là vì lìa tánh và tướng tự tánh, rơi vào ác kiến của ngu phu hy vọng tướng, chẳng biết tự tâm hiện lượng, hoại nhân sở tác sanh, duyên tự tánh tướng chấp trước. Nói huyễn mộng tự tánh tướng tất cả pháp, chẳng khiến ngu phu ác kiến hy vọng chấp trước tự và tha tất cả pháp. Chỗ thấy như thật làm ra luận bất chánh. Đại Huệ! Thấy chỗ như thật tất cả pháp ấy, là vượt ngoài tự tâm hiện lượng.

Huyễn không tự tánh chỉ tâm hiện ra. Hiện như mộng huyễn không thể vì tất cả pháp mà làm sanh nhân. Đây là lý do hoại kẻ ngu hy vọng chấp trước. Chỗ như thật, tức chỉ tự tâm hiện ra tất cả pháp như huyễn, chẳng rơi vào có không năng sở. Nên nói “thật tướng các pháp”. Chẳng thấy một pháp thì mới thấy thật tướng. Đây là giác cảnh giới tự tâm hiện lượng, chỉ chứng tương ưng.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Vô sanh tác phi tánh
Hữu tánh thuộc sanh tử
Quán sát như huyễn thấy
Nơi tướng chẳng vọng tưởng.

Tất cả các pháp không có tánh sanh, do vọng nên có tạo ra, liền chịu sanh tử. Sanh tử như huyễn mà do sự nhiếp trì của vọng tưởng, nên nói chẳng tự sanh, chẳng phải chẳng sanh. Vô sanh là duyên khởi, duyên khởi thì vô sanh. Người ngộ được chỗ này khả dĩ siêu nhiên tự được.

11- CHỈ LÀ LỜI NÓI ĐƯỢC NGHĨA, DỪNG NGOẠI ĐẠO KHÁC NGU PHU, CHỌN LỰA TÂM GIÁC DỤNG LẬP NIẾT BÀN.

- CHỈ LÀ LỜI NÓI, ĐƯỢC NGHĨA.

Lại nữa, Đại Huệ! Nên nói tướng danh, cú, hình, thân, đại Bồ-tát khéo quán danh, cú, hình, thân tùy vào danh cú hình thân chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Giác như thế rồi, giác cho tất cả chúng sanh. Đại Huệ! Danh thân đó, nghĩa là y sự lập danh ấy gọi là danh thân. Cú thân đó, nghĩa là cú có nghĩa thân, tự tánh quyết định cứu kính, ấy gọi là cú thân. Hình thân đó, nghĩa là hiện bày danh cú, ấy gọi là hình thân. Lại hình thân ấy, nghĩa là dài ngắn cao thấp. Lại cú thân ấy nghĩa là dấu vết như dấu vết voi ngựa người thú v.v... đi để dấu vết lại, được tên là

cú thân. Đại Huệ! Danh và hình đó, nghĩa là dùng danh nói bốn âm không sắc, nên nói là danh. Tự tướng hiện nên nói hình. Ấy gọi là danh cú hình thân. Nói tướng chừng ngần danh cú hình thân nên phải tu học.

Trước nói ngôn thuyết chẳng hiển bày đệ nhất nghĩa. Đây nói tùy vào nghĩa của cú hình thân chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nghĩa là chẳng phải ngôn thuyết là đệ nhất nghĩa, cũng chẳng phải sở thuyết là đệ nhất nghĩa. Chỗ đệ nhất nghĩa thánh trí lạc, do ngôn thuyết được vào. Cho nên biết ngôn thuyết được vào, tức là cú tự tánh quyết định cứu kính. Vào quyết định cứu kính thì ngôn thuyết sở thuyết chẳng đủ hiển bày. Song sở dĩ người đạt được chỗ này cũng do ngôn thuyết. Gọi đó là dùng chột tháo chột, nên phải khéo quán vậy. Y sự lập danh đó, như y nước đất nhân công làm ra đồ đựng tương gọi đó là khạp. Tự tánh quyết định cứu kính là như y câu “các pháp như huyễn” liền được các pháp quyết định không có tự tánh, được nghĩa cứu kính Như Lai tàng chân như. Chữ viết có dài ngắn, âm vận có cao thấp, nhân chữ được tên, gộp chữ thành câu, nên nói hiển bày danh cú. Dấu vết là, xem dấu vết biết có voi ngựa người thú đi, như xem câu mà được nghĩa. Bốn âm không sắc là, thọ tướng hành thức. Nhân tên thọ tướng hành thức mà biết bốn âm không sắc. Xem viết chắm dài ngắn âm vận cao thấp mà tự tướng của chữ hiện ra. Do danh cú hình thân mà vào nghĩa đệ nhất cứu kính. Nên nói chóng được Bồ-đề, tự giác và giác tha.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nên nói kệ rằng:

Danh thân cùng cú thân
Và hình thân sai biệt
Phàm phu, ngu chấp trước
Như voi mắc lầy sâu.

Kệ trách ngu ngoại chẳng biết lìa lời nói được nghĩa. Trở lại bị cảnh giới giác tướng chuyển, như voi mắc lầy rất đáng thương xót.

- NÊU CHỈ LUẬN ĐỀ RÕ NGHĨA CHẴNG Ở LỜI NÓI.

Lại nữa, Đại Huệ! Người thế trí đời sau do lìa một, khác, đồng, chẳng đồng, kiến, tướng là nghĩa thông thường của ta, đem hỏi người vô trí, kia liền đáp rằng: Đây chẳng phải hỏi đúng. Nghĩa là sắc v.v... thường, vô thường, là khác, chẳng khác,

như thế các hạnh Niết-bàn, tướng và sở tướng, cầu-na, sở cầu-na, tạo, sở tạo, kiến, sở kiến, trần và vi trần, tu cùng người tu, tướng so sánh lần lượt như thế. Những câu hỏi như thế mà hỏi, Phật nói là vô ký, chỉ luận chẳng phải chỗ hay hiểu của người si kia. Vì họ văn tuệ chẳng đủ vậy. Như Lai ứng cúng đấng chánh giác vì khiến họ lìa kinh sợ nên nói vô ký, chẳng vì nói ký (quyết định). Lại dùng luận kiến chấp của ngoại đạo mà chẳng vì nói.

Chỉ luận là một trong bốn luận, có hai nghĩa. Một là dùng luận vô ký của ngoại đạo, chẳng vì ký (quyết định) nói, vì người si không trí, vì lìa kinh sợ kia, vì dùng tà luận. Hai là dùng người căn chưa thuần thực, vì khiến lìa chấp trước, vì thâm khế hội không lời, vì thời tiết nhân duyên. Cho nên dù người trí đời sau, nếu đem lìa tứ cú của Như Lai, nghĩa thông thường mà hỏi người không trí, ắt có cái đáp chẳng chánh. Trái lại, họ dùng các tướng sắc v.v... năng sở lần lượt nhiều câu nạn vấn. Đây là Phật nói vô ký, nên dùng mà chẳng luận. Bởi người si kia không biết, vì văn tuệ chẳng đủ, dù vì nói quyết định ắt họ sanh kinh hãi. Bởi vì lìa tứ cú, nghĩa không rất sâu, chẳng phải chỗ thức nương được. Nếu rơi trong tứ cú lại thành hý luận, tăng trưởng tà kiến. Vì lẽ đó Như Lai răn người đời sau vậy. Sắc v.v... nghĩa là đối với các pháp âm giới nhập đã có thường, dị bốn câu. Các hạnh Niết-bàn, nghĩa là hạnh hay chứng Niết-bàn. Tướng sở tướng là năng tướng sở tướng. Y sở y là, năng y và sở y. Tạo sở tạo là, năng tạo sở tạo. Kiến sở kiến là, năng kiến sở kiến. Trần và vi trần là, khối đất và vi trần. Tu và người tu là, nhân ngã pháp ngã. Đây là lần lượt đối đãi, rộng, không có nghĩa thật, không thể ghi chép nên nói vô ký.

Đại Huệ! Ngoại đạo nói như thế này, mạng tức là thân, những lời luận vô ký như thế. Đại Huệ! các ngoại đạo ngu si kia đối với nhân, tác luận vô ký, chẳng phải chỗ ta nói. Đại Huệ! Chỗ ta nói là, lìa nhiếp sở nhiếp, vọng tưởng chẳng sanh. Tại sao dùng họ? Đại Huệ! Nếu người chấp trước nhiếp sở nhiếp thì không biết tự tâm hiện lượng, cho nên dùng họ. Đại Huệ! Như Lai ứng cúng đấng chánh giác dùng bốn thứ ký luận vì chúng sanh nói pháp. Đại Huệ! Chỉ ký luận là, ta thường nói ra vì người căn chưa thuần thực, chẳng vì người căn đã thuần thực.

Đây nói về sở do nói chỉ ký luận. Mạng là gốc sanh tử, cho nó là thân, thành nhân tạo tác. Đây là vô ký luận của ngoại đạo, chẳng phải Như Lai nói ra. Nghĩa là

Như Lai nói ra, lìa năng thủ sở thủ, vọng tưởng chẳng sanh, mà chẳng chỉ thẳng duy tâm đó, vì chấp trước có nhân tạo tác, chẳng biết tự tâm hiện ra nên dùng đó. Song chư Phật Như Lai dùng bốn thứ ký luận để dẫn đường cho chúng sanh. Chỉ ký luận đó, chẳng phải chỉ vì ngoại đạo, cũng vì người căn chưa thuần thực, thời tiết chưa đến, không thể thêm chấp danh ngôn kia. Thời tiết sắp đến, và lại muốn họ ngộ yếu chỉ ngoài lời nói, nên nói để ngăn cái sai kia, mà chẳng nói cái phải kia. Kinh Niết-bàn nói: “Như chim uyên ương kia theo con chim lân-đề cùng nhau dạo chơi không khi nào xa rời nhau. Như Lai nói pháp này là khổ, pháp kia là lạc, pháp nọ là thường, pháp khác là vô thường, pháp ấy là ngã, pháp đó là vô ngã, thời tiết nếu đến lý kia tự bày”.

Lại nữa, Đại Huệ! Tất cả pháp lìa làm ra nhân duyên chẳng sanh, không có tác giả nên tất cả pháp chẳng sanh. Đại Huệ! Vì sao tất cả tánh lìa tự tánh? Bởi khi tự giác quán thì tự cộng tánh tướng không thể được, nên nói tất cả pháp chẳng sanh. Vì sao tất cả pháp không thể đem lại, không thể đem đi? Bởi tự cộng tướng muốn đem lại thì không có chỗ lại, muốn đem đi thì không có chỗ đi. Thế nên tất cả pháp lìa đem đi đem lại. Đại Huệ! Vì sao tất cả pháp chẳng diệt? Vì tướng tánh và tự tánh không, tất cả pháp không thể được, nên tất cả pháp chẳng diệt? Đại Huệ! Vì sao tất cả pháp vô thường? Nghĩa là tướng khởi là tánh vô thường, thế nên nói tất cả pháp vô thường. Đại Huệ! Vì sao tất cả pháp thường? Nghĩa là tướng khởi là tánh vô sanh, hằng vô thường, nên nói tất cả pháp thường.

Đây chính nói về thuyết chỉ luận. Tất cả pháp chẳng sanh lìa năng sở, vì không có tác giả. Tất cả pháp không tự tánh, vì tự tướng cộng tướng không thể được. Tất cả pháp không đến đi, vì tự tướng cộng tướng đến không từ đâu, đi không chỗ đến. Tất cả pháp chẳng diệt, vì không có tánh tướng. Tất cả pháp vô thường, vì tướng khởi tánh vô thường. Tất cả pháp thường, vì khởi tức là chẳng khởi, vô thường tánh hằng thường. Rõ được sáu nghĩa này chỉ là vô sở hữu. Trừ vô sở hữu ra không cho có nói năng, cho nên nói chỉ luận. Dùng nó để chế phục các ngoại đạo, cũng dùng nó riêng chỉ huyền nghĩa. Chỗ sâu kín của Như Lai chỉ phải thầm khế hội.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Ký luận có bốn thứ:

Nhất hướng, phản cật vấn
Phân biệt và chỉ luận
Đề chế phục ngoại đạo
Hữu và phi hữu sanh
Sư tăng-khur, tỳ-xá
Tất cả thấy vô ký
Kia như thế hiển bày.
Chánh giác đã phân biệt
Tự tánh không thể được
Bởi vì lia ngôn thuyết
Nên nói lia tự tánh.

Nhất hướng là đáp thẳng. Phản cật là đáp bằng cách vấn nạn lại. Phân biệt là đáp rành rẽ. Chỉ luận là đáp bằng cách gác lại. Tăng-khur là chỉ Số luận lập ra hai mươi lăm minh đế. Tỳ-xá là chỉ cho Thắng luận lập ra sáu câu. Nhân cùng vô nhân không có nghĩa thật. Không thể vì nói, chỉ nói vô tánh.

- RIÊNG TỨ QUẢ, ĐỀ CHỈ RA CHÂN GIÁC.

+ HỎI BỐN QUẢ SAI BIỆT.

Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Cúi xin vì nói chư Tu-đà-hoàn và Tu-đà-hoàn thú thông tướng sai biệt. Nếu đại Bồ-tát khéo hiểu Tu-đà-hoàn thú sai biệt thông tướng và Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán tướng phương tiện, phân biệt biết rồi như thế như thế vì chúng sanh thuyết pháp. Nghĩa là tướng hai vô ngã và hai chương thanh tịnh, tướng qua các địa, cứu kính thông đạt, được cảnh giới cứu kính bất tư nghì của Như Lai, như ngọc ma-ni có các sắc, khéo hay làm lợi ích tất cả chúng sanh, dùng cảnh giới tất cả pháp, thân tài vô tận để nhiếp dưỡng tất cả.

Hỏi tướng bốn quả, muốn rõ bốn quả cùng giác địa chỗ chung và riêng, vì chúng sanh phân biệt hiển bày, khiến bỏ hai chương nhân và pháp, chúng hai vô ngã, vượt khỏi tướng các địa thông đạt Phật địa, cứu kính trang nghiêm được châu như ý, dùng vô sở hữu xoay lại độ thoát nhau. Cảnh giới tất cả pháp là, cảnh giới vô sở hữu.

+ LIỆT BÀY BA THỨ TU-ĐÀ-HOÀN.

Chỉ quả tướng tu-đà-hoàn.

Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, nay vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn, lành thay! Xin vâng nghe nhận. Phật bảo Đại Huệ: Có ba hạng Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hoàn sai biệt. Thế nào là ba? Nghĩa là hạ, trung, thượng. Hạ đó, tột bảy đời mới vào Niết-bàn. Trung đó, ba hoặc năm đời mới vào Niết-bàn. Thượng đó, tức đời kia liền vào Niết-bàn. Ba hạng này có ba kết: Hạ, trung và thượng. Thế nào là ba kết? Nghĩa là thân kiến, nghi, giới thủ. Ba kết ấy sai biệt, thăng tiến mãi lên được A-la-hán.

Tu dịch là vô lậu. Đà-hoàn dịch là tu tập. Nghĩa là tu tập vô lậu vậy. Lại Tu dịch là lưu. Đà-hoàn dịch là nghịch. Nghĩa là nghịch dòng sanh tử. Lại dịch là nhập. Nghĩa là vào dòng thánh. Hạ trung thượng chia hai hạng lợi và độn. Người độn căn còn bảy phen sanh lên cõi trời mới vào Niết-bàn. Hiện đời là chỉ cho người rất lợi căn. Ba hạng người này đoạn ba thứ kết. Bản dịch đời Đường không có ba chữ hạ trung thượng. Song đoạn kết cũng phân lợi và độn, nên nói ba kết sai biệt.

*** CHỈ TU-ĐÀ-HOÀN ĐOẠN KẾT SAI BIỆT.**

Đại Huệ! Thân kiến có hai thứ: Nghĩa là cầu sanh và vọng tưởng. Như duyên khởi vọng tưởng và tự tánh vọng tưởng vậy. Thí như y duyên khởi tự tánh, các thứ vọng tưởng tự tánh chấp trước sanh. Bởi kia chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải có không vì tướng vọng tưởng không thật. Kẻ ngu vọng tưởng các thứ vọng tưởng tự tánh tướng chấp trước, như khi nắng thấy sóng nắng, nai khát tưởng nước. Ấy là vọng tưởng thân kiến của Tu-đà-hoàn, kia do nhân vô ngã nhiếp thọ không tánh, đoạn trừ đã lâu xa, mà còn vô tri chấp trước.

Thân kiến có hai thứ. Nghĩa là cầu sanh và phân biệt. Vọng tưởng tức là phân biệt. Phân biệt thuộc kiến hoặc, tuy rộng nhiếp các pháp trong ngoài, cũng y ngữ uẩn vọng chấp có không. Như người huyễn do duyên mà khởi ra hình nam nữ các tướng co duỗi, sanh tất cả phân biệt của chúng sanh, mà thật chẳng có chẳng không, trọn không có sự thật, chỉ là tướng vọng tưởng. Như con nai khát nước vọng thấy có nước thật. Tu-đà-hoàn này dùng trí nhân vô ngã quán nhiếp thọ không tánh mà được trừ đoạn. Xét về Tu-đà-hoàn đoạn hai thứ phiền não, chẳng rơi vào ngoại đạo chấp có nhân tạo tác, vẫn y nơi trí nhân vô ngã diệt tánh nhiếp thọ, nên đối với pháp vô ngã chẳng có phần.

Đại Huệ! Câu sanh là, Tu-đà-hoàn thân kiến, vì thân tự tha v.v... Bốn âm không sắc tướng, vì sắc sanh tạo và sở tạo, vì tướng lẫn lượt làm nhân nhau, vì đại chủng và sắc chẳng nhóm họp. Tu-đà-hoàn quán loại có không chẳng hiện thì đoạn được thân kiến. Như thế thân kiến đoạn thì tham ắt chẳng sanh, ấy gọi là tướng thân kiến.

Câu sanh thuộc tư hoặc, Thanh văn phân tích ngũ uẩn không, nên được giải thoát. Nghĩa là thọ v.v... bốn uẩn không có sắc tướng. Sắc uẩn y tứ đại và tứ đại tạo sắc lẫn nhau hòa hợp, không có tự và tha, xa lìa tà kiến có không. Tướng tham chẳng sanh, cả hai thứ đoạn, ấy gọi là thân kiến đoạn.

Đại Huệ! Tướng nghi là, vì được pháp thiện kiến tướng, vì trước đoạn vọng tướng hai thứ thân kiến, nên nghi pháp chẳng sanh. Không đối với chỗ khác khởi kiến chấp là Đại sư, là tịnh là bất tịnh, ấy gọi là tướng nghi Tu-đà-hoàn đã đoạn.

Được pháp khéo thấy tướng là, thấy chân đế vậy. Lìa nhân có không, thấy được chân đế, ấy là chứng pháp thiện kiến. Thân kiến đã đoạn thì nghi ắt chẳng sanh. Nghi có ba thứ: Nghi pháp, nghi mình, nghi người. Chứng pháp thiện kiến thì không nghi pháp. Thân kiến đã đoạn thì không nghi mình. Chẳng nghi pháp chẳng nghi mình thì cũng chẳng nghi người. Nghĩa là nghi pháp nghi mình nghi người đoạn, nên chẳng đối chỗ khác khởi tướng Đại sư. Là tịnh chẳng tịnh, chính là lời nghi vậy.

Đại Huệ! Giới thủ ấy, tại sao Tu-đà-hoàn chẳng thủ giới? Nghĩa là vì khéo thấy tướng khổ ở chỗ thọ sanh, thế nên chẳng thủ. Đại Huệ! Thủ là, kẻ ngu quyết định nhận tập khổ hạnh, vì được các thứ vui nên cầu thọ sanh. Kia ắt chẳng thủ, trừ hồi hướng tự giác thù thắng, lìa vọng tướng, pháp tướng vô lậu hành phương tiện, thọ trì giới luật. Ấy gọi là Tu-đà-hoàn tướng giới thủ đoạn.

Cầu sanh chỗ vui mà giữ giới luật, ấy là giới thủ. Tu-đà-hoàn nếu có thọ trì đều vì tự giác thù thắng, hồi hướng vô lậu pháp hạnh, nên giới thủ đoạn.

Tu-đà-hoàn đoạn ba kết thì tham si chẳng sanh. Nếu Tu-đà-hoàn khởi nghĩ thế này: Các kết này ta chẳng thành tựu, liền có hai lỗi rơi vào thân kiến và các kết chẳng đoạn. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Thế Tôn nói nhiều thứ tham dục, kia vì sao đoạn tham? Phật bảo Đại Huệ: Yêu thích người nữ tham trước triền miên, các thứ phương tiện thân khẩu tạo ác nghiệp, thọ cái vui hiện tại gieo nhân khổ đời vị lai,

Tu-đà-hoàn thì chẳng sanh. Vì có sao? Vì được cái vui tam-muội chánh thọ. Thế nên kia đoạn, chẳng phải cái tham tiến đến Niết-bàn đoạn.

Kinh Kim Cang Bát-nhã nói: “Tu-đà-hoàn hay khởi nghĩ thế này: Ta được quả Tu-đà-hoàn chẳng? Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn không vậy. Vì có sao? Vì Tu-đà-hoàn gọi là nhập lưu, mà thật không có chỗ nhập ...” cho đến, nếu A-la-hán khởi nghĩ thế này: “Ta được đạo A-la-hán”, tức là chấp trước ngã nhân chúng sanh thọ giả. Thế nên có thể biết, khởi tưởng đoạn kết là rơi vào thân kiến và các kết chẳng đoạn. Tu-đà-hoàn chỉ đoạn dục tham. Còn tham Niết-bàn thì tứ quả chẳng đoạn. Tam-muội chánh thọ tức là chứng pháp thiện kiến sanh ra. Nghĩa là tam-muội chướng tham dục kia nên được hiện đoạn. Bởi tư hoặc Tu-đà-hoàn chưa hết.

+ CHỈ TƯỚNG QUẢ TU-ĐÀ-HÀM.

Đại Huệ! Thế nào là tướng Tu-đà-hàm? Nghĩa là chóng soi tướng sắc tướng vọng tưởng sanh, nên kiến, tướng chẳng sanh. Vì khéo thấy tướng thiên thú chóng đến đời này sạch mé khổ, được Niết-bàn. Thế nên gọi là Tu-đà-hàm.

Câu chóng soi tướng sắc tướng vọng tưởng sanh là, bậc Nhất lai này vì rõ sắc tướng sanh ra phân biệt, nên phân biệt chẳng sanh. Phân biệt này là chỉ tư hoặc, chẳng phải kiến hoặc. Khéo thấy thiên thú là, chứng pháp thiện kiến chỗ khởi thiên định. Kinh Đại Bát Niết-bàn nói: “Người Tu-đà-hàm buộc tâm tu đạo, vì đoạn tham dục, sân, si, kiêu mạn. Do tâm buộc này nên một phen qua lại rồi, tột bờ mé khổ mà vào Niết-bàn”.

+ CHỈ TƯỚNG QUẢ A-NA-HÀM.

Đại Huệ! Thế nào là A-na-hàm? Nghĩa là vì đối với sắc tướng tánh phi tánh quá khứ, hiện tại, vị lai sanh thấy lỗi lầm, khiến vọng tưởng chẳng sanh và vì kết đoạn, gọi là A-na-hàm.

A-na-hàm hay thấy sắc tướng ba đời khởi ra phân biệt lỗi lầm, sạch hết các phân biệt, hằng bỏ các kết. Cái phân biệt này cũng chỉ cho tư hoặc. A-na-hàm vào Niết-bàn có bảy hạng: Một, trung vào Niết-bàn. Nghĩa là xả dục giới chưa đến sắc giới ở giữa đó vào Niết-bàn. Trừ hiện tại vào Niết-bàn, trung vào Niết-bàn là lợi căn. Hai, hành vào Niết-bàn, có hai hạng: Một, tinh tấn không tự tại định; hai, giải đãi có

tự tại định. Xét đây chỉ riêng kiến phần lỗi lầm, mà chẳng nói thiên lạc, sẽ chỉ cho lợi căn tinh tấn...

+ CHỈ TƯỞNG QUẢ A-LA-HÁN.

Đại Huệ! A-la-hán là, đủ các thiên định tam-muội, giải thoát, lực minh, các thứ phiền não, khổ, vọng tưởng chẳng còn, gọi là A-la-hán.

A-la-hán tức là vô học. Do giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, năm phần pháp thân, được đến bờ kia, hằng đoạn sanh nhân trong ba đời, cũng đoạn ám thân trong tam giới. Nên nói ta sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, chẳng thọ thân sau.

+ RIÊNG A-LA-HÁN CHẴNG ĐỒNG SIÊU GIÁC.

Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Thế Tôn nói ba thứ A-la-hán. Ở đây nói đó là A-la-hán nào? Thế Tôn! Là được đạo tịch tĩnh nhất thừa, là đại Bồ-tát phương tiện thị hiện A-la-hán hay là Phật Hóa hóa ra? Phật bảo Đại Huệ: Là Thanh văn được đạo nhất thừa tịch tĩnh, chẳng phải hạng khác. Khác là, Bồ-tát hành hạnh Bồ-tát và Hóa Phật hóa ra, vì bản nguyện nên dùng phương tiện khéo léo, ở trong chúng thị hiện thọ sanh, vì trang nghiêm quyến thuộc của Phật. Đại Huệ! Ở trong chỗ vọng tưởng thuyết pháp các thứ. Nghĩa là được quả được thiên, thiên giả nhập thiên thì thấy xa lìa. Thị hiện được tự tâm hiện lượng, được quả tướng, nói là được quả. Lại nữa, Đại Huệ! Người muốn siêu thiên vô lượng vô sắc giới, phải lìa tướng tự tâm hiện lượng. Đại Huệ! Chánh định diệt thọ tưởng, vượt tự tâm hiện lượng thì chẳng phải. Vì có sao? Vì còn tâm lượng.

Trên nói A-la-hán, nghĩa là chỉ định tánh nhất thừa trong ba thừa, chẳng phải Bồ-tát thị hiện và Phật Hóa hóa ra. Bồ-tát và Phật Hóa là đối trong chúng sanh vọng tưởng có các thứ nói pháp là, được quả, được thiên. Trọn không có năng sở, vì chỉ tự tâm hiện lượng. Đây được quả tướng cùng định tánh chẳng đồng, vì nhiếp các người đồng sự dẫn tiến lên đại thừa. Thế nên, người muốn vượt khỏi tứ thiên ở thế gian và tứ vô lượng tâm, tứ vô tướng định, phải lìa tướng tự tâm hiện lượng.

Lại về định diệt thọ tưởng xuất thế gian cũng thuộc tâm lượng. Siêu tự tâm hiện lượng, chẳng phải như vậy. Văn sau nói, nếu giác thì được giải thoát, chính là chỉ ở đây vậy. Một mặt nói được tự tâm hiện lượng, một mặt nói lìa tự tâm hiện lượng. Được tức là nghĩa giác. Giác tức là lìa.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nên nói kệ rằng:

Các thiền tứ vô lượng
Vô sắc tam-ma-đề
Tất cả thọ tướng diệt
Tâm lượng kia không có.
Quả Tu-đà-bà-na
Vãng lai và bất hoàn
Cùng với A-la-hán
Những đây tâm hoặc loạn.
Thiền giả, thiền và duyên
Đoạn, tri, kiên chân đế
Đây là lượng vọng tưởng
Nếu giác được giải thoát.

Thiền giả và thiền, tức ở trên nói năng nhập và sở nhập. Đã có năng sở tức có cảnh giới sở duyên của thiền. Đoạn là đoạn tập. Tri là tri khổ. Do biết khổ đoạn tập nên thấy chân đế, chẳng lìa tâm lượng. Giác là giác tự tâm hiện lượng. Giác thì chóng lìa, lìa tâm hiện lượng mới thật chứng tâm hiện lượng.

- CHỌN LỰA GIÁC TÂM.

+ CHÁNH CHỈ QUÁN SÁT TƯỞNG GIÁC.

Lại nữa, Đại Huệ! Có hai thứ giác. Nghĩa là quán sát giác và vọng tưởng tướng nhiếp thọ kế trước kiến lập giác. Đại Huệ! Quán sát giác là, nếu giác tướng tánh tự tánh chọn lựa xa lìa bốn câu không thể được, ấy là quán sát giác. Đại Huệ! Bốn câu kia là, một, khác, đồng, chẳng đồng, có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thường, vô thường, ấy gọi là bốn câu. Đại Huệ! Lìa bốn câu này gọi là tất cả pháp. Đại Huệ! Bốn câu này quán sát tất cả pháp, nên phải tu học.

Tất cả chúng sanh chẳng được tự giác thánh trí, đều do chẳng rõ các pháp trước mắt duy tâm hiện ra, vọng sanh suy tính. Vừa có suy tính liền thuộc về bốn câu. Nếu hay quán sát tất cả pháp lìa bốn câu không thể được thì tự tâm vọng tưởng tùy đó mà hết, giác thể tự như. Thế là, động tịnh ra vào không nương không chủ, không có giác tri, đều là chiếu liễu, không có tự tha, chẳng cho an trí. Nên nói nếu giác

được giải thoát, ấy là quán sát giác nên phải tu học. Tướng tánh tự tánh chọn lựa là, đối thể tướng tất cả pháp chọn lựa rành rẽ, biết cái nào hư cái nào thật, chẳng bị cảnh trước mắt làm ngu, mới hay siêu việt chóng lìa.

+ CHỈ VỌNG TƯỚNG GIÁC TƯỚNG ĐỀ RÕ TỰ GIÁC THÁNH LẠC.

Đại Huệ! Thế nào là tướng vọng tưởng nhiếp thọ kế trước kiến lập giác? Nghĩa là tướng vọng tưởng nhiếp thọ chấp trước, như chất cứng, ướt, nóng, động là tướng vọng tưởng chẳng thật thuộc tứ đại chủng; tông, nhân, tướng, thí dụ chấp trước, chẳng thật dựng lập mà dựng lập, ấy gọi là vọng tưởng tướng nhiếp thọ kế trước kiến lập giác. Đây là tướng của hai thứ giác. Nếu đại Bồ-tát thành tựu hai tướng giác này thì tướng nhân pháp vô ngã được cứu kính, khéo biết phương tiện giác vô sở hữu. Quán sát hạnh địa liền được sơ địa vào cả trăm tam-muội, được sai biệt tam-muội, thấy cả trăm đức Phật và cả trăm Bồ-tát. Biết việc về trước về sau cả trăm kiếp, hào quang chiếu cả trăm cõi nước, biết tướng các địa trên, đại nguyện thù thắng, thần lực tự tại, được Pháp vân địa vào vị Quán đảnh, sẽ được Như Lai tự giác địa. Khéo buộc tâm nơi thập vô tận cú, làm thành thực chúng sanh, các thứ biến hóa trang nghiêm sáng suốt, được tự giác thánh lạc tam-muội chánh thọ.

Cứng ướt nóng động là chỉ cho tứ đại chủng. Nghĩa là y tứ đại chủng các tướng chẳng thật vọng tự bám giữ phân biệt dựng lập. Như y tướng đất lập lượng rằng: Đây là pháp thật có, lấy đó làm tông. Nhân nói: vì cứng chắc. Dụ nói: như kim cương. Đây là tướng chẳng thật phân biệt, vọng tự bám giữ phân biệt dựng lập. Nếu hay liễu đạt hai thứ giác tướng, biết chấp như thế là ngu phu ngoại đạo, biết như thế là ngã pháp vô sở hữu tự giác quán sát. Thế mới biết tất cả pháp trước mắt đều do tự tâm bất giác vọng hiện. Hiện duy tự tâm không có nhân tướng khác. Biết nó không có khác, thấy do bất giác. Trong bất giác không có tác giả, ấy là không người; ngoài bất giác không có nhân khác, ấy là không pháp. Hai thứ vô ngã này cứu kính như thế. Quán sát như thế thì phân biệt chóng dứt. Tự hay khéo biết phương tiện dùng giác tâm vô sở hữu hiểu rõ hạnh địa, liền vào Sơ địa, được trăm ngàn tam-muội sai biệt, mười phương ba đời vô biên cõi nước, một lúc chóng thấy chóng nhập, bản nguyện thần lực được tự tại vô ngại, trải qua các địa vượt lên Pháp vân địa ở vị Quán đảnh, đến cứu kính pháp thân của Như Lai tự giác. Y thập vô tận

thiện căn khắp hiện hóa thân xoay vần dạy bảo không có cùng tận, mà chẳng rời tự giác thánh trí, an trụ cảnh giới thắng lạc.

+ CHỈ RÕ TỨ ĐẠI TẠO SẮC VÀO QUÁN SÁT GIÁC.

Lại nữa, Đại Huệ! Đại Bồ-tát phải rõ tứ đại tạo sắc. Thế nào Bồ-tát hiểu rõ tứ đại tạo sắc? Đại Huệ! Đại Bồ-tát khởi giác thế này: Đối chân đế kia tứ đại chẳng sanh. Đối với kia tứ đại chẳng sanh, khởi quán sát như thế, quán sát rồi giác được danh, tướng, vọng tưởng, phần tề (phân biệt) là tự tâm hiện phần tề (phân biệt) vì tự tánh chẳng phải tánh, ấy gọi là tâm hiện vọng tưởng phần tề (phân biệt). Nghĩa là nơi tam giới quán tứ đại tạo sắc kia tánh nó lìa, sạch luôn bốn câu, lìa ngã và ngã sở, trụ như thật tướng tự tướng phần đoạn, thành trụ tự tướng vô sanh.

Đây dạy khéo nơi tứ đại tạo sắc vào quán sát giác. Tứ đại là, đất nước gió lửa. Tạo sắc là sắc hương vị xúc. Giác chân đế kia là, giác tứ đại chân đế. Sao gọi là tứ đại chân đế? Nghĩa là tứ đại không có tự tánh, do phân biệt mà thấy có. Phân biệt khi chưa khởi thì pháp tánh thường vắng lặng. Chính danh, tướng, phần tề (phân biệt) hiện tại ở trong tam giới đều là tướng tưởng phân biệt của tự tâm, mà pháp tánh này thường vắng lặng, chẳng do phân biệt mà có ra vào. Cho nên biết, tứ đại và tứ đại tạo sắc đều thanh tịnh không thừa. Lìa bốn câu là, lìa ngã và ngã sở, thường trụ trong pháp tự tướng như thật. Trụ trong pháp như thật dựng lập phần đoạn tự tướng (tự tướng từng đoạn từng phần), vô sanh pháp hiển liền nơi đây thành trụ.

Đại Huệ! Tứ đại chủng kia vì sao sanh tạo sắc? Nghĩa là do vọng tưởng thắm ướt đại chủng sanh thủy giới trong và ngoài, vọng tưởng kham năng đại chủng sanh hỏa giới trong và ngoài, vọng tưởng phiêu động đại chủng sanh phong giới trong ngoài, vọng tưởng cắt đứt sắc đại chủng sanh địa giới trong ngoài. Sắc cùng hư không đồng, chấp trước tà đế, năm ấm nhóm họp tứ đại tạo sắc sanh.

Tứ đại chủng từ vọng tưởng mà thành, sanh tứ đại trong ngoài. Nên nói vọng tưởng thắm ướt thành thủy đại chủng sanh thủy giới trong ngoài, địa hỏa phong cũng lại như thế. Bởi mê tự tâm nên có vọng tưởng sanh khởi, chẳng phải có nhân sanh, cũng chẳng phải không nhân, cũng chẳng phải cái khác làm nhân sanh. Ngoại đạo vọng chấp ngũ đại hay sanh mười một căn. Chẳng biết sắc và hư không từ vô thủy bất giác đồng thời liền hiện. Kinh Phật Đánh nói: “Biển giác tánh lắng tròn, tròn

lóng giác nguyên diệu, nguyên minh chiếu sanh sở, sở lập chiếu tánh vong, mê vọng có hư không, y không lập thế giới, tướng lóng thành cõi nước, tri giác làm chúng sanh”. Thế mà làm cho sắc, không đều hay làm nhân nên là tà đế.

Đại Huệ! Thức ấy vì ưa các thứ dấu vết (tướng) cảnh giới, các cõi tiếp nối. Đại Huệ! Địa v.v... tứ đại và tạo sắc v.v... Có tứ đại duyên và phi tứ đại kia duyên. Vì có sao? Nghĩa là tánh, hình, tướng, xứ, phương tiện làm ra, không tánh thì đại chúng chẳng sanh. Đại Huệ! Tánh, hình tướng xứ phương tiện làm ra hòa hợp sanh, chẳng phải vô hình. Thế nên tướng tứ đại tạo sắc ngoại đạo vọng tưởng chẳng phải pháp của ta.

Tiếp trên tứ đại vọng tưởng sanh khởi, đây lại đề ra tứ sanh các cõi, đều do bất giác vọng hiện, chẳng phải tứ đại kia hay làm sanh nhân. Thức tức là vọng tưởng. Tứ đại đã là nội thức biến hiện, mà thức tánh này lại ưa thấy các thứ sắc tướng, lại hay nơi các cõi tiếp nối. Thế thì biết sắc tướng trong ngoài ở trong tam giới đều do thức tưởng biến. Đã do thức tưởng tiếp nối thì chẳng phải tứ đại kia hay làm nhân sanh. Tứ đại từ vọng tưởng sanh, nên nói có tứ đại duyên. Tứ đại không thể lại làm sanh nhân nên nói phi tứ đại kia duyên. Và lại địa v.v... mỗi thứ có tự thể, mỗi thứ có hình tướng, mỗi thứ có phương vị, phương tiện làm ra tuy không có tự tánh mà chẳng phải không hình sắc. Hình sắc đâu thể làm nhân cho hình sắc, huống hay làm nhân cho vô sắc uẩn, đây là làm to vậy. Nên nói ngoại đạo vọng tưởng chẳng phải pháp của ta.

Lại nữa, Đại Huệ! sẽ nói tướng tự tánh các âm. Thế nào tướng tự tánh các âm? Nghĩa là ngũ âm. Thế nào là ngũ? Nghĩa là sắc thọ tướng hành thức. Bốn âm kia chẳng phải sắc là, thọ tướng hành thức. Đại Huệ! Sắc ấy, tứ đại và tạo sắc mỗi mỗi có tướng khác. Đại Huệ! Chẳng phải không sắc có số bốn, vì như hư không. Thí như hư không vượt ngoài số tướng, lìa nơi số mà vọng tưởng nói một hư không. Đại Huệ! Như thế âm vượt ngoài số tướng, lìa nơi số, lìa tánh và phi tánh, lìa tứ cú. Số tướng ấy, là ngu phu nói năng, chẳng phải là thánh hiền.

Lại phân biệt tự tánh năm âm để thấy tứ đại không thể sanh ngũ âm. Nghĩa là sắc âm từ tứ đại sanh, do sắc tạo ra, vẫn có số bốn mỗi thứ đều có tướng khác. Đến vô sắc âm không có số bốn, ví như hư không. Hư không kia lìa nơi số tướng, cũng

không có danh từ hư không, do vọng phân biệt cho là một hư không. Các âm cũng vậy, lia các số tướng, lia bốn câu có không, nên nói tứ đại hay sanh đó, vẫn là ngoại đạo tà kiến. Tức họ cho rằng sắc thọ tướng hành thức thật có tự tướng có thể được. Cũng là lời nói vọng chấp của ngu phu, chẳng phải chư thánh. Xét ở đây phân biệt tự tánh ngũ ấm, tuy thấy tứ đại không thể sanh ngũ ấm, nhưng cũng chỉ thẳng ngũ ấm lia các tướng, lia có không, tứ cú, ngay đó là vô sanh.

Đại Huệ! Bậc thánh thấy các thứ sắc tượng như huyễn, lia lập bày khác chẳng khác, lại như mộng, bóng, thân sĩ phu, vì lia khác và chẳng khác. Đại Huệ! Chỗ tiến đến của thánh trí đồng âm vọng tướng hiện, ấy gọi là tướng tự tánh các âm. Các ông phải nên trừ diệt, diệt rồi nói pháp tịch tĩnh, đoạn tất

cả kiến chấp của ngoại đạo về cõi Phật. Đại Huệ! Khi nói tịch tĩnh thấy pháp vô ngã được thanh tịnh và vào Bất động địa (Bát địa Bồ-tát). Vào Bất động địa rồi, được vô lượng tam-muội tự tại và được ý sanh thân, được như huyễn tam-muội, thông đạt cứu kính, thần lực tam minh tự tại, cứu hộ lợi ích tất cả chúng sanh, ví như quả đất chở nuôi chúng sanh. Đại Bồ-tát khắp giúp ích chúng sanh cũng lại như thế.

Năm ấm như huyễn lia khác chẳng khác, giác ngộ tự tướng như thật, ấy gọi là chỗ đến của thánh trí. Chẳng giác tự tướng vọng có phân biệt, ấy gọi là vọng tướng. Đồng năm ấm này mà mê giác phân chia. Nên nói chỗ đến của thánh trí đồng vọng tướng hiện, Phật bảo ông Kiều Trần Như rằng: “Sắc là vô thường, nhân diệt sắc ấy nhận được sắc giải thoát thường trụ. Thọ tướng hành thức cũng là vô thường, nhân diệt thức ấy, nhận được thức giải thoát thường trụ. Sắc tức là khổ, nhân diệt sắc khổ ấy, nhận được sắc giải thoát an lạc. Thọ tướng hành thức cũng lại như thế. Sắc tức là không, nhân diệt sắc không ấy, nhận được sắc giải thoát bất không. Thọ tướng hành thức cũng lại như thế. Sắc là vô ngã, nhân diệt sắc ấy, nhận được sắc giải thoát chân ngã. Thọ tướng hành thức cũng lại như thế”. Cho nên biết ở đây phải trừ diệt đó, tức là diệt năm ấm vô thường, khổ, không, vô ngã này. Diệt rồi nói đó, tức là nói năm ấm giải thoát thường trụ, giải thoát an lạc, giải thoát bất không, giải thoát chân ngã này. Nên nói pháp tịch tĩnh vậy. Phạm phu ngoại đạo tức sắc cho là ngã, ở trong pháp vô thường vô ngã vô tịnh vô lạc mà vọng thấy thường lạc ngã tịnh. Kẻ

ngu cho là lia sắc có ngã, vì đối trị phàm phu ngoại đạo, lại ở trong pháp thường lạc ngã tịnh vọng thấy vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh, đều là vọng tưởng. Diệt vọng tưởng này, lia sự lập bày bốn câu khác chẳng khác, ngay đó được tịch tĩnh. Thấy pháp vô ngã thanh tịnh không còn thừa, tức vào đệ bát Bất động địa. Thành tựu vô lượng tam-muội, được ý sanh thân, lực thông như huyền tự tại vô ngại, ví như quả đất khắp nuôi quần sanh. Bởi từ bất giác khởi lên vọng có phân biệt tức là hoặc loạn. Giác chỗ khởi phân biệt thấy do tự tâm, tất cả hoặc loạn như huyền như mộng, vốn tự như như, tức cái phân biệt này thành diệu quan sát. Nên nói phàm phu thấy hai, người trí liễu đạt tánh nó không hai.

- CHỈ KIẾN LẬP NIẾT-BÀN.

+ RIÊNG BÀY NIẾT-BÀN CỦA NGOẠI ĐẠO, NHỊ THỪA ĐỂ HIỆN NIẾT-BÀN CỦA NHƯ LAI.

Lại nữa, Đại Huệ! Các ngoại đạo có bốn thứ Niết-bàn. Thế nào là bốn? Nghĩa là tánh tự tánh phi tánh Niết-bàn, chủng chủng tướng tánh phi tánh Niết-bàn, tự tướng tự tánh phi tánh giác Niết-bàn, chư âm tự cộng tướng tương tục lưu chú đoạn Niết-bàn. Ấy gọi là bốn thứ Niết-bàn của các ngoại đạo, chẳng phải pháp của ta nói. Đại Huệ! Ta nói ra đó, là thức vọng tưởng diệt gọi là Niết-bàn.

Trước kể bốn thứ Niết-bàn để bài xích tà nhân tà quả. Nhiên hậu đề ra Niết-bàn trong chánh pháp của ta. Tánh tự tánh phi tánh Niết-bàn là, Số luận sư làm cho là Minh đế, từ minh sanh giác, từ giác sanh ngã tâm, cứu kính trở về Minh đế. Chủng chủng tướng tánh phi tánh Niết-bàn là, Minh luận sư chấp đại phạm, thời, phương, bản tế, hư không, ngã; bảy pháp là thường trụ hay sanh tất cả pháp, tất cả pháp thấy trở về thường trụ. Tự tướng tự tánh phi tánh giác Niết-bàn là, Thuận thế sư chấp tất cả pháp sắc, tâm v.v... đều do tứ đại cực vi làm nhân, tức trong tứ đại có cái rất tinh linh hay duyên là giác thể, dùng làm tâm pháp. Tất cả hữu tình vô tình tự tướng tự tánh đều có cực vi giác thể, nên nói chấp tất cả giác lấy làm Niết-bàn. Chư âm tự cộng tướng tương tục lưu chú đoạn Niết-bàn là, tương tục lưu chú tức là hành âm. Hành âm khi diệt nó lặng lẽ chẳng dao động, chẳng phải là thật tịch diệt như dòng nước thác, trông như lặng lẽ, nên nói: “Lặng nhập vào lặng, trở về bờ mé của thức”. Nhị thừa chẳng biết tự tâm hiện ra nơi tương tục diệt khởi tướng Niết-bàn,

thầy đều chẳng lìa thức. Niết-bàn của Như Lai là vọng tưởng thức diệt, tức là diệt thức phân biệt. Thức phân biệt này từ mê tự tâm bất giác mà khởi. Giác tự tâm hiện ra thì phân biệt chẳng sanh, đây tức là Niết-bàn. Tự giác là nhân, thức diệt là quả. Ở đây nói thức diệt là lấy quả để rõ nhân.

+ CHỈ VỌNG TƯỞNG THỨC DIỆT TỨC LÀ NIẾT-BÀN.

Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Chẳng dựng lập tám thức sao? Phật bảo: Dựng lập. Đại Huệ bạch Phật: Nếu dựng lập tại sao lìa ý thức chẳng phải lìa thất thức? Phật bảo Đại Huệ: Vì kia (thức 6 và 8) làm nhân và kia (6 và 8) phan duyên, thất thức chẳng sanh. Ý thức là, chấp trước cảnh giới phần đoạn sanh tập khí nuôi lớn nơi tàng thức. Ý(thức 7) đồng chấp trước ngã ngã sở, suy tư nhân duyên sanh, chẳng hoại thân tướng của tàng thức, nhân phan duyên cảnh giới tự tâm hiện ra rồi chấp trước, nhóm tâm liền sanh, lần lượt làm nhân nhau, thí như biển và sóng, gió cảnh giới của tự tâm hiện thời, hoặc sanh hoặc diệt cũng như thế. Thế nên, ý thức diệt thì thất thức cũng diệt.

Như Lai đã đáp dựng lập tám thức thức, mà Đại Huệ riêng nghi chẳng lìa thức thức thứ bảy ấy, là do mê Như Lai tàng toàn thể là thức, toàn thức tức tàng, nên thức thức tám không thể lìa. Song thức thức tám vọng khởi kiến phần thành cái chấp ngã của thức thức bảy, nghi nên đoạn trừ. Không biết rằng thức thức sáu cùng thức thức tám làm nhân, mà thức thức tám cùng thức thức sáu cũng làm duyên, thức thức bảy y đó khởi, không có tự thể tánh, để hiển bày ý thức là lỗi. Từ đây về sau phát minh hai nghĩa nhân duyên, để chứng thành thức thức bảy chẳng sanh, nên ý thức phải diệt. Ý thức góp cảnh giới ngoại trần vọng có phân biệt, dẫn phát tập khí, thêm mê tàng thức. Do đó ý thức thức bảy (thất thức ý) đồng thời chung khởi chấp ngã ngã sở, suy tư nhân duyên tương tục mà sanh, song thức thức bảy cùng tàng thức đồng một Như Lai tàng chẳng hoại chân tướng, mê chân mà khởi không có hai thể. Đây nói rõ thức thức sáu cùng thức thức tám làm nhân, nên thức thức bảy y đó mà khởi, không có tự thể tánh. Tàng thức làm nhân hiện ra sáu trần, cảnh giới của tự tâm. Thức thức sáu do đây phan duyên chấp trước khởi nhóm thất thức tâm. Đây nói rõ thức thức tám cùng thức thức sáu làm duyên, thức thức bảy y đó mà khởi không có tự thể tánh. Nhân duyên lần lượt lỗi tại ý thức. Như biển tâm, sóng ý, do thức thức sáu duyên cảnh giới tự tâm

hiện ra làm gió thổi, mà có sanh diệt. Thức thứ sáu nếu diệt thì tâm ý tự dừng. Như biển cả không gió thì cảnh tượng đáy được rỗng sáng vậy. Song thấy do mê tự tâm lượng nên kiến phần tướng phần theo đó mà sanh. Kiến chấp là ý duyên tướng sanh thức. Nếu giác tự tâm hiện lượng thì đối tất cả cảnh giới phân biệt chẳng sanh, kiến chấp theo đó liền hết, Như Lai tàng tâm liền đó tròn lặng. Song ở đây không nói giác tự tâm hiện lượng là Niết-bàn, vì Phật tánh là nhân, Niết-bàn là quả. Nhân ấy chẳng phải quả, gọi là Phật tánh, quả ấy chẳng phải nhân, gọi là Niết-bàn. Nay dùng quả để nói nên nói thức diệt.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng :

Ta chẳng tánh Niết-bàn
Làm ra cùng với tướng
Vọng tưởng, sở tri, thức
Đây diệt, ta Niết-bàn
Kia nhân, kia phan duyên
Ý tiến thấy thành thân
Cùng nhân ấy là tâm
Là sở y của thức.
Như dòng nước lớn cạn
Sóng mồi ắt chẳng nổi
Như thế ý thức diệt
Các thứ thức chẳng sanh.

Niết-bàn không có tánh cũng không có thủ xả, chỉ tự tâm hiện ra, chỗ giác tướng diệt, đây là Niết-bàn. Tuy thức thứ tám làm nhân cùng thức thứ sáu làm duyên, thức thứ bảy thân chuyển. Song kia hoại tướng đồng chuyển, cảnh giới sáu trần duy tâm hiện ra dường như có hiện tiền, làm chỗ nương của thức không có đoạn dứt, chẳng đạt được tự tâm thì sự phân biệt khó dừng. Như dòng nước lớn cạn, sóng mồi ắt chẳng nổi. Đây là nhằm vào thức diệt thì biển tâm tự như.

+ CÙNG TỌT VỌNG TƯỚNG SAI BIỆT ĐỀ HIỆN TRÍ, NHƯ, THÀNH THẬT, BIÊN QUẢ NIẾT-BÀN.

Lại nữa, Đại Huệ! Nay sẽ nói thông tướng vọng tướng tự tánh phân biệt. Nếu khéo phân biệt thông tướng vọng tướng tự tánh phân biệt thì ông và các đại Bồ-tát lìa vọng tướng đến tự giác thánh, khéo thấy thông thú (lối chung) của ngoại đạo, giác vọng tướng năng nhiếp sở nhiếp đoạn, duyên khởi các thứ tướng vọng tướng tự tánh hành, không còn khởi vọng tướng.

Trên nói thức vọng tướng đoạn liền gọi là Niết-bàn. Ở đây muốn Bồ-tát tột cùng vọng tướng sai biệt thẳng đó chóng lìa, đến tự giác thánh. Duyên khởi vốn không hai pháp, giác vọng cũng chẳng hai tâm. Cùng tột vọng không có nhân, ngộ giác chẳng phải riêng khác. Đến chỗ năng sở đoạn, mới biết cùng ngoại đạo đồng một duyên khởi. Nơi đi của vọng tướng tự tánh, là chỗ hiển bày của tự giác thánh trí.

Đại Huệ! Thế nào là thông tướng vọng tướng tự tánh phân biệt? Nghĩa là ngôn thuyết vọng tướng, sở thuyết sự vọng tướng, tướng vọng tướng, lợi vọng tướng, tự tánh vọng tướng, nhân vọng tướng, kiến vọng tướng, thành vọng tướng, sanh vọng tướng, bất sanh vọng tướng, tương tục vọng tướng, phược bất phược vọng tướng, ấy gọi là thông tướng vọng tướng tự tánh phân biệt. Đại Huệ! Thế nào là ngôn thuyết vọng tướng? Nghĩa là các thứ tiếng hay ca vịnh vui đẹp chấp trước, gọi là ngôn thuyết vọng tướng.

Đại Huệ! Thế nào là sở thuyết sự vọng tướng? Nghĩa là tự tánh của sự có nói ra là chỗ thánh trí biết, y nơi kia mà sanh ngôn thuyết vọng tướng, ấy gọi là sở thuyết sự vọng tướng.

Đại Huệ! Thế nào là tướng vọng tướng? Nghĩa là việc nói ra kia, như con nai khát nước tướng, các thứ chấp trước, rồi chấp trước. Như là tướng cứng, ướt, ấm, động tất cả tánh vọng tướng, ấy gọi là tướng vọng tướng.

Đại Huệ! Thế nào là lợi vọng tướng? Nghĩa là ưa các thứ vàng bạc trân bảo, ấy gọi là lợi vọng tướng.

Đại Huệ! Thế nào là tự tánh vọng tướng? Nghĩa là gìn giữ tự tánh này như thế chẳng đổi khác, ác kiến vọng tướng ấy gọi là tự tánh vọng tướng.

Đại Huệ! Thế nào là nhân vọng tướng? Nghĩa là hoặc nhân hoặc duyên phân biệt có không nên nhân tướng sanh, ấy gọi là nhân vọng tướng.

Đại Huệ! Thế nào là kiến vọng tưởng? Nghĩa là các thứ ác kiến có, không, một, khác, đồng, chẳng đồng là ngoại đạo vọng tưởng chấp trước vọng tưởng, ấy gọi là kiến vọng tưởng.

Đại Huệ! Thế nào là thành vọng tưởng? Nghĩa là tưởng ngã ngã sở tạo thành luận quyết định, ấy gọi là thành vọng tưởng.

Đại Huệ! Thế nào là sanh vọng tưởng? Nghĩa là duyên có tánh không tánh sanh chấp trước, ấy gọi là sanh vọng tưởng.

Đại Huệ! Thế nào là bất sanh vọng tưởng? Nghĩa là tất cả tánh vốn không sanh, không có chủng tử nhân duyên, thể sanh vô nhân, ấy gọi là bất sanh vọng tưởng.

Đại Huệ! Thế nào là tương tục vọng tưởng? Nghĩa là kia đồng tương tục, như kim với chỉ, ấy gọi là tương tục vọng tưởng.

Đại Huệ! Thế nào là phược bất phược vọng tưởng? Nghĩa là chấp trước nhân duyên phược cùng chẳng phược, như sĩ phu dùng phương tiện hoặc phược hoặc giải, ấy gọi là phược bất phược vọng tưởng.

Đây là thông tướng vọng tưởng tự tánh phân biệt, tất cả ngu phu chấp trước có không.

Tiếng hay ca vịnh gồm thanh vận và văn từ. Thanh vận có thanh có trọc, văn từ có nhã có tục, là chỗ nương khởi phân biệt.

Sự có nói ra là, lời nói nói ra sự lý. Là chỗ thánh trí biết, y kia mà sanh là, chỗ thánh trí hiển bày phải ngộ nhập không thể nhân ngón tay mà thấy mặt trăng thì, chỗ hiển bày biến thành cảnh giới giác tướng.

Việc nói ra kia như con nai khát nước tưởng là, như nghe nói đất mà khởi tưởng cứng, nghe nói nước khởi tưởng ướt, nghe nói lửa khởi tưởng nóng, nghe nói gió khởi tưởng động. Nghe nói ngũ uẩn mà cho là sắc, thọ, tưởng, hành, thức có pháp tướng chân thật, rồi chấp tức uẩn, ly uẩn khởi các thứ phân biệt, như con nai khát nước tưởng.

Lợi vọng tưởng là, y nơi vàng bạc trân bảo mà khởi đắm trước. Gìn giữ tự tánh này như thế chẳng đổi khác là, phân biệt tất cả pháp có thể tánh của nó rồi chấp giữ chẳng bỏ.

Hoặc nhân hoặc duyên phân biệt có không nên nhân tướng sanh là, đối với nhân duyên khởi phân biệt có nhân tướng hoặc không nhân tướng. Bảo rằng nhân này thì duyên này, nhân kia thì duyên kia; nhân kia không nhân này, nhân này không nhân kia; tất cả nhân tướng do phân biệt mà sanh.

Có, không, một, khác, đồng, chẳng đồng là, pháp tứ cú này là phân biệt tà kiến của ngoại đạo.

Tướng ngã và ngã sở tạo thành luận quyết định là, chấp ngã sở là pháp nhất định, như phân biệt tâm cảnh, tự tha hoặc căn thân và khí giới thành luận quyết định.

Duyên có tánh không tánh sanh là, tất cả pháp có không đều từ duyên sanh, duyên có thì có hiện, duyên không thì không hiện, không có nhân quả.

Tất cả tánh vốn không sanh, không có chủng tử nhân duyên thể sanh vô nhân là, tất cả pháp không có nhân sanh, chẳng do duyên khởi, như cò nhất định trắng, quạ nhất định đen, bỗng nhiên mà hiện, không có tánh nhân.

Kia đồng tương tục như kim với chỉ là, tất cả pháp do hòa hợp mà thành như không và sắc, như bình và đất nước, bởi lệ thuộc lẫn nhau mà thành tất cả pháp.

Chấp trước nhân duyên phược cùng chẳng phược, như sĩ phu dùng phương tiện, hoặc phược hoặc giải là, do năng phược mà có sở phược, phược hay giải là do ta, sức chấp phương tiện mà sanh phân biệt.

Mười hai thứ vọng tưởng sai biệt này, tất cả ngu phu nhân đó chấp trước có không. Tất cả người trí nhân đó liễu đạt trừ đoạn. Nên nói tự giác thánh trí khéo phân biệt cùng với ngoại đạo chung đường.

Đại Huệ! Chấp trước duyên khởi mà chấp trước, các thứ vọng tưởng chấp trước tự tánh, như huyễn thị hiện các thứ thân. Phạm phu vọng tưởng thấy các thứ khác với huyễn. Đại Huệ! Huyền cùng các thứ chẳng phải khác chẳng phải chẳng khác. Nếu khác thì huyễn chẳng phải các thứ nhân. Nếu chẳng khác thì huyễn cùng các thứ không sai biệt mà thấy sai biệt. Thế nên chẳng phải khác chẳng phải chẳng khác. Do đó, nên Đại Huệ! Ông và các vị đại Bồ-tát khác đối với duyên khởi vọng tưởng tự tánh như huyễn chớ chấp trước khác, chẳng khác, có, không.

Huyễn là dụ tất cả pháp duyên khởi. Huyền hiện các thứ phạm phu vọng thấy là, dụ duyên khởi mà chấp trước các thứ tánh tướng. Y nơi huyễn hiện các thứ thân,

như y nơi mộng có các việc trong mộng, kẻ ngu thấy cho là thật, bảo là khác với huyễn. Nếu khác với huyễn thì lý ứng huyễn không làm nhân tạo tác, mà thật nhân huyễn tạo tác, như việc trong mộng thật nhân nơi mộng. Nếu chẳng khác thì, huyễn cùng các thứ chẳng có sai biệt, mà thật khi hiện các thứ chẳng phải không có các thứ, như khi mộng hiện thật thấy có việc hiện. Cho nên biết, huyễn hiện các thứ chẳng phải khác chẳng phải chẳng khác. Duyên khởi như huyễn cùng với các thứ chấp trước pháp tướng cũng chẳng phải khác chẳng phải chẳng khác. Người giác tự tâm hiện chẳng nên ở nơi đây khởi tướng có, không, khác, chẳng khác. Đây là lý do Thế Tôn chỉ thẳng hiển bày.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nói kệ rằng:

Tâm cột nơi cảnh giới
Giác tướng trí tùy chuyển
Vô sở hữu và thắng
Bình đẳng trí tuệ sanh
Vọng tướng tự tánh có
Nơi duyên khởi ắt không
Vọng tướng hoặc nhiếp thọ
Duyên khởi phi vọng tướng.
Các thứ chi phân sanh
Như huyễn thì chẳng thành
Tướng kia có các thứ
Vọng tướng thì chẳng thành.

Đây nói mê duyên khởi tức là biến kế. Đạt duyên khởi tức là Viên thành. Duyên khởi như huyễn, chẳng phải người giác tự tâm thì không thể đạt. Chẳng giác tự tâm hiện ra, nơi cảnh hiện ra vọng chấp là có không. Nên nói tâm cột nơi cảnh giới thì giác tướng tùy chuyển. Vô sở hữu thắng xứ tức là giác cảnh giới tự tâm, biết tự tướng như thật, nên nói bình đẳng trí. Một bài kệ này đã tột chỉ thú, về sau để biết sâu về lý duyên khởi thật không có tự tánh. Nếu có chấp trước các thứ đều là vọng tướng. Cho nên nói vọng tướng tự tánh có, nơi duyên khởi ắt không. Song vọng tướng này ở trong mê hoặc dường như có nhiếp thọ. Nếu đạt được lý duyên khởi như

huyền mới biết vọng tưởng vốn chẳng phải tánh nhiếp thọ. Tánh chẳng phải nhiếp thọ tức là không vọng tưởng có thể được, song huyền hiện chi phần không thành sự thật, các thứ tướng cũng không cho phân biệt. Nên nói “vọng tưởng thì chẳng thành” đến đây phải tự tỉnh sáng vậy.

Tướng kia tức là lỗi
Đều từ tâm phược sanh
Vọng tưởng không sở tri
Nơi duyên khởi vọng tưởng.
Tánh các vọng tưởng này
Tức là duyên khởi kia
Vọng tưởng có các thứ
Nơi duyên khởi vọng tưởng.

Ở trên nói duyên khởi không tánh nên chi phần chẳng thành, các tướng vốn dối, vọng tưởng không chỗ gá. Đây lại nói, nếu thấy có tướng tức là có lỗi tâm bị phược. Đây bởi không biết vọng tưởng, nên nói duyên khởi như huyền khởi kiến chấp phân biệt. Song tánh phân biệt đã không có chỗ biết tức đồng với duyên khởi. Tướng tâm phược không có nhân, tướng mê hoặc của tâm cũng vậy. Nên nói tánh các vọng tưởng này, tức là duyên khởi kia. Phân biệt tuy có các thứ cũng như huyền các thứ hiện thấy đều không thể được.

Thế đế, đệ nhất nghĩa
Thứ ba vô nhân sanh
Vọng tưởng nói thế đế
Đoạn thì cảnh giới thánh.

Đây nói về thế đế và đệ nhất nghĩa đế, tại mê ngộ mà có chuyển biến, chớ không có nói riêng. Mê thì thánh trí đều đồng giác tướng. Ngộ thì phân biệt thấy là diệu quan sát trí. Thế đế là nhân mê, đệ nhất nghĩa đế thì nhân ngộ. Bỏ hai thứ mê ngộ này thì hai đế không có nhân. Không nhân mà vọng chấp, là không phải chỗ nói của thánh. Nên nói “thứ ba vô nhân sanh”. Như Lai đối với các pháp duyên khởi muốn người giác tự tâm hiện ra thì vọng chấp liền dừng, tức là cảnh giới đệ nhất

nghĩa. Thẳng đó đảm nhận không có thừa sót, chẳng phải đây thì kia, không cho nghĩ nghĩ.

Thí như việc tu hành
Nơi một, các thứ hiện
Nơi kia không các thứ
Tướng vọng tướng như thế.
Thí như các bệnh mắt
Vọng tướng các sắc hiện
Bệnh không sắc phi sắc
Duyên khởi chẳng giác vậy.
Thí như lọc vàng ròng
Xa lia các cặn bã
Hư không chẳng mây che
Vọng tướng sạch cũng thế.

Thiền quán hiện ra các thứ sắc tướng vốn là hư dối. Bệnh mắt thấy sắc không thể nói có không, để dụ không rõ duyên khởi vọng tướng các tướng sanh, pháp nhĩ như thế. Song duyên khởi vốn huyễn, vọng tướng chẳng phải ai khác. Cặn bã bắt giác nếu lìa thì vàng ròng hiện tiền. Mây che con mắt bệnh nếu sạch thì hư không như nhiên. Lại dụ vọng sạch chẳng riêng có chân.

Không có tánh vọng tướng
Và có duyên khởi kia
Kiến lập và phi báng
Thảy do vọng tướng hoại.
Vọng tướng nếu không tánh
Mà có tánh duyên khởi
Không tánh mà có tánh
Có tánh không tánh sanh.
Y nhân nơi vọng tướng
Mà được duyên khởi kia
Tướng, danh thường theo nhau

Mà sanh các vọng tưởng
Cứu kính chẳng thành tựu
Thì qua các vọng tưởng
Về sau trí thanh tịnh
Ấy gọi đệ nhất nghĩa.

Vọng tưởng duyên khởi thấy đều không thật, mà khởi chấp có không thường thấy do vọng tưởng hoại. Vọng tưởng không tánh người còn dễ biết, pháp duyên khởi hư dối rất khó liễu đạt. Cho nên thiết lập “vọng tưởng nếu không mà có duyên khởi” là, lìa vọng tưởng mà có duyên sanh, ấy là có pháp từ vô nhân sanh. Chẳng biết mê Như Lai tàng làm thành thức, vọng có thấy sanh rồi khởi ra tướng. Ý nơi tướng lập danh trở lại sanh phân biệt, như bó lau không có sự thật. Biết không sự thật thì liền đó được tròn sáng, ấy là đệ nhất nghĩa thanh tịnh không bị ngăn che. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Căn trần đồng nguồn, phược thoát không hai, thức tánh hư vọng ví như không hoa. Do trần phát biết, nhân căn có tướng, tướng kiến không tánh, đồng như bó lau”. Lại nói: “Thấy biết lập biết, là gốc vô minh, thấy biết không chấp, đây là Niết-bàn, vô lậu chân tịnh”. Làm sao ở trong đó lại cho có vật khác? Căn trần tức là pháp duyên khởi. Thức tánh vẫn là vọng tưởng. Luận Duy Thức nói: “Sắc tâm các pháp đều do nội thức biến dương như hiện tiền”. Nên biết duyên khởi vốn từ thức sanh, trở lại sanh thức. Thức tánh vốn đối, căn trần nương đâu mà lập? Thì tánh tri kiến kia thanh tịnh không thừa vậy.

Vọng tưởng có mười hai
Duyên khởi có sáu thứ
Tự giác biết sở tri
Kia không có sai biệt.
Năm pháp là chân thật
Tự tánh có ba thứ
Tu hành phân biệt đây
Chẳng ngoài nơi như như.

Nương trên nói vọng tướng thanh tịnh thành đệ nhất nghĩa. Cho nên ở đây nói người chứng tự giác thánh trí thấy rõ vọng tướng, duyên khởi, trí và sở tri, năm pháp, ba tánh đều không có sai biệt, hội quy về chân thật tự tướng như như.

Các tướng và duyên khởi
Kia gọi khởi vọng tướng
Các tướng vọng tướng kia
Từ duyên khởi kia sanh.
Giác tuệ khéo quán sát
Không duyên không vọng tướng
Thành rồi không có tánh
Thế nào vọng tướng giác?
Tự tánh vọng tướng kia
Dựng lập ba tự tánh
Vọng tướng các thứ hiện
Cảnh giới thánh thanh tịnh.
Vọng tướng như màu vẽ
Duyên khởi chấp vọng tướng
Nếu khác với vọng tướng
Là y luận ngoại đạo.
Vọng tướng nói tướng ra
Nhân thấy hòa hợp sanh
Người lìa hai vọng tướng
Như thế là được thành.

Năm bài kệ này qua lại nói vọng tướng tức là chánh trí, danh tướng tức là như như, duyên khởi tức là thành thật. Kẻ ngu phân biệt thấy hai, người trí liễu đạt tánh nó không hai. Y nơi duyên khởi vọng chấp danh tướng, duyên khởi như huyễn thì tướng chấp vốn rỗng. Các hư huyễn hết thì thành thật hiện tiền. Vì không riêng thật tánh, nên giác tướng (vọng) đâu còn, tánh vốn không hai do vọng kiến lập mà có. Kinh Niết-bàn nói: “Khi có trí tuệ thì không phiền não, khi có phiền não thì không trí tuệ”. Lại nói: “Nếu nói tất cả pháp vô ngã thì bí tạng của Như Lai cũng

không có ngã”. Phàm phu cho là hai, trí giả liễu đạt tánh nó không hai. Tánh không hai tức là thật tánh. Cho nên nói: “Vọng tưởng các thứ hiện, cảnh giới thánh thanh tịnh”. Mới biết thật tánh vô minh tức là Phật tánh. Ngộ vọng vốn chân chẳng lìa vọng mà có. Chỉ trừ vọng chấp, tánh chấp không vọng, lìa nó để tìm nơi khác tức là dị nhân (lối chấp nhân khác của ngoại đạo). Vọng tưởng như màu vẽ, duyên khởi chấp vọng tưởng là, nói duyên khởi vốn từ vọng tưởng mà hiện, lại chính nơi duyên khởi mà sanh phân biệt, như vẽ tướng địa ngục, tự vẽ rồi tự sợ, vẫn do vọng tưởng nói rồi lại tưởng ra. Năng hiện và sở hiện hiệp thành hai cái vọng. Biết vọng tức lìa, lìa vọng tức thật, không có hai mối.

D- Chỉ tự giác nhất thừa soi sáng các địa, khéo đoạn các lậu, viên mãn thân phật, chẳng rơi vào có không.

1- CHỈ TỰ GIÁC NHẤT THỪA.

- CHỈ TỰ GIÁC THÁNH TRÍ.

Đại Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Cúi mong vì nói tướng tự giác thánh trí và nhất thừa. Nếu tướng tự giác thánh trí và nhất thừa, con và các Bồ-tát khác rành tướng tự giác thánh trí và nhất thừa thì chẳng do nơi khác thông đạt Phật pháp. Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Thánh trước biết rõ trao truyền cho nhau, “vọng tưởng là không tánh”, đại Bồ-tát riêng ở chỗ vắng vẻ tự giác quán sát, chẳng do nơi khác lìa kiến chấp vọng tưởng, tiến thẳng lên trên vào Như Lai địa, ấy gọi là tướng tự giác thánh trí.

Đây đáp tự giác thánh trí mà nói thánh trước biết rõ trao truyền cho nhau “vọng tưởng là không tánh”! Cho nên biết, tất cả phàm phu không thể rõ thấu được giác tánh đều bị vọng tưởng kèm giữ, lần lượt phá trừ thì tướng tế lại sanh. Nếu biết không tánh thì tức vọng liền chân, chỗ giác tướng hết, chẳng do nơi khác mà ngộ, nên nói tự giác. Ngài Vĩnh Minh Giác nói: “Đồng một không tánh nên được hiện thành, tánh vọng vốn rỗng chúng sanh nguyên là Phật, chân tánh đã được, đâu phải nay mới thành”. Đây là nhằm vào căn bản trí vậy.

- CHỈ NHẤT THỪA.

Đại Huệ! Thế nào là tướng nhất thừa? Nghĩa là giác ngộ đạo nhất thừa nên ta nói nhất thừa. Thế nào là giác ngộ đạo nhất thừa? Nghĩa là chỗ năng nhiếp sở nhiếp vọng tướng như thật, chẳng sanh vọng tướng, ấy gọi là giác nhất thừa. Đại Huệ! Người giác ngộ nhất thừa, chẳng phải chỗ các hàng ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác, Phạm thiên vương v.v... có thể được, chỉ trừ Như Lai, do đó nên gọi là nhất thừa.

Chỗ năng nhiếp sở nhiếp vọng tướng như thật chẳng sanh vọng tướng là, cảnh giới vọng tướng của chúng sanh hiện tiền tức là trường đại tịch diệt của chư Phật Như Lai, chân tục không hai, bình đẳng một pháp giới không có sai biệt. Kinh Tối Thắng Vương nói: “Người tu hạnh bồ-đề đối với cảnh chư thánh, thể chẳng phải một khác, chẳng bỏ nơi tục, chẳng lìa nơi chân, y nơi pháp giới. Pháp giới là, tất cả chúng sanh là chân không thường trụ, tự tướng tự tánh bản tế như thật, chẳng sanh chẳng diệt, không có giác tri. Đây là chỗ đi của Như Lai, chẳng phải chỗ hiểu của phàm, chẳng phải chỗ biết của thánh”. Cho nên nói: “Chẳng phải chỗ các hàng ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác, Phạm thiên vương... có thể được”. Nên nói: “Cứu kính giác” vậy.

- CHỈ TAM THỪA TÙY CƠ.

Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Có sao nói tam thừa mà chẳng nói nhất thừa? Phật bảo Đại Huệ: Chẳng tự vào pháp Niết-bàn, nên chẳng nói nhất thừa với tất cả Thanh văn Duyên giác. Bởi tất cả Thanh văn Duyên giác, Như Lai điều phục trao cho phương tiện tịch tĩnh mà được giải thoát, chẳng phải tự sức mình, thế nên chẳng nói nhất thừa. Lại nữa, Đại Huệ! Vì phiền não chướng, nghiệp, tập khí chẳng đoạn nên không nói nhất thừa với tất cả Thanh văn, Duyên giác. Vì chẳng giác pháp vô ngã, chẳng lìa phần đoạn tử nên nói tam thừa.

Như Lai chẳng vì Thanh văn Duyên giác nói pháp nhất thừa. Bởi vì Thanh văn Duyên giác không thể lìa ngôn thuyết và sở thuyết được tự giác thánh trí, chẳng được pháp tự vào Niết-bàn. Tự vào Niết-bàn là tự tánh Niết-bàn. Sẵn có tự tánh vốn tự vắng lặng chẳng chịu sanh tử. Ở trong sanh tử mà chẳng bị pháp sanh tử chen vào, thường tự vắng lặng, ngay đó là như như. Tánh như như mà không thể tự giác cần nhờ duyên khởi. Gặp duyên thế gian liền khởi phân biệt, bám lấy thanh sắc tạo nhân

trong tam giới, chuốc quả luân hồi. Gặp duyên xuất thế liền khởi chán lìa, bám chặt vào thiền định, tạo nhân tứ đế mười hai nhân duyên, thành quả giải thoát. Song tự tánh như như chẳng phải luân hồi, chẳng lìa luân hồi, chẳng phải giải thoát, chẳng lìa giải thoát, chẳng phải hai bên này, cũng chẳng lìa hai bên. Như Lai thương xót các phàm phu đắm mê thế gian, cho thế gian là thường nên vì họ nói vô thường, cho thế gian là lạc nên vì họ nói khổ, cho thế gian là tịnh nên vì họ nói bất tịnh, cho thế gian là ngã nên vì họ nói vô ngã. Nhị thừa lấy đây để điều phục, được đạo giải thoát mà chẳng phải tự tánh giải thoát. Về phần khởi phiền não đã đoạn, còn tập phiền não chẳng đoạn, được nhân vô ngã, chẳng giác ngộ pháp vô ngã. Tập phiền não khởi từ vô minh bất giác nghiệp động, chẳng phải người giác tự tánh thì không thể xa lìa. Nghiệp tập chẳng đoạn thì chỉ là bất tri bất giác mà thôi. Thế Tôn thường nói: “Thanh văn Duyên giác còn không thấy chân tánh vô ngã, huống là chân tánh hữu ngã”. Đồng một chân tánh do vô ngã được vào, chẳng phải giác tự tánh, cho nên nói “chẳng thấy”. Chúng sanh phân biệt ta người là lỗi của bất giác, không dùng tức và lìa, nên nói “chỗ năng nhiếp sở nhiếp vọng tưởng như thật” thật khó mà gánh vác. Vừa sanh phân biệt liền rơi vào sở tri. Câu “chẳng lìa phần đoạn tử” theo bản dịch đời Ngụy thì “chưa được bất khả tư nghì biến dịch sanh”. Về phần đoạn nhị thừa đã lìa, còn biến dịch nhị thừa chưa đoạn. Mà nói bất khả tư nghì biến dịch sanh, chính chỉ tùy loại đối hiện thì nhị thừa không có phần.

- CHỈ NHẤT THỪA BÌNH ĐẲNG.

Đại Huệ! Những người kia đối tất cả khởi phiền não, lỗi tập khí đã đoạn và giác pháp vô ngã. Kia đối tất cả khởi phiền não, lỗi tập khí đoạn, đắm vị tam-muội lạc chẳng phải tánh, giác được vô lậu giới. Giác rồi, lại nhập xuất thế gian thượng thượng vô lậu giới, đầy đủ các thứ công đức sẽ được pháp thân Như Lai bất khả tư nghì tự tại.

Kinh Phật Đảnh nói: “Giác chẳng phải sở minh, nhân minh mà lập giác, sở đã vọng lập thì sanh vọng năng của ông”. Sở là chỉ cho tướng phần. Kinh Phật Đảnh nói sở trước cái năng thì biết tốt gốc pháp ngã, tập khí rất là tế nhị và kín đáo, chỗ này Bồ-tát đến Diệu giác mới hết. Khởi phiền não là nhân ngã. Nhị thừa tuy đoạn khởi phiền não, mà lỗi kiến phần tập khí chưa quên. Đây đồng nói đoạn là, chính khi

thời tiết đã đến, bỗng nhiên giác ngộ, chỗ tập khí đoạn thì pháp vô ngã tự nhiên sáng tỏ. Đắm vị tam-muội, đây là tập khí pháp ngã. Kia đối với chỗ chẳng phải chuyển mà sanh tướng chuyển, như người say kia thấy mặt trăng mặt trời thật không phải xoay vòng, mà sanh tướng xoay vòng. Cho nên dùng cái tướng vô thường, khổ, không, vô ngã, đắm vị tam-muội, đối với cái lưu chuyển kia được thế gian giải thoát, vào vô lậu giới. Nơi đây nếu giác ngộ thì đắm vị tam-muội cũng chẳng có tánh nhất định, tập khí liền đoạn, tất cả kiến chấp dứt, liền là xuất thế vô lậu, tánh bản giác liền hiện, pháp thân rõ ràng, chẳng phải bảo riêng có xuất thế vô lậu giới.

- TỤNG CHUNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nói kệ rằng:

Chư thiên và Phạm thừa

Thanh văn Duyên giác thừa

Chư Phật Như Lai thừa

Ta nói các thừa này

Cho đến có tâm chuyển

Các thừa phi cứu kính.

Nếu tâm kia diệt hết

Không thừa và người thừa

Không có thừa dựng lập

Ta nói là nhất thừa.

Chính Như Lai thừa mà có tâm phân biệt còn chẳng phải cứu kính. Cho nên sở tri ngu đến Thập nhất địa vẫn còn vi tế chưa hết. Được hết cái này rồi chân như tự tánh mới là hiện tiền, không có thừa cùng với người thừa (cõi), vượt ngoài số lượng không thể dựng lập, nên nói nhất thừa. Phật bảo ngài Xá-lợi-phất rằng: “Như Lai tất cả đều biết thấy giác, cũng chẳng tự biết ta biết thấy giác. Nếu cho Như Lai khởi tướng biết thấy giác, ấy là chẳng phải Phật Thế Tôn, gọi là phàm phu”. Cho nên biết, đạo nhất thừa bất tướng lìa tánh, riêng một không có bạn bè, thoát ba thứ duyên, tập khí, chỉ một diệu viên giác, lại không có gì khác. Kinh Viên Giác nói: “Tâm diệu viên giác của tất cả Như Lai vốn không có Bồ-đề cùng với Niết-bàn, cũng không có

thành Phật cùng chẳng thành Phật, không vọng luân hồi và phi luân hồi”. Chỗ này nếu không phải người đạt tự tánh tất cả pháp chân như bình đẳng thì không thể thấy.

Vì dẫn đạo chúng sanh
Phân biệt nói các thừa
Giải thoát có ba thứ
Cùng với pháp vô ngã.
Phiền não trí tuệ thấy
Giải thoát thì xa lìa
Như cây nổi trong biển
Thường theo sóng gió dời.
Thanh văn ngu cũng vậy
Tướng gió thổi trôi giạt
Kia khởi phiền não diệt
Còn tập phiền não ngu.
Đắm vị tam-muội lạc
An trụ vô lậu giới
Không tiến đến cứu kính
Cũng lại chẳng thối lùi.
Được các thân tam-muội
Cho đến kiếp chẳng giác
Thí như người mê say
Rượu hết sau mới tỉnh
Kia giác pháp cũng vậy
Được thân Phật vô thượng.

Ba thứ giải thoát tức là quả chứng của tam thừa. Nhân pháp vô ngã, phiền não sở tri đều vì dẫn đạo hàng nhị thừa mà nói. Người được nhất thừa giải thoát đều xa lìa những thứ này, nên nói “không thừa và người thừa”. Nhị thừa đoạn khởi phiền não, mà còn ngu tập phiền não, thường bị không tịch chuyển, như cây nổi kia bị gió thổi trôi giạt. Thấy tất cả pháp trong ngoài đều theo sở tri chuyển, đắm vị tam-muội an trụ ngoại giới, liền dứt nhân sanh, cho nên cũng chẳng thối lùi. Say cái tam-muội

này nhiều kiếp không giác, nếu giác tức là vô thượng, nên nói “tự tánh chân như chẳng phải các thứ giải thoát, cũng chẳng phải lìa giải thoát”.

2- CHỈ THÁNH TRÍ CHIẾU MINH CÁC ĐỊA.

-BÀY BA THỨ Ý SANH THÂN.

Khi ấy, Thế Tôn bảo đại Bồ-tát Đại Huệ rằng: Nay ta sẽ nói phân biệt tướng chung của ý sanh thân. Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn, lành thay! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Có ba thứ ý sanh thân. Thế nào là ba? Là: Tam-muội lạc chánh thọ ý sanh thân, giác pháp tự tánh tánh ý sanh thân, chủng loại câu sanh vô hành tác ý sanh thân. Người tu hành rõ biết tướng sơ địa tiến lên các địa được ba thứ thân.

Ba thứ thân từ Sơ địa đến Phật địa là phân biệt sở chứng. Tam-muội lạc chánh thọ là từ Sơ địa đến Thất địa. Giác pháp tự tánh tánh là từ Bát địa đến Thập địa. Chủng loại câu sanh vô hành tác là rốt sau của Kim Cang địa chứng được pháp thân, như hạt châu ma-ni tùy loại đối hiện. Ba thân này có thể phối hợp với ba pháp quán. Tam-muội chánh thọ thuộc về chỉ. Giác pháp tự tánh tánh thuộc về quán. Chủng loại là chủng loại thánh, tất cả Phật tự tánh ảnh hiện không thể nghĩ bàn thuộc về trung đạo thiên-na. Giác tự tâm hiện là, tam quán đồng thời đầy đủ. Ba đức tự tánh này tức một mà ba, tức ba mà một, chẳng đồng với quyền thừa thủy giáo một vị chẳng biết một vị. Song tùy địa sâu cạn chẳng ngại mỗi vị có thân chứng nên nói viên dung (đốn chứng) chẳng ngại hành bố (tiệm chứng).

- CHỈ THÂN TƯỚNG THẤT ĐỊA TRỞ LÊN.

Đại Huệ! Thế nào là tam-muội lạc chánh thọ ý sanh thân? Nghĩa là đệ tam địa, đệ tứ địa, đệ ngũ địa, vì tam-muội lạc chánh thọ, các thứ tự tâm vắng lặng, an trụ nơi tâm hải, tướng thức nổi sóng chẳng sanh. Biết cảnh giới tự tâm hiện tánh (pháp) là phi tánh (không pháp), ấy gọi là tam-muội lạc chánh thọ ý sanh thân.

Từ Sơ địa đến Tứ địa đoạn kiến hoặc hết, từ Ngũ địa đến Thất địa đoạn tư hoặc hết. Đại thừa giác tự tâm hiện đã đoạn hai hoặc tuy chẳng đồng nhị thừa thấy có thật pháp, say đắm tam-muội, đối trị sanh tử. Song từ sóng thức chuyển biến, giác tự tâm hiện thấy không thật có, tự tâm vắng lặng bỗng nhiên hiện tiền, đã có tam-muội đều từ liễu nhân. Nên nói an trụ tâm hải, không có thọ lạc.

- CHỈ THÂN TƯỚNG BÁT ĐỊA.

Đại Huệ! Thế nào là giác pháp tự tánh tánh ý sanh thân? Nghĩa là đệ bát địa quán sát giác liễu các pháp thấy như huyễn đều không thật có, thân tâm chuyển biến được như huyễn tam-muội và các môn tam-muội khác. Vô lượng tướng, lực, tự tại, minh như hoa đẹp trang nghiêm chóng được như ý. Ví như huyễn, mộng, trăng đáy nước, bóng trong gương chẳng phải năng tạo chẳng phải sở tạo. Như năng tạo sở tạo tất cả sắc các thứ chi phần đầy đủ trang nghiêm, tùy vào tất cả cõi Phật có đại chúng. Vì thông đạt pháp tự tánh, ấy gọi là giác pháp tự tánh, tánh ý sanh thân.

Đệ bát địa thấy pháp vô ngã, giác tự tâm hiện tất cả cảnh giới thấy như mộng huyễn. Liên dùng tự giác chiếu liễu thân tâm chuyển biến, thuận tánh khởi dụng, nhập như huyễn tam-muội và vô lượng tam-muội lực, thông, hiện tất cả thân như trăng đáy nước, bóng trong gương như ý tự tại khắp các cõi Phật. Hiểu sâu pháp tánh chẳng phải có chẳng phải không, chẳng do tạo tác, tự nhiên đầy đủ trang nghiêm.

- CHỈ PHẬT ĐỊA THÂN TƯỚNG KHÔNG HÀNH TÁC VÀ BÀI TỤNG.

Đại Huệ! Thế nào là chủng loại câu sanh vô hành tác ý sanh thân? Nghĩa là giác tất cả Phật pháp duyên tự được tướng lạc, ấy gọi là chủng loại câu sanh vô hành tác ý sanh thân. Đại Huệ! Đối với tướng ba thân kia quán sát giác liễu nên phải tu học.

Giác tất cả Phật pháp duyên tự được tướng lạc là, chúng được tự tánh pháp thân tất cả Như Lai đã chứng. Như hạt châu ma-ni tùy năm sắc hiện. Tự tánh pháp thân của Như Lai cũng lại như thế, tùy tâm chúng sanh đối diện liền hiện. Như Lai không có tâm niệm. Đây là do bi nguyện nhiều kiếp làm thành, cũng là tự tánh pháp tướng lý ứng như thế, chỉ một mình Phật mới hay viên chứng.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Thừa ta phi Đại thừa
Phi thuyết cũng phi tự
Phi để phi giải thoát
Phi cảnh giới có không.
Song thừa Đại thừa này
Được chánh quán tự tại
Các thứ ý sanh thân

Hoa trang nghiêm tự tại.

Bài kệ hiển bày Như Lai tự giác thánh trí lia các tướng thừa, chẳng phải lời nói đến, chẳng phải tất cả đê, chẳng phải tất cả giải thoát, cũng chẳng phải cảnh giới không thật có. Đây chính hiển bày đệ nhất nghĩa tự chứng tự biết của pháp môn Đại thừa. Vào pháp môn này tự nhiên được ba thứ thân trang nghiêm tự tại, chẳng cần dụng công.

3- CHỈ PHƯƠNG TIỆN KHÉO VÀO NĂM HẠNH.

- NHÂN ĐẠI HUỆ HỎI LIỆT BÀY HẠNH NGŨ VÔ GIÁN.

Đại Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Như Thế Tôn nói “Nếu người nam kẻ nữ hành nghiệp ngũ vô gián chẳng vào địa ngục vô gián”. Thế Tôn! Thế nào người nam kẻ nữ hành nghiệp ngũ vô gián mà chẳng vào địa ngục vô gián? Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn, lành thay! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo: Đại Huệ! Thế nào là nghiệp vô gián? Nghĩa là giết cha, giết mẹ, hại A-la-hán, phá hòa hợp tăng, ác tâm làm thân Phật ra máu.

Giết cha, giết mẹ, hại A-la-hán, phá hòa hợp tăng, làm thân Phật ra máu, năm nghiệp vô gián này quyết định mắc quả báo trong địa ngục vô gián. Song Phật cũng có khi nói: cũng có người hành nghiệp ngũ vô gián mà không mắc quả báo trong địa ngục vô gián, cho nên ở văn sau phát minh.

- CHỈ HAI CĂN BẢN ĐOẠN.

Đại Huệ! Thế nào là mẹ chúng sanh? Nghĩa là ái lại thọ sanh, cùng với tham và hỷ chung, như duyên nơi mẹ mà sanh thành. Vô minh là cha sanh vào xóm làng lục nhập thập nhị xứ. Đoạn hai thứ căn bản này gọi là giết cha mẹ.

Ái là phần ái trong mười hai nhân duyên, vì nó hay nhuận sanh, cho nên nói “lại thọ sanh cùng với tham và hỷ chung” có nghĩa dưỡng dục, nên nói “như duyên nơi mẹ mà sanh thành”. Phần vô minh thì hay phát nghiệp nên gọi nó là cha. Mẹ tham ái hiệp với cha vô minh tức là vào xóm làng lục nhập và thập nhị xứ, thành thân đời sau. Hai cái này là nhân sanh tử nên nói căn bản. Đoạn hai cái căn bản này gọi là giết cha mẹ.

- CHỈ CÁC PHÁP CỨU KÍNH ĐOẠN.

Các sử kia chẳng hiện như chuột độc phát các pháp, cứu kính đoạn nó, gọi là hại La-hán.

La-hán đoạn mười chánh sử, chưa đoạn tập khí. Nói như chuột độc phát là, như con chuột độc cắn người vết thương tuy đã lành, mà gặp sấm chớp lại phát sanh. Dù La-hán đoạn được nội sắc mà chưa đoạn ngoại sắc, cho nên gặp duyên liền dao động. Chứng tự giác trí thì tập khí chóng trừ, tất cả pháp đã có như chuột độc phát sanh thấy đều hằng đoạn, gọi là hại La-hán.

- CHỈ CÁC ẤM CỨU KÍNH ĐOẠN.

Thế nào phá hòa hợp tăng? Nghĩa là các ấm tướng khác hòa hợp chứa nhóm, cứu kính đoạn nó, gọi là phá Tăng.

Sắc thọ tướng hành thức là tướng khác của các ấm. Năm ấm hòa hợp chứa nhóm sanh tử nên gọi là tập. Nếu hay đoạn nó thì gọi là phá tăng. Vì tăng là nghĩa hòa hợp.

- CHỈ BẢY THỨ THỨC ĐOẠN.

Đại Huệ! Do bất giác ngoại cảnh tự tướng cộng tướng từ tự tâm hiện lượng nên bảy thức thân sanh. Dùng ba thứ giải thoát vô lậu ác tướng, cứu kính đoạn bảy thức thức Phật kia, gọi là ác tâm làm thân Phật ra máu. Nếu người nam kẻ nữ hành việc vô gián này gọi là ngũ vô gián, cũng gọi là vô gián đấng.

Tám thức có hai nghĩa giác và bất giác. Nếu bất giác ngoại cảnh tự tướng cộng tướng đều tự tâm hiện thì, giác là ngã tướng của bảy thức. Do kiến phần vọng giác của thức thứ tám, thức thứ bảy liền chấp làm ngã. Đây gọi là bảy thức thân. Bản nhà Đường dịch là tám thức vẫn đồng với ý chỉ này. Nếu giác tự tâm hiện ra liền hay dùng vô tác, vô tướng, vô nguyện an trụ bất giác trong biển tâm tịch tịnh. Nên nói “dùng ba thứ giải thoát vô lậu ác tướng đoạn thân giác kia”. Hiệp năm hạnh này thì chứng được thật pháp chánh chân, nên nói “vô gián đấng”.

- CHỈ NGOẠI NGŨ VÔ GIÁN HẠNH CÙNG TỤNG.

Lại nữa, Đại Huệ! Có ngoại ngũ vô gián, nay sẽ diễn nói, ông và các đại Bồ-tát khác nghe nghĩa này rồi, ở đời vị lai chẳng rơi vào ngu si. Thế nào là ngũ vô gián? Nghĩa là trước đã nói vô gián, nếu người hành được pháp này đối ba môn giải thoát mỗi mỗi chẳng được pháp vô gián đấng. Trừ người này ra, còn các vị hóa thân lực hiện vô gián đấng, như là Thanh văn hóa thân lực, Bồ-tát hóa thân lực, Như Lai hóa thân lực, vì người khác tạo tội vô gián để trừ nghi và hối quá. Vì khuyến phát nên dùng thân lực biến hóa hiện vô gián đấng. Không có một bề làm việc vô gián mà chẳng mắc vô gián đấng. Trừ

người giác tự tâm hiện lượng lìa thân (người) tài (cảnh) vọng tưởng, lìa ngã và ngã sở nhiếp thọ; hoặc khi gặp thiện tri thức giải thoát vọng tưởng tương tục trong các cõi.

Đôi năm thứ vô gián trước, nên nói ngoại vô gián. Còn ba hạng dùng thân lực biến hóa là vì người tạo tội vô gián trừ nghi và khiến hối quá. Như trong luật đã phạm thầy đều thuộc quyền thị hiện. Như Điều Đạt ở trong địa ngục như thọ vui trên cõi trời Tam thiên, chợt được Thế Tôn thọ ký. Chưa có một bề tạo nghiệp vô gián mà không mắc quả báo vô gián. Trừ giác tự tâm hiện là, trừ người này hiện đời giác tự tâm hiện, chóng lìa tất cả vọng tưởng năng sở của thân căn và khí giới, thì nghiệp tánh không ở trong ngoài và giữa. Như tự tâm chẳng ở trong ngoài giữa, nghiệp tánh cũng thế. Nếu chẳng được vậy thì, gặp thiện tri thức dạy khiến trừ diệt liền được giải thoát các thú. Như vua A-xà-thế liền ở trước Phật được lòng tin không căn, phá hoại tâm ác, chẳng phải bảo đợi đến đời khác. Nếu thân này mất rồi thì nhân quả khó trốn.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Tham ái gọi là mẹ
Vô minh tức là cha
Giác cảnh thức là Phật
Các sử là La-hán
Âm hợp gọi là Tăng
Vô gián thứ lớp đoạn
Gọi là ngũ vô gián
Chẳng vào ngục vô gián.

Giác là Phật tánh, song ở trong chúng sanh mê liễu biệt cảnh tức là vọng giác, ấy là nên đoạn, cũng gọi là làm thân Phật ra máu. La-hán các sử chẳng hiện, mà nói các sử là La-hán, vì văn gọn vậy.

4- CHỈ VIÊN MÃN PHẬT GIÁC.

- CHỈ PHẬT GIÁC.

Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn ! Cúi xin vì nói tri giác của Phật. Thế Tôn ! Những gì là tri giác của Phật? Phật bảo Đại Huệ: Giác nhân pháp vô ngã, rõ biết hai chướng, lìa hai thứ tử, đoạn hai thứ phiền não, ấy gọi là tri giác Phật. Thanh văn, Duyên giác được pháp này cũng gọi là Phật. Do nhân duyên ấy nên ta nói nhất thừa.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Khéo biết hai vô ngã

Hai chướng phiền não đoạn

Hằng lìa hai thứ tử

Ấy gọi tri giác Phật.

Tam thừa đồng một tánh tri giác mà chẳng đồng tri giác. Bởi tri giác sai biệt nên chỗ chứng cũng sai biệt. Như Lai là như tánh kia mà giác nên không có giác khác, như tánh kia mà biết nên không có biết khác. Như tánh kia mà giác thì không có bất giác. Không có giác khác thì không vọng giác. Không bất giác không vọng giác, ấy gọi là chân như tự tánh thanh tịnh không che đậy. Giác có người, giác có pháp, đều do bất giác tự tánh mà khởi vọng giác. Giác có tự tha, ấy là nhân tướng. Giác có tự tánh tha tánh, ấy là pháp tướng. Như tánh kia mà giác không có giác khác thì, nhân ngã pháp ngã liền đó tan biến. Hai chướng là, hoặc chướng và trí chướng. Hoặc là kiến hoặc và tư hoặc. Trí là, sở tri. Khi hai hoặc không mà trí năng không và lý sở không mây may chưa sạch thì chướng này chưa quên. Đến Thập nhất địa vẫn có hai phần sở tri ngu rất vi tế, như cách tầm lua mông, chỉ Phật mới hay xong. Tóm lại, như tánh kia mà giác không có giác khác thì một lúc chóng xong.

Hai thứ tử là, phàm phu phần đoạn sanh tử (chết từng phần), nhị thừa biến dịch sanh tử (chết theo đời đời). Biến dịch là, nhân đời quả đời, lìa phần đoạn sanh tử trong tam giới, vẫn còn cõi phược tiện v.v... biến dịch sanh tử. Tứ trụ phiền não cảm phần đoạn sanh tử, vô minh phiền não cảm biến dịch sanh tử. Hai thứ tử này đã lìa thì hai thứ phiền não cũng đoạn.

Tứ trụ hoặc là, kiến hoặc trong tam giới là một trụ. Tất cả kiến hoặc trụ địa, tức là kiến hoặc phân biệt trong tam giới. Do ý căn đối với pháp trần khởi phân biệt, dấy các tà kiến trụ trước tam giới. Tư hoặc trong tam giới phân làm ba trụ. 1) Dục ái trụ địa hoặc, do năm căn đối cảnh năm trần khởi tâm tham ái, mà trụ trước nơi dục giới. 2) Sắc ái trụ địa hoặc, tức là tư hoặc trong sắc giới. Do chẳng rõ hoặc này nên trụ trước thiên định sắc giới không thể bỏ lìa. 3) Hữu ái trụ địa hoặc, tức là tư hoặc vô sắc giới. Do chẳng rõ hoặc này nên trụ trước thiên định vô sắc giới không thể bỏ lìa.

Vô minh phiền não là, chỉ căn bản vô minh. Nghĩa là mê Như Lai tạng bất giác phát nghiệp. Phiền não này nhị thừa không biết. Chính Đại thừa Bồ-tát đoạn hoặc chưa hết, vẫn ở nơi cõi Thật báo, chỉ Phật mới xong. Nhưng, như tánh kia mà giác không có giác khác, thì một lúc chóng xong. Cho nên nói “Thanh văn, Duyên giác được pháp này cũng gọi là Phật. Do nhân duyên ấy ta nói nhất thừa”. Thế nên biết, nhất thừa tức là tánh tri giác. Tánh của tri giác thì không khác, mà tri giác của tánh thì chẳng đồng. Do cái chẳng đồng này nên chỗ chứng có khác. Hàng nhị thừa không giác tự tánh, vọng có sở giác, ấy là khác. Song vọng giác vốn dối, chân tánh thường trụ. Giác cái vọng tức là chân, biết chân thì vọng diệt, cũng cứu kính không hai.

- CHỈ NHƯ LAI TỰ, NGŨ, THÂN, PHÁP BỐN THỨ ĐỒNG.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Có sao Thế Tôn ở trong đại chúng xưng lời thế này: “Ta là tất cả Phật thời quá khứ và các thứ thọ sanh. Ta khi ấy làm Chuyển luân thánh vương Mạn-đà, voi lớn sáu ngà và chim anh vũ, Thích Đề Hoàn Nhân (Trời Đế Thích), tiên nhân Thiện Nhân v.v... kinh nói trăm ngàn đời như thế”.

Đây là nghi thủy giác bản giác đã có sai thù thì pháp, báo, hóa thân đâu không đồng khác, nên có lời hỏi này. Chẳng biết do bản giác có thủy giác, thủy như bản kia. Pháp thân sanh báo thân hóa thân, báo hóa như pháp thân. Chỉ một đạo bình đẳng trước sau không hai. Hoa Nghiêm luận nói: “Vô biên cõi nước, tự tha chẳng cách mấy lông, mười đời xưa nay trước sau chẳng lìa niệm hiện tại”. Người được tự giác thánh trí tự nhiên chẳng nghi xưa chẳng nghi nay, chẳng nghi người chẳng nghi ta, chẳng nghi nhân chẳng nghi quả, chẳng nghi căn thân chẳng nghi khí giới, chẳng nghi hữu tình chẳng nghi vô tình, chẳng nghi một chẳng nghi khác, chẳng nghi hiện thành chẳng nghi tác khởi, tất cả chẳng nghi nên mới chứng biết.

Phật bảo Đại Huệ: Do tứ đẳng nên Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác ở trong đại chúng xưng lời thế này: “Ta khi ấy làm Phật Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm Mâu-ni, Ca-diếp”. Thế nào là tứ đẳng? Nghĩa là tự đồng, ngữ đồng, pháp đồng, thân đồng, ấy gọi là tứ đẳng. Do bốn thứ đồng nên Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác ở trong chúng xưng nói như thế.

Do tứ đẳng nên Như Lai ở trong đại chúng xưng nói Ca-diếp, Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm là ta. Đây là Như Lai đáp và lần hiển cả quyền và thật. Người chứng tự giác

thánh trí tự biết tự chứng không thể nói bày. Quyền để chỉ bày nên nói quyền, cũng có thể tức nơi đây thâm hội nên nói thật. Đó là nói lẫn hiển quyền thật vậy.

Thế nào là tự đẳng? Hoặc chữ xưng ta là Phật, chữ kia cũng xưng tất cả Phật, chữ ấy tự tánh không có sai biệt, ấy gọi là tự đẳng.

Thế nào là ngữ đẳng? Nghĩa là ta có sáu mươi bốn thứ phạm âm nên tướng ngôn ngữ sanh. Chư Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác kia cũng có sáu mươi bốn thứ phạm âm nên tướng ngôn ngữ sanh như thế, không thêm không bớt, không có sai biệt, tánh tiếng phạm âm như Ca-lăng-tần-già.

Tự đẳng là, tự là danh tự. Ba đời Như Lai đều tên là Phật. Tự tánh chữ là chữ Phật để hiển bày nghĩa tự tánh giác, cũng không có sai biệt.

Ngữ đẳng là, cổ chú rằng: Tiếng Tây Vực có tám chuyển: 1) Thê, 2) Nghiệp, 3) Cụ, 4) Vi, 5) Tùng, 6) Thuộc, 7) Ư, 8) Hồ. Như Lai nơi tám chuyển này mỗi cái đủ tám đức: 1) Điều hòa, 2) Nhu nhuyễn, 3) Rõ chắc thật, 4) Dễ hiểu, 5) Không lầm lẫn, 6) Không tiếng giọng mái nhỏ, 7) Tiếng to lớn, 8) Tiếng sâu xa. Tám lần tám là sáu mươi bốn tướng. Song trong kinh Bất Tư Nghì Bí Mật Đại thừa cũng nói: “Phật bảo Bồ-tát Tịch Huệ: Như Lai chẳng phải nơi môi, răng, lưỡi, cổ họng và nơi cửa mắt mà phát ra các âm thanh. Nên biết âm thanh của Như Lai từ hư không mà ra, đầy đủ sáu mươi bốn tướng thù diệu: 1) Trôi chảy, 2) Nhu nhuyễn, 3) Vui lòng, 4) Đáng mến, 5) Thanh tịnh, 6) Lìa cấu, 7) Trong sáng, 8) Ngọt ngào, 9) Ưa nghe, 10) Không kém, 11) Tròn đủ, 12) Điều thuận, 13) Không rít, 14) Không ác, 15) Mềm dịu, 16) Vừa tai, 17) Thích thân, 18) Tâm sanh bén mạnh, 19) Tâm mừng, 20) Vui thích, 21) Không nhiệt não, 22) Như giáo lệnh, 23) Khéo hiểu biết, 24) Rành rõ, 25) Khéo mến, 26) Khiến sanh vui mừng, 27) Khiến người như lời dạy vâng làm, 28) Khiến người khéo hiểu biết, 29) Đúng lý, 30) Lợi ích, 31) Lìa lỗi trùng lập, 32) Như tiếng sư tử, 33) Như tiếng rồng, 34) Như tiếng sấm sét, 35) Như Long vương, 36) Như tiếng ca hay của Khẩn-na-la, 37) Như tiếng chim Ca-lăng-tần-già, 38) Như Phạm vương, 39) Như tiếng chim Cọng Mạng, 40) Như tiếng hay đẹp của Đế Thích, 41) Như đánh trống, 42) Chẳng cao, 43) Chẳng thấp, 44) Tùy vào, 45) Không khuyết giảm, 46) Không phá hoại, 47) Không ô nhiễm, 48) Không mong cầu, 49) Đầy đủ, 50) Trang nghiêm, 51) Hiển bày, 52) Viên mãn tất cả âm, 53) Các căn thích vui, 54) Không chê bai, 55) Không khinh chuyển, 56) Không dao động, 57) Tùy vào tất cả chúng

hội, 58) Các tướng đầy đủ, 59) Khiến chúng sanh tâm ý vui mừng, 60) Nói tâm hạnh chúng sanh, 61) Vào tâm ý chúng sanh, 62) Tùy chúng sanh tin hiểu, 63) Người nghe không phân lượng, 64) Chúng sanh không thể suy nghĩ xứng lượng”. Hiệp với chỗ này để tham quán thì tốt âm thanh vi diệu thù đặc. Cho nên ba đời Như Lai ngữ đồng. Ca-lăng-tần-già là tên chim, tiếng nó hơn tiếng các thứ chim, dùng nó để làm thí dụ.

Thế nào là thân đẳng? Nghĩa là ta cùng pháp thân và sắc thân tướng tốt của chư Phật không sai biệt. Trừ vì điều phục chúng sanh sai biệt ở các thú kia nên thị hiện các thứ sắc thân sai biệt, ấy gọi là thân đẳng.

Thế nào là pháp đẳng? Nghĩa là ta cùng chư Phật kia được pháp ba mươi bảy phần bồ-đề, trí lược nói Phật pháp không có chướng ngại, ấy gọi là tứ đẳng. Thế nên Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác ở trong đại chúng xưng lời như thế.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Ca-diếp, Câu-lưu-tôn

Câu-na-hàm là ta

Do bốn thứ bình đẳng

Ta vì Phật tử nói.

Pháp thân Như Lai có hai thứ: 1) Lý pháp, nghĩa là tánh tịnh thể sáng xưa nay là niệm đồng với hư không giới, không đâu chẳng khắp chúng sanh cùng Phật đều đồng. 2) Trí pháp, nghĩa là trí thủy giác cứu kính, khế hợp với lý bản giác thanh tịnh, lý trí dung nhau, sắc và tâm không hai. Do trí hiện ra nên gọi là trí pháp.

Sắc thân tức là báo thân, cũng có hai thứ: 1) Tự thọ dụng thân cũng gọi là viên mãn báo thân. Nghĩa là tự mình tu nhân mà cảm được, xứng tánh thọ dụng các thứ pháp lạc, tự tại không ngại. Thân và cõi chẳng lìa nhau nên cũng gọi là tự thọ dụng độ, cũng gọi là thật báo trang nghiêm độ. Chư Phật trải qua vô số kiếp tu tập vô lượng thiện căn mà cảm nên, khắp giáp cả pháp giới là tự thọ dụng. Các vị đại Bồ-tát chỉ được nghe tên mà không thể thấy được. 2) Tha thọ dụng thân, nghĩa là do căn cơ kẻ khác cảm nên mà thấy. Chư Phật vì khiến chúng Bồ-tát thọ đại pháp lạc, tiến tu thẳng hạnh nên tùy nghi mà hiện, cõi cũng như thế, khiến họ thọ dụng. Các thứ sai biệt sắc thân tức là hóa thân, cũng có ba thứ: 1) Đại hóa nghĩa là Lô-xá-na ngàn trượng gia bị cho phù hợp với Đại thừa Bồ-tát. Hoặc hiện tám mươi bốn ngàn tướng tốt, hoặc hiện vi trần số tướng tốt, đầy khắp hư

không. 2) Tiểu hóa, nghĩa là thân vàng trọng sáu, ba mươi hai tướng tốt, phù hợp căn cơ tiểu thừa, người, trời v.v... 3) Tùy loại hóa, nghĩa là như Chuyển luân thánh vương Đảnh Sanh, Thích Đề Hoàn Thiên Đế, Thiện Nhân, voi lớn, anh võ, vợ nài v.v... tùy loại mà vào. Báo Hoá thân này đều nhiếp thuộc sắc thân, từ trí pháp mà được. Nếu mê lý pháp tức là vọng giác, theo nhân duyên vọng giác mà có mười hai loại thân trong tam giới. Ngộ lý pháp thì chuyển vọng giác làm thủy giác. Do thủy hợp bản thành căn bản trí. Do sức căn bản vô tác trí cảm phát bi nguyện, tất cả báo thân, hóa thân lần lượt thành tựu. Đây là ba đời chư Phật không có hai, không có khác. Ba mươi bảy pháp bồ-đề phần là, tứ niệm xứ (thân, thọ, tâm, pháp), tứ chánh cần (đã sanh điều ác khiến hằng dứt, chưa sanh ác khiến chẳng sanh, chưa sanh thiện khiến sanh, đã sanh thiện khiến tăng trưởng), tứ như ý túc (dục như ý túc, tinh tấn như ý túc, niệm như ý túc, tư duy như ý túc), ngũ căn (tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn), ngũ lực (tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực), thất giác chi (trạch giác, tinh tấn giác, hỷ giác, trừ giác, xả giác, định giác, niệm giác), bát chánh đạo (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định). Cộng lại thành ba mươi bảy phẩm. Đây là ba mươi bảy pháp trợ bồ đề của Đại thừa, nhiếp vô lượng a-tăng-kỳ pháp trợ bồ-đề, nó là liễu nhân không phải tác nhân. Kinh Đại Bát Niết-bàn nói: “Đại Niết-bàn không phải từ tác nhân mà có, chỉ từ liễu nhân”. Liễu nhân là nói ba mươi bảy pháp trợ đạo. Ba đời chư Phật dùng liễu nhân này thành tựu đệ nhất nghĩa tự giác thánh thú, tự độ và giáo tha, bình đẳng không sai biệt. Hiệp bốn thứ bình đẳng này cho nên Như Lai ở trong đại chúng xưng lời rằng “Ca-diếp, Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm là ta”. Ý chỉ bí mật ngõ hầu nhờ đây thâm hội. Bỏ qua chỗ này về sau không thể nói bày, chỉ chúng tương ưng. Đâu phải chỗ trợn suy nghĩ tính toán mà hay lường được.

- CHỈ PHẬT GIÁC TỰ CHỨNG, KHÔNG THỂ NÓI BÀY.

Đại Huệ lại bạch Phật: Như Thế Tôn đã nói “Ta từ đêm ấy được tối chánh giác, cho đến đêm ấy vào Niết-bàn, ở trong khoảng giữa kia cho đến không nói một chữ, cũng chẳng đã nói sẽ nói, chẳng nói ấy là Phật nói”. Thế Tôn! Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác nhân đâu nói rằng “Chẳng nói ấy là Phật nói”. Phật bảo Đại Huệ: Ta nhân hai pháp nên nói như thế. Thế nào là hai pháp? Nghĩa là duyên pháp tự đắc và pháp bản trụ, ấy gọi là hai pháp. Nhân hai pháp này nên ta nói như thế.

Như Lai từ khi thành Phật cho đến nhập Niết-bàn, ở trong khoảng giữa đó không nói một chữ là, chỉ cho người lìa năng thuyết và sở thuyết được đệ nhất nghĩa tự giác thánh thú. Trước nói tứ đẳng, ở đây nói bất thuyết. Tứ đẳng vẫn là lời nói xứng tánh chẳng phải cảnh giới tự chứng. Đến chỗ tự chứng mới biết lời nói không thể hiển bày nên nói “chẳng nói”. Duyên tự được tức chỉ cho trí pháp. Bản trụ là lý pháp. Về lý pháp thì có Phật hay không Phật, pháp tánh cũng như vậy. Trí pháp thì ngàn Phật muôn Phật cũng đồng một trí chứng, đều không phải cảnh giới ngôn thuyết vọng tưởng giác.

Thế nào là pháp duyên tự đắc? Nếu chỗ được của Như Lai kia thì ta cũng được như thế, không thêm không bớt. Cảnh giới duyên tự đắc pháp cứu kính lìa ngôn thuyết vọng tưởng, lìa văn tự hai đường.

Không thêm không bớt cảnh giới cứu kính là, chứng căn bản trí này như tánh kia vậy, không thể thêm bớt. Chỗ sở hành cứu kính thánh lạc lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng phân biệt, lìa năng thuyết và sở thuyết, tất cả tướng cảnh giới. Văn tự hai đường là hay nói và bị nói.

Thế nào là pháp bản trụ? Nghĩa là đạo bậc thánh trước như tánh vàng bạc v.v... pháp giới thường trụ. Hoặc Như Lai ra đời, hoặc chẳng ra đời pháp giới thường trụ, như đường đến thành kia. Thí như có người đi trong đồng vắng thấy con đường bằng phẳng đi đến cổ thành, liền theo đó vào thành được cái vui như ý. Đại Huệ! Ý ông nghĩ sao? Người kia làm ra con đường ấy và làm ra các thứ vui trong thành chẳng? Đáp: “Chẳng phải vậy”. Phật bảo Đại Huệ: Ta và tất cả chư Phật thời quá khứ pháp giới thường trụ cũng lại như thế. Thế nên nói rằng: “Ta từ đêm ấy được tối chánh giác, cho đến đêm ấy vào Niết-bàn, ở trong khoảng giữa kia không nói một chữ, cũng chẳng đã nói, sẽ nói”.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Ta đêm ấy thành đạo
Đến đêm ấy Niết-bàn
Ở trong khoảng giữa này
Ta trọn không có nói
Duyên tự đắc pháp, trụ
Nên ta nói thế ấy
Phật kia cùng với ta

Thầy không có sai biệt.

Lý pháp bốn trụ đồng với pháp giới. Như vàng bạc v.v... tuy còn ở trong mỏ mà tánh vàng chẳng đổi. Như đường về cỏ thành và các thứ vui, chẳng phải do ngày nay tạo. Cho nên biết tự tánh bản giác thánh phàm đồng đủ. Y bất giác mà thành tam giới, y trí pháp thì tròn đủ ba thân, chẳng phải có chẳng phải không, như huyền như sóng năng, chỉ người chứng mới tương ưng. Ba đời chư Phật đồng cái bí mật này, trọn không có chỗ nói.

- CHỈ CẢNH GIỚI PHẬT GIÁC XA LÌA HAI BÊN.

+ CHỈ THẾ GIAN CHẤP CÓ KHÔNG.

Bồ-tát Đại Huệ lại thỉnh Phật: Cúi xin vì nói tắt cả pháp tướng có và không có, khiến con và các vị đại Bồ-tát, lìa tướng có và không có, chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn, lành thay! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Thế gian này y có hai thứ, nghĩa là y có và y không, rơi vào tánh (có) và phi tánh (không), muốn thấy chẳng lìa, lìa tướng.

Hai thứ chấp có không này đều chỉ chánh pháp rơi vào kiến chấp của ngoại đạo. Song nghiêng nặng bên chấp không, nghĩa là nương ghé bên thánh giáo để phá hoại chánh pháp, đâu có gì hơn chấp này. Phật lần lượt phát minh để soi sáng cho đời sau, khiến người tu hành biết pháp để chọn lựa. Y có là, nhân pháp sắc, tâm v.v... hiện có trước mắt, chấp các pháp có tự tánh (có thật), khởi tướng xa lìa. Y không là, nhân pháp sắc, tâm v.v... vô thường biến diệt, chấp các pháp phi tánh (không có), khởi tướng vắng lặng. Đây đều chẳng lìa, lìa tướng.

+ CHỈ RA NHÂN TƯỚNG HAI THỨ CHẤP CÓ KHÔNG.

Đại Huệ! Thế nào thế gian y có? Nghĩa là thế gian có nhân duyên sanh, chẳng phải chẳng có, từ có mà sanh chẳng phải không có mà sanh. Đại Huệ! Kia nói như thế, là nói thế gian không nhân. Đại Huệ! Thế nào thế gian y không? Nghĩa là nhận tham, sân, si đã có, về sau vọng tưởng chấp trước tham, sân, si tánh (có), phi tánh (chẳng có). Đại Huệ! Nếu chẳng nhận có tánh ấy, vì tánh tướng vắng lặng. Bảo là chư Như Lai, Thanh văn, Duyên giác chẳng nhận tánh tham, sân, si là có hay là không.

Các pháp thế gian từ nhân duyên sanh, bèn có chỗ giải lìa uẩn, riêng có kẻ hiểu bỏ vọng cầu chân. Đây do chẳng biết tự tâm hiện ra, vọng thấy nhân duyên liền cho là vô

nhân. Đây chấp có ấy, nhân lời thánh nói vọng chấp thật pháp. Trọn không bằng cái hại lớn là chấp không. Như Lai nói tham sân si không tánh (có) ấy, do tâm tham, sân, si đều nhân nơi bất giác, ban đầu không có tánh nhất định. Chính vì chỉ bày cho người liền đó rỗng rang mê vọng chóng dứt, là lý do chẳng nhận có không. Ngoại đạo kia nhận tham, sân, si tánh (có), trong hiện tại có, về sau vọng tưởng chấp trước tham, sân, si tánh (có) vốn chẳng phải có tánh (có). Xét vọng chấp kia cho là không có tánh (có) luống thấy tánh tướng vắng lặng, bèn gá vào thánh giáo, bảo là chư Như Lai, Thanh văn, Duyên giác chẳng nhận có không. Không biết rằng tất cả tánh tướng gốc tuy vắng lặng, song tâm nhận có hiện tại lưu chuyển. Đây là vọng tưởng chấp, chẳng phải tự giác trí. Tự giác trí là, giác cảnh giới hiện ra, do mê tự tâm vọng có hiện ra, vọng hiện chẳng phải có, nhân mê mà có. Giác mê thì mê diệt, giác chẳng sanh mê. Tâm cảnh trong ngoài một lúc thanh tịnh. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tự tâm thủ tự tâm, chẳng phải huyền thành pháp huyền, chẳng thủ không phi huyền, phi huyền còn chẳng sanh, pháp huyền từ đâu lập”. Đây là hiển bày chỉ thú bí mật, ba đời Như Lai đồng một tâm yếu. Ngàn đời ghi chép nêu cao, chính khiến người tự phụ tâm tông (Thiền tông) vọng bàn vô ngại, sao không nhận lấy chỗ này nghiền ngẫm kỹ lưỡng sẽ sanh rất hổ thẹn.

+ BÀI XÍCH CHẤP KHÔNG HAY PHÁ HOẠI CHÁNH PHÁP.

Đại Huệ! Trong đây những gì là hoại? Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Nếu kia nhận tham sân si tánh (có) rồi sau lại không nhận. Phật bảo Đại Huệ: Ông hiểu như thế, lành thay, lành thay! Đại Huệ! Chẳng những tham sân si tánh (có), phi tánh (không) là hoại, mà đối với Thanh văn, Duyên giác và Phật cũng là hoại. Vì có sao? Vì trong ngoài không thể được, vì phiền não tánh khác và chẳng khác. Đại Huệ! Tham sân si hoặc trong hoặc ngoài không thể được, tham sân si tánh vì không thân, vì không thủ. Chẳng phải Phật, Thanh văn, Duyên giác là hoại, Phật, Thanh văn, Duyên giác vì tự tánh giải thoát, vì phược cùng nhân phược phi tánh (không có). Đại Huệ! Nếu có người phược thì nên có phược là nhân phược. Đại Huệ! Như thế nói hoại ấy gọi là không có tướng.

Lại bày rõ về chấp không. Tự gá vào chánh pháp, nghĩa là Như Lai cũng nói tham sân si tánh là không thể được, khiến chúng sanh vô trí nghi chê chánh pháp cho đó là hoại. Đâu biết tham sân si trong ngoài không thể được, bởi tham sân si vốn không tự tánh, nhân mê vọng hiện. Cho nên nói “không thân”. Giác mê thì mê diệt, giác chẳng sanh mê,

ấy là không thủ. Chẳng phải Như Lai, Thanh văn, Duyên giác đồng với thuyết hoại kia. Như Lai thấy rõ tự tánh nên vọng tưởng chẳng sanh, đã không tâm năng phục cũng không cảnh sở phục, năng sở đều dẹp mới là giải thoát. Nếu có cảnh sở phục, ắt có tâm năng phục, nên nói “nhân phục”. Nhân phục chưa đoạn mà vọng chấp là không. Nói là hoại, tức đây chấp không có tướng vậy.

Đại Huệ! Vì nhân đó nên ta nói thà chấp nhân kiến bằng núi Tu-di, chẳng khởi chấp không thật có tăng thượng mạn không. Đại Huệ! Không thật có tăng thượng mạn, ấy gọi là hoại, rơi vào kiến chấp tự tướng cộng tướng mong mỏi, chẳng biết tự tâm hiện lượng. Thấy ngoại tánh vô thường sát-na lần lượt hoại, ám giới nhập tương tục lưu chú biến diệt, lìa tướng vẫn tự vọng tưởng, ấy gọi là hoại.

Nhân kiến là chấp có. Thà chấp ấy, nghĩa là người kia mắc kẹt ở trời người; chẳng bằng chấp không mà diệt mất nhân quả, lừa dối chánh pháp, lưu độc vô cùng. Rơi vào tự tướng cộng tướng mong mỏi là, tất cả sắc tâm các pháp đã có tự tướng cộng tướng cảnh giới vọng tưởng, hiện rơi trong ấy khởi tướng ưa thích, chẳng lìa nhân phục. Nên nói: Chẳng đạt tâm lượng luống thấy ngoại pháp vô thường, ám giới biến diệt cho là không, không thật có, mà không biết kia chuốc ương họa mênh mông. Lìa vẫn tự tướng vọng tưởng ấy, bởi vì giác tự tâm hiện lượng thì đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt, đây là lìa tướng vẫn tự. Bởi kia tự đạt thẳng nguồn tâm. Kẻ chẳng biết tự tâm hiện lượng mượn miệng nói xa lìa vẫn tự vẫn trái lời dạy của thánh, buông lung hoang đường. Đây chính là phá hoại hồ tâm chạy theo vọng tưởng, vừa là hoại mình, hoại người, diệt chủng tộc Phật.

+ TÔNG TỤNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Có không là hai bên
Cho đến cảnh giới tâm
Trừ sạch cảnh giới kia
Tâm bình đẳng tịch diệt.
Không thủ cảnh giới tánh
Diệt chẳng phải không có
Có việc thấy như như
Như cảnh giới hiện thánh.

Không chủng mà có sanh
Sanh rồi mà lại diệt
Nhân duyên có chẳng có
Chẳng trụ giáo pháp ta.
Phi ngoại đạo phi Phật
Phi ngã cũng phi khác
Nhân duyên chung hợp khởi
Làm sao mà được không?
Gì hợp nhân duyên có
Mà lại nói rằng không?
Tà kiến luận sanh pháp
Vọng tưởng chấp có không.
Nếu biết không chỗ sanh
Cũng lại không chỗ diệt
Quán đây thầy không tịch
Có không hai đều lìa.

Lìa hai bên có không, giác tự tâm lượng, bình đẳng tịch diệt, không chấp cảnh giới chính là chân như bản hữu, là sở hành của thánh hiền, chẳng phải diệt không còn gì cả. Hai bài kệ trên đây nói tâm bình đẳng xa lìa cảnh giới có không. Một bài kệ dưới nói không chủng mà sanh là chấp có, sanh rồi lại diệt là chấp không. Bởi nhân duyên có không này đồng với ngoại đạo. Nghĩa là chẳng phải giáo pháp của Như Lai. Ba bài kệ dưới rất nói nhân duyên hợp sanh. Nghĩa là y Pháp tánh thì không Phật, không chúng sanh, không ngoại đạo, không nhân ngã. Do nhân duyên hợp khởi mới có sai biệt. Kinh Pháp Hoa nói: “Lưỡng Túc Tôn vô thượng, biết pháp thường không tánh, Phật chúng từ duyên khởi”. Vẫn có tập nhân mà lại nói không tức là rơi vào ngoại đạo tà kiến. Đây là do không biết lưu chú sanh nhân nên vọng chấp có không. Nếu biết tâm vốn không sanh, nhân mê dường như có, ngộ vốn không sanh thì cũng không diệt, xưa nay là không tịch, tánh tướng nhất như chẳng chấp tánh sanh, có không đều là hý luận.

E- CHỈ TÔNG THUYẾT HAI ĐỀU THÔNG ĐỂ RÀNH VỀ DỤNG NGŨ NGHĨA THỨC TRÍ, GIẢN BIỆT NGU NGOẠI, GIÚP TIẾN MÌNH NGƯỜI, CHÁNH PHÁP GIẢI THOÁT.

1- CHỈ TÔNG THUYẾT HAI ĐỀU THÔNG XA LÌA VỌNG TƯỚNG CHẤP TRƯỚC.

- CHỈ TÔNG THUYẾT HAI ĐỀU THÔNG.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Cúi xin vì con và các Bồ-tát nói tướng tông thông. Nếu khéo phân biệt tướng tông thông, con và các Bồ-tát thông đạt tướng ấy, thông đạt tướng ấy rồi, chóng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng theo giác tướng và chúng ma ngoại đạo. Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Tất cả Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát có hai thứ tướng thông, nghĩa là tông thông và thuyết thông.

Đến tột tự tánh là tông, viên dung chẳng hai là thông. Tùy cơ hiển bày chẳng kẹt quyền giáo gọi là thuyết thông. Bồ-tát được hai pháp này tự thành và làm thành cho người, không rơi vào cảnh giới ma ngoại đạo giác tướng, đây là phải học.

Đại Huệ! Tông thông là, duyên tướng tự đắc thắng tiến, xa lìa ngôn thuyết văn tự vọng tưởng, đến vô lậu giới tự giác địa tự tướng, xa lìa tất cả hư vọng giác tướng, hàng phục tất cả ngoại đạo chúng ma, duyên tự giác thú, hào quang phát sáng, ấy gọi là tướng tông thông.

Duyên tướng tự đắc thắng tiến là, tự là tự tánh, tự được tánh kia tối tôn tối thượng, tức là đã chứng căn bản trí. Duyên căn bản trí này xa lìa ngôn thuyết vọng tưởng, cứu kính vô lậu giác địa, nên nói “Phật tánh là nhân, Niết-bàn là quả”. Tự giác tông thông này là chỗ sở hành thánh lạc, trí tuệ minh đạt hàng phục tất cả, tất cả không thể hàng phục được.

Thế nào là tướng thuyết thông? Nghĩa là nói chín bộ giáo pháp, lìa tướng khác, chẳng khác, có, không v.v... do phương tiện khéo léo tùy thuận chúng sanh, như đáng nói pháp khiến được độ thoát, ấy gọi là tướng thuyết thông. Đại Huệ! Ông và các Bồ-tát khác nên phải tu học.

Chín bộ là: 1) Tu-đa-la dịch là Khế kinh. 2) Kỳ-dạ dịch Ứng tụng. 3) Già-đà dịch Kệ. 4) Y-đế-mục-đa dịch Bốn sự. 5) Xà-đa-già dịch Bốn sanh. 6) A-phù-đạt-ma dịch Vị tăng hữu. 7) Ưu-đà-na dịch Tự thuyết. 8) Tỳ-phật lược dịch Phương quảng. 9) Hòa-già-la dịch Thọ ký. Chẳng nói mười hai bộ đó, nghĩa là các kinh Đại thừa nói thẳng đại pháp chẳng nhờ nhân duyên, chỉ bàn lý viên mãn dứt các luận nghị, riêng hiển chân thường chẳng đợi thí dụ, cho nên không có ba bộ. Song cũng có đủ ba bộ. Chín bộ kinh này đều là phương tiện tùy cơ, hiển bày chỗ vào chẳng lìa tự tánh, chân tục viên dung, độ thoát các kiến, chẳng phải có pháp thật, nên nói là thông.

Khi ấy, Thế tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Tông thông và thuyết thông
Duyên tự cùng giáo pháp
Khéo thấy khéo phân biệt
Chẳng theo các giác tướng.
Chẳng có tánh chân thật
Như kẻ ngu vọng tưởng
Thế nào khởi vọng tưởng
Phi tánh cho giải thoát?
Quán sát các hữu vi
Sanh diệt thảy tiếp nối
Tăng trưởng hai chấp này
Điên đảo không hiểu biết.
Một ấy là chân đế
Không tội là Niết-bàn
Quán sát vọng tưởng đời
Như mộng huyễn cây chuối.
Tuy có tham sân si
Mà thật không có người
Từ ái sanh các ấm
Có đều như huyễn mộng.

Bài kệ thứ nhất nói chánh pháp tông thuyết đều duyên tự tánh tự giác, có nói ra dạy bảo cốt đạt yếu chỉ này, phải khéo phân biệt chớ theo giác tướng (vọng tướng). Hai bài kệ hai và ba nói kẻ ngu vọng tướng chẳng phải tánh chân thật, không thể giải thoát. Chỉ quán sanh diệt tăng trưởng hai chấp, do điên đảo mà thành. Hai bài kệ tư và năm nói tự giác chân đế này chỉ một không hai. Cần ở trên thể tự giác không thêm tội cấu liền là Niết-bàn. Song vọng cấu ở thế gian tất cả các pháp sắc tâm ví như huyền mộng, tuy có độc tham sân si v.v... cũng chính nơi đó không người. Các ám hiện tại đều từ ái sanh, thấy không thể được. Nếu hay biết chỗ này liền đó chóng lìa, thấy tánh bản thật.

- CHỈ TỐT TƯỚNG SANH CỦA VỌNG TƯỚNG ĐỂ HIỂN ĐỆ NHẤT NGHĨA.

+NHÂN ĐẠI HUỆ HỎI, CHỈ TƯỚNG SANH CỦA VỌNG TƯỚNG.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Cúi xin vì nói tướng vọng tướng chẳng thật. Vọng tướng chẳng thật vì sao mà sanh? Những gì là pháp tên vọng tướng chẳng thật? Ở trong những pháp nào mà vọng tướng chẳng thật? Phật bảo Đại Huệ : Lành thay, lành thay! Ông khéo hỏi Như Lai nghĩa như thế, được nhiều lợi ích, được nhiều an lạc, thương xót tất cả người trời ở thế gian. Lắng nghe, lắng nghe! khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông mà nói. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn, lành thay! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Do các thứ nghĩa, các thứ vọng tướng chẳng thật chấp trước, vọng tướng sanh. Đại Huệ! Chấp trước năng nhiếp (tâm), sở nhiếp (cảnh), chẳng biết tự tâm hiện lượng và rơi vào kiến chấp “có không” tăng trưởng vọng tướng tập khí theo kiến chấp ngoại đạo, chấp trước các thứ nghĩa bên ngoài, tâm (tâm vương), tâm số (tâm sở), vọng tướng chấp trước làm ngã ngã sở mà sanh.

Đây là tốt tướng vọng tướng sanh, để phát minh đệ nhất nghĩa chẳng sanh vọng tướng. Đại Huệ hỏi tướng vọng tướng chẳng thật từ đâu mà sanh. Thế Tôn bảo: Nhân các thứ nghĩa vọng tướng chẳng thật sanh. Các thứ là, tất cả pháp sắc tâm v.v... và thánh phàm tất cả danh tướng chân vọng. Các pháp tướng này không có tự tánh, lìa có và không, lìa tứ cú, y đó mà sanh vọng tướng. Cho nên nói “vọng tướng chẳng thật”. Ở đây chỉ nói vọng tướng chẳng thật y đây mà sanh khởi, đoạn sau mới nói “vì sao vọng tướng chẳng thật” để đáp “pháp gì chẳng thật, trong pháp gì chẳng thật”. Năng nhiếp sở nhiếp tức là thể tánh của vọng tướng. Nghĩa là vọng tướng này do không biết các thứ nghĩa đều tự

tâm hiện, rơi vào kiến chấp có không, tăng trưởng tập khí ngoại đạo, huân phát nơi tâm vương, tâm sở tất cả vọng tưởng, khởi chấp trước năng sở. Nguyên chỗ đáp của Thế Tôn cốt chỉ không biết tự tâm hiện lượng là căn do vọng tưởng. Nếu các thứ nghĩa bị nương tuy hiện khởi kiến chấp năng sở có không chẳng thật, song các thứ nghĩa này thấy đều không có tự tánh, vốn tự là kiến (tâm), là tướng (cảnh), liền đó tức là đệ nhất nghĩa. Cho nên biết đồng các thứ nghĩa này, mà một bên thì các thứ nghĩa vọng tưởng y đó khởi; một bên là đệ nhất nghĩa vọng tưởng chẳng sanh. Ý này đợi đoạn văn nạn ở sau sẽ rõ.

Tóm lại, giác tự tâm hiện tức vọng tưởng chẳng sanh, chẳng giác tự tâm hiện thì vọng tưởng y đó mà khởi. Chẳng phải do các thứ nghĩa, là tánh là kiến mà khiến vọng tưởng có không sai biệt, không thể chẳng xét kỹ. Tâm là tám thức tâm vương. Số là 51 thứ tâm sở. Biến hành có 5, biệt cảnh có 5, thiện 11, căn bản phiền não có 6, tùy phiền não 20, bất định có 4, tám thức tâm vương mỗi thứ đều đầy đủ.

+ NẠN VỌNG TƯỞNG MỘT BÊN SANH MỘT BÊN CHẲNG SANH.

Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Nếu các thứ nghĩa, các thứ chấp trước vọng tưởng chẳng thật mà vọng tưởng sanh, chấp trước nhiếp (tâm), sở nhiếp (cảnh), chẳng biết tự tâm hiện lượng và rơi vào kiến chấp có không, tăng trưởng vọng tưởng tập khí theo kiến chấp ngoại đạo, chấp trước các thứ nghĩa bên ngoài, vọng tưởng tâm (tâm vương), tâm sở (tâm sở), chấp trước ngã ngã sở sanh. Thế Tôn! Nếu như thế thì các thứ nghĩa tướng bên ngoài rơi vào tướng có không, là tánh và phi tánh, là kiến (tâm), tướng (cảnh). Thế Tôn! Đệ nhất nghĩa cũng như thế, là tướng lượng, căn, phần, thí, nhân. Thế Tôn! Vì sao một chỗ thì nghĩa vọng tưởng chẳng thật các thứ tánh chấp trước vọng tưởng sanh? Chỗ thì chẳng phải chấp trước tướng đệ nhất nghĩa vọng tưởng sanh? Đâu không phải Thế Tôn nói về tà nhân luận sao? Nên nói một sanh, một chẳng sanh.

Đây là lặp lại lời đáp của Thế Tôn mà riêng nêu ra các thứ nghĩa bên ngoài và có không kiến tướng đều ngay đó tánh là, kiến tướng không thể được, mà Thế Tôn bảo rằng vọng tưởng y đó mà khởi. Đệ nhất nghĩa căn lượng tông nhân thí dụ cũng ngay đó tánh là, kiến tướng không thể được, mà Thế Tôn bảo là vọng tưởng chẳng sanh. Đồng một tánh là, tướng là, kiến là, mà một bên bảo các thứ nghĩa vọng chấp có không; một bên bảo đệ nhất nghĩa vọng tưởng chẳng sanh. Đâu không phải Thế Tôn cũng rơi vào tà luận. Nghĩa là một bên chấp có sanh, một bên chấp không sanh. Không biết chỗ chấp của

ngoại đạo cùng với chỗ nói của thánh giáo, tuy tất cả tánh tướng thấy không thể được, các kiến chấp chóng lìa; song do giác tự tâm hiện lượng thì tất cả đều dứt, cùng chẳng giác tự tâm hiện lượng, mà cho là tất cả đều không thể được, thật là sai hào ly cách xa ngàn dặm. Nay những thiên gia ở trong thiên hạ nói là tâm tông mà bảo tất cả không thể được, tự tại vô ngại, đều không ngoài tâm lượng vọng tưởng, theo giác tướng lưu chuyển mà vẫn hui hui tự đắc cho là phát minh tự tâm. Tất cả tánh lìa, thể đế và đệ nhất nghĩa đế không hai không khác. Song không biết rằng hiện chấp có tánh rồi sau nói không, cùng chẳng chấp có tánh bình đẳng tịch diệt. Đây là giác tự tâm cùng chẳng giác tự tâm, riêng khác giữa chân và ngụy, học giả không thể không xét kỹ.

+ CHỈ GIÁC TỰ TÂM LƯỢNG VỌNG TƯỞNG CHẲNG SANH.

Phật bảo Đại Huệ: Chẳng phải vọng tưởng một sanh, một chẳng sanh. Vì có sao? Nghĩa là vì vọng tưởng có không đều chẳng sanh, mà bên ngoài hiện tánh (có), phi tánh (không). Giác tự tâm hiện lượng thì vọng tưởng chẳng sanh. Đại Huệ! Ta nói những kẻ ngu vì tự tâm các thứ tướng vọng tưởng, sự nghiệp hiện tiền các thứ tánh tướng vọng tưởng chấp trước sanh. Làm sao kẻ ngu được lìa chấp trước ngã ngã sở; lìa lỗi nhân duyên năng tác sở tác, giác tâm lượng vọng tưởng của mình, thân tâm chuyển biến, cứu kính hiểu rõ tất cả địa, cảnh giới Như Lai tự giác, lìa năm pháp, tự tánh, sự kiến vọng tưởng? Do nhân duyên này, nên ta nói vọng tưởng từ chấp trước các thứ nghĩa chẳng thật sanh. Biết nghĩa như thật được giải thoát các thứ vọng tưởng nơi tự tâm.

Chẳng phải vọng tưởng một sanh, một chẳng sanh, cho là vọng tưởng có không đều chẳng sanh. Đây là chỉ thẳng người giác tự tâm hiện lượng thì tất cả vọng tưởng có không đều chẳng sanh. Nay hiện ở trong cái có mà bảo tất cả tánh lìa, tất cả không thể được, đây là vọng tưởng chấp trước. Giác tự tâm hiện lượng trọn không có cái tướng này. Nên nói: “chẳng chấp có tánh, bình đẳng tịch diệt”. Người ngu đối các thứ tướng sự nghiệp hiện tiền chấp là có, cũng chấp là không, đều do vọng tưởng lưu chuyển. Không giác tự tâm hiện lượng thì động niệm dứt niệm đều trở về mê muội. Cho nên nói “muốn được xa lìa các thứ lỗi về ngã ngã sở, phải giác tâm lượng vọng tưởng nơi mình. Giác tất cả vọng tưởng thấy do tâm hiện”. Cái bị hiện chẳng thật thì cái tướng nơi tâm được lìa, liền chuyển thân tâm bất giác kia theo trí tự giác, chiếu sáng các địa đến Như Lai địa, tất cả năm pháp, ba tự tánh đều là hý luận. Vọng tưởng do y chấp trước các thứ nghĩa chẳng

thật. Đệ nhất nghĩa do biết tự tánh như thật. Tự thể giải thoát là vọng tưởng chẳng sanh, đây là quyết định vậy.

+ TỤNG CHUNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Các nhân cùng với duyên
Từ đây sanh thế gian
Vọng tưởng chấp tứ cú
Chẳng biết rành ngã sở.
Thế gian chẳng có sanh
Cũng lại chẳng không sanh
Chẳng từ có không sanh
Cũng chẳng phi có không.
Các nhân cùng với duyên
Tại sao ngu vọng tưởng
Chẳng có cũng chẳng không
Cũng lại chẳng có không.
Như thế quán thế gian
Tâm chuyển được vô ngã
Tất cả tánh chẳng sanh
Vì bởi từ duyên sanh
Tất cả duyên tạo ra
Tạo ra chẳng tự có
Sự chẳng tự sanh sự
Vì có lỗi hai sự.
Vì không lỗi hai sự
Chẳng có tánh khá được.

Đây nói tất cả thế gian từ nhân duyên sanh. Chẳng biết duyên sanh vọng chấp có không tứ cú. Song thế gian này thẳng đó thật không có tứ cú có thể được, đều do kẻ ngu vọng tưởng chẳng đạt lý này. Nếu hay quán kỹ như thế, mới biết tất cả vô ngã. Tự tánh chẳng sanh thấy từ duyên khởi, duyên khởi cũng không thì người tạo cùng việc tạo ra

đều không có thật tánh, thẳng đó liền lìa. Câu sự chẳng tự sanh sự, sự tức là quả sự. Nghĩa là quả cần đợi nhân, nhân thành ra quả, không có tánh tự sanh. Tóm lại tâm buổi đầu chẳng giác không thể tự chủ làm theo nhân duyên dường như có sanh diệt. Kẻ ngu chẳng biết vọng chấp có không, người giác chóng lìa vốn không thật tánh.

Quán các pháp hữu vi
Lìa phan duyên sở duyên
Không tâm lượng của tâm
Ta nói là tâm lượng.
Lượng ấy chỗ tự tánh
Duyên sanh cả hai lìa
Tánh cứu kính diệu tịnh
Ta nói tên tâm lượng.

Ở trước nói thế gian duyên sanh, duyên sanh nên không tánh. Ở đây mới chỉ ra người giác tự tâm lượng, chỉ hay lìa phan duyên và sở duyên liền đó không tâm, bèn hợp với tâm lượng. Nghĩa là tự tánh tâm này vốn không năng duyên sở duyên, cứu kính là viên diệu. Nếu ở ngoài tâm mà vừa có chấp trước bèn rơi vào vọng tưởng, chẳng phải bản hiện lượng.

Lập bày ngã thế đế
Ấy là không sự thật
Lập bày các ám thân
Không sự cũng như thế.
Có bốn thứ bình đẳng
Tướng và nhân tánh sanh
Thứ ba vô ngã đồng
Thứ tư người, pháp tu.

Trước nói tự tánh tâm lượng tất cả tánh lìa đương thể là diệu tịnh. Đây nói lập bày năm uẩn, hoặc người hoặc pháp cho đến tướng cùng vô tướng, sanh cùng vô sanh, ngã cùng vô ngã, năng tu và sở tu thấy đều bình đẳng không có thật tánh, để hiển chỉ có tự tánh tâm lượng, ngoài tánh này không có cái gì riêng khác. Lập bày thế đế là nhân tướng. Lập bày các ám là pháp tướng. Bốn thứ bình đẳng: tướng, nhân, ngã, tu. Tướng tức là

tướng năm âm. Năm âm không thật thì tướng cùng vô tướng bình đẳng. Tướng ắt có nhân, nhân là tập đế trong tứ đế, là sanh nhân của năm âm. Quả tướng đã dối thì sanh cùng vô sanh bình đẳng. Nhân quả sanh nhau thì đủ có nghĩa ngã, nhân quả chẳng sanh thì ngã cùng vô ngã bình đẳng. Rõ ngã chẳng phải ngã gọi đó là tu, rõ không có bị rõ thì tu cùng không tu bình đẳng.

Vọng tướng tập khí chuyển

Có các thứ tâm sanh

Cảnh giới hiện bên ngoài

Ấy tâm lượng thể tục.

Hiện ngoài mà chẳng có

Tâm thấy các thứ kia

Dựng lập làm thân, tài

Ta nói là tâm lượng.

Đây nói tâm lượng thể tục do tập khí chuyển ra, vọng sanh phân biệt dường như có ngoại cảnh. Giác được lý này thì trở lại là tự tánh tâm lượng. Hiện ngoài chẳng phải có là, chẳng phải riêng có do tâm vọng thấy, căn thân khí giới, hiện ra đều duy tâm.

Lìa tất cả các kiến

Và lìa tướng sở tướng.

Không được cũng không sanh

Ta nói là tâm lượng.

Phi tánh phi phi tánh

Tánh phi tánh thấy lìa

Gọi kia tâm giải thoát

Ta nói là tâm lượng.

Như như cùng không tế

Niết-bàn và pháp giới

Các thứ thân ý sanh

Ta nói là tâm lượng.

Các kiến là hai ngã kiến nhân và pháp. Tướng sở tướng là năng tướng và sở tướng. Lìa những cái này thì được gốc tự tâm, mà chẳng phải mới được, cho nên nói

“không được”. Tâm lượng hiện tiền thì chẳng chấp có tánh là sanh và nhân cả hai đều đoạn, cho nên nói “không sanh”. Hai pháp có không do tứ cú sanh ra, tứ cú đã lìa liền đó giải thoát. Như như, không tế, Niết-bàn, pháp giới đều chỉ cho tâm lượng chân tịnh viên mãn, cho đến các thứ thân ý sanh thể dụng đều diệu, thầy nói về tự tánh đến chỗ cùng tột.

2- CHỈ NGŨ, NGHĨA, THỨC, TRÍ ĐỂ HIỆN DỤNG TÔNG THÔNG.

-CHỈ NGŨ, NGHĨA.

+ NHÂN ĐẠI HUỆ HỎI, TRƯỚC CHỈ TƯỚNG NGŨ.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật rằng: Thế Tôn! Như Thế Tôn đã nói đại Bồ-tát phải rành rẽ về ngữ, nghĩa. Thế nào Bồ-tát rành ngữ, nghĩa? Thế nào là ngữ? Thế nào là nghĩa? Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Lành thay, Thế Tôn ! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Thế nào là ngữ? Nghĩa là lời nói văn tự vọng tưởng hòa hợp, y nơi cổ họng môi lưỡi răng nướu cảm má, nhân đó ta nói vọng tưởng tập khí chấp trước sanh, ấy gọi là ngữ.

Ngữ là ngôn giáo Như Lai nói ra tam thừa và nhất thừa. Nghĩa là đệ nhất nghĩa thánh lạc hành xứ. Đệ nhất nghĩa thánh lạc hành xứ do ngôn thuyết được vào. Vào đệ nhất nghĩa thánh lạc hành xứ thì hay xa lìa tất cả cảnh giới ngôn thuyết vọng tưởng giác. Nhân ngữ mà nhập nghĩa, nên nói chiếu liễu, mà chẳng phải y ngữ sanh nghĩa, trở lại rơi vào giác tưởng. Trước biện biệt thể tướng hai thứ ngữ nghĩa, nhiên hậu bảo, do ngữ nhập nghĩa, như ngọn đèn soi cảnh sắc, chẳng phải ngọn đèn tức là cảnh sắc. Tông thông này là hiển bày tông thú, mượn lời nói mà nhập, không nên y lời nói chấp trước vọng tưởng tướng khác. Vọng tưởng tập khí hòa hợp với bảy thứ: cổ họng... thành thể tướng của ngữ. Đây là y thể gian mà nói. Nếu thánh ngôn giáo tức là đệ nhất nghĩa diệu tâm khéo vì hiển bày. Cho nên ở sau nói “có ngữ chẳng khác với nghĩa”. Nhân ngữ mà biện nghĩa do ngữ nhập nghĩa nên nói giáo liễu nghĩa. Phạm vọng tưởng tập khí cùng đệ nhất nghĩa diệu tâm, thể một mà tên khác. Thầy do mê giác chuyển ra, nên biết tông thông hiển bày do lời nói mà vào, chẳng phải cảnh giới vọng tưởng.

+ CHỈ TƯỚNG NGHĨA.

Đại Huệ! Thế nào là nghĩa? Nghĩa là lìa tất cả tướng vọng tưởng tướng ngôn thuyết, ấy gọi là nghĩa. Đại Huệ! Đại Bồ-tát đối với nghĩa như thế ở riêng chỗ vắng vẻ văn tư tu tuệ, duyên tự giác liễu, hướng thành Niết-bàn, tập khí thân chuyển biến rồi,

cảnh giới tự giác xét nghĩa tương khoảng giữa các địa mà thẳng tiến, ấy gọi là đại Bồ-tát rành nghĩa.

Đây chỉ thể tướng của nghĩa mà chẳng nói những gì là nghĩa. Chỉ bảo lìa tất cả vọng tưởng ngôn thuyết, ấy gọi là nghĩa. Bởi vì muốn người lìa chỗ ngôn thuyết vọng tưởng được chỗ tự giác. Duyên chỗ tự giác này mới hay ở riêng chỗ vắng vẻ, chóng rõ văn tư tu tuệ, hồi hướng Niết-bàn. Nên nói “chuyên tập khí thân toàn là cảnh giới tự giác. Dùng tự giác diệu tuệ chiếu sáng các địa tiến thẳng lên trên chẳng do nơi khác”. Do nghĩa tướng này dễ thấy đệ nhất nghĩa diệu tâm của Như Lai khéo vì hiển bày, mà hay khiến người nhân ngữ biện được nghĩa, do ngữ nhập nghĩa, nên nói “ngữ chẳng khác nghĩa”. Văn sau sẽ nói rõ đó.

+ CHỈ DO NGỮ NHẬP NGHĨA.

Lại nữa, Đại Huệ! Đại Bồ-tát rành ngữ nghĩa quán ngữ cùng nghĩa chẳng khác, chẳng phải chẳng khác. Quán nghĩa cùng ngữ cũng lại như thế. Nếu ngữ khác với nghĩa thì chẳng nhân ngữ mà biện nghĩa. Song do ngữ nhập nghĩa như đèn soi cảnh sắc.

Đây chính bày tông thông hiển thị sở nhập. Có bao nhiêu chương cú đều là liễu nghĩa. Cho nên Bồ-tát rành ngữ nghĩa thì quán ngữ biết nghĩa là chẳng khác, chẳng phải chẳng khác. Khác thì chẳng nhân ngữ mà biện nghĩa, mà hẳn do ngữ nhập nghĩa. Đến chỗ tự chứng lìa ngôn ngữ mà được, mới biết tất cả ngôn giáo là chiếu liễu nguồn tâm, lìa tất cả cảnh giới ngôn thuyết vọng tưởng. Chúng sanh do tập khí che đậy nên không thể nhân ngữ mà biết chỗ trở về, trái lại duyên ngôn thuyết theo đó chấp có không, chẳng phải lỗi tại thánh giáo.

+ RIÊNG Y NGỮ CHẤP NGHĨA.

Lại nữa, Đại Huệ! Chẳng sanh chẳng diệt, tự tánh, Niết-bàn, tam thừa, nhất thừa, tâm, tự tánh v.v... như duyên lời nói nghĩa rồi chấp trước, rơi vào chấp dựng lập (có), phi báng (không), khác dựng lập (có), khác vọng tưởng, như huyễn các thứ vọng tưởng hiện. Thí như các thứ huyễn, chúng sanh phàm ngu cho là khác vọng tưởng, chẳng phải thánh hiện.

Đây nói kẻ ngu không thể nhân ngữ nhập nghĩa, đối tự thể các pháp trong đệ nhất nghĩa chẳng sanh diệt v.v... không có chiếu liễu, trái lại y ngôn thuyết chấp trước cảnh giới giác tướng sở thuyết, rơi vào có không. Là khác với tự thể các pháp đệ nhất như

nghĩa mà khởi dựng lập. Có các thứ vọng chấp như y nơi huyễn mà khởi các phân biệt. Cho nên biết, tất cả các pháp đều là đệ nhất nghĩa mà thánh phàm đồng hiện, mê giác vẫn phân. Người giác tự tâm hiện lia tướng ngôn thuyết, lia tướng tâm duyên, nhận được pháp thể, mới tin nhật dụng không khác, như chư thiên kia đồng bát đựng thức ăn, tùy phước dày mỏng mà thấy mỗi phần có khác.

+ TỤNG CHUNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Ngôn thuyết vọng tưởng kia

Dựng lập ra các pháp

Bởi do kia dựng lập

Chết rơi vào địa ngục.

Trong ám không có ngã

Ám chẳng tức là ngã

Chẳng như vọng tưởng kia

Cũng lại phi vô ngã.

Tất cả thấy có tánh

Như phàm ngu vọng tưởng

Nếu như kia đã thấy

Tất cả nên thấy đế (chân)

Tất cả pháp không tánh

Tịnh uế thấy không có

Chẳng thật như kia thấy

Cũng chẳng phải không có.

Đây nói ngoại đạo y ngôn thuyết vọng tưởng dựng lập có không, đó là tà pháp nhân chấp nên phải đọa. Song Nhị thừa bảo trong ám vô ngã, tuy chẳng giống vọng tưởng tức ám là ngã, mà không biết vô ngã cũng chẳng phải đệ nhất nghĩa. Phàm ngoại chẳng phân mê giác, làm cho vọng là chân. Nhị thừa đối trị tà chấp bỏ chân đồng vọng. Đây đều chẳng đạt tánh sẵn đủ, chẳng lia vọng tưởng mà có chân thật. Nếu quyết lia vọng thì nào khác lẫn vọng, cho nên nói “Nếu như kia đã thấy tất cả nên thấy đế (chân thật)”. Nghĩa là Nhị thừa vô ngã chẳng phải chân thật. Thế nên biết, tất cả các pháp chân thật

vốn không tự tánh, đã có tịnh uế đều do kiến chấp mà sanh. Chỉ trừ kiến chấp chẳng thật thì chân thật hiện tiền. Nên nói đệ nhất nghĩa như thật bản tế thâm hợp tương ưng, không có thủ xả. Đây là cảnh giới tự thông chẳng phải không có, mà không phải chỗ hay nói của ngôn thuyết vọng tưởng. Đó là sở do bài kệ chót trung bày.

- BIỆN THỨC, TRÍ.

+ CHỈ TƯỚNG BA THỨ TRÍ.

Lại nữa, Đại Huệ! Tướng trí, thức nay sẽ nói, nếu khéo phân biệt tướng trí và thức thì ông và các Bồ-tát ắt hay thông đạt tướng trí và thức, chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đại Huệ! Trí kia có ba thứ: Nghĩa là thế gian, xuất thế gian, xuất thế gian thượng thượng. Thế nào là trí thế gian? Nghĩa là tất cả ngoại đạo phàm phu chấp trước có không vậy. Thế nào trí xuất thế gian? Nghĩa là tất cả Thanh văn, Duyên giác rơi vào chấp trước hy vọng tự tướng cộng tướng. Thế nào là trí xuất thế gian thượng thượng? Nghĩa là chư Phật Bồ-tát quán pháp không thật có, thấy chẳng sanh chẳng diệt, lìa các loại có không. Như Lai địa nhân pháp vô ngã, duyên tự đắc mà sanh.

Tất cả chúng sanh chẳng được duyên tự giác liễu đều do không đạt hai tướng trí và thức. Cho là trí mà thật là thức, thành tăng thượng mạn. Đó là lý do Như Lai lập đi lập lại để hiển bày vậy. Trong ba thứ trí, thế gian trí chỉ cho ngoại đạo. Cũng nói người trí, bởi vì ngoại đạo tự cho là người trí. Nhị thừa đạt các ấm vô ngã, vẫn còn chấp pháp ấm, không biết đều là tự tâm hiện, nên nói “theo tự tướng cộng tướng hy vọng”. Chư Phật Bồ-tát giác tự tâm hiện, đạt tất cả pháp đều không thật có, lìa có không sanh diệt, tự tánh như như. Bởi vì Như Lai địa nhân pháp đều quên, duyên tự đắc sanh, chẳng cùng ngoại đạo, Nhị thừa chấp có không, hy vọng tự cộng mà so sánh được.

+ CHỈ THỨC, TRÍ SAI BIỆT.

Đại Huệ! Cái sanh diệt kia là thức; cái chẳng sanh diệt là trí. Lại nữa, rơi vào tướng vô tướng và các thứ nhân tướng có không là thức; siêu việt tướng có không là trí. Lại nữa, tướng tướng dưỡng là thức; chẳng phải tướng tướng dưỡng là trí.

Bất giác tự tâm hiện, vọng thấy tất cả pháp sanh, vọng thấy tất cả pháp diệt. Giác tự tâm hiện, chỗ hiện là duy tâm, không có sanh diệt. Đây là lý do trí cùng thức phân biệt vậy. Ý cái sanh diệt này chấp tướng có không, cùng nhân có không là thức. Hay siêu việt cái này là trí. Tướng dưỡng là nghĩa sanh. Đối tất cả pháp mà tạo sanh nhân là thức. Đối

tất cả pháp mà làm liễu nhân là trí. Như Lai đã có ba mươi bảy pháp trợ bồ-đề và sáu ba-la-mật, tất cả vô lượng ba-la-mật đều là liễu nhân mà chẳng phải sanh nhân.

Lại nữa, có ba thứ trí: Biết sanh diệt, biết tự cộng tướng, biết bất sanh bất diệt. Lại nữa, tướng vô ngại là trí, cảnh giới các thứ tướng ngại là thức. Lại nữa, tướng ba việc hòa hợp phương tiện sanh là thức, tướng vô sự phương tiện tự tánh là trí. Lại nữa, tướng đặc là thức, tướng chẳng đặc là trí. Cảnh giới tự đặc thánh trí chẳng ra chẳng vào, cho nên như trăng trong nước.

Sanh diệt là mê chân duyên tập. Nghĩa là các phàm phu ngoại đạo mê chân tánh mình, khởi ra tất cả nhân duyên sanh diệt. Tự cộng tướng là kẹt nơi chân duyên tập. Nghĩa là Nhị thừa kẹt nơi pháp chấp chẳng đạt chân tánh, khởi ra tất cả nhân duyên nhằm chán tự tướng cộng tướng. Chẳng sanh chẳng diệt là tự chân duyên tập. Nghĩa là Bồ-tát thấy giáo thấy chân tánh mình chẳng lìa chân tế, khởi ra tất cả pháp nhân bồ-đề chẳng sanh diệt. Biết ba thứ này mới gọi là trí. Hay biết ba thứ mà biết chẳng phải ba thứ, nên nói nhất thiết trí trí thanh tịnh. Vô ngại tức là nghĩa tứ vô ngại trong kinh Hoa Nghiêm. Nghĩa là lý vô ngại, sự vô ngại, sự lý vô ngại, sự sự vô ngại. Chân thuyên vô ngại vừa có thiên trọng liền rơi vào thức tâm. Ba việc là, căn trần thức. Rõ biết căn trần đều do nội thức biến dường như có, mà không có căn trần có thể được. Tất cả phân biệt tức là vô phân biệt trí, nên nói “tùy thuận phân biệt các tướng pháp, mà nơi đệ nhất nghĩa chẳng động”. Tướng tức là tất cả tướng sắc, tâm v.v... Giác tự tâm hiện không có các tướng có thể được, gọi là tướng chẳng đặc. Đây đều là cảnh giới tự giác thánh trí như trăng trong nước chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải ra chẳng phải vào, không thể hiển bày, chỉ chứng tương ưng.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Gom nhóm nghiệp là thức

Chẳng gom nhóm là trí

Quán sát tất cả pháp

Thông đạt không thật có

Liên được sức tự tại

Ấy tức tên là tuệ

Buộc cảnh giới là tâm

Giác tưởng sanh là trí
Không thật có và thắng
Tuệ ắt từ ấy sanh.

Đây phân trí tuệ. Trí là nhằm giác liễu tự tâm, chẳng theo thức tâm phân biệt nhiếp thọ, là chỉ căn bản trí. Tuệ là nhằm sai biệt, được tất cả chỗ vô sai biệt trí, vào pháp hạnh Phổ Hiền, nhậm vận trang nghiêm. Buộc cảnh giới là, bị tất cả pháp sanh diệt buộc, tâm giác cảnh buộc này vốn tự viên tịnh. Chỉ do vọng tưởng thấy không thể được, cũng nhiếp thuộc căn bản trí. Giác thì hay liễu, liễu mà không có sở liễu, đến chỗ vô tướng, lần lượt tăng thắng cũng nhiếp thuộc sai biệt. Vô tướng là cảnh giới Bát địa. Thắng tức Như Lai địa.

Tâm ý cùng với thức
Xa lìa tưởng suy nghĩ
Được pháp không tưởng nghĩ
Phật tử phi Thanh văn
Nhẫn tịch tĩnh thắng tiến
Như Lai trí thanh tịnh
Sanh ra nghĩa thiện thắng
Đã làm thầy xa lìa.

Đây tức nơi tâm ý ý thức mà được trí thanh tịnh Như Lai, chẳng phải Nhị thừa đến được. Tâm ý ý thức đương thể toàn không, chỉ hay lìa các phân biệt thì được pháp thể vô phân biệt, liền khéo vào nhẫn tịch diệt đến trí địa thanh tịnh Như Lai. Do trí thanh tịnh Như Lai đều từ pháp vô phân biệt mà sanh. Pháp vô phân biệt tức là nghĩa thiện thắng. Pháp thiện thắng vô phân biệt này tức là thể của suy nghĩ phân biệt. Vì mê nên y thể khởi vọng, vì giác nên thể hợp tướng dừng, bản trụ hiện tiền tâm hành chóng hết. Đó là nghĩa đế vô phân biệt tối thắng vậy. Nhẫn có năm: Phục, tín, thuận, vô sanh, tịch diệt. Từ tam hiền cho đến Phật địa chỗ chứng có sáu cạn. Về tịch diệt nhẫn đến địa thứ mười là Pháp vân mới chứng, bậc Đẳng giác và Diệu giác Phật địa các hoặc đoạn hết cũng nhiếp thuộc nhẫn này.

Ta có ba thứ trí
Thánh vạch mở chân thật

Nơi kia suy nghĩ tưởng
Đều nhiếp thọ các tánh
Nhị thừa chẳng tương ưng
Trí lìa các sở hữu
Chấp trước nơi tự tánh
Từ các Thanh văn sanh
Vượt qua các tâm lượng
Như Lai trí thanh tịnh.

Ba thứ, tức trong chánh văn biết ba thứ sanh diệt v.v... ba thứ hay biết này tức là trí thể thanh tịnh chân thật của Như Lai. Bởi vọng suy nghĩ khởi các nhiếp thọ, liền nhiếp thọ các pháp. Cùng nhiếp thọ không tương ưng tức thuộc Nhị thừa. Nếu đạt pháp tánh không thật có thì nhiếp thọ chóng lìa, liền đồng thánh trí. Cho nên biết, Nhị thừa chỉ đối với không thật có mà vọng sanh chấp trước, bèn thành tâm lượng. Siêu vượt nơi đây liền đó thanh tịnh chẳng phải lại riêng có Như Lai trí.

+ CHỈ NGOẠI ĐẠO CHUYỂN BIẾN CHẲNG LÀ VỌNG THỨC.

NÊU DANH TƯỚNG NGOẠI ĐẠO CHUYỂN BIẾN.

Lại nữa, Đại Huệ! Ngoại đạo có chín thứ chuyển biến luận, mà kiến chấp ngoại đạo chuyển biến sanh. Nghĩa là: Hình xứ chuyển biến, tướng chuyển biến, nhân chuyển biến, thành chuyển biến, kiến chuyển biến, tánh chuyển biến, duyên phân minh chuyển biến, sở tác phân minh chuyển biến, sự chuyển biến. Đại Huệ! Ấy gọi là chín thứ kiến chấp chuyển biến, các ngoại đạo nhân đó khởi ra có không, sanh chuyển biến luận. Thế nào là hình xứ chuyển biến? Nghĩa là hình xứ thấy khác, thí như vàng biến làm các món vật thì có các thứ hình xứ hiển hiện, chẳng phải tánh vàng có biến đổi. Tất cả tánh biến cũng lại như thế. Hoặc có ngoại đạo khởi vọng tưởng như thế cho đến vọng tưởng sự biến, vì vọng tưởng kia chẳng phải như, chẳng phải khác.

Ngoại đạo chín thứ chuyển biến nhân nơi thân tứ đại năm uẩn và tất cả pháp hữu vi ở thế gian hiện thấy ở trước mắt, nhân quả sanh diệt thành bại khổ vui, các thứ dờn dỗi thật có như thế, tạo thành định luận. Họ chẳng biết tự tâm hiện ra, như vàng làm các món trang sức, vàng không cố định là món trang sức, món trang sức chẳng ngoài vàng, chẳng phải một chẳng phải khác, chẳng phải có chẳng phải không. Vì mê nên thấy rõ ràng, vì

giác nên thấy như huyễn. Duy Thức luận nói là “tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên”. Như Lai nêu ra chỗ này, tuy chỉ cái sở do vọng chấp của ngoại đạo cũng là vì tất cả chúng sanh trong thiên hạ ở đời sau và người tu hành dẹp trừ chướng hý luận trước mắt. Do đạt tự tâm hiện ra thật không có tự tánh. Hình tức là uẩn thân, thân có lưu chuyển trong sáu đạo, tướng có đẹp xấu không nhất định. Hình tướng có nhân, nhân đủ thì quả thành, thấy già trẻ nhiều thay đổi, tánh khổ vui chóng đổi thay. Duyên sanh ra rõ ràng, pháp duyên sanh rành rẽ, năng sở đã đủ thì việc sanh sáng tỏ. Đây là chín thứ chuyển biến, ngoại đạo y theo đó thành kiến chấp hữu nhân vô nhân. Lại nêu lên hình sự là toát yếu hết chín thứ, dùng vàng và trang sức làm dụ, lia vàng nói trang sức cũng tức trang sức nói vàng, chẳng phải tức, chẳng phải ly, là tức là ly đồng với hý luận, thấy do vọng tưởng. Đây cũng thuộc về thức.

CHỈ CHUYỂN BIẾN KHÔNG TÁNH, ĐỀU DO VỌNG THỨC. GỒM TỤNG.

Như thế, tất cả tánh chuyển biến nên biết như sữa, lạc, rượu, trái v.v... đã chín. Ngoại đạo chuyển biến vọng tưởng, kia cũng không có chuyển biến. Hoặc có hoặc không tự tâm hiện ra ngoại tánh (có), phi tánh (không). Đại Huệ! Như thế, chúng sanh phạm ngu tự vọng tưởng tu tập sanh. Đại Huệ! Không có pháp hoặc sanh hoặc diệt, như thấy sắc huyễn mộng sanh.

Lại nêu tất cả pháp như sữa, lạc, rượu, trái v.v... hiện thấy chuyển biến để thấy ngoại đạo y đây mà khởi vọng tưởng chuyển biến. Song tất cả pháp không có tánh chuyển biến. Sữa không có tánh lạc, trái không có tánh rượu, do nhân duyên biến đổi hoặc có hoặc không, đều là tự tâm hiện mà không có tự tánh. Như thấy tất cả sắc tướng mộng huyễn, nó chẳng phải sanh chẳng phải diệt, chẳng phải có chẳng phải không. Phạm ngu không biết cho là tự tu tập sanh, vọng thấy có thật pháp.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Hình, xứ, thời, chuyển biến

Tứ đại chủng các căn

Trung ấm thứ lớp sanh

Vọng tưởng phi minh trí.

Tối Thắng đối duyên khởi

Chẳng như vọng tưởng kia

Song thể gian duyên khởi

Như thành Càn-thát-bà.

Thấy tứ đại các căn có hình, xứ, thời, tướng của chuyển biến và thân trung ấm thứ lớp sanh trưởng, đều là vọng tưởng, chẳng phải minh trí. Thế gian duyên khởi như thành Càn-thát-bà, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải một chẳng phải khác. Chư Phật Như Lai quyết chẳng ở nơi duyên khởi có không mà có chút ít phân biệt, như kẻ vọng chấp kia. Hiện sanh là tiền ấm, hậu sanh là hậu ấm. Xả hiện sanh chưa đến hậu sanh, khoảng giữa có hiện thân, gọi là trung ấm.

- RIÊNG Y NGŨ' THỦ NGHĨA THÀNH CHẤP SÂU KÍN.

+ ĐẠI HUỆ THỪA HỎI.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Cúi xin vì nói nghĩa tất cả pháp tương tục và nghĩa giải thoát. Nếu khéo phân biệt tướng tất cả pháp tương tục và chẳng tương tục thì con và các Bồ-tát hiểu rành tất cả tương tục phương tiện khéo léo, chẳng rơi vào như nghĩa đã nói, chấp trước tương tục. Chúng con khéo đối với tướng tất cả pháp tương tục, chẳng tương tục và lìa ngôn thuyết văn tự vọng tưởng giác, dạo đi tất cả cõi nước chư Phật, vô lượng đại chúng, lực tự tại thông, được ấn tống trì, các thứ biến hóa, hào quang chiếu sáng, giác tuệ khéo nhập mười vô tận cú, không có hạnh phương tiện, ví như nhật nguyệt, ma-ni, tứ đại. Đối tất cả địa lìa kiến chấp tướng vọng tưởng của mình, thấy tất cả pháp như mộng huyễn v.v... nhập thân Phật địa. Đối tất cả chúng sanh giới tùy chỗ họ mong mỏi mà vì nói pháp, dẫn đường cho họ, đều khiến họ an trụ, tất cả các pháp như mộng huyễn v.v... lìa các loại có không và vọng tưởng sanh diệt, khác với nghĩa ngôn thuyết, thân kia chuyển biến thù thắng.

Đoạn này duyên ngôn thuyết nghĩa chấp trước, muốn Thế Tôn phát minh được nhân ngôn thuyết vào đệ nhất nghĩa thánh lạc hành xứ, để tiến đến cứu kính không rơi vào lỗi tể. Duyên ngôn thuyết nghĩa chỗ chấp sâu kín giác tướng chẳng dứt, cho nên nói tương tục, Nhị thừa nhất thừa đồng có cái chương này, nên nói chấp pháp. Như nhân thánh giáo nói “năm uẩn vô ngã”, Nhị thừa duyên đây vào quán vô ngã, chứng nhân vô ngã cho là thật có pháp năm uẩn, thật có pháp đã chứng vô ngã. Cái chương này đến Thất địa, chưa vào Bát địa còn không thể khởi. Nếu pháp vô ngã thì vi tế sở tri đến Phật địa mới hết. Sở tri tức là lý không sở chứng. Trí không năng chứng vừa còn sở liễu thì đối

với đệ nhất nghĩa thánh lạc hành xứ còn chưa viên mãn. Đây là tột cùng tế tương tương tục. Song, nếu Bồ-tát hiểu rành phương tiện cũng không rơi vào cảnh giới ngôn thuyết vọng tưởng giác mà được giải thoát, tổng trì giác tuệ, dùng giác tuệ này đạo đi tất cả cõi Phật, thần thông biến hóa, chợt hay nương mười nguyện vô tận như nhật, nguyệt, ma-ni, tứ đại, soi khắp mười phương không dùng không mắc, trải tất cả địa, lìa kiến chấp các tướng, đạt pháp như huyễn, được thân cõi cứu kính của Như Lai. Nhiên hậu tùy căn cơ chúng sanh mà vì dẫn đường, như chỗ mình hiểu, chóng trừ có không sanh diệt, siêu tất cả ngôn thuyết vọng tưởng tương tục. Cho nên biết ngoại đạo Nhị thừa đều do chẳng rành phương tiện, chấp ngôn thuyết vọng tưởng, không thể phát minh giác tuệ giải thoát. Đây là lý do phân trí cùng thức, sự xoay chuyển của mê với giác vậy. Ý Bồ-tát Đại Huệ thỉnh chỗ then chốt sâu kín. Thập vô tận cú, trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát được sơ Hoan hỷ địa phát nguyện rộng lớn như pháp giới, dùng thập vô tận mà được thành tựu, thập cú này có tận thì nguyện ta có tận, do thập cú này không tận nên nguyện ta không tận. 1) Chúng sanh giới vô tận. 2) Thế giới vô tận. 3) Hư không giới vô tận. 4) Pháp giới vô tận. 5) Niết-bàn giới vô tận. 6) Phật xuất hiện giới vô tận. 7) Như Lai trí giới vô tận. 8) Tâm sở duyên vô tận. 9) Phật trí sở nhập cảnh giới vô tận. 10) Thế gian chuyển, pháp chuyển, trí chuyển vô tận. Như nhật, nguyệt, ma-ni, tứ đại là, nhật, nguyệt đi trong không chẳng nương giá, ma-ni tùy phương hiện sắc không có tự tánh, đất nước lửa gió khắp giáp pháp giới không có chướng ngại.

+ CHỈ RA MƯỜI MỘT THỨ TƯƠNG TỤC SÂU KÍN.

Phật bảo Đại Huệ: Lành thay, lành thay! Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Vô lượng tất cả pháp như nghĩa đã nói, chấp trước tương tục. Nghĩa là: Tướng kế trước tương tục, duyên kế trước tương tục, tánh phi tánh kế trước tương tục, sanh bất sanh vọng tưởng kế trước tương tục, diệt bất diệt vọng tưởng kế trước tương tục, thừa phi thừa vọng tưởng kế trước tương tục, hữu vi vô vi vọng tưởng kế trước tương tục, địa địa tự tướng vọng tưởng kế trước tương tục, tự vọng tưởng vô gián vọng tưởng kế trước tương tục, hữu vô phẩm ngoại đạo y vọng tưởng kế trước tương tục, tam thừa nhất thừa vô gián vọng tưởng kế trước tương tục.

Tướng tức là Nhị thừa chấp pháp tướng năm uẩn và trí tướng pháp vô ngã của Thập địa đều là tướng. Duyên tức là nhân duyên cũng là chỗ chấp của Nhị thừa và duyên tự giác liễu vừa có chỗ nương đều là pháp duyên. Tánh vẫn là pháp. Tánh phi tánh, sanh bất sanh, diệt bất diệt, thừa phi thừa, vi vô vi đều là chỗ chấp đối đãi của thế gian và xuất thế gian. Địa địa tự tướng là, địa địa đều không thật pháp. Kinh Hoa Nghiêm một địa tức đủ các địa, lại các địa mỗi mỗi vào một địa, như lưới châu của trời Đê Thích lẫn nhau nhiếp nhập không có tự tánh. Nếu có địa tướng sở chứng liền có tự tướng năng chứng, nên nói “tự vọng tướng”. Hữu vô phẩm tức là trước nương nơi có và nhận tánh tham sân si, về sau nói không, đều y thánh ngôn thành tăng thượng mạn, phá hoại Phật pháp đồng với ngoại đạo ấy vậy. Tam thừa nhất thừa cũng là thánh giáo đã nói, không biết phương tiện, nhân lời nói nhận nghĩa rồi chấp cho là thật pháp, thấy đều thuộc về tương tục.

+ CHỈ TƯƠNG TỤC SÂU KÍN TỰ HOẠI HOẠI NGƯỜI.

Lại nữa, Đại Huệ! Đây cùng chúng sanh phạm ngu vọng tướng, như tầm nhả tơ làm kén; do tơ vọng tướng tự trói trói người, tướng có không có tương tục chấp trước.

Nương trước suy rộng ra lại có vô lượng thứ chấp trước sâu kín. Tự trói trói người đây đều y ngôn thủ nghĩa vọng sanh tướng khác cho là bí mật. Tự hoại lại hoại chánh pháp làm chướng chúng sanh, rất đáng thương xót, là lý do Như Lai không ngót thương xót.

+ CHỈ CÁC PHÁP TỊCH TĨNH, XA LÌA TƯƠNG TỤC VÀ CHẴNG TƯƠNG TỤC.

Lại nữa, Đại Huệ! Trong kia cũng không tướng tương tục và chẳng tương tục, vì thấy tất cả pháp tịch tĩnh nên vọng tướng chẳng sanh. Đại Bồ-tát thấy tất cả pháp tịch tĩnh. Lại nữa, Đại Huệ! Giác ngoại tánh (có), phi tánh (không), tự tâm hiện tướng không thật có, tùy thuận quán sát tự tâm hiện lượng, có không tất cả tánh không tướng thì thấy tương tục tịch tĩnh. Cho nên đòu tất cả pháp không tướng tương tục và chẳng tương tục. Lại nữa, Đại Huệ! Trong kia không có hoặc trói hoặc mở, những người rơi vào giác tri không như thật thấy có trói có mở. Vì có sao? Vì đối tất cả pháp có không có, không chúng sanh có thể được.

Cũng không tương tương tục và chẳng tương tục, lại vì người chấp chẳng tương tục mà nói. Được tự giác đệ nhất nghĩa thấy tất cả pháp tịch tĩnh thì vọng tưởng chẳng sanh, tương tục cùng chẳng tương tục thấy thành hý luận. Sở dĩ như thế, vì giác tất cả pháp bên ngoài không có tự tánh, do tự tâm hiện như huyễn như mộng đều không thật có. Quán sát như thật giác tự tâm lượng thì có không đều dứt, thuần một tịch tĩnh, không tương tương tục nên cũng không tương chẳng tương tục. Nếu có trói có mở đều rơi vào không giác tri như thật, chẳng phải tất cả pháp tự tương chân như. Tất cả pháp tự tương chân như thì có không có đều không chủ tể. Đây là tự giác đệ nhất nghĩa trong ngoài tương ứng.

Lại nữa, Đại Huệ! Kẻ ngu có ba thứ tương tục. Nghĩa là: tham, sân, si và ái, vị lai có ái hỷ chung. Do tương tục này nên có thú tương tục. Tương tục ấy là tiếp nối trong ngũ thú. Đại Huệ! Tương tục dứt thì không có tương tương tục cùng chẳng tương tục. Lại nữa, Đại Huệ! Ba hòa hợp duyên tạo phương tiện chấp trước nên thức tương tục vô gián sanh. Phương tiện chấp trước thì có tương tục. Ba hòa hợp duyên thức dứt thì thấy ba giải thoát, tất cả tương tục chẳng sanh.

Kẻ ngu có ba thứ tương tục, Nhị thừa nương tương tục này chứng chẳng tương tục, thành kiến chấp chẳng tương tục. Cho nên Như Lai đặc biệt gọi đó bảo “tương tục dứt thì không có tương tương tục chẳng tương tục”. Tham sân si là nhân tương tục. Nhân này từ vô minh bất giác liên sanh kiến tướng nên nhân pháp rõ ràng, phiền não y đó mà khởi. Do cái ái ấy đến sanh đời sau cùng tham hỷ chung. Bởi cái tương tục này bèn thành ngũ thú. Nhị thừa tuy đoạn nhân tương tục mà chẳng biết vô minh bất giác thấy đồng huyễn hóa, lầm cho là có tướng nên đoạn, nên nói “chấp pháp”. Ba hòa hợp duyên phương tiện chấp trước thức sanh là, ba hòa hợp tức căn, trần, thức. Thức này tuy gồm tám thức, song thủ nghĩa này thì chỉ thức chấp ngã thứ bảy. Thức này Nhị thừa chỉ đoạn nhân chấp ngoại ngã. Ngoại ngã này đoạn không có người nhiếp thọ thì nhân sanh trong tam giới tự đoạn. Bởi vô minh chưa đoạn nên kiến phần nội ngã vẫn còn. Nội ngã tức là pháp ngã. Do có pháp ngã nên khi nhân sanh đoạn khởi tưởng chẳng tương tục, chẳng phải chân giải thoát. Nếu thức thứ bảy nội ngã ngoại ngã đều đoạn thì thấy ba môn giải thoát của đại thừa là tất cả tương tục chẳng sanh. Nhị thừa khởi tưởng chẳng tương tục vẫn là nhân nói thủ nghĩa. Cái tương tục này lại là sâu kín, đến chứng giải thoát mới hay hằng đoạn. Ba giải

thoát là, không, vô tướng, vô nguyện. Vô nguyện mới đặc biệt nhị ngã chân lạc. Thế nên vào môn này thì tất cả pháp tịch tĩnh.

+ TỤNG CHUNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Chẳng chân thật vọng tưởng

Là nói tương tương tục.

Nếu biết chân thật kia

Lưới tương tục ắt đoạn

Đôi các tánh không biết

Tùy ngôn thuyết nhiếp thọ

Thí như con tầm kia

Nhả tơ mà tự trói.

Kẻ ngu vọng tưởng trói

Tương tục chẳng quán sát.

Ý bài kệ nói chỉ nhập chân thật đệ nhất nghĩa thì tương tục tự đoạn, không có tương tương tục cùng chẳng tương tục. Kẻ ngu hiện tại bị trói trong tương tục, bởi không khéo quán sát y nơi ngôn thuyết thủ nghĩa vọng sanh tưởng khác. Muốn cầu giải thoát trở lại tự trói buông, đều do chẳng được đệ nhất nghĩa tự giác vậy.

- CHỈ THÁNH TRÍ KHÔNG SỰ ĐỂ PHÁ VỌNG CHẤP.

+ ĐẠI HUỆ NẠN CÁC PHÁP ĐOẠN DIỆT.

Đại Huệ lại bạch Phật: Như Thế Tôn đã nói “Do các vọng tưởng kia vọng tưởng các pháp kia, chẳng phải các pháp có tự tánh, chỉ là tự tánh vọng tưởng thôi”. Thế Tôn! Nếu chỉ là tự tánh vọng tưởng, chẳng phải tánh tự tánh đối đãi, Thế Tôn nói như thế đâu không mắc cái lỗi phiền não thanh tịnh đều không có chẳng? Vì tất cả pháp do tự tánh vọng tưởng thấy đều không có?

Tất cả các pháp do tự tâm hiện ra nên chẳng phải có chẳng phải không. Bởi mê tự tâm vọng khởi chấp trước có tự tánh các pháp. Như Lai Thế Tôn thường nói: “Các pháp không tự tánh chỉ có tánh vọng tưởng”. Cho nên Đại Huệ nạn rằng: “Nếu chỉ có tánh vọng tưởng mà không có tự tánh các pháp thì, các pháp nhiễm tịnh đâu không hoàn toàn hoại”. Đây là nghi các pháp đoạn diệt. Chẳng biết các pháp do tự tâm hiện ra không có tự

tánh. Kẻ ngu không biết vọng tưởng thấy có. Vì khiến họ lìa vọng chấp nên nói thánh trí tự tánh không sự. Không, chẳng rơi vào có, mà có thánh trí sở tri, lại chẳng phải pháp hoại. Văn sau lặp đi lặp lại cho sáng tỏ, thầy chỉ ra ý này.

+ CHỈ KHÔNG TÁNH CÁC PHÁP, CHẴNG PHẢI KHÔNG TRI KIẾN THÁNH TRÍ.

Phật bảo Đại Huệ: Như thế, như thế, như ông đã nói. Đại Huệ! Chẳng phải như kẻ ngu tánh tự tánh vọng tưởng chân thật, tự tánh vọng tưởng này chẳng có tướng tánh, tự tánh. Song, Đại Huệ! Như thánh trí có tánh tự tánh, thánh trí thánh kiến thánh tuệ nhãn. Như thế, tánh tự tánh biết.

Chấp nhận lời thuật lại của Đại Huệ, chỉ có tánh vọng tưởng không tánh các pháp, mà chẳng phải đoạn diệt. Nghĩa là tất cả các pháp không có tánh nhất định là phiền não, thanh tịnh, mà chẳng phải không tánh. Cho nên nói “như thánh trí có tánh tự tánh, thánh trí thánh kiến thánh tuệ nhãn, như thế tánh tự tánh biết”. Sở dĩ thánh trí có tánh tự tánh, là vì thánh trí thánh kiến thánh tuệ nhãn, nhất như thật tướng các pháp trong ngoài tương ưng không có cảnh giới riêng. Chẳng như kẻ ngu vọng sanh phân biệt, vọng có chỗ chấp.

+ NAN CÁC PHÁP CHẴNG KHÔNG, THÁNH TRÍ RƠI VÀO CÓ.

NGHI CHỖ BIẾT CỦA THÁNH TRÍ ĐỒNG VỌNG TƯỞNG HIỆN.

Đại Huệ bạch Phật: Nếu như thánh dùng thánh trí thánh kiến thánh tuệ nhãn, chẳng phải thiên nhãn, chẳng phải nhục nhãn, tánh tự tánh như thế biết, chẳng phải như vọng tưởng của ngu phu. Thế Tôn! Làm sao ngu phu lìa vọng tưởng ấy, vì chẳng giác việc thánh tánh? Thế Tôn! Họ cũng chẳng phải điên đảo, chẳng phải không điên đảo. Vì có sao? Vì họ chẳng giác thánh sự tánh tự tánh, vì chẳng thấy lìa tướng có không.

Chỗ biết của thánh trí chẳng phải như vọng tưởng. Nghĩa là chỗ biết của thánh trí chẳng như cảnh giới vọng tưởng. Đây nêu ra ngu phu chẳng lìa vọng tưởng, chẳng giác thánh tánh. Tuy cảnh giới chẳng đồng, mà đồng một năng kiến, đồng một sở kiến, là năng sở của vọng tưởng muốn lìa tức căn trần của thánh trí rành rõ. Đây là lý do của Đại Huệ nạn vậy. Ý nói phàm phu ngu si hiện có vọng tưởng phân biệt làm sao được lìa. Hiện có cảnh giới thánh trí mà không biết như thật thì không thể nói giác. Song chỗ biết của thánh trí tướng tánh tự tánh đồng với vọng tưởng hiện. Nên nói, thế gian nói trâu, thánh nhân cũng nói là trâu; thế gian nói ngựa, thánh nhân cũng nói là ngựa, chỗ chấp tướng chẳng

đồng mà đồng một phổ thông. Cho nên nói “họ chẳng phải điên đảo, chẳng phải không điên đảo”. Chẳng thấy lìa tướng có không, đây tức là chẳng giác thánh sự. Nên nói “chẳng phải không điên đảo”. Tướng tánh tự tánh này, một bên thấy lìa có không, một bên chẳng thấy lìa có không, trọn không có hai pháp, mà cảnh giới mỗi bên có khác. Do đây mà khởi nạn, cũng do đây mà rõ tông chỉ. Phật cùng Bồ-tát cơ cảm hợp nhau thật không có ý chỉ riêng.

Thế Tôn! Thánh cũng chẳng như thế thấy như việc vọng tưởng, vì chẳng lấy cảnh giới tự tướng làm cảnh giới. Thế Tôn! Kia cũng tướng tánh tự tánh vọng tưởng tự tánh như thế hiện, vì chẳng nói nhân không nhân, vì rơi vào cái thấy tánh tướng. Cảnh giới khác chẳng phải như kia v.v... như thế mắc cái lỗi vô cùng. Thế Tôn! Vì chẳng giác tướng tánh tự tánh. Thế Tôn! Cũng chẳng phải tự tánh vọng tưởng nhân tướng tánh tự tánh. Kia tại sao vọng tưởng chẳng phải vọng tưởng, như thật biết vọng tưởng?

Lại nói thánh trí tuy chẳng cùng vọng tưởng đồng thấy, mà các pháp chưa từng chẳng cùng vọng tưởng đồng hiện. Chẳng cùng vọng tưởng đồng thấy thì cảnh giới ấy chẳng lìa các pháp mà khác. Mà cùng vọng tưởng đồng hiện thì các pháp chẳng nhân thánh trí mà không. Các pháp đồng nhất mà tại vọng tưởng chỉ muốn nói không, tại thánh trí chẳng hiềm rơi vào có. Đây là chỗ nạn của văn sau. Câu “thánh cũng chẳng như thế thấy như việc vọng tưởng ...”, nghĩa là thánh trí giác tự tâm hiện, nên chẳng lấy tướng tự tâm hiện mà cho là cảnh giới thật. Song chẳng phải không tướng tánh tự tánh hiện ra đồng với tự tánh vọng tưởng hiện. Chỉ thánh trí chẳng nói nhân cùng không nhân, rơi vào cái thấy tánh tướng. Chẳng phải như cảnh giới riêng khác của ngu phu, tự sanh cái lỗi vô cùng. Bởi ngu phu chẳng giác tướng tánh tự tánh do tự tâm hiện ra. Nên biết tướng tánh tự tánh này, chỗ biết của thánh trí đồng với vọng tưởng hiện, mà không nên bảo nhân vọng tưởng mà có. Cho nên nói “cũng chẳng phải vọng tưởng nhân tướng tánh tự tánh”. Tướng tánh tự tánh đã chẳng nhân vọng tưởng mà có thì, chỗ chấp của vọng tưởng tức chẳng phải vọng tưởng chấp, cũng như vọng tưởng chấp. Tóm lại, các pháp đồng nhất mà chỗ biết của thánh trí là chỗ chấp của vọng tưởng. Đợi đến văn sau ngăn vọng chấp nói không, mà chỗ hành của thánh trí lại rơi vào thấy có.

NGHI THÁNH TRÍ RƠI VÀO CÓ.

Thế Tôn! Vọng tưởng khác, tướng tự tánh khác. Thế Tôn! Chẳng tương tự, nhân vọng tưởng tướng tự tánh, kia tại sao mỗi mỗi chẳng vọng tưởng, mà ngu phu chẳng như thật biết. Song Phật vì chúng sanh lìa vọng tưởng nói như tướng vọng tưởng chẳng như thật có. Thế Tôn! Cớ sao ngăn chúng sanh thấy có không tự tánh chấp trước, mà cảnh giới sở hành của thánh trí lại rơi vào thấy có? Nói không pháp chẳng có, mà nói thánh trí tự tánh?

Đoạn này tiếp ở trước “tướng tánh tự tánh thấy khác mà đồng hiện”. Bởi vì Như Lai ngăn vọng tưởng mà nói chẳng phải thật, hiển bày thánh trí mà nói sở hành, vẫn là rơi vào không và có. Tướng tự tánh chẳng nhân vọng tưởng mà có, cho nên nói “khác vọng tưởng, khác tướng tự tánh, khác thì chẳng tương tự, đã chẳng tương tự mà vẫn nhân vọng tưởng thấy tướng tự tánh”. Đây là ngu phu chẳng như thật biết mỗi mỗi tướng tự tánh, mỗi mỗi không cảnh giới vọng tưởng. Song đã vì chúng sanh lìa vọng tưởng chấp có, mà lại nói cảnh giới sở hành của thánh trí. Năng sở của vọng tưởng ấy muốn không thì cảnh giới sở hành của tự tánh thánh trí rõ ràng không lỗi. Không biết rằng tất cả các pháp thánh phạm đồng hiện, mà người giác tự tâm thì chẳng rơi vào có không. Cho nên nói: “Các pháp không tánh, chẳng giác tự tâm, vọng chấp là có, hoặc lầm là không, thấy trái pháp thể. Như Lai thương xót kẻ này vì nói không pháp”. Nghĩa là không pháp tánh chỉ có vọng tưởng. Nếu biết pháp thể vốn rỗng, vọng chấp chẳng thật thì chính nơi cảnh giới vọng tưởng là sở hành của thánh trí, chuyển biến trong sát-na không hai không khác, ắt chẳng nói nơi đây thì ngăn, nơi kia lại rơi. Chân vọng thể khác, có không đối đãi, không phải người trụ tự giác quán sát hiển bày ra.

+ CHỈ THÁNH TRÍ KHÔNG SỰ LÌA CÓ KHÔNG.

Phật bảo Đại Huệ : Chẳng phải ta nói không pháp phi tánh, cũng chẳng rơi vào thấy có, nói việc thánh trí tự tánh. Song vì khiến chúng sanh lìa câu khủng bố. Chúng sanh từ vô thủy đến nay chấp trước tướng tánh tự tánh, thánh trí sự, tự tánh chấp trước tướng kiến nói không pháp. Đại Huệ! Ta không nói tướng tánh tự tánh. Đại Huệ! Chỉ ta trụ tự được như thật không pháp, lìa hoặc loạn tướng kiến, lìa thấy tự tâm hiện ra có chẳng có, được ba môn giải thoát, như thật ẩn mà ẩn, đối tánh tự tánh được duyên tự giác quán sát trụ, lìa tướng kiến có không.

Như Lai nói không, nói thánh trí tự tánh xưa nay tịch tĩnh. Bởi vì chúng sanh từ vô thủy tập khí chấp trước tất cả tướng trong ngoài, muốn khiến xa lìa. Lại sợ họ tự sanh khủng bố nên nói việc thánh trí tự tánh không pháp, là nói “trụ tự được như thật không pháp”. Như thật không pháp này, lìa tự tâm hiện chẳng phải rơi vào không, được giải thoát ẩn mà chẳng phải rơi vào có. Ba giải thoát là, không, vô tướng, vô nguyên. Được giải thoát này mới biết tự tánh không sự như thật pháp ẩn, sẵn có sẵn lặng, thật là duy thức tánh. Tự giác quán sát xa lìa có không tất cả tướng kiến hoặc loạn.

+ CHỈ THÁNH TRÍ KHÔNG SỰ CHẲNG LẬP TÔNG THỨ.

CHỈ CHẲNG NÊN LẬP TÔNG BẤT SANH.

Lại nữa, Đại Huệ! Tất cả pháp chẳng sanh, đại Bồ-tát chẳng nên lập tông ấy. Vì có sao? Vì tông tất cả tánh phi tánh và vì nhân sanh tướng kia nên nói tất cả pháp chẳng sanh làm tông, tông kia ắt hoại. Tông kia tất cả pháp chẳng sanh, tông kia ắt hoại ấy, bởi vì tông có đối đãi mà sanh. Lại vì tông kia chẳng sanh vào tất cả pháp, vì tướng chẳng hoại chẳng sanh. Lập tất cả pháp chẳng sanh làm tông, thì thuyết kia ắt hoại. Đại Huệ! Có không chẳng sanh làm tông, tông kia vào tất cả tánh, tướng có không chẳng thể được. Đại Huệ! Nếu khiến tông kia chẳng sanh, tất cả tánh chẳng sanh mà lập tông. Như thế tông kia hoại, vì có, không tánh tướng chẳng sanh, chẳng nên lập tông. Vì năm phần luận nhiều lỗi, vì lần lượt nhân tướng khác và vì tạo tác, chẳng nên lập tông phần. Bảo tất cả pháp chẳng sanh, như thế tất cả pháp không, như thế tất cả pháp không tự tánh, chẳng nên lập tông.

Tất cả pháp chẳng sanh ba đời Như Lai đồng nói, chính vì kẻ bất giác, chẳng vì người giác. Người giác tự tâm hiện chóng dứt các vọng, nội thân tự chứng trọn không thể chỉ bày. Trừ vì chúng sanh khiến lìa các chấp trước nên nói tánh không sanh; vì lìa các khủng bố nói có thánh trí tự tánh không sự. Song chẳng nên lập đó làm tông. Tông tất cả tánh phi tánh ấy, nguyên tất cả tánh vốn vô sanh tánh. Lập tông chẳng sanh, nhân ấy vọng thấy tướng sanh. Cho nên nói “và vì nhân kia sanh tướng”. Đã nhân vọng thấy tướng sanh, mà nói chẳng sanh, lại lập đó làm tông thì tông ấy ắt hoại. Bởi vì chẳng sanh là đối với sanh, vì có đối đãi. Lại tông này vào tất cả pháp, tất cả pháp đã chẳng sanh cũng nên không tướng chẳng sanh, mà vẫn còn có pháp tướng chẳng sanh thì pháp chẳng phải không sanh, là lý do thuyết này bị hoại. Câu “tướng chẳng hoại chẳng sanh”, bản Đường

dịch “tướng chẳng sanh cũng chẳng sanh”. Tức chính chỉ thánh tánh không sự, vì khiến lìa chấp trước và khủng bố, chẳng nên lập đó làm tông. Nhân vọng chấp có nên nói chẳng sanh. Không nhân có mà lập, có không thành hai tướng, đối tất cả pháp thì tánh không thể được. Nếu lập đó làm tông thì trái với pháp thể. Như năm phần luận, tông nhân lần lượt, có ra tướng khác đều thuộc tạo tác chỉ thành nhiều lỗi. Mới biết tất cả pháp chẳng sanh ấy, là vì lìa chấp trước. Như thể tất cả pháp không, tất cả pháp không có thể tánh, xét đến tự tướng như thật trọn không thuyết ấy, nên chẳng ưng lập tông. Xét trong ba lượng (hiện lượng, tỷ lượng, thánh giáo lượng) thì tỷ lượng có ba chi: 1) Tông, 2) Nhân, 3) Dụ, gồm Hiệp và Kết làm năm phần. Tông có 9 lỗi, nhân có 14 lỗi, đồng dụ có 5 lỗi, dị dụ có 5 lỗi, chung lại là 33 lỗi. Đây là ngoại đạo lập ra. Nếu do pháp của ta thì tông cũng có một lỗi, nghĩa là chẳng được pháp thể. Nhân, Dụ là thành lập tông, mà tông đã lỗi thì nhân, dụ lần lượt tướng khác càng nhiều. Sao nói không được pháp thể? Như lập lượng rằng: Tất cả pháp chẳng sanh làm TÔNG, NHÂN nói vì không tự tánh, DỤ nói như cây chuối. Gạn lỗi rằng: Những pháp gì chẳng sanh? Đáp: Pháp tâm hiện ra, pháp đều tâm hiện không có tánh sanh. Gạn lại: Tâm không tánh sanh thì có tánh chẳng sanh chăng? Đáp: Nghĩa là tánh không sanh nên nói chẳng sanh, đâu được lại có. Kết lỗi rằng: Nếu chẳng lại có mà lập tông chẳng sanh thì chẳng được pháp thể. Song pháp của ta phương tiện vì đoạn chấp kia, chẳng phải có thật pháp. Chấp kia đoạn rồi tự nhiên rõ tướng tâm ban đầu, trở lại nơi bản đặc, như thật tự chứng đại dụng hiện tiền, ngôn ngữ tình lượng chóng dứt, sanh cùng vô sanh, đều là lời nói thừa. Cho nên chẳng ưng lập tông. Như Lai chỉ thẳng nguồn tâm chẳng do nơi khác mà ngộ.

CHỈ THÁNH TRÍ XEM THẤY NHƯ HUYỄN KHÔNG LỖI.

Đại Huệ! Song đại Bồ-tát nói tất cả pháp như huyễn mộng, vì tướng hiện và chẳng hiện và vì lỗi ở giác tướng. Phải nói tất cả pháp như tánh huyễn mộng. Trừ vì ngu phu lìa khủng bố. Đại Huệ! Ngu phu rơi vào cái thấy có không, chớ khiến họ kinh sợ xa lìa Đại thừa.

Huyễn mộng chẳng phải thật, không thể nói có. Huyền mộng rõ ràng, không thể nói không. Có không đều chẳng phải, có hiện chẳng hiện thấy do giác tướng. Vì thế nói như huyễn mộng đối các pháp thể vẫn không làm trái, cũng hay cảnh giác người trí chính nơi ấy biết chỗ trở về được gốc vô sự, cho nên “phải nói”. Trừ vì ngu phu lìa khủng bố là,

bởi ngu phu rơi vào cái thấy có không, mỗi bên có chỗ y cứ, nghe nói mộng huyễn mờ mịt không chỗ vin bèn sanh kinh sợ, xa lìa Đại thừa. Cho nên phàm nói thánh tánh sự, hoặc bát Niết-bàn đều thuộc về phương tiện. Nếu được đường ngôn ngữ dứt chỗ tâm hành diệt thì thân nhiên tự giác. Mới biết Như Lai đêm ấy thành Phật, đêm ấy nhập Niết-bàn, ở trong khoảng giữa đó không nói một chữ. Thâm hợp tương ưng khó vì hiển bày. Dù muốn chỉ điểm trước mắt, không phải huyễn thì không lấy gì làm thí dụ.

TỔNG KẾT CHẲNG SANH NHƯ HUYỄN.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Không tự tánh không nói
Không sự không tương tục
Ngu phu kia vọng tưởng
Như tử thi ác giác
Tất cả pháp chẳng sanh
Chẳng phải tông ngoại đạo
Đến tốt chỗ không sanh
Tánh duyên được thành tự.
Tất cả pháp chẳng sanh
Người tuệ không khởi tưởng
Vì tông kia nhân sanh
Người giác thấy trừ diệt.

Như Lai tàng vốn không tự tánh, cũng không nói bày. Tất cả tám thức như hoa đóm trong hư không, đều không sự thật. Sở dĩ Phật dạy chỉ vì chỉ bày cho kẻ mê. Kẻ ngu không trí chẳng đạt phương tiện, đây là vọng tưởng ác kiến. Tất cả pháp chẳng sanh, tất cả pháp đến tốt không có chỗ sanh, do nhân duyên hòa hợp như huyễn như mộng, người trí ở trong đó không nên khởi tưởng. Bởi vì ngoại đạo nhân sanh mà nói chẳng sanh, chấp là thật pháp. Cho nên tất cả pháp chẳng sanh ở đây, không đồng với ngoại đạo nói. Giác thì phương tiện thấy trừ. Chữ “sự” tức là tướng. Chữ “tương tục” tức là lưu chú. Tướng cùng lưu chú thấy đều chỉ cho tám thức sanh diệt, như huyễn không thể được.

Ví như mắt bệnh xem
Vọng thấy tướng tóc rử

Chấp trước tánh cũng vậy
Ngu phu tà vọng tướng
Lập bày ra ba cõi
Không có sự tự tánh
Lập bày sự tự tánh
Suy nghĩ khởi vọng tướng
Tướng sự lập ngôn giáo
Ý loạn rất lằng xằng
Phật tử khéo ra khỏi
Xa lìa các vọng tướng.

Mất bệnh, tóc rử dụ cho ngu phu vọng thấy. Do vọng thấy này nên khởi các giác tướng, lập bày ba cõi. Lại do ba cõi giả lập danh tướng rồi chấp là thật tánh. Lại khởi vọng chấp dựng lập ngôn giáo, lần lượt nhân nhau nên ý loạn lời rối. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tri kiến mỗi cái muốn lưu ở thế gian thì nghiệp vận mỗi thứ thường đời nơi quốc độ”. Vọng tướng thế gian niệm niệm sanh diệt. Nếu hay giác được chỗ này thì trong khoảng sát-na đương thể là lặng lẽ, thật không thể nghĩ bàn.

Chẳng phải nước tướng nước
Đây từ khát ái sanh
Ngu phu làm như thế
Thánh thấy ắt chẳng vậy.
Thánh nhân thấy thanh tịnh
Tam thoát tam-muội sanh
Xa lìa nơi sanh diệt
Dạo đi không ngăn ngại.
Tu hành không ngăn ngại
Cũng không tánh phi tánh
Tánh phi tánh bình đẳng
Từ đây sanh thánh quả.

Chẳng phải nước tướng nước, đây là chỗ mê của ngu phu, chính là chỗ ngộ của thánh nhân. Thanh tịnh tam-muội tức là ngộ chỗ trở về. Dùng ba môn giải thoát, an trụ

trong tâm hải, thuận tánh khởi hạnh, lìa nơi sanh diệt, chỗ đến không ngại. Bài tụng kinh Tịnh Danh nói: “Chẳng dính thế gian như hoa sen, thường khéo vào nơi hạnh không tịch, đạt các pháp tướng không ngăn ngại, đánh lễ như không không chỗ nương”. Đây chính là tánh phi tánh bình đẳng, nhân gồm biển quả, quả suốt nguồn nhân, biết không sai biệt.

Thế nào tánh phi tánh?

Thế nào là bình đẳng?

Bảo kia tâm chẳng biết

Trong ngoài rất xao động.

Nếu hay hoại được kia

Tâm ắt thấy bình đẳng.

Trụ trong cái có không thì chẳng đạt được bình đẳng. Chỉ vì chẳng rõ các pháp vô sanh. Rõ tự tâm hiện, hiện không thể được thì đương xứ vắng lặng, cũng không bình đẳng và chẳng bình đẳng. Đây là tâm bình đẳng vậy.

+CHỈ THÁNH TRÍ XA LÀ SỞ TRI.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Như Thế Tôn nói như việc phan duyên, trí tuệ chẳng được. Lượng bày vẽ ấy dựng lập bày vẽ, sở nhiếp thọ phi tánh, năng nhiếp thọ cũng phi tánh. Bởi không nhiếp thọ nên trí ắt chẳng sanh, chỉ là bày vẽ tên mà thôi.

Cảnh giới có không của tất cả pháp đều là giả lập bày, chẳng phải sở hành của trí tuệ. Giác tự tâm hiện lượng mới biết tất cả dựng lập, vọng chấp năng sở thấy đều không có tự tánh. Nhiếp thọ đã dứt, đây là đại trí hiện tiền. Tất cả cảnh giới như nước sôi tiêu băng, lại không có băng biết băng tiêu. Thế là, ở thế gian tùy theo thông lệ thế gian mà không điên đảo. Đại Huệ nêu ra ý này, trước thuật lại lời Phật sau mới khởi nạn. Như việc phan duyên tức là các pháp thế gian có không. Sở nhiếp thọ là cảnh sở thủ. Năng nhiếp thọ là tâm năng thủ. Thấy năng thủ sở thủ thấy đều không tự tánh, trí ắt chẳng sanh là, trí chẳng đối với chỗ này mà khởi phân biệt.

Thế Tôn! Thế nào? Vì tánh bất giác nên tự tướng cộng tướng, khác chẳng khác, mà trí chẳng được ư? Vì tự tướng cộng tướng các thứ tướng tánh tự tánh ẩn khuất, mà trí chẳng được ư? Vì núi đá tường vách, nước lửa gió ngăn che, mà trí chẳng được ư? Vì rất xa hay rất gần, mà trí chẳng được ư? Vì già trẻ mù lòa các căn chẳng đủ, mà trí chẳng

được ư ? Thế Tôn! Nếu bất giác tự tướng cộng tướng khác chẳng khác, mà trí chẳng được thì không nên nói trí, ưng nói không trí, vì có việc mà biết chẳng được. Nếu lại các thứ tự cộng tướng, tướng tánh tự tánh ẩn khuất, mà trí chẳng được thì, kia cũng không trí, chẳng phải là trí. Thế Tôn! Vì có sở tri nên trí sanh, chẳng phải không tánh hiểu sở tri mà gọi là trí. Nếu núi đá tường vách đất nước lửa gió rất xa hay rất gần, già trẻ mù lòa các căn chẳng đủ, mà trí chẳng sanh thì, đây cũng chẳng phải trí, ưng là vô trí, vì có việc không thể biết được.

Trí tuệ chẳng được, có ba thứ nạn. Một, bất giác liễu vì trí chẳng đủ. Hai, các pháp lẫn nhau ẩn khuất, vì cảnh sở tri khó biết. Ba, núi đá tường vách già trẻ mù lòa, vì có chỗ chướng mà không biết. Ba thứ chẳng biết này đều chẳng phải trí, để nêu ra vấn sau biết mà tướng chẳng được, chẳng phải chẳng biết mà tướng chẳng được.

Phật bảo Đại Huệ! Chẳng như thế mà không trí, nên là trí chẳng phải chẳng trí, ta chẳng nói ẩn lấp như thế. Việc phan duyên trí tuệ chẳng được, ấy là lượng bày vẽ dựng lập. Giác tự tâm hiện lượng ngoài có không tánh phi tánh, biết mà sự chẳng được. Vì chẳng được nên trí tuệ đối với sở tri chẳng sanh. Thuận ba môn giải thoát, trí cũng chẳng được. Chẳng phải vọng tưởng từ vô thủy tánh phi tánh hư ngụy tập trí, khởi biết như thế, là biết chẳng biết kia.

Ba nạn trước là không trí mà sự chẳng được. Như Lai nói ra ưng là trí chẳng phải vô trí. Nếu không trí mà chẳng được là nói ẩn lấp vậy. Cho nên lại nói: Việc phan duyên trí tuệ chẳng được, chỉ bày vẽ dựng lập, đây chính là giác tự tâm hiện lượng. Giác tự tâm hiện lượng thì giác cái bị hiện tất cả pháp có không đều không có tự tánh, đối với việc phan duyên hiểu thấu nguồn đáy, phân biệt chóng dứt. Tùy thuận ba môn giải thoát mà cũng không thánh trí có thể được, là an trụ tâm hải sẵn có tịch chiếu. Chẳng đồng với ngoại đạo vọng giác theo cảnh giới sở tri của tập khí từ vô thủy. Cái sở tri của ngoại đạo này, chính bảo là thật vô trí vậy.

Cho nên đối việc bên ngoài chỗ nơi tướng tánh vô tánh vọng tưởng chẳng dứt. Tự tâm hiện lượng dựng lập, nói tướng ngã ngã sở rồi nhiếp thọ chấp trước. Chẳng giác tự tâm hiện lượng, đối với trí sở tri mà khởi vọng tưởng. Vì vọng tưởng, ngoại tánh phi tánh, quán sát chẳng được, y nơi đoạn kiến.

Đây chính chỉ kia chẳng biết vậy. Kia đối tất cả chỗ nơi các pháp có không, hiện tại vọng tưởng chẳng dứt. Thấy từ tự tâm hiện lượng dựng lập năng sở, rồi nhiếp thọ chấp trước. Xét tốt chỗ ban đầu chỉ là bất giác, nên đối với trí vô phân biệt mà tự sanh phân biệt, y nơi cảnh sở tri khởi các vọng tưởng. Vọng chấp có không, rồi quán sát có không sanh diệt không có nguyên nhân, lại thành đoạn diệt. Nếu hay biết được chỗ này thì trí tuệ hiện tiền, các việc phan duyên một lúc chóng dứt. Nên nói “biết mà sự chẳng được, trí đối sở tri chẳng sanh”.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Có các việc phan duyên
Trí tuệ chẳng quán sát
Đây vô trí phi trí
Ấy vọng tưởng mà nói
Đôi tánh tướng chẳng khác
Trí tuệ chẳng quán sát
Chướng ngại và xa gần
Ấy gọi là tà trí
Già trẻ các căn lòa
Mà trí tuệ chẳng sanh
Lại thật có sở tri
Ấy cũng nói tà trí.

Kệ nói ba thứ trí trước mà có chỗ không được, đều không phải trí. Biết cái chẳng phải trí kia thì trí đối với nhiếp thọ chẳng sanh chấp trước, chỉ là bày vẽ, chỗ đi của tâm lượng, chẳng phải cảnh giới có thể bàn.

- NHÂN CHẴNG RÕ TỰ TÔNG VỌNG CHẤP PHƯƠNG TIỆN, LẠI CHỈ TÔNG THUYẾT ĐỀ PHÁ THỂ LUẬN.

+ TRÁCH NGU PHU CHẤP THUYẾT PHƯƠNG TIỆN, KHỞI ĐẠI HUỆ THƯA THỈNH.

Lại nữa, Đại Huệ! Phàm phu ngu si từ vô thủy bị vọng tưởng ác tà hư ngụy xoay chuyển. Khi bị xoay chuyển thì tự tông thông và thuyết thông chẳng khéo rõ biết. Vì chấp tánh tướng bên ngoài do tự tâm hiện, nên chấp thuyết phương tiện, đối tượng chung thanh

tịnh bốn câu của tự tông chẳng khéo phân biệt. Đại Huệ bạch Phật: Thật như Thế Tôn dạy, xin Thế Tôn vì con phân biệt thuyết thông và tông thông. Con và các đại Bồ-tát rành rõ hai cái thông và phàm phu Thanh văn, Duyên giác đời sau không mắc cái dở.

Đây vì kẻ ngu chẳng khéo rõ biết tướng chung thanh tịnh bốn câu của tự tông, nên có lời hỏi này. Chẳng rõ biết bốn câu thanh tịnh của tự tông nên đối với lời nói phương tiện trong thánh giáo vọng sanh phân biệt. Bị tập khí ác giác lưu chuyển, đó là lý do hiển bày tông thông, thuyết thông. Bốn câu là, có không bốn câu. Là bốn câu được pháp thể thanh tịnh, ấy là tướng chung thanh tịnh.

+ CHỈ TÔNG THUYẾT KHÔNG RƠI VÀO KIẾN TƯỚNG CỦA PHÀM PHU.

Phật bảo Đại Huệ: Lành thay, lành thay! Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Ba đời Như Lai có hai thứ pháp thông. Nghĩa là thuyết thông và tự tông thông. Thuyết thông là, tùy chỗ thích hợp với tâm chúng sanh, vì nói các thứ các loại khế kinh, ấy gọi là thuyết thông. Tự tông thông là, người tu hành lìa tự tâm hiện các thứ vọng tưởng. Nghĩa là chẳng rơi vào loại một, khác, đồng, chẳng đồng, vượt khỏi tất cả tâm, ý, ý thức. Cảnh giới thánh tự giác, lìa nhân thành kiến, tướng. Tất cả ngoại đạo Thanh văn, Duyên giác rơi vào hai bên đều không thể biết. Ta nói đó là pháp tự tông thông. Đại Huệ! Ấy gọi là tướng tự tông thông và thuyết thông, ông cùng các đại Bồ-tát khác nên phải tu học.

Khế kinh tức là chín bộ đã nói. Nghĩa là khế lý khế sự đều y tâm chúng sanh mà vì dẫn đường, không có pháp thật. Đây là thuyết thông phương tiện thật chẳng bỏ quyền, cần phải ly ngôn được ý chỉ. Lại nhân người tu hành nói đạt tông thông. Là tự tâm hiện các thứ vọng tưởng... là, tự tâm hiện ra tất cả vọng chấp bốn câu có không, đều do mê Như Lai tạng, theo cảnh vọng hiện của tâm, ý, ý thức, tùy vọng hiện lại khởi phân biệt. Một phen giác tự tâm thì vọng tưởng chẳng sanh, phân biệt hằng dứt cảnh giới sở hành của tự giác thánh trí này, lìa nhân duyên tương ưng với tất cả kiến tướng, ấy gọi là tướng tự tông thông. Chẳng rơi vào tất cả ngôn thuyết phương tiện, nên chẳng phải chỗ hay biết của ngoại đạo Nhị thừa.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Ta nói hai thứ thông

Tông thông và ngôn thuyết

Thuyết là dạy đồng môn

Tông vì người tu hành.

Đồng một thánh giáo mà kẻ đồng môn được thuyết, người tu hành được tông. Chẳng phải Như Lai thật có hai thứ phân biệt. Nên nói “Chỉ ký luận ta thường thường nói”, cũng tùy chỗ thấy vậy.

+ BÁC THỂ LUẬN ĐỀ HIỆN TỰ TÔNG.

CHỈ THỂ LUẬN CHẴNG VÀO TỰ THÔNG, HAY CHIÊU CẢM KHỔ, PHÁ HOẠI KIẾT TẬP.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Như Thế Tôn một hôm nói rằng các luận thế gian mọi thứ biện thuyết, dè dặt chớ gần gũi. Nếu gần gũi thì chấp nhận tham dục, chẳng chấp nhận pháp. Thế Tôn có sao nói lời như thế? Phật bảo Đại Huệ: Ngôn luận thế gian các thứ cú vị, nhân duyên thí dụ gom nhóm trang nghiêm, dụ dẫn đối gạt kẻ phàm phu ngu si, không vào được chân thật tự thông, chẳng giác tất cả pháp, vọng tưởng điên đảo rơi vào hai bên. Kẻ phàm ngu lầm mà tự phá hoại, tiếp nối sanh trong các cõi không được giải thoát, không thể giác biết tự tâm hiện lượng, chẳng lìa tánh tự tánh vọng tưởng chấp trước bên ngoài. Thế nên, ngôn luận thế gian các thứ biện thuyết chẳng thoát khỏi sanh già bệnh chết lo buồn khổ não đối gạt mê loạn.

Đây nhân thuyết thông lấy làm luận nghị trong ngoài khéo léo để giúp cho nhạo biện; bèn nhớ Thế Tôn thường dạy nên có nghi trước sau trái nhau. Các luận thế gian là chỉ cho kinh sách ngoại đạo, mỗi quyển y theo tà kiến chấp làm định luận. Hoặc thông một cạnh thấu một góc, trang nghiêm danh lý như nói “trời đất một ngón tay, muôn vật một con ngựa”, dẫn bày nghĩa vị đối làm tâm thức mà nơi câu chân thật tự thông thì thật là trái xa. Phàm giác tâm nội chứng xa lìa sở tri thức tánh ưa thấy dễ thành cảnh giới, tất cả lý giải, điều đạo huyền vi là chỗ đi của giác tưởng, đổi thành bí mật. Thứ chấp sâu này so với chấp dục lạc thô trọng rất khó giải thoát. Hoặc giả có người y thông tự tông, khuôn mẫu thánh giáo. Dùng lời tinh vi của tuyệt học làm thành luận ác giác. Nên nói: “Trong câu không ý, ý tại trong câu”, phát xuất từ nhóm này trọn thành tập ngữ (nói theo). Như “trong câu chủ khách”, đâu đồng với nghĩa học biểu và giá. Giá (ngăn) tức đồng không, biểu (bày) trọn rơi vào có. Giá biểu chẳng khác toàn thể là vô minh. Giá biểu đồng thời thì danh tướng rồi ren, mũi tên miệng hiện thành, mà nghĩ siêu cách ngoại. Cái hiểu này

thành ngại, hoảng hốt lia chỗ vi diệu, đối gạt trên danh cú chẳng đạt tự tông. Tuy ở trong chánh pháp mà đồng với thế luận. Đây là sau năm mươi năm phá hoại kiết tập nên nói “ác giác nhân kiến”. Người giác tự tâm hiện thì cảnh nên quán sát ra ngoài tự tâm đều là điên đảo, tăng trưởng vọng thức tiếp nối nhân sanh tử, không thể chẳng dè dặt. Trong Địa Trì bảo tu tập ngũ minh, tất cả nội minh, ngoại minh, thanh minh, y phương minh, công xảo minh. Đây là vì hàng đại Bồ-tát đã tu tập lâu xa, tàng thức được minh bạch, vào tất cả thế gian tùy tâm chúng sanh mà vì họ dẫn đường. Chẳng nên mượn đây liền bỏ bê lời răn cấm của Phật, nên phải tự xét mới là biết thời.

Đại Huệ! Thích Đề Hoàn Nhân rộng giải các luận, tự tạo thanh luận. Thế luận kia có một người đệ tử giữ hình tượng rỗng, đến thiên cung Đế Thích dựng lập luận tông, cốt phá bánh xe ngàn cãm của Đế Thích. Nếu tôi chẳng bằng xin chặt mỗi đầu để đền chỗ thua. Tạo lời cam kết ấy rồi, liền dùng pháp Đế Thích dè bẹp Đế Thích, Đế Thích thua liền phá bánh xe kia. Rồi ông ta trở về nhân gian. Như thế, Đại Huệ! Thế gian ngôn luận nhân dụ trang nghiêm, cho đến súc sanh cũng hay dùng các thứ cú vị làm hoặc loạn chư thiên kia và A-tu-la kẹt trong kiến chấp sanh diệt, hướng là loài người. Thế nên, Đại Huệ! Thế gian ngôn luận nên phải xa lìa, bởi hay chuốc lấy nhân sanh khổ, dè dặt chớ gận gũi.

Nếu đây để làm gương không nên gận gũi học tập. Nghĩa là thế luận nhân dụ trang nghiêm tốt các xảo biện, chạm việc vô cùng, khó mà chiết phục. Đây là thức tâm biến huyễn đối gạt cái thấy nghe, chẳng nói chánh lý, có chướng ngại cho tự tông, chuốc khổ sanh tử, không gì hại bằng.

Đại Huệ! Thế luận chỉ nói cảnh giới thân cảm giác mà thôi. Đại Huệ! Thế luận kia có đến trăm ngàn, chỉ ở thời sau, sau năm mươi năm sẽ phá hoại kiết tập, ác giác nhân kiến thanh, nên đệ tử ác thọ học. Như thế Đại Huệ! Thế luận phá hoại kiết tập các thứ cú vị nhân dụ trang nghiêm, nói việc ngoại đạo, đấm nhân duyên của mình, không có tự thông. Đại Huệ! Các ngoại đạo kia không có luận tự thông, đối các thế luận nói rộng vô lượng trăm ngàn sự môn, không có tự thông, cũng không tự biết thế luận là ngu si.

Cảnh giới thân cảm giác, nghĩa là cảnh giới sở hành của thấy nghe hiểu biết nơi thân năm ấm. Hoặc tức nơi thấy nghe hiểu biết mà khởi luận thuyết. Hoặc do thấy nghe hiểu biết duyên được cảnh không tịch linh diệu huyền vi mà làm tông thú. Phá hoại kiết tập là phá hoại chánh giáo kiết tập của Như Lai. Đây là học chánh pháp mà rơi vào tà

kiến vậy. Nếu không phải bọn này quyết định không thể phá hoại chánh giáo. Nhân duyên của mình là cảnh giới cảm giác nơi thân. Họ có trước tác chẳng ngoài thấy nghe hiểu biết, chẳng lấy làm tự tánh, liền bỏ đó đến chỗ hư huyền, y bên cạnh tự thông, thật đồng với ngoại đạo truyền bá hiện đời làm làm lần đời sau. Tự đã chìm đắm cũng làm chìm đắm người. Luận thuyết vô cùng mê hoặc càng lắm, thật đáng đau buồn vậy.

CHỈ NHƯ LAI THEO CHỖ TỰ THÔNG NÓI.

Khi ấy Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Nếu ngoại đạo thế luận các thứ cú vị nhân dụ trang nghiêm không có tự thông, từ việc chấp trước ấy. Thế Tôn cũng nói thế luận, vì các chúng nơi khác đi đến pháp hội, trời người A-tu-la, nói rộng vô lượng các thứ cú vị, cũng chẳng phải tự thông chẳng? Cũng vào số trí tuệ ngôn thuyết của ngoại đạo chẳng? Phật bảo Đại Huệ: Ta chẳng nói thế luận, cũng không đến đi, chỉ nói chẳng đến chẳng đi. Đại Huệ! Đến là đến chỗ tụ hội sanh, đi là tan hoại. Chẳng đến chẳng đi là chẳng sanh chẳng diệt. Nghĩa ta nói ra chẳng rơi trong số vọng tưởng thế luận. Vì có sao? Nghĩa là chẳng chấp trước bên ngoài là có là không, chỗ tự tâm hiện ra, vọng tưởng hai bên trọn không thể chuyển. Tướng cảnh chẳng phải có, giác tự tâm hiện ra. Đã tự tâm hiện thì vọng tưởng chẳng sanh. Vọng tưởng chẳng sanh thì không, vô tướng, vô tác vào ba môn giải thoát, gọi là giải thoát.

Thế Tôn cũng thường vì chúng phương khác đến hội và trời người bát bộ nói rộng bộ Bốn Sự, hoặc bộ Bốn Sanh, bộ Vị Tăng Hữu, đều nói rộng vô lượng nhân duyên cú vị, cho nên nghi Như Lai cũng nói thế luận. Chẳng biết Như Lai nói ra nhân duyên đều vì tự thông duyên khởi, hoặc tức thế đế nói đệ nhất nghĩa đế, mà người chẳng biết lầm là thế đế. Thế Tôn nơi đây trọn không nói rõ. Chỉ nói ta chẳng nói thế luận, cũng chẳng nói đã nói việc gì là chẳng phải thế luận. Thế thì biết, Như Lai hiện tiền tất cả ngôn thuyết đều chẳng phải thế luận. Lại nói “cũng không đến đi”, bởi chúng ở phương khác đến hội dường như có đến đi. Như Lai thẳng nơi tự thông hiện lượng trong đệ nhất nghĩa thẳng bằng chỉ bày. Cho nên nói “chỉ nói chẳng đến chẳng đi”, thì biết tất cả chúng sanh chẳng đạt được cảnh giới hiện tiền, đối tự tâm hiện lượng sanh vọng tưởng chấp trước, cho là thật có đến đi. Cho nên lại bảo rằng “đến là đến chỗ tụ hội sanh, đi là tan hoại, đây là sanh diệt; chẳng đến chẳng đi ấy là chẳng sanh diệt; để rõ nghĩa ta đã nói chẳng rơi vào trong số vọng tưởng thế đế”. Như Lai tự thông trụ tự tâm hiện lượng thấy tất cả ngoại

tánh phi tánh, chẳng phải cảnh giới có không hai bên mà hay xoay chuyển. Ở trong nhân thiên theo cảnh giới mình nói có ba đời. Người ta bảo Như Lai nói ba đời, mà thật Như Lai không có ba đời. Nói có tam thừa nhân thiên, người ta bảo Như Lai nói tam thừa nhân thiên, mà thật Như Lai không có tam thừa nhân thiên. Theo chỗ điên đảo của thế gian nói có ba đời, nói có tam thừa nhân thiên, vì muốn chúng sanh đạt tự tông thông, được cảnh giới chính mình của Như Lai, chẳng do ngôn thuyết. Cho nên lại định ninh bảo rằng: “Giác tự tâm hiện thì đối cảnh tự tâm hiện ra vọng tưởng chẳng sanh. Vọng tưởng chẳng sanh là không, vô tướng, vô tác vào ba môn giải thoát, gọi là giải thoát”. Ba môn giải thoát này đối với giác tự tâm lượng tam-muội sẵn có rất là tương ưng. Ấy là lý do Như Lai đôi ba lần nêu ra chỉ dạy.

NÊU NHƯ LAI CHỈ LUẬN.

Đại Huệ! Ta nhớ một hôm dừng nghỉ một nơi, có Bà-la-môn thế luận đi đến chỗ ta, chẳng hỏi rảnh rang chẳng? Liên hỏi ta rằng: “Cù-đàm! Tất cả tạo ra chẳng?”. Ta đáp rằng: “Bà-la-môn! Tất cả tạo ra là thế luận thứ nhất”. Kia lại hỏi rằng: “Tất cả chẳng phải tạo ra chẳng?”. Ta lại đáp: “Tất cả chẳng phải tạo ra là thế luận thứ hai.” Kia lại hỏi ta: “Tất cả thường chẳng? Tất cả vô thường chẳng? Tất cả sanh chẳng? Tất cả chẳng sanh chẳng?”. Ta đáp rằng: “Ấy là thế luận thứ sáu”. Đại Huệ! Kia lại hỏi ta rằng: “Tất cả là một chẳng? Tất cả là khác chẳng? Tất cả là đồng chẳng? Tất cả là chẳng đồng chẳng? Tất cả nhân các thứ thọ sanh hiện chẳng?”. Ta đáp rằng: “Ấy là thế luận thứ mười một”. Đại Huệ! Kia lại hỏi rằng: “Tất cả vô ký chẳng? Tất cả ký chẳng? Có ngã chẳng? Không ngã chẳng? Có đời này chẳng? Không đời này chẳng? Có đời khác chẳng? Không đời khác chẳng? Có giải thoát chẳng? Không giải thoát chẳng? Tất cả là sát-na chẳng? Tất cả chẳng phải sát-na chẳng? Hư không chẳng? Phi số diệt chẳng? Niết-bàn chẳng? Cù-đàm! Tạo ư ? Chẳng tạo ư ? Có trung âm ư ? Không trung âm ư ?”. Đại Huệ! Ta đáp rằng: “Bà-la-môn nói như thế ấy thủy đều là thế luận, chẳng phải chỗ ta nói, là thế luận của ông”.

Ngoại đạo này từ trong thế luận khởi hỏi, Như Lai từ trong tự thông đệ nhất nghĩa chánh đáp, chẳng phải loại bỏ ấy vậy. Tạo ra tức là nhân sanh. Chẳng phải tạo ra tức là vô nhân sanh. Tất cả thường, vô thường, sanh, chẳng sanh, một, khác, đồng v.v... đều thuộc về thế luận. Trong đệ nhất nghĩa tự thông không có, Như Lai bảo thế luận thứ nhất, thế luận thứ hai, đây cố chỉ thẳng không có che dấu. Ngoại đạo chẳng biết đặt nhiều câu hỏi,

có thể nói trước mặt làm qua vậy. Như Lai trước sau chỉ thẳng, bảo nói như thế ấy đều là thể luận, chẳng phải chỗ nói của ta, là thể luận của ông. Xưa Phạm Chí hỏi Thế Tôn rằng: “Chẳng hỏi có lời, chẳng hỏi không lời”. Thế Tôn im lặng giây lâu, Phạm Chí nói: “Thế Tôn đại từ vạch mây mờ cho tôi, khiến tôi được vào”. Đây là ngựa hay thấy bóng roi vậy. Như Lai chúng ta thường nói: “Chỉ ký luận, ta thường thường nói”. Cho nên biết, gặp được căn cơ là khó. Bà-la-môn phát xuất từ Ngũ Thiên Trúc, tự xưng thủy tổ họ từ miệng Phạm thiên sanh, liền lập họ Phạm nên gọi là Phạm Chí. Dòng họ này kiêu căng, nhiều tranh luận, hoặc xuất gia, hoặc tại gia, thành thừa kế nhau, có nhiều kinh luận. Chẳng hỏi rảnh rang chẳng, ấy cũng là manh mối kiêu căng. Theo lễ phép ở Ấn Độ, có thưa hỏi điều gì trước bạch cho phép, là hỏi “rảnh rang chẳng”. Sát-na là sanh diệt rất vi tế. Hư không, Niết-bàn, phi trạch diệt, đây là ba pháp vô vi, trong chánh pháp có. Tạo, chẳng phải tạo là hỏi ba pháp vô vi là tạo tác hay chẳng phải tạo tác.

Ta chỉ nói hư vọng vọng tưởng tập khí các thứ ác từ vô thủy là nhân của ba cõi. Không thể giác biết tự tâm hiện lượng mà sanh vọng tưởng, phan duyên pháp bên ngoài, như pháp ngoại đạo. Hỏi ta câu nghĩa các căn ba thứ hòa hợp thức sanh, ta chẳng như thế. Bà-la-môn! Ta chẳng nói nhân, chẳng nói vô nhân, chỉ nói vọng tưởng tánh năng nhiếp sở nhiếp lập bày duyên khởi. Chẳng phải ông và các người rơi vào thọ ngã tương tục mà hay hiểu được. Đại Huệ! Niết-bàn, hư không, diệt chẳng phải có ba thứ, chỉ có số ba mà thôi.

Mê Như Lai tạng mà làm vô minh, bất giác vọng động. Đây là hư vọng tập khí từ vô thủy vậy. Tất cả thế gian căn thân khí giới đều lấy hư vọng làm nhân. Nhân cái hư vọng này không thể hiểu biết tự tâm hiện ra. Vọng sanh chấp trước, chấp nhận pháp bên ngoài, mà ngoại đạo lầm là căn, trần, thức ba thứ hòa hợp sanh khởi. Ngoại đạo không biết hiện tiền căn trần thức, vì mê tự tâm nên nội thức biến dờng như có, rồi vọng chấp thật có. Muôn pháp theo đó mà sanh liền thành Nhân luận. Quán kỹ sự sanh diệt, hiểu biết nhân ấy hết, lại chấp Vô nhân. Đây chẳng phải Như Lai nói. Như Lai chỉ nói hư vọng tập khí vọng chấp năng sở, giả danh lập bày. Cho nên nói: “Chẳng phải ông và các người rơi vào thọ ngã tương tục mà hay hiểu được”. Ngã tương tục chỉ cho Nhị thừa. Nhị thừa chấp pháp ngã chưa hết nên chưa biết tướng ban đầu của vô minh phát nghiệp, càng thấy

rõ ba pháp vô vi không có tự tánh. Và lại chẳng phải cảnh giới của người còn pháp chấp, huôùng là ngoại đạo.

Lại nữa, Đại Huệ! Khi ấy Bà-la-môn thế luận hỏi ta: Vì nghiệp nhân si ái có ba cõi chẳng? Vì vô nhân chẳng? Ta đáp rằng: Hai cái ấy cũng là thế luận. Kia lại hỏi rằng: Tất cả tánh đều vào tự cộng tướng chẳng? Ta lại đáp: Đây cũng là thế luận. Bà-la-môn! Cho đến ý chạy vọng chấp ngoại trần đều là thế luận. Lại nữa Đại Huệ! Khi ấy Bà-la-môn thế luận lại hỏi ta: Và lại có chẳng phải thế luận chẳng? Tôi là chủ tất cả ngoại đạo nói các thứ cú vị nhân duyên thí dụ trang nghiêm. Ta liền đáp: Bà-la-môn! Có. Mà chẳng phải ông có, chẳng phải làm, chẳng phải tông, chẳng phải thuyết, chẳng phải chẳng nói các thứ cú vị, chẳng phải chẳng nhân thí trang nghiêm. Bà-la-môn hỏi: Những gì là chẳng phải thế luận? Chẳng phải chẳng tông? Chẳng phải chẳng thuyết? Ta đáp rằng: Bà-la-môn! Có cái chẳng phải thế luận, là chỗ ông và các ngoại đạo không thể biết. Bởi vì ngoại tánh chẳng thật vọng tướng hư ngụy chấp trước. Nghĩa là vọng tướng chẳng sanh thì giác liễu có không, tự tâm hiện lượng nên vọng tướng chẳng sanh, chẳng nhận ngoại trần thì vọng tướng hằng dứt, ấy gọi là chẳng phải thế luận. Đây là pháp của ta, chẳng phải nơi ông có. Bà-la-môn! Lược nói thức kia, hoặc đến, hoặc đi, hoặc sanh, hoặc tử, khổ vui chìm hiện xúc trước các thứ tướng. Hoặc hòa hợp tương tục, hoặc ái, hoặc nhân chấp trước. Bà-la-môn các loại như thế là thế luận của các ông, chẳng phải ta có. Đại Huệ! Bà-la-môn thế luận hỏi như thế, ta đáp như thế, kia liền lặng thinh chẳng từ mà lui đi. Kia suy xét chỗ tự thông, khởi nghĩ thế này: Sa-môn Thích tử ra ngoài thông thường nói vô sanh, vô tướng, vô nhân, giác tự vọng tướng hiện tướng thì vọng tướng chẳng sanh.

Thế Tôn lại đáp thầy không ngoài hai chữ thế luận. Sau lại kèm nói cho đến ý thức vừa động thẳm dính ngoại trần đều là thế luận. Tức một câu này có thể gọi vì nhau triệt để vậy. Có chẳng phải thế luận mà chẳng phải ông biết, đây cũng là ý xa lìa khủng bố. Vừa nói chẳng phải làm chẳng phải thuyết, liền nói chẳng phải chẳng nói các thứ cú vị, chẳng phải chẳng nhân thí trang nghiêm. Đoạt chỗ chấp kia, mà cũng chẳng lìa chỗ chấp, riêng có đường khác. Nên nói chẳng phải tức chẳng phải ly, chỉ phải tự giác. Chẳng giác ngoại tánh chẳng thật đều do hư ngụy thì vọng tướng sanh khởi. Giác các pháp có không thấy từ tự tâm chẳng nhận duyên ngoài thì vọng tướng hằng dứt. Cũng chỉ đến chỗ bất giác hằng ngày của ngoại đạo, khiến tự giác đó. Trước sau Chỉ ký luận, kia tự không

thương tích chớ làm cho họ có thương tích. Lại chính chỗ chấp vọng thức của ngoại đạo, rốt sau bảo đó rằng: hoặc đến, hoặc đi, hoặc tử, hoặc sanh, khổ vui chìm hiện xúc trước các thứ tướng, hoặc hòa hợp tương tục, hoặc ái, hoặc nhân chấp trước, các loại như thế đều là thế luận của ông. Thật là toàn mâm đảo ngược, giết tốt sống tốt, mà bèn lui đi tự nghĩ rằng: Sa-môn Thích tử ra ngoài thông thường, nói vô sanh vô tướng vô nhân, giác tự vọng tưởng hiện tướng thì vọng tưởng chẳng sanh. Ngoại đạo thuật lời này là chê ngược lại. Hãy bảo y hay nhận hết lời nói Như Lai chăng? Hay không tốt lời nói Như Lai. Nếu cho là chẳng tốt thì lời vẫn rõ ràng. Nếu cho là tốt thì Như Lai tự thông chỉ là như thế. Nên nói mật chỉ từ trước đâu những máy lời mà Bà-la-môn soi thấu?

CHỈ THẾ LUẬN CHẤP NHẬN THAM DỤC, CHẴNG NHẬN CHÁNH PHÁP.

Đại Huệ! Đây tức là chỗ ông hỏi ta “Cớ sao nói gằn gũ thế luận các thứ biện thuyết, chấp nhận tham dục, chẳng chấp nhận pháp”. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Chấp nhận tham dục và pháp có cú nghĩa gì? Phật bảo Đại Huệ: Lành thay, lành thay! Ông mới hay vì chúng sanh đời sau suy nghĩ thừa hỏi cú nghĩa như thế. Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Nói là tham đó, hoặc lấy, hoặc bỏ, hoặc xúc, hoặc vị bám chặt ngoại trần rơi vào cái thấy hai bên. Lại sanh khổ ám sanh già bệnh chết lo buồn khổ não. Các hoạn như thế đều từ ái mà khởi. Đây do gằn gũ thế luận và người thế luận. Ta và chư Phật nói tên là tham, ấy gọi là chấp nhận tham dục, chẳng chấp nhận pháp.

Pháp tham dục chỉ là hai tâm lấy bỏ tóm hết cảnh giới thân cảm giác. Tốt cảnh giới cảm giác của thân, hoặc pháp tướng hiện tại, hoặc ảnh hiện ý pháp hư duyên tất cả lông rùa sừng thỏ, là tình là lý, thấy đều gọi là trần cảnh. Theo trần cảnh này hoặc lấy hoặc bỏ thấy rơi vào kiến phần tướng phần có không. Tất cả nhóm khổ thành tựu do tham ái. Ái, hữu làm nhân, sanh tử làm quả. Đây là lý do không nên gằn gũ thế luận.

CHỈ CHẤP NHẬN CHÁNH PHÁP, XA LÌA THẾ LUẬN.

Đại Huệ ! Thế nào là chấp nhận pháp ? Nghĩa là khéo hiểu biết tự tâm hiện lượng, thấy tướng nhân vô ngã và pháp vô ngã, vọng tưởng chẳng sanh. Khéo biết tiến lên địa trên, lìa tâm, ý, ý thức, được tất cả chư Phật dùng trí tuệ quán đánh, chấp nhận đầy đủ mười câu vô tận, đối tất cả pháp không khai phát tự tại, ấy gọi là pháp. Nên nói chẳng rơi vào tất cả kiến chấp, tất cả hư ngụy, tất cả vọng tưởng, tất cả tánh, tất cả hai bên. Đại

Huệ! Phần nhiều người si ngoại đạo rơi ở hai bên, hoặc thường hoặc đoạn. Chẳng phải trí tuệ thì nhận vô nhân luận liền khởi thường kiến ngoại nhân hoại nhân duyên phi tánh thì khởi đoạn kiến. Đại Huệ! Ta chẳng thấy sanh trụ diệt nói tên là Pháp. Đại Huệ! Ấy gọi là tham dục và pháp, ông cùng các đại Bồ-tát khác nên phải tu học.

Tự tâm hiện lượng không có tự tha, phàm có chỗ thấy đều là hư vọng. Đối chỗ này biết sâu tin sâu thì nhân pháp hai ngã liền đố tiêu sạch. Tất cả thời tất cả chỗ chẳng nhận có tánh thì giác tướng hoàn toàn sạch, soi sáng các địa, chẳng nhân tâm niệm cùng trí tuệ chư Phật không có sai biệt, tự hay dùng mười câu vô tận, chẳng cần công dụng tự tại tăng thắng. Lại nói chẳng rơi vào các kiến chấp hư ngụy có không tánh tướng ấy, bởi vì ngoại đạo rơi vào đây khởi chấp đoạn thường. Đây khác với tự thông thân giác thâm thiết rõ ràng. Bèn trân trọng nói “ta chẳng thấy sanh trụ diệt nói tên là pháp”. Như Lai vì chỉ cho người chỗ rành rõ tự sạch, toàn thể đại dụng, ý chỉ tinh vi vậy. Nhận vô nhân luận, tức chỉ ngoại đạo chỗ chấp sanh nhân mà khởi thường kiến. Bảo vô nhân ấy, nhân chẳng phải nhân kia, ấy là vô nhân. Giác sanh nhân hết, lại khởi đoạn kiến. Song nhân cùng vô nhân thấy thành đoạn diệt.

TỔNG TỤNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Tất cả thế gian luận

Ngoại đạo hư vọng nói

Vọng thấy tác, sở tác

Kia ắt không tự tông

Chỉ ta một tự tông

Lìa nơi tác sở tác

Vì các đệ tử nói

Xa lìa các thế luận.

Tâm lượng không thể thấy

Chẳng quán sát hai tâm

Nhiếp sở nhiếp phi tánh

Đoạn thường hai đều lìa

Nhẫn đến tâm lưu chuyển

Thầy đều là thế luận
Vọng tưởng chẳng chuyển ấy
Người này thấy tự tâm.
Đến đó là việc sanh
Đi đó việc chẳng hiện
Biết rành rõ đi đến
Vọng tưởng chẳng còn sanh
Hữu thường và vô thường
Sở tác không sở tác
Đời này đời khác thầy
Đây đều thế luận thông.

Hai bài kệ đầu bảo ngoại đạo không có tự tông, đều do năng sở nhiếp thọ bèn bị vọng tưởng lưu chuyển. Như Lai tự tông cùng ngoại đạo khác, cũng chỉ xa lìa năng sở lại không có ý chỉ riêng. Bài kệ thứ ba thứ tư là chỉ người khi xa lìa năng sở, thì mặc nhiên tự khế hợp, chẳng khởi tướng kiến. Nên nói “tất cả không có chân, chẳng do thấy nơi chân, nếu thấy nơi chân ấy, thấy ấy trọn chẳng chân”. Kinh Lăng Nghiêm nói “Chẳng thủ không phi huyễn, phi huyễn còn chẳng sanh, huyễn pháp từ đâu lập?”. Tức là tâm lượng không thể thấy này, tự biết tự tin chẳng nên lại khởi quán sát thì, một lúc các kiến chấp có không năng sở đoạn thường thấy đều không còn. Nếu đến mé này vừa dính niệm vi tế liền bị lưu chuyển, trở thành thế luận. Cho nên nói “vọng tưởng chẳng chuyển ấy, người này thấy tự tâm” có thể nói đĩnh ninh răn nhắc vậy. Hai bài kệ chót lại chỉ cho người chính nơi sự vật hằng ngày tất cả tướng đi đến rỗng sáng rõ ràng, đến không từ đâu, đi không chỗ đến, như mây như điện, như bóng như vang. Người chánh giác được tự tâm hiện lượng này thì mình người chẳng cách, xưa nay đồng xem. Chẳng như các thứ kiến giác thế luận là hữu thường vô thường, sở tác vô tác, đời này đời khác vậy.

3- CHỈ CHÁNH PHÁP GIẢI THOÁT, XA LÌA NGU NGOẠI.

- LIỆT BÀY VỌNG TƯỞNG VÀ NIẾT-BÀN.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Nói là Niết-bàn đó, nói những pháp gì gọi là Niết-bàn, mà các ngoại đạo mỗi phái khởi vọng tưởng? Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông nói. Như các ngoại đạo vọng tưởng

Niết-bàn, chẳng phải vọng tưởng kia tùy thuận Niết-bàn. Đại Huệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Hoặc có ngoại đạo ám, giới, nhập diệt, cảnh giới lia dục, thấy pháp vô thường, các loại tâm tâm sở chẳng sanh, chẳng nghĩ cảnh giới quá khứ vị lai hiện tại, các thọ ám hết, như ngọn đèn tắt, như hạt giống hư, vọng tưởng chẳng sanh, nơi những cái này khởi tưởng Niết-bàn. Đại Huệ! Chẳng phải do kiến hoại gọi là Niết-bàn.

Trước nói về chấp nhận pháp, đây thì y chánh nhân biện chánh quả. Ban đầu nói “như các ngoại đạo vọng tưởng Niết-bàn”. Lại nói “chẳng phải vọng tưởng kia tùy thuận Niết-bàn”, vọng tưởng, tùy thuận tà chánh rành rõ. Sau bày các thứ chẳng ngoài vọng tưởng. Rốt chỉ ra chánh pháp, chính rõ tùy thuận. Nói là tùy thuận tức là tùy thuận tự tánh. Xưa nay tự tánh thanh tịnh mà do khách nhiễm che ngăn, nên chẳng hiển lộ. Nếu giác tự tâm hiện lượng thì chân thánh đạo sanh, dứt che được hiển lộ gọi là Niết-bàn. Nên nói tùy thuận chân như, do lia chướng mà lập bày. Cảnh giới ám, giới, nhập diệt lia dục đó, nghĩa là kia quán sát pháp ám giới nhập cứu kính vô thường, chẳng tham cảnh giới đã chẳng tham cảnh giới thì pháp tâm tâm sở chẳng hiện ở trước, cho nên cũng không có niệm ba đời khứ, lai. Như ngọn đèn tắt, hạt giống hư tức là dụ cho cảnh giới diệt thọ. Loại vọng chấp này chỉ là tưởng hoại, chẳng phải kiến hoại. Kiến hoại là giác tự tâm hiện lượng rõ biết pháp ám, giới, nhập do mê tự tâm vọng hiện cảnh giới, vốn không có sanh, cũng không chỗ diệt. Kiến chấp sanh diệt lia, vọng tưởng chóng dứt, tự tánh Niết-bàn, chẳng phải quán pháp vô thường tùy diệt tưởng thọ, vọng chấp là Niết-bàn.

Đại Huệ! Hoặc do từ phương đến phương gọi là giải thoát, cảnh giới tưởng diệt vẫn như gió dừng, hoặc do năng giác sở giác thấy hoại gọi là giải thoát, hoặc thấy thường vô thường khởi tưởng giải thoát, hoặc thấy các thứ tướng tướng chiêu cảm nhân sanh khổ, suy nghĩ việc ấy rồi, chẳng khéo giác biết tự tâm hiện lượng kinh sợ nơi tướng, mà thấy vô tướng, sanh rất yêu thích khởi tưởng Niết-bàn.

“Từ phương đến phương”, theo cổ chú dẫn luận rằng: “Ngoại đạo thứ hai nói rất ban đầu có phương, từ phương sanh ra thế gian và người, nhân sanh trời đất thứ lớp diệt hết trở về nơi phương, nói là thường trụ, là nhân Niết-bàn”. Song Thắng luận sư lập sáu câu sanh nhân, trong câu Thật có chín pháp: Đất, nước, lửa, gió, không, thời, phương, ngã, ý. Minh luận sư chấp: Đại phạm, thời, phương, bản tế, tự nhiên, hư không, ngã, bảy pháp thường trụ, hay sanh tất cả pháp. Ba thứ nói phương này đều là không thể tướng. Họ thấy

các pháp hiện tiền không từ đâu sanh, vọng chấp sanh nhân là từ nơi hư vô. Như tự nhiên, hư không, bản thể, các thứ lập danh đều không thật thể. Lại chú nói phương là loại (giống) vậy. Từ phương đến phương không có cõi khác. như kinh Lăng Nghiêm nói: “Biết người sanh người, ngộ chim sanh chim, cùng tám muôn kiếp không có cải đổi, từ loại đến loại không mất bản tánh”. Đây lại là ngoại đạo tự nhiên. Ba lối chấp ở trước là từ phương mà sanh, trở về phương diệt. Lối chấp sau là bản tánh không mất tùy chỗ tự tại. Ý vọng chấp này cho là thường trụ. Tất cả cảnh giới trông mong tưởng diệt, như gió chóng dừng chấp là Niết-bàn. Năng giác sở giác kiến hoại là, chẳng thấy tâm năng giác cùng cảnh sở giác gọi là kiến hoại. Thấy thường, vô thường là chẳng khởi thấy thường, vô thường. Xét hai lối chấp này dường như cùng lìa năng nhiếp sở nhiếp và xa hai cái thấy đoạn thường gần nhau. Song chẳng do giác biết tự tâm hiện ra vọng tự đè ép toàn rơi vào năng sở. Dùng kiến dẹp kiến thấy gọi là vọng tưởng. Thấy các thứ tướng chiêu cảm nhân sanh khổ, sanh tâm kinh sợ, thấy nơi vô tướng, loại này là Nhị thừa quán vô thường khổ không vô ngã, giữ chân như thiên lệch, ưa nơi không tịch. Do chẳng khéo giác tự tâm hiện lượng, nên chẳng biết tất cả tánh tướng do nội thức biến tương tự đều không có sự thật, vọng sanh kinh sợ, bỏ một giữ một chẳng lìa vọng tưởng.

Hoặc có hiểu biết các pháp trong ngoài tự tướng cộng tướng khứ lai hiện tại có tánh chẳng hoại, khởi tướng Niết-bàn. Hoặc bảo ngã nhân chúng sanh thọ mạng tất cả các pháp hoại, khởi tướng Niết-bàn, hoặc ngoại đạo trí tuệ ác thiêu đốt thấy tự tánh và sĩ phu hai cái có gián cách, chỗ sĩ phu hiện ra gọi là tự tánh, như loại Minh Đế cầu-na chuyển biến, cầu-na là tác giả khởi tướng Niết-bàn. Hoặc bảo phước chẳng phải phước hết, hoặc bảo các phiền não hết, hoặc bảo trí tuệ, hoặc thấy tự tại là người chân thật tạo sanh tử, khởi tướng Niết-bàn.

Hiểu biết các pháp trong ngoài v.v... có tánh chẳng hoại, tức là nhận ngã trong ngũ ấm gọi là tự tánh, như văn trước thân cảm giác, đây là chấp thường. Ngã nhân chúng sanh thọ giả tất cả pháp hoại, cho là bốn tướng diệt hoại đồng với hư không, đây thành đoạn kiến. Tự tánh tức là Minh Đế. Sĩ phu tức là thân ngã. Sĩ phu từ tự tánh mà ra, cho nên nói như loại Minh sơ. Cầu-na dịch là y, nghĩa là thân ngã y Minh sơ chuyển biến mà sanh. Y là tác giả khởi tướng Niết-bàn. Nên nói “Y không sanh có, có trở lại về không”, cũng đồng với đoạn kiến. Phước chẳng phải phước hết là, không có tội phước tất cả không ngại,

không có nhân quả. Hoặc bảo các phiền não hết, hoặc bảo trí tuệ, kia cho phiền não trí tuệ là hai. Hoặc bảo hết phiền não mà y trí tuệ. Hoặc bảo phiền não tự nhiên mà hết, chẳng do trí tuệ đoạn, đều không phải chánh nhân. Hoặc thấy tự tại, tức là Đại Phạm Thiên. Thuận thế sư chấp Đại Phạm Thiên hay tạo chúng sanh sanh tử, tức lấy hay tạo tác làm thường trụ.

Hoặc bảo lần lượt sanh nhau, sanh tử lại không có nhân khác, như thế là chấp trước nhân, mà kia ngu si không thể hay biết, vì không biết nên khởi tướng Niết-bàn. Hoặc có ngoại đạo nói được đạo chân để khởi tướng Niết-bàn. Hoặc thấy công đức và công đức sở khởi hòa hợp một khác đồng chẳng đồng, khởi tướng Niết-bàn, hoặc thấy tự tánh sở khởi chim Khổng tước có màu sắc các thứ tạp bảo và gai nhọn v.v... các tánh, thấy rồi khởi tướng Niết-bàn.

Lần lượt sanh nhau là, cha sanh con, con sanh cháu, đời đời tiếp nối không có nhân khác. Chẳng biết dòng ái là giống, kết tướng làm thai chấp nhận vô minh hoặc nghiệp là gốc sanh tử, không có giải thoát. Vì chẳng biết nên an phận, nơi sanh tử khởi tướng Niết-bàn. Như thế gian hiện nay cha con ông cháu sanh tử tiếp nối, làm cho là lẽ dĩ nhiên. Chân đế tức là Minh đế, họ chấp Minh đế cho là đạo. Công đức và công đức sở khởi, tức là năng tác sở tác. Nghi năng sở hòa hợp mà sanh thấy một khác đồng chẳng đồng, thấy đều không ngoài tứ cú. Tự tánh sở khởi là tự nhiên sanh, cũng đồng với vô nhân. Bảo rằng chim quạ xưa nay vẫn đen, chim cò xưa nay vẫn trắng, người trời vốn đứng thẳng, súc sanh vốn đi ngang, cây tùng thì ngay, cây cúc thì cong, chim thú màu sắc, các thứ trần bảo tạp đều tự nhiên sanh không có nhân quả.

Đại Huệ! Hoặc có giác hai mươi lăm chân thật, hoặc vua gìn giữ nước nhận Lục đức luận, khởi tướng Niết-bàn. Hoặc thấy “thời” là tác giả, thời tiết thế gian, giác như thế khởi tướng Niết-bàn. Hoặc bảo tánh, hoặc bảo phi tánh, hoặc bảo biết tánh phi tánh, hoặc thấy có giác cùng Niết-bàn sai biệt khởi tướng Niết-bàn.

Hai mươi lăm chân thật là, Số luận sư lập hai mươi lăm đế. Lục đức tức là Thắng luận lập lục cú. Trước chấp hai mươi lăm Minh đế và lục cú luận tức là Niết-bàn. Đây lấy năng giác năng thọ làm Niết-bàn. Vua gìn giữ nước là thọ sáu phần gìn giữ chúng sanh. Thời tức là ngoại đạo Thời Tán chấp tất cả pháp đều từ thời sanh, xem thấy cây cỏ tươi khô nở rụng chấp thời là thường là một, là nhân của vạn vật, là nhân Niết-bàn. Tánh là

vật. Có vật không vật, chẳng phải có chẳng phải không, cũng thuộc về nhân với vô nhân. Giác là giác tướng, giác tướng thì dao động, Niết-bàn vắng lặng, hoặc bảo là khác, hoặc chấp không khác, đồng một vọng chấp.

Có loại như thế các thứ vọng tưởng, ngoại đạo nói ra chẳng thành đã thành, người trí bỏ đó. Đại Huệ! Như thế tất cả đều rơi vào hai bên khởi tướng Niết-bàn. Các Niết-bàn vọng tưởng của ngoại đạo như thế, trong ấy trọn không hoặc sanh hoặc diệt. Đại Huệ! Mỗi thứ Niết-bàn của ngoại đạo kia là họ tự luận. Trí tuệ quán sát trọn không có chỗ lập. Như vọng tưởng kia tâm ý đi lại trôi giạt xao động, tất cả không có được Niết-bàn.

Kết luận nói ngoại đạo chấp các thứ Niết-bàn đều do vọng tưởng thấy chẳng thành Niết-bàn. Nghĩa là chẳng ngoài hai bên có không, hoặc trụ hoặc xuất trọn không có thật nghĩa. Thấy thuộc về tâm ý xao động. Dù được cứu kính diệt hết, trọn không có thật được Niết-bàn. Đây đều do chẳng giác biết tự tâm hiện lượng theo cảnh tự tâm hiện hư vọng phân biệt, không có trí như thật, tất cả làm ra đều không thành lập.

-CHỈ NHƯ LẠI TÙY THUẬN NIẾT-BÀN.

Đại Huệ! Như ta nói Niết-bàn là, khéo giác biết tự tâm hiện lượng chẳng đắm trước ngoại tánh (vật), lìa tứ cú, thấy chỗ như thật, chẳng kẹt tự tâm hiện vọng tưởng hai bên năng nhiếp sở nhiếp không thật có, tất cả độ lượng không thấy được thành, ngu nơi chân thật không nên chấp nhận, buông bỏ kia rồi được tự giác thánh pháp, biết hai vô ngã, lìa hai phiền não, trừ sạch hai chướng, hằng lìa hai cái tử, tiến lên mỗi địa, đến Như Lai địa, các tam-muội sâu như bóng huyễn v.v... lìa tâm ý ý thức, gọi là Niết-bàn. Đại Huệ! Các ông và các đại Bồ-tát khác nên phải tu học, phải chóng xa lìa tất cả kiến chấp Niết-bàn của ngoại đạo.

Tự tâm hiện lượng tức là Niết-bàn xưa nay thanh tịnh. Niết-bàn này tất cả hữu tình bình đẳng đồng có. Tánh nó vốn lặng, chỉ bậc chân thánh giả tự chứng được ở trong, cho nên nói “hiểu biết”. Hiểu biết đây rồi, thấy tánh vốn lặng cùng tất cả pháp không phải một, không phải khác. Nên nói “chẳng đắm trước ngoại tánh (vật), lìa tứ cú, thấy chỗ như thật”. Thấy chỗ như thật thì lý chân như hiện bày, lìa tất cả tướng tất cả phân biệt. Nên nói “chẳng kẹt tự tâm hiện vọng tưởng hai bên, năng nhiếp sở nhiếp không thật có”. Lý chân như hiện bày thì tướng tướng đều lặng, ắt con đường suy nghĩ bật, lời nói năng dứt. Nên nói “tất cả độ lượng chẳng thấy được thành, ngu nơi chân thật chẳng nên chấp nhận”.

Bởi vì chỗ như thật chẳng phải nói bàn suy tính nếu nói bàn suy tính luống bị nó làm ngu, nên chẳng chấp nhận. Hai vô ngã là, nhân vô ngã và pháp vô ngã. Hai phiền não là căn bản phiền não và tùy phiền não. Hai chướng là hoặc chướng và trí chướng. Hai tử là phần đoạn và biến dịch. Bốn thứ hai này từ giác tự tâm hiện lượng một lúc chóng thấy, đến chứng vô trụ xứ Niết-bàn mới được viên mãn. Niết-bàn này là lý chân như ra khỏi sở tri chướng, đại bi bát-nhã thường phụ giúp nên chẳng trụ sanh tử và Niết-bàn, lợi lạc hữu tình tốt mé vị lai, dụng mà thường lặng. Nên nói “tam-muội sâu xa, lia tâm ý ý thức”. Hai Niết-bàn này trong nhân trên quả cả hai đều bình đẳng, chỉ Như Lai có. Gồm hữu dư y Niết-bàn và vô dư y Niết-bàn chung thành bốn thứ. Như Lai ắt có đủ. Như Lai tuy không thật y mà hiện dường như có. Thế nên, Như Lai nên nói đủ bốn. Nhị thừa đoạn kiến tư phiền não hiển bày chân lý, tuy có chút khổ để y mà hai hoặc hằng diệt, nên cũng được hữu dư Niết-bàn. Nếu vô dư y thì Nhị thừa cũng có cũng không. Y nơi chẳng thấy bản lai tự tánh thanh tịnh và không vô trụ xứ nên nói kia là không. Y nơi phiền não chướng hết hiển bày chân lý, lia tướng trong trẻo, lặng lẽ an vui cùng Phật không khác nên nói cũng có.

- TỔNG TỤNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Ngoại đạo chấp Niết-bàn
Mỗi mỗi khởi vọng tưởng
Đây từ tâm tưởng sanh
Không phương tiện giải thoát.
Ngu nơi phược phược đó
Xa lia phương tiện khéo
Ngoại đạo tưởng giải thoát
Giải thoát trọn chẳng sanh.
Các trí mỗi khác đường
Ngoại đạo chỗ thấy thông
Kia thấy không giải thoát
Vì ngu si vọng tưởng.

Đây nói ngoại đạo chấp các thứ Niết-bàn đều do vọng tưởng, không có phương tiện giải thoát. Không phương tiện giải thoát là chẳng khéo giác tự tâm hiện lượng. Chẳng giác tự tâm hiện lượng thì thấy năng phục cùng sở phục. Thấy có năng phục thì có tâm đáng không, có trí đáng diệt. Thấy có sở phục thì có pháp nên đoạn, có cảnh nên lìa, nên nói là ngu. Các thứ chấp nhận mỗi người tự xưng là trí, mà thật không trí, không có lý giải thoát.

Tất cả ngoại đạo si
Vọng thấy tác, sở tác
Có không các loại luận
Kia ắt không giải thoát
Phàm ngu ưa vọng tưởng
Chẳng nghe tuệ chân thật
Ngôn ngữ gốc ba khổ
Chân thật diệt nhân khổ.
Thí như bóng trong gương
Tuy hiện mà chẳng có
Nói gương tâm vọng tưởng
Kẻ ngu thấy có hai
Chẳng biết tâm và duyên
Ắt khởi hai vọng tưởng
Rõ tâm và cảnh giới
Vọng tưởng ắt chẳng sanh.
Tâm ấy tức các thứ
Xa lìa tướng sở tướng
Sự hiện mà không hiện
Như ngu kia vọng tưởng.

Tác là tác giả, tức là chấp nhân tướng. Sở tác tức nhân sanh ra pháp, thấy rơi vào hai loại có không, không có phần giải thoát. Bởi thức tánh muốn thấy sắc tướng nên tất cả cảnh giới có không đều là chỗ thích của giác tướng. Ưa giác tướng thì ắt ngu nơi chân thật. Nên nói “có phiền não thì không có trí tuệ, có trí tuệ thì không có phiền não”. Các

chấp có không lường chiều nhân quả, trọn không có sự thật, chỉ có ngôn ngữ. Nên nói “ngôn ngữ gốc ba khổ”. Nếu thấy chân thật thì các vọng chóng dứt, liền diệt nhân khổ. Gương dụ tự tâm. Bóng dụ tất cả cảnh giới sắc tâm do tự tâm hiện ra. Tâm cùng cảnh giới tánh nó không hai, tánh không hai tức là tâm lượng. Rõ thì các thứ đều tâm, năng sở đều vọng, hiện mà không hiện, như huyễn, như điện chẳng thể có không.

Ba cõi chỉ vọng tưởng
Nghĩa ngoài thấy không có
Vọng tưởng các thứ hiện
Phàm ngu không thể rõ.
Các kinh nói vọng tưởng
Trọn chẳng ngoài nơi tên
Nếu lìa nơi ngôn thuyết
Cũng không có sở thuyết.

Ba cõi chỉ vọng tưởng là, ba cõi các pháp đều do nội thức biến tương tự nên có ngoại cảnh sanh, thật không có nghĩa riêng. Kẻ ngu không thể hiểu vọng thấy các thứ. Các kinh đã nói vọng tưởng, đều nói không tánh, chỉ có danh tự. Nếu lìa danh tự thì không vọng tưởng có thể được. Vọng tưởng đã dối thì nói cũng chẳng có, không thể lại duyên nơi thánh giáo. Nên nói “chấp thuốc thành bệnh”, Như Lai dạy người thật không có nghĩa dư vậy.

F- CHỈ CHÁNH GIÁC CHẲNG PHẢI PHÁP NHÂN QUẢ, NÓI LÀ SANH DIỆT, HIỆN BÀY CHÂN THƯỜNG KHÔNG CẤU, CHÓNG VƯỢT CÁC ĐỊA.

1- CHỈ PHÁP THÂN NHƯ LAI CHẲNG PHẢI NHÂN QUẢ.

- HỎI PHÁP THÂN NHƯ LAI LÀ NHÂN LÀ QUẢ.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Cúi xin vì nói Tam-miệu Tam Phật-đà (Samyak - Sam Buddha Đẳng chánh giác), con và các vị đại Bồ-tát khéo nơi Như Lai tự tánh tự giác giác tha. Phật bảo Đại Huệ: Cho ông tùy ý hỏi, ta sẽ vì ông theo chỗ hỏi mà đáp. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Như Lai ứng cúng đẳng chánh giác là tác chăng? Là chẳng tác chăng? Là sự (quả) chăng? Là nhân chăng? Là tướng chăng? Là sở tướng

chăng? Là thuyết chẳng? Là sở thuyết chẳng? Là giác chẳng? Là sở giác chẳng? Những câu như thế là khác hay chẳng khác?

Sắp hiển bày giác tánh Như Lai chẳng phải nhân chẳng phải quả cứu kính rành rõ thuần nhất không lỗi. Tam-miêu tam Phật-đà dịch là Đẳng chánh giác cũng dịch là Chánh biến tri. Như Lai, Ứng cúng, Đẳng Chánh Giác là ba trong mười hiệu. Ở đây hỏi về Pháp thân Như Lai nêu ba tức gồm nhiều hiệu. Chữ tác là nghĩa tu khởi. Chỗ y cứ khởi tạo tác là nhân, việc tạo tác thành hình là quả. Chữ sự là quả. Nhân tướng là tướng, quả tướng là sở tướng. Thuyết là người nói, sở thuyết là lý nói ra. Giác là người tri giác, sở giác là cảnh sở tri. Những câu như thế là khác hay chẳng khác, là tác cùng chẳng tác v.v... Nay điệp chấp đều thành bốn câu. Bởi vì muốn hiển bày Pháp thân lìa tứ cú cứu kính rành rõ.

- CHỈ PHÁP THÂN NHƯ LAI CHẲNG PHẢI NHÂN QUẢ XA LÌA TỨ CÚ.

Phật bảo Đại Huệ: Như Lai, Ứng cúng, Đẳng chánh giác, đối những câu như thế chẳng phải sự chẳng phải nhân. Vì có sao? Vì đều có lỗi vậy. Đại Huệ! Nếu Như Lai là sự thì hoặc tác hoặc vô thường. Vì vô thường nên tất cả sự ứng là Như Lai, đều là chỗ chẳng muốn của ta và chư Phật. Nếu chẳng phải sở tác thì không sở đắc, là phương tiện ắt không, đồng với sừng thỏ và con thạch nữ, vì không thật có. Đại Huệ! Nếu không sự không nhân thì chẳng phải có chẳng phải không. Nếu chẳng phải có chẳng phải không thì ra ngoài tứ cú. Tứ cú thuộc về ngôn thuyết của thế gian. Nếu ra ngoài tứ cú thì chẳng rơi vào tứ cú. Vì chẳng rơi vào tứ cú nên người trí nhận giữ. Tất cả cú nghĩa của Như Lai cũng như thế, người tuệ nên biết.

Tóm hết các câu hỏi trên không ra ngoài hai nghĩa nhân và quả. Cho nên chỉ nêu sự và nhân để rõ tự tánh Pháp thân Như Lai chẳng phải nhân chẳng phải quả. Nếu là sự thì do tạo ra, mà Vô thường chánh chân chẳng đồng với pháp tu tạo vô thường ở thế gian. Nếu chẳng phải tác thì ngại không được, mà tự tánh trang nghiêm lìa chướng hiển bày vô lượng công đức vi diệu, chẳng phải là nghĩa rỗng không. Cho nên biết, chẳng phải sở tác, ấy là không sự. Nhưng chẳng phải chẳng tác thì, phương tiện đạt được phải do nhân mà rõ. Song, giác thể sẵn có là từ liễu nhân được, chẳng phải từ sanh nhân mà được, ấy là không nhân. Không sự (quả) không nhân thì có không chẳng mắc, tứ cú chóng lìa. Tứ cú đã lìa là chỗ tất cả ngôn thuyết chẳng đến, cú nghĩa thanh tịnh người trí chứng được. Kinh Đại Bát Niết-bàn nói: “Phật tánh tuy có mà chẳng đồng hư không. Vì có sao? Vì hư

không ở thể gian tuy dùng vô lượng phương tiện khéo léo mà không thể thấy được, còn Phật tánh có thể thấy. Thế nên tuy có, chẳng phải như hư không. Phật tánh tuy không mà chẳng đồng với sừng thỏ. Vì có sao? Vì lông rùa sừng thỏ tuy dùng vô lượng phương tiện khéo léo cũng không thể được sanh. Phật tánh có thể sanh, thế nên tuy không mà chẳng đồng với sừng thỏ”. Đây là mật chỉ về Phật tánh vi diệu, chỉ hàng chân thánh tự ở trong chứng được. Như thế, thể tánh chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải nhân chẳng phải quả, ra ngoài độ lượng, nên như thế mà biết. Bàn đại dịch là thạch nữ. Bàn đại tử là con thạch nữ.

- CHỈ PHÁP THÂN CHÂN NGÃ THƯỜNG LẶNG LẼ.

Như ta đã nói tất cả pháp vô ngã. Phải biết nghĩa này không ngã tánh nói là vô ngã. Tất cả pháp có tự tánh không tha tánh, như trâu ngựa. Đại Huệ! Thí như chẳng phải trâu là ngựa, chẳng phải ngựa là trâu, kỳ thật chẳng phải có chẳng phải không, kia chẳng phải không tự tánh. Như thế, Đại Huệ! Tất cả các pháp chẳng phải không tự tướng. Có tự tướng ấy, nhưng chẳng phải chỗ hay biết của hàng vô ngã, ngu phu, vì vọng tưởng vậy. Như thế, tất cả pháp không, vô sanh, không tự tánh nên biết như thế.

Như Lai nói tự tánh Pháp thân chẳng phải nhân chẳng phải quả, mà chẳng phải đoạn diệt. Cho nên ở đây lại dẫn câu pháp vô ngã để hiển bày Như Lai chân ngã. Bởi Như Lai tự tánh chân ngã thường bị pháp ngã che đậy, nên nói tất cả pháp vô ngã. Cốt để hiển tự tánh Pháp thân chân như tự tướng. Nếu thấy tự tánh Pháp thân chân như tự tướng thì càng biết tất cả pháp chân như tự tướng trong ngoài không chướng, trong trẻo thường lặng lẽ. Tất cả các pháp do tự tâm hiện ra, bởi tự tâm hiện nên tất cả các pháp đều không ngã tánh, cho nên nói vô ngã, hiện ra chỉ tại tâm. Tức là tất cả pháp có tự tánh, không tha tánh. Song không tha tánh tức là không ngã tánh. Bởi thế tất cả pháp nói vô ngã, vì tất cả pháp do tự tâm nên nói không tha tánh. Cho nên phàm nói tất cả pháp không, vô sanh, không tự tánh đều không có ý chỉ khác. Nên nói “chỉ có chân thức lại không có thức khác”. Đây là chỗ đến tột của người giác tự tâm hiện lượng vậy. Tánh ngựa không phải trâu, tánh trâu không phải ngựa, để dụ không tha tánh chẳng phải không tự tánh. Không tha thì chẳng phải có, có tự thì chẳng phải không. Chẳng phải có chẳng phải không chân như tự tướng chỉ bậc chân thánh tự chứng ở trong, kẻ ngu phu phân biệt không có phần vậy.

-CHỈ PHÁP THÂN ĐỐI HIỆN PHI MỘT PHI KHÁC.

Như thế, Như Lai cùng âm chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác. Nếu chẳng khác âm thì ung vô thường; nếu khác âm thì phương tiện ắt không; nếu hai thì ung có khác. Như sừng trâu tương tự nên chẳng khác, dài ngắn sai biệt nên có khác, tất cả pháp cũng như thế. Đại Huệ! Như sừng bên phải khác sừng bên trái, sừng bên trái khác sừng bên phải. Như thế dài ngắn các thứ sắc mỗi mỗi khác. Đại Huệ! Như Lai đối âm, giới, nhập chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác.

Đây hiển bày Pháp thân đối hiện chẳng phải một chẳng phải khác, chẳng phải chỗ biết của phàm ngu. Từ đây về sau thấy đều do thấy Như Lai tự tánh chân ngã, đồng với Báo, Hóa vượt phược (phàm phu) và thoát (Nhị thừa), đồng trí và chương, tự tánh Niết-bàn ra khỏi số lượng. Âm tức chỉ sắc thân Như Lai. Nghĩa là Pháp thân cùng sắc thân chẳng phải một chẳng phải khác. Nếu một thì sắc thân diệt Pháp thân cũng ung diệt, diệt thì vô thường. Nếu hai thì Pháp thân do phương tiện đạt được thấy đều không, vô nghĩa. Song, thân ngàn trượng Lô-xá-na (báo thân) và tất cả vô lượng ứng hóa tướng tốt vẻ đẹp thật có đối hiện. Nên nói “diệt sắc vô thường được chân sắc thường trụ”. Sừng trâu giống nhau dụ một. Dài ngắn sai biệt dụ hai. Nhưng thấy đều gọi là sừng trâu chẳng phải một chẳng phải khác. Cho nên nói “Như Lai đối âm, giới, nhập cũng chẳng phải một chẳng phải khác”.

- CHỈ PHÁP THÂN VÀ GIẢI THOÁT CHẲNG PHẢI MỘT CHẲNG PHẢI KHÁC.

Như thế, Như Lai và giải thoát chẳng phải khác chẳng phải chẳng khác. Như thế, Như Lai lấy giải thoát gọi tên. Nếu Như Lai khác giải thoát thì ung thành sắc tướng, vì thành sắc tướng nên vô thường. Nếu chẳng khác thì người tu hành được tướng nên không có phân biệt. Song người tu hành thấy phân biệt. Thế nên, chẳng phải khác chẳng phải chẳng khác.

Niết-bàn có ba đức: Pháp thân, giải thoát, bát-nhã, như chữ y (0o0) có ba điểm, chẳng ngang chẳng dọc. Song ở đây nói Pháp thân cùng giải thoát chẳng phải một chẳng phải khác. Bởi vì Như Lai do giải thoát được tên. Nếu khác thì Pháp thân Như Lai đã chứng giải thoát đồng với sắc tướng, ung là vô thường. Đâu biết rằng Pháp thân Như Lai tức là giải thoát, giải thoát tức là Pháp thân, thanh tịnh không nhơ, thế không có hai. Nếu

chẳng khác thì người tu hành năng chứng sở chứng ưng không sai biệt, mà thấy có sai biệt. Như thập chân như, hàng Sơ địa đã đạt, mà đối với chứng hạnh vẫn chưa viên mãn. Vì khiến họ viên mãn nên sau lại dựng lập mỗi địa, mỗi địa có cạn sâu sai biệt thấy khác. Thế nên chẳng phải một chẳng phải khác.

- CHỈ TRÍ CHƯỚNG CHẴNG PHẢI MỘT CHẴNG PHẢI KHÁC.

Như thế, trí và sở tri chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác. Đại Huệ! Trí và sở tri chẳng phải khác, chẳng phải chẳng khác ấy, là phi thường, phi vô thường, phi tác, phi sở tác, phi hữu vi, phi vô vi, phi giác, phi sở giác, phi tướng, phi sở tướng, phi âm, phi khác âm, phi thuyết, phi sở thuyết, phi một, phi khác, phi đồng, phi chẳng đồng. Vì phi một, phi khác, phi đồng, phi chẳng đồng nên đều lìa tất cả lượng.

Trước nói Pháp thân cùng giải thoát chẳng phải một chẳng phải khác. Ở đây nói Pháp thân cùng bát-nhã chẳng phải một chẳng phải khác. Song lại nói bát-nhã (trí) cùng sở tri chẳng phải một chẳng phải khác ấy, vì bát-nhã là thủy giác từ Pháp thân bản giác mà sanh, nói thủy thì cùng với bản không khác. Nếu sở tri chướng đến thập nhất địa vẫn còn có hai phần ngu cực vi tế, đến Diệu giác Phật địa mới hay trừ sạch. Đó là trí cùng chướng phân rõ có hai. Lại nói chẳng phải một chẳng phải khác ấy, bởi vì lìa trí không chướng, lìa chướng không trí, pháp không có ngã tánh nơi đây càng rõ. Song Như Lai tự tánh chân ngã lìa tứ cú vượt tất cả số lượng, chẳng phải chỗ biết của tư lương. Kèm nói tác phi tác v.v... đều là lặp lại lời hỏi trước để nhiếp hết trong lìa tứ cú.

- TỔNG KẾT PHÁP THÂN LÌA CÁC CĂN LƯỢNG GỒM TỤNG.

Lìa tất cả lượng thì không ngôn thuyết, không ngôn thuyết thì vô sanh. Vô sanh thì không diệt, không diệt thì tịch diệt. Tịch diệt thì tự tánh Niết-bàn. Tự tánh Niết-bàn thì không sự không nhân. Không sự không nhân thì không phan duyên (vin theo). Không phan duyên thì ra ngoài tất cả hư ngụy. Ra ngoài tất cả hư ngụy tức là Như Lai. Như Lai tức là Tam-miêu Tam Phật-đà (Samyak-Sam Buddha Đẳng chánh giác). Đại Huệ! Ấy gọi là Tam-miêu Tam Phật-đà Phật-đà. Đại Huệ! Tam-miêu Tam Phật-đà Phật-đà ấy, là lìa tất cả căn lượng.

Đây là kết tự tánh Pháp thân Như Lai vượt qua tất cả số lượng, tự chứng được ở trong, tất cả danh ngôn đều chẳng phải thể của nó. Người chứng được thể này mới biết sanh diệt đều không, chỉ có tịch tĩnh, nên nói “tự tánh Niết-bàn”. Tự tánh Niết-bàn chẳng

phải nhân chẳng phải quả, hết các động niệm, dứt tâm tư tưởng, tốt mé gốc vô minh, cứu kính giải thoát không có hư nguy, là chân Pháp thân, là bình đẳng thân, hằng lìa tất cả cảnh giới các căn. Như Lai nơi hội Bát Niết-bàn khắp bảo đại chúng rằng: “Ta dùng Bát-nhã sâu xa xem khắp tam giới tất cả lục đạo, các núi bể cả, quả đất, hàm sanh. Như thế tam giới căn bản tánh lìa, cứu kính tịch diệt đồng với tướng không, không tên, không biết, hằng đoạn các hữu, xưa nay bình đẳng không có tướng cao thấp, không thấy không nghe không giác, không tri, không thể trói buộc, không thể giải thoát, không chúng sanh không thọ mạng, chẳng sanh, chẳng khởi chẳng tận chẳng diệt, chẳng phải thế gian chẳng phải chẳng thế gian. Niết-bàn sanh tử đều không thể được, hai bên bình đẳng. Vì các pháp bình đẳng nên ở yên lặng lẽ, không có chỗ thi vi, cứu kính an ổn, hẳn không thể được. Từ pháp vô trụ mà pháp tánh thi vi đoạn tất cả tướng, một không thể có. Pháp tướng như thế, kẻ biết được nó gọi là người xuất thế. Không biết việc ấy gọi là gốc sanh tử”. Đây chính là Như Lai tự tánh giải thoát cùng tất cả pháp đồng trụ chân như bản tế, trong ngoài hằng lìa tất cả lỗi lầm. Tất cả chúng sanh cũng đồng đủ cái này, chỉ vì khách nhiễm che lấp, một niệm giác biết tức đồng sẵn được.

Khi ấy, Thế tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Thấy lìa các căn lượng	Không sự cũng không nhân
Đã lìa giác sở giác	Cũng lìa tướng sở tướng
Ám duyên đẳng chánh giác	Một, khác chớ hay thấy
Nếu không có thấy đó	Làm sao mà phân biệt.
Phi tác phi bất tác	Phi sự cũng phi nhân
Phi ám phi tại ám	Cũng phi có dư tập
Cũng phi có các tánh	Như kia vọng tưởng thấy
Nên biết cũng phi vô	Pháp này pháp cũng thế.

Đây là tổng tụng Pháp thân lìa nhân quả, năng sở, căn khí một khác tứ cú. Không có thấy lìa ấy, cũng không pháp tự tánh, cũng lại phi không pháp, khá gọi thật được pháp thế. Ngộ đây sẽ lặng lẽ tự hết.

Bởi có nên có không	Bởi không nên có có
Nếu không chẳng nên tho	Nếu có chẳng nên tướng.
Hoặc nơi ngã phi ngã	Ngôn thuyết lượng không dứt

Chìm đắm ở hai bên	Tự hoại hoại thế gian
Giải thoát tất cả lỗi	Chính quán sát ngã thông
Ấy gọi là chánh quán	Chẳng hủy đại Đạo sư.

Nếu không chẳng nên thọ, nếu có chẳng nên tưởng là, không thì cứu kính không chẳng nên lại không, có thì xưa nay có chẳng nên lại có, bởi có không đối đãi nhau, tánh chẳng có không. Chẳng đạt ngã thông thì không có chánh kiến, mắc kẹt hai bên tự hoại hoại người, chê bai Như Lai, đâu còn gì hơn kẻ này. Thế Tôn thường bảo: “Nếu nói có đó, người trí chẳng nên nhiễm; nếu nói không đó, tức là vọng ngữ. Nếu nói có đó chẳng nên lặng thinh, cũng chẳng nên hý luận tranh tụng”. Ý chỉ này tế nhị thay!

2- CHỈ PHÁP THÂN NHƯ LAI CHẲNG SANH CHẲNG DIỆT LÀ NGÔN THUYẾT.

- CHỈ PHÁP THÂN NHƯ LAI CHẲNG PHẢI KHÔNG TÁNH.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Như Thế Tôn nói kinh “Nhiếp thọ chẳng sanh chẳng diệt”. Lại, Thế Tôn nói chẳng sanh chẳng diệt là tên khác của Như Lai. Thế nào Thế Tôn là không tánh nên nói chẳng sanh chẳng diệt, cho là tên khác của Như Lai? Phật bảo Đại Huệ: Ta nói tất cả pháp chẳng sanh chẳng diệt các loại có không chẳng hiện. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Nếu tất cả pháp chẳng sanh thì, pháp nhiếp thọ không thể được, vì tất cả pháp chẳng sanh. Nếu trong danh tự có pháp, cúi xin Thế Tôn vì nói. Phật bảo Đại Huệ: Lành thay, lành thay! Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông phân biệt giải nói. Đại Huệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Ta nói Như Lai chẳng phải không tánh, cũng chẳng phải chẳng sanh chẳng diệt nhiếp tất cả pháp, cũng chẳng đợi duyên nên chẳng sanh chẳng diệt, cũng chẳng phải vô nghĩa.

Đây là nhằm ngoài tự tâm hiện lượng chấp tất cả pháp chẳng sanh chẳng diệt, lấy đó khởi nạn. Bởi vì người theo danh mất nghĩa nên Phật vì phát minh. Trong Kinh kiến lập tất cả pháp chẳng sanh chẳng diệt là vì không tánh nên nói, chẳng vì có tánh nói. Lại nói là tên khác của Như Lai thì chẳng phải không tánh. Ấy là hiện rơi vào có tánh mà nói không pháp thì có không đều đọa. Đây là ý nạn của Đại Huệ. Thế Tôn bảo: Ta nói tất cả pháp chẳng sanh chẳng diệt những loại có không chẳng hiện. Đại Huệ không biết từ tự tâm hiện lượng nói chẳng sanh chẳng diệt chóng vượt có không mà cho là tất cả pháp đã không sanh diệt không ưng lại nhiếp thuộc có pháp. Nếu bảo tên khác của Như Lai, tên ắt

có nghĩa, ấy là nhiếp thuộc có pháp. Cho nên Thế Tôn lại bảo: Ta nói Như Lai chẳng phải không tánh. Mới biết tâm lượng bản hữu chẳng đồng sùng thờ, y nghĩa bất giác dường như các pháp hiện, vốn không có sanh cũng không có chỗ diệt. Chẳng sanh diệt này là nói pháp không tự tánh. Chẳng phải nói thấy không các pháp, chẳng nên nhiếp thuộc có, lại đợi duyên hết mới thấy không sanh. Cũng chẳng phải vô nghĩa là, nói nghĩa tự tâm như thật chẳng sanh, chẳng giác nghĩa tự tâm như thật chẳng sanh, chỉ đến trên danh cú chẳng sanh chẳng diệt vọng chấp không tánh, chẳng ưng nhiếp thuộc về có, tức là có chữ mà không nghĩa. Cho nên vẫn sau bàn rộng vậy.

- CHỈ PHÁP THÂN NHƯ LAI CHÍNH KHI SANH MÀ VÔ SANH.

Đại Huệ! Ta nói ý sanh Pháp thân danh hiệu Như Lai. Chẳng sanh kia là chẳng phải cảnh giới của tất cả ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát thất trụ. Đại Huệ! Chẳng sanh kia là dị danh của Như Lai. Đại Huệ! Thí như Nhân-đà-la Thích-ca, Bất-lan-đà-la những vật như thế, mỗi mỗi vật đều có nhiều tên, cũng chẳng phải có nhiều tên mà có nhiều tánh, cũng chẳng phải không tự tánh.

Đây tức sanh nói vô sanh để hiển ý chỉ thâm mật, vẫn không nên theo danh mật nghĩa. Bởi ý sanh Pháp thân tức là chẳng sanh, nên nói dị danh Như Lai. Nghĩa chẳng sanh này chẳng phải cảnh giới của Nhị thừa và hàng Thất địa. Thất địa về trước chỉ hết nhân sanh, chớ chẳng đạt được tự tánh vô sanh của Như Lai. Tự tánh vô sanh của Như Lai là chân như bình đẳng, tùy chỗ tùy thời không có tướng khởi diệt. Chẳng phải duyên hết mới hiện, cho nên chấu kệt nơi vô sanh sở liễu năng liễu. Nhân-đà-la Thích-ca, Bất-lan-đà-la đều là dị danh của Đấng Thích. Chẳng phải do nhiều tên mà có nhiều tánh là, thể một mà tên khác. Cũng chẳng phải không tự tánh là, nhiều tên dùng để nói một thể, lại phải nhân tên mà được thể.

- CHỈ PHÁP THÂN NHƯ LAI TÊN KHÁC THỂ MỘT.

Như thế, Đại Huệ! Ta ở thế giới Ta-bà này, trải ba a-tăng-kỳ có trăm ngàn danh hiệu. Kẻ ngu thấy đều nghe, mỗi người nói tên ta mà không hiểu ta, ấy là dị danh Như Lai. Đại Huệ! Hoặc có chúng sanh biết ta là Như Lai, có chúng sanh biết ta là Nhất thiết trí, có chúng sanh biết ta là Phật, có chúng sanh biết ta là Cứu thế, có chúng sanh biết ta là Tự giác, có chúng sanh biết ta là Đạo sư, có chúng sanh biết ta là Quảng đạo, có chúng sanh biết ta là Nhất thiết đạo, có chúng sanh biết ta là Tiên nhân, có chúng sanh biết ta là

Phạm, có chúng sanh biết ta là Tỳ-nữ, có chúng sanh biết ta là Tụ tại, có chúng sanh biết ta là Thắng, có chúng sanh biết ta là Ca-tỳ-la, có chúng sanh biết ta là Chân Thật Biên, có chúng sanh biết ta là Nguyệt, có chúng sanh biết ta là Nhật, có chúng sanh biết ta là Vương, có chúng sanh biết ta là Vô sanh, có chúng sanh biết ta là Vô diệt, có chúng sanh biết ta là Không, có chúng sanh biết ta là Như như, có chúng biết ta là Đế, có chúng biết ta là Thật tế, có chúng biết là Pháp tánh, có chúng biết là Niết-bàn, có chúng biết là Thường, có chúng biết là Bình đẳng, có chúng biết là Bất nhị, có chúng biết là Vô tướng, có chúng biết là Giải thoát, có chúng biết là Đạo, có chúng biết là Ý sanh. Đại Huệ! Trải qua ba a-tăng-kỳ có trăm ngàn danh hiệu như thế, chẳng thêm chẳng bớt, thế giới này và thế giới khác thầy đều biết ta, như mặt trăng trong nước chẳng ra chẳng vào.

Như Lai ở cõi nước ta-bà có đến vô lượng trăm ngàn dị danh tùy tâm chúng sanh ứng với lượng sở tri, mỗi chúng có lời khác, mà không biết nghĩa tự tánh chân thật Như Lai như trăng trong nước, chẳng ra chẳng vào chẳng phải có chẳng phải không. Chẳng hiểu dị danh của Như Lai là tất cả chúng sanh chỉ biết tức nơi danh nhận nghĩa, mà chẳng hiểu Như Lai tuy có nhiều danh chỉ nói lên một thể. Nên nói tự tánh thanh tịnh Như Lai, chỉ chúng tương ưng, chẳng phải danh nói đến được. Như trăng trong nước chẳng thể nói có không, không thể nói xa gần, không thể chỉ bày, không thể độ lượng, thật chẳng phải không tánh, mà chẳng rơi vào số lượng có không.

Các kẻ ngu kia không thể biết ta, vì rơi vào hai bên. Song thầy cung kính cúng dường nơi ta, mà không khéo hiểu biết câu lời nghĩa thú chẳng phân biệt được danh, chẳng hiểu tự thông. Chấp trước các thứ ngôn thuyết chương cú, nơi chẳng sanh diệt khởi tướng vô tánh. Chẳng biết danh hiệu sai biệt của Như Lai, biết Nhân-đà-la Thích-ca, Bất-lan-đà-la mà chẳng hiểu tự thông, hội qui về chỗ tốt cùng, nơi tất cả pháp tùy chỗ chấp trước.

Kẻ ngu không biết tự tánh Pháp thân Như Lai vọng thấy có không đấm trước nơi danh tự, mà đối với câu tất cả pháp chẳng sanh diệt, khởi tướng không tánh. Đây chính là chẳng hiểu tự thông vọng chấp tất cả pháp là chẳng sanh diệt. Tất cả danh hiệu đều nói một thể, nhân danh đạt thể, đạt thể thì lia lời nói. Nên nói hội quy về chỗ tốt cùng. Chẳng rõ nghĩa này chỉ nơi danh thuyết riêng sanh lý thú, luống thêm đa văn tăng trưởng ngã kiến.

- CHỈ PHÁP THÂN NHƯ LAI LÀ LỜI NÓI HIỂN CHÂN THẬT.

+ CHỈ NGHĨA CHÂN PHÁP THÂN CHẲNG RƠI VÀO VĂN TỰ.

Đại Huệ! Những người si kia nói thế này “Nghĩa như lời nói, nghĩa lời không khác. Vì có sao? Vì nghĩa không có thân, ngoài ngôn thuyết lại không có nghĩa khác, chỉ dùng nơi ngôn thuyết”. Đại Huệ! Kia bị trí ác thiêu đốt chẳng biết tự tánh ngôn thuyết, chẳng biết ngôn thuyết sanh diệt, nghĩa chẳng sanh diệt. Đại Huệ! Tất cả ngôn thuyết rơi vào văn tự, nghĩa thì chẳng rơi, vì lìa tánh phi tánh, không thọ sanh cũng không thân. Đại Huệ! Như Lai chẳng nói pháp rơi trong văn tự, vì văn tự có không không thể được, trừ chẳng rơi vào văn tự.

Đây nói người ngu si chẳng đạt tự tánh chân nghĩa, bảo nghĩa không thể tánh, mà lấy ngôn thuyết làm cảnh giới giác tướng sở hành cho là tốt các nghĩa vị. Cho nên nói “chỉ dùng nơi ngôn thuyết”. Đây không những là chẳng biết nghĩa, mà cũng chẳng biết tự tánh ngôn thuyết. Ngôn thuyết y nơi nghĩa vốn không tự thể là tánh sanh diệt. Nên nói “ngôn thuyết tự tánh”. Nghĩa lìa ngôn thuyết tánh chẳng phải sanh diệt, chẳng thuộc có không. Đã lìa sanh diệt có không cũng lìa cái lìa. Kinh Viên Giác nói: “Biết là không hoa liền không luân chuyển, cũng không thân tâm thọ cái sanh tử kia”. Tức ở đây nói “không thọ sanh cũng không thân”. Lại Viên Giác nói: “Cái tri giác kia vẫn như hư không, biết hư không ấy tức là tướng không hoa, cũng không thể nói không có tánh tri giác”. Tức ở đây nói “trừ chẳng rơi vào văn tự”. Tự tánh Pháp thân Như Lai không sanh không thân, chẳng rơi trong văn tự, mà chẳng phải không chẳng rơi. Kẻ ngu si không trí chẳng phân biệt thuyết và nghĩa, vọng tự đắm trước, là đáng thương xót vậy.

+ CHỈ NHƯ LAI KIẾN LẬP NGÔN THUYẾT VÌ DẸP NGÔN THUYẾT.

Đại Huệ! Nếu có người nói rằng “Như Lai nói pháp rơi vào văn tự”, người này ắt vọng ngữ, vì pháp lìa văn tự. Thế nên, Đại Huệ! Chư Phật chúng ta và các vị Bồ-tát không nói một chữ chẳng đáp một chữ. Vì có sao? Vì pháp lìa văn tự, chẳng phải không nói nghĩa lợi ích. Ngôn thuyết là vọng tưởng của chúng sanh. Đại Huệ! Nếu chẳng nói tất cả pháp thì giáo pháp ắt hoại. Giáo pháp hoại thì không có chư Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn, nếu không thì ai nói và vì ai?

Như Lai nói ra đều vì nghĩa, mượn ngôn thuyết để vào đệ nhất nghĩa. Tức nơi ngôn thuyết nói đệ nhất nghĩa rời ngôn thuyết. Cho nên từ thành Phật cho đến Niết-bàn, ở

trong khoảng giữa ấy, Phật chẳng nói một chữ. Nghĩa là không một lời rơi vào tướng văn tự, mà chẳng phải không nhằm lợi ích chúng sanh vì phân biệt nói. Nếu không nhằm lợi ích chúng sanh phân biệt nói thì hàng Nhị thừa, Bồ-tát kia từ đâu dựng lập vào nghĩa chân thật. Như thế thì thánh giáo diệt hoại, ai dạy cho ai ư? Cho nên biết tất cả ngôn thuyết đều không có thật pháp, vì đệ nhất nghĩa mà có nói bày. Do thuyết mà nhập nghĩa, nghĩa hiển thì thuyết lìa. Thuyết tức không thuyết, chỉ tức không chỉ. Cho nên nói “chư Phật Bồ-tát không nói một chữ”.

Thế nên, Đại Huệ! Đại Bồ-tát chớ kẹt ngôn thuyết, tùy nghi phương tiện rộng nói kinh pháp. Vì hy vọng phiền não của chúng sanh chẳng phải một, nên ta và chư Phật tùy các thứ hiểu biết sai khác của chúng sanh mà nói các pháp, khiến lìa tâm ý ý thức, chẳng phải vì được chỗ tự giác thánh trí.

Đây là dạy bảo Bồ-tát tùy căn thức chúng sanh rộng nói kinh pháp, chẳng nên mắc nơi ngôn thuyết. Nếu có nói ra đều nhân các thứ hy vọng, các thứ phiền não, các thứ hiểu khác của chúng sanh, mà vì phá trừ. Khiến họ lìa cái hư ngụy từ vô thủy, chuyển tâm ý ý thức, tự biết tự chứng. Quyết không có nói chỉ bày chỗ tự giác thánh trí. Bởi vì tự giác thánh trí lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng tâm duyên, tự chứng được ở bên trong, chẳng phải chỗ hiển bày của vọng tưởng ngôn thuyết. Cho nên biết, chư Phật nói pháp như thầy thuốc trị bệnh, chỉ có phương pháp dẹp trừ bệnh nhậm, mà không có phương pháp làm tăng thêm ánh sáng. Thuyết cùng với nghĩa có tánh hay không tánh rõ ràng tự thấy.

Đại Huệ! Đối tất cả pháp không thật có, giác tự tâm hiện lượng, lìa hai thứ vọng tưởng. Các vị đại Bồ-tát y nơi nghĩa chẳng y văn tự. Nếu người thiện nam thiện nữ y văn tự là tự hoại đệ nhất nghĩa, cũng không thể giác ngộ cho người, rơi vào ác kiến tương tục mà vì chúng nói, chẳng khéo rõ biết tất cả pháp, tất cả địa, tất cả tướng, cũng chẳng biết chương cú. Nếu người khéo biết tất cả pháp, tất cả địa, tất cả tướng, thông đạt chương cú, đầy đủ tánh nghĩa thì họ hay dùng chánh lạc vô tướng mà tự vui thích, bình đẳng đại thừa, dựng lập cho chúng sanh.

Trước nói ngôn thuyết chẳng vì được chỗ tự giác thánh trí. Ở đây nói người được tự giác thánh trí thâm đạt pháp tướng, có dựng lập ra tự nhiên chẳng rơi vào cảnh giới văn tự vọng tưởng. Phạm văn tự hay làm ngu người là, nói ra tất cả pháp theo cảnh giới có, không vọng tưởng. Nếu đạt tất cả pháp không có tự tánh đều duy tâm hiện, lìa cảnh

giới vọng tưởng của hai thứ có không thì chỗ chỉ của văn tự phải xem thế nào? Cho nên y văn tự thì không thể nói đệ nhất nghĩa, mà trái lại hay hoại đệ nhất nghĩa. Bởi không khéo rõ biết tất cả pháp, tất cả địa, tất cả tướng, chân như bản tế, thì cũng không thể biết chương cú của thánh giáo. Vì thế, dựng lập tất cả pháp, tất cả địa, tất cả tướng đều lìa tướng hiển bày đầy đủ tánh nghĩa. Mới tin thánh giáo ly ngôn, chỉ vì dẹp trừ hý luận, riêng nêu duy tâm, bên trong tự chứng hiện trụ nơi pháp lạc, bên ngoài dựng lập bình đẳng nhất thừa. Sở hành của tự giác thánh trí này, Như Lai vì Bồ-tát y nghĩa dạy bảo thâm thiết, đâu phải cạn cợt ư?

Này Đại Huệ! Nhiếp thọ đại thừa thì nhiếp thọ chư Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn. Nhiếp thọ chư Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn thì nhiếp thọ tất cả chúng sanh. Nhiếp thọ tất cả chúng sanh thì nhiếp thọ chánh pháp. Nhiếp thọ chánh pháp thì giống Phật chẳng dứt. Giống Phật chẳng dứt thì hay rõ biết được chỗ vào thù thắng. Biết được chỗ vào thù thắng là hàng đại Bồ-tát thường được hóa sanh, dựng lập đại thừa mười sức tự tại, hiện các sắc tượng, thông đạt các tướng phiền não, hy vọng, hình loại của chúng sanh, nói pháp như thật. Như thật là, chẳng khác, như thật là, tướng chẳng đến chẳng đi, tất cả hư ngụy đều dứt, ấy gọi là như thật. Đại Huệ! Người thiện nam thiện nữ chẳng nên nhiếp thọ theo lời nói mà chấp trước. Vì chân thật là lìa văn tự.

Đại thừa tức là pháp tự giác thánh trí nhất thừa. An trụ tự giác thánh trí nhất thừa tức là chỗ nhiếp thọ của chư Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn. Bởi vì tự giác thánh trí này là chỗ xuất sanh chư Phật, Bồ-tát. Nếu hay an trụ tức cùng chư Phật, Bồ-tát đồng thể nhiếp nhập; cũng hay nhiếp thọ chúng sanh, chúng sanh y đó mà được lợi lạc; cũng hay nhiếp thọ chánh pháp, chẳng bị tất cả thế luận làm dao động, tất cả ngoại đạo không tìm được chỗ dờ, nắm giữ đệ nhất nghĩa pháp ấn tự tánh Như Lai, tức là giống Phật chẳng dứt. Đệ nhất nghĩa tâm tự tánh này tức là tất cả chỗ thù thắng. Nên nói “được đại tổng trì”. Được đại tổng trì tự nhiên tùy chỗ hóa sanh, dựng lập đại thừa, thành tựu thập lực, đối hiện sắc thân tùy phiền não chúng sanh mà vì cứu giúp, dùng pháp vị như thật vô tướng an trụ điều phục, dứt các hý luận. Cho nên răn người tu hành không nên nhiếp thọ ngôn thuyết, chỉ phải nhiếp thọ chân thật. Đây là lìa văn tự mà được, chẳng phải cảnh giới giác tướng. Người trí đối chỗ này nên phải tự nhận.

Đại Huệ! Như vì kẻ ngu lấy ngón tay chỉ vật, kẻ ngu nhìn ngón tay mà chẳng thấy vật thật. Như thế kẻ ngu theo ngôn thuyết chỉ bày rồi nhiếp thọ chấp trước, rốt cùng chẳng bỏ, trọn không được đệ nhất thật nghĩa lìa ngôn thuyết chỉ ra. Đại Huệ! Thí như đưa bé nên cho thức ăn chín, không nên cho thức ăn sống. Nếu cho thức ăn sống khiến nó phát cuồng, vì không biết phương tiện thứ tự làm cho chín. Đại Huệ! Chẳng sanh chẳng diệt như thế, nếu chẳng có phương tiện tu hành tức là chẳng khéo. Thế nên phải khéo phương tiện tu hành, chớ theo lời nói như xem ngón tay.

Đây lại nói phải lìa ngôn thuyết được đệ nhất nghĩa. Ngón tay dụ ngôn thuyết. Vật dụ đệ nhất nghĩa. Nghĩa là đệ nhất nghĩa do ngôn thuyết mà vào chẳng phải ngôn thuyết là đệ nhất nghĩa, cũng chẳng phải sở thuyết là đệ nhất nghĩa. Nếu y ngôn thuyết khởi cảnh giới vọng tưởng giác đó là chấp sâu dày. Khiến người phát cuồng tức là cho cảnh giới vọng giác làm đệ nhất nghĩa, mất trí phương tiện, tự làm làm làm người. Như nói “tất cả pháp chẳng sanh”, đây là ngôn thuyết. Tự phải phương tiện quán sát pháp nào chẳng sanh, tại sao chẳng sanh? Dùng phương tiện quán sát liền biết tất cả pháp chỉ tự tâm hiện ra. Mê tự tâm thì vọng thấy hiện ra, hiện nhân mê thấy chẳng có pháp thật. Giác tự tâm lượng thì mê vọng liền dứt, tất cả chẳng phải riêng có, trọn không có lấy bỏ. Chỗ không lấy bỏ ấy là tự tánh chân như, trong ngoài lặng lẽ, tức là đệ nhất thật nghĩa. Đây là khéo phương tiện tu vậy. Nếu nghe “tất cả pháp chẳng sanh” liền trên tất cả pháp phân tích thành vi trần đến không có gì, ấy cũng thuộc tướng khác của vọng tưởng. Bởi vì nơi không chấp có, lại nơi có chấp không, thấy đều đối pháp như thật riêng khởi cảnh giới, ấy là tướng khác. Cho đến nghe nói “tâm lượng” rồi dùng vọng tưởng giác, giác nơi tự tâm chấp là sâu kín, cũng đều do vọng hiện vọng, chẳng lìa vọng tưởng. Y ngôn thuyết mà chấp như xem ngón tay. Cho nên trên có dụ thức ăn sống, nếu không có phương tiện trở lại thêm lớn bệnh cuồng.

Thế nên, Đại Huệ! Nơi nghĩa chân thật phải phương tiện tu. Nghĩa chân thật là lặng lẽ vi diệu, là nhân Niết-bàn. Còn ngôn thuyết là do vọng tưởng hiệp. Vọng tưởng là do gom họp sanh tử. Đại Huệ! Nghĩa chân thật là từ người đa văn mà được. Đại Huệ! Đa văn là giới về nghĩa, chẳng phải giới về ngôn thuyết. Giới nghĩa là không theo các kinh luận ngoại đạo, tự thân chẳng theo cũng không khiến người khác theo, ấy gọi là đại đức

đa văn. Thế nên người muốn cầu nghĩa phải thân cận bậc đa văn, nên gọi là giỏi nghĩa. Trái với người này tức là chấp trước ngôn thuyết, nên phải lìa xa.

Là nhân chẳng phải quả gọi là Phật tánh. Là quả chẳng phải nhân gọi là Niết-bàn. Chẳng phải nhân chẳng phải quả là Phật tánh. Không nhân không quả là đại bát Niết-bàn. Đây đều là lời nói của Như Lai, lời thì khác mà nghĩa là một. Nghĩa chân thật là, tự tánh thanh tịnh làm nhân, cứu kính lặng lẽ làm quả. Song đây chẳng phải chỗ đến của người giỏi ngôn thuyết. Phải biết cái tịnh của tự tánh chẳng sanh lặng lẽ, không có nhân tướng; lặng nơi tự tánh chẳng từ tu được cũng không có nghĩa quả. Chỗ này người giác tự tâm hiện lượng tự biết tự chứng chẳng theo tất cả cảnh giới ngôn thuyết vọng tưởng. Nếu theo ngôn thuyết thì tăng trưởng vọng chấp, nhóm nhân sanh tử, tức chẳng phải Như Lai nói là đa văn. Như Lai thường nói người chỉ nghe hai chữ “thường trụ” hiểu sâu nghĩa thú gọi là đa văn. Nếu người đọc được mười hai bộ tất cả Khế-kinh, mà chẳng nghe “thường trụ” gọi là vô văn. Thân cận bậc đa văn nên nói là giỏi nghĩa chẳng phải giỏi ngôn thuyết. Phải tự xét kỹ vậy.

3 - CHỈ NHƯ LAI CHẴNG SANH CHẴNG DIỆT KHÔNG ĐỒNG VỚI NGOẠI ĐẠO.

-NẠN NHƯ LAI ĐỒNG VỚI NGOẠI ĐẠO BỐN THỨ NHÂN TƯỚNG.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại nương oai thần của Phật bạch Phật: Thế Tôn! Thế Tôn hiển bày “chẳng sanh chẳng diệt” không có gì kỳ đặc. Vì có sao? Vì tất cả ngoại đạo về nhân cũng nói “chẳng sanh chẳng diệt”. Thế Tôn cũng nói hư không, phi số duyên diệt (Phi trạch diệt) và Niết-bàn giới chẳng sanh chẳng diệt? Thế Tôn! Ngoại đạo nói nhân sanh các thế gian. Thế Tôn cũng nói vô minh, ái, nghiệp, vọng tưởng làm duyên sanh các thế gian. Kia nhân, đây duyên chỉ là tên sai biệt thôi? Ngoại vật nhân duyên cũng như thế. Thế Tôn cùng ngoại đạo luận không có sai biệt. Vì trần, thắng diệu, tự tại, chúng sanh chủ v.v... như thế chín vật chẳng sanh chẳng diệt. Thế Tôn cũng nói tất cả tánh chẳng sanh chẳng diệt, có không, không thể được? Ngoại đạo cũng nói tứ đại chẳng hoại, tự tánh chẳng sanh chẳng diệt, tứ đại thường, tứ đại ấy cho đến châu lưu các thú chẳng bỏ tự tánh. Thế Tôn đã nói cũng lại như thế? Thế nên con nói không có gì kỳ đặc, cúi xin Thế Tôn vì nói chỗ sai biệt, do đó kỳ đặc hơn các ngoại đạo. Nếu không sai biệt thì tất cả ngoại đạo đều cũng là Phật, vì chẳng sanh chẳng diệt. Song Thế Tôn nói trong một thế

giới có nhiều Phật ra đời là vô lý. Nếu như trước đã nói thì trong một thể giới lý ưng có nhiều Phật, vì không sai biệt?

Đây dùng bốn nạn muốn Như Lai phát minh lý do khác với ngoại đạo.

Một, nạn ngoại đạo chấp tác giả nhân chẳng sanh chẳng diệt, đồng với Như Lai ba pháp vô vi. Hư không tức là hư không vô vi, phi số duyên diệt tức là phi trạch diệt vô vi, Niết-bàn tức là trạch diệt vô vi. Bởi chẳng biết ngoại đạo nói tác nhân là ở trong mê vọng chấp, nhiếp thuộc sanh diệt. Chẳng sanh chẳng diệt cũng là vọng chấp. Nên nói sanh diệt tướng khác, chẳng đồng với ba pháp vô vi. Như Lai giác tự tâm hiện lượng, tự tánh lặng lẽ.

Hai, nạn ngoại đạo chấp tác giả nhân sanh các thế gian, đồng với Như Lai nói mười hai nhân duyên ba đời tương tục. Bởi không biết kia chấp tánh sanh, đây chỉ vọng duyên. Tất cả duyên sanh thay do vọng hiện, chẳng phải tự chẳng phải tha, chẳng phải cộng chẳng phải không.

Ba, nạn vi trần, thắng tánh như thể chín vật chẳng sanh chẳng diệt, cũng đồng với Như Lai nói tất cả pháp chẳng sanh chẳng diệt. Đâu biết Như Lai nói tự tướng pháp tánh, chân như dù có Phật ra đời hay không Phật, pháp nhĩ như thế, chẳng đồng với ngoại đạo vọng tưởng mà thành không có nghĩa thật.

Bốn, nạn ngoại đạo chấp tự tánh tứ đại là thường là một, đồng với Như Lai nói có tứ đại khắp mười phương giới chẳng lưu ngại nhau. Bởi không biết Như Lai nói phi nhân phi duyên, phi hòa phi hợp cũng phi tự nhiên, do vọng tưởng hiện. Chính ở trong kinh Lăng Nghiêm nói rằng: “Kiến cùng kiến duyên và tướng sở tướng như hoa đốm trong hư không vốn không thật có. Cái kiến và duyên này vốn là bờ-đề diệu tịnh minh thể”.

Trong một thể giới không có nhiều Phật. Nếu ngoại đạo đồng với Phật tức là có nhiều Phật. Tổng nạn ngoại đạo đồng với Phật để hiển bày sai biệt vậy.

-CHỈ NHƯ LAI GIÁC TÂM TỰ Ỉ LƯỢNG VỌNG TƯỚNG CHẲNG SANH.

Phật bảo Đại Huệ: Ta nói chẳng sanh chẳng diệt không đồng với ngoại đạo nói chẳng sanh chẳng diệt. Vì có sao? Vì ngoại đạo kia chấp có tánh tự tánh được tướng chẳng sanh chẳng biến, ta chẳng rơi vào loại có không như thế. Đại Huệ! Ta nói lìa loại có không, lìa sanh diệt, chẳng phải tánh chẳng phải không tánh, như các thứ huyễn mộng hiện, cho nên chẳng phải không tánh. Thế nào không tánh? nghĩa là sắc tướng không tự

tánh nhiếp thọ, vì hiện chẳng hiện, vì nhiếp chẳng nhiếp. Bởi lẽ ấy, tất cả tánh không tánh chẳng phải không tánh. Chỉ giác tự tâm hiện lượng thì vọng tưởng chẳng sanh an ổn vui vẻ thế sự hằng dứt.

Ngoại đạo mê tự tâm lượng, chỗ từ tâm hiện chấp có tự tánh. Đây vì không biết sanh nhân lưu chú, thấy lưu chú tương tục được tướng chẳng sanh diệt, gọi là rơi vào bên có. Vì tác giả làm nhân mà chẳng phải nhân, cũng rơi vào bên không. Pháp của Như Lai chẳng phải có chẳng phải không, lia các thứ sanh diệt. Nên nói “các thứ sắc tướng thấy đều không có tự tánh như mộng huyễn”. Mộng huyễn chẳng phải không, vì không tánh nên chẳng phải có; có thấy có nhận chẳng thể nói không, không thấy không nhận chẳng thể nói có. Có không đều phi, cả hai đều xa lia. Duy giác tự tâm hiện lượng, cảnh hiện ra đều là tâm, trọn không có thủ xả. Thủ xả đều quên, an trụ nơi tâm hải, lặng lẽ không lo, dạo đi trong thế gian như vườn nhà của mình.

- CHỈ RA NGOẠI ĐẠO VỌNG CHẤP CHẴNG THẬT.

Phàm phu ngu si vọng tưởng tác sự, chẳng phải chư thánh hiền. Vọng tưởng chẳng thật như thành Càn-thát-bà và người huyễn hóa. Đại Huệ! Như thành Càn-thát-bà và người huyễn hóa thấy có các chúng sanh mua bán ra vào. Kẻ ngu vọng tưởng bảo thật có ra vào, mà thật không có người ra người vào, chỉ vì vọng tưởng kia. Như thế, Đại Huệ! Phàm phu ngu si khởi cái lầm chẳng sanh chẳng diệt, kia cũng không có hữu vi vô vi, như người huyễn sanh, kỳ thật không có hoặc sanh hoặc diệt, vì tánh (pháp) không tánh không thật có. Tất cả pháp cũng như thế, lia nơi sanh diệt. Phàm phu ngu si rơi vào chẳng như thật, khởi vọng tưởng sanh diệt chẳng phải các thánh hiền.

Đây là nói tội chỗ chấp tác nhân của ngoại đạo đồng với huyễn hóa, không có nghĩa thật. Tác sự là tác nhân, tức chỗ chấp có tướng tánh tự tánh. Nói chỗ chấp của kia là có tánh tự tánh thì chẳng phải người trí. Chính là vọng tưởng chẳng thật như thành Càn-thát-bà, như huyễn hóa. Kẻ ngu vọng tưởng thấy ra vào, mà thật không có người ra vào. Tánh tự tánh đã không phải thật có, nên cũng không có tướng chẳng sanh diệt. Chính kia khởi chấp chẳng sanh diệt, cũng không thể phân biệt cái gì là hữu vi, cái gì là vô vi. Nói chỗ chấp tự tánh chẳng thật của họ tức là tướng chẳng sanh diệt, cũng thuộc về vọng tưởng, không thể chỉ bày là hữu vi hay vô vi nên đều đồng với huyễn hóa. Lại chính chỗ chấp kia mà xoay lại nói “kỳ thật hoặc sanh hoặc diệt tánh cùng không tánh đều không

thật có. Tất cả pháp cũng như thế, lìa nơi sanh diệt”. Bởi vì muốn cho họ ngay nơi đó mà biết lỗi, được tự tướng như thật, thấy chỗ tịch tĩnh. Văn sau chỉ thẳng tự tướng tịch tĩnh chẳng khác với vọng tướng mà được chân thật, chỉ cần một phen giác.

- CHỈ THẬT TÁNH VỌNG TƯỚNG TỨC CHÂN TỊCH TĨNH.

Chẳng như thật là chẳng thể, như tánh tự tánh, vọng tướng cũng chẳng khác. Nếu khác với vọng tướng thì chấp trước tất cả tánh tự tánh, chẳng thấy tịch tĩnh. Người chẳng thấy tịch tĩnh trọn chẳng rời vọng tướng. Thế nên, Đại Huệ! Vô tướng kiến là thẳng, chẳng phải tướng kiến. Tướng kiến là nhân thọ sanh, cho nên chẳng thẳng. Đại Huệ! Vô tướng là vọng tướng chẳng sanh, chẳng khởi chẳng diệt, ta nói là Niết-bàn. Đại Huệ! Niết-bàn là thấy nghĩa như chân thật, lìa vọng tướng tâm tâm số pháp trước. Đạt được Như Lai tự giác thánh trí, ta nói là Niết-bàn.

Tiếp trước nói phàm ngu rơi vào chẳng như thật thì không thể như tất cả vọng tướng tánh tự tánh, cũng chẳng khác. Phàm tất cả tánh như vọng tướng tánh, không thể ngay đó phát minh được vọng tướng tự tánh. Theo vọng khởi chấp dường như có pháp khác, tướng và kiến theo đó mà sanh, vì thế chẳng thấy tịch tĩnh. Chẳng thấy tịch tĩnh thì trọn không thể xa lìa vọng tướng, đều do chẳng biết tự tánh vọng tướng. Đây chỉ thẳng tự tánh vọng tướng tức là chân thật. Chỉ tự rõ biết không có tướng, kiến liền là Niết-bàn. Tướng, kiến là nhân thọ sanh, ngu nơi chân thật thì không thể an trụ. Đây là tất cả chúng sanh xưa nay thanh tịnh, thường bị khách nhiễm làm chướng. Cho nên biết, đoạn chướng bày ra chân như không hai, tức là tự tánh Niết-bàn. Nói là đoạn chướng tức là đoạn chướng tướng kiến này. Chướng này nếu đoạn liền thấy thật tánh vọng tướng. Từ trước tâm tâm số pháp liền đó chóng lìa. Lìa thì tự giác thánh trí không có thể riêng, Như Lai nói là Niết-bàn.

- CHỈ VÔ NHÂN ĐỀ BÀY NGHĨA VÔ SANH.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Diệt trừ sanh luận kia	Dựng lập nghĩa chẳng sanh
Ta nói pháp như thế	Kẻ ngu không thể biết.
Tất cả pháp chẳng sanh	Không tánh không thật có
Cần-thát-bà huyễn mộng	Có tánh ấy không nhân
Chẳng sanh không tự tánh	Vì sao không lại nói?

Bởi lìa nơi hòa hợp	Tánh giác biết chẳng hiện
Thế nên không chẳng sanh	Ta nói không tự tánh.
Bảo mỗi mỗi hòa hợp	Tánh hiện mà chẳng có
Phân tích không hòa hợp	Chẳng như ngoại đạo thấy.

Tất cả các pháp do mê tự tâm bất giác liền hiện, không có tự tánh. Đây là lý do Như Lai nói chẳng sanh và không. Nói chẳng sanh là vì phá sanh luận. Nói pháp không là vì phá kiến chấp hữu. Kỳ thật tất cả pháp đều không tự tánh. Như thành Càn-thát-bà mộng huyễn, tuy có tánh hiện mà vốn không nhân. Không nhân mà hiện nên không có nghĩa sanh, bởi không có tánh tự sanh. Trong khoảng kia nhân duyên hòa hợp gá tánh giác tri, dường như rõ ràng hiện tiền. Nếu lìa hòa hợp thì giác tướng không có chỗ gá, hiện lại là trạng thái gì? Trong mộng hòa hợp ngay đó rõ ràng, sau khi có nhân duyên thức giác thì ghi nhớ cái gì? Cho nên biết, không cùng chẳng sanh là nói tất cả pháp bất giác liền hiện không có tự tánh, mà không phải một bề chẳng sanh trống rỗng thành không. Mỗi mỗi hòa hợp tánh như bóng như vang, hiện mà chẳng phải có, chẳng đồng với ngoại đạo thật có sanh nhân, quyết đợi phân tích rồi sau mới biết nó là chẳng có.

Mộng huyễn và tóc rử

Sóng nắng, Càn-thát-bà

Thế gian các thứ việc	Không nhân mà tướng hiện
Bề đẹp hữu nhân luận	Nêu bày nghĩa vô sanh.
Nêu bày vô sanh la	Pháp chảy mãi chẳng dứt
Thịnh hành vô nhân luận	Khủng bố các ngoại đạo.

Lặp lại tất cả pháp như mộng huyễn, tóc rử, sóng nắng, thành Càn-thát-bà không có sanh nhân, mà sanh sự (quả) rõ ràng. Dùng đây để chiết phục nhân luận, chính do đây nên bày vô sanh. Phàm “pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ”, pháp nhãn chóng mở thì chỗ nhật dụng của bách tánh cúi ngược xoay quanh đều kham nối tiếp. Cho nên nói “nêu bày vô sanh là pháp chảy mãi không dứt”. Song lý do chiết phục ngoại đạo cũng chính tại đây. Nghĩa là do ngoại đạo vọng chấp các pháp có sanh nhân nên rơi vào hai lỗi: Một là chẳng phải tự sanh do vọng tướng hiện, hai là không thể sanh cái khác, vì không có tánh sanh. Nếu có thể sanh nhân thì tất cả pháp đều có cội gốc, không thể chóng liểu. Song có thấy và chẳng thấy, có nhiếp và chẳng nhiếp, chỉ do mê khởi, chẳng phải chẳng

chóng liễu. Ngoại đạo không thể giác chỗ này luống nghe không nhân, chẳng rõ biết chỗ trở về mờ昧 không căn cứ. Cho nên biết họ ắt kinh sợ.

- RỘNG CHỈ NGHĨA VÔ SANH.

+ CHỈ THĂNG VÔ SANH.

Khi ấy, Đại Huệ dùng kệ hỏi Phật:

Thế nào do nhân gì Kia do có gì sanh.

Ở chỗ nào hòa hợp Mà làm vô nhân luận?

Đây là nhân Như Lai ở trước nói vô nhân luận, nên lại hỏi tất cả các pháp rốt ráo nhân gì, chỗ nào được hòa hợp, mà Như Lai nói vô nhân.

Thế Tôn lại dùng kệ đáp:

Quán sát pháp hữu vi Phi vô nhân hữu nhân

Kia thuộc sanh diệt luận Chỗ thấy từ đó diệt.

Ngoại đạo nói nhân thấy do vọng kiến. Người trí nếu hay quán sát tất cả pháp hữu vi đều do tự tâm bất giác vọng hiện, như mộng như huyễn không có nhân tướng, cũng không vô nhân. Cái thấy này chóng dứt liền hiệp vô sanh.

Đại Huệ nói kệ hỏi:

Thế nào là vô sanh Là phải vô tánh chăng?

Là đoái xem các duyên Có pháp tên vô sanh

Tên chẳng lẽ không nghĩa Xin vì phân biệt nói.

Đây hỏi vô sanh là thấy không pháp hay là đợi duyên hội. Đã có tên vô sanh, có tên ắt phải có nghĩa.

Thế Tôn lại dùng kệ đáp:

Phi vô tánh vô sanh Cũng phi đoái các duyên

Chẳng tánh mà có tên Tên cũng chẳng không nghĩa.

Tất cả các ngoại đạo Thanh văn và Duyên giác

Phi cảnh giới thất trụ Ấy gọi tướng vô sanh.

Tất cả các pháp đều do tâm hiện, hiện chẳng phải không tánh, hiện chẳng đợi duyên, hiện chẳng phải tự tánh, song cũng chẳng phải không nghĩa tâm lượng. Đây là nghĩa tâm lượng vô sanh, còn chẳng phải cảnh giới của Nhị thừa, Thất trụ huống là ngoại đạo.

Xa lìa các nhân duyên	Cũng lìa tất cả sự
Chỉ có vi tâm trụ	Tướng sở tướng đều lìa
Thân kia tùy chuyển biến	Ta nói là vô sanh.

Nhân duyên tức là thế gian nhân duyên hòa hợp. Tất cả sự tức là tất cả quả. Nghĩa là lìa kiến chấp nhân duyên hòa hợp nhân quả có không ở thế gian. Chỉ có niệm hiện tiền vi mật an trụ tịch tĩnh, chuyển năng sở tất cả thân vọng tướng, mà làm tự giác thánh trí. Mê, ngộ dụng khác mà không có thể khác, nên nói tâm vốn vô sanh.

Không ngoại tánh vô tánh	Cũng không tâm nhiếp thọ
Đoạn trừ tất cả kiến	Ta nói là vô sanh.
Như thế không tự tánh	Không, thấy nên phân biệt
Chẳng không, nên nói không	Vô sanh nên nói không.

Đây nói giác tự tâm hiện lượng, chỉ rõ tất cả ngoại pháp không tánh, không tâm thủ cảnh, tất cả kiến chấp dứt tức là vô sanh. Câu vô sanh này cùng nghĩa không, không có tự tánh đều nói chính khi sanh là chẳng sanh, chẳng phải thấy đều không có pháp. Cho nên nói “Chẳng không, nên nói không, vô sanh nên nói không”.

+ - CHỈ PHÁP NHÂN DUYÊN SANH PHÁ TRỪ CHẤP NHÂN.

Nhân duyên số hòa hợp	Ắt có sanh có diệt
Lìa các nhân duyên số	Không riêng có sanh diệt
Bỏ lìa nhân duyên số	Lại không có tánh khác
Nếu nói một khác ấy	Là ngoại đạo vọng tưởng
Có không tánh chẳng sanh	Chẳng có cũng chẳng không
Trừ số kia chuyển biến	Ấy thấy không thể được.

Trên nói vô sanh tức ở đương sanh, chính là Như Lai chỉ bày lý vô sanh. Đây nói sanh diệt gốc nơi nhân duyên để rõ cái cơ chúng sanh lưu chuyển. Chỉ đạt lưu chuyển chính ở duyên sanh thì bỏ nhân duyên, lại không nói một khác, có không, như tứ cú của ngoại đạo vọng tưởng. Mới biết mê nhân duyên nên thấy sanh diệt, ngộ nhân duyên là hợp với vô sanh. Nếu lìa nhân duyên riêng có sanh diệt thì luận vô sanh cũng bị phá hoại nghĩa nhân duyên, mà chẳng phải đương sanh chẳng sanh, văn sau sẽ nói rõ.

Chỉ có các tục số	Lần lượt làm xiềng xích
Lìa xích nhân duyên kia	Nghĩa sanh không thể được.

Sanh không tánh chẳng khởi	Lìa các lỗi ngoại đạo
Chỉ nói duyên xiềng xích	Phàm ngu không thể hiểu.
Nếu lìa duyên xiềng xích	Riêng có tánh sanh ấy
Tức là vô nhân luận	Phá hoại nghĩa xiềng xích.
Như đèn bày các tướng	Xiềng xích hiện cũng vậy
Ấy là lìa xiềng xích	Riêng lại có các tánh.

Các tục số tức là chỉ chúng sanh do nhân duyên sanh diệt, như xiềng xích liên hoàn chẳng dứt. Nếu tức nhân duyên kia chóng lìa xiềng xích liên không có sanh diệt có thể được. Liền đây vô sanh, một lúc phát kiến chẳng khởi, tự lìa lỗi của ngoại đạo. Chỉ dùng thuyết nhân duyên này, vẫn chẳng phải phàm ngu hay hiểu. Bởi vì lìa xiềng xích tức không sanh diệt, lìa xiềng xích tức không vô sanh. Mê ngộ đồng đường mà dễ sanh thấy khác. Nếu lìa xiềng xích (nhân duyên) riêng có sanh diệt thì Như Lai luận vô nhân. Cũng phải phá hoại nhân duyên mà lại có chỗ chỉ, như đèn bày các tướng, chẳng phải đèn tức các tướng. Sự hiện của nhân duyên nếu quả như vậy thì ngoài nhân duyên riêng có tánh khác, đã thành thuyết của ngoại đạo. Thế thì, nghĩa đương sanh mà chẳng sanh của Như Lai lại có chỗ nào được sáng sửa?

Không tánh không có sanh	Như tự tánh hư không
Nếu lìa các xiềng xích	Tuệ không chỗ phân biệt.
Lại có các vô sanh	Pháp hiện thánh sở đắc
Kia sanh mà vô sanh	Ấy là vô sanh hẳn.

Đây hiển bày nghĩa đương sanh là chẳng sanh. Bởi vì tức nơi tánh mà không tánh tức nơi sanh mà vô sanh. Hiện tại trong nhân duyên xiềng xích rõ ràng như tự tánh hư không, chẳng lìa chính nơi đây mà tự chứng tự biết. Chư hiện thánh đạt được pháp nhãn đều không có hai ý chỉ.

Nếu khiến các thế gian	Người quán sát xiềng xích
Tất cả lìa xiềng xích	Từ ấy được tam-muội.
Si ái các nghiệp thầy	Ấy là xiềng xích trong
Dùi, gỗ, đất, bánh xe	Chúng tử thầy bên ngoài.
Nếu khiến có tha tánh	
Mà từ nhân duyên sanh	

Kia không nghĩa xiềng xích Ấy là chẳng thành tựu.
Nếu sanh không tự tánh Kia lấy gì xiềng xích
Vì lần lượt sanh nhau Nên biết nghĩa nhân duyên.

Lại khuyên thế gian chỉ hay quan sát xiềng xích (nhân duyên) không có tự tánh, chẳng sanh pháp khác, chính nơi đây bỗng nhiên không còn ngăn ngại, sẵn có chánh định liền khi ấy hiện tiền. Mới biết tất cả vô minh hoặc nghiệp, cây dùi, thanh gổ, bùn, bánh xe, khi mê dường như có pháp, lúc ngộ chẳng từ nơi khác, lần lượt sanh nhau cái gì là tác giả? Nên nói “tướng kiến không tánh đồng như bó lau”. Nghĩa nhân duyên pháp nhĩ như thế.

Pháp cứng ướt ẩm động Phàm phu sanh vọng tưởng
Lìa số không pháp khác Ấy là nói không tánh.

Nêu cứng ướt ẩm động để lệt tất cả pháp thấy từ vọng tưởng, dường sanh tương tục, lìa đây thì riêng không có, là nói không tánh.

Như thầy trị các bệnh Không có bao nhiêu luận
Vì bệnh có sai biệt Nên lập các thứ trị.
Ta vì chúng sanh kia Phá hoại các phiền não
Biết căn kia hơn kém Vì kia nói độ môn.
Phi gốc phiền não khác Mà có các thứ pháp
Chỉ nói pháp nhất thừa Ấy tức là Đại thừa.

Kết nói Như Lai vì các chúng sanh rộng nói nhân duyên để phá hoại phiền não dựng lập độ môn. Tuy nhân căn dục có các thứ khác, dường như Phật cũng có các thứ giáo lý mà chẳng biết Như Lai chỉ có nhất thừa. Nên nói “tự tâm hiện lượng, phương tiện nhiều môn, về nguồn không hai”.

4- CHỈ NHƯ LAI NÓI PHÁP CHẴNG PHẢI THƯỜNG VÔ THƯỜNG, CHẴNG ĐỒNG VỚI NGOẠI ĐẠO.

- HỎI NGOẠI ĐẠO VỌNG CHẤP VÔ THƯỜNG LÀ TÀ HAY CHÁNH.

Khi ấy, đại Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Tất cả ngoại đạo đều khởi vọng tưởng vô thường.

Thế Tôn cũng nói tất cả hạnh vô thường là pháp sanh diệt. Nghĩa này thế nào? Là tà hay chánh? Là có bao nhiêu thứ vô thường?

Nhân trước Phật nói chẳng sanh diệt là thường đã cùng ngoại đạo chẳng đồng, đây lại do pháp vô thường cũng có tà chánh nên khởi hỏi này. Đứng về tự tâm nói thì chẳng phải thường và vô thường. Bởi bất giác tự tâm vọng có hiện ra thì niệm niệm chẳng dừng, không có chủ tể. Thế thì, tất cả pháp sắc tâm trong ngoài như ngọn đèn, như đồng lửa, như điện chớp, như bóng dáng, mé trước mé sau mỗi mỗi chẳng đến nhau, đây là chánh pháp nói vô thường. Phạm tự tánh như thật khó mà chóng giác nên vì nói vô thường khiến họ lần lần ngộ. Ngoại đạo lường ở ngoài tâm thấy tất cả pháp thật có sanh ra, thật có diệt mất, chấp thường mà vẫn chẳng phải nhân chân thật, chấp vô thường cũng chẳng phải chân tịch. Đây là lý do ngài Đại Huệ gấp cầu phát minh.

-BÀY NGOẠI ĐẠO VÔ THƯỜNG ĐỂ HIỂN CHÁNH PHÁP CHẲNG PHẢI THƯỜNG VÔ THƯỜNG.

+ TÔNG BÀY BẢY THỨ VÔ THƯỜNG.

Phật bảo Đại Huệ: Tất cả ngoại đạo có bảy thứ vô thường, chẳng phải pháp của ta. Những gì là bảy? Kia có nói rằng “làm rồi mà bỏ”, ấy gọi vô thường; có nói “hình xứ hoại”, ấy gọi vô thường; có nói tức sắc là vô thường; có nói trong khoảng giữa sắc chuyển biến, ấy là vô thường, không xen hở tự nó tan hoại như sự chuyển biến của sữa thành lạc, trong khoảng giữa không thể thấy, vô thường hủy hoại tất cả tánh chuyển; có nói tánh vô thường; có nói tánh không tánh vô thường; có nói tất cả pháp chẳng sanh vô thường vào tất cả pháp.

Làm rồi mà bỏ là, có tánh vô thường hay làm các đại, các đại là thường, cái hay làm, làm rồi lại bỏ là vô thường. Hình xứ hoại là, chấp tứ đại và tứ đại tạo sắc năng tạo sở tạo chẳng hoại, chỉ phân tích thấy hình trạng dài ngắn hoại thôi. Tức sắc là, tứ đại năng tạo là thường, tứ đại sở tạo là vô thường. Trong khoảng giữa sắc chuyển biến là, năng tạo sở tạo trong khoảng giữa có tánh vô thường luôn luôn chuyển biến như sữa biến thành lạc v.v... tự nhiên biến đổi. Tánh vô thường là, có tự tánh vô thường chẳng hoại mà hay hoại các pháp, như cây gậy, gạch, đá có tánh hay hoại. Tánh không tánh vô thường là, tánh chỉ năng tạo, không tánh chỉ sở tạo, tánh của năng tạo tạo xong liền hoại, pháp sở tạo cũng lại tùy hoại, đây là chấp năng sở đều hoại. Tất cả pháp chẳng sanh vô thường, là phân biệt tất cả pháp chẳng sanh, mà cho chẳng sanh khắp tất cả là vô thường. Đây là bày bảy thứ, văn sau rộng phá, trước sau không nhất định.

+ TÁNH KHÔNG TÁNH VÔ THƯỜNG.

Đại Huệ! Tánh không tánh vô thường là, tứ đại và sở tạo tự tướng hoại, tứ đại tự tánh không thể được, chẳng sanh.

Tứ đại là năng tạo. Sở tạo là tất cả pháp. Kia chấp năng tạo sở tạo tự tướng, tạo xong thấy đều hoại, mà tứ đại tự tánh chẳng phải hình tướng có thể được, chẳng sanh. Chẳng biết tứ đại chủng do vọng tưởng mà thành, vọng vốn chẳng sanh cũng không có chỗ diệt, tức ở nhân duyên xiềng xích đều không có tác giả. Đâu thể khi năng tạo, sở tạo hoại lại có tứ đại tự tánh chẳng sanh ư?

+ TẤT CẢ PHÁP CHẴNG SANH VÔ THƯỜNG.

Kia chẳng sanh vô thường là, chẳng phải thường vô thường, tất cả pháp có không chẳng sanh, phân tích cho đến vi trần thì không thể thấy, ấy là nghĩa chẳng sanh. Phi sanh, ấy gọi là tướng chẳng sanh vô thường. Nếu chẳng giác được chỗ này thì rơi vào nghĩa sanh vô thường của tất cả ngoại đạo.

Chẳng phải thường vô thường chính là chỗ chấp của ngoại đạo. Kia cho là tất cả pháp có không chẳng sanh, phân tích cho đến vi trần thì không thể thấy, ấy là nghĩa chẳng sanh. Phi sanh, bèn cho là chẳng sanh vô thường, mà không biết pháp của ta nói chẳng sanh, bởi do tự tâm bất giác vọng hiện như bóng như điện, không thể nói có không, mà chẳng phải phân tích không thấy. Vả lại, đã nói có tánh chẳng sanh vào tất cả pháp, đây tức là sanh, vì gọi là tác giả. Lẽ ung nói sanh vô thường, mà lại nói chẳng sanh vô thường. Thế thì, cho sanh là chẳng sanh, là không biết nghĩa chẳng sanh; mà cho chẳng sanh là vô thường, lại chẳng biết nghĩa vô thường. Nếu chẳng giác chỗ này tức rơi vào nghĩa sanh vô thường của ngoại đạo mà lầm cho là chẳng sanh vô thường.

+ TÁNH VÔ THƯỜNG.

Đại Huệ! Tánh vô thường ấy, là tự tâm vọng tưởng chẳng phải tánh thường vô thường. Vì có sao? Vì vô thường tự tánh chẳng hoại. Đại Huệ! Đây là việc tất cả tánh không tánh vô thường. Trừ vô thường ra không có cái gì hay khiến tất cả pháp tánh không tánh, như gậy, gạch, đá hay phá hoại các vật.

Tánh vô thường là, ngoại đạo chấp tự tánh vô thường hay phá hoại các pháp. Trước xét cái tệ kia, là đối chỗ chẳng phải tánh thường vô thường mà vọng sanh phân biệt, bảo có vô thường tự tánh chẳng hoại. Dưới bèn nêu cái chấp kia, bảo việc tất cả tánh

không tánh vô thường, chẳng phải có vô thường tự tánh hay hoại các pháp thì quyết không thể khiến tất cả pháp tánh không tánh vô thường. Như gậy, gạch, đá là dụ có sức hay phá hoại. Đây tức là năng hoại sở hoại rõ ràng có hai vật, cho nên ở sau phá đó.

Hiện thấy mỗi mỗi chẳng khác tánh ấy vô thường sự, chẳng phải tác, sở tác có sai biệt, đây là vô thường, đây là sự. Tác và sở tác không khác là, tất cả tánh thường, không nhân tánh. Đại Huệ! Tất cả tánh không tánh có nhân, chẳng phải chỗ biết của phàm ngu.

Nhân ở trên nói có cái vô thường tự tánh chẳng hoại mà hay hoại tất cả pháp thì nên có hai vật sai biệt. Cho nên phá rằng “hiện thấy trước mắt tất cả tánh (pháp) vô thường sự không có năng hoại sở hoại tướng sai biệt khác, thật có thể chỉ bày, bảo đây là vô thường tánh hay hoại, đây là vô thường sự bị hoại”. Đã năng sở chẳng khác thì tất cả tánh là thường không có nhân tánh. Nghĩa là tất cả pháp thường tự tịch diệt không có nhân tánh năng hoại. Như Lai lại chuyển ngữ nói “tất cả tánh không tánh vô thường sự cũng có nhân, song chẳng phải chỗ biết của phàm ngu”. Sao gọi là có nhân? Nghĩa là tất cả các pháp nhân vô thủy bất giác vọng có hiện ra không có tự tánh, sát-na sát-na niệm niệm chẳng dừng, nên nói “các pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ”, đây không phải chỗ biết của phàm ngu.

Chẳng phải nhân chẳng tương tự sự sanh. Nếu sanh, tất cả pháp thấy đều vô thường. Là chẳng tương tự sự thì tác và sở tác không có sai khác, mà thấy thấy có khác. Nếu tánh vô thường, rơi vào tác nhân tánh tướng. Nếu rơi thì tất cả tánh chẳng cứu kính. Tất cả tánh tác nhân tướng rơi thì, tự vô thường nên vô thường. Vì vô thường là vô thường nên tất cả tánh chẳng vô thường ưng là thường.

Đây nhân ở trên tất cả tánh không tánh có nhân mà nói, để rõ vọng chấp nhân khác không thể sanh quả khác.

Ngoại đạo vọng chấp có vô thường tự tánh hay hoại các pháp, ấy vẫn dùng nhân khác mà sanh quả khác. Nếu sanh thì, nhân đã vô thường, tất cả pháp chẳng tương tự pháp khác cũng là vô thường, như người cũng có thể sanh súc, súc cũng có thể sanh người, năng sanh và sở sanh thấy đều lẫn lộn không có sai biệt. Song, người sanh người, súc sanh súc hiện thấy sai biệt thì nhân khác làm sao mà sanh quả khác? Đây chỉ theo vọng chấp nhân quả chẳng tương tự, bẻ cái tự nói trái nhau của kia, mà ý thật ở chỗ nêu lên năng sở kia đều không, để hiển bày tất cả tánh tướng ngay nơi ấy là vô sanh. Cho nên

lại nói “nếu tánh vô thường, rơi vào tác nhân tánh tướng v.v...” nghĩa là vô thường nhân tánh đã nói hay hoại tức là rơi vào tác nhân, bèn chẳng phải cứu kính thường trụ. Song tất cả tánh đều chẳng phải cứu kính thường trụ, do có vô thường hay hoại nhân tướng, ấy là tự vô thường. Thế thì, tất cả nên vô thường, tự vô thường, tất cả vô thường mà đã thấy tất cả lại chẳng phải vô thường, nên ung là thường. Tất cả tánh thường tự tịch diệt, tác sở tác không sai biệt, nên nói “tất cả tánh thường, không nhân tánh”.

Nếu vô thường vào tất cả tánh, ung rơi vào ba đời. Sắc quá khứ kia cùng cái hoại chung thì, vị lai chẳng sanh, vì sắc chẳng sanh, sắc hiện tại cùng tướng hoại chung. Sắc là tứ đại nhóm họp sai biệt. Tứ đại và tạo sắc tự tánh chẳng hoại, vì lìa khác và chẳng khác. Tất cả ngoại đạo chấp tất cả tứ đại chẳng hoại. Tất cả tứ đại và tạo sắc ở trong ba cõi tại sở tri thì có sanh diệt. Lìa tứ đại tạo sắc, tất cả ngoại đạo nơi chỗ nào suy nghĩ tánh vô thường? Tứ đại chẳng sanh, vì tự tánh tướng chẳng hoại.

Đây do ngoại đạo chấp có vô thường tự tánh chẳng hoại vào tất cả pháp. Cho nên lại nói tất cả sắc pháp thấy rơi vào ba đời, ba đời sắc pháp đều thuộc hoại tướng, thì chỗ vào tự tánh chẳng hoại sẽ ở chỗ nào? Lại ngoại đạo thường chấp tứ đại chủng thể tánh chẳng hoại, nhân đây mà phá, bảo kia chấp sắc tức tứ đại chứa nhóm sai biệt, năng tạo sở tạo, lìa khác và chẳng khác, chẳng biết hiện tiền ba cõi tất cả tứ đại và tạo sắc là nhiếp về sanh diệt. Nếu lìa tứ đại tạo sắc, kia lại nương vào đâu suy nghĩ riêng có tánh vô thường vào nơi tứ đại, mà nói tự tánh chẳng hoại? Trên là tột kia không có pháp năng hoại, đây cùng tột kia cũng không tự tánh chẳng hoại. Năng sở đều không, nên nói “tất cả tánh tướng chính nơi đó là vô sanh”.

+ TẠO RỒI MÀ BỎ VÔ THƯỜNG.

Lìa mới tạo vô thường là, chẳng phải tứ đại lại có tứ đại khác. Vì mỗi mỗi tướng khác, tự tướng chẳng phải sai biệt có thể được. Kia không sai biệt, đây thấy chẳng lẫn tạo. Hai phương tiện chẳng làm, nên biết là vô thường.

Đây ngoại đạo chấp có vô thường tánh làm tác giả hay tạo tứ đại, tạo rồi liền bỏ là vô thường. Chẳng phải tứ đại lại có khác với tứ đại đó, nói không thể lẫn nhau tạo. Lẫn nhau tạo như lửa tạo nước, nước tạo đất, mỗi mỗi tướng khác không thể lẫn nhau tạo. Cũng chẳng phải tự tạo, vì tự tướng không có sai biệt. Đây thấy cũng chẳng lẫn tạo, lẫn tạo tức là chung tạo. Hai phương tiện chẳng làm là, lửa cùng nước hiệp sanh thể tánh trái

khác, rõ chẳng chung tạo. Phàm chẳng lẫn tạo, chẳng tự tạo, lại chẳng chung tạo, nên biết đại chủng nhân mê hư vọng chóng hiện, trung gian không chủ là chân tịch diệt. Chẳng nên dùng mới tạo lại bỏ là vô thường.

+ HÌNH XỨ HOẠI VÔ THƯỜNG.

Hình xứ kia hoại vô thường là, tứ đại và tạo sắc chẳng hoại, đến tốt chẳng hoại. Đại Huệ! Tốt là, phân tích cho đến vi trần quán sát hoại, tứ đại và tạo sắc hình xứ khác, thấy dài ngắn không thể được chẳng phải tứ đại. Tứ đại chẳng hoại, hiện hình xứ hoại, rơi vào số luận.

Hình xứ là, hình xứ dài ngắn của tứ đại. Thấy hình xứ dài ngắn của tứ đại diệt, mà sắc thể tứ đại năng tạo sở tạo chẳng diệt. Đây là Tăng-khư (số luận) chấp tứ đại là thường luận. Phân tích tốt cùng cho đến vi trần quán sát, chỉ hay hoại cái tướng có thể thấy là hình xứ dài ngắn của tứ đại tạo sắc, mà không phải tứ đại. nghĩa là thể tánh của tứ đại tạo sắc ắt không thể hoại, chỉ hình xứ hoại. Như Lai nơi đây chỉ nói “rơi vào số luận”, bởi trước sau đã phá tứ đại tạo sắc không có tác giả, đã tốt rõ ràng.

+ SẮC TỨC VÔ THƯỜNG.

Sắc tức vô thường là, sắc tức là vô thường. Kia là hình xứ vô thường, chẳng phải tứ đại. Nếu tứ đại vô thường thì chẳng phải số ngôn thuyết của thể tục. Ngôn thuyết của thể tục không phải tánh, ắt rơi vào thể luận. Thấy tất cả tánh chỉ có ngôn thuyết, chẳng thấy tự tướng sanh.

Tất cả sắc pháp duy tâm hiện ra, thấy là tánh vô thường, đây là Như Lai nói. Ngoại đạo chấp sắc này tức vô thường, chỉ dùng hình xứ mà chẳng phải tứ đại. Nếu tứ đại vô thường bèn chẳng phải số ngôn thuyết của thể tục. Tục số nói ra chẳng phải tánh, mới thật không pháp. Nếu vậy tức rơi vào đoạn kiến thể luận, bởi chỉ có ngôn thuyết không có pháp tự tướng. Cho nên biết, tất cả các pháp tự tướng như thật chân lý, chỉ giác tự tâm hiện lượng nội chứng nhận được. Đây không phải khả năng của ngoại đạo đến được.

+ SẮC CHUYỂN BIẾN TRUNG GIAN VÔ THƯỜNG.

Chuyển biến vô thường là, sắc khác tánh hiện chẳng phải tứ đại. Như vàng làm các món đồ trang sức chuyển biến hiện ra, chẳng phải tánh vàng hoại, chỉ những món đồ trang sức bị hoại. Như thế, các tánh chuyển biến v.v... cũng như vậy.

Ngoại đạo chấp năng tạo sở tạo trung gian có tánh vô thường luôn luôn chuyển biến, như sữa biến thành lạc, sắc khác tánh hiện ra. Chẳng phải tứ đại là, cũng như trên hình xứ tứ đại thấy diệt, mà thể tánh tứ đại chẳng diệt. Như vàng làm đồ trang sức, chỉ chuyển biến hiện, chẳng phải tánh vàng hoại. Các tánh là, tất cả pháp chuyển biến cũng đều như thế.

+ KẾT BẢY THỨ VÔ THƯỜNG VỌNG CHẤP.

Như thế thấy, các thứ ngoại đạo chấp vô thường, vọng tưởng khi lửa đốt tứ đại, tự tưởng chẳng đốt. Mỗi mỗi tự tưởng tướng hoại thì tứ đại tạo sắc ưng đoạn.

Đây là nói chung bảy thứ hư vọng phân biệt. Đại lược đều cho ngoài hiện hình của tứ đại riêng có tự thể tứ đại, lửa không thể đốt. Nếu hay đốt được thì năng tạo sở tạo đều đoạn diệt. Đây là phân nửa sanh diệt phân nửa chẳng sanh diệt. Bởi do chẳng giác tự tâm hiện lượng, chẳng đạt các pháp duy tâm, vốn không có sanh cũng không chỗ diệt. Vọng thấy sanh diệt, vọng phân tánh tướng, thường chấp vô thường, vô thường chấp thường, trộn thành điên đảo.

+ CHỈ NHƯ LAI NÓI RA PHI THƯỜNG PHI VÔ THƯỜNG, ĐỂ HIỆN TỰ TÂM HIỆN LƯỢNG.

Đại Huệ! Pháp duyên khởi của ta phi thường phi vô thường. Vì có sao? Vì ngoại tánh không quyết định, chỉ nói ba cõi duy tâm, chẳng nói các thứ tướng có sanh có diệt. Tứ đại hội hiệp sai biệt, tứ đại và tạo sắc, nên vọng tưởng hai thứ năng nhiếp sở nhiếp. Biết hai thứ vọng tưởng, lìa hai thứ chấp ngoại tánh không tánh, giác tự tâm hiện lượng. Vọng tưởng là, tự tưởng tác hành sanh, chẳng phải chẳng tác hành. Lìa tâm vọng tưởng tánh không tánh thì thế gian, xuất thế gian, xuất thế gian thượng thượng tất cả pháp phi thường phi vô thường... Chẳng giác tự tâm hiện lượng rơi vào hai bên ác kiến tiếp nối. Tất cả ngoại đạo chẳng giác vọng tưởng mình, phàm phu này không có căn bản. Nghĩa là thế gian, xuất thế gian, xuất thế gian thượng thượng nói từ vọng tưởng sanh, chẳng phải chỗ giác của phàm ngu.

Như Lai đã nói các pháp phi thường vô thường, vì chẳng chấp nhận ngoại tánh có sanh diệt, chỉ nói ba cõi duy tâm, đây là ba đời chư Phật đồng một chỉ thú. Bởi vì các thứ sanh diệt do tứ đại và tạo sắc nhân duyên hội hiệp dường như có sai biệt. Song thật không có năng tạo sở tạo, do vô thủy bất giác một lúc liền hiện, nên nói “ba cõi duy tâm”.

Không thể liễu đạt duy tâm mà khởi hai thứ vọng tưởng năng tạo sở tạo tức rơi vào kiến chấp có không, liễu đạt thì chóng lìa, chỉ một tâm lượng. Cho nên biết, tất cả tứ đại trong ngoài, sắc tâm các pháp đều do vọng tưởng phân biệt mà sanh tất cả hạnh nghiệp. Các hạnh nghiệp ấy chẳng thật có sanh thì chẳng lại đời không. Chỉ lìa hai thứ phân biệt có không thì tự tâm hiện lượng thẳng đó hiện tiền, do đó Như Lai nói phi thường vô thường vậy. Nhân vọng tưởng mà bày hiện thể, xuất thể, xuất thể thượng thượng ba thứ pháp phân biệt, không thể nói là thường. Tức nhân vọng tưởng mà bày hiện thể, xuất thể, xuất thể thượng thượng ba thứ trí vô phân biệt, không thể bảo vô thường. Ngoại đạo có hai thứ ác kiến bởi do chẳng giác tự tâm hiện lượng, nơi vọng tưởng phân biệt không thể chính đó phát minh, được vô phân biệt căn bản tánh trí. Cho nên Như Lai ba thứ pháp theo chúng sanh phân biệt mở nói phương tiện, chẳng phải chỗ giác của phàm ngu.

+ TỔNG TỤNG .

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Xa lìa nơi mới tạo	Và cùng hình xứ khác
Tánh cùng sắc vô thường	Ngoại đạo ngu vọng tưởng.
Các tánh không có hoại	Đại đại tự tánh trụ
Ngoại đạo tưởng vô thường	Chìm tại các thứ chấp.
Các chúng ngoại đạo kia	Không hoặc sanh hoặc diệt
Đại đại tánh tự thường	Sao nói tưởng vô thường.
Tất cả duy tâm lượng	Hai thứ tâm lưu chuyển
Nhiếp thọ và sở nhiếp	Không có ngã ngã sở.
Phạm thiên là cội cây	Cành nhánh trái khắp giáp
Như thế ta nói ra	Chỉ là tâm lượng kia.

Tụng nói ngoại đạo chấp tất cả vô thường đều bị vọng tưởng làm ngu, kỳ thật tất cả pháp không có tướng hoại. Chúng tánh các đại mỗi thứ trụ nơi pháp vị, tất cả sanh diệt là tự tướng chân như. Bởi do chẳng biết tâm lượng lầm cho là vô thường bị kiến chấp làm chìm. Nếu biết tất cả duy tâm thì hai kiến chấp lưu chuyển cũng duy tâm hiện, thẳng đó năng nhiếp sở nhiếp không, không có tác giả, toàn vọng là toàn chân, đâu lại có riêng. Cho nên chính ngay chỗ chấp kia cho Phạm thiên là cội cây hay sanh tất cả hữu tình khắp giáp ba cõi. Các thứ tà vọng, Như Lai nói đều duy tâm lượng, giác tức bờ-đề chẳng nhọc

chuyển biến. Đây là đến chỗ vọng chấp của ngoại đạo khiến họ thoát nhiên biết quấy liền đồng bản đắc. Như Lai dạy người có thể gọi là từ bi cùng tột vậy.

5- CHỈ NHƯ LAI ĐỆ NHẤT NGHĨA CHỐNG TRỪ CÁC ĐỊA, RIÊNG HIỂN DUY TÂM.

- NHÂN ĐẠI HUỆ HỎI CHÁNH THỌ, TRƯỚC CHỈ HÀNH TƯỚNG THẤT BÁT ĐỊA.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Cúi xin vì nói tất cả Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác diệt chánh thọ (diệt tận định) thứ lớp tương tục. Nếu giới nơi tướng diệt chánh thọ thứ lớp tương tục, con và các Bồ-tát trọn chẳng vọng bỏ diệt chánh thọ lạc môn, chẳng rơi vào tất cả Thanh văn, Duyên giác, ngoại đạo, ngu si. Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! cúi xin vì nói. Phật bảo Đại Huệ: Đại Bồ-tát đệ lục địa và Thanh văn, Duyên giác nhập diệt chánh thọ; đại Bồ-tát đệ thất địa niệm niệm chánh thọ, lia tất cả tướng tánh tự tánh chánh thọ, chẳng phải Thanh văn, Duyên giác. Thanh văn, Duyên giác rơi vào có hành giác, tướng năng nhiếp sở nhiếp diệt chánh thọ. Thế nên, Bồ-tát thất địa phi niệm chánh thọ, được tất cả pháp tướng không sai biệt, chẳng phải được từng phần các thứ tướng tánh, giác tất cả pháp thiện chẳng thiện tánh tướng chánh thọ. Thế nên Bồ-tát thất địa không thiện niệm chánh thọ. Đại Huệ! Bồ-tát bát địa và Thanh văn, Duyên giác tâm ý ý thức tướng vọng tưởng diệt.

Nhập diệt tận định tam thừa đều có. Thấy vì đối trị tâm ý ý thức của phàm phu, lia tất cả tâm niệm phân biệt ngã và ngã sở. Chỉ vì Nhị thừa chẳng giác tự tâm hiện lượng như huyễn như mộng, vì đối trị nên thành thật pháp, nơi pháp chánh định chưa quên năng sở, có giác có hạnh, cho nên chẳng bằng Bồ-tát thất địa niệm niệm chánh thọ. Sơ địa đến lục địa vẫn không thể như Bồ-tát thất địa niệm niệm chánh thọ. Song do Đại thừa vào phần kiến đạo, tuy có đối trị chưa lia giác hạnh, nhưng đều thuộc phương tiện không cho là thật pháp. Mới biết lý do thất địa được niệm niệm chánh thọ, do giác tự tâm hiện lượng rồi xả phương tiện, lia tất cả tướng tánh tự tánh, được tuệ vô sai biệt, đây là nguyên nhân Nhị thừa chẳng có phần. Được các thứ tướng tánh, giác tất cả pháp tánh tướng thiện chẳng thiện chánh thọ là, chính chỉ Nhị thừa sợ rơi vào tướng không sai biệt, muốn được các thứ tánh tướng thiện chẳng thiện mà vào chánh thọ, bỏ sanh đến diệt, phân biệt

chưa quên, nên nói “dùng trạm (lặng) hiệp trạm (lặng) về tột mé thức”, cho nên không có thiện niệm chánh thọ của thất địa. Thiện niệm tức là niệm niệm, cũng tức là phi niệm. Nói đệ bát địa mới hay diệt vọng tưởng tâm ý ý thức Nhị thừa là, đến đệ bát địa được pháp vô ngã, tâm thức mới hết. Sơ địa đến thất địa tuy giác tự tâm hiện lượng đều hay lìa tâm ý ý thức, nhưng đến bát địa mới hết, nên nói “bát địa diệt”. Thất địa đã không phương tiện giác hạnh được niệm niệm chánh thọ, mà chẳng nói thất địa diệt, bởi chánh thọ sức thắng, pháp vô ngã chưa hiện, bản nguyện đại bi vẫn đợi nhớ niệm, cho nên chẳng nói cứu kính diệt. Song đến bát địa vẫn nhờ chánh định, giác tâm gia trì, mới hay cứu kính viên mãn Như Lai địa, hướng là thất địa. Đại Huệ nhân ở trên tướng thường vô thường đã biện tà chánh, nơi đây lại thỉnh nói về các địa chánh thọ, muốn rõ được chỗ sai biệt của Đại thừa và Nhị thừa, cùng chỗ sai biệt của mỗi địa Bồ-tát, vì những người tu hành phát minh để tăng tấn.

- CHỈ SƠ ĐỊA CHO ĐẾN THẤT ĐỊA, CÙNG NHỊ THỪA ĐỒNG KHÁC.

Đại Bồ-tát từ sơ địa đến thất địa quán tam giới lượng tâm ý ý thức, lìa ngã ngã sở, tự vọng tưởng tu, rơi vào ngoại tánh các thứ tướng. Ngu phu hai thứ tự tâm nhiếp sở nhiếp thấy không biết, chẳng giác vô thủy lỗi ác hư nguy tập khí huân nên.

Sơ địa đến thất địa, bản Đường, Ngụy dịch đều nói “sơ địa đến lục địa, do Bồ-tát đã có chánh thọ cùng Nhị thừa đồng, duy đến lục địa”. Bản dịch này nói chỗ thấy của Bồ-tát cùng Nhị thừa khác, nên nói thất địa. Văn sau liền chỉ ra hành tướng bát địa. Bồ-tát đạt tự tâm lượng nên hay quán tam giới trong ngoài đều do tâm ý ý thức bất giác hiện ra, vốn không có ngã sở, chỉ tự vọng tưởng nên ngoài thấy có tánh tướng. Nhị thừa chẳng đạt tự tâm rơi vào hai bên có không. Khởi cảnh giới năng thủ sở thủ, cho nên tuy cùng lục địa đồng một chánh thọ mà Bồ-tát liễu đạt tất cả tánh không có tướng tự tánh mà vào chánh thọ. Nhị thừa giác các thứ tướng khác hy vọng mà vào chánh thọ. Một bên dùng sức phương tiện trừ sạch hiện tập. Một bên do chẳng giác chẳng biết bị vô thủy hư nguy tập khí chuyển. Một quyền một thật đã chứng rõ ràng.

- CHỈ BÁT ĐỊA TAM-MUỘI GIÁC TRÌ.

Đại Huệ! Đại Bồ-tát bát địa là Thanh văn, Duyên giác Niết-bàn. Bồ-tát là do tam-muội giác gia trì, nên tam-muội môn lạc chẳng vào Niết-bàn. Nếu chẳng gia trì thì Như Lai địa chẳng đầy đủ, vì ném bỏ tất cả việc hữu vi của chúng sanh, hạt giống Phật ắt phải

đoạn. Chư Phật Thế Tôn vì chỉ vô lượng công đức bất khả tư nghì của Như Lai. Thanh văn, Duyên giác nơi tam-muội môn được vui, bị dẫn, nên khởi tướng Niết-bàn.

Bồ-tát bát địa cũng có tam-muội lạc môn của Nhị thừa, do sức bản nguyện, tuy ở trong tam-muội do giác gia trì nên chẳng vào Niết-bàn. Nếu chẳng gia trì thì không thể đầy đủ địa Như Lai, dẹp bỏ chúng sanh thì hạt giống Phật ắt phải đoạn. Cho nên trong kinh Hoa Nghiêm Bồ-tát bát địa được mười phương Như Lai đồng thanh khuyến phát, bảo: “Chỗ sở đắc của ông Nhị thừa cũng có, phải nhớ vô lượng bất khả tư nghì công đức”. Thế nên biết, bát địa phát khởi thấy do thần lực chư Phật, chẳng bị say cái tam-muội lạc của Nhị thừa. Thần lực chư Phật mà nói tam-muội giác gia trì, là Bồ-tát sơ phát tâm trụ do giác tự tâm hiện lượng vào Như Lai giác, đồng thể nhiếp trì cảm ứng đạo giao, dùng Phật giác tự giác, ở trong tam-muội tự nhiên thức tỉnh không thể nghĩ bàn.

- CHỈ THẤT BÁT ĐỊA XẢ LY TAM-MUỘI HIỆN TỰ TÂM LƯỢNG.

Đại Huệ! Ta phân bộ thất địa khéo tu tướng tâm ý ý thức, khéo tu ngã ngã sở nhiếp thọ, nhân pháp vô ngã, tự tướng cộng tướng sanh diệt, khéo được tứ vô ngại, sức quyết định tam-muội môn địa thứ lớp tương tục, vào pháp đạo phẩm. Chẳng khiến đại Bồ-tát chẳng giác tự tướng cộng tướng, chẳng rành về thất địa, rơi vào lối tà của ngoại đạo, cho nên lập địa thứ lớp. Đại Huệ! Kia thật không có hoặc sanh hoặc diệt, trừ tự tâm hiện lượng, nên nói “địa thứ lớp tương tục và tam giới các thứ hạnh”, chỗ kẻ ngu không thể giác. Chỗ kẻ ngu không thể giác là, ta và chư Phật nói địa thứ lớp tương tục và nói tam giới các thứ hạnh.

Phân bộ là phân biệt diễn nói. Như Lai nơi thất địa phân biệt diễn nói. Nghĩa là thất địa sanh nhân đã đoạn đồng với Nhị thừa, rất dễ đắm nhiễm nên vì phân biệt. Nếu khéo phân biệt tâm ý ý thức đều tự tâm hiện không có ngã ngã sở. Không ngã thì nhiếp thọ không người. Không sở thì nhiếp thọ không pháp. Không người không pháp thì lìa hy vọng đồng tướng và dị tướng. Bởi Nhị thừa giác các thứ dị tướng hy vọng chánh định nên dễ chấp lấy Niết-bàn. Nếu hay khéo biết chỗ này thì hay hiểu rộng pháp nghĩa nhất thừa, giới tứ vô ngại, nơi tam-muội môn được sức quyết định tự giác gia trì, dùng đây để soi sáng các địa, tăng tiến đạo phẩm. Cho nên nói “chẳng khiến Bồ-tát chẳng giác tự tướng cộng tướng, chẳng rành về thất địa, rơi vào lối tà của ngoại đạo”. Đây là chỉ thú Như Lai lập địa, mà nơi thất địa rất phải đề dặt e rơi vào lối tẽ. Lại nói “kia thật không có hoặc

sinh hoặc diệt, trừ tự tâm hiện lượng”. Nên nói “địa thứ lớp tương tục và tam giới các thứ hạnh”. Như Lai trước sau nêu cao bảo vệ pháp môn duy tâm. Nghĩa là duy tự tâm không có các địa thứ lớp. Lại cùng tất cả hành tướng trong tam giới, khi giác tự tâm hiện lượng thì được không thật có. Từ không thật có kiến lập tất cả pháp, vì độ kẻ bất giác chẳng phải vì người giác.

Lại nữa, Đại Huệ! Thanh văn, Duyên giác Bồ-tát đệ bát địa diệt tam-muội môn lạc say bị say, chẳng rành tự tâm hiện lượng, bị tập khí tự tướng cộng tướng làm chướng, rơi vào nhân pháp vô ngã, kiến chấp pháp nhiếp thọ, vọng tưởng khởi tướng Niết-bàn, chẳng phải trí tuệ giác tịch diệt. Đại Huệ! Bồ-tát thấy diệt tam-muội môn lạc, bản nguyện thương xót, đại bi thành tựu, biết phân biệt mười câu vô tận, chẳng vọng tưởng khởi tướng Niết-bàn. Kia đã Niết-bàn, vì vọng tưởng chẳng sanh, lia vọng tưởng năng nhiếp sở nhiếp. Giác rõ tự tâm hiện lượng thì tất cả các pháp vọng tưởng chẳng sanh, chẳng rơi vào ngoài tâm ý ý thức chấp trước vọng tưởng tướng tánh tự tánh, chẳng phải Phật pháp nhân chẳng sanh, tùy trí tuệ sanh được Như Lai tự giác địa.

Trên vì thất địa phân bộ chẳng khiến rơi vào lỗi tể, đây đối với bát địa thống thiết định ninh. Bởi vì Thanh văn Duyên giác đến khi đặng quả đồng với Bồ-tát đệ bát Bất động địa, tất cả thế gian xuất thế gian tướng niệm hằng dứt, chỉ chẳng rành tự tâm lượng bèn bị tập khí tự tướng cộng tướng che ngăn, thấy pháp ngoài tâm khởi tướng Niết-bàn, không có tuệ tịch diệt. Cho nên Bồ-tát bát địa đối diệt tam-muội lạc hiện tiền liền nhớ nghĩ bản nguyện, khởi tâm đại bi, dùng mười câu vô tận (thập vô tận cú) thành tựu Phật địa, chẳng vào Niết-bàn. Nghĩa là đã vào Niết-bàn, chẳng lẽ lại vào Niết-bàn. Bồ-tát này giác tự tâm hiện lượng không có năng thủ sở thủ, thấy tất cả pháp chẳng phải riêng có, hằng lia tâm ý ý thức và các thứ tánh tướng trong tam giới, chuyển thân vọng tưởng làm tự giác thánh trí, y thánh trí sanh đến cứu kính giác địa. Cho nên nói “vọng tưởng chẳng sanh, mà chẳng phải Phật pháp nhân chẳng sanh”.

Như người trong mộng dùng phương tiện qua sông, khi chưa qua đã thức, thức rồi suy nghĩ là chánh hay là tà? Chẳng phải chánh chẳng phải tà? Các cái thấy nghe hiểu biết từ vô thủy nhân tướng các thứ tập khí, các thứ hình xứ rơi trong tướng có không nên tâm ý ý thức mộng hiện.

Đây dụ tập khí vọng thấy tự tướng cộng tướng khởi tướng Niết-bàn, mà thật đều tự tâm hiện ra, không có nhân pháp, cũng không có cảnh giới năng độ sở độ. Như người trong mộng dùng phương tiện qua sông, thức rồi tâm dùng không thể nói tà chánh, chỉ là từ vô thủy tập khí còn thừa thấy nghe hiểu biết phân biệt. Nơi tất cả sắc tâm các pháp vọng chấp có không đều là việc mộng do tâm ý ý thức hiện ra, không có cảnh giới thật.

Đại Huệ! Như thế đại Bồ-tát nơi đệ bát địa Bồ-tát thấy chỗ vọng tưởng sanh. Từ sơ địa chuyển tiến đến đệ thất địa thấy tất cả pháp phương tiện như huyễn v.v... độ tâm hạnh vọng tưởng năng nhiếp sở nhiếp rồi, khởi Phật pháp phương tiện, người chưa được khiến được. Đại Huệ! Đây là Bồ-tát Niết-bàn phương tiện chẳng hoại, lìa tâm ý ý thức được vô sanh pháp nhẫn. Đại Huệ! Đối với đệ nhất nghĩa không có thứ lớp tương tục, nói pháp không thật có vọng tưởng tịch diệt.

Nương trên dụ qua sông, đệ bát địa Bồ-tát cũng lại như thế. Bồ-tát đến đệ bát địa mới thấy chỗ vọng tưởng sanh. Nghĩa là giác tự tâm hiện lượng, đạt tất cả vọng tưởng đều do bất giác vọng thấy có không, đến đệ bát địa các vọng tưởng dứt, mới thấy chỗ sanh vọng tưởng. Thấy chỗ sanh vọng tưởng mới biết từ sơ địa đến đệ thất địa đã có tất cả pháp tướng trọn như mộng huyễn, được trí phương tiện bình đẳng, độ tâm năng sở vọng tưởng hằng dứt, liền dùng tuệ phương tiện tự lợi lợi tha đến cứu kính Phật địa. Đây là Bồ-tát vô trụ xứ Niết-bàn chẳng phải Nhị thừa quyết định tịch diệt Niết-bàn. Bồ-tát vô trụ xứ Niết-bàn lìa tâm ý ý thức, đối tất cả chỗ không hoại phương tiện, được vô sanh nhẫn, đây là đệ nhất nghĩa pháp không thật có tịch diệt. Nên nói “nơi đệ nhất nghĩa không có thứ lớp tương tục, nói pháp không thật có vọng tưởng tịch diệt”. Không thứ lớp là không có các địa thứ lớp.

- CHỈ DUY TÂM XOAY VỀ TRỪ CÁC ĐỊA.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Tâm lượng không thật có	Đây trụ đến Phật địa
Khứ lai và hiện tại	Ba đời chư Phật nói
Tâm lượng địa đệ thất	Không thật có đệ bát
Hai địa tên là trụ	Phật địa tên tối thắng
Tự giác trí và tịnh	Đây tức là địa ta
Chỗ tự tại tối thắng	Thanh tịnh khéo trang nghiêm

Chiếu sáng như lửa mạnh	Ánh sáng soi khắp nơi.
Sáng lòa chẳng mờ mắt	Xoay vòng hóa ba cõi
Hiện tại hóa ba cõi	Hoặc có khi trước hóa
Nơi kia điển nói thừa	Đều là Như Lai địa
Thập địa tức là sơ	Sơ tức là bát địa
Đệ cửu tức là thất	Thất cũng lại là bát.
Đệ nhị là đệ tam	Đệ tứ là đệ ngũ
Đệ tam là đệ lục	
Không có thứ lớp gì.	

Bài kệ thứ nhất nói các địa Phật địa đều không thật có, thấy là một duy tâm, ba đời Như Lai không có nói khác. Bài kệ thứ hai nói thất địa chưa lìa tâm lượng, bát địa lìa chưa cứu kính, chưa phải là hành xứ của Như Lai. Bài kệ thứ ba về sau đều nói Phật địa. Tự giác trí và tịnh tức là trí và tịch dung nhau, nên nói “pháp thân thanh tịnh cùng pháp thân vô cấu” hiệp hai nghĩa này thành tựu Như Lai tự giác. Cho nên người được tự giác thánh trí tức ở cõi trời Sắc cứu kính trong cung Đại bảo hoa thành Đẳng chánh giác, làm Bồ-tát thập địa hiện thân rộng lớn ánh sáng chiếu soi, do đó đại hóa tiểu hóa tùy thuận hóa khắp giáp hiện tại, hoặc trước hoặc sau, đã có kiến lập thừa địa đều là nhất thừa, thừa thừa đều là Phật thừa. Bởi vì sơ địa cho đến thập địa, một địa tức tất cả địa, tất cả địa tức một địa. Kinh Hoa Nghiêm hàng thập trụ sơ tâm thành Đẳng chánh giác cùng Phật không khác. Ở đây Như Lai kiến lập pháp môn đệ nhất nghĩa, chóng trừ các địa riêng bày duy tâm.

6 - CHỈ NHƯ LAI CHÁNH GIÁC THƯỜNG TRỤ .

- CHỈ CHÁNH GIÁC CHẴNG ĐỒNG LỖI TẠO TÁC.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Như Lai ứng cúng đấng chánh giác là thường hay vô thường? Phật bảo Đại Huệ: Như Lai ứng cúng đấng chánh giác chẳng phải thường chẳng phải vô thường. Nghĩa là cả hai đều có lỗi. Nếu thường thì có lỗi làm chủ, thường ấy tất cả ngoại đạo nói tác giả vì không có chỗ tác, thế nên Như Lai thường phi thường. Chẳng phải tác thường, vì có lỗi. Nếu Như Lai vô thường, có lỗi tác vô thường, sở tướng của âm tướng thì không tánh, âm hoại nên đoạn, mà Như Lai chẳng phải đoạn.

Trước hỏi tất cả pháp thường cùng vô thường, đây hỏi pháp Như Lai sở chứng là thường hay vô thường. Như Lai chánh giác không thể nói thường cùng vô thường, nghĩa là cả hai đều có lỗi. Nếu thường thì rơi vào lỗi tác giả, như ngoại đạo chấp thần ngã nói là năng tác, Như Lai giác tánh không phải sở sanh của sanh nhân mà là sở liễu của liễu nhân, vì không có chỗ tác, chẳng phải thường, chẳng phải tác thường. Nếu vô thường thì rơi vào lỗi sở tác, đồng với tướng âm, âm thuộc về sở tác, không tánh, âm hoại liền đoạn, mà Như Lai giác tánh chẳng đoạn cho nên chẳng phải vô thường.

Đại Huệ! tất cả sở tác đều vô thường, như bình, y v.v... tất cả đều là lỗi vô thường thì Nhất thiết trí đầy đủ phương tiện ung vô nghĩa, vì cho là sở tác. Thế thì, tất cả sở tác đều ung là Như Lai. Vì không nhân tánh sai biệt. Thế nên, Đại Huệ! Như Lai phi thường phi vô thường.

Đoạn trên nói sở tác vô thường. Nghĩa là phạm có sở tác thảy đều vô thường đồng với bình, y v.v... Như Lai cũng có sở tác mà chẳng phải vô thường. Do không nhân tánh sai biệt, nghĩa là Như Lai đã tu phước trí đều thuận tánh khởi dụng không có nhân riêng chẳng đồng sở tác.

- CHỈ CHÁNH GIÁC TRÍ VÔ GIÁN THƯỜNG BÀY HIỆN.

Lại nữa, Đại Huệ! Như Lai chẳng phải như hư không thường. Như hư không thường thì mắc lỗi tự giác thánh trí đầy đủ phương tiện thành vô nghĩa. Đại Huệ! Thí như hư không phi thường phi vô thường, lìa thường lìa vô thường, một khác, chung chẳng chung. Thường vô thường đều lỗi nên không thể nói, vì thế Như Lai phi thường. Lại nữa, Đại Huệ! Nếu Như Lai vô sanh thường như sừng thỏ, sừng ngựa v.v... cho vô sanh thường thì phương tiện vô nghĩa. Bởi vô sanh thường là có lỗi nên Như Lai phi thường. Lại nữa, Đại Huệ! Còn có các việc khác biết Như Lai thường. Vì có sao? Vì đã được trí vô gián thường nên Như Lai thường.

Đây nói Như Lai phi thường chẳng như hư không. Bởi hư không thường, lìa thường vô thường, một khác, chung chẳng chung v.v... bốn câu thường, bị lỗi vô thường. Song Như Lai tuy bị lỗi vô thường mà chẳng như hư không, vì có tự giác thánh trí sự. Như Lai phi thường chẳng như sừng thỏ, do sừng thỏ có lỗi vô sanh thường. Song, Như Lai không bị lỗi vô sanh thường, nên chẳng như sừng thỏ, vì có phương tiện nhận được. Cho nên biết, Như Lai sở tác chẳng đồng các vật, Như Lai vô tác chẳng đồng hư không

sùng thờ. Ở giữa hai bên kia mà được trí Như Lai vô gián thanh tịnh, nên nói Như Lai thường. Như Lai từng ở trên hội Niết-bàn tuyên nói “thường lạc ngã tịnh” đều vì lìa lỗi hiển bày. Ba đời Như Lai vô thượng pháp ấn không có hai chỉ thứ.

- CHỈ NHƯ LAI TÁNH THƯỜNG BÌNH ĐẲNG.

Đại Huệ! Hoặc Như Lai ra đời hoặc chẳng ra đời, pháp quyết định trụ, Thanh văn, Duyên giác, chư Phật Như Lai vô gián trụ, chẳng trụ hư không, cũng chẳng phải chỗ hiểu biết của ngu phu. Đại Huệ! Như Lai đã được trí là do bát-nhã huân, chẳng phải tâm ý ý thức các âm giới nhập xứ huân. Đại Huệ! Tất cả ba cõi đều là vọng tưởng chẳng thật sanh, Như Lai chẳng từ tưởng hư vọng chẳng thật sanh. Đại Huệ! Do hai pháp nên có thường vô thường, chẳng phải chẳng hai, chẳng hai là lạng lẽ, vì tất cả pháp không hai tướng sanh.

Đây thẳng bày Như Lai vô gián thánh trí, tam thừa đều bình đẳng, có Phật hay không Phật bản giác vẫn thường trụ. Chẳng trụ hư không chẳng đồng giác tướng, vì hư không là không, vì tướng chẳng thật. Nếu hay nơi đây sáng ngộ liền chuyển tập khí hư ngụy từ vô thủy làm vô gián bát-nhã. Tất cả tâm ý ý thức, các âm nhập giới thuần một tịch tĩnh, cứu kính chẳng hai. Chỉ kẻ ngu chẳng giác khắp thể toàn vọng, mê Như Lai vô gián thánh trí làm tâm ý ý thức lưu chuyển trong ba cõi đồng với huyễn hóa, nên nói “từ vọng tưởng chẳng thật sanh”. Tóm lại pháp thể không hai, mê thì có thường vô thường vọng thấy dường như hai, giác thì vọng kiến chóng mất chỉ một tịch tĩnh. Song mê cùng giác xưa nay có đủ, đều có nghĩa huân. Kinh Viên Giác nói: “Tất cả chúng sanh đồng chứng viên giác”. Kinh Pháp Hoa nói: “Phật chủng từ duyên”. Mới tin Bát-nhã thánh trí trọn chẳng mai một. Thời tiết nếu đến thì lý ấy tự bày.

Thế nên, Như Lai ứng cúng đấng chánh giác phi thường phi vô thường. Đại Huệ! Cho đến ngôn thuyết phân biệt sanh thì có lỗi thường vô thường. Phân biệt giác diệt thì lìa kiến chấp thường vô thường của ngu phu chẳng có tuệ tịch tĩnh, hằng lìa sự huân của thường vô thường, phi thường vô thường.

Tất cả chúng sanh chẳng thành Vô thượng Chánh giác xét tốt mà nói chẳng ngoài ngôn thuyết phân biệt hai thứ lỗi lầm. Do phân biệt mà khởi ngôn thuyết, lại nhân ngôn thuyết mà sanh phân biệt, chỗ nương của ngôn thuyết là lỗi tại phân biệt. Cho nên phân

biệt giác diệt thì hai kiến chấp chóng lìa, không rơi vào ngu phu tuệ chẳng tịch tĩnh khởi huân tập thường vô thường.

- TỔNG TỤNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Chúng cụ (duyên hạnh) vô nghĩa la	Sanh lỗi thường vô thường
Nếu không phân biệt giác	Hằng lìa thường vô thường.
Từ kia lập nên tông	Ắt có các nghĩa tạp
Đẳng quán tự tâm lượng	Ngôn thuyết không thể được.

Chúng cụ (duyên hạnh) vô nghĩa là chẳng giác tự tâm hiện lượng thì không gốc có thể y cứ, hội quy về vô cực, bên trong đã không nguồn thâm hợp thì bên ngoài ắt sanh lỗi phân biệt đây là lý do rơi hai bên. Nếu bỏ phân biệt, giác được nguồn chân thì tự chúng bên trong chẳng rơi vào đoạn thường, song không thể y cứ nơi đây lập tông. Nơi đây mà lập tông vẫn là mê giác đối đãi nhau, các nghĩa tạp dầy, mà chẳng phải đẳng quán tâm lượng rồi. Đẳng quán tâm lượng thì chỉ có thâm hợp nên chẳng phải ngôn thuyết đến.

7- CHỈ CỘI GỐC SANH DIỆT ĐỂ HIỂN TÀNG THỨC TỨC NHƯ LAI TÀNG VỐN KHÔNG CẤU NHIỆM.

- ĐẠI HUỆ THỈNH HỎI.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn lại vì con nói âm giới nhập sanh diệt, kia không có ngã thì cái gì sanh cái gì diệt? Kẻ ngu phu y nơi sanh diệt chẳng giác khổ tận, chẳng biết Niết-bàn. Phật bảo: Lành thay! Lắng nghe! Sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo.

Nhân đoạn trước phát minh Như Lai đã được vô gián trí thường, đoạn này lại lấy sanh diệt thừa thỉnh. Bởi vì chúng sanh chẳng đạt chân trí thường trụ, vọng thấy sanh diệt thật có lý do. Tánh âm giới nhập vốn không tác giả mà sanh diệt rõ ràng. Bởi do chẳng giác Như Lai tàng tánh toàn thể đổi thành tàng thức cùng bảy thức thân chung, khởi các căn thức vin theo ngoại cảnh. Đã có sanh diệt tuy không có ngã mà có tàng thức, bảy thức chẳng dứt. Đây là chỗ Nhị thừa không thể biết. Như Lai dạy bảo Bồ-tát thật là rành rõ nên phải xét kỹ.

- CHỈ NHƯ LAI TÀNG THANH TỊNH KHÔNG NHỚ.

Phật bảo Đại Huệ: Như Lai tàng là nhân thiện bất thiện, hay khắp khởi tạo tác tất cả thú sanh, thí như con hát biến hiện các thú, lìa ngã ngã sở. Vì chẳng giác kia nên ba duyên hòa hợp phương tiện mà sanh. Ngoại đạo chẳng giác chấp là tác giả. Vì từ vô thủy ác tập hư ngụy huân tập nên gọi là tàng thức. Sanh vô minh trụ địa cùng thất thức chung, như thân biến sóng, sanh mãi chẳng dứt. Lìa lỗi vô thường, lìa ngã luận thì tự tánh không như cứu kính thanh tịnh.

Như Lai tàng là nhân thiện bất thiện, đây là yếu chỉ bí mật của ba đời Như Lai, chính cùng vọng tưởng không tánh lẫn nhau phát minh. Như Lai tàng đã là nhân thiện bất thiện thì Như Lai tàng cũng không có tánh, như con hát đóng các vai trò mà không có ngã và ngã sở. Nơi đây nếu giác thì, tánh của không tánh vì chiếu liễu nên thất thức chẳng sanh, đã có trí dụng thấy đều bình đẳng. Nơi đây nếu chẳng giác thì, Như Lai tàng đổi làm tàng thức, nên nói “trụ địa vô minh”, vì vô minh bất giác nên vọng động thành nghiệp là sanh kiến phần làm thất thức thân. Thất thức thân này tất cả phạm ngu ngoại đạo chấp làm ngã thể. Cho nên có thường kiến, chẳng phải thường chấp là thường thấy rơi vào vô thường. Nếu lìa vô thường ngã kiến thì tự tánh không như, cứu kính thanh tịnh. Ba duyên là căn trần thức. Thức này gồm chỉ các thức cũng do thất thức dậy khởi đều thuộc kiến phần. Căn trần thuộc tướng phần, cũng chẳng rời kiến phần mà có hiện ra. Cho nên biết, ba cõi trong ngoài thành nơi thất thức, thấy do bất giác Như Lai tàng. Bởi tàng tánh không tánh nên mới tùy duyên. Tùy duyên nhiễm tịnh thiện bất thiện sanh. Chẳng phải thật có chủng tử, mà tất cả chủng tử đều y đó, nên nói từ vô thủy tập khí hư ngụy.

- RIÊNG PHẠM NGU Y THỨC GIẢI THOÁT CHẲNG THẤY NHƯ LAI TÀNG TÁNH.

Kỳ dư các thức có sanh có diệt. Ý ý thức v.v... niệm niệm có thất thức, nhân vọng tưởng chẳng thật chấp các cảnh giới, các thứ hình xứ, chấp trước danh tướng. Chẳng giác sắc tướng tự tâm hiện ra, chẳng giác khổ lạc, chẳng đến giải thoát, danh tướng các thứ trói buộc, tham sanh rồi sanh tham, hoặc nhân hoặc phan duyên, các thọ căn kia diệt, thứ lớp chẳng sanh. Còn tự tâm vọng tưởng chẳng biết khổ vui, vào diệt thọ tướng chánh thọ, đệ tứ thiên.

Các thức là chỉ cho thất chủng thức. Mê Như Lai tàng chuyển làm thức tàng mà có thất thức thân, một lúc các thức chóng hiện. Niệm niệm có thất thức là, các thức đều có thất thức chủ trì. Do đó vọng tưởng chẳng thật nhảy vọt chuyển sanh nhiếp thủ cảnh giới, chẳng rõ danh tướng trước mắt do tự tâm hiện. Lại y danh tướng sanh thọ khổ lạc, tham sanh sanh tham triền miên chẳng dứt. Do thọ làm nhân, danh tướng làm duyên. Diệt thọ khổ lạc thì danh tướng chẳng sanh. Tất cả vọng tưởng tạm được dừng nghỉ thành diệt tận định và tứ thiền định. Chẳng biết thọ vốn vô ngã thì sanh thọ diệt thọ đều là hư vọng. Đây là phạm phu nhằm lia sanh diệt mà không có quán kỹ khởi tướng diệt tận.

Người khéo tu hành chân đế giải thoát, khởi tướng giải thoát, chẳng lia chẳng chuyển tên Như Lai tàng thức tàng thì thất thức lưu chuyển chẳng diệt. Vì có sao? Vì kia nhân phan duyên các thức sanh. Chẳng phải cảnh giới của Thanh văn Duyên giác tu hành. Chẳng giác vô ngã thì tự tướng cộng tướng nhiếp thọ, sanh ám giới nhập. Thấy Như Lai tàng thì ngũ pháp, ba tự tánh, nhân pháp vô ngã ắt diệt.

Nhị thừa được chân đế giải thoát riêng nơi tứ thiền. Song do chẳng chuyển tàng thức làm Như Lai tàng thì thất thức chẳng diệt. Nghĩa là thất thức cùng tàng thức làm nhân, lại duyên tàng thức mà được sanh trụ, nên nói “y kia trở lại duyên kia”. Nhị thừa chẳng giác tự tâm hiện ra, chẳng biết cảnh hiện duy tâm, không có pháp tánh. Chỉ nơi ám nhập giới phát minh vô ngã, lia được nhiếp thủ vẫn còn pháp tự tướng cộng tướng của ám nhập giới. Đây tức là tập khí thất thức chẳng diệt. Thức này cần chuyển tàng thức làm Như Lai tàng mới biết danh, tướng, vọng tưởng đương thể toàn không, chánh trí, như như cũng là nói suông, đến đây mới gọi nhân pháp vô ngã. Chẳng giác vô ngã, chính là nói chẳng giác pháp vô ngã. Nhị thừa chỉ chứng nhân không mà chẳng chứng pháp không. Vì chẳng đạt Như Lai tàng tánh thì chẳng lia tàng thức. Chẳng lia tàng thức thì thất thức ắt chẳng diệt. Thất thức chẳng diệt mà nói nhân không, chỉ không cái ngã trong tam giới, mà cái ngã tập khí của bát thức thật còn chẳng giác. Chỉ quán ám giới nhập không, chứng được chân đế, chẳng sanh ái thủ, đoạn được nhân tam giới, phần ngoại ngã thất thức diệt mà phần nội ngã chẳng diệt, nên nói “chẳng giác vô ngã”.

- CHỈ NHƯ LẠI TÀNG TỰ GIÁC CHÓNG LIA SANH DIỆT CHẲNG PHẢI NHỊ THỪA.

Địa thứ lớp tương tục chuyển tiến, các kiến chấp ngoại đạo không thể làm khuynh động, ấy gọi là trụ Bồ-tát Bất động địa (bất địa), được mười thứ tam-muội đạo môn lạc. Do tam-muội giác gia trì, quán sát Phật pháp bất tư nghi, tự nguyện chẳng thọ tam-muội môn lạc và thật tế, hướng đến tự giác thánh thú, chẳng chung chỗ tu hành với tất cả Thanh văn, Duyên giác và các ngoại đạo, được mười chủng tánh đạo hiền thánh và thân trí ý sanh, lìa tam-muội hạnh. Thế nên, Đại Huệ! Đại Bồ-tát muốn cầu thắng tiến phải sạch tên Như Lai tàng và thức tàng.

Nương trên nói thấy Như Lai tàng, diệt thất thức thân thì hay tùy địa thứ lớp chuyển tiến, chẳng bị ngoại đạo làm điều động. Đây chính là đệ bát Bất động địa, nên nói “trước Bất động địa vừa xả tàng”. Xả tàng thức thì chánh thọ hiện tiền, do được Như Lai tự giác làm giác gia trì, phát bi nguyện, nên hay chẳng thọ tam-muội môn lạc và trụ thật tế. Thật tế là chân như thật tế. Trụ nơi chân như thật tế thì thấy không Phật có thể thành, không chúng sanh đáng độ, nên chẳng trụ thật tế, y trí khởi dụng. Nên nói “tự giác thánh thú chẳng chung chỗ tu hành với Nhị thừa và các ngoại đạo”. Mười hiền thánh chủng tánh tức là thập địa chủng tánh. Nghĩa là từ thập địa cho đến Phật địa được ba thứ thân, lìa tam-muội viên mãn bồ-đề. Cho nên người muốn được thắng tiến phải khéo rành tên Như Lai tàng và thức tàng. Bởi vì Như Lai tàng và thức tàng một thể hai tên, mê ngộ khác vậy. Vì lẽ Như Lai tàng vốn tự không tánh, tánh không tánh ấy rất chân rất tịch. Tột chỗ chân tịch liền là vô minh, vô minh vô thủy bất giác vọng kiến, kiến vọng vốn là không, chẳng lìa bản tế. Nếu hay giác chỗ này thì an trụ tâm hải, lại không riêng có. Thân tức là pháp thân. Trí tức là Báo thân. Ý sanh tức là Hóa thân. Chuyển bát thức được tên Pháp thân, chuyển thất thức được tên Báo thân, chuyển đệ lục ý thức được tên Hóa thân. Trong khoảng sát-na ngộ mê đã chuyển nên nói “chỉ chuyển tên kia không có thật tánh”.

Đại Huệ! Nếu không thức tàng gọi là Như Lai tàng, ắt không sanh diệt. Đại Huệ! Song các phàm thánh thấy có sanh diệt. Người tu hành tự giác thánh thú hiện trụ pháp lạc, chẳng bỏ phương tiện. Đại Huệ! Như Lai tàng thức tàng này, tất cả Thanh văn, Duyên giác tâm tưởng thấy được, tuy tự tánh thanh tịnh mà bị khách trần che đậy vẫn thấy chẳng tịnh chẳng phải chư Như Lai. Đại Huệ! Như Lai ấy, cảnh giới hiện tiền, như trong lòng bàn tay xem trái a-ma-lặc.

Đây nói thấy Như Lai tàng là, trừ sạch hiện lưu tuy cũng chẳng bỏ phương tiện mà chẳng đồng với Nhị thừa. Mê Như Lai tàng mà làm thức tàng thì toàn thể là sanh diệt. Như thật biết thức tàng tức Như Lai tàng thì sanh diệt chóng lìa. Mà các phàm thánh thấy có sanh diệt, nên người tu hành thấy tự giác trí vẫn chẳng bỏ pháp lạc phương tiện. Nên nói “biết rõ sanh là tánh chẳng sanh, làm sao bị sanh diệt lưu chuyên?”. Như Lai do sức kia chưa đầy đủ nên có phương tiện. Phương tiện này chẳng phải nói Như Lai tự tánh vẫn có bất tịnh. Như Nhị thừa tâm tưởng thấy được, tuy biết tự tánh thanh tịnh mà do khách trần che đậy vẫn thấy bất tịnh, có được tam-muội pháp lạc đều thành thật pháp. Chẳng bằng người tự giác tu hành thấy rõ tự tánh, chỉ dùng phương tiện chóng trừ hiện lưu. Cho nên biết, thấy tánh không thể chẳng rõ. Nên Như Lai chính thấy cảnh giới hiện tiền chẳng phải một chẳng phải khác, như xem trái a-ma-lặc trong lòng bàn tay, lại không còn nghi ngại.

Đại Huệ! Ta nơi nghĩa này dùng thần lực dựng lập khiến phu nhân Thắng Man và chư Bồ-tát trí sáng đầy đủ v.v... tuyên dương diễn nói Như Lai tàng và tên thức tàng, thất thức chung sanh. Thanh văn chấp trước thấy nhân pháp vô ngã, cho nên phu nhân Thắng Man nương oai thần Phật, nói cảnh giới Như Lai chẳng phải cảnh giới Thanh văn, Duyên giác và ngoại đạo. Như Lai tàng và thức tàng chỉ là cảnh giới Phật và những Bồ-tát trí tuệ sắc bén y nơi nghĩa. Thế nên, ông và các vị đại Bồ-tát đối với Như Lai tàng thức tàng phải siêng tu học, chớ có chỉ nghe hiểu khởi tưởng biết đủ.

Như Lai tàng tên thức tàng cùng thất thức chung, đây chẳng phải cảnh giới Nhị thừa. Bởi vì Nhị thừa chẳng tin thức thứ tám tức Như Lai tàng. Cho nên đối với ngã thấy vô ngã, thường thấy vô thường, ấy là tướng đảo. Vì trừ cái tướng này nên nói thức tàng tức Như Lai tàng, khiến biết tâm ý thức đều không tự tánh, thấy pháp vô ngã, được cái chân ngã, đây là cảnh giới chư Phật. Trừ phu nhân Thắng Man và những vị Bồ-tát trí bén, không có người hay biết được, cho nên Phật răn Bồ-tát chớ khởi tưởng biết đủ.

- TỔNG TỤNG

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Như Lai tàng sâu kín	Mà cùng thất thức chung
Hai thứ nhiếp thọ sanh	Người trí ắt xa lìa.
Như gương tượng hiện tâm	Tập khí vô thủy huân

Người như thật quán sát	Các sự thấy vô sự
Như ngu thấy chỉ trắng	Xem tay chẳng thấy trắng
Người chấp trước danh tự	Chẳng thấy ngã chân thật.
Tâm là con hát giỏi	Ý như đánh đàn hay
Năm thức là bè bạn	Vọng tưởng, chúng xem hát.

Kệ nói Như Lai tàng sâu kín mà lược nói thức tàng. Nghĩa là tức thức tức tánh, chân như vô minh an trụ sâu kín. Tuy có thất tức ngã vọng thấy tự tha, như gương không tâm mà hiện các hình tượng, dụ vô minh vọng tập tùy duyên chóng hiện, như thật mà quán trọn không việc ấy. Người trí liễu đạt đương thể xa lìa, kẻ ngu xem ngón tay chẳng thấy chân thật, đây là lý do phân mê giác vậy. Bát thức không tánh thọ huân tùy duyên biến hiện, nên như con hát, thất ý nhân trong, duyên ngoài nên như người đánh đàn, năm thức góp trần nên như bạn bè, lục thức phân biệt như chúng xem hát. Thấy do vọng hiện chẳng phải có sự thật.

G - CHỈ TÁM THỨC NĂM PHÁP BA TỰ TÁNH HAI VÔ NGÃ CỨU KÍNH ĐẠI THỪA THÀNH ĐỆ NHẤT NGHĨA.

1- CHỈ NĂM PHÁP CHUYỂN BIẾN.

- BÀY TƯỚNG NĂM PHÁP.

Khi ấy Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Cúi xin vì nói tướng năm pháp, tự tánh thức, hai thứ vô ngã, phân biệt cùng tột, con và các đại Bồ-tát khác đối tất cả địa thứ lớp tương tục, phân biệt pháp này vào tất cả Phật pháp, vào tất cả Phật pháp cho đến Như Lai tự giác địa. Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó. Đại Huệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Năm pháp, tự tánh thức, hai thứ vô ngã phân biệt rõ tướng, nghĩa là Danh, tướng, vọng tưởng, chánh trí, như như. Nếu người tu hành tu vào Như Lai tự giác thánh thú, lìa kiến chấp đoạn thường có không v.v... Hiện pháp lạc chánh thọ trụ hiện ở trước. Đại Huệ! Chẳng giác năm pháp, tự tánh thức, hai vô ngã, tự tâm hiện ngoại tánh, là phạm phu vọng tưởng chẳng phải chư hiền thánh.

Đây hỏi năm pháp tự tánh thức hai vô ngã cứu kính sai biệt. Hỏi chung bốn thứ, đáp riêng bày năm pháp, trên tuy mỗi pháp rành rõ, mà ý thì ba thứ đều vào năm pháp. Giác danh, tướng, vọng tưởng không có tự tánh, liền hay phát minh chánh trí, chúng được như như. Người tu hành này bởi vào tự giác thánh thú chẳng thấy ngoài tâm có

pháp, liền khi ấy xa lìa các kiến chấp đoạn thường có không, hiện pháp lạc trụ, là cảnh giới thánh hiền, chẳng phải phàm ngu có phần. Nghĩa là phàm ngu không tự giác thánh thú, cho nên chẳng giác năm pháp tự tánh thức hai vô ngã thấy duy tâm lượng, mà ở ngoài tâm riêng thấy pháp tướng, tuy chánh trí, như như đều là vọng hiện.

- CHỈ DANH TƯỚNG THẤY DO VỌNG TƯỚNG.

Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Thế nào ngu phu vọng tưởng sanh, chẳng phải chư thánh hiền? Phật bảo Đại Huệ: Ngu phu chấp trước tục số danh tướng, tùy tâm trôi giạt. Trôi giạt rồi các thứ tướng mạo, rơi vào kiến chấp ngã ngã sở hy vọng. Chấp trước sắc đẹp, chấp trước rồi không biết che ngại nên sanh nhiễm trước. Nhiễm trước rồi, tham sân si sanh nghiệp chứa nhóm. Chứa nhóm rồi vọng tưởng tự trói, như tầm làm kén, rơi trong biển sanh tử, đồng hoang các cõi, như bánh xe nước. Bởi vì ngu si không thể biết tự tánh như huyễn, sóng nắng, trăng đáy nước, lìa ngã ngã sở, khởi tất cả vọng tưởng chẳng thật, lìa năng tướng sở tướng và sanh trụ diệt, từ tự tâm vọng tưởng sanh, chẳng phải tự tại, thời tiết, vi trần, thắng diệu sanh. Phàm phu ngu si theo danh tướng trôi.

Tất cả danh tướng từ vọng tưởng sanh chẳng phải có nhân khác, để rõ ngoại đạo chấp nhân khác đều do chẳng đạt danh tướng không có tự tánh, chính nơi ấy vô sanh. Tất cả thế gian nhân danh sanh tướng, tướng sanh vọng tưởng, vọng tưởng không biết theo tướng nhiễm trước, khởi tham sân si, kết các nghiệp trói buộc như tầm làm kén lưu chuyển sanh tử như bánh xe nước. Chẳng biết tất cả danh tướng đều không tự tánh, như sóng nắng, trăng đáy nước, không ngã ngã sở, chỉ do vọng tưởng chẳng thật lập bày, chẳng phải có nhân khác. Nói có nhân khác như tự tại, thời tiết v.v... Thấy do phàm phu ngu si chẳng đạt danh tướng theo danh tướng mà lưu chuyển.

- CHUYỂN VỌNG TƯỚNG TỨC TRÍ, NHƯ.

Đại Huệ! Tướng kia là, chỗ soi của nhãn thức gọi là sắc, chỗ soi của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, ý thức gọi là thanh, hương, vị, xúc, pháp, ấy gọi là tướng. Đại Huệ! Vọng tưởng kia lập bày các danh, hiển hiện các tướng. Như đây chẳng khác tên voi ngựa xe bộ hành nam nữ v.v..., ấy gọi là vọng tưởng. Đại Huệ! Chánh trí là, biết danh tướng kia không thể được, ví như khách đi qua, các thức chẳng sanh, chẳng đoạn chẳng thường chẳng rơi vào chỗ tất cả ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác.

Đây lại chỉ rõ vọng tưởng lập bày, khiến đạt danh tướng chẳng thật liền chuyển vọng tưởng mà làm chánh trí. Do chỗ soi của căn thức khởi ra các tướng sắc v.v... Lại do vọng tưởng phân biệt lập bày các danh, các tướng càng bày. Nếu chính các thức chiếu soi chưa đầy phân biệt thì không có chỗ hiển bày. Nơi đây tỏ ngộ mới biết tất cả danh tướng trọn không thể được. Và lại chính vọng tưởng hiển bày danh tướng, mà làm chánh trí liễu đạt danh tướng, không có thể khác, mà có dụng khác, nên nói “có phiền não thì không trí tuệ, có trí tuệ tức không phiền não”. Chánh trí hiện tiền thì phân biệt chẳng sanh, chẳng phải thường chẳng phải đoạn. Đây không phải cảnh giới của nhị thừa, hướng là ngoại đạo?

Lại nữa, Đại Huệ! Đại Bồ-tát do chánh trí này chẳng lập danh tướng, chẳng phải không lập danh tướng, bỏ lìa hai kiến chấp dựng lập (có) và phi báng (không), biết danh tướng chẳng sanh, ấy gọi là như như. Đại Huệ! Đại Bồ-tát trụ như như ấy được cảnh giới không thật có, nên được Bồ-tát Hoan hỷ địa. Được Bồ-tát Hoan hỷ địa rồi, hằng lìa tất cả cõi ác ngoại đạo, chính trụ chỗ xuất thế gian, pháp tướng thành thực, phân biệt tất cả pháp huyễn v.v... tự giác pháp thú tướng rành rõ, lìa các vọng tưởng, thấy tánh tướng khác, thứ lớp đến Pháp vân địa (thập địa). Ở trong khoảng giữa đó do sức tam-muội tự tại, thần thông mở tròn, được Như Lai địa rồi, các thứ biến hóa tròn chiếu thị hiện thành thực chúng sanh, như trăng đáy nước, khéo cùng tốt đầy đủ mười câu vô tận, vì các thứ ý hiểu của chúng sanh phân biệt nói pháp, pháp thân lìa ý làm ra, ấy gọi là Bồ-tát nhập như như mà được.

Đây tức danh tướng mà được như như. Chẳng lập danh tướng, chẳng phải không lập danh tướng, lìa kiến chấp có không, chính được pháp thể. Cho nên tức nơi danh tướng mà được như như. Pháp vị như như tức là cảnh giới không thật có Hoan hỷ địa. Đến địa này rồi hằng lìa tất cả ác kiến gọi là xuất thế gian. Do đó chân như pháp tướng thứ lớp thành thực. Tức là hay thuận pháp như huyễn dùng trí tự giác khởi các pháp hạnh. Lìa vọng tưởng đã thấy các pháp tướng khác, nghĩa là tất cả pháp chân như thật tướng không có một khác, thấy một khác là vọng tưởng vậy. Bồ-tát tức vọng tức chân nên hay dùng tướng không tướng dựng lập các địa, tùy sức tam-muội thần thông tự tại cứu kính Phật địa, biến hóa chiếu diệu đối hiện sắc thân như trăng đáy nước, đầy đủ mười câu vô tận, vì các chúng sanh phân biệt diễn nói, đây gọi là pháp thân lìa ý tạo ra, nhập vận như như.

2- CHỈ TẮT CẢ PHÁP THẢY VÀO NĂM PHÁP.

- CHỈ BA TỰ TÁNH VÀO NĂM PHÁP.

Bồ-tát Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Tại sao Thế Tôn nói ba thứ tự tánh vào năm pháp, là mỗi cái có tự tánh riêng? Phật bảo Đại Huệ: Ba thứ tự tánh và tám thức, hai thứ vô ngã thấy vào năm pháp. Đại Huệ! Danh và tướng kia là vọng tưởng tự tánh. Đại Huệ! Nếu y vọng tưởng kia sanh tâm và tâm pháp (tâm sở), gọi đồng thời sanh, như mặt nhật và ánh sáng đồng, các thứ tướng mỗi thứ riêng phân biệt gìn giữ, ấy gọi là duyên khởi tự tánh. Đại Huệ! Chánh trí, như như vì không thể hoại nên gọi là thành tự tánh.

Đây nói ba thứ tự tánh, tám thức, hai thứ vô ngã thấy vào năm pháp. Và lại trước nói ba tự tánh vào năm pháp. Danh tướng không tánh, vọng chấp mà thành, cho nên nhiếp danh tướng thấy là Biến kế chấp. Y danh tướng vọng chấp mà khởi phân biệt, tâm tâm sở pháp một lúc chóng hiện không có trước sau, như mặt nhật và ánh sáng, gọi là Duyên khởi tánh. Nếu đạt vọng chấp danh tướng vốn không tự tánh, tâm tâm sở pháp liền đó tiêu sạch, tiêu sạch tâm theo tướng thì trí chiếu sáng ngời, liễu đạt tướng không tánh, chân như hiển bày, nên gọi là Viên thành thật tánh.

- CHỈ TÁM THỨC HAI VÔ NGÃ VÀO NĂM PHÁP.

Lại nữa, Đại Huệ! Tự tâm hiện vọng tưởng có tám thứ phân biệt. Nghĩa là tướng thức tàng, ý, ý thức và năm thức thân, tướng chẳng thật vì vọng tưởng. Ngã và ngã sở hai cái nhiếp thọ diệt thì hai vô ngã sanh. Thế nên, Đại Huệ! Năm pháp này Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Như Lai tự giác thánh trí, các địa tương tục thứ lớp, tất cả Phật pháp thấy vào trong ấy.

Đây nói tám thức hai vô ngã vào năm pháp. Chẳng giác tự tâm hiện ra, tám thức thức tướng một lúc chóng sanh, mỗi cái có tự loại lập bày vọng tưởng, năng vọng sở vọng, nhân pháp rõ ràng. Nếu giác tự tâm hiện ra thì kiến phần, tướng phần như băng tiêu dung, liền chuyển tâm, ý, ý thức mà làm tứ trí, năng thủ sở thủ không, trí và tịch lẫn nhau hiển hiện. Cho nên, Nhị thừa, Bồ-tát, Như Lai đã có trí địa tự giác thấy vào năm pháp.

- CHỈ TẮT CẢ PHẬT PHÁP VÀO NĂM PHÁP.

Lại nữa, Đại Huệ! Năm pháp là tướng, danh, vọng tưởng, như như, chánh trí. Đại Huệ! tướng là nêu ở chỗ hình tướng sắc tượng v.v... hiện, ấy gọi là tướng. Nếu kia có tướng như thế gọi là bình v.v... Tức cái này không phải cái khác, ấy nói là danh. Lập bày

các danh, hiển hiện các tướng bình v.v... Nơi tâm tâm pháp, ấy gọi là vọng tưởng. Danh kia tướng kia cứu kính không thể được, trước sau không giác, nơi các pháp không triển chuyển, lìa vọng tưởng chẳng thật, ấy gọi là như như. Chân thật quyết định cứu kính tự tánh không thể được, kia là như tướng, ta tức chư Phật tùy thuận nhập xứ, khắp vì chúng sanh như thật diễn nói lập bày hiển thị, nơi kia tùy nhập chánh giác chẳng đoạn chẳng thường, vọng tưởng chẳng khởi, tùy thuận tướng tự giác thánh thú, mà tất cả ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác không đạt được, ấy gọi là chánh trí. Đại Huệ! Ấy gọi là năm pháp, ba thứ tự tánh, tám thức, hai thứ vô ngã, tất cả Phật pháp thấy vào trong ấy. Thế nên, Đại Huệ! Phải tự phương tiện học, cũng dạy người khác, chớ theo nơi nào.

Đây nói tất cả Phật pháp đều vào năm pháp. Giải thích lại năm pháp, chỉ người tùy thuận chánh trí, như như. Thứ lớp chứng được nên gọi là phương tiện. Xét nói, nhân tướng được danh, theo danh hiển tướng, lập bày vọng tưởng, thấy hiển tất cả danh tướng đều không thể được. Trước sau không giác, đối trong các pháp không có triển chuyển, chỉ lìa vọng tưởng tức là như như. Đây là tất cả pháp tự tướng chân như, thập địa Bồ-tát chỗ chứng có cạn sâu, chẳng phải hàng nhị thừa, nên nói “ta và chư Phật tùy thuận nhập xứ”. Vô phân biệt trí duyên chân như cảnh nếu duyên các duyên khác thuộc về hậu đắc trí. Song hai trí, thể một mà dụng khác, liễu tục cũng do chứng chân, nên hai trí đều do chân như bày hiện. Tùy thuận hai trí đã chứng chân như được vào chánh giác, đến chỗ cứu kính phi thường phi đoạn, hiện tha thọ dụng thân độ và biến hóa thân độ, như thật diễn nói, phá các lưới nghi, nên nói “tất cả Phật pháp thấy vào năm pháp, do tự chứng biết chẳng từ nơi khác được”.

- TỔNG TỤNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Năm pháp ba tự tánh

Hai thứ không có ngã

Danh tướng hư vọng tưởng

Tự tánh hai thứ tướng

Chánh trí và như như

Và cùng tám thức thức

Thấy nhiếp thuộc Đại thừa

Ấy tức là thành tướng.

Ấy tức là thành tướng.

Kệ tụng năm pháp, tự tánh, tám thức, vô ngã thủy nhiếp Đại thừa. Đại thừa là tự tâm hiện lượng. Mê tự tâm lượng thì danh tướng lăng xăng, trí như lẩn hiển, y tha cho là riêng có, kế chấp ắt đọa viên thành. Muốn phá vô minh của tám thức thì sở tri của hai cái ngã phải tiêu dung, đến nơi giác còn khởi quán gì? Mộng qua sông nhớ lại lặn chìm, phải tự dứt bật vậy.

H- CHỈ PHÁP THÂN BA ĐỜI NHƯ LAI QUÁ CHỖ NGHĨ NGỢI CỦA THẾ GIAN, CHẴNG PHẢI NGHĨA SÁT-NA, TRƯỚC SAU KHÔNG LỖI THANH TỊNH VÔ LẬU.

1- CHỈ PHÁP THÂN TỰ THÔNG QUÁ CHỖ NGHĨ NGỢI CỦA THẾ GIAN.

- THƯA THỈNH VỀ CHƯ PHẬT CÓ HẰNG SA DIỆU NGHĨA.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Như Thế Tôn đã nói “Quá khứ chư Phật như hằng hà sa, vị lai hiện tại cũng lại như thế”. Thế nào Thế Tôn là như nói mà tín thọ hay lại có nghĩa khác? cúi xin Như Lai thương xót giải nói.

Cảnh giới chư Phật bất khả tư nghì, cảnh giới Phật trí bất khả tư nghì, cảnh giới chúng sanh bất khả tư nghì, cảnh giới vọng tưởng bất khả tư nghì, bất khả tư nghì này đồng pháp giới tánh, không thiếu không dư, chẳng ra chẳng vào, không thể chỉ bày, cũng chẳng phải không nói. Đây nhân dụ hằng hà sa Phật riêng hiển nghĩa này. Trừ vì chúng sanh phương tiện dẫn thí dụ, nơi câu vô nghĩa để thông chân thật thì chẳng phải nhất thiết trí đâu hay dự vào đây.

- CHỈ CHƯ PHẬT TỰ THÔNG QUÁ CHỖ NGHĨ THẾ GIAN, KHÔNG THỂ NÓI THÍ DỤ.

Phật bảo Đại Huệ: Chớ như nói mà tín thọ, số lượng chư Phật ba đời chẳng phải như hằng hà sa. Vì có sao? Vì quá chỗ nghĩ của thế gian, chẳng phải thí dụ và sở thí dụ, do phàm ngu chấp thường, ngoại đạo vọng tưởng nuôi lớn ác kiến sanh tử không cùng, muốn khiến nhàm lìa vòng sanh tử, chuyên cần thắng tiến, nên vì họ nói chư Phật dễ thấy, chẳng phải như hoa Ưu-đàm-bát khó được thấy. Dứt phương tiện cầu, có khi lại xem các người thọ hóa khởi nói thế này, Phật khó được gặp như hoa Ưu-đàm-bát. Hoa Ưu-đàm-

bát không ai đã thấy, hiện thấy, sẽ thấy. Như Lai thế gian thấy thấy, vì chẳng do kiến lập tự thông nói rằng Như Lai ra đời như hoa Ưu-đàm-bát. Đại Huệ! Tự kiến lập tự thông quá chỗ nghĩ của thế gian, các phàm ngu kia không thể tin. Cảnh giới tự giác thánh trí, không cùng cái gì thí dụ được. Chân thật Như Lai quá tướng tâm ý ý thức được thấy, không thể làm thí dụ. Đại Huệ! Song ta nói thí dụ Phật như hăng hà sa không có lỗi lầm.

Số lượng ba đời chư Phật chẳng phải như hăng hà sa, quá chỗ nghĩ của thế gian, chẳng phải thí và sở thí, đây là Như Lai chân ngữ như ngữ vô thượng, diệu đế, chỉ chứng tự biết. Song do chúng sanh hy vọng, vì đoạt cái hư vọng kia quyền chỉ chân thật, bảo có chư Phật chẳng phải như Ưu-đàm, hoặc nói như hoa Ưu-đàm để chỉ khó gặp, mà chẳng phải để kiến lập tự thông. Cảnh giới tự thông chẳng phải tướng có thể thấy, chẳng phải tướng chẳng thấy. Hành xứ chân thật của Như Lai quá tất cả kiến tướng của tâm ý ý thức, không thể ví dụ. Lại nói “song ta nói thí dụ Phật như hăng hà sa cũng không có lỗi lầm”, là thánh trí bên cạnh tự thông tùy nói mà chỉ bày, chẳng phải chỗ hay thấy của Nhị thừa và Bồ-tát thủy giáo. Văn sau rộng chỉ nghĩa này, duy phải tỏ ngộ.

- DỤ NHƯ LAI PHÁP THÂN BẢN TỊCH.

Đại Huệ! Thí như cát sông Hằng tất cả cá, trạch, thân thu, ma-ha, sư tử, voi, ngựa, người, thú dẫm đạp, cát chẳng nghĩ rằng kia não loạn ta mà sanh vọng tưởng, tự tánh thanh tịnh không các nhớ nhớt. Như Lai ứng cúng đấng chánh giác tự giác thánh trí là sông Hằng, đại lực thần thông tự tại v.v... là cát. Tất cả ngoại đạo các người thú v.v... tất cả não loạn, Như Lai chẳng nghĩ mà sanh vọng tưởng. Như Lai lặng lẽ không có niệm tưởng. Như Lai bản nguyện lấy cái vui tam-muội vì an chúng sanh, không có não loạn, ví như cát sông Hằng đồng không có khác, lại vì đoạt tham sân.

Về sau đều tức nơi hăng hà sa nói rộng nghĩa Phật, mà đây lại dụ Như Lai pháp thân bản tịch. Như Lai tự giác thánh trí có hăng hà sa đại lực, thần thông tự tại, bị tất cả ngoại đạo, người, thú não loạn mà tánh giác cát thể vẫn tịch, không có niệm tưởng. Chỉ dùng bản nguyện an lạc quần sanh, khiến họ tự giác không có tham sân. Thế mới biết, tất cả chúng sanh tự ở trong cũng có giác cát, mà từ vô thủy đến nay bị các tà kiến người thú dẫm đạp trọn không chán lia, lặng lẽ đến nay không thêm không bớt. Chỉ dùng chân như bản nguyện an lạc tất cả chúng sanh niệm niệm khởi diệt, khiến trụ pháp vị không có não loạn.

Ví như cát sông Hằng là vì đoạn tham sân, mà tất cả chúng sanh không tự giác biết, thấy là Như Lai chư Phật như cát sông Hằng kia.

- DỤ PHÁP THÂN CHẰNG DIỆT.

Thí như cát sông Hằng là tự tánh của đất này, khi kiếp tận lửa cháy, cháy tất cả đất, mà địa đại kia chẳng bỏ tự tánh, vì cùng hỏa đại đồng sanh. Còn ngoài ra kẻ ngu khởi tưởng đất bị cháy, mà đất chẳng bị cháy, vì là nhân của lửa. Như thế, Đại Huệ! Như Lai pháp thân như cát sông Hằng chẳng hoại.

Đây dụ Như Lai pháp thân thường trụ chẳng diệt, thí như cát sông Hằng, đồng với cái kiên cố này là tự tánh đất, cùng hỏa đại đồng sanh. Lửa nhân đất mà được tánh cháy, đất nhân lửa mà được lý sanh, đều không có nghĩa cháy hết.

- DỤ PHÁP THÂN KHẮP TẤT CẢ CHỖ KHÔNG CÓ CHỌN LỰA.

Đại Huệ! Thí như cát sông Hằng không có hạn lượng, Như Lai quang minh cũng lại như thế, không có hạn lượng, vì thành thực chúng sanh khắp soi tất cả chư Phật đại chúng. Đại Huệ! Thí như cát sông Hằng riêng cầu cát khác hàng không thể được. Như thế, Đại Huệ! Như Lai ứng cúng đấng chánh giác không sanh tử sanh diệt, vì có nhân duyên đoạn vậy.

Đây dụ Như Lai pháp thân khắp tất cả chỗ không có lựa chọn. Tự tâm hiện lượng khắp giáp sa giới, tất cả tiếng là tiếng Phật, tất cả sắc là sắc Phật, nên nói “không có cát khác”. Có nhân duyên đoạn là, lại phòng lỗi tự nhiên. Như Lai đã chỉ cho người lấy sự nhứt dụng hòng nhiên, không phải chẳng quấy mà lại hiển chỉ thú vô cấu thanh tịnh, có nói lẫn nhau phát minh.

- DỤ PHÁP THÂN ĐỐI HIỆN KHÔNG CÓ TĂNG GIẢM.

Đại Huệ! Thí như cát sông Hằng thêm bớt không thể biết. Như thế, Đại Huệ! Như Lai trí tuệ thành thực cho chúng sanh chẳng thêm chẳng bớt, vì chẳng phải thân pháp. Thân pháp là có hoại. Như Lai pháp thân chẳng phải thân pháp.

Đây dụ pháp thân ứng hiện không có thêm bớt. Chúng sanh duyên thành thực tức thấy Như Lai thành đấng chánh giác, nói pháp độ sanh, vào Niết-bàn, mà Như Lai pháp thân vốn không đi, lại, cũng không có tâm hiện. Có đi có lại ấy là thân pháp, mà Như Lai chẳng phải là thân pháp, không thể phá hoại. Nên nói “tùy duyên phó cảm đâu chẳng khắp, mà thường ngồi tòa bồ-đề này”.

- DỤ NHƯ LAI BI NGUYỆN ĐỒNG VỚI PHÁP GIỚI.

Như ép cát sông Hằng không thể được dầu. Như thế, tất cả chúng sanh tốt khổ ép ngặt Như Lai. Cho đến chúng sanh chưa được Niết-bàn, chẳng bỏ pháp giới, tự tam-muội nguyện lạc vì do đại bi.

Đây dụ Như Lai bi nguyện đồng với pháp giới. Dầu sánh Như Lai tâm niệm mỗi chấn. Như Lai dùng mười câu vô tận, thành tựu chúng sanh khổ tốt ép ngặt, không có chán bỏ, do đại bi làm thành.

- DỤ NHƯ LAI PHÁP THÂN TÙY THUẬN NIẾT BÀN.

Đại Huệ! Thí như cát sông Hằng theo nước mà trôi, chẳng phải không nước. Như thế, Đại Huệ! Như Lai nói ra tất cả các pháp theo dòng Niết-bàn. Thế nên nói như cát sông Hằng. Như Lai chẳng theo các dòng (khứ) di chuyển, vì đi là nghĩa hoại. Đại Huệ! Sanh tử bản tế không thể biết, vì không biết làm sao nói đi? Đại Huệ! Đi đó là nghĩa đoạn mà kẻ ngu chẳng biết.

Đây dụ Như Lai pháp thân tùy thuận Niết-bàn. Nếu chẳng tùy thuận là bị dòng sanh tử chuyển, thành nghĩa đoạn diệt. Sanh tử bản tế tức là Niết-bàn bản tế, do chẳng biết thì chẳng tùy thuận, khởi tưởng đi là hoại. Đi là nghĩa đoạn, mà Như Lai pháp thân chẳng đoạn.

- CHỈ SANH TỬ GIẢI THOÁT BẢN TẾ VÔ BIÊN.

Đại Huệ bạch Phật: Thế Tôn! Nếu chúng sanh sanh tử bản tế không thể biết, làm sao giải thoát có thể biết? Phật bảo Đại Huệ: Nhân tập khí vọng tưởng lỗi ác hư ngụy từ vô thủy diệt, tự tâm hiện biết nghĩa bên ngoài, vọng tưởng thân chuyển mà giải thoát chẳng diệt. Thế nên vô biên chẳng phải hoàn toàn không có. Vì vọng tưởng kia khởi vô biên v.v... tên khác. Quán sát trong ngoài lìa nơi vọng tưởng, không có chúng sanh khác, trí và sở tri tất cả các pháp thấy đều tịch tĩnh. Chẳng biết tự tâm hiện vọng tưởng nên vọng tưởng sanh, nếu biết thì diệt.

Sanh tử bản tế tức Niết-bàn bản tế, do chẳng biết tùy thuận khởi ra vọng kiến thì sanh tử tướng khác, Niết-bàn tướng khác, thành lỗi tập khí. Nếu biết tự tâm hiện ra, sanh tử Niết-bàn vốn không hai mé. Tức nhân vọng tập diệt thì thấy các pháp bên ngoài không có tự tánh, bèn hay chuyển vọng tưởng thân tùy thuận sanh tử, gọi là giải thoát mà chẳng phải đoạn diệt. Cho nên nói “vô biên, chẳng phải trọn không bản tế”. Chỉ do chẳng biết

bản tế vọng thấy sanh tử Niết-bàn, khởi tướng hữu biên. Vì vọng tưởng kia nói là vô biên, bởi khiến quán sát trong ngoài, chỉ trừ vọng tưởng lại không có danh tự chúng sanh, trí và sở tri tất cả các pháp thấy đều tịch tĩnh. Cho nên biết, chúng sanh sanh tử đều do vọng tưởng, chẳng biết tự tâm hiện thì vọng tưởng sanh, biết tự tâm hiện thì vọng tưởng diệt. Diệt thì bản tế tùy thuận, sanh tử Niết-bàn đều như mộng huyễn.

- TỔNG TỤNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Quán sát các đạo sư	Ví như cát sông Hằng
Chẳng hoại cũng chẳng đi	Cũng lại chẳng cứu kính.
Ấy tức là bình đẳng	Quán sát chư Như Lai
Ví như cát sông Hằng v.v...	Thấy lia tất cả lỗi.
Theo dòng mà tánh thường	Ấy là Phật chánh giác.

Như Lai pháp thân chẳng phải hoại chẳng phải đi. Nếu lại có cứu kính thì Niết-bàn sanh tử là hai chẳng phải bình đẳng. Nếu chẳng phải bình đẳng thì thuộc tác nhân. Tác thì vô thường có nhiều lỗi lầm. Cho nên biết chỉ trừ vọng tưởng tác nhân thì theo dòng được tánh, liền thấy cảnh giới Như Lai tự giác, đồng với mé sanh tử tịch tĩnh thường trụ. Đây là Như Lai nhân dụ cát sông Hằng mà kiến lập tự thông, lia lỗi ngôn thuyết. Tuy có nói thí dụ mà cứu kính bất khả tư nghì.

2- CHỈ PHÁP THÂN VÔ LẬU, CHẴNG PHẢI NGHĨA SÁT-NA.

- CHỈ CÁC PHÁP SÁT-NA

+ SẮP CHỈ SÁT-NA PHI NGHĨA SÁT-NA, TRƯỚC BÀY CÁC PHÁP.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Cúi xin vì nói tướng hoại của tất cả các pháp sát-na? Thế Tôn! Thế nào tất cả pháp sát-na? Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông nói. Phật bảo Đại Huệ: Tất cả pháp ấy, nghĩa là lành, chẳng lành, vô ký, hữu vi, vô vi, thế gian, xuất thế gian, có tội, không tội, hữu lậu, vô lậu, thọ, chẳng thọ.

Hỏi nghĩa sát-na để bày nghĩa phi sát-na. Niệm niệm không dừng gọi là sát-na, cũng gọi là tướng hoại, cũng gọi là tướng không. Tất cả pháp sát-na là, tất cả pháp trong ngoài do tự tâm hiện ra niệm niệm không dừng. Bởi không biết tự tâm là nghĩa phi sát-na, chỉ thấy cảnh hiện ra niệm niệm sanh diệt sát-na chẳng dừng, mà lầm cho là pháp vô vi

đều đồng với diệt hết, rồi khởi ra đoạn kiến. Chẳng biết tất cả pháp sát-na có cái phi sát-na, chỗ này không phải Nhị thừa thấu được. Hỏi đáp nêu ra thấy đều để rõ ý chỉ này. Trước bày tất cả pháp, đợi sau mới hiển minh.

Đại Huệ! lược nói tâm ý ý thức và tập khí, ấy là nhân năm thọ ấm, tâm ý ý thức tập khí ấy nuôi lớn, phạm ngu lành chẳng lành vọng tưởng.

Lược nói pháp năm ấm, bởi tất cả pháp đều từ năm ấm sanh khởi. Pháp năm ấm lại lấy tâm ý ý thức, tập khí làm nhân mà được nuôi lớn. Phạm ngu lành chẳng lành vọng tưởng là, tam giới, lục phạm, hữu lậu vọng tưởng là nghĩa sát-na.

Đại Huệ! Tu tam-muội lạc, tam-muội chánh thọ, hiện pháp lạc trụ gọi là Hiền Thánh thiện vô lậu.

Nhân tướng vô lậu của thánh hiền trong tam thừa là phi sát-na. Do tu tam-muội được pháp lạc trụ hiện bày ra, sau mới phát minh.

+ CHỈ NGHĨA SÁT-NA.

Đại Huệ! Lành chẳng lành là, tám thức. Những gì là tám? Nghĩa là Như Lai tàng tên tàng thức, tâm ý ý thức và năm thức thân, chẳng phải chỗ ngoại đạo nói. Đại Huệ! Năm thức thân cùng tâm ý ý thức chung. Tướng lành chẳng lành lần lượt biến hoại. Về tương tục lưu chú chẳng hoại thân sanh, cũng sanh cũng diệt. Chẳng giác tự tâm hiện, thứ lớp diệt, các thức khác sanh. Hình tướng sai biệt nhiếp thọ ý thức cùng năm thức chung tương ưng sanh. Thời gian sát-na chẳng dùng gọi là sát-na.

Đây chỉ cho tâm thức hữu lậu lành và chẳng lành vốn có thân chẳng hoại, mà làm theo sanh diệt. Cho nên tức nơi sát-na để hiển bày nghĩa phi sát-na. Như Lai tàng tên tàng thức chẳng phải chỗ ngoại đạo nói, nghĩa là ngoại đạo chẳng biết tàng thức tức Như Lai tàng. Cho nên chính năm thức nương tâm ý ý thức khi khởi ra tướng lành chẳng lành lần lượt biến hoại. Cái tương tục lưu chú kia chẳng hoại, mà cũng theo các thức cùng thân chung sanh cùng thân chung diệt. Do gốc bất giác tự tâm hiện lượng, đối với cái trong thứ lớp diệt hiện ra không thể an trụ, liền có các thức khác theo chỗ tập nặng của đời trước khởi các hình tướng. Lại dẫn ý thức và năm thức căn cùng tâm sở tương ưng thành nghĩa sát-na. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Một là căn bản sanh tử từ vô thủy, tức là hiện nay ông cùng các chúng sanh dùng tâm phan duyên làm tự tánh. Hai là thể thanh tịnh bồ-đề Niết-bàn từ vô thủy, tức là hiện nay thức tinh nguyên minh của ông hay sanh các duyên,

duyên bỏ sót nó. Do các chúng sanh bỏ sót cái bản minh này, tuy trọn ngày làm mà chẳng tự giác, uổng vào các thú”. Đây là tương tục chẳng hoại do gốc bất giác làm theo sanh diệt. Đâu chẳng phải hay sanh các duyên, rồi duyên bỏ sót uổng vào các thú, thật đáng buồn thay!

- CHỈ TẬP KHÍ VÔ LẬU CHẲNG PHẢI NGHĨA SÁT-NA.

+ CHỈ SÁT-NA CHẲNG PHẢI NGHĨA SÁT-NA.

Đại Huệ! sát-na ấy gọi thức tàng Như Lai tàng thức cùng ý chung sanh là tập khí sát-na, còn tập khí vô lậu chẳng phải nghĩa sát-na, chẳng phải chỗ giác của phàm ngu. Vì chấp trước sát-na luận nên chẳng giác tất cả pháp sát-na phi sát-na, rồi khởi đoạn kiến hoại pháp vô vi.

Đây chính hiển bày nghĩa sát-na phi sát-na. Mê Như Lai tàng mà làm tàng thức liền có thức cùng ý chung sanh, thành ra tập khí, đây là nghĩa sát-na. Nếu đạt được thức cùng ý chung sanh nhân mê mà có, vốn không tự tánh, tức là chuyển thức tàng làm Như Lai tàng. Đây là tập khí vô lậu chẳng phải nghĩa sát-na, chẳng phải chỗ giác của phàm ngu. Bởi vì phàm ngu chỉ giác tất cả pháp sát-na, mà không biết tất cả pháp sát-na có phi sát-na, luồng khởi đoạn kiến phá hoại pháp vô vi. Cho nên biết, tất cả chúng sanh chẳng giác chẳng biết, làm theo sanh diệt. Đây là lý do Như Lai dùng vô gián tất-đàn (bồ thí không ngừng) vậy.

+ CHỈ NHƯ LAI TÀNG CHẲNG PHẢI NGHĨA SÁT-NA.

Đại Huệ! Thất thức chẳng lưu chuyển, chẳng chịu khổ vui, chẳng phải nhân Niết-bàn. Đại Huệ! Như Lai tàng chịu khổ vui cùng nhân chung hoặc sanh hoặc diệt. Bị tứ trụ địa và vô minh trụ địa làm say, phàm ngu bất giác chấp sát-na nên vọng tưởng huân tâm.

Thất thức do bất giác vọng khởi kiến phần gồm làm tự thể. Vọng thể vốn là đối nên chẳng phải nhân Niết-bàn. Như Lai tàng ở trong vị mê, vọng chịu khổ vui mà cùng nhân tướng Niết-bàn hòa hợp, tuy chung với các thọ sanh diệt mà nhân tướng chẳng diệt, bởi có ngũ trụ địa làm say mê, mà phàm ngu bất giác khởi chấp sát-na. Chẳng lưu chuyển là, thất thức y bát thức niệm niệm huân tập dường như có thật ngã, mà sát-na chẳng dừng. Đến lúc chết giác chỉ còn bát thức, nên nói chẳng lưu chuyển. Chưa đến lúc chết giác thường có sức chúc khổ vui, mà biết khổ biết vui chẳng phải nó thọ nhận, nên

nói chẳng chịu khổ vui. Vọng thấy sanh diệt sát-na chẳng dừng là trước sau bất giác vậy. Tứ trụ thuộc về phàm phu, vô minh trụ thuộc Nhị thừa, giải thích ở quyển trước.

Lại nữa, Đại Huệ! Như kim cương, xá-lợi Phật được tánh kỳ đặc trọn không thể làm tổn hoại. Đại Huệ! Nếu được vô gián mà có sát-na thì thánh nên không phải thánh. Song thánh chưa từng chẳng phải thánh, như kim cương tuy trải nhiều kiếp số mà cân lượng chẳng giảm. Tại sao phàm ngu chẳng rõ lời nói ẩn khuất của ta, đổi tất cả pháp trong ngoài khởi tướng sát-na?

Nói lại Như Lai tàng chứng pháp vô lậu chẳng phải nghĩa sát-na. Kim cương cùng xá-lợi Phật đây là hai tánh kỳ đặc chẳng hoại, để dụ Như Lai tàng chân tánh vô gián chẳng theo các pháp sát-na. Phàm ngu không trí chẳng hiểu kho Như Lai bí mật, cho là đồng với các pháp rồi khởi tướng sát-na, đây là lý do hoại pháp vô vi.

+ CHỈ THỂ GIAN XUẤT THỂ GIAN BA-LA-MẬT CHẴNG LÀ SÁT-NA.

Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Như Thế Tôn nói sáu ba-la-mật đầy đủ được thành chánh giác, những gì là sáu? Phật bảo Đại Huệ: ba-la-mật có ba thứ phân biệt: thể gian, xuất thể gian, xuất thể gian thượng thượng. Đại Huệ! thể gian ba-la-mật là, ngã và ngã sở nhiếp thọ chấp trước, nhiếp thọ hai bên, là chỗ các thứ thọ sanh, ưa sắc thanh hương vị xúc, nên đầy đủ bố thí ba-la-mật, giới, nhẫn, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cũng như thế, phàm phu thân thông và sanh phạm thiên.

Nhân ở trước phát minh nghĩa phi sát-na, ở đây lại hỏi sáu ba-la-mật. Ý bảo, nếu chẳng phải sát-na không nên có sáu thứ, nếu thuộc sát-na thì không nên cho là phi sát-na làm nhân đầy đủ. Ba-la-mật có ba thứ, trước là thể gian. Ngã là người hay thí, ngã sở là vật đem ra thí, nhiếp thọ năng sở tức chẳng lìa hai bên có không. Vì cầu được thọ sanh thù thắng, đây là nhân quả hữu lậu, vốn là việc làm của phàm phu. Thân thông là ngũ thông của nhân thiên vậy.

Đại Huệ! xuất thể gian ba-la-mật là, Thanh văn, Duyên giác rơi vào nhiếp thọ Niết-bàn, hành sáu ba-la-mật thích tự mình được vui Niết-bàn.

Xuất thể gian ba-la-mật tuy không nhiếp thọ nhân quả thể gian mà nhiếp thọ Niết-bàn làm cái vui tự độ, cũng chẳng phải cứu kính.

+CHỈ XUẤT THỂ GIAN THƯỢNG THƯỢNG BA-LA-MẬT CHẴNG PHẢI NGHĨA SÁT-NA.

Xuất thế gian thượng thượng ba-la-mật là, vì giác tự tâm hiện vọng tưởng lượng nhiếp thọ và tự tâm là hai, nên chẳng sanh vọng tưởng. Đối các thú không có phần nhiếp thọ, tự tâm sắc tướng không chấp trước, vì an lạc tất cả chúng sanh khởi bồ thí ba-la-mật. Khởi phương tiện thượng thượng nơi duyên vọng tưởng kia chẳng sanh là giới, ấy là trì giới ba-la-mật. Tức nơi vọng tưởng kia chẳng sanh là nhẫn, biết năng nhiếp sở nhiếp ấy là nhẫn nhục ba-la-mật. Đầu hôm giữa đêm và khuya siêng năng phương tiện tùy thuận tu hành phương tiện vọng tưởng chẳng sanh, ấy là tinh tấn ba-la-mật. Vọng tưởng diệt hết chẳng rơi vào nhiếp thọ Niết-bàn của Thanh văn, ấy là thiền định ba-la-mật. Tự tâm vọng tưởng chẳng phải tánh, trí tuệ quán sát chẳng kẹt hai bên, thân trước càng thù thắng không thể hoại, được tự giác thánh thú, ấy là Bát-nhã (trí tuệ) ba-la-mật.

Thượng thượng ba-la-mật là, giác tự tâm hiện lượng, thấu suốt năng sở vọng tưởng, nơi tự tâm lượng hai không đến nhau. Chỉ do bất giác, giác thì chẳng sanh. Cho nên đối với các thú không có phần nhiếp thọ, sắc tướng ngoài tự tâm không sanh chấp trước. Vì an lạc cho tất cả chúng sanh mà khởi ra bồ thí, nói rằng “đối trị xan tham, cũng hay trị xan tham cho người, tùy thuận tự tánh mà làm bồ thí, ấy là phương tiện thượng thượng. Đến chỗ duyên vọng tưởng chẳng sanh, tùy thuận tánh không ô nhiễm, thành tựu giới độ. Tùy thuận tánh không sân hận, biết năng nhiếp sở nhiếp đều không thể được, thành tựu nhẫn độ. Đầu hôm giữa đêm và khuya tùy thuận tự tánh như thật bản thể, chẳng khởi phân biệt là tinh tấn độ. Đối với tự tánh xưa chẳng sanh tướng khác, chẳng theo Nhị thừa chấp tam-muội còn năng sở, ấy là thiền định độ. Liễu đạt tất cả vọng tưởng không tánh, đối chỗ sở khởi chẳng sanh chướng ngại, đối chỗ không khởi chẳng trụ bản vị, là các thú có không, riêng một không bạn mà trí thân chẳng diệt, lấy đây thành tựu tự giác thánh thú, ấy là Bát-nhã độ. Xét sáu độ này, tại thế gian thuộc về nhân sát-na, cho nên được quả tướng đều thành sát-na, nhân xuất thế tuy chẳng phải sát-na, song xét các tự tánh Niết-bàn không năng thủ sở thủ, nên cũng thuộc về sát-na; duy xuất thế thượng thượng, chỉ một tự tâm, ngoài tự tâm không có sáu độ, thuận tánh khởi dụng, dụng trở về thể, chẳng phải nghĩa sát-na. Đáp ý hỏi, đã đủ ngoài lời nói, có thể do lý đạt được.

+ TỔNG KẾT SÁT-NA PHI SÁT-NA BÌNH ĐẲNG.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Không vô thường sát-na

Kẻ ngu vọng tưởng tạo

Như sông, đèn, hạt giống Mà khởi tướng sát-na.
Sát-na dứt phiền loạn Lặng lẽ lia sở tác
Tất cả pháp chẳng sanh Ta nói nghĩa sát-na.

Hai bài kệ này nói về lý do Như Lai nói sát-na, vì chỉ kẻ ngu vọng tưởng hữu vi, bảo như dòng sông, ngọn đèn, hạt giống chóng hoại, bởi muốn kia khởi tướng sát-na. Nếu đạt sát-na thì phiền não tự dứt, được chỗ lặng lẽ, xa lia vọng tưởng. Mới biết tất cả pháp thủy duy tâm hiện không có tự tánh, hiện thân là vô sanh. Đây là lý do Như Lai nói nghĩa sát-na.

Vật sanh thì có diệt
Vô gián tương tục tánh
Vô minh làm nhân kia
Tâm ắt từ kia sanh
Cho đến sắc chưa sanh
Chẳng vì kẻ ngu nói
Chỗ huân của vọng tưởng.
Trung gian có phần gì?

Vật sanh thì có diệt là, vật mới sanh liền diệt. Chẳng rõ Như Lai tàng đệ nhất nghĩa để nên gọi là vô minh. Vô minh bất giác vọng động thành nghiệp, nên gọi là mới sanh. Bởi bất giác vọng động nên sanh không có tánh sanh, không sanh liền đó diệt vậy. Kẻ ngu chẳng rõ chỗ này mà làm vô gián tương tục, đây là chỗ huân của vô minh vọng tưởng. Vô minh làm nhân nên vọng tâm y khởi, ngược dòng vô minh vọng động khi chưa gá với sắc, rõ ràng không có chỗ tựa, liền tỉnh ngộ mà biết sẽ không trôi đến niệm thứ hai.

Tương tục thứ lớp diệt Các tâm theo kia sanh
Khi chẳng trụ nơi sắc Duyên chỗ nào mà sanh?
Vì từ kia nên sanh Không như thật nhân sanh
Tại sao không chỗ thành Mà biết sát-na hoại?

Đây lại nói vô gián tương tục thật không có sanh, bởi không như thật sanh, tức diệt cũng không thể được. Bởi vì tâm tương tục liền sanh liền diệt, nhân duyên nhóm họp tâm khác lại sanh, nhân duyên chưa hội thì sanh gá ở chỗ nào? Nếu bảo tức từ tâm kia, song tâm kia hư vọng do bất giác khởi ra, thể sanh đã chẳng thành thì diệt lại hoại cái gì? Nên

nói chẳng được chỗ diệt kia. Cho nên biết, sanh vốn không nhân, diệt cũng không đợi, chính nơi chỗ này được gốc vô sanh, tự tánh lặng lẽ vậy.

Người tu được chánh định
Kim cang, xá-lợi Phật
Cung điện Quang Âm thiên
Thế gian việc chẳng hoại
Trụ nơi chánh pháp được
Như lai trí đầy đủ
Tỳ-kheo được bình đẳng
Làm sao thấy sát-na?
Cần-thất-bà huyễn thấy
Sắc không có sát-na
Nơi sắc thấy chẳng thật
Xem đó dường chân thật.

Đoạn tụng này nói về tập khí vô lậu chẳng phải nghĩa sát-na. Dẫn người tu hành chánh định, kim cang, xá-lợi, cung điện Quang Âm, đây là bốn việc chẳng hoại ở thế gian và xuất thế, để dụ người trụ chánh pháp đã được Như Lai thánh trí, tỳ-kheo bình đẳng là chẳng phải sát-na. Cần-thất-bà huyễn thấy, sắc không có sát-na là, người trụ chánh pháp cho đến chỗ thấy tất cả pháp đều như huyễn v.v... tức nơi sắc cũng không có nghĩa sát-na. Cớ sao chính nơi sắc pháp chẳng thật mà xem dường như chân thật? Đây là lặp lại bác ngoại đạo chấp tứ đại v.v.. là sanh nhân năng tạo.

3- CHỈ PHÁP THÂN CHÂN PHẬT BÌNH ĐẲNG BẢN TẾ PHÁ NGHI LÀ LỖI.

- ĐẠI HUỆ THƯA THỈNH VỀ SÁU CHỖ NGHI.

Bồ-tát Đại Huệ lại bạch Phật: Thế Tôn! Thế Tôn thọ ký cho A-la-hán được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cùng chư Bồ-tát đồng không sai biệt? Tất cả pháp chúng sanh không đến Niết-bàn, ai đến Phật đạo? Từ khi mới được thành Phật cho đến vào Niết-bàn, ở trong khoảng giữa ấy không nói một chữ, cũng không có đối đáp? Vì Như Lai thường định, cũng không suy nghĩ, không xét nét, do hóa Phật hóa làm Phật sự? Cớ sao nói tướng thức sát-na lần lượt hoại? Kim cang lực sĩ thường theo hộ vệ, tại sao

chẳng chỉ thẳng bản tể, mà hiện ma, ma nghiệp, quả báo ác nghiệp, Chiên-giá-ma-nạp, cô gái Tôn Đà Lợi, không bát mà về, ác nghiệp chướng hiện? Tại sao Như Lai được nhất thiết chủng trí, mà chẳng lia các lỗi ấy?

Ý hỏi có sáu nghi vấn. Quyển kinh này cùng các kinh khác nói pháp thân Phật nói cùng Hóa thân nói dường như có khác nhau, nên muốn phát minh. Nghi thứ nhất là, Nhị thừa tự mình Niết-bàn không thể thành Phật, có sao Như Lai vì Nhị thừa thọ ký cùng Bồ-tát không khác? Nghi thứ hai, chúng sanh bởi do vọng tưởng nên chẳng giác tự tâm hiện ra, tại sao Như Lai lại nói tất cả chúng sanh đã Niết-bàn rồi không lại Niết-bàn, đã thành Phật rồi thì ai đến Phật đạo? Nghi thứ ba, Như Lai phân bộ tam thừa, có sao lại nói đê mê ấy thành Phật, đê mê ấy vào Niết-bàn, ở trong khoảng giữa ấy không nói không dạy? Nghi thứ tư, Như Lai nếu thường ở trong định không suy nghĩ không xét nét, thì các hóa Phật làm những việc gì? Nghi thứ năm, tất cả chúng sanh đã thành Phật rồi, có sao lại nói thất thức chẳng lưu chuyển, chẳng phải nhân Niết-bàn sát-na lần lượt hoại? Nghi thứ sáu, Như Lai dựng lập tự thông an trụ bản tể không có chướng ngại, lia các lỗi lầm, có sao lại nói kim cang hộ vệ sao chẳng chỉ thẳng bản tể mà hiện ma, ma nghiệp, quả báo, các thứ lỗi lầm? Ma là Phật ngôi đạo tràng ma quân đến quấy nhiễu. Ma nghiệp là Phật thị hiện trong vương cung mười năm thọ dục. Chiên-giá-ma-nạp là con gái Bà-la-môn dùng chậu gỗ úp trên bụng cột lại để vu báng Phật tư thông với y. Tôn Đà Lợi giết con gái đem chôn trong đất già-lam để vu báng Phật phạm dâm sát. Ở trong thôn Bà-lợi-na, Phật khát thực ôm bát về không và ăn lúa ngựa, đầu lưng đều đau, cây đâm ở chân, hầm lửa, cơm độc, các thứ báo hiện.

- TRỪ NGHI THỌ KÝ A-LA-HÁN.

Phật bảo Đại Huệ: Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Lành thay, Thế Tôn! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Vì vô dư Niết-bàn nói dẫn dụ tiến lên hành hạnh Bồ-tát. Thế giới này và các thế giới khác những người tu Bồ-tát hạnh ưa Niết-bàn của Thanh văn thừa, vì khiến lia Thanh văn thừa tiến đến Đại thừa, nên Hóa Phật thọ ký cho Thanh văn, chẳng phải Pháp Phật. Đại Huệ! Nhân đó nên thọ ký các Thanh văn cùng Bồ-tát không khác. Đại Huệ! Chẳng khác ấy, Thanh văn, Duyên giác chư Phật Như Lai phiền não chướng dứt, một vị giải thoát, chẳng phải trí chướng dứt. Đại Huệ! Trí chướng là thấy pháp vô ngã, thù thắng thanh tịnh. Phiền não

chương là trước tập thấy nhân vô ngã dứt, thất thức diệt, pháp chương giải thoát, thức tàng tập khí cứu kính thanh tịnh.

Đây là đáp nghi vấn thứ nhất về thọ ký cho A-la-hán. Thọ ký cho A-la-hán có ba nghĩa: một, sách tiến Nhị thừa được vô dư Niết-bàn, hai dẫn dụ Nhị thừa phát tâm Bồ-tát, ba chỉ Bồ-tát cõi này và các cõi khác chẳng rơi vào thiên lạc của Nhị thừa. Đây là Hóa Phật quyền dẫn chẳng phải Pháp Phật nói. Lại phân biệt Nhị thừa, Bồ-tát khác cùng chẳng khác, để rõ thật giáo Nhị thừa đoạn phiền não chương đạt được giải thoát cùng Bồ-tát không khác; vì trí chương chưa đoạn nên cùng Bồ-tát khác. Nhị thừa không thấy pháp vô ngã, nên trí chương chẳng đoạn; mà tập khí đã khởi kiến phần của thức thứ bảy chấp ngã, ở trong tam giới tánh nhiếp thủ đã lia, nên phiền não chương đoạn; mà chỗ nương của thất thức là tập khí nội ngã vẫn chưa trừ diệt. Ngã này một phen diệt thức tàng tập khí thân chuyển liền được cứu kính thanh tịnh. Cho nên biết, tam-muội lạc trụ của Thanh văn sẽ được thân tối thắng Như Lai.

- TRỪ NGHI CHẴNG NÓI MỘT CHỮ.

Vì bởi pháp bản trụ trước sau phi tánh

Đây là đáp cái nghi thứ ba không nói một chữ. Bản trụ là bản tánh thường trụ, có Phật hay không Phật pháp nhĩ như thế, không có xưa nay, không có nói dạy, nên nói “trước sau phi tánh”. Chữ tánh tức là pháp. Nghĩa là trước sau chỉ một bản trụ, không có một pháp có thể được.

- TRỪ NGHI KHÔNG SUY XÉT KHÔNG XÉT NÉT.

Vì bốn nguyên vô tận Như Lai không nghĩ không xét, mà diễn nói pháp, vì chánh trí sở hóa, vì niệm chẳng vọng, nên không nghĩ không xét. Vì tứ trụ địa và vô minh trụ địa tập khí đã đoạn, hai thứ phiền não đoạn, lia hai thứ tử, giác nhân pháp vô ngã và đoạn hai chương.

Đây đáp nghi thứ tư không nghĩ không xét. Như Lai không nghĩ không xét mà diễn nói pháp, do chánh trí hóa, chẳng phải vọng niệm hóa. Cho nên tuy Hóa Phật làm ra mà đều lia nghĩ xét, nên nói “Phật dùng một âm diễn nói pháp, chúng sanh tùy loại mỗi loài được hiểu. Song Như Lai thật không có tâm tùy loài, ấy do các loài có duyên mà mỗi loài thấy khác”. Ngũ trụ, hai tử, hai phiền não, hai ngã, hai chương, năm thứ tập này, Như

Lai đoạn đã lâu, nên được thường định không nghĩ. Chỉ do bốn nguyện thị hiện có hóa tác tùy chỗ cảm hiện như trăng trong nước.

- TRỪ NGHI CHÚNG SANH THÀNH PHẬT, THỨC SÁT-NA HOẠI.

Đại Huệ! Tâm ý ý thức nhãn thức v.v... có bảy là nhân tập khí sát-na, lìa phẩm thiện vô lậu, chẳng lại luân chuyển. Đại Huệ! Như Lai tàng là luân chuyển, là nhân khổ vui Niết-bàn, kẻ tuệ không, loạn ý và phàm phu ngu si không thể giác được.

Đây là tổng đáp nghi thứ hai chúng sanh thành Phật và nghi thứ năm thức sát-na hoại. Tâm ý, ý thức, nhãn thức v.v... sở dĩ nói sát-na, vì lấy vô minh tập khí làm nhân, trái với vô lậu giác, vọng chấp là ngã thể. Thể này chẳng thật sát-na biến diệt, chẳng theo lưu chuyển. Thế nên tất cả chúng sanh tuy ở trong sanh tử mà không có sanh tử khá được. Nếu đứng về Như Lai tàng mà nói, tuy hiện lưu chuyển mà có nhân khổ vui Niết-bàn. Phàm phu vọng tưởng chấp trước bị khổ vui che đậy, chẳng biết hay thọ khổ vui cùng hay chứng Niết-bàn tánh nó không hai. Nhị thừa là đối trị phàm phu diệt cái thọ khổ vui, lại bị cái không làm loạn, bỏ nhân khổ vui riêng thủ Niết-bàn, mà chẳng biết tự tánh Niết-bàn, đồng gọi là bất giác. Giác thì liền đó chứng biết, lại không riêng có, thất thức sát-na, chúng sanh thành Phật vốn chẳng ngại nhau. Bản dịch này nói tâm ý ý thức nhãn thức v.v... bảy, còn bản dịch đời Đường thì nói ý và ý thức nhãn thức v.v...bảy, đều nói bảy thức không lưu chuyển. Song bản dịch này kèm nói tâm là riêng để hiển bày Như Lai tàng chẳng hoại chân tướng, nên nói: “chỉ tâm tướng diệt, chẳng phải tâm thể diệt, vì chỉ si diệt tâm tướng theo đó mà diệt”, cũng chẳng phải không có ý chỉ. Tóm lại, thức thứ bảy vốn góp kiến phần của thức thứ tám làm thể, nên nói bảy thức sát-na thì tâm tướng của tám thức sát-na không nói có thể biết. Nói Như Lai tàng phi sát-na mà bảo nhân khổ vui. Phàm thọ khổ vui hẳn do phân biệt. Thế thì sáu thức sát-na cũng tức có nghĩa phi sát-na. Mới biết mê thì chỉ vọng giác làm sát-na, nên nói “Thất thức chẳng luân chuyển”. Ngộ thì chỉ chân tướng phi sát-na, nên nói “Như Lai tàng là nhân khổ vui Niết-bàn”. Mà thật, thất thức tức là bát thức, bát thức tức là ngũ thức, lục thức. Đây hoại và chẳng hoại chung nhau làm nhân, thấy do mê ngộ chẳng phải thật có nhiều thể.

- TRỪ NGHI KIM CANG HỘ VỆ VÀ TẤT CẢ NGHIỆP BÁO.

Đại Huệ! Kim cang lực sĩ theo hộ vệ ấy, là Hóa Phật, chẳng phải chân Như Lai. Đại Huệ! Chân Như Lai lìa tất cả căn lượng, tất cả căn lượng phàm phu, Thanh văn,

Duyên giác và ngoại đạo thấy đều diệt, được hiện pháp lạc, vì trụ vô gián pháp trí nhãn, nên chẳng phải Kim cang lực sĩ hộ vệ. Tất cả Hóa Phật chẳng từ nghiệp sanh. Hóa Phật là, chẳng phải Phật chẳng lìa Phật. Nhân thợ gốm, bánh xe v.v... Chúng sanh tạo ra hình tướng mà nói pháp, chẳng phải chỗ tự thông, nói cảnh giới tự giác.

Đoạn này và đoạn sau đều đáp nghi thứ sáu Kim cang hộ vệ và tất cả nghiệp báo bệnh chung. Chân Phật dựng lập tự thông, chỉ thẳng cảnh giới tự giác cho chúng sanh, lìa tất cả căn lượng phàm phu Nhị thừa, được hiện pháp lạc trụ, trí nhãn vô gián, chẳng phải chỗ Kim cang hộ vệ. Kim cang theo hộ vệ là chỉ Hóa Phật. Hóa Phật duy nương bi nguyện đối hiện sắc thân, như trắng trong nước chẳng phải một chẳng phải khác, chẳng phải từ nghiệp sanh nên không lỗi của nghiệp, tất cả thị hiện thấy vì chúng sanh. Thợ gốm dùng bánh xe, đất nước tạo các món đồ, mỗi món thích hợp với chỗ dùng, để dụ tùy cơ ứng hiện, chẳng phải có tâm tạo.

Lại nữa, Đại Huệ! Kẻ ngu y thất thức thân diệt rồi khởi đoạn kiến, vì chẳng giác thức tàng khởi thường kiến, vì tự vọng tưởng nên chẳng biết bản tế, Tự vọng tưởng tuệ diệt nên được giải thoát. Vì tứ trụ địa, vô minh trụ địa tập khí đoạn hết nên tất cả lỗi đoạn.

Đây cũng đáp về cái nghi thứ sáu, đặc biệt rõ bản tế không có lỗi lầm, vì phàm ngu chẳng giác vọng thấy sai biệt mà thôi. Thất thức thân nếu diệt liền hay liễu đạt bản tế, chẳng khởi đoạn kiến. Đây nói thất thức diệt chính là quán sát lưu chú niệm niệm chẳng dừng, chẳng giác tự tâm nên khởi đoạn kiến. Bản dịch đời Ngụy đời Đường đều nói “lục thức” cũng đồng ý này. Nhân mê Như Lai tàng mà có tàng thức, nếu lìa thức tìm tâm liền thuộc Nhị thừa thiên chân, nếu tức nơi thức cho là tâm lại rơi vào ngoại đạo chấp tác giả. Đây là do chẳng rõ thức tàng lầm là chân thật, tự vọng tưởng thấy, chẳng biết bản tế. Vọng tưởng nếu diệt thì ngũ trụ tập khí một lúc liền đoạn, tức là tất cả lỗi dứt, đâu còn có các thứ nghiệp báo. Cho nên biết mê Như Lai tàng mà làm thức tàng liền tùy thuận vọng tưởng là bản tế sanh tử, chẳng giác chẳng biết. Nếu rõ thức tàng tức Như Lai tàng thì tùy thuận chánh trí là bản tế Niết-bàn, không nhiễm không nhơ. Đã có thị hiện đều vì chúng sanh chẳng phải dựng lập tự thông, cảnh giới tự giác.

- KỆ TỔNG ĐÁP.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Tam thừa cũng phi thừa

Như Lai chẳng diệt mất

Tất cả Phật đã ghi	Nói lia các lỗi ác.
Vì các trí vô gián	Và vô dư Niết-bàn
Dẫn dụ các hạ liệt	Thế nên nói ẩn khuất.
Trí chư Phật đã khởi	Tức phân biệt nói đạo
Các thừa chẳng phải thừa	
Kia ắt phi Niết-bàn.	
Dục sắc hữu và kiến	Nói là tứ trụ địa
Chỗ khởi của ý thức	Nhà thức chỗ ý trụ.
Ý và nhãn thức thấy	Đoạn diệt nói vô thường
Hoặc khởi chấp Niết-bàn	Mà vì nói thường trụ.

Tam thừa cũng phi thừa, Như Lai chẳng diệt mất, chính hai câu này đã đáp hết sáu cái nghi. Nghĩa là Như Lai tự giác không có tướng thừa, chẳng vào Niết-bàn. vốn tự thanh tịnh không có các cấu ác. Nếu hay liễu đạt lại không có nói gì khác. Chúng sanh hạ liệt không tin được chỗ này, nên Như Lai nói có chánh trí, nói có Niết-bàn, trước vì dẫn dụ họ tiến lên, về sau mới chỉ mật ý này. Nghĩa là Như Lai đã được nhất thiết chủng trí phân bộ diễn nói, lại không có ý chỉ riêng. Chỉ nói chẳng phải thừa và chẳng phải Niết-bàn khiến họ tự tin tự chứng mà thôi. Nếu chỉ đoạn diệt tứ trụ nói là Niết-bàn thì đây không phải thường trụ. Như Lai nói chẳng phải thừa chẳng phải Niết-bàn, bản tánh thanh tịnh thường tự tịch diệt, nên nói thường trụ. Ý thứ bảy y thức thứ tám mà khởi, tức do thức thứ tám mà trụ, chẳng lấy thức thể chuyển biến làm cứu kính, mà lấy ý, ý thức và năm căn thức tạm thấy dừng diệt, khởi tướng Niết-bàn, đồng với đoạn diệt, chỉ tăng trưởng tà kiến.

4 - CHỈ NHƯ LAI CHÁNH NHÂN CHÁNH QUẢ CỨU KÍNH THANH TỊNH.

- ĐẠI HUỆ THỈNH HỎI TỘI PHƯỚC ĂN THỊT VÀ CHẴNG ĂN THỊT.

Bồ-tát Đại Huệ dùng kệ hỏi Phật:

Chư Bồ-tát kia thấy	Chí cầu Phật đạo ấy
Rượu thịt cùng với hành	Ăn uống là thế nào?
Cúi mong Vô thượng tôn	Thương xót vì diễn nói.
Kẻ ngu chỗ tham đắm	Nhờ hôi không tốt đẹp

Chỗ ưa thịt cợn soi	Làm sao mà nên ăn?
Kẻ ăn sanh các lỗi	Chẳng ăn là phước lành
Cúi xin vì con nói	Tội phước ăn chẳng ăn.

Bồ-tát Đại Huệ nói kệ hỏi rồi, lại bạch Phật: Cúi mong Thế Tôn vì chúng con nói lỗi ác ăn thịt và công đức chẳng ăn thịt. Con và chư Bồ-tát ở hiện tại vị lai sẽ vì chúng sanh có các thứ hy vọng ăn thịt phân biệt nói pháp, khiến chúng sanh kia từ tâm đến nhau, được từ tâm rồi mỗi người nơi trụ địa thanh tịnh sáng tỏ, chóng được cứu kính Vô thượng Bồ-đề. Hàng Thanh văn Duyên giác nơi địa vị của mình dừng nghỉ rồi, cũng được chóng thành Vô thượng Bồ-đề. Các chúng ngoại đạo pháp ác tà luận, tà kiến đoạn thường điên đảo chấp trước, còn có pháp ngăn không cho ăn thịt, huống là Như Lai cứu hộ thế gian, chánh pháp thành tựu mà ăn thịt sao?

Theo cổ chú nói: “Như Lai ở trong cung quý vương nói pháp, các chúng dạ-xoa v.v... nhớ giờ ăn đã đến, chẳng phải thịt thì không ăn được. Đại Huệ vì muốn các quý vương sanh từ tâm, nhân đó thỉnh Như Lai nói lỗi ăn thịt, đây vẫn tùy căn cơ chúng sanh”. Song dùng con đường tu hành chân chánh của Như Lai, ở trong kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm, nghĩa ba thứ lớp rất nên lẫn nhau chứng minh: “Năm mươi ấm ma cho đến thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm minh bạch, ở trong minh ngộ được tánh hư minh, trong ấy bỗng nhiên hướng về chỗ hằng diệt, bác không nhân quả, một bề vào không, không tâm hiện tiền thì có không ma vào trong tạng phủ, bèn chê người trì giới là Tiểu thừa, Bồ-tát ngộ không có gì là trì là phạm. Người ấy thường đến nhà tín tâm đàn-việt uống rượu ăn thịt, rộng làm việc dâm uế. Bởi sức của ma nhiếp phục người ở trước nó chẳng sanh nghi ngờ chê bai. Quý nhập tâm đã lâu, hoặc ăn phần uế cùng rượu thịt như nhau một loại đồng là không, phá luật nghi của Phật, làm vào tội lỗi, mất hết chánh định, sẽ theo trầm luân”. Lời răn dạy của Phật rất thâm nghiêm, người biết pháp phải kính sợ, Ngày nay đã suy muốn xem thường lời dạy ấy. Và lại có người cho thừa gấp giới hoãn để mặc tình miệng dùng, các thứ phá hoại chẳng dừng ăn thịt, là đáng thương vậy. Lại trong Bồ-tát giới nói: “Khởi một niệm sân làm chướng chúng sanh, hay đoạn chủng tánh, cũng như giết ăn”. Người có chí với đạo phải hộ chánh kiến, chớ bị tà mê.

- CHỈ ĂN THỊT NHIỀU LỖI.

Phật bảo Đại Huệ: Lành thay, lành thay! Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ đó, ta sẽ vì ông nói. Đại Huệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Huệ: Có vô lượng nhân duyên không nên ăn thịt. Song nay ta sẽ vì ông lược nói. Nghĩa là tất cả chúng sanh từ trước đến nay nhân duyên lần lượt thường làm lục thân, vì tưởng người thân không nên ăn thịt.

Thường làm lục thân là, đức Phật của chúng ta khuyên người phát tâm từ hiếu nên răn nhắc thiết tha. Song là phật tử vì rõ sâu muôn vật một thể, tuy ở trong loài khác còn nghĩ độ thoát, đâu thể vì thân mạng mình vẫn buông lung miệng bụng, phóng ý giết hại, đã nghe đời trước mà không thể động lòng thương xót ư? Chính hiện tại đồng loại rất thiết tha hòa kính, sao chưa nghĩ về sau mà xem hiện nay? Pháp thời gần cuối, nhóm người học Phật phần nhiều thấy theo quyền thuộc của ma. Rất mong cùng thiên hạ đủ chánh tri kiến kính giữ lời dạy của Phật để làm mẫu mực cho đời sau. Dùng một niệm này ngưỡng đối ba đời Như Lai ở trong đại quang minh.

Thịt lừa, loa, lạc đà, chồn, chó, trâu, ngựa, người, thú v.v... vì người hàng thịt bán lẫn lộn chẳng nên ăn thịt. Vì phần hơi chẳng sạch sanh trưởng, chẳng nên ăn thịt, vì chúng sanh ngửi mùi thấy sanh kinh sợ như Chiên-đà-la và Đam-bà v.v... chó thấy oán ghét sợ hãi sủa vang, chẳng nên ăn thịt.

Bán lẫn lộn là, vì không biện biệt thịt người hay thịt thú máu thịt giống nhau. Chẳng sạch là máu mủ chẳng sạch. Những người sạch sẽ còn chẳng gần gũi hôi tanh, huống là ăn nuốt. Đến như tâm sợ chết thì người vật nào khác. Người quân tử còn có tâm không nỡ làm chúng sanh sợ sệt. Nếu có lòng sát hại còn không thể bì kịp người ngoài đời, huống là có thể xưng pháp khí gánh vác đạo lý sao?

Lại, vì khiến người tu hành từ tâm chẳng sanh, chẳng nên ăn thịt. Vì kẻ phàm ngu tham đắm ăn đồ hôi hám bất tịnh, không được tiếng tốt, chẳng nên ăn thịt. Vì khiến chú thuật không thành tựu, chẳng nên ăn thịt. Vì người sát sanh thấy hình khởi thức đắm trước mùi vị, chẳng nên ăn thịt. Vì người ăn thịt kia chur thiên bỏ đi, không nên ăn thịt, vì khiến miệng hôi hám, không nên ăn thịt. Vì nhiều mộng dữ, không nên ăn thịt. Vì ở trong rừng vắng, cọp sói ngửi mùi, chẳng nên ăn thịt. Vì khiến ăn uống không tiết độ, không nên ăn thịt. Vì khiến người tu hành chẳng sanh nhàm lìa, không nên ăn thịt. Ta thường

nói rằng: Phàm có ăn uống nên khởi tưởng như ăn thịt con, khởi tưởng như uống thuốc, không nên ăn thịt. Cho ăn thịt hẳn là vô lý vậy.

Thấy hình khởi thức đó, hình là hình thịt, thức là thức tâm. Nghĩa là tập lâu hay khiến thức tâm biến đổi, chìm sâu trong ô nhiễm. Chư thiên bỏ đi là, chư thiên không còn sân và trộm, nên bị chư thiên bỏ đi. Khiến người tu hành chẳng sanh nhằm lia là, đệ tử trong pháp của ta, nếu chẳng dứt ăn thịt mà hay khiến tất cả phát tâm tu hành thì họ không sanh tưởng nhằm lia. Phàm có ăn uống là, đối với sự ăn uống khác xa lia tham đắm, còn phải khởi tưởng ăn thịt con, khởi tưởng uống thuốc, đâu lại ăn thịt, hẳn là vô lý.

Lại nữa, Đại Huệ! Thuở xưa có ông vua tên Sư Tử Tô-đà-ta ăn các thứ thịt cho đến thịt người, thần dân chịu không nổi liền sắp mưu phản, dứt hết bổng lộc. Bởi ăn thịt có những lỗi như thế, chẳng nên ăn thịt.

Phàm người sát sanh chịu quả báo ở địa ngục. Ở đây nói hiện đời vẫn thuộc về hiện báo.

Lại nữa, Đại Huệ! Các người sát sanh là vì tài lợi, kẻ hàng thịt sát sanh buôn bán, những chúng sanh ngu si ăn thịt kia lấy tiền làm lưới mà bắt các thứ thịt. Người sát sanh hoặc do tài vật, hoặc dùng câu lưới bắt những chúng sanh thủy lục không hành, các thứ giết hại đem bán cầu lợi. Đại Huệ! Cũng không có chẳng dạy chẳng cầu chẳng tưởng mà có thịt cá. Bởi những nghĩa ấy chẳng nên ăn thịt.

Không có chẳng dạy chẳng cầu chẳng tưởng là, ở đời có người ăn thịt mới có người bán thịt, tức là dạy người khác giết. Dùng tiền của để lưới các thứ thịt là cầu, thấy hình khởi thức là tưởng. Chưa bao giờ có trừ ba thứ ấy mà được thịt cá, nên chẳng ưng ăn thịt.

- CHỈ THẬT NGHĨA KINH NÀY TẤT CẢ THẢY DỨT.

Đại Huệ! Ta có khi nói ngăn năm thứ thịt, hoặc cấm mười thứ. Nay ở kinh này tất cả thứ, tất cả thời loại bỏ phương tiện, tất cả thảy đều dứt. Đại Huệ! Như Lai ứng cúng đấng chánh giác còn không có ăn, huống là ăn thịt, cũng không dạy người. Bởi lòng đại bi đi trước nên xem tất cả chúng sanh ví như con một, thế nên chẳng cho được ăn thịt con.

Năm thứ thịt là, chẳng nghe, chẳng thấy, chẳng nghi, chim ăn còn dư, tự chết. Cấm mười thứ là, thịt người, rắn, voi, ngựa, lừa, chồn, heo, chó, sư tử, khỉ. Hai thứ này khai hay ngăn, khi đức Thế Tôn mới thành Phật vì cơ duyên chưa thuần thực, vì lòng thương

xót quyền cho được ăn, song đều do thần lực hóa ra không có sanh mạng, đến trong kinh này mới bày nghĩa thật, tất cả thấy dứt vậy. Xem tất cả chúng sanh như con một nên chẳng cho ăn thịt con. Thế Tôn dạy người lấy đồng thể làm thiết yếu, đáng gọi là đến cùng tốt. Song dùng lý luận thì đồng một bản trụ hình mạo tuy khác mà tri giác là đồng, người chẳng đến nổi mê say vẫn nên xét kỹ.

- TỔNG KẾT CHỈ RÕ TU HÀNH LỖI LÀM.

Khi ấy, Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này nên nói kệ:

Thấy từng làm thân thuộc	Thô như lẫn bất tịnh
Do bất tịnh sanh trường	Nghe mùi thấy kinh sợ.
Tất cả thịt cùng hành	Và các thứ tởi nén
Các thứ rượu buồng lung	Tu hành thường xa lìa.
Cũng thường lìa dầu mè	Cùng các giường thùng lỗ
Bởi các trùng nhỏ kia	Ở trong rất sợ hãi.

Hành họ tởi nén ăn sống thì sanh sâu, ăn chín thì tham dâm, nên phải đồng dứt. Cổ chú nói: “Phong tục ngoại quốc dâm mè chờ đến có trùng, hoặc cùng Trung Hoa khác vậy”. Giường có lỗ hở có nhiều trùng ẩn, nằm ngồi nó kinh sợ, Phật từ bi đến thế, ta đâu không sanh hổ thẹn.

Ăn uống sanh buồng lung	Buông lung sanh vọng giác.
Từ giác sanh tham dục	
Thế nên chẳng ưng ăn	
Do ăn sanh tham dục	Tham khiến tâm say mê.
Say mê lớn ái dục	Sanh tử không giải thoát.

Đây xét các thứ ăn uống khác, nếu tham đắm mùi vị đều hay khiến người thân tâm buồng lung, nhiều thứ giác tưởng, tốt đến tham dục say mê triền miên sanh tử. Chỉ do miệng bụng một niệm theo tình, nhân nhỏ mà quả to, đâu không dè dặt ư?

Vì lợi giết chúng sanh	Dùng của lưới các thịt
Cả hai đều ác nghiệp	Chết đọa ngục khiêu hô.
Nếu không dạy tưởng cầu	Ắt không ba tịnh nhục
Kia đâu không nhân có	Thế nên chẳng ưng ăn.
Các người tu hành kia	Do đó thấy xa lìa

Mười phương Phật Thế Tôn
Lần lượt lại ăn nhau
Hồi như đáng chán ghét
Chỗ sanh thường ngu si.
Nhiều đời làm Chiên-đà
Giống thợ săn Đàm-bà
Hoặc sanh Đà-di-ni
Và các dòng ăn thịt.

La-sát, mèo, chồn thây
Phước Tượng cùng Đại Vân
Và kinh Lăng-già này

Tất cả đều quở trách.
Chết sanh loài hổ lang

Khấp trong ấy sanh ra
Ương-quật-lợi-ma-la
Ta đều cấm ăn thịt.

Đà-di-ni là La-sát nữ. Phước Tượng, Đại Vân, Ương-quật-lợi-ma-la đều là tên kinh.

Chư Phật và Bồ-tát
Ăn rồi không hổ thẹn
Trước nói thấy, nghe, nghi
Vọng tưởng chẳng giác biết
Nhu lỗi tham dục kia
Rượu thịt hành tội nén
Chúng sanh đời vị lai
Rằng đây tịnh không tội
Ăn tưởng như uống thuốc
Biết đủ sanh nhàm lìa
Người an trụ từ tâm
Cọp sói các thú ác
Nếu ăn các máu thịt
Thế nên người tu hành
Ăn thịt không từ tuệ
Và trái biểu tướng thánh
Được sanh dòng Phạm chí

Thanh văn chỗ quở trách
Đòi đòi thường si tối.
Đã dứt tất cả thịt
Nên sanh chỗ ăn thịt.
Chướng ngại giải thoát thánh
Thấy là chướng thánh đạo.
Nơi thịt ngu si nói
Phật cho chúng ta ăn.
Cũng như ăn thịt con
Tu hành hạnh khát thực.
Ta nói thường chán lìa
Hằng nên cùng đi ở.
Chúng sanh ắt kinh sợ.
Từ tâm chẳng ăn thịt
Hằng trái chánh giải thoát
Thế nên chẳng ăn thịt.
Và các chỗ tu hành

Nhà giàu sang trí tuệ

Đây do chẳng ăn thịt.

Chương ngại giải thoát thánh đều là chương thánh đạo. Ăn thịt không từ tâm hằng trái chánh giải thoát. Như Lai lại đôi ba phen thiết tha răn nhắc đều vì người tu hành, nghiêm huấn dạy bảo. Bởi vì Ngài thương đời sau “nói là Đại thừa vô ngại” vọng buông những tà luận và vu khống Như Lai là cho ăn tịnh nhục, làm hoặc loạn kẻ sơ tâm. Một bọn như thế phần nhiều ưa buông lung, không có tâm hổ thẹn, thật là căn bã ở địa ngục. Được sanh dòng Phạm chí và các người tu hành, nhà giàu sang trí tuệ, còn do không ăn thịt thay, phương chi đệ nhất nghĩa giải thoát của Như Lai? Phật ở trong kinh này chỉ thẳng thức tàng tức Như Lai tàng, chỉ một phen liễu đạt thì toàn vọng tức là chân. Chẳng phải cảnh giới của tất cả Nhị thừa và quyền vị Bồ-tát, mà đối với giới đức rất thiết tha răn dạy. Cho nên biết, vô lậu chân tịnh không dung vật khác, trước sau gốc ngọn cứu kính rõ ràng không còn dư sót. Mười phương ba đời tất cả Như Lai đồng một bí mật, đại đạo sáng tỏ như mặt trời, không nên nghi ngờ.